BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.CH_T

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo thạc sĩ năm học 2024-2025
Ngành Thủy văn học
(Áp dụng cho khóa đào tạo CH10)

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	- Đối tượng tuyển sinh: Thực hiện theo Thông tư số 23/2021/TT - BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2021 về việc Ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Nghị quyết số 46 /NQ - HĐTĐHHN ngày 21 tháng 3 năm 2022 của chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. - Tiêu chí tuyển sinh: Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo từng năm.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	*Mục tiêu chung* Mục tiêu của CTĐT thạc sĩ thuỷ văn học là giúp người học làm chủ được các kiến thức thực hành, lý thuyết chuyên sâu về thủy văn và tài nguyên nước; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, số liệu một cách khoa học và tiên tiến; có kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực thủy văn tài nguyên nước; kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức về phát triển nguồn nước, biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai; có năng lực tự thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và chuyển đổi số; có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động thủy văn, tài nguyên nước. có khả năng học tập lên trình độ tiến sĩ. *Mục tiêu cụ thể* Mục tiêu cụ thể của CTĐT như sau: a) Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực thuỷ văn - tài nguyên nước nhằm đáp ứng các yêu cầu xã hội về phát triển bền vững các lưu vực sông theo định hướng quy hoạch liên ngành. b) Đào tạo học viên có có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, số liệu đưa ra nhận định, cảnh báo dự báo; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh về thủy văn tài nguyên nước. c) Đào tạo các học viên có khả năng phát triển công nghệ, công cụ mới, tư duy hệ thống, sáng tạo, phản biện để giải quyết các vấn đề thực tiễn phù hợp với chuẩn

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		quốc tế. d) Đào tạo học viên có khả năng thể hiện sự tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm với cộng đồng xã hội, động cơ học tập suốt đời, đam mê sáng tạo, nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp.
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	- Tổng thời lượng: 60 tín chỉ - Thời gian đào tạo: 1,5 năm - Chương trình đào tạo chi tiết: Bản mô tả Chương trình Đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Thủy văn học năm 2022 (hunre.edu.vn)
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	- Có khả năng học tập, nâng cao trình độ Tiến sĩ.
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	- Cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương có liên quan đến lĩnh vực Thủy văn và Tài nguyên nước. - Các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ hoạt động về lĩnh vực Thủy văn và Tài nguyên nước, phát triển nguồn nước, quản lý thiên thai, biến đổi khí hậu, tài nguyên và môi trường. - Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu trong lĩnh vực Thủy văn và Tài nguyên nước. - Tự thành lập và tổ chức các hoạt động dịch vụ nghiên cứu, sản xuất và tư vấn liên quan đến lĩnh vực Thủy văn và Tài nguyên nước.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.CH_K

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo thạc sĩ năm học 2024-2025
Ngành Khí tượng và Khí hậu học

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Thí sinh xét tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đủ sức khỏe học tập, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, phải đáp ứng các điều kiện sau: 1. Điều kiện về văn bằng Thí sinh xét tuyển đáp ứng yêu cầu sau: a) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc công nhận tốt nghiệp đại học ngành phù hợp (danh sách ngành phù hợp theo quy định của Trường) với ngành xét tuyển; b) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc công nhận tốt nghiệp đại học những ngành phải học bổ sung kiến thức (danh mục những ngành phải học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường). Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành thuộc danh mục những ngành phải học bổ sung kiến thức của Trường phải hoàn thành các môn học bổ sung kiến thức theo quy định. 2. Điều kiện về ngoại ngữ a) Các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ được miễn thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào: - Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành; - Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh hoặc ngành Sư phạm tiếng Anh; - Có một trong các văn bằng, chứng chỉ Tiếng Anh từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam có thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận. b) Nếu thí sinh chưa có văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định thì tham gia thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào do Trường tổ chức. 3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận. 4. Điều kiện sức khỏe đủ điều kiện để học tập. 5. Hồ sơ đăng ký đầy đủ, đúng thời gian quy định.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	***Về Kiến thức*** *Kiến thức chung* - Hiểu được cơ sở lý luận triết học trong nhận thức và vận dụng vào lĩnh vực chuyên ngành. *Kiến thức chuyên môn* - Phân tích được các quá trình động lực học khí quyển từ quy mô vừa đến quy mô lớn để đánh giá được các hiện tượng vật lí xảy ra trong khí quyển; - Phân tích được vai trò của các hoàn lưu khí quyển nhằm giải quyết những bài toán dự báo khí tượng một cách chặt chẽ, logic; - Có khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của ngành khí tượng, bao gồm: dự báo khí tượng (bằng mô hình số, thống kê và synop); đánh giá tài nguyên khí hậu, biến đổi khí hậu và kịch bản biến đổi khí hậu, tác động của biến đổi khí hậu đến một số lĩnh vực cơ bản,... - Đánh giá được những vấn đề khoa học khí tượng cần nghiên cứu để đề xuất nhiệm vụ khoa học công nghệ có tính mới, tính cấp thiết, đáp ứng được nhu cầu phát triển của ngành; ***Về Kỹ năng*** *Kỹ năng chung:* - Cải thiện kỹ năng tư duy logic, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phản biện; - Đạt trình độ tiếng Anh bậc 4 theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 27 của Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ (Tương đương bậc B2 theo khung tham chiếu chung Châu Âu). *Kỹ năng chuyên môn* - Có khả năng cảnh báo, dự báo và phát bản các tin thời tiết hạn cực ngắn, hạn ngắn, hạn vừa, hạn dài bằng các phương pháp dự báo, công cụ dự báo cũng như các nguồn thông tin hiện có cho mục đích phục vụ và dịch vụ. - Có khả năng dự báo, biên tập được bản tin dự báo, dự tính khí hậu bằng các nguồn số liệu, thông tin và công nghệ hiện có. - Vận dụng được các công cụ, phần mềm chuyên ngành, các mô hình số, các công nghệ hiện đại,... vào chuyên môn, nghiệp vụ và nghiên cứu khí tượng; - Có khả năng đề xuất và thực hiện các nhiệm vụ khoa học

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		công nghệ thiết thực, có hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu phát triển của ngành Khí tượng Thủy văn. Tiếp cận tri thức và ứng dụng công nghệ tiến tiến, hiện đại nhằm đạt hiệu quả cao trong công tác khí tượng và khí hậu học. - Có khả năng tham gia thực hiện và đánh giá các dịch vụ khí hậu cho các ngành kinh tế quốc dân theo đúng pháp luật. ***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*** - Có kĩ năng bao quát vấn đề, khả năng phân tích, tổng hợp các thông tin liên quan đến công tác nghiệp vụ và quản lí nhà nước về khí tượng và khí hậu học, khả năng tìm kiếm và xử lí thông tin trong lĩnh vực khí tượng và khí hậu học. - Có khả năng hoàn thành các công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; có kĩ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới; có khả năng phối kết hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra. - Định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; hoàn thiện và phát triển các kiến thức nhằm nâng cao năng lực bản thân và vận dụng vào công tác chuyên môn trong lĩnh vực khí tượng khí hậu. - Điều hành, phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn của ngành khí tượng khí hậu.
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	- Tổng thời lượng: 60 tín chỉ - Thời gian đào tạo: 1,5 năm - Chương trình đào tạo chi tiết: Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành khí tượng và khí hậu học năm 2022
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Tiếp tục học tập lên trình độ Tiến sĩ
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	- Cơ quan Trung ương và địa phương thuộc Tổng cục Khí tượng Thủy văn như Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, Đài Khí tượng cao không, Trung tâm Thông tin và Dữ liệu KTTV, Các Đài Khí tượng Thủy văn Khu vực, Trung tâm ứng dụng công nghệ KTTV, Liên đoàn khảo sát KTTV, Trung tâm quan trắc KTTV,… - Các viện nghiên cứu như viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Quy hoạch thủy lợi,.. - Các trường đào tạo ngành khí tượng và thủy văn như Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh,...

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		- Các đơn vị như: Quân chủng Phòng không – Không quân; Quân chủng Hải quân; Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam - Các cơ quan truyền thông Trung ương và địa phương, sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. - Các công ty tư nhân chuyên dự báo khí tượng, thủy văn phục vụ các ngành, địa phương.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.CH_MT

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo thạc sĩ năm học 2024-2025
Ngành Khoa học môi trường

(Áp dụng cho khóa đào tạo CH10)

<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Thông tin công khai</th></tr>
<tr><td>I</td><td>Điều kiện đăng ký tuyển sinh</td><td>
Thí sinh xét tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đủ sức khỏe học tập, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, phải đáp ứng các điều kiện sau:
3.2.1. Điều kiện về văn bằng
Thí sinh xét tuyển đáp ứng yêu cầu sau:
a) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc công nhận tốt nghiệp đại học ngành phù hợp (danh sách ngành phù hợp theo quy định của Trường) với ngành xét tuyển;
b) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc công nhận tốt nghiệp đại học những ngành phải học bổ sung kiến thức (danh mục những ngành phải học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường). Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành thuộc danh mục những ngành phải học bổ sung kiến thức của Trường phải hoàn thành các môn học bổ sung kiến thức theo quy định.
3.2.2. Điều kiện về ngoại ngữ
a) Các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ được miễn thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào:
- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh hoặc ngành Sư phạm tiếng Anh;
- Có một trong các văn bằng, chứng chỉ Tiếng Anh từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo bảng tham chiếu quy đổi dưới đây) có thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.
Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
<table>
<tr><th rowspan="2">Ngôn ngữ</th><th rowspan="2">Chứng chỉ/ Văn bằng</th><th colspan="2">Trình độ/Thang điểm</th></tr>
<tr><th>Tương đương Bậc 3</th><th>Tương đương Bậc 4</th></tr>
<tr><td rowspan="3"></td><td>TOEFL iBT</td><td>30-45</td><td>46-93</td></tr>
<tr><td>TOEFL ITP</td><td>450-499</td><td></td></tr>
<tr><td>IELTS</td><td>4.0 - 5.0</td><td>5.5 -6.5</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Thông tin công khai</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td rowspan="2">Tiếng Anh</td><td>Cambridge Assessment English</td><td>B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159</td><td>B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179</td></tr>
<tr><td>TOEIC (4 kỹ năng)</td><td>Nghe: 275-399
Đọc: 275-384
Nói: 120-159
Viết: 120-149</td><td>Nghe: 400-489
Đọc: 385-454
Nói: 160-179
Viết: 150-179</td></tr>
</table>
b) Nếu thí sinh chưa có văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định thì tham gia kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào do Trường tổ chức.
3.2.3. Lý lịch: Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
3.2.4. Điều kiện sức khỏe: Có đủ sức khỏe để học tập.
3.2.5. Hồ sơ: Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời gian quy định.
</td></tr>
<tr><td>II</td><td>Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được</td><td>
1. Kiến thức
* Kiến thức chung
(2.1.1) Hiểu được cơ sở lý luận triết học trong nhận thức và vận dụng vào lĩnh vực chuyên ngành. Kỹ năng Tiếng Anh: Đạt chuẩn bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B2 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra học viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt một trong các chứng chỉ tương đương từ B2 trở lên
* Kiến thức chuyên môn:
(2.1.2) Hiểu được các kiến thức nâng cao về đánh giá, dự báo và kiểm soát môi trường, chiến lược chính sách môi trường, sức khỏe môi trường và hòa giải xung đột môi trường.
(2.1.3) Hiểu được các kiến thức nâng cao về thẩm định và đánh giá công nghệ môi trường.
(2.1.4) Hiểu được các kiến thức nâng cao về ứng dụng sinh thái trong khoa học môi trường.
(2.1.5) Vận dụng được các kiến thức về đánh giá, dự báo và kiểm soát môi trường để phòng ngừa suy thoái, ô nhiễm và ứng phó với các sự cố môi trường.
(2.1.6) Áp dụng được các kiến thức về công nghệ môi trường để xử lý chất thải và phục hồi môi trường.
(2.1.7) Vận dụng được các kiến thức nâng cao để quản lý và bảo tồn đa dạng sinh học.
(2.1.8) Vận dụng các kiến thức vào trong nghiên cứu khoa học, kỹ năng ứng dụng một số phương pháp nghiên cứu Khoa học môi trường và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện được một đề tài khoa học nói chung, thực hiện được luận văn khoa học nói riêng.
</td></tr>
</table>

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		(2.1.9) Vận dụng các kiến thức Tiếng Anh chuyên ngành và Tin học vào trong thực tế để đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành, viết và trình bày báo cáo bằng tiếng Anh, hợp tác với các đối tác quốc tế trong thực hiện nghiên cứu khoa học và các dự án có liên quan mục tiêu; Sử dụng thành thạo một số phần mềm chuyên ngành ứng dụng trong công việc và nghiên cứu khoa học. 2. Kỹ năng * Kỹ năng chung (2.2.1) Thành thạo kỹ năng làm việc nhóm, dẫn dắt chuyên môn, viết được các báo cáo khoa học, báo cáo chuyên ngành về lĩnh vực khoa học môi trường. (2.2.2) Thành thạo việc sử dụng ngoại ngữ, viết được báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; trình bày được rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật bằng ngoại ngữ để hội nhập quốc tế và đáp ứng các yêu cầu của công nghệ 4.0 hiện nay. * Kỹ năng chuyên môn (2.2.3) Chuẩn hóa, lựa chọn được các phương pháp phù hợp để đánh giá, dự báo và kiểm soát môi trường, xử lý môi trường môi trường, quản lý đa dạng sinh học, mô hình hóa và GIS nhằm đề xuất được các phương án giải quyết công việc liên quan đến lĩnh vực khoa học môi trường có tính phức tạp, thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực được đào tạo. (2.2.4) Thành thạo kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng tổ chức, kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực khoa học môi trường. (2.2.5) Kỹ năng tự học, làm việc chăm chỉ, tự tin, thích ứng với công việc và những thay đổi trong công việc, kỹ năng hòa nhập với môi trường và đồng nghiệp, kỹ năng lắng nghe, quan sát, diễn giải nội dung, đặt câu hỏi, đàm phán để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực môi trường. 3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3.1). Hình thành quan điểm nâng cao ý thức, trách nhiệm của bản thân ở mọi lúc, mọi nơi trong việc quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường. (2.3.2) Tiếp thu chủ động các kiến thức, công cụ quản lý, công nghệ mới, giải pháp tiên tiến để áp dụng giải quyết các vấn đề về khoa học môi trường, có khả năng định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn.
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	- Tổng thời lượng: 60 tín chỉ - Thời gian đào tạo: 1,5 năm - Chương trình đào tạo chi tiết: Bản mô tả CTĐT Thạc sĩ chuyên ngành Khoa học môi trường áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau	Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn lên trình độ cao hơn

TT	Nội dung	Thông tin công khai
	khi ra trường	
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	Người học sau tốt nghiệp có khả năng học tập lên trình độ tiên sĩ, làm cho các cơ quan nhà nước, tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, ...

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024
TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.CH_TĐ

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo thạc sĩ năm học 2024 - 2025
Ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ

(Áp dụng cho khóa đào tạo CH10)

<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Thông tin công khai</th></tr>
<tr><td>I</td><td>Điều kiện đăng ký tuyển sinh</td><td>
Thí sinh xét tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đủ sức khỏe học tập, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, phải đáp ứng các điều kiện sau:
3.2.1. Điều kiện về văn bằng
Thí sinh xét tuyển đáp ứng yêu cầu sau:
a) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc công nhận tốt nghiệp đại học ngành phù hợp (danh sách ngành phù hợp theo quy định của Trường) với ngành xét tuyển;
b) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc công nhận tốt nghiệp đại học những ngành phải học bổ sung kiến thức (danh mục những ngành phải học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường). Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành thuộc danh mục những ngành phải học bổ sung kiến thức của Trường phải hoàn thành các môn học bổ sung kiến thức theo quy định.
3.2.2. Điều kiện về ngoại ngữ
a) Các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ được miễn thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào:
- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh hoặc ngành Sư phạm tiếng Anh;
- Có một trong các văn bằng, chứng chỉ Tiếng Anh từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo bảng tham chiếu quy đổi dưới đây) có thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.
Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
<table>
<tr><th rowspan="2">Ngôn ngữ</th><th rowspan="2">Chứng chỉ/ Văn bằng</th><th colspan="2">Trình độ/Thang điểm</th></tr>
<tr><th>Tương đương Bậc 3</th><th>Tương đương Bậc 4</th></tr>
<tr><td></td><td>TOEFL iBT</td><td>30-45</td><td>46-93</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Thông tin công khai</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td rowspan="4">Tiếng Anh</td><td>TOEFL ITP</td><td>450-499</td><td></td></tr>
<tr><td>IELTS</td><td>4.0 - 5.0</td><td>5.5 -6.5</td></tr>
<tr><td>Cambridge Assessment English</td><td>B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159</td><td>B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179</td></tr>
<tr><td>TOEIC (4 kỹ năng)</td><td>Nghe: 275-399
Đọc: 275-384
Nói: 120-159
Viết: 120-149</td><td>Nghe: 400-489
Đọc: 385-454
Nói: 160-179
Viết: 150-179</td></tr>
</table>
b) Nếu thí sinh chưa có văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định thì tham gia kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào do Trường tổ chức.
3.2.3. Lý lịch: Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
3.2.4. Điều kiện sức khỏe: Có đủ sức khỏe để học tập.
3.2.5. Hồ sơ: Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời gian quy định.
</td></tr>
<tr><td>II</td><td>Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được</td><td>Đào tạo Thạc sĩ có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Trắc địa – Bản đồ. Người học có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn trong ngành Trắc địa - Bản đồ; có năng lực giải quyết tình huống phức tạp trong thực tiễn, đề xuất những sáng kiến, ý tưởng có giá trị về chuyên môn Trắc địa - Bản đồ; xây dựng và thẩm định đề tài, dự án, chương trình trong ngành Trắc địa - Bản đồ
Ngoại ngữ: Đạt chuẩn bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B2 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra học viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt một trong các chứng chỉ tương đương từ B2 trở lên</td></tr>
<tr><td>III</td><td>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện</td><td>- Tổng thời lượng: 60 Tín chỉ
- Thời gian đào tạo: 1,5 năm đến 02 năm
- Chương trình đào tạo chi tiết:
Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ năm 2022</td></tr>
<tr><td>IV</td><td>Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường</td><td>Có khả năng học tập và nghiên cứu để được cấp bằng tiến sĩ</td></tr>
<tr><td>V</td><td>Vị trí làm sau khi tốt nghiệp</td><td>Học viên tốt nghiệp ngành Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ có khả năng:
- Làm việc tại các Cơ quan quản lý Nhà nước từ trung ương đến địa</td></tr>
</table>

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		phương có liên quan đến lĩnh vực Trắc địa - Bản đồ; - Làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ hoạt động về lĩnh vực đo đạc địa hình, địa chính, xây dựng, giao thông, định vị dẫn đường, xây dựng cơ sở dữ liệu không gian; - Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu trong lĩnh vực Trắc địa, Bản đồ; - Tự thành lập và tổ chức các hoạt động dịch vụ nghiên cứu, sản xuất và tư vấn liên quan đến lĩnh vực Trắc địa - Bản đồ.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.CH_QĐ

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo thạc sĩ năm học 2024-2025
Ngành Quản lý đất đai
(Áp dụng cho khóa đào tạo CH10)

<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Thông tin công khai</th></tr>
<tr><td>I</td><td>Điều kiện đăng ký tuyển sinh</td><td>
Thí sinh xét tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đủ sức khỏe học tập, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, phải đáp ứng các điều kiện sau:
1. Điều kiện về văn bằng
Thí sinh xét tuyển đáp ứng yêu cầu sau:
a) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc công nhận tốt nghiệp đại học ngành phù hợp (danh sách ngành phù hợp theo quy định của Trường) với ngành xét tuyển;
b) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc công nhận tốt nghiệp đại học những ngành phải học bổ sung kiến thức (danh mục những ngành phải học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường). Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành thuộc danh mục những ngành phải học bổ sung kiến thức của Trường phải hoàn thành các môn học bổ sung kiến thức theo quy định.
2. Điều kiện về ngoại ngữ
a) Các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ được miễn thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào:
- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;
- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh hoặc ngành Sư phạm tiếng Anh;
- Có một trong các văn bằng, chứng chỉ Tiếng Anh từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo bảng tham chiếu quy đổi dưới đây) có thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.
Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
<table>
<tr><th rowspan="2">Ngôn ngữ</th><th rowspan="2">Chứng chỉ/ Văn bằng</th><th colspan="2">Trình độ/Thang điểm</th></tr>
<tr><th>Tương đương Bậc 3</th><th>Tương đương Bậc 4</th></tr>
<tr><td rowspan="3"></td><td>TOEFL iBT</td><td>30-45</td><td>46-93</td></tr>
<tr><td>TOEFL ITP</td><td>450-499</td><td></td></tr>
<tr><td>IELTS</td><td>4.0 - 5.0</td><td>5.5 -6.5</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Thông tin công khai</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td>
<table>
<tr><td rowspan="2">Tiếng Anh</td><td>Cambridge Assessment English</td><td>B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159</td><td>B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179</td></tr>
<tr><td>TOEIC (4 kỹ năng)</td><td>Nghe: 275-399
Đọc: 275-384
Nói: 120-159
Viết: 120-149</td><td>Nghe: 400-489
Đọc: 385-454
Nói: 160-179
Viết: 150-179</td></tr>
</table>
b) Nếu thí sinh chưa có văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định thì tham gia kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào do Trường tổ chức.
3. Lý lịch: Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
4. Điều kiện sức khỏe: Có đủ sức khỏe để học tập.
5. Hồ sơ: Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời gian quy định.
</td></tr>
<tr><td>II</td><td>Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được</td><td>
2.1. Kiến thức
* Kiến thức chung:
(2.1.1) Hiểu được cơ sở lý luận triết học trong nhận thức và vận dụng vào lĩnh vực chuyên ngành
* Kiến thức chuyên môn:
(2.1.2) Áp dụng các kiến thức cơ sở chuyên ngành và ngoại ngữ để tư duy, phân tích, đánh giá nhu cầu xã hội cùng góp phần với các cơ quan quản lý nhà nước trong xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật đất đai, xây dựng chiến lược phát triển quản lý và sử dụng đất, đề xuất các chương trình, dự án cho các nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý đất đai. Phân biệt, giải thích và áp dụng được những quy định của chính sách pháp luật đất đai vào giải quyết và đề xuất các nhiệm vụ chuyên môn trong ngành quản lý đất đai.
(2.1.3) Phân tích kiến thức chuyên sâu về điều tra đánh giá tài nguyên đất đai từ đó đề xuất định hướng quản lý, sử dụng đất hợp lý, hiệu quả và bảo vệ môi trường.
(2.1.4) Phân tích và đánh giá được những vấn đề liên quan và các vấn đề phát sinh đến kinh tế đất, tài chính đất đai, định giá đất và thị trường bất động sản.
(2.1.5) Đánh giá, khai thác công nghệ hiện đại trong quản lý đất đai phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, xây dựng bản đồ chuyên đề các loại về quản lý đất đai; theo dõi, giám sát quản lý sử dụng đất; lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai.
2.2. Kỹ năng
* Kỹ năng chung
(2.2.1) Cải thiện kỹ năng tư duy logic, kỹ năng thuyết trình, phản biện nhóm vào thực tiễn.
(2.2.2) Kỹ năng Tiếng Anh: Đạt chuẩn bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B2 theo
</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Thông tin công khai</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td>khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt một trong các chứng chỉ tương đương từ B2 trở lên theo bảng quy đổi sau:
<table>
<tr><th>Cấp độ (CEFR)</th><th>IELTS</th><th>TOEFL</th><th>TOEIC</th><th>Cambridge Exam</th><th>BEC</th><th>BU</th></tr>
<tr><td>4/6 (Khung VN)</td><td>5.5</td><td>500 PBT
173 CBT
61 iBT</td><td>600</td><td>First
FCE</td><td>Busines
Vantage</td><td></td></tr>
</table>
* Kỹ năng chuyên môn
(2.2.3) Chuẩn hóa, đánh giá và nghiên cứu độc lập để đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề về kinh tế, xã hội, kỹ thuật trong lĩnh vực quản lý đất đai và tài nguyên môi trường. Phân tích và đánh giá được chính xác các công việc liên quan đến thực tiễn công tác Quản lý đất đai.
(2.2.4) Thành thạo kỹ năng chuyên sâu trong ngành Quản lý đất đai: Tham gia thực hiện, tư vấn trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch nông nghiệp; giá đất, thẩm định giá đất và bất động sản, thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất và lập dự án trong lĩnh vực quản lý đất đai; ứng dụng trong xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai
(2.2.5) Có khả năng sử dụng thiết kế, xây dựng, khai thác, chia sẻ các công nghệ và phương tiện hiện đại trong lĩnh vực quản lý đất đai.
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm
(2.3.1) Có tinh thần cầu thị, cởi mở, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cao;
(2.3.2) Có thái độ, ý thức xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tích cực và làm việc theo hiến pháp và pháp luật;
(2.3.3) Hình thành quan điểm, lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật, hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp.
(2.3.4) Tiếp thu chủ động định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; hoàn thiện và phát triển các kiến thức nhằm nâng cao năng lực bản thân và vận dụng vào công tác chuyên môn trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất.
(2.3.5) Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành quản lý đất đai và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, năng lực dẫn dắt chuyên môn;
(2.3.6) Có sáng kiến trong xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề phát sinh trong thực tế.</td></tr>
<tr><td>III</td><td>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực</td><td>- Tổng thời lượng: 60 Tín chỉ
- Thời gian đào tạo:</td></tr>
</table>

TT	Nội dung	Thông tin công khai
	hiện	+ 1,5 năm (đối với hình thức chính quy) + 2 năm (đối với hình thức vừa làm vừa học) - Chương trình đào tạo chi tiết: Bản mô tả Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Quản lý Đất đai năm 2022
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	- Cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương có liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai và các ngành gần. - Các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ, các đơn vị sự nghiệp hoạt động về lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai, tài nguyên và môi trường, khoa học đất… - Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu về quản lý và sử dụng đất đai, tài nguyên và môi trường, khoa học đất. - Tự thành lập và tổ chức các hoạt động dịch vụ nghiên cứu, sản xuất và tư vấn liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.CH_QM

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo thạc sĩ năm học 2024-2025
Ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường

(Áp dụng cho khóa đào tạo CH10)

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Thí sinh xét tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đủ sức khỏe học tập, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, phải đáp ứng các điều kiện sau: 3.2.1. Điều kiện về văn bằng Thí sinh xét tuyển đáp ứng yêu cầu sau: a) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc công nhận tốt nghiệp đại học ngành phù hợp (danh sách ngành phù hợp theo quy định của Trường) với ngành xét tuyển; b) Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc công nhận tốt nghiệp đại học những ngành phải học bổ sung kiến thức (danh mục những ngành phải học bổ sung kiến thức theo quy định của Trường). Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành thuộc danh mục những ngành phải học bổ sung kiến thức của Trường phải hoàn thành các môn học bổ sung kiến thức theo quy định. 3.2.2. Điều kiện về ngoại ngữ a) Các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ được miễn thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào: - Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành; - Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh hoặc ngành Sư phạm tiếng Anh; - Có một trong các văn bằng, chứng chỉ Tiếng Anh từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo bảng tham chiếu quy đổi dưới đây) có thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Thông tin công khai</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td>Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
<table>
<tr><th rowspan="2">Ngôn ngữ</th><th rowspan="2">Chứng chỉ/ Văn bằng</th><th colspan="2">Trình độ/Thang điểm</th></tr>
<tr><th>Tương đương Bậc 3</th><th>Tương đương Bậc 4</th></tr>
<tr><td rowspan="5">Tiếng Anh</td><td>TOEFL iBT</td><td>30-45</td><td>46-93</td></tr>
<tr><td>TOEFL ITP</td><td>450-499</td><td></td></tr>
<tr><td>IELTS</td><td>4.0 - 5.0</td><td>5.5 -6.5</td></tr>
<tr><td>Cambridge Assessment English</td><td>B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159</td><td>B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179</td></tr>
<tr><td>TOEIC (4 kỹ năng)</td><td>Nghe: 275-399
Đọc: 275-384
Nói: 120-159
Viết: 120-149</td><td>Nghe: 400-489
Đọc: 385-454
Nói: 160-179
Viết: 150-179</td></tr>
</table>
b) Nếu thí sinh chưa có văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định thì tham gia kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào do Trường tổ chức.
3.2.3. Lý lịch: Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
3.2.4. Điều kiện sức khỏe: Có đủ sức khỏe để học tập.
3.2.5. Hồ sơ: Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời gian quy định.</td></tr>
<tr><td>II</td><td>Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được</td><td>2.1. Kiến thức
* Kiến thức chung:
(2.1.1) Hiểu được cơ sở lý luận triết học trong nhận thức và vận dụng vào lĩnh vực chuyên ngành
(2.1.2) Ngoại ngữ: Đạt chuẩn bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B2 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra học viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt một trong các chứng chỉ tương đương từ B2 trở lên theo bảng quy đổi sau:
* Kiến thức chuyên môn:
(2.1.3) Hiểu được các kiến thức liên quan đến phân tích đánh giá chính sách tài nguyên và môi trường, quản lý chiến lược tài</td></tr>
</table>

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		nguyên và môi trường. (2.1.4) Hiểu được các kiến thức về quản lý tổng hợp chất lượng môi trường (nước, không khí, đất); Quản lý tổng hợp chất thải rắn. (2.1.5) Hiểu được các kiến thức về quản lý tài nguyên, quản lý di sản thiên nhiên, các khu bảo tồn, quản lý đa dạng sinh học. (2.1.6) Áp dụng các kiến thức liên quan phân tích đánh giá chính sách tài nguyên và môi trường, quản lý chiến lược tài nguyên và môi trường để quản lý tài nguyên và môi trường. (2.1.7) Ứng dụng các kiến thức về quản lý tổng hợp chất lượng môi trường (nước, không khí, đất); Quản lý tổng hợp chất thải rắn để quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên và môi trường. (2.1.8) Vận dụng các kiến thức về quản lý tài nguyên, quản lý di sản thiên nhiên, các khu bảo tồn, quản lý đa dạng sinh học công cụ để quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường. Kỹ năng Sau khi ra trường, người học có các kỹ năng: * Kỹ năng chung: (2.2.1) Tổ chức phối hợp thành thạo trong làm việc nhóm và dẫn dắt chuyên môn trong quản lý và nghiên cứu khoa học; (2.2.2) Thành thạo việc sử dụng ngoại ngữ, viết được báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; trình bày được rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật bằng ngoại ngữ để hội nhập quốc tế và đáp ứng các yêu cầu của công nghệ 4.0 hiện nay. * Kỹ năng chuyên môn: (2.2.3) Sử dụng các kiến thức chuyên môn về chính sách, pháp luật và các nguyên tắc trong quản lý để xử lý các công việc đặc thù trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường; (2.2.4) Thành thạo kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng tổ chức, kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường. (2.2.5) Vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong nghiên cứu, độc lập, sáng tạo để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới trong quản lý tài nguyên và môi trường; (2.2.6) Sắp xếp và thực hiện thành công việc đàm phán để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường; Năng lực tự chủ và trách nhiệm (2.3.1) Hình thành quan điểm nâng cao ý thức, trách nhiệm của bản thân ở mọi lúc, mọi nơi trong việc quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường; Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường; (2.3.2) Tiếp thu chủ động các kiến thức, công nghệ mới, giải pháp tiên tiến; Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về các vấn đề trong quản lý tài nguyên và môi trường.
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực	- Tổng thời lượng: 60 tín chỉ - Thời gian đào tạo: 1,5 năm

TT	Nội dung	Thông tin công khai
	hiện	- Chương trình đào tạo chi tiết: https://moitruong.hunre.edu.vn/dao-tao-thac-sy-nganh-quan-ly-tai-nguyen-va-moi-truong.html
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn lên trình độ cao hơn
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	- Cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương có liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Ban quản lý các khu công nghiệp; khu bảo tồn thiên nhiên, khu di sản thiên nhiên, tổ chức dịch vụ tư vấn về quản lý tài nguyên và môi trường, các đơn vị sản xuất kinh doanh; các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ; - Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu trong lĩnh vực môi trường. - Tự thành lập và tổ chức các hoạt động dịch vụ nghiên cứu, sản xuất và tư vấn liên quan đến lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_LA

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024-2025
Ngành Luật

<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Thông tin công khai</th></tr>
<tr><td>I</td><td>Điều kiện đăng ký tuyển sinh</td><td>Điều kiện đăng ký tuyển sinh:
- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT).
- Đạt ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.</td></tr>
<tr><td>II</td><td>Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được</td><td>Kiến thức: Sau khi tốt nghiệp ra trường, người học có khả năng:
* Kiến thức chung:
+ Hiểu được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh Quốc phòng.
+ Hiểu được những kiến thức trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên ngành.
* Kiến thức chuyên môn:
+ Vận dụng các kiến thức nền tảng về Lý luận Nhà nước và pháp luật để phân tích và đánh giá các quy định pháp luật trong các ngành luật như Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Lao động, Luật Đất đai, Luật Hành chính, Luật Kinh tế,…
+ Hệ thống hóa những kiến thức đã học và áp dụng để giải quyết những tình huống pháp luật xảy ra trong thực tiễn.
+ Vận dụng các kiến thức tổng hợp đã học để quản lý và thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực pháp luật.
+ Kiến thức Tiếng Anh: Đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt một trong các chứng chỉ tương đương từ B1 trở lên theo bảng quy đổi sau: Khung tham chiếu
<table>
<tr><td>Khung tham chiếu CEFR</td><td>IELTS</td><td>TOEIC</td><td>TOEFL ITP</td><td>TOEFL CBT</td><td>TOEFL IBT</td><td>Cambridge Tests</td><td>Chuẩn Việt Nam</td></tr>
<tr><td>B1</td><td>4.5</td><td>450</td><td>450</td><td>133</td><td>45</td><td>PET</td><td>3</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		+ Kiến thức Tin học: Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. *** Kỹ năng Sau khi tốt nghiệp ra trường, người học có các kỹ năng**: **- *Kỹ năng chung***: + Có khả năng vận dụng thành thạo và đánh giá được các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách pháp luật của Nhà nước trong một số lĩnh vực như: hình sự, dân sự, đất đai, hành chính, thương mại, … + Có khả năng tìm kiếm các văn bản pháp luật và sử dụng thành thạo văn bản pháp luật. **- *Kỹ năng chuyên môn***: + Có khả năng tư vấn pháp luật, tham gia các phiên tòa, giải quyết các vụ án, vụ việc một cách hiệu quả; tư vấn ký kết các loại hợp đồng; vụ việc phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước thuộc các cơ quan quản lý nhà nước nói chung và đặc biệt là cơ quan quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường nói riêng. + Có kĩ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá và kết hợp các kĩ năng trong việc giải quyết các tình huống cụ thể trong thực tiễn. + Có khả năng vận dụng lí thuyết vào công tác chuyên môn, vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào giải quyết các tình huống, vụ việc, vụ án; có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc về pháp luật. + Có kỹ năng giao tiếp và sử dụng ngoại ngữ: Có khả năng giao tiếp, truyền đạt thông tin; soạn thảo văn bản; đàm phán, diễn thuyết, ứng xử, giao tiếp về lĩnh vực pháp luật; có khả năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh; đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành. + Có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm: Có khả năng tự giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc với tư duy logic, sáng tạo hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra. + Có kỹ năng tìm việc làm: Có khả năng tự tìm kiếm thông tin về việc làm, chuẩn bị hồ sơ xin việc và trả lời phỏng vấn của nhà tuyển dụng. + Có khả năng sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng, Internet,...đáp ứng được công việc cơ bản. **** Năng lực tự chủ và trách nhiệm*** + Sẵn sàng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. + Có năng lực tổng hợp được các kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ và đề xuất các kết luận về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo. + Đề xuất các sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về pháp luật. + Có năng lực lập kế hoạch, đánh giá, phát huy trí tuệ tập thể và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ ở quy mô trung bình
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	- Tổng thời lượng: 133 tín chỉ - Thời gian đào tạo: 04 năm - Chương trình đào tạo chi tiết: Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành luật năm 2022

TT	Nội dung	Thông tin công khai
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	- Tiếp tục tham gia học tập lên trình độ cao hơn tại các trường có đào tạo sau đại học.
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	- Công tác trong các cơ quan chính quyền các cấp gồm các Cơ quan Trung ương và cơ quan địa phương như: Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính Phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ngành Trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, ban ngành địa phương, các cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến xây dựng chế độ, chính sách pháp luật, các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, các bộ phận phụ trách tổ chức nhân sự trong các cơ quan tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, tài chính, đất đai, môi trường...; - Trong các cơ quan tư pháp như Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan thi hành án; - Trong các tổ chức tư vấn dịch vụ pháp lý: Văn phòng luật sư, Công ty luật, văn phòng công chứng...; - Công tác tại các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội: các cơ quan Đảng các cấp và tổ chức chính trị xã hội…; - Làm việc trong các doanh nghiệp với vai trò tư vấn pháp lý; - Đảm nhận công tác giảng dạy: tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo (các viện nghiên cứu, giảng dạy về pháp luật trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học phổ thông); - Đặc biệt đảm nhiệm công tác pháp chế, công tác quản lý hành chính nhà nước trong các cơ quan, đơn vị các cấp thuộc chín lĩnh vực quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_BĐS

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024-2025
Ngành Bất động sản
(Áp dụng cho khóa đào tạo ĐH14)

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT). - Đạt ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	**1. Kiến thức** Sau khi tốt nghiệp ra trường, người học có khả năng: ** Kiến thức chung:* 2.1.1. Hiểu và vận dụng được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh - Quốc phòng. 2.1.2. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, xã hội và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp với ngành đào tạo, làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên ngành; hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về tiếng Anh tương đương trình độ 3/6 (theo Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học và Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 1 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam); ứng dụng kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức chuyên môn (theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin). ** Kiến thức chuyên môn:* 2.1.3. Hiểu và áp dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, quản trị kinh doanh và các chính sách của nhà nước có liên quan đến quản lý đất đai, nhà ở, xây dựng, đầu tư và kinh doanh bất động sản. 2.1.4. Hiểu và áp dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học, kỹ thuật, quản lý và kiến thức tiếng Anh chuyên ngành trong

<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Thông tin công khai</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td>
lĩnh vực Bất động sản bao gồm: xây dựng dự án, lập và quản lý dự án về bất động sản, định giá, thẩm định giá, môi giới, kinh doanh về bất động sản; xây dựng và quản lý dữ liệu về bất động sản; vận hành và khai thác bất động sản; thanh tra, giải quyết các vấn đề khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về bất động sản.
2.1.5. Hiểu và áp dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin, kỹ thuật và chuyển đổi số trong lĩnh vực bất động sản như đo đạc địa chính, bản đồ địa chính, xây dựng và vận hành, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu bất động sản.
2.1.6. Áp dụng và phân tích được các kiến thức tổng hợp (pháp luật, quy hoạch, kinh tế, công nghệ) đã học để quản lý và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực bất động sản.
2. Kỹ năng
Sau khi tốt nghiệp ra trường, người học có các kỹ năng:
* Kỹ năng chung:
2.2.1. Đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt một trong các chứng chỉ tương đương từ B1 trở lên theo bảng quy đổi sau:
<table>
<tr><th>Khung tham chiếu CEFR</th><th>IELTS</th><th>TOEIC</th><th>TOEFL ITP</th><th>TOEFL CBT</th><th>TOEFL IBT</th><th>Cambridge Tests</th><th>Chuẩn Việt Nam</th></tr>
<tr><td>B1</td><td>4.5</td><td>450</td><td>450</td><td>133</td><td>45</td><td>PET</td><td>3</td></tr>
</table>
2.2.2. Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.
* Kỹ năng chuyên môn:
2.2.3. Vận dụng được các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh bất động sản như các quy định về doanh nghiệp, về kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng và khai thác bất động sản, quản lý đất đai, nhà ở.
2.2.4. Vận dụng được việc tìm kiếm và tổng hợp thông tin kinh tế, xã hội; giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác quản lý và kinh doanh bất động sản một cách khoa học, hiệu quả.
2.2.5. Sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật hiện đại trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh bất động sản như các loại máy trắc địa để đo đạc, lập bản đồ quy hoạch và các loại bản đồ chuyên đề, các phần mềm ứng dụng trong chuyên ngành về quy hoạch, xây dựng và cơ sở dữ liệu bất
</td></tr>
</table>

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		động sản như Autocad; Famis; Microstation... 2.2.6. Thành thạo việc xây dựng dự án và quản lý dự án về bất động sản, định giá, thẩm định giá, môi giới, kinh doanh về bất động sản, xây dựng và quản lý dữ liệu về bất động sản; vận hành và khai thác bất động sản; thanh tra, giải quyết các vấn đề khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về bất động sản; xác định được giá bất động sản và các nghĩa vụ tài chính liên quan đến bất động sản. 2.2.7. Có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm; giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra. 2.2.8. Có kỹ năng giao tiếp trong cộng đồng, truyền đạt thông tin, đàm phán, diễn thuyết, trình bày, phản biện, tư duy logic; kỹ năng soạn thảo các loại văn bản hành chính, hợp đồng liên quan đến quản lý và kinh doanh bất động sản. 2.2.9. Có kỹ năng tìm việc làm; tìm kiếm thông tin về việc làm, chuẩn bị hồ sơ xin việc và trả lời phỏng vấn nhà tuyển dụng. **3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm** 2.3.1. Có thái độ cầu thị, cởi mở, có năng lực dẫn dắt, phát huy trí tuệ tập thể, đưa ra được kết luận về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác quản lý và kinh doanh bất động sản. 2.3.2. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. 2.3.3. Có phẩm chất đạo đức, niềm tin vào Đảng và Nhà nước. Có sự tích cực và chủ động học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý và kinh doanh bất động sản.
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	- Tổng thời lượng: 133 Tín chỉ - Thời gian đào tạo: 4 năm - Chương trình đào tạo chi tiết: Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Bất động sản năm 2022
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	- Cán bộ, chuyên viên làm công tác quản lý về đất đai, bất động sản tại Trung ương (Cục, Vụ, Thanh tra, Văn phòng,…) và các cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai, bất động sản tại địa phương cấp tỉnh, cấp huyện (Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Quản lý đô thị, xây dựng… cấp huyện - Viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp nhà nước trong lĩnh vực đất đai, bất động sản tại trung ương và địa phương (Văn phòng đăng ký đất đai, trung tâm phát triển quỹ đất, Trung tâm kỹ thuật địa chính…); - Nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu về lĩnh vực đất đai; Giảng viên trong các Học viện, trường Đại học, Cao đẳng có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực ngành Bất động sản;

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		- Chuyên gia làm dịch vụ tư vấn trong các lĩnh vực tổ chức trong nước, quốc tế, liên chính phủ và phi chính phủ liên quan đến lĩnh vực; - Nhân viên làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức tư vấn hoạt động trong lĩnh vực Bất động sản như: doanh nghiệp kinh doanh, đầu tư bất động sản; các doanh nghiệp về xây dựng, giao thông, thủy lợi; các tổ chức tài chính tín dụng… - Tự khởi nghiệp trong lĩnh vực bất động sản hoặc các lĩnh vực khác có liên quan: làm chủ các doanh nghiệp, tự kinh doanh cá thể, hộ gia đình …

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_KE

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024-2025
Ngành Kế toán

(Áp dụng cho khóa đào tạo ĐH14)

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT). - Đạt ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	Đào tạo cử nhân kế toán đạt được các mục tiêu cụ thể sau: a) Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, có sức khoẻ tốt để phát triển sự nghiệp cá nhân và xây dựng đất nước. b) Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị và pháp luật; Có kiến thức nền tảng về kinh tế và quản trị kinh doanh; Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu và thực tiễn về Kế toán, Kiểm toán để vận dụng giải quyết các công việc chuyên môn gắn với phát triển bền vững. c) Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong hoạt động Kế toán, Kiểm toán. d) Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các nội dung cơ bản trong lĩnh vực kế toán; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý những tình huống thường gặp trong hoạt động chuyên môn. e) Có năng lực tự chủ trong công việc; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Có tinh thần trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. g) Có năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.

TT	Nội dung	Thông tin công khai
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	- Tổng thời lượng: 133 tín chỉ - Thời gian đào tạo: 4 năm - Bản mô tả chương trình đào tạo: Bản Mô Tả Chương Trình Đào Tạo Ngành Kế Toán năm 2022
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi ra trường, người học có thể duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	- Vị trí 1: Nhân viên kế toán tại các bộ phận kế toán tài chính, kế toán quản trị trong các doanh nghiệp thuộc mọi ngành nghề lĩnh vực kinh doanh, đơn vị hành chính sự nghiệp, ngân hàng... - Vị trí 2: Nhân viên kiểm toán nội bộ tại bộ phận kiểm toán trong các doanh nghiệp - Vị trí 3: Trợ lý kiểm toán tại các bộ phận chuyên môn trong các công ty kiểm toán độc lập và Kiểm toán Nhà nước - Vị trí 4: Nhân viên tài chính, phân tích tài chính tại các bộ phận kế hoạch - tài chính; bộ phận phân tích kinh tế tài chính trong các doanh nghiệp - Vị trí 5: Nghiên cứu viên về kế toán, kiểm toán ở các Viện nghiên cứu; các cơ quan quản lý nhà nước - Vị trí 6: Giảng viên, trợ giảng tại các Học viện, trường Đại học và Cao đẳng

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_MK

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024-2025
Ngành Marketing

(Áp dụng cho khóa đào tạo ĐH14)

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Điều kiện đăng ký tuyển sinh: - Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT). - Đạt ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	Đào tạo cử nhân markeitng đạt được các mục tiêu cụ thể sau: * Kiến thức chung: Sau khi hoàn thành khóa học, người học có khả năng: - Hiểu và áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị và pháp luật, công nghệ thông tin để giải quyết các vấn đề trong Marketing. - Hiểu và áp dụng các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu. * Kiến thức chuyên môn: - Áp dụng nền tảng kiến thức chuyên sâu liên quan đến marketing; biết cách vận dụng các kiến thức chuyên môn để giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động marketing. - Áp dụng các kiến thức chuyên sâu về quản lý, điều hành hoạt động trong marketing. * Kỹ năng chung - Có kỹ năng ngoại ngữ và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin - Ngoại ngữ (tiếng anh): Sinh viên phải đạt được một trong các điều kiện dưới đây: + Đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Thông tin công khai</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td>tổ chức thi sát hạch.
+ Đạt chuẩn B1 tiếng Anh do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép hoặc tương đương theo khung tham chiếu dưới đây:
<table>
<tr><th>Khung tham chiếu CEFR</th><th>IELTS</th><th>TOEIC</th><th>TOEFL ITP</th><th>TOEFL CBT</th><th>TOEFL IBT</th><th>Cambridge Tests</th><th>Chuẩn Việt Nam</th></tr>
<tr><td>B1</td><td>4.5</td><td>450</td><td>450</td><td>133</td><td>45</td><td>PET</td><td>3</td></tr>
</table>
- Tin học: Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.
* Kỹ năng chuyên môn:
- Thực hiện việc lên kế hoạch, chương trình marketing hỗn hợp liên quan đến sản phẩm/dịch vụ, định giá sản phẩm/dịch vụ, phân phối và kênh phân phối, xúc tiến thương mại và truyền thông về sản phẩm/dịch vụ/thương hiệu.
- Duy trì hoạt động cập nhật thông tin, tổng hợp tài liệu, phân tích, phản biện, nhận biết các vấn đề trong lĩnh vực marketing.
- Thực hiện được các bước công việc trong công tác tài chính, kế toán, công tác quản trị, các nghiệp vụ kinh doanh cụ thể đối với một doanh nghiệp.
- Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và kỹ năng phát triển nghề nghiệp khác.
- Thực hiện thu thập, xử lý thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong hoạt động marketing.
- Thực hiện được kỹ năng lãnh đạo và quản lý.
Sau khi ra trường người học có khả năng:
- Tổ chức làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.
- Hành động có trách nhiệm cá nhân, tổ chức và xã hội.</td></tr>
<tr><td>III</td><td>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện</td><td>- Tổng thời lượng: 133 tín chỉ
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Chương trình đào tạo chi tiết:
Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Marketing năm 2022</td></tr>
<tr><td>IV</td><td>Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường</td><td>Sau khi ra trường, người học có thể duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.</td></tr>
<tr><td>V</td><td>Vị trí làm sau khi tốt nghiệp</td><td>Tốt nghiệp ngành Marketing, người học dễ dàng chọn lựa các công việc với mức lương hấp dẫn cùng môi trường làm việc mới mẻ, năng động ở các doanh nghiệp, tập đoàn đa quốc gia, công ty truyền thông…
- VT1: Chuyên viên Marketing tại các công ty, doanh nghiệp, tổ chức;
-VT2: Chuyên viên nghiên cứu thị trường;
- VT3: Chuyên viên chăm sóc khách hàng, quan hệ công chúng;</td></tr>
</table>

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		- VT4: Chuyên viên phát triển và quản trị thương hiệu; - VT5: Giảng dạy, nghiên cứu về Marketing, Quản trị Marketing, Quản trị thương hiệu.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_QTKD

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024-2025
Ngành Quản trị kinh doanh

(Áp dụng cho khóa đào tạo ĐH14)

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT). - Đạt ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	Đào tạo cử nhân quản trị kinh doanh đạt được các mục tiêu cụ thể sau: a) Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, có sức khỏe tốt để phát triển sự nghiệp cá nhân và xây dựng đất nước. b) Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị và pháp luật, tài nguyên và môi trường; Có kiến thức nền tảng về kinh tế và quản trị kinh doanh; Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu và thực tiễn về quản trị kinh doanh tổng hợp, quản trị kinh doanh bất động sản, quản trị văn phòng và kinh doanh thương mại để vận dụng giải quyết các công việc chuyên môn gắn với phát triển kinh tế bền vững. c) Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, sử dụng thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong hoạt động quản trị doanh nghiệp. d) Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu, diễn đạt, xử lý được những tình huống cơ bản trong hoạt động quản trị kinh doanh tại doanh nghiệp. e) Có năng lực tự chủ trong công việc, tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Có tinh thần trách nhiệm

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		cá nhân, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội; f) Có năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	- Tổng thời lượng: 133 tín chỉ - Thời gian đào tạo: 4 năm - Bản mô tả chương trình đào tạo: Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh năm 2022
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi ra trường, người học có thể duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	- VT1: Chuyên viên/Nhân viên phụ trách công việc hành chính nhân sự, tuyển dụng nhân sự tại bộ phận nhân sự, Nhân viên kinh doanh, bán hàng, chăm sóc khách hàng tại bộ phận kinh doanh, xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp tại các doanh nghiệp, doanh nghiệp kinh doanh trong và ngoài nước, cơ quan quản lý nhà nước về đất đai các bộ, ban, ngành, địa phương; - VT2: Trưởng/Phó bộ phận, phòng ban chức năng: Trợởng/phó phòng tổ chức, phòng hành chính, phòng kế hoạch, phòng kinh doanh, phòng marketing, tổ trưởng phân xưởng sản xuất, … - VT3: Tổng giám đốc, Giám đốc chức năng tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước như: giám đốc điều hành, giám đốc nhân sự, giám đốc sản xuất, … - VT4: Nghiên cứu viên, chuyên gia tư vấn và giảng dạy về quản trị kinh doanh và quản trị kinh doanh bất động sản ở các Viện nghiên cứu, các Học viện, trường Đại học và Cao đẳng.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_K

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024-2025
Ngành Khí tượng và khí hậu học

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT). - Đạt ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	Đào tạo kỹ sư ngành Khí tượng và Khí hậu học đạt được các mục tiêu sau: MT1: Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Khí tượng; có kiến thức và kĩ năng thực hành nghề nghiệp đủ khả năng đảm nhận công tác trong các lĩnh vực điều tra, quản lý mạng lưới, phân tích và dự báo thời tiết, khí hậu, khí tượng nông nghiệp phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, bảo vệ môi trường và an ninh, quốc phòng. MT2: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực Khí tượng; MT3: Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các chủ đề quen thuộc trong khí tượng; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống thường gặp; MT4: Có năng lực định hướng về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực Khí tượng; có khả năng đề xuất sáng kiến trong quá trình triển khai thực hiện công việc; có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường; có năng lực lập kế hoạch, 2 điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình; MT5: Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm công dân; có khả năng tìm việc làm, có sức khoẻ phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước. MT6: Có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.
III	Chương trình đào tạo	Tổng thời lượng: 133 tín chỉ

TT	Nội dung	Thông tin công khai
	mà nhà trường thực hiện	Thời gian đào tạo: 4 năm Link chương trình đào tạo chi tiết: Bản môn tả Chương trình đào tạo Đại học chính quy ngành Khí tượng và khí hậu học năm 2022
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Tiếp tục học tập lên trình độ sau đại học
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	- Cơ quan Trung ương và địa phương thuộc Tổng cục Khí tượng Thủy văn như Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, Đài Khí tượng cao không, Trung tâm Thông tin và Dữ liệu KTTV, Các Đài Khí tượng Thủy văn Khu vực, Trung tâm ứng dụng công nghệ KTTV, Liên đoàn khảo sát KTTV, Trung tâm quan trắc KTTV. - Các viện nghiên cứu như viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Quy hoạch thủy lợi, - Các trường đào tạo ngành khí tượng và thủy văn như Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh... - Các đơn vị như: Quân chủng Phòng không – Không quân; Quân chủng Hải quân; Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam - Các cơ quan truyền thông Trung ương và địa phương, sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. - Các công ty tư nhân chuyên dự báo khí tượng, thủy văn phục vụ các ngành, địa phương.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_T

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024-2025
Ngành Thủy văn học

(Áp dụng cho khóa đào tạo ĐH14)

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường. - Tiêu chí tuyển sinh: Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo từng năm.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	*Mục tiêu chung:* Khóa học cung cấp những kiến thức hiện đại, công nghệ kỹ thuật tiến tiến, và kỹ năng nâng cao trong lĩnh vực thủy văn để đào tạo các cán bộ thủy văn học có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để giải quyết các bài toán liên quan đến tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế xã hội tương lai. *Mục tiêu cụ thể:* a) Trang bị các kiến thức nền tảng về thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận nghiên cứu khoa học, các kiến thức nền tảng cơ sở để tiếp cận hệ thống kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành thuỷ văn b) Trang bị các kiến thức cơ bản về các hệ thống nguồn nước bao gồm cả nước mặt và nước ngầm trên phạm vi lưu vực sông; các quá trình vật lý, hóa học diễn ra trong từng hệ thống này và mối tương tác của chúng với các hệ thống tự nhiên và kinh tế xã hội. c) Trang bị các kiến thức cơ bản về đo đạc, khảo sát địa hình và thủy văn cùng các kiến thức về xử lý dữ liệu khí tượng thủy văn, quy hoạch và quản lý mạng lưới trạm quan trắc thủy văn phục vụ lĩnh vực thu thập và quản lý dữ liệu KTTV. d) Trang bị các kiến thức cơ bản về tính toán thủy văn, thủy lực, động lực và chỉnh trị sông phục vụ tư vấn thiết kế và vận hành các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi, thủy điện và các công trình hạ tầng cơ sở khác cũng như phục vụ chỉnh trị sông, bờ biển và các thể nước khác. e) Trang bị các kiến thức cơ bản về tính toán và dự báo thủy văn cùng các công cụ và mô hình toán thích hợp phục vụ thiết kế quy trình và vận hành hệ thống nguồn nước và các công trình khai thác và điều tiết nguồn nước trên lưu vực sông hoặc trong một hệ thống nguồn nước nhất định. f) Trang bị các kiến thức và kỹ năng vận dụng tin học và ngoại ngữ trong chuyên môn và nghiệp vụ. Cung cấp các kỹ năng

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		mềm theo đúng yêu cầu đào tạo trình độ Đại học của Bộ giáo dục đào tạo cho kỹ sư các ngành kỹ thuật. g) Trang bị các kiến thức và kỹ năng tìm kiếm, khai thác, và vận dụng các phần mềm tính toán trong chuyên môn và nghiệp vụ.
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	- Tổng thời lượng: 133 tín chỉ - Thời gian đào tạo: 4 năm - Chương trình đào tạo chi tiết: Bản mô tả Chương trình đào tạo Đại học chính quy ngành Thủy văn học năm 2022
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Có khả năng học lên trình độ thạc sĩ
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có có khả năng làm trong các lĩnh vực sau: - Ngành Khí tượng Thủy văn: Thiết kế và quản lý mạng lưới trạm; Quan trắc và dự báo Thủy văn; - Ngành Tài nguyên nước: Quản lý tài nguyên nước/ phân bổ nguồn nước/chất lượng nước - Ngành Giao thông: Tính toán thủy văn phục vụ thiết kế công trình cầu, cống, trong giao thông; - Ngành Xây dựng: Thiết kế và vận hành hệ thống cấp, thoát nước của đô thị/tòa nhà; - Ngành Thủy lợi: Thiết kế và vận hành hệ thống tưới, tiêu trong thủy lợi; - Lĩnh vực Phòng chống và giảm nhẹ thiên tai: Đánh giá và cảnh báo rủi ro thủy tai - Ngành Năng lượng: Tính toán thủy năng phục vụ thiết kế và vận hành nhà máy thủy điện; - Ngành Môi trường: Thiết kế hệ thống xử lý cấp nước, hệ thống xử lý nước thải; - Ngành Khoa học trái đất: Nghiên cứu các thành phần của chu trình TV và sự biến động của chúng -Nhà trường ưu tiên giữ lại những sinh viên tốt nghiệp xuất sắc để bồi dưỡng làm cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khoa học của trường.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_BK

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024 – 2025
Ngành Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT). - Đạt ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	**2.1. Mục tiêu đào tạo** ** Mục tiêu chung:* Đào tạo cử nhân trình độ đại học về biến đổi khí hậu và phát triển bền vững, có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; Có kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu về biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và các vấn đề liên quan; Có đủ kĩ năng và năng lực chuyên môn để đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế trong lĩnh vực biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. ** Mục tiêu cụ thể:* a) Có kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu để giải quyết các công việc liên quan đến lĩnh vực biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. b) Có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức liên ngành để giải quyết các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu và phát triển bền vững trên quy mô địa phương, quốc gia và toàn cầu. c) Có kĩ năng tự học, tự nghiên cứu, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng ngoại ngữ và tin học đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế trong lĩnh vực biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. d) Có khả năng học tiếp ở các bậc sau đại học trong và ngoài nước theo các quy định hiện hành. **2.2. Chuẩn đầu ra** ***2.2.1 Kiến thức*** ** Kiến thức chung* (2.1.1) Nhận thức được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh - Quốc phòng; sử dụng được các kiến thức Tiếng Anh và tin học phục vụ nghiên cứu biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. (2.1.2) Hiểu được các kiến thức về khoa học tự nhiên, kỹ thuật cơ

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		sở làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên ngành; Vận dụng và tích hợp được các kiến thức khoa học tự nhiên để giải thích các hiện tượng liên quan đến biến đổi khí hậu. ** Kiến thức chuyên môn* (2.1.3) Áp dụng được kiến thức cơ sở ngành, làm nền tảng trong việc học tập, nghiên cứu các kiến thức ngành biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; Vận dụng được kiến thức cốt lõi về biến đổi khí hậu và phát triển bền vững trong các mối liên quan với các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường. (2.1.4) Phân tích và đánh giá được tác động của biến đổi khí hậu theo vùng hoặc theo ngành và đưa ra các giải pháp ứng phó; Đánh giá và phân tích được mối liên liên quan giữa biến đổi khí hậu với các mặt của đời sống xã hội; Vận dụng được các chính sách biến đổi khí hậu phục vụ phát triển bền vững trong bối cảnh cụ thể ở địa phương; Sử dụng được các công cụ quản lý tài nguyên và môi trường trong bối cảnh biến đổi khí hậu, phục vụ phát triển bền vững. (2.1.5) Áp dụng được các kiến thức chuyên ngành trong tìm kiếm, phân tích và tổng hợp, xây dựng đề cương, lập kế hoạch thực hiện, biên soạn báo cáo và làm khóa luận tốt nghiệp. ***2.2.2. Kỹ năng*** ** Kỹ năng chuyên môn* (2.2.1) Kỹ năng nghề nghiệp: Có khả năng đánh giá rủi ro thiên tai; đánh giá tác động của biến đổi khí hậu tới đời sống kinh tế - xã hội ở địa phương, vùng lãnh thổ; có khả năng phân tích, tổng hợp các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu; thiết kế và tổ chức được các buổi truyền thông về biến đổi khí hậu; xây dựng được các chính sách và chiến lược quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường bền vững ứng phó với biến đổi khí hậu; áp dụng được một số phần mềm chuyên ngành, tin học ứng dụng để nghiên cứu về biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. (2.2.2) Kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm: Có khả năng tự giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra; Kỹ năng quản lý và lãnh đạo: Sáng tạo trong quản lý và tổ chức lãnh đạo trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học, thực tế thiên nhiên và thực tập tốt nghiệp; Kỹ năng giao tiếp và sử dụng ngoại ngữ: có khả năng đọc và hiểu được ý chính của các bài báo chuyên môn Tiếng Anh, giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh; Kỹ năng tìm việc làm: Có khả năng tự tìm kiếm thông tin về việc làm, chuẩn bị hồ sơ xin việc và trả lời phỏng vấn nhà tuyển dụng; Sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng. ** Kỹ năng chung* (2.2.3) Đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra, sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt một trong các chứng chỉ tương đương từ B1 trở lên theo

<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Thông tin công khai</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td>bảng quy đổi sau:
<table>
<tr><th>Khung tham chiếu CEFR</th><th>IELTS</th><th>TOEIC</th><th>TOEFL ITP</th><th>TOEFL CBT</th><th>TOEFL IBT</th><th>Cambridge Tests</th><th>Chuẩn Việt Nam</th></tr>
<tr><td>B1</td><td>4.5</td><td>450</td><td>450</td><td>133</td><td>45</td><td>PET</td><td>3</td></tr>
</table>
Đạt chuẩn Kĩ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và tương đương do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.
2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm
(2.3.1) Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Tích cực, chủ động, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
(2.3.2) Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.
(2.3.3) Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.</td></tr>
<tr><td>III</td><td>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện</td><td>- Tổng thời lượng: 133 tín chỉ
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Chương trình đào tạo chi tiết:
Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Biến đổi Khí hậu và Phát triển bền vững năm 2022</td></tr>
<tr><td>IV</td><td>Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường</td><td>Sinh viên ngành Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững có cơ hội học tập song bằng, với tất cả các ngành trong trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, thời gian đào tạo được rút ngắn,…Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có cơ hội để học cao học chuyên ngành Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững ngay tại trường hoặc các cơ ở đào tạo uy tín khác trong cả nước.</td></tr>
<tr><td>V</td><td>Vị trí làm sau khi tốt nghiệp</td><td>- Vị trí 1: Chuyên viên trong các cơ quan quản lý Nhà nước về biến đổi khí hậu và phát triển bền vững như: các Bộ, Sở, Phòng: Khoa học Công nghệ; Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn từ cấp Trung ương đến các tỉnh, thành phố, huyện hoặc một số ngành có liên quan (Giáo dục, Y tế).
- Vị trí 2: Chuyên gia biến đổi khí hậu, điều phối viên, tuyên truyền viên, kĩ thuật viên trong các dự án quốc tế về ứng phó BĐKH &PTBV của các tổ chức phi chính phủ (NGOs), ban quản lý chương trình, dự án trong nước và quốc tế.
- Vị trí 3: Nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu về biến đổi khí hậu và phát triển bền vững, tài nguyên và môi trường;
- Vị trí 4: Trợ giảng, giảng viên trong các trường đại học, cao đẳng đào tạo liên quan đến lĩnh vực biến đổi khí hậu và phát triển bền vững;
- Vị trí 5: Chuyên gia tư vấn trong các nhà máy xí nghiệp sản xuất, các công ty tư vấn có liên quan đến quản lý rủi ro thiên tai, ứng</td></tr>
</table>

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		phó BĐKH, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững và các lĩnh vực liên quan khác; - Vị trí 6: Khởi nghiệp về các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu và phát triển bền vững

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_SH

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024 - 2025
Ngành Sinh học ứng dụng

(Áp dụng cho khóa đào tạo ĐH14)

<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Thông tin công khai</th></tr>
<tr><td>I</td><td>Điều kiện đăng ký tuyển sinh</td><td>- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT).
- Đạt ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.</td></tr>
<tr><td>II</td><td>Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được</td><td>Kiến thức
*Kiến thức chung
- Nhận thức được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh Quốc phòng;
- Hiểu được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội phù hợp với ngành đào tạo;
Đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt một trong các chứng chỉ tương đương từ B1 trở lên theo bảng quy đổi sau:
<table>
<tr><th>Khung tham chiếu CEFR</th><th>IELTS</th><th>TOEIC</th><th>TOEFL ITP</th><th>TOEFL CBT</th><th>TOEFL IBT</th><th>Cambridge Tests</th><th>Chuẩn Việt Nam</th></tr>
<tr><td>B1</td><td>4.5</td><td>450</td><td>450</td><td>133</td><td>45</td><td>PET</td><td>3</td></tr>
</table>
Ứng dụng kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học</td></tr>
</table>

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. ** Kiến thức chuyên môn:* - Hiểu, vận dụng được các kiến thức cơ sở về Sinh học đại cương; Sinh thái học; Hoá đại cương; Hoá sinh, Vi sinh vật học; Sinh lý vật nuôi cây trồng,... để có kiến thức và kỹ năng phục vụ tốt cho các môn chuyên ngành của ứng dụng sinh học trong bảo tồn và phát triển tài nguyên sinh vật, quan trắc và xử lý ô nhiễm môi trường, phát triển nông nghiệp bền vững và chế biến thực phẩm; - Hiểu, vận dụng được các kiến thức ngành về Chỉ thị sinh học môi trường; Bảo tồn đa dạng sinh học; Đánh giá rủi ro sinh thái; Vật liệu sinh học; Ứng dụng sinh học trong quan trắc môi trường; Công nghệ sinh học trong xử lý môi trường; Năng lượng sinh học, Năng lượng xanh,… để bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường. - Hiểu, vận dụng được các kiến thức ngành về Công nghệ trồng nấm; Công nghệ sản xuất phân vi sinh; Công nghệ sinh học thực vật; Kiểm soát sinh học; Công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học; Sản xuất nông nghiệp sạch,... để phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững. - Hiểu, vận dụng được các kiến thức ngành về Độc tố trong sinh vật và thực phẩm; Công nghệ bảo quản nông sản; Công nghệ lên men phế phụ phẩm; An toàn sinh học; Protein và enzim học; Công nghệ sinh học thực phẩm,… để phục vụ lĩnh vực bảo quản và chế biến thực phẩm. ***Kỹ năng*** ** Kỹ năng chung:* - Có năng lực xây dựng và thực hiện được các chương trình, kế hoạch về các hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn và phát triển tài nguyên, Bảo vệ môi trường, Nông nghiệp bền vững; Chế biến thực phẩm; - Có năng lực lập luận, tư duy, phân tích, đánh giá, điều hành, thực hiện và quản lý công việc trong bảo tồn và phát triển tài nguyên, Bảo vệ môi trường, Nông nghiệp bền vững; Chế biến thực phẩm; ** Kỹ năng chuyên môn:* - Có kỹ năng vận dụng thành thạo các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về sinh học để bảo tồn và phát triển tài nguyên sinh vật, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. - Thực hiện thành thạo các kỹ thuật và công nghệ trong phát triển nông nghiệp bền vững. - Thực hiện thành thạo các kỹ thuật và công nghệ trong bảo quản và chế biến thực phẩm. - Có khả năng giao tiếp, viết và trình bày kết quả; tích cực, chủ động, sáng tạo trong công việc; Có khả khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và đáp ứng các yêu cầu của công nghệ 4.0 đồng thời có khả năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh; đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành; - Có kỹ năng tổ chức và làm việc theo nhóm: Có khả năng tự giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra.

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		Năng lực tự chủ và trách nhiệm - Có năng lực giải quyết vấn đề chuyên môn và nghiệp vụ thuộc lĩnh vực bảo tồn và phát triển tài nguyên sinh vật, bảo vệ môi trường, nông nghiệp bền vững, bảo quản và chế biến thực phẩm; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; - Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ được giao; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	- Tổng thời lượng: 133 tín chỉ - Thời gian đào tạo: 4 năm - Chương trình đào tạo chi tiết: Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Sinh học ứng dụng năm 2022
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn lên trình độ cao hơn
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	1) Chuyên viên quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường tại cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến tài nguyên và môi trường, phát triển nông nghiệp sạch và bền vững; 2) Chuyên viên quan trắc và xử lý môi trường bằng sinh học tại các trung tâm quan trắc, trung tâm công nghệ môi trường; 3) Chuyên viên làm việc tại các công ty dược phẩm để phát triển các dòng sản phẩm có nguồn gốc sinh học trong hỗ trợ điều bệnh và chăm sóc sức khoẻ con người, … 4) Chuyên viên điều hành sản xuất, quản lý và đảm bảo chất lượng tại các nhà máy sản xuất, chế biến thực phẩm; 5) Chuyên viên làm việc tại các trung tâm kiểm nghiệm, phòng thí nghiệm, nghiên cứu về công nghệ vi sinh, công nghệ sinh học (thực vật, động vật); 6) Khởi nghiệp mô hình nuôi trồng, phát triển tài nguyên sinh vật; sản xuất chế phẩm sinh học; 7) Chuyên viên làm việc tại các trung tâm xét nghiệm vi sinh y học; 8) Nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu, Giảng viên tại các trường Đại học về lĩnh vực sinh học ứng dụng.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_C

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024-2025
Ngành Công nghệ thông tin

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT). - Đạt ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	- Có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức chuyên môn, kiến thức ứng dụng thực tế về Công nghệ thông tin; có khả năng tư duy, áp dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo, có năng lực giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và các lĩnh vực liên quan; có khả năng thích ứng với môi trường công nghệ thay đổi. - Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các chủ đề quen thuộc trong công việc ngành công nghệ thông tin; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý các tình huống thường gặp; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin. - Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, yêu nghề, có trách nhiệm trong công việc; có khả năng tìm việc làm, có sức khoẻ phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước.
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	- Tổng thời lượng: 133 tín chỉ - Thời gian đào tạo: 4 năm - Chương trình đào tạo chi tiết (Link đính kèm): Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin năm 2022

TT	Nội dung	Thông tin công khai
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Có khả năng tự học nâng cao trình độ chuyên môn; có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	- Kỹ sư lập trình, phân tích, thiết kế hệ thống thông tin, xây dựng phần mềm và quản lý dự án Công nghệ thông tin; - Kỹ sư lập trình, phân tích, thiết kế hệ thống thông tin và quản lý các dự án Công nghệ thông tin trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường (đất đai, địa chất, trắc địa, đo đạc bản đồ, viễn thám, khí tượng thủy văn, tài nguyên nước,. . .); - Kỹ sư thiết kế, phát triển, tích hợp và quản trị hệ thống thông tin, quản trị cơ sở dữ liệu cho các cơ quan, doanh nghiệp; - Kỹ sư thiết kế, xây dựng và quản trị mạng máy tính cho các cơ quan, doanh nghiệp; - Kỹ sư tư vấn, triển khai và chuyển giao công nghệ cho các cơ quan, doanh nghiệp; - Giám đốc kỹ thuật của các cơ quan, doanh nghiệp; - Nghiên cứu viên tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu; - Giảng viên, Giáo viên trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề liên quan đến lĩnh vực Công nghệ thông tin; - Tự thành lập công ty về lĩnh vực Công nghệ thông tin.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_M

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024- 2025
Ngành Công nghệ Kỹ thuật Môi trường

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT). - Đạt ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	**Kiến thức** **Kiến thức chung* - Nhận thức được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh Quốc phòng; - Hiểu được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội phù hợp với ngành đào tạo, hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về tiếng Anh, đọc hiểu được các tài liệu chuyên ngành, biết cách sử dụng các phần mềm tin học văn phòng; **Kiến thức chuyên môn* - Hiểu, vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành về các quá trình cơ bản trong công nghệ môi trường vào thiết kế, thể hiện bản vẽ kỹ thuật, vận hành các công trình xử lý; - Hiểu, vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành về hóa học phân tích, hóa kỹ thuật môi trường, phân tích và xử lý mẫu môi trường, vi sinh kỹ thuật môi trường vào thực hiện các chương trình quan trắc môi trường; đánh giá chất lượng môi trường; - Vận dụng các kiến thức cơ sở khoa học môi trường, độc học môi trường, pháp luật bảo vệ môi trường, quản lý môi trường, đánh giá tác động môi trường vào thực hiện an toàn môi trường,

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		quản lý an toàn hóa chất và kiểm soát môi trường doanh nghiệp; - Áp dụng được trong thực tế các kiến thức về thiết kế các công trình xử lý chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn), thiết kế mạng lưới cấp và thoát nước; vận hành các công trình xử lý chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn), vận hành mạng lưới cấp và thoát nước; - Áp dụng được các kiến thức về quan trắc môi trường; đánh giá chất lượng môi trường để giải quyết các vấn đề trong thực tế; - Sử dụng được trong thực tế các kiến thức về an toàn môi trường, quản lý an toàn hóa chất và kiểm soát môi trường doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề về môi trường cho các dự án đầu tư xây dựng, áp dụng cải tiến sản xuất nâng cao hiệu quả vận hành sản xuất tại doanh nghiệp. **Kỹ năng** - Có năng lực tư vấn kỹ thuật, thiết kế, tổ chức triển khai các bản vẽ kỹ thuật cho các công trình xử lý chất thải, nước cấp; hệ thống thu gom chất thải rắn; hệ thống thông gió, kiểm soát tiếng ồn trong các nhà máy, khu đô thị; quản lý, vận hành, bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, các công trình cấp nước sạch cho sản xuất công nghiệp và sinh hoạt. Có kỹ năng vận hành hệ thống an toàn lao động và kiểm soát môi trường, tư vấn các giải pháp sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm trong các doanh nghiệp; - Có kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức và thực hiện các chương trình quan trắc môi trường; đánh giá chất lượng môi trường, quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn quy định; thực hiện các quy trình về kiểm soát an toàn hóa chất, vật liệu, chất thải nguy hại, chất phóng xạ; - Có kỹ năng vận dụng thành thạo các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường và các công cụ kiểm soát môi trường trong kiểm soát môi trường các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ; - Có khả năng làm việc độc lập, hội nhập quốc tế và đáp ứng các yêu cầu của công nghệ 4.0: + Có khả năng giao tiếp, viết và trình bày kết quả; tích cực, chủ động, sáng tạo trong công việc; + Có kỹ năng giao tiếp và sử dụng ngoại ngữ: Đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt một trong các chứng chỉ tương đương từ B1 trở lên + Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép; - Có kỹ năng tổ chức và làm việc theo nhóm: Có khả năng tự giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra. **Năng lực tự chủ và trách nhiệm** - Có năng lực giải quyết vấn đề chuyên môn và nghiệp vụ thuộc lĩnh vực công nghệ kỹ thuật môi trường; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; - Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, giữ gìn kỷ luật trong công việc
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	- Tổng thời lượng: 133 tín chỉ - Thời gian đào tạo: 4 năm - Chương trình đào tạo chi tiết: https://moitruong.hunre.edu.vn/ban-mo-ta-chuong-trinh-dao-tao-nganh-cong-nghe-ky-thuat-moi-truong.html
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	- Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn lên trình độ cao hơn
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	- Chuyên viên quản lý nhà nước về môi trường tại cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp: Bộ, Sở, Phòng liên quan đến môi trường; cán bộ địa chính môi trường cấp xã.; - Chuyên viên làm công tác an toàn môi trường tại các doanh

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nói chung và quản lý, xử lý môi trường nói riêng (Nhân viên ISO, 5S; Nhân viên HSE; Nhân viên quản lý môi trường tại các doanh nghiệp…); - Chuyên gia làm dịch vụ tư vấn trong các lĩnh vực: tư vấn thủ tục môi trường, tư vấn hồ sơ giấy phép môi trường, tư vấn thiết kế các công trình xử lý môi trường như trạm xử lý nước cấp, trạm xử lý nước thải, công trình xử lỷ khi thải…;…; - Các cán bộ kỹ thuật làm công tác quan trắc phân tích thành phần môi trường tại các doanh nghiệp, trung tâm làm dịch vụ Quan trắc - Nhân viên làm việc tại các tổ chức trong nước, quốc tế, liên chính phủ và phi chính phủ liên quan đến môi trường; - Chuyên viên nghiên cứu tại các trường, viện, trung tâm nghiên cứu; giảng viên - Nhân viên quản lý và vận hành hệ thống xử lý môi trường tại các khu công nghiệp, nhân viên vận hành tại các nhà máy xử lý nước cấp, nước thải, cán bộ kỹ thuật tại các nhà máy xử lý chất thải rắn - Nhân viên bán và giới thiệu công nghệ xử lý môi trường, công nghệ quan trắc phân tích, các hệ thống quan trắc tự động.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_LQ

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024-2025
Ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

(Áp dụng cho khóa đào tạo ĐH14)

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT). - Đạt ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	a) Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, có sức khoẻ tốt để phát triển sự nghiệp cá nhân và xây dựng đất nước. b) Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị, pháp luật; Có kiến thức nền tảng về kinh tế và quản trị kinh doanh; Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu và thực tiễn về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng để vận dụng giải quyết các công việc chuyên môn. c) Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng. d) Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức độ hiểu, diễn đạt, xử lý được những tình huống thường gặp trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng. e) Có năng lực tự chủ trong công việc, tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Có tinh thần trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội; g) Có năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý. Ngoại ngữ (Tiếng Anh): Sinh viên phải đạt được một trong các điều kiện dưới đây: + Đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (tương đương bậc B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu) do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức

<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Thông tin công khai</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td>thi sát hạch.
+ Đạt chuẩn bậc B1 tiếng Anh do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép hoặc tương đương theo khung tham chiếu dưới đây:
<table>
<tr><th>Khung tham chiếu CEFR</th><th>IELTS</th><th>TOEIC</th><th>TOEFL ITP</th><th>TOEFL CBT</th><th>TOEFL IBT</th><th>Cambridge Tests</th><th>Chuẩn Việt Nam</th></tr>
<tr><td>B1</td><td>4.5</td><td>450</td><td>450</td><td>133</td><td>45</td><td>PET</td><td>3</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>III</td><td>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện</td><td>- Tổng thời lượng: 133.tín chỉ
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Chương trình đào tạo chi tiết:
Bản Mô Tả Chương Trình Đào Tạo Ngành Logistics và Quản Lý Chuỗi Cung Ứng năm 2022</td></tr>
<tr><td>IV</td><td>Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường</td><td>Sau khi ra trường, người học có thể duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia học cấp trình độ chuyên sâu như Thạc sĩ, Tiến sỹ….. hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý</td></tr>
<tr><td>V</td><td>Vị trí làm sau khi tốt nghiệp</td><td>Vị trí việc làm
- Cán bộ, chuyên viên làm công tác quản lý Nhà nước về đất đai tại các cơ quan Trung ương (Cục, Vụ, Thanh tra, Văn phòng,…) và các cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai tại địa phương cấp tỉnh, cấp huyện (Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện); công chức làm nhiệm vụ về quản lý đất đai, địa chính cấp xã;
- Viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp nhà nước trong lĩnh vực đất đai tại trung ương và địa phương (Văn phòng đăng ký đất đai, trung tâm phát triển quỹ đất, Trung tâm kỹ thuật địa chính…); Cán bộ bộ phận hành chính công xử lý hồ sơ lĩnh vực quản lý đất đai (cấp tỉnh, huyện, xã);
- Nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu về lĩnh vực đất đai; Giảng viên trong các Học viện, trường Đại học, Cao đẳng có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực ngành Quản lý đất đai;
- Chuyên gia làm dịch vụ tư vấn trong các lĩnh vực tổ chức trong nước, quốc tế, liên chính phủ và phi chính phủ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên đất đai, dự án có liên quan đến đất đai;
- Kỹ thuật viên, nhân viên làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức tư vấn hoạt động trong lĩnh vực Quản lý đất đai như xây dựng cơ sở</td></tr>
</table>

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		dữ liệu đất đai, tài nguyên môi trường; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai; đánh giá đất; định giá đất; phân tích và kiểm soát số lượng và chất lượng đất; đo đạc thành lập bản đồ các loại; các công ty môi giới kinh doanh bất động sản; các công ty xây dựng, giao thông, thủy lợi; các tổ chức tài chính tín dụng… - Tự khởi nghiệp trong lĩnh vực quản lý đất đai hoặc các lĩnh vực khác có liên quan: làm chủ các doanh nghiệp, tự kinh doanh cá thể, hộ gia đình ...

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024
TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_KĐ

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024-2025
Ngành Kỹ thuật Địa chất

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT). - Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	Sau khi tốt nghiệp ngành Kỹ thuật địa chất ở trình độ đại học, sinh viên: a) Có một hệ thống kiến thức cơ bản và hiện đại của ngành Kỹ thuật địa chất, những tiến bộ khoa học kỹ thuật về địa chất và quản lý tài nguyên khoáng sản; b) Có kỹ năng tổng hợp, phân tích,xử lý, đánh giá dữ liệu và thông tin làm cơ sở, nền tảng để giải quyết những vấn đề trong địa chất khai thác mỏ và quản lý tài nguyên khoáng sản; c) Có kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học, xây dựng và trình bày báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học liên quan tới ngành Kỹ thuật địa chất. d) Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và tổ chức hợp tác để giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo; e) Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo, phát huy sáng kiến thực hiện nhiệm vụ được giao; tự chủ đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường cũng như một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; f) Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn, tự học

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; g) Có trình độ ngoại ngữ chuyên ngành và tin học ở mức phục vụ tốt cho các công việc của ngành Kỹ thuật địa chất; - Đạt trình độ tiếng Anh bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc đạt chứng chỉ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu và tương đương; - Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và tương đương do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch; h) Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, ý thức tổ chức kỷ luật cao và trách nhiệm công dân; có khả năng tìm việc làm, có sức khoẻ phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước. i) Có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Năm học 2024-2025 với các khóa từ ĐH13 trở xuống vẫn áp dụng Chương trình đào tạo năm 2022 với: - Tổng thời lượng: 133 tín chỉ - Thời gian đào tạo: 4 năm - Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Địa chất: Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Địa chất năm 2022
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi sinh viên ra trường có thể học tập ở trình độ cao hơn trong nước cũng như ở nước ngoài.
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	* *Vị trí việc làm:* Người học sau khi tốt nghiệp ngành Kỹ thuật Địa chất, người học có khả năng khảo sát thực địa, lập đề án, phân tích, đánh giá, xử lý các nguồn dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản; Thành thạo trong phân tích tổng hợp, xử lý các nguồn thông tin về tài nguyên khoáng sản, di sản địa chất,... phục vụ công tác quản lý và khai thác tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản rắn; Có kỹ năng tham gia về việc xây dựng pháp luật, hoạch định chính sách và hỗ trợ ra quyết định trong các vấn đề về quản lý, quy hoạch, khai thác và bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản; Có kỹ năng phân tích lợi ích

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		và chi phí hiệu quả tối đa với tài nguyên khoáng sản, nguồn tài nguyên không tái tạo và rất quan trọng trong hoạch định chiến lược và chính sách phát triển bền vững nền kinh tế quốc gia trong tương lai. * *Cơ quan, đơn vị làm việc:* Sau khi tốt nghiệp ngành Kỹ thuật Địa chất, người học có thể làm trong các cơ quan, đơn vị như: + Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam: là cơ quan quản lý nhà nước với chức năng chính là quản lý tổng hợp tài nguyên khoáng sản rắn; quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Tổng cục theo quy định của pháp luật (http://www.dgmv.gov.vn). Các đơn vị chuyên môn trực thuộc Tổng cục gồm: + Vụ Địa chất, Vụ Khoáng sản, Vụ Chính sách và Pháp chế, Vụ Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Tổ chức cán bộ, Văn phòng Tổng cục, Cục Kinh tế Địa chất và Khoáng sản, Cục Kiểm soát hoạt động khoáng sản miền Bắc, Cục Kiểm soát hoạt động khoáng sản miền Trung, Cục Kiểm soát hoạt động khoáng sản miền Nam, Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Bắc, Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Nam, Liên đoàn Địa chất Đông Bắc, Liên đoàn Địa chất Tây Bắc, Liên đoàn Địa chất Bắc Trung Bộ, Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ, Liên đoàn Địa chất Xạ - Hiếm, Liên đoàn Vật lý Địa chất, Liên đoàn INTERGEO, Liên đoàn Địa chất và Khoáng sản biển, Trung tâm Kiểm định địa chất, Trung tâm Phân tích thí nghiệm địa chất, Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Tạp chí địa chất, Bảo tàng Địa chất. + Các phòng Địa chất - Khoáng sản thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tại 63 tỉnh, thành phố: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về địa chất và khoáng sản; Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về địa chất và khoáng sản; Sử dụng tài nguyên khoáng sản, phê duyệt và cấp phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền và trách nhiệm quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh - Thành phố. + Phòng tài nguyên thuộc 713 đơn vị cấp huyện hoặc tương đương: Thực hiện chức năng nhiệm vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản và môi trường gồm: Khoáng sản, tài nguyên nước, môi trường, biển

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		đổi khí hậu... + Các viện, trung tâm có chức năng nhiệm vụ nghiên cứu, điều tra về lĩnh vực tài nguyên khoáng sản như: Viện Địa chất, Viện Địa chất và Địa vật lý Biển - Viện Hàn lâm khoa học và Công nghệ Việt Nam; Viện khoa học Địa chất và Khoáng sản - Bộ Tài nguyên và Môi trường... + Các trường Đại học đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực kỹ thuật địa chất, quản lý tài nguyên khoáng sản như: Đại học Tài nguyên Môi trường Hà Nội (Khoa Địa chất); Đại học Tài nguyên Môi trường Hồ Chí Minh (Khoa Địa chất); Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Tự nhiên,... + Hệ thống các tổng công ty tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, tư vấn, điều tra khảo sát tài nguyên khoáng sản như Công ty Tài nguyên và Môi trường Miền Nam; Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường; Tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam; Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; Tập đoàn T&T; Tập đoàn Hòa Phát; Tập đoàn Massan,...

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_TĐ

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024 - 2025
Ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ

(Áp dụng cho khóa đào tạo ĐH14)

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT). - Đạt ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	Đào tạo kỹ sư ngành Trắc địa - Bản đồ ở bậc đại học có kiến thức và kỹ năng, có đủ năng lực và trình độ để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn; có năng lực dẫn dắt chuyên môn về Trắc địa - Bản đồ để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền; đặc biệt là các vấn đề trong lĩnh vực tài nguyên môi trường; Có phẩm chất chính trị, ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm công dân. Ngoại ngữ: Đạt chuẩn bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc A2 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra sinh viên đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh khi đạt 1 trong các chứng chỉ tương đương từ A2
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	- Tổng thời lượng: 133 Tín chỉ - Thời gian đào tạo: 4 năm - Chương trình đào tạo chi tiết: Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Trắc địa Bản đồ năm 2022
IV	Khả năng học tập,	Có khả năng học tập và nghiên cứu để được cấp bằng thạc sỹ.

TT	Nội dung	Thông tin công khai
	nâng cao trình độ sau khi ra trường	
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	Sinh viên sau khi được cấp bằng cử nhân Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ có thể: - Làm việc tại các Cơ quan quản lý Nhà nước từ trung ương đến địa phương có liên quan đến lĩnh vực Trắc địa - Bản đồ; - Làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ hoạt động về lĩnh vực đo đạc địa hình, địa chính, xây dựng, giao thông, định vị dẫn đường, xây dựng cơ sở dữ liệu không gian; - Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu trong lĩnh vực Trắc địa, Bản đồ; - Tự thành lập và tổ chức các hoạt động dịch vụ nghiên cứu, sản xuất và tư vấn liên quan đến lĩnh vực Trắc địa - Bản đồ.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_ĐA

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024 - 2025
Ngành Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm
(Áp dụng cho khóa đào tạo ĐH14)

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT). - Đạt ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	***Kiến thức*** **Kiến thức chung* (2.1.1). Nhận thức được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh Quốc phòng. (2.1.2). Hiểu được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội phù hợp với ngành đào tạo, hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về tiếng Anh, đọc hiểu được các tài liệu chuyên ngành, biết cách sử dụng các phần mềm tin học văn phòng. **Kiến thức chuyên môn* (2.1.3). Hiểu, áp dụng được các kiến thức cơ sở ngành về khoa học thực phẩm, nhập môn công nghệ thực phẩm, hóa sinh học thực phẩm vào thực hiện an toàn và đảm bảo chất lượng trong chế biến, sản xuất thực phẩm. (2.1.4). Vận dụng được trong thực tế kiến thức về công nghệ sản xuất và kiểm soát chất lượng thực phẩm như công nghệ sản xuất và kiểm soát chất lượng rượu, bia, nước giải khát; công nghệ sản xuất và kiểm soát chất lượng đường, bánh, kẹo; công nghệ chế biến và kiểm soát chất lượng sữa; công nghệ sản xuất và kiểm soát chất lượng trứng, thịt, thủy sản; công nghệ sản xuất và kiểm soát chất lượng nước chấm, gia vị… (2.1.5). Vận dụng được trong thực tế các kiến thức chuyên môn về an toàn thực phẩm như độc tố học thực phẩm, quản lý chuỗi cung ứng và truy nguyên nguồn gốc thực phẩm; các biện pháp bảo quản thực phẩm, đánh giá rủi ro và quản lý an toàn thực phẩm… (2.1.6). Vận dụng được trong thực tế các kiến thức chuyên môn về đảm bảo chất lượng thực phẩm như Phân tích vi sinh thực phẩm, Đánh giá cảm quan thực phẩm, Phân tích thực phẩm, Hệ

<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Thông tin công khai</th></tr>
<tr><td></td><td></td><td>thống quản lý và đảm bảo chất lượng thực phẩm…
(2.1.7). Vận dụng hiệu quả các kiến thức đã học để cập nhật, phân tích thông tin khoa học, đề xuất, tham gia hoặc chủ trì các công việc trong lĩnh vực chuyên ngành.
Kỹ năng
(2.2.1). Có kỹ năng dử dụng các trang thiết bị chuyên ngành trong phân tích và đánh giá chất lượng nguyên liệu và các sản phẩm thực phẩm; vận hành được các dây chuyền chế biến các sản phẩm thực phẩm như: bia, rượu, thịt, sữa, rau quả, lương thực, đường, bánh kẹo…
(2.2.2). Có khả năng áp dụng các hệ thống kiểm soát chất lượng thực phẩm trong nhà máy sản xuất thực phẩm; thực hiện các bước lập kế hoạch, quy trình kiểm tra, đánh giá quá trình sản xuất và chế biến thực phẩm.
(2.2.3). Có kỹ năng vận dụng thành thạo các văn bản pháp luật về đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, có khả năng phân tích, lập luận để giải quyết vấn đề liên quan đến công nghệ sản xuất và đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm.
(2.2.4). Có khả năng làm việc độc lập, hội nhập quốc tế và đáp ứng các yêu cầu của công nghệ 4.0:
+ Có khả năng giao tiếp, viết và trình bày kết quả; tích cực, chủ động, sáng tạo trong công việc;
(2.2.5). Có kỹ năng tổ chức và làm việc theo nhóm: Có khả năng tự giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra.
Trình độ ngoại ngữ và CNTT
+ Có kỹ năng giao tiếp và sử dụng ngoại ngữ: Đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt một trong các chứng chỉ tương đương từ B1 trở lên theo bảng quy đổi sau:
<table>
<tr><th>Khung tham chiếu CEFR</th><th>IELTS</th><th>TOEIC</th><th>TOEFL ITP</th><th>TOEFL CBT</th><th>TOEFL IBT</th><th>Cambridge Tests</th><th>Chuẩn Việt Nam</th></tr>
<tr><td>B1</td><td>4.5</td><td>450</td><td>450</td><td>133</td><td>45</td><td>PET</td><td>3</td></tr>
</table>
+ Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép;</td></tr>
<tr><td>III</td><td>Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện</td><td>- Tổng thời lượng: 133 tín chỉ
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Chương trình đào tạo chi tiết (Link đính kèm):</td></tr>
</table>

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm 2022
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn lên trình độ cao hơn
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	1. Tại các nhà máy, công ty chế biến thực phẩm: Chuyên viên kiểm soát và đảm bảo chất lượng nguyên liệu vào, vận hành thiết bị sản xuất, quản lý sản xuất, kiểm tra, giám sát và phân tích chất lượng sản phẩm, nghiên cứu và phát triển sản phẩm,… 2. Tại các cơ quan quản lý nhà nước (Các sở Công thương, sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, sở khoa học và công nghệ, chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm, chi cục thú y, cục dự trữ lương thực thực phẩm …): Chuyên viên phụ trách nghiên cứu, chuyển giao, phát triển sản phẩm thực phẩm, xây dựng và giám sát các hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm nông nghiệp, chuyên viên phân tích và đánh giá chất lượng sản phẩm thực phẩm. 3. Tại các bếp ăn công nghiệp của các nhà máy, trường học, nhà hàng lớn: Chuyên viên kiểm soát và đảm bảo chất lượng nguyên liệu chế biến, kiểm soát và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong chế biến, xây dựng khẩu phần dinh dưỡng… 4. Tại các trung tâm, viện nghiên cứu: Nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, kỹ thuật viên phân tích chỉ tiêu chất lượng, xây dụng hệ thống quản lý chất lượng thực phẩm HACCP, ISO, GMP, VietGAP, GLOBALGAP,… 5. Tại các hệ thống siêu thị: Vị trí đánh giá nhà cung ứng, quản lí ngành hàng thực phẩm. 6. Tại các bệnh viện, trung tâm y tế: Chuyên viên dinh dưỡng tại khoa dinh dưỡng, chuyên viên xét nghiệm tại khoa xét nghiệm, nhân viên truyền thông về an toàn thực phẩm. 7. Tại trường trung cấp, cao đẳng, đại học: Giảng viên giảng dạy về lĩnh vực chế biến thực phẩm, quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm. 8. Tại các công ty hóa chất, kinh doanh thiết bị liên quan đến thực phẩm: Kiểm soát và đảm bảo chất lượng vật tư, hóa chất, chuyên gia tư vấn thiết bị và hóa chất thuộc lĩnh vực sản xuất và kiểm soát chất lượng thực phẩm.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_QTDL

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024-2025
Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

(Áp dụng cho khóa đào tạo ĐH14)

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Điều kiện đăng ký tuyển sinh: - Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT). - Đạt ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	Đào tạo cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành đạt được các mục tiêu như sau: a) Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, có sức khoẻ tốt để phát triển sự nghiệp cá nhân và xây dựng đất nước. b) Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị và pháp luật; Có kiến thức nền tảng về kinh tế và quản trị kinh doanh; Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu và thực tiễn về quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành để vận dụng giải quyết các công việc chuyên môn gắn với phát triển kinh tế bền vững. c) Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong hoạt động quản trị

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		dịch vụ du lịch và lữ hành. d) Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu, diễn đạt, xử lý những tình huống thường gặp trong hoạt động chuyên môn. e) Có năng lực tự chủ trong công việc, có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Có tinh thần trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. g) Có năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	- Tổng thời lượng: 133 Tín chỉ - Thời gian đào tạo: 04 năm - Chương trình đào tạo chi tiết: Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành năm 2022
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường: - Đào tạo cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có kiến thức nền tảng và kỹ năng chuyên sâu về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành cũng như ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để thực hiện các công việc trong ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế; đồng thời có năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm và có khả năng học tập lên trình độ cao hơn. - Có năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	VT1: Quản lý, giám sát, điều hành, tổ trưởng trong các bộ phận tác nghiệp và chức năng tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành, khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, các cơ sở kinh doanh phục vụ

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		khách du lịch khác. VT2: Hướng dẫn viên, thiết kế chương trình du lịch, điều hành chương trình du lịch, nhân viên kinh doanh, nhân viên tổ chức sự kiện – hội nghị, nhân viên tư vấn, chăm sóc khách hàng,… tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành, 4 khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, khu di tích lịch sử, các cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác. VT3: Chuyên viên tại các bộ phận quản lý về du lịch và khách sạn ở các cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc tổng cục du lịch, vụ lữ hành, các Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tại các địa phương.Chuyên viên trong các tổ chức phi chính phủ về dự án trong mảng du lịch cộng đồng. Tư vấn viên tại các tổ chức tư vấn trong nước và quốc tế về du lịch và khách sạn. VT4: Trợ giảng, giảng viên trong các trường Đại học, Cao đẳng đào tạo liên quan đến ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. VT5: Tự thành lập và điều hành các công ty dịch vụ du lịch và lữ hành. Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ trong quá trình công tác và tiếp tục theo học các chương trình đào tạo trình độ cao hơn: Thạc sĩ, Tiến sĩ các chuyên ngành về Du lịch.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_QTKS

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024-2025
Ngành Quản trị khách sạn

(Áp dụng cho khóa đào tạo ĐH14)

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Điều kiện đăng ký tuyển sinh: - Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT). - Đạt ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	a) Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, có sức khoẻ tốt để phát triển sự nghiệp cá nhân và xây dựng đất nước. b) Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị, pháp luật; Có kiến thức nền tảng về kinh tế và quản trị kinh doanh; Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu và thực tiễn về Quản trị khách sạn, nhà hàng và dịch vụ ăn uống để vận dụng giải quyết các công việc chuyên môn. c) Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong hoạt động quản trị khách sạn, nhà hàng và dịch vụ ăn uống; d) Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu, diễn đạt, xử lý những tình huống thường gặp trong hoạt động chuyên môn. e) Có năng lực tự chủ trong công việc, tự định hướng, thích

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Có tinh thần trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội; g) Có năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyen môn nghiệp vụ và phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	- Tổng thời lượng: 133 tín chỉ - Thời gian đào tạo: 04 năm - Chương trình đào tạo chi tiết: Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quản trị khách sạn năm 2022
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường: - Đào tạo cử nhân Quản trị khách sạn có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có kiến thức lý thuyết toàn diện, kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị khách sạn, nhà hàng và dịch vụ ăn uống cũng như ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để thực hiên các công việc trong ngành quản trị khách sạn, nhà hàng và dịch vụ ăn uống, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của nền kinh tế, đồng thời có năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm và có khả năng học tập lên trình độ cao hơn. - Có năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyen môn nghiệp vụ và phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	VT1: Quản lý, giám sát, điều hành trong các bộ phận tác nghiệp và chức năng tại các cơ sở lưu trú, các khách sạn - nhà hàng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ăn uống hay các cơ sở kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch khác. VT2: Nhân viên lễ tân, buồng phòng, tổ chức sự kiện, chăm sóc khách hàng, kinh doanh tiếp thị, nhân sự,… tại các bộ phận tác nghiệp và chức năng trong các cơ sở lưu trú, các khách sạn - nhà hàng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ăn uống hay các cơ sở kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch khác. VT3: Chuyên viên tại các bộ phận quản lý về du lịch và

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		khách sạn ở các cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc tổng cục du lịch, vụ khách sạn, các Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tại các địa phương. Tư vấn viên tại các tổ chức tư vấn trong nước và quốc tế về du lịch và khách sạn; VT4: Nghiên cứu viên, trợ giảng, giảng viên tại các cơ sở giáo dục, các cơ sở nghiên cứu liên quan tới các lĩnh vực nhà hàng và khách sạn. VT5: Tự thành lập và điều hành (CEO) các cơ sở lưu trú, các khách sạn, nhà hàng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ăn uống.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_QM

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024-2025
Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT). - Đạt ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	***Về kiến thức*** - Nhận thức được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh Quốc phòng; - Hiểu được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội phù hợp với ngành đào tạo; - Đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt một trong các chứng chỉ tương đương từ B1 trở lên. - Ứng dụng kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. ** Kiến thức chuyên môn:* - Hiểu, vận dụng được các kiến thức về cơ sở khoa học môi trường, quản lý môi trường, đa dạng sinh học, hệ thống pháp luật về tài nguyên và môi trường, quan trắc và phân tích môi trường, công nghệ môi trường, kỹ năng nghiên cứu tài nguyên và môi trường để sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; - Hiểu, vận dụng được các kiến thức ngành về truyền thông về tài

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		nguyên và môi trường; điều tra đánh giá và chi trả dịch vụ hệ sinh thái; đánh giá, quản lý rủi ro và phục hồi hệ sinh thái để quản lý, bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác tài nguyên, định giá tài nguyên để sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo tồn đa dạng sinh học; - Hiểu, vận dụng được các kiến thức ngành về quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại, quản lý môi trường đô thị, công nghiệp và làng nghề, quy trình và phương pháp đánh giá tác động môi trường, quy hoạch bảo vệ môi trường, kiểm toán môi trường để phục vụ công tác quản lý nhà nước về môi trường; - Hiểu, vận dụng được các kiến thức ngành về hệ thống quản lý môi trường, sức khỏe an toàn môi trường (HSE), tư vấn thủ tục hành chính về môi trường để phục vụ quản trị môi trường doanh nghiệp; - Ứng dụng các kiến thức về mô hình hóa môi trường, công nghệ 4.0 trong quản lý tài nguyên và môi trường để nâng cao hiệu quả quản lý và hội nhập, hợp tác quốc tế. ***Kỹ năng*** ** Kỹ năng chung:* - Có năng lực xây dựng và thực hiện được các chương trình, kế hoạch về các hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Có năng lực lập luận, tư duy, phân tích, đánh giá, hỗ trợ ra quyết định trong quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường; ** Kỹ năng chuyên môn:* - Có kỹ năng vận dụng thành thạo các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường và các công cụ kiểm soát môi trường trong kiểm soát môi trường các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ; - Thực hiện thành thạo việc tư vấn hoặc trực tiếp thực hiện được các thủ tục hành chính liên quan tới bảo vệ môi trường mà doanh nghiệp phải tuân thủ theo các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường; - Có khả năng giao tiếp, viết và trình bày kết quả; tích cực, chủ động, sáng tạo trong công việc; Có khả khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và đáp ứng các yêu cầu của công nghệ 4.0 đồng thời có khả năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh; đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành; - Có kỹ năng tổ chức và làm việc theo nhóm: Có khả năng tự giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra. ***Năng lực tự chủ và trách nhiệm*** - Có năng lực giải quyết vấn đề chuyên môn và nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; - Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý tài nguyên và môi trường; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

TT	Nội dung	Thông tin công khai
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	- Tổng thời lượng: 133 tín chỉ - Thời gian đào tạo: 4 năm. - Chương trình đào tạo chi tiết: Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên và Môi trường năm 2022
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn lên trình độ cao hơn
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	- Làm việc tại các doanh nghiệp, ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, bệnh viện: Quản lý, vận hành, điều khiển, bảo trì các hệ thống xử lý chất thải; xây dựng và duy trì các hệ thống quản lý chất lượng môi trường; thực hiện công tác an toàn sức khỏe và lao động trong doanh nghiệp; hoàn thiện các hồ sơ thủ tục môi trường trong doanh nghiệp… - Làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước các cấp: Thực hiện các công việc liên quan đến quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường; - Làm việc trong viện nghiên cứu, trung tâm tư vấn liên quan đến quản lý môi trường, đánh giá tác động môi trường; - Làm việc tại các đơn vị đào tạo: nghiên cứu và trợ giảng các nội dung liên quan đến các kiến thức chuyên ngành về quản lý môi trường, triển vọng trong tương lai có thể trở thành các giảng viên, nghiên viên có chuyên môn sâu trong lĩnh vực này. − Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường: Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp thông qua việc học tập và nghiên cứu để đạt được các chứng chỉ hành nghề chuyên nghiệp; có đủ năng lực tham gia chương trình đào tạo sau đại học ngành QLTN&MT, ngành Khoa học môi trường và các ngành thuộc khối ngành gần

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_KTTN

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024-2025
Ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

<table>
<tr><th>TT</th><th>Nội dung</th><th>Thông tin công khai</th></tr>
<tr><td>I</td><td>Điều kiện đăng ký tuyển sinh</td><td>- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT Việt Nam) ở nước ngoài hoặc Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT).
- Đạt ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.</td></tr>
<tr><td>II</td><td>Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được</td><td>❖ Kiến thức
* Kiến thức chung
- Nhận thức được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh Quốc phòng;
- Hiểu được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội phù hợp với ngành đào tạo. Đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt một trong các chứng chỉ tương đương từ B1 trở lên theo bảng quy đổi sau:
<table>
<tr><th>Khung tham chiếu CEFR</th><th>IELTS</th><th>TOEIC</th><th>TOEFL ITP</th><th>TOEFL CBT</th><th>TOEFL IBT</th><th>Cambridge Tests</th><th>Chuẩn Việt Nam</th></tr>
<tr><td>B1</td><td>4.5</td><td>450</td><td>450</td><td>133</td><td>45</td><td>PET</td><td>3</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		Ứng dụng kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. ** Kiến thức chuyên môn* - Hiểu, vận dụng được các kiến thức về cơ sở khoa học môi trường, địa lý kinh tế, kinh tế môi trường, kinh tế tài nguyên, quản lý tài nguyên và môi trường, các kỹ thuật phân tích, định mức kinh kế, phương pháp nghiên cứu kinh tế tài nguyên và môi trường... - Hiểu, vận dụng được các kiến thức ngành về phân tích chi phí lợi ích, thuế và phí tài nguyên, kinh tế học về kiểm soát ô nhiễm, hạch toán quản lý môi trường, thương mại và môi trường… - Hiểu, vận dụng được các kiến thức ngành về kinh tế môi trường như: Quản lý môi trường theo quan điểm tiếp cận vòng đời, kiểm kê phát thải, kiểm toán môi trường, sản xuất thân thiện với môi trường, hạch toán môi trường và vốn tự nhiên… - Hiểu, vận dụng được các kiến thức ngành về kinh tế tài nguyên thiên nhiên như: lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường, kinh tế sinh thái và phát triển bền vững, kinh tế du lịch, kinh tế tài nguyên đất, kinh tế tài nguyên nước, chi trả dịch vụ hệ sinh thái, kinh tế biển… - Ứng dụng các kiến thức về kinh tế tuần hoàn, hạch toán quản lý môi trường, quản trị môi trường doanh nghiệp, xây dựng mô hình quản lý môi trường doanh nghiệp, sức khỏe - an toàn - môi trường (HSE)… nhằm sử dụng hiệu quả bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường trong nền kinh tế thị trường và hội nhập, hợp tác quốc tế. ❖ **Kỹ năng** ** Kỹ năng chung* - Có năng lực xây dựng và thực hiện được các chương trình, kế hoạch về các hoạt động trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên và môi trường; - Có năng lực lập luận, tư duy, phân tích, đánh giá, hỗ trợ ra quyết định trong phát triển bền vững kinh tế dựa vào tài

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		nguyên thiên nhiên gắn với bảo vệ môi trường; ** Kỹ năng chuyên môn* - Có kỹ năng vận dụng thành thạo các công cụ kinh tế trong lượng giá tài nguyên và môi trường, chi trả dịch vụ hệ sinh thái, kinh tế du lịch, kinh tế tài nguyên đất, nước; - Thực hiện thành thạo việc phân tích chi phí lợi ích, hạch toán quản lý môi trường, kiểm toán môi trường, kiểm kê phát thải, hạch toán môi trường và vốn tự nhiên; - Có khả năng giao tiếp, viết và trình bày kết quả; tích cực, chủ động, sáng tạo trong công việc; Có khả khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và đáp ứng các yêu cầu của công nghệ 4.0 đồng thời có khả năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh; đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành; - Có kỹ năng tổ chức và làm việc theo nhóm: Có khả năng tự giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra. ❖ **Năng lực tự chủ và trách nhiệm** - Có năng lực giải quyết vấn đề chuyên môn và nghiệp vụ thuộc lĩnh vực kinh tế tài nguyên và môi trường; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi và phát triển trong các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; - Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý tài nguyên và môi trường; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	Tổng thời lượng: 133 tín chỉ Thời gian đào tạo: 04 năm Chương trình đào tạo chi tiết: Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên năm 2022
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp thông qua việc học tập và nghiên cứu để đạt được các chứng chỉ hành nghề chuyên nghiệp; có đủ năng lực tham gia chương trình đào tạo sau đại học ngành, Quản lý kinh tế, Kinh tế phát triển, Quản lý tài nguyên và môi trường, ngành Khoa học môi trường và các ngành thuộc khối ngành gần.

TT	Nội dung	Thông tin công khai
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	+ Làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước các cấp như: Thực hiện các công việc liên quan đến kinh tế môi trường, kinh tế tài nguyên, với vai trò là chuyên viên tại Bộ/Sở Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn…; + Làm việc tại các doanh nghiệp, ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất…: + Đảm nhiệm công tác tư vấn, quản lý, phân tích tài chính về tài nguyên và môi trường tại các công ty tư vấn, các doanh nghiệp khai thác và kinh doanh tài nguyên và cải thiện ô nhiễm môi trường, các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa, dịch vụ; + Làm việc trong viện nghiên cứu, trung tâm tư vấn liên quan đến kinh tế môi trường, kinh tế tài nguyên; Quản lý các dự án của chính phủ và phi chính phủ về quản lý và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. + Làm việc tại các đơn vị đào tạo: nghiên cứu và trợ giảng các nội dung liên quan đến các kiến thức chuyên ngành về kinh tế môi trường, kinh tế tài nguyên triển vọng trong tương lai có thể trở thành các giảng viên, nghiên viên có chuyên môn sâu trong lĩnh vực này.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024
TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_QĐ

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024-2025
Ngành Quản lý đất đai

(Áp dụng cho khóa đào tạo ĐH14)

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT). - Đạt ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	1. Kiến thức: Sau khi tốt nghiệp ra trường, người học có khả năng: * Kiến thức chung: 2.1.1. Hiểu và vận dụng được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh - Quốc phòng. 2.1.2. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, xã hội và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp với ngành đào tạo, làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên ngành; hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về tiếng Anh tương đương trình độ 3/6 (theo Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học và Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 1 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam); ứng dụng kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức chuyên môn (theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin).

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		* Kiến thức chuyên môn: 2.1.3. Áp dụng các kiến thức, phương pháp khoa học đất để phân tích và đánh giá được hiện trạng tài nguyên môi trường nói chung, tài nguyên đất đai, đánh giá chất lượng đất đai, tiềm năng đất đai, phân hạng đất nông nghiệp, đánh giá thoái hoá đất, ô nhiễm đất phục vụ quản lý và sử dụng đất hiệu quả, bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu. 2.1.4. Hiểu và áp dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin và kỹ thuật, chuyển đổi số trong công tác quản lý đất đai như đo đạc địa chính, bản đồ địa chính, xây dựng hệ thống thông tin địa lý và đất đai. 2.1.5. Hiểu và áp dụng được các kiến thức trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, kiến thức tiếng Anh chuyên ngành để tổ chức thực hiện các nghiệp vụ chuyên ngành về quản lý đất đai, bao gồm: Tổ chức xây dựng và thực hiện quy hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống kê, kiểm kê đất đai; quản lý và kinh doanh bất động sản, tài chính đất, thanh tra đất đai, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai; đánh giá đất; định giá đất và từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai trong thực tiễn. 2.1.6. Áp dụng và phân tích được các kiến thức tổng hợp (pháp luật, quy hoạch, kinh tế, công nghệ) đã học để quản lý và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai. 2. Kỹ năng Sau khi tốt nghiệp ra trường, người học có các kỹ năng: * Kỹ năng chung: Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. * Kỹ năng chuyên môn: 2.2.1. Vận dụng được các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai, trong bộ máy quản lý đất đai từ trung ương tới các cấp cơ sở. 2.2.2. Vận dụng được việc tìm kiếm và tổng hợp thông tin, giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác quản lý nhà nước về đất đai một cách khoa học, hiệu quả.

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		2.2.3. Vận dụng được kiến thức trong điều tra đánh giá chất lượng đất, thoái hóa đất, phân hạng đất nông nghiệp, đánh giá ô nhiễm đất; đánh giá tác động môi trường; lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. 2.2.4. Sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật hiện đại trong lĩnh vực quản lý đất đai như các loại máy trắc địa để đo đạc, lập bản đồ địa chính và các loại bản đồ chuyên đề, các phần mềm ứng dụng trong chuyên ngành về xây dựng bản đồ, cơ sở dữ liệu đất đai như Vilis 2.0; Famis; Microstation... 2.2.5. Thành thạo việc lập và cập nhật hồ sơ địa chính, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và biến động đất đai, hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; xác định được giá đất, và các nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai. 2.2.6. Có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm; giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra. 2.2.7. Có kỹ năng giao tiếp trong cộng đồng, truyền đạt thông tin, đàm phán, diễn thuyết, trình bày, phản biện, tư duy logic; kỹ năng soạn thảo các loại văn bảncó khả năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng anh; có khả năng đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành hành chính, hợp đồng liên quan đến quản lý đất đai.. 2.2.8. Có kỹ năng tìm việc làm; tìm kiếm thông tin về việc làm, chuẩn bị hồ sơ xin việc và trả lời phỏng vấn nhà tuyển dụng. 3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm 2.3.1. Có thái độ cầu thị, cởi mở, có năng lực dẫn dắt, phát huy trí tuệ tập thể, đưa ra được kết luận về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác quản lý đất đai. 2.3.2. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. 2.3.3. Có phẩm chất đạo đức, niềm tin vào Đảng và Nhà nước. Có sự tích cực và chủ động học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý đất đai.
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	- Tổng thời lượng: 133 Tín chỉ - Thời gian đào tạo: 4 năm - Chương trình đào tạo chi tiết: Bản mô tả chương trình đào tao ngành quản lý đất đai năm 2022
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ	Có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

TT	Nội dung	Thông tin công khai
	sau khi ra trường	
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	- Cán bộ, chuyên viên làm công tác quản lý Nhà nước về đất đai tại các cơ quan Trung ương (Cục, Vụ, Thanh tra, Văn phòng,…) và các cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai tại địa phương cấp tỉnh, cấp huyện (Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện); công chức làm nhiệm vụ về quản lý đất đai, địa chính cấp xã; - Viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp nhà nước trong lĩnh vực đất đai tại trung ương và địa phương (Văn phòng đăng ký đất đai, trung tâm phát triển quỹ đất, Trung tâm kỹ thuật địa chính…); Cán bộ bộ phận hành chính công xử lý hồ sơ lĩnh vực quản lý đất đai (cấp tỉnh, huyện, xã); - Nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu về lĩnh vực đất đai; Giảng viên trong các Học viện, trường Đại học, Cao đẳng có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực ngành Quản lý đất đai; - Chuyên gia làm dịch vụ tư vấn trong các lĩnh vực tổ chức trong nước, quốc tế, liên chính phủ và phi chính phủ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên đất đai, dự án có liên quan đến đất đai; - Kỹ thuật viên, nhân viên làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức tư vấn hoạt động trong lĩnh vực Quản lý đất đai như xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, tài nguyên môi trường; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai; đánh giá đất; định giá đất; phân tích và kiểm soát số lượng và chất lượng đất; đo đạc thành lập bản đồ các loại; các công ty môi giới kinh doanh bất động sản; các công ty xây dựng, giao thông, thủy lợi; các tổ chức tài chính tín dụng… - Tự khởi nghiệp trong lĩnh vực quản lý đất đai hoặc các lĩnh vực khác có liên quan: làm chủ các doanh nghiệp, tự kinh doanh cá thể, hộ gia đình …

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024
TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_TNN

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024-2025
Ngành Quản lý Tài nguyên nước

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT). - Đạt ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	* Kiến thức chuyên môn: - Hiểu và áp dụng các kiến thức cở ngành về vòng tuần hoàn nước trong tự nhiên từ đó phân tích được các thành phần tính chất, quy luật vận động, xu thế biến đổi theo không gian, thời gian của tài nguyên nước. - Áp dụng kiến thức nền tảng và chuyên ngành trong quản lý tài nguyên nước: điều tra, quan trắc, đánh giá và quản lý tài nguyên nước theo số lượng, chất lượng dựa trên hệ thống văn bản chính sách đang thực hiện. - Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu áp dụng vào quản lý tổng hợp tài nguyên nước đối với một vùng và một lưu vực sông cụ thể gồm: Phân tích hệ thống tài nguyên nước, mối quan hệ giữa nước mặt nước dưới đất, tác động các công trình, kết hợp các công cụ kỹ thuật, mô hình từ đó đưa ra các hướng tiếp cận và thực trong quy hoạch và quản lý tài nguyên nước. - Đạt trình độ tiếng Anh bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc đạt chứng chỉ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu và tương đương. - Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và tương đương do Trường Đại học Tài

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch. - Sử dụng được Internet và các phần mềm chuyên ngành như: MapInfo, Autocad, GIS.. * Kỹ năng chuyên môn - Có khả năng xây dựng các bước thực hiện trong quy hoạch và quản lý, điều tra quan trắc, phân tích và biên tập số liệu tài nguyên nước; sử dụng các thiết bị trong phân tích xử lý nước, vận hành máy móc và sử dụng thành thạo công cụ kỹ thuật trong điều tra quan trắc theo đúng quy phạm. - Vận dụng thành thạo các văn bản pháp quy, tiêu chuẩn quy phạm và chính sách của Nhà nước áp dụng cụ thể trong quản lý tài nguyên nước đối với các vùng nghiên cứu cụ thể thuộc địa phương. - Áp dụng được các phần mềm chuyên ngành, làm chủ và tiếp thu khoa học công nghệ tiên tiến của nghề nghiệp: phần mềm mô hình, phần mềm ứng dụng thành lập được các bản đồ chuyên ngành theo yêu cầu, vận dụng thực hiện các nội dung chuyên môn. - Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm: Có khả năng tự giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra. - Kỹ năng tìm việc làm: Có khả năng tự tìm kiếm thông tin về việc làm, chuẩn bị hồ sơ xin việc và trả lời phỏng vấn nhà tuyển dụng. *Năng lực tự chủ, tực chịu trách nhiệm - Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực Quản lý tài nguyên nước; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. - Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. - Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	- Tổng thời lượng: 133 tín chỉ - Thời gian đào tạo: 4 năm - Chương trình đào tạo chi tiết: Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên nước năm 2022
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi sinh viên ra trường có thể học tập ở trình độ cao hơn trong nước cũng như ở nước ngoài.
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	Sau khi tốt nghiệp ngành Kỹ thuật Địa chất, người học có thể làm trong các cơ quan, đơn vị như: - Cán bộ, viên chức, chuyên viên tại các cơ quan hành chính Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Quản lý Tài nguyên nước, Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên nước quốc gia, các trường đại học, các liên đoàn khảo sát điều tra Tài nguyên nước; các Đài khí tượng thủy văn Bắc/ Trung/

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		Nam…) hoặc các Bộ, ngành hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến Tài nguyên nước, Khoa học trái đất và Môi trường, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Giao thông vận tải; - Kỹ thuật viên, chuyên gia trong các công ty hoạt động về viễn thám, bản đồ, GIS - Chuyên gia tư vấn về chính sách, pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên nước cho các công ty, dự án nước ngoài - Chuyên gia quản lý, tư vấn tại các công ty tư vấn, giám sát, các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực liên quan đến tài nguyên nước như thủy điện, thủy lợi, cấp thoát nước, môi trường; - Nghiên cứu viên khoa học trong trường đại học, viện nghiên cứu của Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc các Bộ, ngành hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến Tài nguyên nước như Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP Hồ Chí Minh, Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường miền Trung, Viện Khí tượng, Thủy văn và Biến đổi khí hậu (Bộ Tài nguyên và Môi trường), Viện quy hoạch Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn); Viện khoa học Địa chất (Bộ Khoa học Công nghệ); - Giảng viên: trợ giảng ở trình độ đại học, giảng dạy ở trình độ trung cấp, cao đẳng tại các viện, trường có đào tạo về lĩnh vực tài nguyên nước, địa chất thủy văn - Tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_QB

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024-2025
Ngành Quản lý biển

(Áp dụng cho khóa đào tạo ĐH14)

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	-Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT Việt Nam) ở nước ngoài hoặc Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT). - Đạt ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	- Đào tạo cử nhân trình độ đại học về quản lý tài nguyên và môi trường biển, bao gồm quản lý vùng bờ biển, hải đảo và đại dương, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội biển bền vững, góp phần bảo vệ chủ quyền vùng biển của Tổ quốc. - Người học sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Quản lý biển có khả năng quan trắc các yếu tố thủy khí động lực nhằm phân tích, đánh giá, xử lý các nguồn dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý; - Thành thạo trong phân tích tổng hợp, xử lý các nguồn thông tin về tài nguyên và môi trường biển như khoáng sản, năng lượng và du lịch biển... phục vụ công tác quản lý biển; - Có kỹ năng tham gia về việc xây dựng pháp luật, hoạch định chính sách và hỗ trợ ra quyết định trong các vấn đề về quản lý, quy hoạch, khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường biển; - Có kỹ năng phân tích lợi ích và chi phí hiệu quả đối với tài nguyên môi trường biển nhằm phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển. - Đạt chuẩn bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc A2 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	- Tổng thời lượng: 133 tín chỉ - Thời gian đào tạo: 4 năm - Chương trình đào tạo chi tiết: Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Quản lý biển

TT	Nội dung	Thông tin công khai
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Có khả năng học tiếp ở các bậc sau đại học trong và ngoài nước theo các quy định hiện hành.
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	Sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Quản lý biển, người học có thể làm trong các cơ quan, đơn vị như: + Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam: Quản lý tổng hợp tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo; quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Tổng cục theo quy định của pháp luật (http://www.vasi.gov.vn). Các đơn vị chuyên môn trực thuộc Tổng cục hiện nay gồm Cục Kiểm soát tài nguyên và Bảo vệ môi trường biển, hải đảo; Cục Quản lý điều tra cơ bản biển và hải đảo; Cục Quản lý khai thác biển và hải đảo. + Các Chi cục biển đảo thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tại 28 tỉnh, thành phố có bờ biển: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về biển, đảo; Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về biển, đảo; Sử dụng tài nguyên biển và hải đảo, quy hoạch mạng lưới dịch vụ, đề án thành lập khu bảo tồn biển, khu bảo tồn đất ngập nước ven biển thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường. + Phòng tài nguyên và môi trường các huyện ven biển: Thực hiện chức năng nhiệm vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường gồm: Đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, môi trường, biến đổi khí hậu... + Các viện, trung tâm có chức năng nhiệm vụ nghiên cứu, điều tra về lĩnh vực tài nguyên môi trường biển như: Viện nghiên cứu biển và Hải đảo; Viện Tài nguyên Môi trường biển; Viện địa chất và Địa vật lý biển; Viện hải văn và Môi trường biển; Viện hải dương học; Viện nghiên cứu hải sản; Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản (Phòng địa chất biển); Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu (Trung tâm nghiên cứu Thủy văn và Hải văn); Viện nghiên cứu nuôi trồng thuỷ sản 1; Viện nghiên cứu nuôi trồng thuỷ sản 2; Viện nghiên cứu nuôi trồng thuỷ sản 3; Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên - môi trường biển khu vực phía Bắc; Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên - môi trường biển khu vực phía Nam; Trung tâm Hải Văn; Trung tâm Truyền thông tài nguyên và môi trường... + Các trường Đại học đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực hệ sinh thái biển, luật chính sách biển, nguồn lợi hải sản, môi trường biển, công trình biển như: Đại học Tài nguyên Môi trường Hà Nội (Khoa học biển & Hải đảo); Đại học Tài nguyên Môi trường Hồ Chí Minh (Bộ môn Quản lý tài nguyên và môi trường biển đảo); Đại học Thủy lợi (Khoa Kỹ thuật biển); Đại học Xây dựng (Khoa công trình thủy); Đại học Hàng Hải; Đại học Hải Phòng... + Các tổ chức quốc tế hoạt động trong các lĩnh vực liên quan đến nghiên cứu, quản lý biển và hải đảo như: Trung tâm hỗ trợ phát triển xanh Greenhub; Trung tâm bảo tồn sinh vật biển và phát triển cộng đồng MCD; World Wide Fund For Nature... + Các công ty hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, tư vấn, điều

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		tra khảo sát tài nguyên, môi trường biển như Công ty Tài nguyên và Môi trường Miền Nam; Tổng công ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường...

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

BIỂU 17A.ĐH_NNA

THÔNG BÁO
Công khai cam kết chất lượng đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024-2025
Ngành Ngôn Ngữ Anh

TT	Nội dung	Thông tin công khai
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT). - Đạt ngưỡng Đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định Quy chế tuyển sinh và Đề án tuyển sinh.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được	Sinh viên tốt nghiệp từ ngành ngôn ngữ Anh đạt được các mục tiêu sau: a. Hiểu biết chính trị và pháp luật tốt, có kiến thức cơ sở về công nghệ thông tin, nắm vững các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. b. Hiểu biết cơ bản về văn học, văn hóa, văn minh của các nước nói tiếng Anh, về lịch sử, văn hóa các nước Asean và kiến thức nền tảng vững vàng về ngôn ngữ học. c. Giao tiếp thông thạo bằng tiếng Anh trong các tình huống xã hội. d. Có được các kỹ năng cơ bản về biên phiên dịch trong các lĩnh vực chính trị xã hội, kinh tế, du lịch và một số lĩnh vực riêng về tài nguyên - môi trường. e. Nắm vững kiến thức cơ bản về phương pháp luận NCKH, đối chiếu ngôn ngữ, có khả năng tự học và tự nghiên cứu để

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		có thể vươn lên những bậc học cao hơn. f. Có khả năng sử dụng được một ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh trong giao tiếp cơ bản và đọc, dịch tài liệu. g. Nắm vững một số kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp: Kĩ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề, khả năng tư duy phản biện, thu thập thông tin, vv..., và đặc biệt là khả năng ứng dụng công nghệ thông tin. h. Có khả năng thích ứng được với các môi trường làm việc đa dạng như thương mại, du lịch, văn phòng, sản xuất, nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy
III	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện	- Tổng thời lượng: 133 tín chỉ - Thời gian đào tạo: 4 năm - Chương trình đào tạo chi tiết (Link đính kèm): Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Ngôn Ngữ Anh năm 2022
IV	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Sau khi tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh, người học có khả năng và năng lực công tác và học tập nâng cao trình độ: - Công tác trong các doanh nghiệp trong nước có thông thương, hợp tác quốc tế, các doanh nghiệp, nhà máy có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Đảm nhận được công việc tại các sở ban ngành, các cơ quan nhà nước và các tổ chức trong và ngoài nước liên quan đến việc sử dụng tiếng Anh.; - Đảm nhận được công việc tại các cơ quan nghiên cứu ngôn ngữ-văn hoá trong và ngoài nước sử dụng tiếng Anh; - Đảm nhận được công việc tại các tập đoàn, công ty, doanh nghiệp có liên quan công việc giao tiếp quốc tế, đối ngoại, phiên dịch hay biên dịch sử dụng tiếng Anh; - Giảng dạy tiếng Anh tại các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp cao đẳng và đại học (nếu có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)
V	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp	- Phiên dịch viên - Biên dịch viên - Hướng dẫn viên du lịch - Lễ tân tại các nhà hàng, khách sạn quốc tế

TT	Nội dung	Thông tin công khai
		- Chuyên viên phụ trách các công việc về quan hệ quốc tế tại các cơ quan, doanh nghiệp - Biên tập viên các chuyên mục quốc tế của báo, tạp chí, đài truyền hình - Giáo viên tiếng Anh

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024
TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu mẫu 17B

THÔNG BÁO
Công khai các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt năm học 2024-2025

STT	Trình độ/hình thức đào tạo	Nội dung chính sách và hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt
1	Học viên cao học.	- Các hoạt động ngoại khóa; các câu lạc bộ; các cuộc thi. ....; - Các thủ tục làm thẻ liên kết học viên; - Thủ tục mua BHYT; - Xác nhận các loại giấy tờ cho học viên khi có nhu cầu như; - Giải đáp các thắc mắc của học viên.
2	Sinh viên đại học chính quy.	- Cung cấp các thông tin về Miễn, giảm học phí; Trợ cấp xã hội, Hỗ trợ chi phí học tập; - Cung cấp các thông tin về thủ tục xét cấp học bổng khuyến khích học tập; - Cung cấp các thông tin về học bổng tài trợ của đơn vị tài trợ. - Các hoạt động ngoại khóa; các câu lạc bộ; các cuộc thi. ....; - Các thủ tục làm thẻ liên kết, sinh viên; - Thủ tục mua BHYT; - Xác nhận các loại giấy tờ cho sinh viên khi có nhu cầu như: Làm vé xe buýt, vay vốn sinh viên, ...; - Giải đáp các thắc mắc của sinh viên.
3	Sinh viên đại học vừa làm vừa học.	- Các hoạt động ngoại khóa; các câu lạc bộ; các cuộc thi. ....; - Các thủ tục làm thẻ liên kết, sinh viên; - Thủ tục mua BHYT; - Xác nhận các loại giấy tờ cho sinh viên khi có nhu cầu như: Làm vé xe buýt, vay vốn sinh viên, ...; - Giải đáp các thắc mắc của sinh viên.
4	Sinh viên liên thông lên trình độ đại học vừa làm vừa học.	- Các hoạt động ngoại khóa; các câu lạc bộ; các cuộc thi. ....; - Các thủ tục làm thẻ liên kết, sinh viên; - Thủ tục mua BHYT; - Xác nhận các loại giấy tờ cho sinh viên khi có nhu cầu như: Làm vé xe buýt, vay vốn sinh viên, ...; - Giải đáp các thắc mắc của sinh viên.

Hà nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG CTSV

(Đã ký)

Chu Thế Tiệp

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu mẫu 18A

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2023-2024

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại (tính đến thời điểm 31.12.2023)

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại		
		Thạc sĩ	Đại học	
			Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số	**252**	**16.448**	**266**
1	Khối ngành III	-	6.130	-
2	Khối ngành IV	53	321	58
3	Khối ngành V	10	4.038	85
4	Khối ngành VII	189	5.959	123

Ghi chú: ký hiệu (-) là khối ngành chưa đào tạo.

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 01 năm ra trường

STT	Khối ngành	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
1	Khối ngành III	87%
2	Khối ngành IV	83%
3	Khối ngành V	88%
4	Khối ngành VII	88%

Ghi chú: ký hiệu (*) Số liệu khảo sát sinh viên Đại học chính quy khóa 08 sau 01 năm tốt nghiệp (thời gian khảo sát tháng 8/2023)

Hà nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG CTSV

(Đã ký)

Chu Thế Tiệp

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu mẫu 18B

Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp năm 2023
(Từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2023)

STT	Lĩnh vực	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)		
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá
Tổng số		**1641**			
1	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên	33	9.09	12.12	51.52
2	Lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin	332	0.90	6.93	54.52
3	Lĩnh vực công nghệ kỹ thuật	55	10.91	16.36	49.09
4	Lĩnh vực kỹ thuật	19	5.26	21.05	63.16
5	Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	279	1.43	20.43	74.19
6	Lĩnh vực Môi trường và bảo vệ môi trường	319	2.19	16.30	63.64
7	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	519	2.50	30.25	63.58
8	Lĩnh vực Pháp luật	84	1.19	22.62	69.05
9	Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản	1	0	0	100

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024
TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.CH_T

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ thạc sĩ năm học 2023-2024
Chuyên ngành Thủy văn học

1. Khóa CH8A

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Thực tập dự báo thủy văn	Học viên biết phân tích quy luật hình thành, biến đổi của nước trên lưu vực, trong sông, hồ chứa; (2) Học viên nắm được các nguyên tắc xây dựng và ứng dụng được một số phương pháp, mô hình đang được sử dụng trong công tác dự báo thủy văn hạn ngắn, hạn vừa và hạn dài. Học viên hiểu và có thể nắm vững được phương pháp mô hình với các phần mềm công nghệ cập nhật để đánh giá sự thay đổi của chế độ dòng chảy trong sông, hồ chứa và khu vực hạ lưu; Học viên được cung cấp kiến thức thực tế về các quy trình phục vụ công tác dự báo, các sản phẩm mô hình đang được sử dụng trong nghiệp vụ dự báo hiện nay; Học viên được trực tiếp thực tập tại đơn vị tác nghiệp Dự báo; (4) Học viên được thực hành và làm bài tập để hiểu hơn về quy trình dự báo, báo cáo và làm việc theo nhóm.	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tiểu luận
2	Thủy văn đô thị nâng cao	Hiểu được các quá trình hình thành dòng chảy đô thị và biết được cơ sở lý thuyết và các hạn chế của các mô hình tiêu thoát nước đô thị hiện hành để có thể áp dụng trong phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp quản lý tiêu thoát nước đô thị (cả về chất và lượng)	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có khả năng nghiên cứu, sử dụng và phối kết hợp các phần mềm, công cụ, mô hình chuyên ngành trong việc giải bài toán tiêu thoát nước đô thị.			
3	Quản lý chất lượng nước	Cung cấp những hiểu biết, kiến thức và thực tiễn về đánh giá, kiểm soát và quản lý chất lượng nước mặt và nước ngầm. Từ đó học viên nắm được phương pháp luận và quy trình đánh giá một thể nước mặt hoặc nước ngầm bất kỳ Vận dụng vào quản lý chất lượng nước một lưu vực sông cụ thể thông qua quy trình cấp phép xả thải, kiểm soát các nguồn ô nhiễm và đề ra các giải pháp quản lý kịp thời và khả thi.	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình
4	Bùn cát trong sông và hồ chứa	Hiểu rõ bản chất các quá trình vận chuyển bùn cát trong song và hồ chứa. Nắm vững quá trình vận chuyển bùn cát trong sông và hồ chứa. Đề xuất được các biện pháp quản lý, quy hoạch. Học viên áp dụng được các bài toán về bồi lắng bùn cát, diễn biến lòng sông, hồ chứa để thực hiện các công tác quy hoạch, chỉnh trị sông và vận hành hồ chứa.	3	Kỳ 1	- Thi kết thúc học phần: Tự luận
5	Điều tiết dòng chảy cho hệ thống hồ chứa	Học viên hiểu và vận dụng các kiến thức nâng cao về hồ chứa và điều tiết hồ chứa; các phương pháp tính điều tiết hồ chứa, quy tắc và quy trình vận hành liên hồ chứa; vận hành liên hồ chứa trong mùa lũ và mùa kiệt, vận hành liên hồ chứa thời gian thực và dự báo hỗ trợ vận hành… vào thực tế nhằm vận hành liên hồ chứa an toàn và hiệu quả. Giúp học viên cơ sở luận chứng và khả năng áp dụng mô hình trong tính toán xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa.	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tiểu luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Tin học ứng dụng trong thủy văn	Học viên sẽ được giới thiệu các kiến thức hiện đại và cập nhật về lý thuyết và cách thức thực hiện phân tích chuỗi dữ liệu khí tượng thủy văn được chấp nhận rộng rãi trên thế giới. Từ đó nghiên cứu và thực hành các phương pháp để phân tích chuỗi dữ liệu KTTV trong thực tế phục vụ cho các bài toán chuyên ngành. Học viên có kỹ năng lập trình để giải quyết các bài toán liên quan đến chuỗi dữ liệu KTTV.	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình
7	Thực tập chuyên đề	Biết vận dụng các kiến thức đã học và hiểu biết thực tế hoạt động của lĩnh vực thủy văn trong nước và thế giới để phát hiện những vấn đề vướng mắc, cần được nghiên cứu, giải quyết, tập tư duy hình thành ý tưởng khoa học Phương pháp xây dựng đề cương chi tiết và triển khai thực hiện, viết báo cáo và trình bày, hội thảo và trao đổi về một nhiệm vụ cụ thế lĩnh vực thủy văn tài nguyên nước	3	Kỳ 1	- Thi kết thúc học phần: Tiểu luận
8	Đánh giá và quản lý rủi ro thiên tai	Học viên sẽ được giới thiệu các kiến thức hiện đại và cập nhật về thiên tai theo khái niệm mới nhất được chấp nhận rộng rãi trên thế giới. Từ đó nghiên cứu và thực hành các phương pháp để đánh giá rủi ro thiên tai, các biện pháp phòng tránh và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra. Bước đầu giới thiệu với học viên về các bước quản lý rủi ro thiên tai. Học viên hiểu và vận dụng được bài toán đánh giá và rủi ro thiên tai, khả năng tổ chức triển khai các giải pháp phòng tránh, giảm thiểu tác hại của thiên tai liên quan đến khí tượng thủy văn cho một lưu vực sông hay một vùng nghiên cứu cụ thể.	3	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9	Google earth Engine trong thủy văn	Học viên sẽ được giới thiệu các kiến thức về công cụ GEE, một trong những công cụ khai thác dữ liệu không gian lớn, để sử dụng trong thủy văn, tài nguyên nước Học viên được giới thiệu về ngôn ngữ lập trình GEE Java Script để giải quyết 1 vấn đề thủy văn cụ thể.	3	Kỳ 2	- Thi kết thúc học phần: Tiểu luận

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.CH_K

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ thạc sĩ năm học 2024-2025
Chuyên ngành: Khí tượng và Khí hậu học

1. Khóa CH8A

TT	Tên môn học	Mục đích môn học *Học phần cung cấp cho người học*	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
3	Phân tích và xử lý số liệu khí tượng	Các phương pháp chỉnh lý, nội suy chuỗi số liệu khí tượng theo không gian, thời gian Các phương pháp kiểm nghiệm và phân tích chuỗi số liệu khí tượng theo thời gian Sử dụng ngôn ngữ lập trình fortran để tính toán chuỗi số liệu khí tượng Khai thác và xử lý chuỗi số liệu các trường khí tượng từ các mô hình toàn cầu và khu vực Rèn luyện được tính sáng tạo, đam mê nghiên cứu các hiện tượng trong tự nhiên	3	Học kỳ 1	Thực hành
4	Vật lý khí quyển	Ảnh hưởng của các dòng bức xạ đến chế độ nhiệt của khí quyển và bề mặt trái đất Nguyên nhân và đặc điểm của chuyển động không khí theo phương thẳng đứng trong khí quyển Đặc điểm của các loại gió: Gió địa chuyển, gió gradient, gió nhiệt, gió trong lớp biên khí quyển khi chịu ảnh hưởng của ma sát và địa hình. Các hiện tượng hình thành trong tự nhiên Vận dụng được những công thức đã học để làm các bài tập thực tiễn Rèn luyện được tính sáng tạo, đam mê nghiên cứu các hiện tượng trong tự nhiên	2	Học kỳ 1	Vấn đáp
5	Phương pháp thống kê trong khí tượng	- Phương pháp thống kê, cách lựa chọn, lọc nhân tố dự báo, thời hạn dự báo và đánh giá chất lượng dự báo khí tượng, kiểm nghiệm lại các kết quả đạt được. Cách xây dựng được một số phương án dự báo hiện tượng khí tượng, yếu tố khí tượng cho những khu vực cụ thể trong những khoảng thời gian cụ thể. Đánh giá được chất lượng của các phương trình dự báo thống kê Học viên tích cực nghiên cứu, sáng tạo trên lớp và tự học	2	Học kỳ 1	Báo cáo Tiểu luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học *Học phần cung cấp cho người học*	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
6	Gió mùa Á-Úc	Nắm vững hoàn lưu vùng nhiệt đới với những trung tâm khí áp là thành phần của gió mùa Phân tích được hoàn lưu gió mùa với những nhân tố tạo nên gió mùa, biến trình năm, biến động của gió mùa và gió mùa châu Á, châu Phi và châu Úc Phân tích được các thành phần của gió mùa Á-Úc và ảnh hưởng của nó đến thời tiết Việt Nam Rèn luyện được tính sáng tạo, đam mê nghiên cứu các hiện tượng trong tự nhiên	2	Học kỳ 1	Vấn đáp
7	Đánh giá dự báo khí tượng	Nắm vững các loại bản tin dự báo và chất lượng bản tin hiện nay Cách thức đánh giá độ chính xác của bản tin dự báo bao gồm các loại đánh giá: dự báo tất định, dự báo xác suất, dự báo tổ hợp và dự báo trường Rèn luyện tính sáng tạo, yêu thích nghề dự báo khí tượng	2	Học kỳ 1	Vấn đáp
8	Động lực học mây	- Mây và vi vật lý mây; Sự kích hoạt của mây đối lưu và động lực học mây đối lưu; Hệ thống mây quy mô vừa, động lực học dông siêu ổ, đối lưu trong bão và các sơ đồ tham số hóa đối lưu Rèn các kỹ năng tự học, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề trong học tập và nghiên cứu, kỹ năng thuyết trình, tìm kiếm tài liệu tiếng anh Có quan điểm rõ ràng, độc lập, khoa học trong việc tiếp nhận kiến thức môn học	3	Học kỳ 1	Báo cáo tiểu luận
9	Quản lý rủi ro thiên tai	Các khái cơ bản liên quan đến quản lý rủi ro thiên tai và các loại hiểm họa thiên nhiên tại Việt Nam và phương pháp đánh giá rủi ro thiên tai Chính sách, thể chế trong quản lý rủi ro thiên tai và đánh giá rủi ro thiên tai Các mô hình quản lý rủi ro thiên tai và áp dụng ở Việt Nam	3	Học kỳ 1	Báo cáo tiểu luận
10	Phương pháp dự báo thời tiết và khí hậu	Xây dựng những bài toán dự báo bằng phương pháp downscaling thống kê, downscaling động lực; nắm vững những hệ thống và hình thế thời tiết chính ảnh hưởng đến Việt Nam; phân tích được những bài toán dự báo thời tiết và khí hậu điển hình Sư dụng thành thạo các công cụ dự báo để ra được các loại bản tin dự báo Học viên tích cực, sáng tạo, yêu thích nghề dự báo khí tượng	3	Học kỳ 2	Báo cáo tiểu luận
11	Công nghệ viễn thám và GIS trong khí tượng	Hiểu nguyên lý đo đạc của vệ tinh khí tượng trên cơ sở công nghệ viễn thám, các nguyên lý cơ bản của kỹ thuật viễn thám; cấu trúc ảnh số, phương pháp thu ảnh. Tiếp cận với các dạng dữ liệu, phương pháp xử lý dữ liệu và các ứng	3	Học kỳ 2	Báo cáo tiểu luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học *Học phần cung cấp cho người học*	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		dụng của dữ liệu vệ tinh để nghiên cứu khí quyển, khí hậu và dự báo thời tiết. Khái niệm về GIS, kết hợp viễn thám và GIS thành lập các bản đồ chuyên đề liên quan đến khí tượng. Tìm kiếm, thu thập, tổng hợp, phân tích các tài liệu, dữ liệu và thực hành trên dữ liệu vệ tinh khí tượng cho những vấn đề nghiên cứu. Rèn luyện có khả năng làm việc nhóm, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu, biết vận dụng các kiến thức đã học trong việc phân tích một bài toán cụ thể			
12	Khí tượng radar nâng cao	Nguyên lý hoạt động của radar, các dạng dữ liệu, xử lý dữ liệu và các ứng dụng của radar trong theo dõi và dự báo thời tiết Các nhân tố ảnh hưởng đến độ phản hồi vô tuyến, các sai số thường gặp từ các sản phẩm của radar; Đặc điểm các loại mây và những hiện tượng thời tiết nguy hiểm Ảnh hưởng của các vùng mây gây hiện tượng thời tiết nguy hiểm từ sản phẩm của radar thời tiết Tìm kiếm, thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu radar trong việc phân tích một bài toán cụ thể Tích cực, chủ động trong học tập, đam mê, yêu thích ngành học.	2	Học kỳ 2	Báo cáo tiểu luận
13	Thực tập dự báo thời tiết và khí hậu	Khai thác triệt để các nguồn số liệu hiện có phục vụ cho bài toán dự báo thời tiết và khí hậu Phân tích được những hệ thống và hình thế thời tiết ảnh hưởng đến Việt Nam và hệ quả thời tiết của chúng để dự báo thời tiết và khí hậu Vận dụng được phương pháp synop, thống kê hoặc số trị để đưa ra một bản tin dự báo thời tiết, dự báo khí hậu trong điều kiện thực tế	3	Học kỳ 2	Báo cáo

2. Khóa CH9A

TT	Tên môn học	Mục đích môn học *Học phần cung xấp cho người học*	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1	Triết học	- Kiến thức về lịch sử triết học, triết học Mác- Lênin, mối quan hệ giữa triết học với khoa học tự nhiên và vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển kinh tế- xã hội. - Kỹ năng tư duy theo thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng trong phát hiện, đánh giá và giải quyết những vấn đề thực tiễn; - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học	3	Học kỳ 1	Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học *Học phần cung xấp cho người học*	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Giá trị lịch sử, lý luận và thực tiễn của các tư tưởng triết học; giá trị khoa học, cách mạng của Triết học Mác-Lênin; giá trị của khoa học - công nghệ trong phát triển kinh tế- xã hội.			
2	Tiếng Anh B2	Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở trình độ B2 thông qua các chủ đề thường gặp trong cuộc sống và nâng cao khả năng giao tiếp qua những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống hàng ngày. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao	3	Học kỳ 1	Tự luận và vấn đáp

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.CH_MT

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ thạc sĩ năm học 2023-2024
Chuyên ngành Khoa học môi trường

1. Khóa CH8

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nguyên lý công nghệ môi trường	MT1: Kiến thức cơ bản liên quan các hoạt động xử lý ô nhiễm trong các nhà máy và khu công nghiệp, như quá trình lý học ứng dụng trong xử lý môi trường như lắng, lọc, hấp thụ, hấp phụ, trao đổi ion. tổng hợp và hiểu một các quá trình hóa học ứng dụng trong xử lý môi trường như keo tụ, oxy hóa khử, quá trình hóa học ứng dụng trong xử lý môi trường như keo tụ, oxy hóa khử, các quá trình sinh học ứng dụng trong xử lý môi trường như hiếu khí, kỵ khí, quá trình xử lý trong điều kiện tự nhiên MT2: Kiến thức về đánh giá yêu cầu cần xử lý; Phương pháp đề xuất công nghệ xử lý ô nhiễm nước thải, khí thải, chất thải rắn cho các cơ sở công nghiệp MT3: Các bài tập tính toán các thông số cơ bản của các công trình trong hệ thống xử lý chất thải, vận dụng được các tiêu chuẩn và quy chuẩn có liên quan trong việc thiết kế các công trình; thể hiện được các công nghệ qua sơ đồ công nghệ và thuyết minh MT4: Phương pháp tự học thông qua nghiên cứu các tài liệu, tìm tòi, sáng tạo từ các nguồn tài liệu từ thư viên, mạng Internet;	3	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 15% A1.1. Bài tập lớn: 50% A1.2. Chuyên cần: 50% Điểm số 2: 15% A1.3. Bài tập lớn: 50% A1.4. Chuyên cần: 50% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
2	Thẩm định và đánh giá công nghệ môi	MT1: Các kiến thức về các đặc trưng của công nghệ môi trường, phân loại công nghệ môi trường, các công nghệ	2	1	A1. Đánh giá quá trình

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	trường	môi trường và các chính sách có liên quan MT2: Các kiến thức về thẩm định và đánh giá công nghệ môi trường; hướng dẫn đánh giá công nghệ môi trường nhằm xác định và lựa chọn công nghệ môi trường trong hoạt động sản xuất cũng như tư vấn chọn công nghệ đầu tư MT3: Kỹ năng phân tích và đánh giá công nghệ, lựa chọn phương pháp thẩm định trong việc lựa chọn công nghệ đầu tư, phát triển và cải tiến công nghệ theo xu hướng chung của thế giới và quốc gia cũng như phù hợp với điều kiện của địa phương thông qua những tình huống điển hình trong thực tế MT4: Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, thuyết trình báo cáo, kỹ năng tổ chức, kỹ năng phát hiện, phân tích trong việc lựa chọn phương án, vận dụng các nguyên tắc, tiêu chí trong đánh giá công nghệ môi trường			Điểm số 1: 15% A1.1. Bài tập nhóm: 80% A1.2. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 15% A1.3. Bài kiểm tra: 80% A1.4. Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
3	Xử lý nước thải bậc cao	MT1: Kiến thức cơ bản liên quan các quá trình xử lý nước thải nâng cao như: oxy hóa khử, xúc tác quang hóa, xúc tác ướt, trao đổi ion, xử lý phốt pho và ni tơ cải tiến, xử lý kim loại nặng MT2: Kiến thức về đánh giá, nhận dạng các yêu cầu xử lý từ nguồn thải; Đề xuất các phương pháp xử lý nước thải phù hợp với nước thải công nghiệp và nước thải giàu hữu cơ. MT3: Bài tập áp dụng tính toán các thông số xử lý, đánh giá hiệu quả của các công nghệ được lựa chọn; thể hiện được các công nghệ qua sơ đồ công nghệ và thuyết minh. MT4: Phương pháp tự học thông qua nghiên cứu các tài liệu, tìm tòi, sáng tạo từ các nguồn tài liệu từ thư viên, mạng Internet;	2	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 15% A1.1. Bài tập nhóm: 50% A1.2. Chuyên cần: 50% Điểm số 2: 15% A1.3. Bài tập nhóm: 50% A1.4. Chuyên cần: 50% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Điểm thi kết thúc học phần: 70%
4	Kỹ thuật xử lý bùn thải và đất ô nhiễm	MT1: Kiến thức về quá trình hình thành hệ sinh thái đất, các đặc điểm, thành phần, tính chất của đất; nguồn gốc và đặc điểm của các loại bùn thải đô thị; các tác nhân, các đối tượng, các hoạt động nguy hại gây ô nhiễm và suy thoái môi trường đất cũng như dòng di chuyển của các chất ô nhiễm trong môi trường đất MT2: Nguyên lý cơ bản, tính toán áp dụng của các kỹ thuật và phương pháp xử lý bùn thải, phục hồi đất ô nhiễm như giảm độ ẩm và ổn định độ kiềm, phân hủy các chất ô nhiễm bằng vi sinh vật, chôn lấp hợp vệ sinh và các phương pháp khác như thiêu đốt, ổn định và đóng rắn,… MT3: Tác phong nghiên cứu khoa học và làm việc chuyên nghiệp; kỹ năng phân tích, tính toán các phương pháp kỹ thuật công nghệ áp dụng trong xử lý môi trường MT4: Phạm vi áp dụng của các phương pháp kỹ thuật công nghệ xử lý bùn thải và phục hồi đất ô nhiễm	2	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra: 40% A1.2. Bài tập lớn: 40% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 15% A1.4. Bài kiểm tra: 40% A1.5. Bài tập lớn: 40% A1.6. Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học môi trường	MT1: Kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học nói chung, phương pháp điều tra xã hội học trong khoa học môi trường và bố trí thí nghiệm trong nghiên cứu thực nghiệm MT2: Kiến thức về xác suất thống kê và xử lí số liệu thực nghiệm trong khoa học môi trường MT3: Các công cụ để quản lí, xử lí và phân tích số liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu khoa học môi	3	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 15% A1.1. Bài tập và thảo luận: 40% A1.2. Bài kiểm tra 1: 40% A1.3. Chuyên cần:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trường MT4: Phương pháp tự học tập, viết báo cáo, bài báo chuyên ngành bằng tiếng anh, đề án tốt nghiệp và làm việc chuyên nghiệp			20% Điểm số 2: 15% A1.4. Bài tập và thảo luận: 40% A1.5. Bài kiểm tra 2: 40% A1.6. Thái độ học tập: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
6	Năng lượng và môi trường	MT1: Kiến thức về hiện trạng và sử dụng các dạng năng lượng hiện nay trên thế giới và Việt Nam; Các dạng năng lượng mới và các công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng bền vững năng lượng góp phần bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu MT2: Khả năng phân tích hiệu quả và lợi ích khi sử dụng năng lượng mới đối với môi trường và các vấn đề liên quan tới môi trường trong quá trình khai thác, sản xuất và sử dụng năng lượng nhằm đề xuất các giải pháp giảm thiểu tác động môi trường MT3: Rèn luyện tác phong làm việc chuyên nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm MT4: Vai trò của các dạng năng lượng mới trong quá trình thực hiện phát triển bền vững	2	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra: 80% A1.2. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 15% A1.3. Bài tập nhóm: 70% A1.4. Chuyên cần: 30% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7	Lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường	MT1: Kiến thức về thị trường, lượng giá, tổng giá trị kinh tế các hàng hóa dịch vụ môi trường, ý nghĩa của lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường; Các nhóm phương pháp lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường thường sử dụng như phương pháp dựa vào thị trường thực, Phương pháp dựa vào thị trường thay thế, Phương pháp dựa vào thị trường giả định MT2: Phương pháp lượng giá dịch vụ tài nguyên như hệ sinh thái đất ngập nước, rừng nội địa, cửa sông… MT3: Phương pháp lượng giá một số thiệt hại môi trường từ thiên tai tự nhiên, ô nhiễm của doanh nghiệp, khu công nghiệp… MT4: Kỹ năng làm việc nhóm, tổng hợp và trình bày báo cáo MT5: Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong quản lý tài nguyên và môi trường nói chung và trong lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường nói riêng	2	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra: 40% A1.2. Bài tập cá nhân: 40% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 15% A1.4. Bài tập nhóm: 80% A1.5. Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
8	Quản lý chất ô nhiễm khó phân hủy	MT1: Quy định pháp lý và các kiến thức cơ bản về chất ô nhiễm khó phân hủy: phân loại, tính chất, quá trình chuyển hóa trong môi trường MT2: Biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quản lý chất ô nhiễm khó phân hủy, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sảm phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy MT3: Kỹ năng xây dựng và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quản lý chất ô nhiễm khó phân hủy, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sảm phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy MT4: Cách thức tiếp cận quản lý chất ô nhiễm khó phân	2	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 15% A1.1. Chuyên cần: 30% A1.2. Bài tập nhóm: 70% Điểm số 2: 15% A1.3. Thái độ học tập: 30% A1.4. Bài tập tình huống: 30%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hủy theo vòng đời sản phẩm trong công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường			A1.5. Bài kiểm tra: 50% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
9	Sức khỏe môi trường	MT1: Các nguyên tắc cơ bản về sức khỏe môi trường MT2: Hướng dẫn về an toàn sức khỏe môi trường, các phương pháp đánh tác động từ các yếu tố môi trường tới sức khỏe con người MT3: Cách nhận biết và xác định các mối nguy hiểm tiềm ẩn tới sức khỏe môi trường, cách thiết lập các quy trình đánh giá các yếu tố tác động đến vấn đề sức khỏe môi trường. MT4: Năng lực đánh giá về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của sức khỏe môi trường; trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn sức khỏe và bảo vệ môi trường	2	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 15% A1.1. Bài tập: 50% A1.2. Bài thảo luận: 30% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 15% A1.4. Bài kiểm tra: 30% A1.5. Bài thảo luận: 50% A1.5. Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
10	Thực tập 1: Thực tập ngoại khóa	MT1: Kiến thức thực tiễn trong các hoạt động liên quan tới lĩnh vực Khoa học môi trường. MT2: Kinh nghiệm thực tế trong triển khai đánh giá hiện	2	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 25%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trạng môi trường, các mô hình quản lý, sử dụng tài nguyên và xử lý môi trường MT3: Phương pháp xây dựng được kế hoạch, nội dung tổ chức thực tập MT4: Đúc kết được các kinh nghiệm cần thiết, có động lực cho việc học tập và hướng tới nghề nghiệp phù hợp trong tương lai			A1.1. Chuyên cần: 100% Điểm số 2: 25% A1.2. Báo cáo tiến độ: 100% A2. Báo cáo kết quả thực tập: 50% Hình thức thi: Báo cáo
11	Thực tập 2: Đánh giá chất lượng môi trường và kiểm soát phát thải	MT1: Kiến thức thực tiễn trong các hoạt động liên quan tới đánh giá chất lượng môi trường và kiểm soát phát thải MT2: Kinh nghiệm thực tế trong triển khai đánh giá chất lượng môi trường, mô kiểm soát phát thải, mô hình xử lý và quản lý chất thải MT3: Phương pháp xây dựng được kế hoạch, nội dung tổ chức thực tập MT4: Đúc kết được các kinh nghiệm cần thiết, có động lực cho việc học tập và hướng tới nghề nghiệp phù hợp trong tương lai	2	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 25% A1.1. Chuyên cần: 100% Điểm số 2: 25% A1.2. Báo cáo tiến độ: 100% A2. Báo cáo kết quả thực tập: 50% Hình thức thi: Báo cáo
12	Thực tập 3: Ứng dụng mô hình hóa và GIS trong Quản lý tài nguyên và Môi trường	MT1: Các ứng dụng của mô hình hóa và GIS trong quản lý tài nguyên và môi trường; xác định và lựa chọn các mô hình, phần mềm GIS phù hợp để quản lý tài nguyên và môi trường MT2: Xây dựng báo cáo nghiên cứu điển hình ứng dụng mô hình hóa và GIS trong quản lý tài nguyên và môi trường cho một khu vực, địa phương cụ thể MT3: Kỹ năng sử dụng thành thạo các mô hình và phần mềm GIS trong quản lý tài nguyên và môi trường MT4: Cách thức vận dụng mô hình hóa và GIS trong các nghiên cứu ứng dụng về quản lý tài nguyên và môi trường	2	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 25% A1.1. Bài thực hành: 70% A1.2. Chuyên cần: 30% Điểm số 2: 25% A1.3. Bài thực hành: 70% A1.4. Chuyên cần:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					30% A2. Báo cáo kết quả thực tập: 50% Hình thức thi: Báo cáo
13	Chỉ thị và quan trắc sinh học	MT1: Kiến thức một số khái niệm về chỉ thị sinh học môi trường và các phương pháp sử dụng trong quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường. MT2: Kiến thức về hệ thống chỉ thị sinh học đánh giá chất lượng môi trường (đất, nước, không khí) MT3: Kỹ năng áp dụng chỉ thị sinh học để dự báo, cảnh báo, đánh giá ô nhiễm môi trường nước, môi trường đất, môi trường không khí MT4: Năng lực chủ động và có trách nhiệm trong quan trắc, giám sát chất lượng môi trường bằng chỉ thị sinh học	2	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 15% A1.1. Bài tập nhóm: 70% A1.2. Chuyên cần: 30% Điểm số 2: 15% A1.3. Bài kiểm tra: 80% A1.4. Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%

2. Khóa CH9

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	MT1: Kiến thức về lịch sử triết học, triết học Mác-Lênin, mối quan hệ giữa triết học với khoa học tự nhiên và vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển kinh tế- xã hội. MT2: Kỹ năng tư duy theo thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng trong phát hiện, đánh giá	3	1	A1. Đánh giá quá trình: Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra: 60% A1.2. Bài tập cá nhân: 20%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và giải quyết những vấn đề thực tiễn. Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học MT3: Giá trị lịch sử, lý luận và thực tiễn của các tư tưởng triết học; giá trị khoa học, cách mạng của Triết học Mác-Lênin; giá trị của khoa học - công nghệ trong phát triển kinh tế- xã hội.			A1.3. Bài tập nhóm: 20% Điểm số 2: 15% A1.4. Chuyên cần: 30% A1.5. Thảo luận, phát biểu: 50% A1.6. Thái độ học tập: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
2	Tiếng Anh B2	MT1: - Kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở trình độ B2 để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung - Kiến thức cơ bản về các chủ đề thường gặp trong xã hội MT2: - Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở trình độ B2 trong các tình huống giao tiếp cụ thể. - Khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả MT3: - Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao	3	1	A1. Đánh giá quá trình: Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra số 1: 100% Điểm số 2: 15% A1.2. Bài tập: 20% A1.3. Thái độ học tập: 20% A1.4. Bài kiểm tra số 2: Vấn đáp: 60% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Viết và Vấn đáp A2.1. Bài thi viết: 50% A2.2. Bài thi vấn đáp: 50% Điểm thi kết thúc học phần: 70%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Hóa kỹ thuật môi trường ứng dụng	MT1: Kiến thức về quá trình chuyển hóa các chất trong môi trường nước, không khí, đất MT2: Cơ sở hóa lý và hóa học của quá trình xử lý nước cấp và nước thải, quá trình xử lý khí thải, quá trình xử lý và cải tạo đất, xử lý chất thải rắn MT3: Kỹ năng phân tích, lựa chọn phương án xử lý phù hợp với các đối tượng nước cấp, nước thải, khí thải, đất ô nhiễm, chất thải rắn MT4: Khả năng nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong công tác quản lý, bảo vệ môi trường môi trường nước, không khí, đất	2	2	A1. Đánh giá quá trình: Điểm số 1: 15% A1.1. Chuyên cần: 20% A1.2. Bài kiểm tra: 80% Điểm số 2: 15% A1.3. Chuyên cần: 20% A1.4. Bài kiểm tra chương 2: 80% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
4	Đánh giá rủi ro môi trường	MT1: Các kiến thức cơ bản về đánh giá rủi ro: Khái niệm cơ bản, các mô hình, phương pháp đánh giá rủi ro và tính toán định tính và định lượng các rủi ro môi trường, rủi ro sinh thái và tác động đến sức khỏe con người MT2: Kiến thức về quản lý rủi ro, lập kế hoạch quản lý rủi ro và xây dựng quy trình quản lý rủi ro MT3: Kỹ năng nhận diện các yếu tố rủi ro, tính toán mức độ rủi ro, ứng dụng đánh giá rủi ro trong công tác quản lý môi trường MT4: Cách thức tiếp cận quản lý rủi ro, đánh giá rủi ro môi trường trong công tác quản lý môi trường	3	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 15% A1.1. Chuyên cần: 20% A1.2. Bài tập nhóm: 20% A1.3. Bài tập cá nhân: 20% A1.4. Bài kiểm tra: 40% Điểm số 2: 15% A1.5. Thái độ học tập: 20% A1.6. Bài tập nhóm: 40% A1.7. Bài tập tình huống: 40% A2. Thi kết thúc học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
5	Tiếng Anh chuyên ngành	MT1: Cấu trúc về ngữ pháp thường sử dụng trong văn phong khoa học theo các chủ đề, các tình huống giao tiếp trong công việc và các hội thảo chuyên ngành môi trường. MT2: Có vốn từ vựng tiếng Anh chuyên ngành trong lĩnh vực môi trường, phương pháp tóm tắt các thông tin từ bài đọc theo chủ đề, một số chủ đề thuộc lĩnh vực khoa học môi trường bằng tiếng Anh. MT3: Phương pháp rèn luyện kỹ năng đọc văn bản có độ khó ở mức trung bình; đọc lướt các văn bản tương đối dài để xác định thông tin cần tìm, tập hợp thông tin từ các phần của bài đọc hay từ các bài khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể được giao; đọc hiểu, sử dụng ngôn ngữ để trình bày quan điểm của bản thân hoặc báo cáo thuộc lĩnh vực môi trường bằng tiếng Anh. MT4: Phương pháp tự học thông qua nghiên cứu các tài liệu chuyên ngành; tìm tòi, sáng tạo từ các nguồn tài liệu từ thư viện, mạng Internet, sách chuyên ngành bằng tiếng anh; … chủ động chia sẻ các thông tin bằng tiếng anh tới bạn bè trong nước, quốc tế và giáo viên.	2	2	A1. Đánh giá quá trình: Điểm số 1: 15% A1.1. Bài tập và thảo luận: 20% A1.2. Progress Test 1: 50% A1.3. Chuyên cần: 30% Điểm số 2: 15% A1.4.Progress Test 2: 60% A1.5. Thái độ học tập: 40% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
6	Sinh thái ứng dụng	MT1: Khái niệm và các nguyên lý sinh thái ứng dụng, các phản ứng của sinh vật với các nhân tố sinh thái, đặc điểm thích nghi của sinh vật với môi trường, quá trình trao đổi chất và năng lượng trong các hệ sinh thái điển hình. MT2: Cơ sở ứng dụng sinh thái học trong quản lý, xử lý môi trường và phục hồi tài nguyên thiên nhiên.	2	2	A1. Đánh giá quá trình: Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra 1: 40% A1.2. Bài nhóm: 30% A1.3. Chuyên cần: 30%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3: Khả năng phân tích các mối quan hệ sinh thái trong chu trình chuyển hóa các chất và năng lượng, từ đó ứng dụng sinh thái học vào công việc quan trắc tài nguyên; môi trường, quản lý và xử lý môi trường MT4: Trách nhiệm trong việc bảo vệ hệ sinh thái, bảo vệ môi trường sống của con người và sinh vật			Điểm số 2: 15% A1.4. Bài nhóm: 70% A1.5. Chuyên cần: 30% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
7	Kiểm soát và đánh giá chất lượng môi trường	MT1: Kiến thức về ô nhiễm môi trường, các yêu cầu khi thực hiện quan trắc phân tích môi trường nước, không khí và môi trường đất; MT2: Các nguyên tắc, các quy trình trong đánh giá chất lượng môi trường và kiểm soát ô nhiễm môi trường nước, không khí và môi trường đất; MT3: Các phương pháp đánh giá chất lượng môi trường nước, không khí và môi trường đất; Một số biện pháp kiểm tra, kiểm soát, tính toán tải lượng ô nhiễm và xây dựng khung kế hoạch kiểm soát ô nhiễm môi trường cho các đối tượng thực tế. MT4: Trách nhiệm trong việc đánh giá chất lượng và kiểm soát ô nhiễm môi trường, bảo vệ tài nguyên và môi trường.	2	2	A1. Đánh giá quá trình: Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra: 30% A1.2. Bài tập: 30% A1.3. Thảo luận nhóm: 20% A1.4. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 15% A1.5. Bài kiểm tra: 30% A1.6. Bài tập: 30% A1.7. Thảo luận nhóm: 20% A1.8. Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Mô hình lan truyền chất ô nhiễm trong môi trường	MT1: Các kiến thức cơ bản về quá trình vận chuyển chất ô nhiễm trong môi trường và phương pháp mô hình hóa các quá trình; kiến thức về bản chất khoa học và các phương trình mô tả các quá trình vận chuyển, biến đổi của chất ô nhiễm trong nước sông, nước hồ (đầm lầy), nước biển, nước ngầm và môi trường không khí cũng như các sơ đồ số trị để rời rạc hóa và các thuật toán để giải các phương trình đã được rời rạc hóa. MT2: Các phương pháp số trị giải các phương trình mô tả các quá trình vận chuyển, biến đổi của chất ô nhiễm trong nước sông, nước hồ (đầm lầy), nước biển, nước ngầm và môi trường không khí, học viên có thể sử dụng một ngôn ngữ lập trình thích hợp. MT3: Tổng hợp về các mô hình số trị tính toán các quá trình động lực học và lan truyền ô nhiễm trong môi trường, các điểm mạnh, điểm yếu của từng loại mô hình và việc áp dụng các mô hình này để tính toán, đánh giá tác động môi trường của các chất ô nhiễm. MT4: Các kiến thức về bản chất các mô hình lan truyền chất ô nhiễm trong môi trường và khả năng ứng dụng các mô hình đó trong các bài toán thực tế để phục vụ công tác quản lý môi trường.	3	2	A1. Đánh giá quá trình: Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra: 40% A1.2. Bài tập: 40% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 15% A1.4. Bài kiểm tra: 40% A1.5. Bài tập: 40% A1.6. Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
9	Chiến lược chính sách môi trường	MT1: Các kiến thức về công cụ luật pháp, chiến lược và chính sách trong quản lý môi trường trên thế giới và Việt Nam MT2: Các kiến thức về phương pháp tiếp cận xây dựng chiến lược và chính sách môi trường, nội dung chiến lược và chính sách bảo vệ môi trường, cách thức tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện nội dung của chiến lược và chính sách bảo vệ môi trường tại Việt Nam MT3: Kỹ năng phân tích chiến lược và chính sách để	3	2	A1. Đánh giá quá trình: Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra 1: 60% A1.2. Bài tập thảo luận nhóm: 20% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 15%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đề xuất các hành động cụ thể trong quản lý môi trường trên thế giới và Việt Nam MT4: Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện nội dung của chiến lược và chính sách bảo vệ môi trường MT5: Năng lực đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến áp dụng chiến lược và chính sách trong quản lý môi trường MT6: Năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong thực thi chiến lược và chính sách trong quản lý môi trường			A1.4. Báo cáo hoạt động nhóm: 80% A1.5. Thái độ học tập: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.CH_TĐ

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ Thạc sĩ năm học 2023 - 2024
Chuyên ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ

1. Khóa CH8

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Viễn thám nâng cao	Tổng hợp các nguồn sai số của ảnh vệ tinh. Đánh giá ý nghĩa của việc hiệu chỉnh hình học, hiệu chỉnh bức xạ, tăng cường chất lượng ảnh. Khai thác được các nguồn tư liệu vệ tinh. Lựa chọn thuật toán chuyển đổi ảnh, thuật toán phân loại ảnh phù hợp cho các ứng dụng thực tiễn. Chủ động, tích cực trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề liên quan đến công nghệ viễn thám trong công tác giám sát tài nguyên môi trường.	03	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 30% A2. Thi kết thúc học phần- Hình thức thi: tự luận 70%
2	Bản đồ học nâng cao	- Cung cấp kiến thức lý thuyết của bản đồ học nâng cao cũng như các công nghệ thiết kế và thành lập một số bản đồ nâng cao như bản đồ 3D, Atlas điện tử, bản đồ Multimedia, bản đồ mạng, bản đồ di động; - Thực hiện được các thao tác cơ bản trong thiết kế và xây dựng một số các loại bản đồ hiện đại như bản đồ 3D, bản đồ điện tử, bản đồ mạng, bản đồ đa phương tiện… - Tham gia các hoạt động thảo luận và chủ động nghiên cứu, tìm hiểu chuyên sâu về các ứng dụng liên quan của các mô hình bản đồ hiện đại trong thực tế sản xuất.	03	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 30% A2. Thi kết thúc học phần- Hình thức thi: tự luận 70%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Phân tích không gian	- Tông hợp được các kiên thức về dữ liệu không gian, mô hình dữ liệu không gian, cấu trúc dữ liệu không gian, phân tích được các phép phân tích không gian; - Ứng dụng được các phép phân tích không gian, kỹ thuật địa tin học với các phép phân tích không gian trong quan trắc, xử lý và quản lý tài nguyên môi trường; - Chủ động, tích cực phát hiện vấn đề đến kỹ thuật phân tích không gian, phối hợp được khi làm việc nhóm; tích cực tìm kiếm thêm tài liệu liên quan đến môn học.	03	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 30% A2. Thi kết thúc học phần- Hình thức thi: tự luận 70%
4	Thực tập ứng dụng viễn thám và GIS trong nghiên cứu tài nguyên và môi trường	- Những kiến thức chung về xử lý ảnh viễn thám và phân tích không gian trong GIS; - Kỹ năng thao tác trên phần mềm chuyên dụng về xử lý ảnh viễn thám và phân tích không gian trong GIS. Khai thác các nguồn tư liệu viễn thám và GIS để giải quyết nhiệm vụ thực tiễn, ứng dụng trong nghiên cứu tài nguyên và môi trường; - Chủ động, tích cực trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề liên quan đến công nghệ viễn thám và GIS trong công tác giám sát tài nguyên môi trường và trong các lĩnh vực khác của đời sống.	03	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: *A1.1-Chuyên cần 25%, A1.2-Báo cáo tiến độ 25%* A2. Báo cáo kết quả thực tập: 50%
5	Công nghệ UAV	Định nghĩa, phân loại UAV. Lịch sử phát triển và ứng dụng của công nghệ. Công tác bay chụp và một số phần mềm xử lý dữ liệu bay. Quy trình xử lý dữ liệu ảnh UAV, một số thuật toán sử dụng cho việc lọc DEM từ DSM, giải pháp nâng cao độ chính xác Chủ động thực hành bay chụp, xử lý ảnh và ứng dụng kết quả xử lý trong thành lập bản đồ tỷ lệ lớn	02	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 30% A2. Thi kết thúc học phần- Hình thức thi: tự luận 70%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Ứng dụng GNSS trong thành lập, hiện chỉnh và sử dụng bản đồ	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Kiến thức về GNSS; chức năng, nguyên lý hoạt động, cấu trúc của CORS, các yêu cầu kỹ thuật, giải pháp đo đạc, xử lý và cung cấp dữ liệu. - Thành lập và hiện chỉnh được bản đồ tỷ lệ lớn trên cơ sở ứng công nghệ GNSS; Định vị, dẫn đường được bằng máy GNSS cầm tay,... - Tiếp thu chủ động, hình thành năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề chuyên sâu khi ứng dụng GNSS trong thành lập, hiện chỉnh và sử dụng bản đồ.	03	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 30% bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1. Hình thức đánh giá: Điểm số 1 gồm điểm bài kiểm tra 1 và thái độ học tập; Điểm số 2 gồm điểm bài kiểm tra 2 và thái độ học tập. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%; Hình thức thi: Tự luận.
7	Các phương pháp trắc địa không gian	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Kiến thức liên quan đến địa động như Trái Đất, thuyết kiến tạo,...; các kiến thức về các phương pháp trong nghiên cứu địa động. - Phương pháp nghiên cứu địa động bằng công nghệ GNSS: số liệu hỗ trợ quốc tế, đo đạc và xử lý số liệu GNSS độ chính xác cao. - Tiếp thu chủ động, hình thành năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề nâng cao về đo GNSS và xử lý số liệu GNSS độ chính xác cao phục vụ cho nghiên cứu chuyển dịch hiện đại của vỏ Trái Đất.	03	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 30% bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1. Hình thức đánh giá: Điểm số 1 gồm điểm bài kiểm tra 1 và thái độ học tập; Điểm số 2 gồm điểm bài kiểm tra 2 và thái độ học tập. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%; Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Trắc địa công trình nâng cao	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Những kiến thức chuyên sâu về công tác khảo sát trắc địa và địa hình, công tác trắc địa phục vụ thi công xây lắp và quan trắc biến dạng công trình. - Phương pháp xử lý số liệu đo đạc quan trắc chuyển dịch, biến dạng một số các yếu tố đặc trưng của các công trình đặc biệt. - Những kiến thức về ứng dụng công nghệ GNSS, công nghệ quét 3D và hệ thống quan trắc tự động trong trắc địa công trình. - Cách tiếp cận kiến thức khoa học, khả năng tự học tập, nghiên cứu, tự định hướng phát triển năng lực cá nhân để có thể học tập trình độ cao hơn.	02	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 30% bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1. Hình thức đánh giá: Điểm số 1 gồm điểm bài kiểm tra 1 và thái độ học tập; Điểm số 2 gồm điểm bài kiểm tra 2 và thái độ học tập. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%; Hình thức thi: Tự luận.
9	Các phương pháp trắc địa trong nghiên cứu địa động	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Kiến thức liên quan đến địa động như Trái Đất, thuyết kiến tạo,...; các kiến thức về các phương pháp trong nghiên cứu địa động. - Phương pháp nghiên cứu địa động bằng công nghệ GNSS: số liệu hỗ trợ quốc tế, đo đạc và xử lý số liệu GNSS độ chính xác cao. - Tiếp thu chủ động, hình thành năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề nâng cao về đo GNSS và xử lý số liệu GNSS độ chính xác cao phục vụ cho nghiên cứu chuyển dịch hiện đại của vỏ Trái Đất.	03	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 30% bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1. Hình thức đánh giá: Điểm số 1 gồm điểm bài kiểm tra 1 và thái độ học tập; Điểm số 2 gồm điểm bài kiểm tra 2 và thái độ học tập. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%; Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Định vị và dẫn đường hiện đại	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Cung cấp các kiến thức về định vị dẫn đường, hệ thống tích hợp GNSS/INS; Các bài toán định vị dẫn đường; công nghệ GNSS trong công tác dẫn đường. - Sử dụng được các công cụ cơ bản trong dẫn đường; Xử lý được một số bài toán dẫn đường cơ bản; Xử lý tích hợp được số liệu GNSS/INS. - Chủ động phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến định vị không gian; khai thác các ưu thế về công nghệ định vị dẫn đường trong điều kiện Việt Nam.	02	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 30% bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1. Hình thức đánh giá: Điểm số 1 gồm điểm bài kiểm tra 1 và thái độ học tập; Điểm số 2 gồm điểm bài kiểm tra 2 và thái độ học tập. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%; Hình thức thi: Tự luận.
11	Thực tập ứng dụng công nghệ trong đo đạc và bản đồ	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Kiến thức về văn bản kỹ thuật trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ; ứng dụng công nghệ trong đo đạc, bản đồ, công trình. - Xây dựng văn bản kỹ thuật; Sử dụng công nghệ hiện đại trong thành lập, hiện chỉnh bản đồ, trong trắc địa công trình. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm với công việc. Có khả năng tích lũy kinh nghiệm, kiến thức, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.	03	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 50% bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1. Hình thức đánh giá: Điểm số 1 gồm điểm bài kiểm tra và thái độ học tập; Điểm số 2 gồm điểm bài thực hành và thái độ học tập. - Điểm báo cáo kết quả thực tập: trọng số 50%.

2. Khóa CH9

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Viễn thám nâng cao	- Tổng hợp các nguồn sai số của ảnh vệ tinh. Đánh giá ý nghĩa của việc hiệu chỉnh hình học, hiệu chỉnh bức xạ, tăng cường chất lượng ảnh; - Khai thác được các nguồn tư liệu vệ tinh. Lựa chọn thuật toán chuyển đổi ảnh, thuật toán phân loại ảnh phù hợp cho các ứng dụng thực tiễn; - Chủ động, tích cực trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề liên quan đến công nghệ viễn thám trong công tác giám sát tài nguyên môi trường.	03	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 30% A2. Thi kết thúc học phần- Hình thức thi: tự luận 70%
2	Tiếng Anh chuyên ngành	- Các khái niệm khoa học Trắc địa - Bản đồ bằng tiếng Anh, nắm vững được kiến thức ngữ pháp cơ bản, cách cấu tạo và sử dụng các loại từ vựng. Đọc hiểu được những văn bản chuyên ngành có độ khó ở mức độ trung bình; sử dụng được ngôn ngữ để trình bày về vấn đề chuyên môn. - Diễn đạt được các khái niệm, hiện tượng thuộc lĩnh vực kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ bằng tiếng Anh. Nắm vững được kiến thức ngữ pháp cơ bản như các cấu trúc câu (câu bị động, câu điều kiện, câu mệnh đề quan hệ …), thời thể trong tiếng Anh (hiện tại, quá khứ, tương lai). Nắm được cách cấu tạo và sử dụng các loại từ vựng như tính từ, trạng từ, đại từ, động từ tình thái, cụm động từ, cách kết hợp từ, quy tắc cấu tạo từ. - Chủ động, giải quyết được vấn đề chuyên môn Trắc địa - Bản đồ bằng tiếng Anh. Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử; Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.	2	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 30% A2. Thi kết thúc học phần- Hình thức thi: tự luận 70%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Kỹ thuật địa tin học trong nghiên cứu tài nguyên môi trường	- Phân tích được tổng quan về vấn đề tài nguyên và môi trường trên thế giới và ở Việt Nam, mối quan hệ giữa phát triển và môi trường, các công nghệ địa tin học tiên tiến trong nghiên cứu tài nguyên và môi trường. - Ứng dụng được các công nghệ GIS, viễn thám và GNSS nghiên cứu tài nguyên và môi trường. - Rèn luyện tác phong: tỉ mỉ, chính xác, trung thực khi làm nghề, phát huy tính tự chủ, tự học tập, nghiên cứu và trình bày các vấ đề dưới dạng tiểu luận.	02	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 30% A2. Thi kết thúc học phần- Hình thức thi: tự luận 70%
4	Cơ sở dữ liệu không gian	Làm chủ kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu không gian, thiết kế và xây dựng cơ sở dữ liệu không gian. Có kỹ năng hoàn thành công việc thiết kế và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu không gian Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề về thiết kế, xây dựng và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu không gian; có năng lực đánh giá, cải tiến chuyên môn	03	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 30% A2. Thi kết thúc học phần- Hình thức thi: tự luận 70%
5	Xử lý số liệu trắc địa nâng cao	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Kiến thức về kiểm định thống kê, ước lượng tối ưu, bình sai lưới trắc địa nâng cao, xử lý số liệu định vị vệ tinh. - Tính toán xử lý số liệu về các phép tính thống kê, bình sai lưới trắc địa nâng cao, kiến thức cơ bản liên quan đến số liệu GNSS. - Tiếp thu chủ động, hình thành năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề về số liệu hỗ trợ quốc tế GNSS và xử lý số liệu GNSS.	3	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 30% bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1. Hình thức đánh giá: Điểm số 1 gồm điểm bài kiểm tra 1 và thái độ học tập; Điểm số 2 gồm điểm bài kiểm tra 2

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					và thái độ học tập. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%; Hình thức thi: Tự luận.
6	Hệ quy chiếu trắc địa	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Kiến thức về hệ quy chiếu, khung quy chiếu Trái Đất, hệ tọa độ; tính chuyển và tính đổi tọa độ giữa các khung quy chiếu. - Thành thạo trong việc tính chuyển tọa độ và tính đổi tọa độ giữa các khung quy chiếu. - Tiếp thu chủ động, hình thành năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề về hệ quy chiếu, khung quy chiếu Trái Đất, hệ tọa độ.	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 30% bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1. Hình thức đánh giá: Điểm số 1 gồm điểm bài kiểm tra 1 và điểm chuyên cần; Điểm số 2 gồm điểm bài kiểm tra 2 và điểm chuyên cần. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%; Hình thức thi: Tự luận.
7	Lý thuyết thế trọng trường và hình dạng Trái đất	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Cung cấp các kiến thức về cơ sở lý thuyết xác định thế trọng trường và hình dạng Trái đất; mối quan hệ chặt chẽ giữa chúng; ảnh hưởng của nó đến kết quả đo đạc. - Cung cấp kỹ năng xác định được toán tử Laplace, hàm số điều hòa; Công thức tính thế hấp dẫn, thế li tâm và thế trọng trường; Khai thác	3	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 30% bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1. Hình thức đánh giá: Điểm số 1 gồm điểm bài kiểm

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được số liệu độ cao geoid. - Chủ động, tích cực trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề liên quan đến định vị không gian; tích cực khai thác các ưu thế về công nghệ để xác định geoid cục bộ cho Việt Nam.			tra 1 và thái độ học tập; Điểm số 2 gồm điểm bài kiểm tra 2 và thái độ học tập. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 70%; Hình thức thi: Tự luận.

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.CH_QĐ

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ thạc sĩ năm học 2023-2024
Chuyên ngành Quản lý đất đai

1. Khóa CH8

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Thẩm định giá đất và Bất động sản	Học phần "Thẩm định giá đất và bất động sản" cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức Tổng quan về thẩm định giá đất và bất động sản; các phương pháp thẩm định giá bất động sản; quy trình thẩm định giá bất động sản.	2	Kỳ 1	Bài kiểm tra Bài tập Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
2	Thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất	Hiểu được một số vấn đề chung về giám sát, theo dõi, đánh giá việc quản lý và sử dụng đất; Vận dụng trong công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đất đai; thanh tra, giám sát việc thực hiện chức năng quản lý sử dụng đất đai của các cấp hành chính trong đó tập trung vào giám sát, theo dõi và đánh giá việc quản lý, sử dụng đất đai; thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu lại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai và Giám sát của công dân trong quản lý và sử dụng đất đai.	2	Kỳ 1	Bài kiểm tra số Thảo luận Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
3	Chính sách thu hồi đất	Học phần "Chính sách thu hồi đất" cung cấp cho học viên các nội dung cơ bản về khái niệm, đặc điểm, vị trí, vai trò của công tác thu hồi đất; các chính sách cụ thể về thu hồi đất như căn cứ thu hồi đất, các trường hợp thu hồi đất, trưng dụng đất, trình tự, thủ tục thu hồi đất; đối tượng, điều kiện, mức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.	2	Kỳ 1	Bài kiểm tra Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
4	Thực tập ngoại khóa	Học phần Thực tập ngoại khóa thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành nhằm hỗ trợ học viên ứng dụng kiến thức đã học vào thực tế với các nội dung sau: phân tích và đánh giá được các kiến thức về chính sách đất đai, đánh giá đất, quy hoạch sử dụng đất. Thông qua hoạt động thực tế khảo sát thực địa tại các địa phương, tìm hiểu đánh giá về công tác	2	Kỳ 1	Chuyên cần Báo cáo tiến độ Báo cáo thực tập Bài thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai, đăng kí đất đai, thẩm định giá đất và Bất động sản và thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất cũng như công tác quản lý nhà nước về đất đai, tình hình kinh tế - xã hội và kinh nghiệm quản lý. Học phần được triển khai với hai hình thức cơ bản: Thực tập ngoại khóa theo hình thức cá nhân (1 Tín chỉ) và Thực tập ngoại khóa theo hình thức tập trung			
5	Thực tập thẩm định giá đất và bất động sản	Học phần Thực tập thẩm định giá đất và bất động sản giúp học viên vận dụng kiến thức đã học để biết được quy trình thẩm định giá đất và bất động sản và vận dụng các phương pháp để thẩm định giá bất đất và bất động sản, tổ chức thực hiện các nghiệp vụ định giá đất đai.	2	Kỳ 1	Chuyên cần Báo cáo tiến độ Báo cáo thực tập Bài thi kết thúc học phần
6	Quản lý và kinh doanh Bất động sản	Học phần Quản lý và kinh doanh Bất động sản cung cấp cho học viên các kiến thức chung về thị trường bất động sản và kinh doanh bất động sản; Phân tích và đánh giá được các hoạt động kinh doanh bất động sản như các chiến lược; lập phương án và vận dụng được các loại hình đầu tư trong kinh doanh bất động sản, Phân tích, vận dụng được luật kinh doanh bất động sản, các chính sách của nhà nước trong công tác quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản. Học viên có kỹ năng Marketing, kỹ năng giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh bất động sản. Có kỹ năng tìm kiếm các văn bản quy phạm pháp luật, các tài liệu liên quan đến kinh doanh bất động sản.	2	Kỳ 1	Bài kiểm tra Thảo luận Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
7	Thực tập Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai	Học phần thực tập xây dựng và phát triển dữ liệu đất đai cung cấp cho học viên những kỹ năng về việc thực hiện quy trình vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai; Sau khi thành thạo, nắm rõ quy trình trong vận hành, học viên tiến hành thiết kế các mô hình về hệ thống thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai; Xử lý thông tin, xây dựng, cập nhật dữ liệu cho cơ sở dữ liệu đất đai. Trình bày và giải thích được một số khái niệm khái niệm, trách nhiệm xây dựng và giá trị pháp lý của cơ sở dữ liệu đất đai; Các học viên sử dụng được các phần mềm phục vụ xây dựng quản lý và vận hành hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất trên nền tảng công nghệ thông tin theo quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	2	Kỳ 1	Chuyên cần Bài kiểm tra thực hành trên máy

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Quản lý tài nguyên đất tổng hợp	Học phần "Quản lý tài nguyên đất tổng hợp" cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức căn bản và nâng cao về các công cụ cơ bản trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất. Cụ thể cung cấp cho học viên kiến thức về các nội dung: Khái quát quản lý tổng hợp tài nguyên đất tổng hợp; Luật pháp và công cụ hành chính trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất; Công cụ quy hoạch và quản trị tài nguyên trong quản lý tài nguyên đất tổng hợp; Các công cụ tài chính trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất.	2	Kỳ 1	Bài kiểm tra Thảo luận Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
9	Chính sách tài chính về đất đai nâng cao	Sau khi kết thúc học phần, học viên hiểu và phân tích được một số vấn đề chung về ngân sách nhà nước; pháp luật thuế; cơ sở lý luận về tài chính đất đai; nội dung cơ bản về tài chính đất đai; khoản thu tài chính từ đất đai và pháp luật thuế về đất đai; Nâng cao hiệu quả chính sách thuế về đất đai và nâng cao hiệu quả một số nguồn thu khác từ đất đai.	2	Kỳ	Bài kiểm tra Thảo luận Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
10	Viễn thám và GIS ứng dụng trong quản lý đất đai	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và nâng cao về cơ sở vật lý viễn thám, các phương pháp xử lý dữ liệu viễn thám; những nguyên lý và phương pháp phân tích dữ liệu địa lý (GIS). Đặc biệt, học phần tập trung vào ứng dụng viễn thám trong quản lý đất đai.	02	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra số 1: 80% A1.2 Chuyên cần 20% A1.3 Bài kiểm tra số 2: 80% A1.4 Chuyên cần 20%
11	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	Học phần "Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực quản lý đất đai" trang bị cho học viên hệ thống những khái niệm cơ bản chung về đầu tư và dự án đầu tư. Học phần cũng cung cấp các kiến thức, quy định về trình tự nghiên cứu soạn thảo dự án đầu tư, trình tự lập dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai, bố cục của dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai, nguyên tắc, công cụ và phương pháp quản lý, các mô hình quản lý và nội dung quản lý. Lập được một số dự án đầu	2	Kỳ 2	Bài kiểm tra Thảo luận Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
12	Quản lý sử dụng đất đô thị và các khu chức năng	Học phần "Quản lý sử dụng đất đô thị và các khu chức năng" cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về đô thị, đô thị hóa và quá trình phát triển đô thị đặc biệt là đất đô thị công nghiệp, khu kinh tế và các khu chức năng. Học viên phân tích và đánh giá được công tác quản lý sử dụng đất đô thị, quản lý	2	Kỳ 2	Bài kiểm tra Thảo luận Chuyên cần Bài thi kết thúc học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhà nước khu công nghiệp và khu kinh tế. Học phần sẽ giúp cho học viên có các kiến thức cơ bản làm nền tảng học tập các học phần tiếp theo của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai			phần
13	Kinh tế đất ứng dụng	Học phần kinh tế đất ứng dụng là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai. Học phần trang bị cho người học những kiến thức về: Tổng quan về kinh tế đất, địa tô, giá trị đất đai tăng thêm; Lợi thế so sánh và chi phí cơ hội trong kinh tế sử dụng đất; các giải pháp điều tiết giá trị đất đai tăng thêm	2	Kỳ 2	Bài kiểm tra Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
14	Chuyên đề chuyên ngành 1: Quản lý hành chính về đất đai	Học phần "Chuyên đề Quản lý hành chính về đất đai" nhằm cung cấp cho học viên các vấn đề chung liên quan tới quản lý hành chính về đất đai. Học viên sẽ viết báo cáo đánh giá, phân tích lý luận và thực tiễn về quản lý hành chính về đất đai.	2	Kỳ 2	Chuyên cần Đi thực tế Báo cáo chuyên đề
15	Chuyên đề chuyên ngành 3: Quản lý đất đai một số nước trên thế giới	Học phần "Chuyên đề chuyên ngành 3: Quản lý đất đai một số nước trên thế giới" nhằm cung cấp cho học viên vấn đề chung liên quan tới quản lý đất đai ở một số quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Học viên sẽ viết các báo cáo đánh giá, phân tích lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm về quản lý đất đai của các nước trên thế giới áp dụng đối với Việt Nam.	2	Kỳ 2	Chuyên cần Đi thực tế Báo cáo chuyên đề

2. Khóa CH9

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh chuyên ngành	Học phần Tiếng Anh chuyên ngành cung cấp cho học viên kiến thức tổng quát bằng Tiếng Anh của các môn học khác nhau thuộc khối kiến thức ngành Quản lý đất đai như: thuế sử dụng đất, luật đất đai, quy hoạch sử dụng đất, định giá và đánh giá đất. Qua môn học này, học viên sử dụng được và phân biệt được các hiện tượng ngữ pháp thường được sử dụng trong tài liệu Tiếng Anh chuyên ngành như câu chủ động, bị động, câu điều kiện, câu có mệnh đề quan hệ, câu so sánh. Ngoài ra học viên còn được tiếp cận và sử dụng thành thạo những từ vựng liên quan đến các chủ đề của chuyên ngành Quản lý đất đai với lượng từ chuyên ngành khoảng 200 từ 2	2	Kỳ 2	Bài kiểm tra Thái độ học tập Bài tập Bài thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Phân tích chính sách đất đai	Học phần "Phân tích chính sách đất đai" cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức liên quan tới: Các vấn đề cơ bản về chính sách và phân tích chính sách nói chung; Khái niệm, đặc điểm, mục tiêu và vai trò của chính sách đất đai; Khái niệm, mục đích, nội dung và phương pháp phân tích chính sách đất đai; Phân tích một số chính sách đất đai cụ thể ở Việt Nam. Học phần sẽ giúp cho học viên có các kiến thức cơ bản làm nền tảng học tập các học phần tiếp theo của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai.	3	Kỳ 2	Bài kiểm tra Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
3	Đánh giá đất nâng cao	Học phần đánh giá đất nâng cao trang bị cho học viên hệ thống kiến thức nâng cao về khung đánh giá đất theo FAO cùng các quy trình đánh giá đất của FAO cho một số nhóm đất chính (đất nông nghiệp có tưới, đất nông nghiệp không có tưới, đất lâm nghiệp); các quy trình và kỹ thuật đánh giá phân hạng đất nông nghiệp, chất lượng đất, ô nhiễm đất theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	3	Kỳ 2	Bài kiểm tra Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
4	Quy hoạch sử dụng đất bền vững	Quy hoạch sử dụng đất là một học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành, trang bị cho học viên những kiến thức chung về sử dụng đất bền vững; phân tích được khái niệm, cơ sở, nguyên tắc và yêu cầu của quy hoạch sử dụng đất bền vững; Tổng hợp và đánh giá được thực tế quy hoạch sử dụng đất một số nước trên thế giới và Việt Nam; Vận dụng lồng ghép các yếu tố môi trường và xã hội nhằm đạt được sự bền vững trong quy hoạch sử dụng đất tại Việt Nam. Đánh giá được việc ứng dụng bài toán tối ưu trong lập phương án quy hoạch sử dụng đất.	3	Kỳ 2	Bài kiểm tra Thảo luận Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
5	Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai	Xây dựng và phát triển dữ liệu đất đai là một học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành, trang bị cho học viên những kiến thức chung tổng quan về cơ sở dữ liệu đất đai; Trình bày và giải thích được một số khái niệm khái niệm, trách nhiệm xây dựng và giá trị pháp lý của cơ sở dữ liệu đất đai; Tổng hợp và đánh giá được thực trạng và định hướng xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai ở Việt Nam và hệ thống thông tin đất đai một số nước trên thế giới; Vận dụng các kiến thức đã học để xây dựng được cơ sở dữ liệu đất đai	2	Kỳ 2	Bài kiểm tra Thảo luận Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và thiết kế được mô hình cơ sở dữ liệu đất đai từ đó cập nhật, vận hành và quản lý bảo mật cơ sở dữ liệu đất đai.			
6	Hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai	Học phần "Hiện đại hóa Hệ thống đăng ký đất đai" là một học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành, trang bị cho học viên những kiến thức về Hệ thống đăng ký đất đai hiện đại; Lịch sử phát triển của đăng ký đất đai ở Việt Nam; Giao dịch điện tử trong lĩnh vực đất đai; Một số vấn đề chung về Chính phủ điện tử; Chính phủ điện tử ngành Tài nguyên và môi trường; Cơ sở dữ liệu ngành Tài nguyên và môi trường; Mô hình hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai trên thế giới và Việt Nam.	2	Kỳ 2	Bài kiểm tra Thảo luận Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
7	Thẩm định giá đất và Bất động sản	Học phần "Thẩm định giá đất và bất động sản" cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức Tổng quan về thẩm định giá đất và bất động sản; các phương pháp thẩm định giá bất động sản; quy trình thẩm định giá bất động sản.	2	Kỳ 2	Bài kiểm tra Bài tập Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.CH_QM

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ thạc sĩ năm học 2023-2024
Chuyên ngành Quản lý tài nguyên và môi trường

1. Khóa CH8

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Quản lý tổng hợp chất thải rắn	MT1: Kiến thức về các phương pháp xử lý chất thải rắn, các hinh thức thu gom và trung chuyển chất thải rắn MT2: Đánh giá một hệ thống quản lý chất thải rắn hiện tại và đưa ra các phương hướng khắc phục nhằm xây dựng được hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý, tái chế và thải bỏ hoàn toàn, đảm bảo có thể giảm lượng chất rắn thải bỏ ra môi trường là thấp nhất MT3: Nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học; Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử; MT4: Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà; Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp; Chia sẻ thông tin với bạn bè và với giáo viên	3	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 15% A1.1. Bài tập lớn: 40% A1.2. Bài tập thảo luận nhóm: 40% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 15% A1.4. Báo cáo: 80% A1.5. Thái độ học tập: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
2	Đánh giá rủi ro môi trường	MT1: Các kiến thức cơ bản về đánh giá rủi ro: Khái niệm cơ bản, các mô hình, phương pháp đánh giá rủi ro và tính toán định tính và định lượng các rủi ro môi trường, rủi ro sinh thái và tác động đến sức khỏe con người MT2: Kiến thức về quản lý rủi ro, lập kế hoạch quản lý rủi ro và xây dựng quy trình quản lý rủi ro MT3: Kỹ năng nhận diện các yếu tố rủi ro, tính toán mức độ rủi ro, ứng dụng đánh giá rủi ro trong công tác quản lý môi	3	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 15% A1.1. Chuyên cần: 20% A1.2. Bài tập nhóm: 20% A1.3. Bài tập cá nhân: 20%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trường MT4: Cách thức tiếp cận quản lý rủi ro, đánh giá rủi ro môi trường trong công tác quản lý môi trường			A1.4. Bài kiểm tra: 40% Điểm số 2: 15% A1.5. Thái độ học tập: 20% A1.6. Bài tập nhóm: 40% A1.7. Bài tập tình huống: 40% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
3	Quản lý tổng hợp chất lượng môi trường nước và không khí	MT1: Các quy định về quản lý môi trường nước, môi trường không khí; đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước và không khí, quy định về xả thải và quan trắc môi trường nước và không khí MT2: Các kiến thức về điều tra,thống kê nguồn thải, quản lý được dữ liệu chất lượng môi trường nước, kế hoạch quản lý tổng hợp môi trường nước và không khí MT3: Các kiến thức về điều tra,thống kê nguồn thải, quản lý được dữ liệu chất lượng môi trường nước, kế hoạch quản lý tổng hợp môi trường nước và không khí MT4: - Khả năng nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong công tác quản lý môi trường nước, không khí	3	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra: 80% A1.2. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 15% A1.3. Bài kiểm tra: 80% A1.4. Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Khả năng đưa ra những giải pháp trong công tác quản lý môi trường nước, không khí			
4	Ứng dụng GIS, viễn thám trong quản lý tài nguyên và môi trường	MT1: Các kiến thức cơ bản về GIS và viễn thám, các ứng dụng của GIS và viễn thám trong quản lý tài nguyên và môi trường MT2: Các kiến thức cơ bản về GIS và viễn thám, các ứng dụng của GIS và viễn thám trong quản lý tài nguyên và môi trường MT3: Kỹ năng sử dụng thành thạo các phầm mềm GIS và viễn thám trong quản lý tài nguyên và môi trường MT4: Khả năng vận dụng các kiến thức về GIS và viễn thám trong việc thành lập bản đồ, tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm	2	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 15% A1.1. Bài tập cá nhân: 80% A1.2. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 15% A1.3. Bài thực hành: 80% A1.4. Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
5	Quản lý môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	MT1: Kiến thức cơ bản về hệ thống cơ sở pháp lý về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ như: khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề MT2: Xác định các vấn đề môi trường liên quan của các khu vực và hoạt động của khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề…, từ đó đề xuất được các giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường cho các khu vực và đối tượng nói trên MT3: Rèn luyện tác phong nghiên cứu khoa học và làm việc chuyên nghiệp, kỹ năng xây dựng kế hoạch và trình bày vấn đề MT4: Nhận thức đúng về các vấn đề môi trường cần giải quyết và sử dụng các công cụ quản lý môi trường phù hợp	3	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 15% A1.1. Bài tập cá nhân: 40% A1.2. Báo cáo: 40% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 15% A1.4. Báo cáo: 80% A1.5. Thái độ học tập: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cho các đối tượng khác nhau			Điểm thi kết thúc học phần: 70%
6	Quản lý đa dạng sinh học	MT1: Kiến thức về một số khái niệm liên quan đến quản lý đa dạng sinh học MT2: Kiến thức về các công cụ trong quản lý đa dạng sinh học (trong Quản lý gen, Quản lý loài, Quản lý hệ sinh thái) MT3: Kỹ năng áp dụng các công cụ trong quản lý đa dạng sinh học (trong Quản lý gen; Quản lý loài; Quản lý hệ sinh thái) MT4: Năng lực chủ động và có trách nhiệm trong quản lý đa dạng sinh học, có ý thức bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	2	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra: 70% A1.2. Chuyên cần: 30% Điểm số 2: 15% A1.3. Bài kiểm tra: 70% A1.4. Chuyên cần: 30% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
7	Kinh tế tuần hoàn ứng dụng	MT1: Nắm vững các khái niệm, nguyên tắc của CE, các thuật ngữ liên quan. Hiểu các cách tiếp cận trong thực hiện CE, rào cản và động lực của việc chuyển đổi sang CE áp dụng trong thực tế MT2: Vận dụng lý thuyết, phương pháp, công cụ một cách linh hoạt và thành thạo từ nhiều lĩnh vực liên quan để thực hiện kinh tế tuần hoàn trong vòng đời sản phẩm của một số ngành của Việt Nam. Xác định được cơ hội và thách thức trong chuyển đổi kinh tế tuần hoàn cho một số ngành kinh tế then chốt của Việt Nam MT3: Tăng cường kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo. MT4: Tăng khả năng tự định hướng, có trách nhiệm, nghiêm túc trong công việc/nhiệm vụ được giao	2	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra: 60% A1.2. Bài tập cá nhân: 20% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 15% A1.4. Bài tập nhóm: 80% A1.5. Thái độ học tập: 20% A2. Thi kết thúc học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
8	Công nghệ xanh trong quản lý môi trường	MT1: Các kiến thức về khái niệm, nhu cầu, mục tiêu và các phương pháp đánh giá lựa chọn công nghệ xanh MT2: Các kiến thức về các công nghệ xanh trong giảm thiểu ô nhiễm môi trường bao gồm các công nghệ xử lý nước cấp bền vững, các công nghệ xanh trong xử lý nước thải, xử lý và tái chế bùn thải, công nghệ xanh trong xử lý ô nhiễm đất, công nghệ xanh trong xử lý khí thải, công nghệ nano xanh nhằm thiết kế cải tiến công nghệ xanh và lựa chọn, áp dụng công nghệ xanh vào thực tế MT3: Các kiến thức về các công nghệ xanh trong quản lý môi trường bao gồm hóa học xanh và công nghệ sinh thái, kiến trúc xanh và công nghệ thông tin xanh. MT4: Kỹ năng thiết kế cải tiến công nghệ xanh và lựa chọn, áp dụng các công nghệ xanh để giảm thiểu ô nhiễm môi trường và quản lý môi trường theo xu hướng chung của thế giới và quốc gia cũng như phù hợp với điều kiện của địa phương thông qua những tình huống điển hình trong thực tế MT5: Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, thuyết trình báo cáo, kỹ năng tổ chức, kỹ năng phát hiện, phân tích trong việc lựa chọn các công nghệ xanh trong giảm thiểu ô nhiễm và quản lý môi trường	3	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 15% A1.1. Bài tập nhóm: 80% A1.2. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 15% A1.3. Bài kiểm tra: 80% A1.4. Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
9	Thực tập 1: Thực tập ngoại khóa	MT1: Kiến thức thực tiễn trong các hoạt động liên quan tới lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường. MT2: Kinh nghiệm thực tế trong triển khai đánh giá hiện trạng môi trường, công tác quản lý môi trường, các mô hình quản lý và sử dụng tài nguyên MT3: Phương pháp xây dựng được kế hoạch, nội dung tổ chức thực tập	2	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 25% A1.1. Chuyên cần: 100% Điểm số 2: 25% A1.2. Báo cáo: 100% A2. Báo cáo kết quả

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT4: Đúc kết được các kinh nghiệm cần thiết, có động lực cho việc học tập và hướng tới nghề nghiệp phù hợp trong tương lai			học phần: 50% Hình thức thi: Báo cáo
10	Thực tập 2: Kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải	MT1: Kiến thức thực tiễn trong các hoạt động liên quan tới lĩnh vực Kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải MT2: Kinh nghiệm thực tế trong triển khai các giải pháp kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải MT3: Phương pháp xây dựng được kế hoạch, nội dung tổ chức thực tập MT4: Đúc kết được các kinh nghiệm cần thiết, có động lực cho việc học tập và hướng tới nghề nghiệp phù hợp trong tương lai	2	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 25% A1.1. Chuyên cần: 100% Điểm số 2: 25% A1.2. Báo cáo: 100% A2. Báo cáo kết quả học phần: 50% Hình thức thi: Báo cáo
11	Thực tập 3: Ứng dụng công cụ quản lý tài nguyên và môi trường	MT1: Củng cố cho người học kiến thức về các công cụ trong quản lý tài nguyên và môi trường, như: Công cụ luật pháp chính sách; Các công cụ kinh tế; Các công cụ kỹ thuật; và các công cụ phụ trợ khác (truyền thông, giáo dục,…) MT2: - Rèn luyện người học kỹ năng ứng dụng các công cụ, phương pháp trong quản lý tài nguyên và môi trường, cụ thể: + Lập kế hoạch thực hiện, Đánh giá hiện trạng, đề xuất giải pháp quản lý tài nguyên và môi trường tại một khu vực, địa phương, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ cụ thể; + Lập kế hoạch, phân tích và đánh giá đánh giá tác động môi trường, tác động đa dạng sinh học cho một dự án cụ thể,… và hoàn thiện hồ sơ môi trường cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ,… + Xây dựng chương trình, Lập kế hoạch, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường cho 1 khu vực cụ thể; Xây dựng và lập kế hoạch truyền thông tại một khu vực cụ	2	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 25% A1.1. Chuyên cần: 80% Điểm số 2: 25% A1.2. Báo cáo: 120% A2. Báo cáo kết quả học phần: 50% Hình thức thi: Báo cáo

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thể…. + Xây dựng quy trình, kế hoạch và chương trình đánh giá, quản lý rủi ro và phục hồi hệ sinh thái; - Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng báo cáo và trình bày báo cáo MT3: Rèn luyện cho người học có khả năng chủ động và có trách nhiệm cao trong công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.			
12	Quản lý di sản thiên nhiên và các khu bảo tồn	MT1: Tổng quan về khái niệm, phân loại, giá trị… của di sản thiên nhiên và các khu bảo tồn, sự tác động của các điều kiện tự nhiên, môi trường và hoạt động kinh tế - xã hội tới di sản thiên nhiên và các khu bảo tồn; Hệ thống cơ sở pháp lý của Việt Nam và quốc tế về quản lý di sản thiên nhiên và các khu bảo tồn; các nguyên tắc, phương pháp tiếp cận và đối tượng tham gia quản lý di sản thiên nhiên và các khu bảo tồn. MT2: Khả năng vận dụng kiến thức, ứng dụng các nguyên tắc, phương pháp tiếp cận và đối tượng tham gia quản lý di sản thiên nhiên và các khu bảo tồn. MT3: Rèn luyện tác phong học tập và làm việc chuyên nghiệp, kỹ năng giao tiếp. MT4: Nhận thức đúng vai trò và bản chất của quản lý di sản thiên nhiên và các khu bảo tồn..	3	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra 1: 30% A1.2. Bài tập nhóm: 40% A1.3. Bài kiểm tra 2: 30% Điểm số 2: 15% A1.4. Chuyên cần: 20% A1.5. Thảo luận, phát biểu: 50% A1.6. Thái độ học tập: 30% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%

2. Khóa CH9

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học	MT1: Kiến thức về lịch sử triết học, triết học Mác-Lênin, mối quan hệ giữa triết học với khoa học tự nhiên và vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển kinh tế- xã hội. MT2: Kỹ năng tư duy theo thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng trong phát hiện, đánh giá và giải quyết những vấn đề thực tiễn. Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học MT3: Giá trị lịch sử, lý luận và thực tiễn của các tư tưởng triết học; giá trị khoa học, cách mạng của Triết học Mác-Lênin; giá trị của khoa học - công nghệ trong phát triển kinh tế- xã hội.	3	1	A1. Đánh giá quá trình: Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra: 60% A1.2. Bài tập cá nhân: 20% A1.3. Bài tập nhóm: 20% Điểm số 2: 15% A1.4. Chuyên cần: 30% A1.5. Thảo luận, phát biểu: 50% A1.6. Thái độ học tập: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
2	Tiếng Anh B2	MT1: - Kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở trình độ B2 để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung - Kiến thức cơ bản về các chủ đề thường gặp trong xã hội MT2: - Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở trình độ B2 trong các tình huống giao tiếp cụ thể. - Khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả MT3: - Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao	3	1	A1. Đánh giá quá trình: Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra số 1: 100% Điểm số 2: 15% A1.2. Bài tập: 20% A1.3. Thái độ học tập: 20% A1.4. Bài kiểm tra số 2: Vấn đáp: 60% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Viết và Vấn đáp A2.1. Bài thi viết: 50% A2.2. Bài thi vấn đáp: 50% Điểm thi kết thúc học phần:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					70%
3	Tiếng Anh chuyên ngành	MT1: Kiến thức ngôn ngữ bao gồm các thuật ngữ sử dụng trong các tài liệu chuyên ngành, kiến thức ngữ pháp thông qua các bài đọc MT2: Diễn đạt, trình bày, và viết được báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn bằng tiếng anh MT3: Rèn luyện tác phong học tập và làm việc chuyên nghiệp, kỹ năng giao tiếp MT4: Nhận thức đúng vai trò và bản chất của tiếng anh trong quản lý tài nguyên và môi trường.	2	2	A1. Đánh giá quá trình: Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra 1: 40% A1.2. Bài tập nhóm: 40% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 15% A1.4. Bài kiểm tra 2: 80% A1.5. Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
4	Phân tích chính sách tài nguyên và môi trường	MT1: Các kiến thức về chính sách tài nguyên và môi trường của Việt Nam và các chính sách tài nguyên và môi trường quốc tế mà Việt Nam đã tham gia MT2: Các kiến thức công cụ luật pháp chính sách, ý nghĩa của công cụ luật pháp chính sách trong quản lý tài nguyên và môi trường MT3: Kỹ năng phân tích và vận dụng được các chính sách quản lý tài nguyên và môi trường đang áp dụng ở Việt Nam vào việc quản lý tài nguyên và môi trường ở địa phương MT4: Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện nội dung của chính sách tài nguyên và môi trường MT5: Năng lực phản biện và tham gia vào quá trình xây dựng chính sách trong khai thác, bảo vệ tài nguyên và môi trường ở các cấp độ khác nhau từ trung ương tới địa phương	3	2	A1. Đánh giá quá trình: Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra 1: 60% A1.2. Bài tập thảo luận nhóm: 20% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 15% A1.4. Báo cáo hoạt động nhóm: 80% A1.5. Thái độ học tập: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT6: Năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong thực thi chiến lược và chính sách trong quản lý môi trường			
5	Phân tích và đánh giá dữ liệu môi trường	MT1: Kiến thức cơ bản liên quan đến phương pháp phân tích và đánh giá dữ liệu môi trường; qua các giá trị thống kê; các phương pháp và mô hình cơ bản, phương pháp phân tích tương quan, phân tích hồi quy, mô phỏng và dự báo. MT2: Kỹ năng thực hành các phương pháp và mô hình cơ bản, phương pháp phân tích tương quan, phân tích hồi quy, dự báo. MT3: Rèn luyện tác phong học tập và làm việc chuyên nghiệp, kỹ năng giao tiếp. MT4: Nhận thức đúng vai trò và bản chất của việc phân tích dữ liệu trong quản lý môi trường.	2	2	A1. Đánh giá quá trình: Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra: 40% A1.2. Báo cáo hoạt động nhóm: 40% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 15% A1.4. Bài tập cá nhân: 80% A1.5. Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
6	Lượng giá và bồi thường thiệt hại môi trường	MT1: Kiến thức về thị trường, lượng giá, tổng giá trị kinh tế các hàng hóa dịch vụ môi trường, ý nghĩa của lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường; các nhóm phương pháp lượng giá kinh tế môi trường thường sử dụng; MT2: Kiến thức về cơ sở xác định thiệt hại môi trường; tính toán đền bù thiệt hại môi trường MT3: Phương pháp lượng giá một số thiệt hại môi trường từ thiên tai tự nhiên, ô nhiễm của doanh nghiệp, khu công nghiệp…. MT4: Kỹ năng làm việc nhóm, tổng hợp và trình bày báo cáo MT5: Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong quản lý tài nguyên và môi trường nói chung và trong lượng giá kinh tế môi trường nói riêng.	2	2	A1. Đánh giá quá trình: Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra: 40% A1.2. Bài tập cá nhân: 40% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 15% A1.4. Bài tập nhóm: 80% A1.5. Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7	Đánh giá rủi ro môi trường	MT1: Các kiến thức cơ bản về đánh giá rủi ro: Khái niệm cơ bản, các mô hình, phương pháp đánh giá rủi ro và tính toán định tính và định lượng các rủi ro môi trường, rủi ro sinh thái và tác động đến sức khỏe con người MT2: Kiến thức về quản lý rủi ro, lập kế hoạch quản lý rủi ro và xây dựng quy trình quản lý rủi ro MT3: Kỹ năng nhận diện các yếu tố rủi ro, tính toán mức độ rủi ro, ứng dụng đánh giá rủi ro trong công tác quản lý môi trường MT4: Cách thức tiếp cận quản lý rủi ro, đánh giá rủi ro môi trường trong công tác quản lý môi trường	3	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 15% A1.1. Chuyên cần: 20% A1.2. Bài tập nhóm: 20% A1.3. Bài tập cá nhân: 20% A1.4. Bài kiểm tra: 40% Điểm số 2: 15% A1.5. Thái độ học tập: 20% A1.6. Bài tập nhóm: 40% A1.7. Bài tập tình huống: 40% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%
8	Nguyên lý quản lý tài nguyên và môi trường	MT1: Cung cấp được cho học viên những khái niệm, nội dung cơ bản, cốt lõi về về tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là về các dịch vụ hệ sinh thái, môi trường tự nhiên, các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên, các hệ sinh thái, đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái cũng như các nguyên tắc, nội dung, cách tiếp cận toàn diện, hiện đại về quản lý tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển bền vững. MT2: Học viên có được phương pháp luận về mối quan hệ biện chứng giữa các tác động của con người tới môi trường và tài nguyên; trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp quản lý tài nguyên và môi trường, đặc biệt là phương thức quản lý tổng hợp theo cách tiếp cận hệ sinh thái để đảm bảo ngăn chặn xu thế ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên và các hệ sinh thái trong khi vẫn đảm bảo phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống và chất lượng sống của người dân.	2	2	A1. Đánh giá quá trình: Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra: 40% A1.2. Bài tập cá nhân: 40% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 15% A1.4. Bài kiểm tra: 40% A1.5. Bài tập cá nhân: 40% A1.6. Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3: Học viên có được cái nhìn toàn diện, tổng thể về các vấn đề tài nguyên và môi trường; trên cơ sở đó đảm bảo xây dựng được cách tiếp cận toàn diện, khoa học cả về tự nhiên và xã hội trong nghiên cứu khoa học và đề xuất các chính sách, pháp luật về quản lý tài nguyên và môi trường. Thông qua việc học tập và thảo luận trên lớp cũng như tự nghiên cứu, học viên sẽ rèn luyện được tác phong học tập và làm việc chuyên nghiệp, kỹ năng giao tiếp trong việc học tập, nghiên cứu, tham vấn hoạch định chính sách trong quản lý tài nguyên và môi trường theo cách tiếp cận hệ sinh thái phục vụ phát triển bền vững MT4: Cung cấp cho học viên những nhận thức đúng về bản chất các vấn đề ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên và các hệ sinh thái, đa dạng sinh học cũng như các giải pháp quản lý tài nguyên, môi trường, các hệ sinh thái và đa dạng sinh học.			
9	Đánh giá môi trường chiến lược	MT1: Các kiến thức về công cụ và sử dụng được các công cụ, phương pháp đánh giá, phân tích các xu hướng biến đổi của môi trường khi triển khai các Chiến lược, Quy hoạch MT2: Các kiến thức để đề xuất các giải pháp phù hợp, các vấn đề cần quan tâm để khắc phục và hạn chế các tác động tiêu cực khi triển khai các Chiến lược, Quy hoạch MT3: Kỹ năng phân tích và vận dụng được các công cụ, phương pháp đánh giá môi trường chiến lược phục vụ cho các hoạch định Chiến lược, Quy hoạch. MT4: Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức thực hiện và đề xuất các giải pháp phù hợp, các vấn đề cần quan tâm để khắc phục và hạn chế các tác động tiêu cực khi triển khai các Chiến lược, Quy	2	2	A1. Đánh giá quá trình: Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra 1: 60% A1.2. Bài tập thảo luận nhóm: 20% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 15% A1.4. Báo cáo hoạt động nhóm: 80% A1.5. Thái độ học tập: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hoạch MT5: Năng lực phản biện và tham gia vào quá trình xây dựng báo cáo đánh giá môi trường chiến lược cho Chiến lược, Quy hoạch MT6: Năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong thực thi biện pháp giảm thiểu tác động môi trường khi triển khai các Chiến lược, Quy hoạch			
10	Biến đổi khí hậu và ứng phó	MT1: Kiến thức cơ bản về Biến đổi khí hậu (BĐKH); phân tích được các tác động của BĐKH lên các ngành, lĩnh vực và các vùng địa lý ở nước ta MT2: Áp dụng được các biện pháp giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH theo ngành, lĩnh vực ở Việt Nam MT3: Rèn luyện tác phong học tập và làm việc chuyên nghiệp, kỹ năng giao tiếp MT4: Nhận thức đúng vai trò và bản chất của công cụ kinh tế trong quản lý tài nguyên và môi trường.	2	2	A1. Đánh giá quá trình: Điểm số 1: 15% A1.1. Bài kiểm tra 1: 40% A1.2. Bài tập nhóm: 40% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 15% A1.4. Bài kiểm tra 2: 80% A1.5. Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: 70%

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_LA

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2023-2024
Ngành Luật

1. Khóa 10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Công pháp quốc tế	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Trình bày và giải thích được khái niệm, đặc điểm, lịch sử phát triển và hệ thống nguồn luật của Công pháp quốc tế; Phân tích, so sánh làm rõ khác biệt giữa các khái niệm: Công pháp quốc tế, Tư pháp quốc tế và Luật quốc tế; cơ sở, tính chất và nội dung của mối quan hệ giữa các chủ thể của Công pháp quốc tế; cơ sở xác định và hình thức thực hiện các loại trách nhiệm pháp lí quốc tế; Phân tích được được nội dung và đánh giá thực tiễn thực hiện các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế; khái niệm, phân loại lãnh thổ và quy chế pháp lí các vùng lãnh thổ trong luật pháp quốc tế; - Về kỹ năng: Tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống tranh chấp cụ thể giữa các chủ thể của luật quốc tế; Vận dụng được các nguyên tắc của luật pháp quốc tế và các biện pháp giải quyết tranh chấp quốc tế trong những tình huống pháp lí cụ thể. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tìm kiếm, áp dụng kiến thức về công pháp quốc tế để xử lý, giải quyết những tình huống cụ thể trong thực tế; Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân trong một số quan hệ pháp luật quốc tế cụ thể.	02	Kì I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Tư pháp quốc tế	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Trình bày và giải thích được những vấn đề cơ bản về tư pháp quốc tế Việt Nam, vấn đề xung đột pháp luật, xung đột thẩm quyền trong tư pháp quốc tế, vấn đề công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài, bản án, quyết định của tòa án nước ngoài và những quy định cụ thể của tư pháp quốc tế Việt Nam trong một số quan hệ cụ thể như: quan hệ hôn nhân và gia đình, quan hệ tài sản, quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng - Về kỹ năng: Áp dụng pháp luật để giải quyết vụ việc dân sự cụ thể, xác định thẩm quyền tài phán của tòa án Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, quan hệ tài sản, quan hệ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tìm kiếm, áp dụng kiến thức về tư pháp quốc tế để xử lý, giải quyết những tình huống cụ thể trong thực tế; Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân trong một số quan hệ tư pháp quốc tế cụ thể để tránh vi phạm pháp luật hoặc bị thiệt hại.	02	Kì I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.
3	Pháp luật phòng chống tham nhũng	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Hệ thống khái niệm, đặc điểm, các dạng của hành vi tham nhũng; Các quy định của Luật phòng chống tham nhũng của Việt Nam; quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội phạm tham nhũng và các quy định của Công ước Liên hợp quốc chống tham nhũng; kinh nghiệm của một số nước về phòng chống tham nhũng. MT2: Có khả năng tìm kiếm các văn bản pháp luật về phòng chống tham nhũng.Phân tích, đánh giá, vận dụng các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng vào tình huống cụ thể. MT3: Đánh giá tác hại của tham nhũng. Xác định rõ trách nhiệm của bản thân trong phòng, chống tham nhũng, hoàn thiện pháp luật về phòng chống tham nhũng.	02	Kì I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Pháp luật thanh tra và khiếu nại tố cáo	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Sinh viên trình bày và giải thích được những kiến thức cơ bản về lí luận và thực tiễn thanh tra, khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo và pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lí hành chính nhà nước. - Về kĩ năng: Hệ thống hóa và khai thác những văn bản pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo; vận dụng pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Vận dụng pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo vào thực tiễn; đưa ra chính kiến, nhận xét của cá nhân về các hoạt động thanh tra, khiếu nại, tố cáo đang diễn ra trên thực tế và những ý kiến đề xuất để khắc phục những hạn chế, yếu kém đang tồn tại. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tìm kiếm, phân tích, đánh giá và áp dụng các quy định pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo để xử lý những tình huống cụ thể; Xác định rõ trách nhiệm của bản thân trong việc tôn trọng pháp luật, đặc biệt là tôn trọng các quyết định của chủ thể có thẩm quyền trong thanh tra, khiếu nại, tố cáo; Có quan điểm đúng về hoạt động thanh tra, khiếu nại, tố cáo;	02	Kì I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.
5	Tội phạm học	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được những mục tiêu sau: - Về kiến thức: Trình bày và giải thích được hệ thống khái niệm cơ bản của tội phạm học; hệ thống phương pháp nghiên cứu của tội phạm học cũng như việc vận dụng các phương pháp để nghiên cứu tình hình tội phạm trong thực tiễn; quá trình hình thành và phát triển của tội phạm học cũng như các học thuyết về nguyên nhân của tội phạm; các đặc điểm cơ bản cũng như các nội dung của tình hình tội phạm; nguyên nhân của tội phạm; đặc điểm và cơ chế hình thành các đặc điểm nhân thân người phạm tội; cơ sở lí luận của việc xây dựng các biện pháp phòng ngừa tội phạm; Phân tích, đánh giá được các căn cứ dự báo tình hình tội phạm, các phương pháp dự báo tội	02	Kì I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phạm. - Về kỹ năng: Hệ thống hóa thông tin, sử dụng các phương pháp để xác định được chính xác thực trạng, diễn biến, cơ cấu, tính chất của tình hình tội phạm; Thu thập, phân tích tài liệu để xác định được nguyên nhân của tội phạm; Thành thạo một số kĩ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án hình sự để phân tích các đặc điểm của nhân thân người phạm tội cũng như khái quát các nguyên nhân làm phát sinh tội phạm từ phía chủ thể phạm tội; Hệ thống hóa thông tin, sử dụng các phương pháp để dự báo tình hình tội phạm; Tư vấn về phòng ngừa tội phạm cho các cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân có yêu cầu. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực đánh giá tình hình, nguyên nhân, dự báo tội phạm; Xác định rõ trách nhiệm của bản thân trong phòng ngừa tội phạm.			
6	Hợp đồng dân sự thông dụng	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Trình bày và giải thích được những kiến thức cơ bản về các loại hợp đồng dân sự thông dụng. Các nguyên tắc giao kết hợp đồng cũng như xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện, chấm dứt hợp đồng. - Về kĩ năng: Xây dựng được kĩ năng trong quá trình đàm phán hợp đồng, kĩ năng xác lập cơ cấu của hợp đồng, kĩ năng sử dụng từ và thiết kế các điều khoản trong hợp đồng; Đọc, hiểu và biết cách khai thác, vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống thực tiễn; Xây dựng và hoàn thiện được các loại hợp đồng thông dụng. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực đàm phán, kí kết các hợp đồng đảm bảo đúng quy định của pháp luật và các bên trong quan hệ hợp đồng đều có lợi; Xác định rõ trách nhiệm của bản thân trong tôn trọng pháp luật, tôn trọng tính bình đẳng, tự do ý chí của các chủ thể trong đàm phán và giao kết hợp đồng.	02	Kì I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7	Giao dịch dân sự về nhà ở	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Trình bày và giải thích được những kiến thức cơ bản về các hình thức giao dịch dân sự về nhà ở. Giúp sinh viên hiểu được các nguyên tắc khi giao dịch cũng như điều kiện giao dịch về nhà ở. - Về kĩ năng: Khai thác, vận dụng các quy định của pháp luật Nhà ở có liên quan để giải quyết các tình huống thực tiễn. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tìm kiếm, thu thập và áp dụng pháp luật giao dịch dân sự về nhà ở nhằm giải quyết những tình huống cụ thể; Xác định rõ trách nhiệm của bản thân trong tôn trọng pháp luật, tôn trọng tính bình đẳng, tự do ý chí của các chủ thể trong giao dịch dân sự về nhà ở.	02	Kì I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.
8	Luật sư, công chứng, chứng thực	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Trình bày và đánh giá được những kiến thức cơ bản về lí luận, thực tiễn và pháp luật về công chứng, chứng thực và luật sư - Về kỹ năng: Hệ thống hóa và khai thác những văn bản pháp luật về công chứng, chứng thực và luật sư. Đưa ra ý kiến, nhận xét của cá nhân về hoạt động công chứng, chứng thực và luật sư đang diên ra trong thực tế - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực thu thập, đánh giá được các tiêu chuẩn về luật sư, công chứng viên và các vấn đề liên quan đến hành nghề luật sư, công chứng viên theo quy định pháp luật hiện hành; Xác định rõ trách nhiệm của bản thân với tư cách là luật sư, công chứng viên khi hành nghề trong thực tiễn.	02	Kì I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.
9	Luật Hôn nhân và Gia đình	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Trình bày và giải thích được khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; đặc điểm và các yếu tố của quan hệ pháp luật hôn nhân và gia	02	Kì I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đình Việt Nam; các điều kiện để việc kết hôn hợp pháp; các căn cứ và đường lối giải quyết việc kết hôn trái pháp luật; các quyền và nghĩa vụ về nhân thân giữa vợ và chồng, chế độ tài sản giữa vợ và chồng; Trình bày và giải thích được các khái niệm ly hôn, người có quyền ly hôn, căn cứ ly hôn, các điều kiện hạn chế ly hôn, các trường hợp ly hôn và hậu quả pháp lý của ly hôn; các quy định của pháp luật về các trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng; hậu quả pháp lý đối với từng trường hợp chia tài sản chung của vợ và chồng; các căn cứ xác định quan hệ giữa cha mẹ và con phát sinh do sự kiện sinh đẻ; do sự kiện nuôi con nuôi, ý nghĩa của vấn đề mang thai hộ vì mục đích nhân đạo và phân tích đươc quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ mang thai hộ; các quyền và nghĩa vụ nhân thân và tài sản giữa cha mẹ và con; các quyền và nghĩa vụ giữa các thành viên khác trong gia đình. Hiểu được bản chất của quan hệ cấp dưỡng và căn cứ phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng; nêu và vận dụng được các quy định về các trường hợp cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; Trình bày và giải thích được các quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. - Về kỹ năng: Phát hiện và phân tích những vấn đề mang tính pháp lý trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình; So sánh, nhận định và đánh giá các vấn pháp lý cũng như tình huống trong thực tiễn; Phê phán, phản biện các vấn đề liên quan đến Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; Lựa chọn, vận dụng một cách khoa học các quy phạm pháp luật HNGĐ để giải quyết các tình huống pháp lí; - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tự thu thập, đánh giá được quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình, áp dụng các quy định này vào trong công tác; Xác định rõ trách nhiệm của bản thân trong bảo vệ, tôn trọng quan hệ hôn nhân và gia đình.			phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.
10	Thực tập tốt nghiệp	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Những vấn đề cơ bản về tổ chức và hoạt động của đơn	06	Kì II	Điểm cơ sở thực tập đánh giá trọng số

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vị thực tập; Những vấn đề cơ bản về các hoạt động quản lý, hoạt động kinh doanh của đơn vị thực tập; Vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện các công việc, nhiệm vụ mà đơn vị thực tập phân công. MT2: Có kỹ năng nhận thức, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy trong xử lý công việc; MT3: Có năng lực nhận xét, đánh giá và thực hiện các nhiệm vụ, công việc đơn vị thực tập phân công. Xác định rõ trách nhiệm của bản thân đối với công việc được giao.			40%. Điểm chấm Báo cáo thực tập trọng số 60%.
11	Kỹ năng tư vấn pháp lý về pháp luật tài nguyên - môi trường	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Những kiến thức chuyên sâu về các kĩ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh đất đai, tài nguyên thiên nhiên khác và môi trường, như:giao, cho thuê, bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất, khu vực biển; về quy trình và thủ tục lập và xin cấp phép các dự án đầu tư; về kĩ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng trong các giao dịch trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường; về thủ tục hành chính, khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai và xử lí vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. MT2: Phân tích, đánh giá về tính đặc thù trong từng lĩnh vực tài nguyên, môi trường cụ thể; Tính tương đồng và khác biệt giữa lĩnh vực tài nguyên môi trường với các lĩnh vực khác có liên quan; Mối quan hệ giữa pháp luật tài nguyên môi trường với pháp luật khác có liên quan (để xử lí). MT3: Có năng lực tư vấn được các vấn đề pháp lý và các vấn đề khác về tài nguyên – môi trường. Xác định rõ trách nhiệm của bản thân đối với lợi ích khách hàng cần được bảo vệ trong mối tương quan với lợi ích của phía bên kia, của Nhà nước và cộng đồng.	03	Kì II	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.
12	Kỹ năng Giải quyết tranh chấp thương mại	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Tổng quát về hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại: Khái niệm, đặc điểm của giải quyết tranh chấp thương mại; Vai trò của việc giải quyết tranh chấp thương mại; Các chủ thể tham gia vào giải quyết tranh chấp thương mai; Các	03	Kì II	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nguyên tắc, kỹ năng, giải quyết tranh chấp bằng hình thức thương lượng, hoà giải thương mại, trọng tài thương mại vàgiải quyết tranh chấp tại toà án; MT2: Thu thập thông tin, tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể giữa các bên; So sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề liên quan đến giải quyết tranh chấp thương mại; Có phương pháp tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại; Vận dụng kiến thức đã học để có thể tư vấn chọn lựa việc giải quyết tranh chấp thương mại bằng phương thức phù hợp; Bình luận, đánh giá các quy định pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng. MT3: Có năng lực nhận xét, đánh giá tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp thương mại; Xác định rõ trách nhiệm của bản thân trong việc tư vấn và giải quyết tranh chấp thương mại hợp pháp, hợp tình.			phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.

2. Khóa 11

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Luật tố tụng hình sự	MT1: - Những vấn đề cơ bản về luật tố tụng hình sự: khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng hình sự; nguồn của luật tố tụng hình sự; nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự. - Những vấn đề cơ bản về địa vị pháp lí các chủ thể khác nhau trong quan hệ pháp luật tố tụng hình sự. - Những vấn đề cơ bản về chứng cứ và các biện pháp ngăn chặn: bản chất, thuộc tính, các loại chứng cứ và những vấn đề khác có liên quan đến việc chứng minh; bản chất, ý nghĩa và căn cứ áp dụng các biện pháp ngăn chặn. - Những vấn đề cơ bản về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và các hoạt động cụ thể trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố xét	3	Kỳ I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		xử và thi hành vụ án hình sự. - Vận dụng những kiến thức đã học để phân biệt thẩm quyền, trình tự, thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm. MT2: - Có khả năng tìm kiếm các văn bản pháp luật hình sự quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và các hoạt động cụ thể trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố xét xử và thi hành vụ án hình sự. - Có kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá các tình huống cụ thể trong thực tiễn. MT3: - Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập. - Có năng lực đánh giá và kết luận về các tình huống thực tiễn. - Xác định rõ trách nhiệm của bản thân trong quan hệ pháp luật tố tụng hình sự cụ thể và trách nhiệm của bản thân trong đấu tranh phòng, chống tội phạm.			
2	Luật tố tụng dân sự	MT1: - Những vấn đề cơ bản về luật tố tụng dân sự: khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh; các nguyên tắc cơ bản; chủ thể quan hệ pháp luật tố tụng dân sự: chủ thể tiến hành tố tụng và chủ thể tham gia tố tụng. - Những vấn đề cơ bản về thẩm quyền của Tòa án nhân dân: thẩm quyền theo loại việc, thẩm quyền theo cấp tòa án, thẩm quyền theo lãnh thổ và thẩm quyền theo sự lựa chọn; giải quyết tranh chấp về thẩm quyền. - Những vấn đề cơ bản về án phí, lệ phí; chứng cứ, chứng minh trong tố tụng dân sự. - Những vấn đề cơ bản về thủ tục tố tụng dân sự: sơ thẩm, phúc thẩm; thủ tục xét lại các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật; thủ tục giải quyết vụ việc dân sự. MT2: - Có khả năng tìm kiếm các văn bản pháp luật hình sự và đánh giá được các quy định của pháp luật hình sự. - Có kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá các tình huống cụ thể trong thực tiễn MT3: - Có năng lực nhận xét, đánh giá và đưa ra kết luận về	3	Kỳ I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các tình huống thực tiễn. - Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân trong những quan hệ pháp luật hình sự cụ thể.			
3	Kiến tập nghề nghiệp 1	MT1: - Những kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức, hoạt động của đơn vị kiến tập. - Vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện các công việc, nhiệm vụ mà đơn vị kiến tập tập phân công. MT2: - Có kỹ năng nhận thức, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy trong xử lý công việc. MT3: - Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, thích nghi với các môi trường làm việc thực tiễn. - Xác định rõ trách nhiệm của bản thân đối với công việc được giao.	4	Kỳ I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 100%, gồm 02 đầu điểm đánh giá (mỗi đầu điểm 50%)
4	Luật Đất đai	MT1: - Những kiến thức cơ bản về luật đất đai: lịch sử, khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật đất đai; các nguyên tắc cơ bản của luật đất đai; các quan hệ đất đai. - Những nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về đất đai; quy định của pháp luật về chế độ sử dụng các loại đất; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất - Vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và đánh giá các quy định pháp luật đất đai. - Nắm vững và áp dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống liên quan đến pháp luật đất đai. MT2: - Có khả năng tìm kiếm các văn bản pháp luật đất đai và đánh giá được các quy định của pháp luật đất đai - Có kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá các tình huống cụ thể trong thực tiễn. MT3: - Có năng lực nhận xét, đánh giá và đưa ra kết luận về các tình huống thực tiễn. - Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân trong việc tuân thủ các quy định của luật đất đai	3	Kỳ I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
5	Pháp luật chính sách tài nguyên nước	MT1: Khái niệm, nguyên tắc của pháp luật tài nguyên nước, nội dung pháp luật hiện hành về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên nước. MT2: Hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước; Phân tích, đánh giá và áp dụng các quy phạm pháp luật về tài nguyên nước vào tình huống cụ thể. MT3: Có năng lực tìm kiếm, áp dụng kiến thức về pháp luật tài nguyên nước để xử lý, giải quyết những tình huống cụ thể trong cuộc sống.Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân trong bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống ô nhiễm, suy thoái nguồn nước.	2	Kỳ I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.
6	Luật Thương mại 2	MT1: - Những vấn đề cơ bản về Luật Thương mại như: hoạt động mua bán hàng hóa; trung gian thương mại, xúc tiến thương mại, dịch vụ logistics - Những vấn đề cơ bản về quyền và nghĩa vụ của thương nhân khi tiến hành hoạt động thương mại, nội dung pháp luật về tranh chấp và giải quyết tranh chấp thương mại - Vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện các tình huống trong hoạt động thương mại. MT2: - Có khả năng tìm kiếm các văn bản pháp luật về luật thương mại và đánh giá được các quy định của pháp luật về luật thương mại. - Có kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá các tình huống cụ thể trong thực tiễn, tư vấn đàm phán soạn thảo hợp đồng trong thương mại - Có kỹ năng vận dụng lý thuyết về luật thương mại để xây dựng được hệ thống căn cứ pháp lí để giải quyết tình huống cụ thể của luật thương mại. MT3: - Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập. - Có năng lực đánh giá và kết luận về các tình huống thực tiễn. - Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân với vai	3	Kỳ I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trò là thương nhân trong hoạt động mua bán hàng hóa.			
7	Luật Lao động	MT1: - Những vấn đề cơ bản về Luật lao động như: quan hệ lao động và các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động; hợp đồng lao động; thỏa ước lao động tập thể, công đoàn, chế độ tiền lương, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, kỷ luật lao động, tranh chấp lao động, đình công và giải quyết đình công. -Vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện tư vấn, soạn thảo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, phân biệt tranh chấp lao động tập thể và tranh chấp lao động cá nhân. MT2: - Có kỹ năng tìm kiếm các văn bản pháp luật về luật lao động và đánh giá được các quy định của pháp luật về luật lao động - Có kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá các tình huống cụ thể trong thực tiễn, tư vấn hợp đồng lao động - Có kỹ năng vận dụng lý thuyết về luật lao động để xây dựng được hệ thống căn cứ pháp lí để giải quyết tình huống cụ thể của luật lao động MT3: - Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập. - Có năng lực đánh giá và kết luận về các tình huống thực tiễn. - Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân trong quan hệ lao động, quan hệ liên quan đến quan hệ lao động	3	Kỳ II	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.
8	Luật Môi trường	MT1: - Những kiến thức chung về pháp luật bảo vệ môi trường, như: vai trò của Luật Môi trường; đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Môi trường; các nguyên tắc của Luật Môi trường; nội dung những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; vai trò của luật quốc tế về môi trường; mối quan hệ giữa luật quốc tế với luật quốc gia về môi trường. - Hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường. Vận dụng được những quy định của pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế để xử lý những tình huống môi trường cụ	3	Kỳ II	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thể xảy ra trong thực tiễn. MT2: - Có năng lực tìm kiếm, áp dụng kiến thức pháp luật về môi trường để giải bài tập tình huống và xử lý những tình huống cụ thể trong thực tiễn. MT3: - Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân trong bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ngăn chặn những hành vi gây ô nhiễm môi trường.			
9	Công pháp quốc tế	MT1: Những kiến thức chung về Công pháp quốc tế như: khái niệm, đặc điểm, lịch sử phát triển và hệ thống nguồn luật của Công pháp quốc tế; các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế; các chủ thể của Công pháp quốc tế; dân cư, giải quyết tranh chấp quốc tếcơ sở xác định và hình thức thực hiện các loại trách nhiệm pháp lí quốc tế; khái niệm, phân loại lãnh thổ và quy chế pháp lí các vùng lãnh thổ trong luật pháp quốc tế. MT2: Có kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống tranh chấp cụ thể giữa các chủ thể của luật quốc tế; Vận dụng được các nguyên tắc của luật pháp quốc tế và các biện pháp giải quyết tranh chấp quốc tế trong những tình huống pháp lí cụ thể. MT3: Có năng lực tìm kiếm, áp dụng kiến thức về công pháp quốc tế để xử lý, giải quyết những tình huống cụ thể trong thực tế.Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân trong một số quan hệ pháp luật quốc tế cụ thể.	3	Kỳ II	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.
10	Luật khoáng sản	MT1: Khái niệm, nguyên tắc của pháp luật Khoáng sản; Những nội dung cơ bản nhất của pháp luật về chiến lược, quy hoạch khoáng sản; bảo vệ, thăm dò, khai thác khoáng sản; tài chính và đấu giá khoáng sản; giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khoáng sản. MT2: Hệ thống hóa được thông tin về các vấn đề liên quan đến Luật Khoáng sản, Luật pháp và chính sách khoáng sản của Việt Nam; Phân tích, tổng hợp, đánh giá, bình luận về các vấn đề liên quan đến Luật Khoáng sản, vận dụng hiệu quả và thành công các quy định của pháp luật trong thực tiễn hoạt động khoáng sản sau này.	2	Kỳ II	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3: Có năng lực tìm kiếm văn bản pháp luật, áp dụng kiến thức về pháp luật khoáng sản để xử lý, giải quyết những tình huống cụ thể trong thực tế.Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân trong bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường trong các hoạt động khoáng sản.			
11	Luật Hôn nhân và gia đình	MT1: Những nội dung cơ bản của luật Hôn nhân và gia đình như: Khái niệm, nguyên tắc, nhiệm vụ của Luật Hôn nhân và gia đình; các quy định của pháp luật về kết hôn, chấm dứt hôn nhân, quan hệ vợ chồng, quan hệ cha mẹ và con cái, quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, chế độ cấp dưỡng, quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. MT2: Hệ thống hóa các quy định của pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình. Phân tích, đánh giá, vận dụng các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình vào tình huống thực tiễn. MT3: Tự nghiên cứu quy phạm pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình để có nhận thức và hành động đúng đắn trong quan hệ hôn nhân và gia đình phù hợp với pháp luật và các chuẩn mực xã hội, phê phán những hành vi vi phạm luật hôn nhân và gia đình, bảo vệ các quan hệ pháp luật tiến bộ trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.	3	Kỳ II	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.
12	Thực hành Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực tài nguyên môi trường	MT1: - Tổng quát về kĩ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng. - Khái quát về kĩ thuật đàm phán và soạn thảo hợp đồng. - Khái quát về một số kĩ năng cơ bản trong đàm phán và soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực tài nguyên môi trường: lĩnh vực dân sự, lĩnh vực thương mại, lĩnh vực đất đai, lĩnh vực môi trường. MT2: - Thu thập thông tin, tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề liên quan đến kĩ năng, kĩ thuật đàm phán soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực tài nguyên môi trường. -So sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề liên quan đến kĩ thuật đàm phán soạn thảo và ký kết hợp đồng trong lĩnh vực tài nguyên môi trường. - Vận dụng kiến thức đã học để có thể đàm phán, soạn thảo	4	Kỳ II	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 100%, gồm 02 đầu điểm đánh giá (mỗi đầu điểm 50%)

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hợp đồng liên quan đến lĩnh vực tài nguyên môi trường. MT3: - Có năng lực nhận xét, đánh giá thực hiện được khi tham gia vào quá trình thực hiện các kĩ năng đàm phán soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực tài nguyên môi trường. - Xác định rõ trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện kĩ năng đàm phán, soạn thảo và kí kết hợp đồng trong lĩnh vực tài nguyên môi trường.			

3. Khóa 12

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Những tri thức cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam và sự vận dụng Chủ nghĩa xã hội khoa học trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. MT2: Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, thuyết trình, tự học và phản biện MT3: Niềm tin về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội; giá trị khoa học và cách mạng của chủ nghĩa xã hội khoa học.	02	Kì I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong thực tiễn. MT2: Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; Tư duy lý luận, phản biện. MT3: Bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước; Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo	02	Kì I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vệ Tổ quốc.			
3	Tiếng Anh 3	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Về kiến thức: Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. MT2: Về kĩ năng: Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. MT3: Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ học tập tích cực,tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	02	Kì I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Viết
4	Kỹ năng xử lý và giải quyết tình huống pháp lý	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Những vấn đề chung về kĩ năng xử lí và giải quyết tình huống pháp lí: khái niệm, đặc điểm, vai trò, nguyên tắc và các yêu cầu cơ bản của hoạt động xử lí và giải quyết tình huống pháp lí; Khái niệm, đặc điểm và vai trò của kĩ năng trong hoạt động xử lí và giải quyết tình huống pháp lí và các kĩ năng cơ bản; Các kĩ năng khi tiếp xúc khách hàng: mục đích, kĩ năng tìm hiểu yêu cầu, kĩ năng xác định được yêu cầu của khách hàng và một số lưu ý khi đưa ra nhận định, đánh giá bước đầu về tình huống pháp lí; Kĩ năng nghiên cứu hồ sơ, phân tích tình huống pháp lí: kĩ năng nghiên cứu hồ sơ, kĩ năng tra cứu cơ sở pháp lí; kĩ năng xây dựng phương án xử lí và giải quyết tình huống pháp lí, kĩ năng trình bày các phương án xử lí và	02	Kì I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giải quyết tình huống pháp lí. MT2: Có khả năng lập luận, phân tích, tổng hợp, đánh giá các tình huống cụ thể trong thực tiễn; Có khả năng vận dụng các kỹ năng đã học giải quyết được các vụ án dân sự và việc dân sự. MT3: Có năng lực nhận xét, đánh giá và áp dụng các kĩ năng xử lí và giải quyết tình huống pháp lí trong các tình huống thực tiễn; Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân trong việc rèn luyện các kĩ năng xử lí và giải quyết tình huống pháp lí.			
5	Luật Hiến pháp	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Những nội dung cơ bản về đối tượng, phương pháp điều chỉnh của Luật Hiến pháp; lịch sử lập hiến Việt Nam; chế độ chính trị, chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội, văn hóa, xã hội, khoa học công nghệ và môi trường; an ninh quốc phòng, đối ngoại; quyền con người, quyền nghĩa vụ cơ bản của công dân; quốc tịch Việt Nam; chế độ bầu cử cấu trúc bộ máy nhà nước, cơ cấu tổ chức các cơ quan hiến định và trình tự thành lập các cơ quan nhà nước cũng như các chức danh quan trọng của bộ máy nhà nước trong các bản Hiến pháp của Nhà nước CHXHCN Việt Nam. MT2: Vận dụng kiến thức môn học vào thực tiễn, đánh giá, phân tích, bình luận và xác định được hướng giải quyết những vấn đề, những sự kiện liên quan đến Luật Hiến pháp. MT3: Có năng lực áp dụng kiến thức về Luật Hiến pháp để giải quyết những tình huống cụ thể trong cuộc sống. Xác định được quyền và nghĩa vụ pháp lý của bản thân theo quy định của Hiến pháp hiện hành.	03	Kì I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Luật Hành chính	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Những vấn đề cơ bản về luật hành chính: khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, nguồn của luật hành chính; về quy phạm pháp luật hành chính: khái niệm, phân loại, thực hiện quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật hành chính: khái niệm, phân loại, các bộ phận cấu thành, cơ sở làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật hành chính. Những vấn đề cơ bản về cơ quan hành chính nhà nước: khái niệm, phân loại, địa vị pháp lý, cải cách bộ máy hành chính. Những vấn đề cơ bản về cán bộ, công chức, viên chức; các tổ chức xã hội, công dân, người nước ngoài, và người không quốc tịch. Những vấn đề cơ bản về hình thức và phương pháp quản lí hành chính nhà nước; cưỡng chế nhà nước: khái niệm, đặc điểm, các biện pháp cưỡng chế; vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính; quyết định hành chính, thủ tục hành chính; bảo đảm pháp chế trong quản lí hành chính nhà nước. MT2: Có khả năng tìm kiếm các văn bản pháp luật hành chính và đánh giá được các quy định của pháp luật hành chính. Có kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá các tình huống cụ thể trong thực tiễn. MT3: Có năng lực nhận xét, đánh giá và đưa ra kết luận về các tình huống thực tiễn. Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân trong những quan hệ pháp luật hành chính cụ thể.	03	Kì I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.
7	Luật học so sánh	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Khái niệm, đặc điểm, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của luật học so sánh; sự hình thành và phát triển của các dòng họ pháp luật trên thế giới; nội dung các loại nguồn luật,	03	Kì I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cách thức áp dụng các loại nguồn luật trong hệ thống pháp luật ở các nước trên thế giới; hệ thống toà án và thẩm quyền giải quyết các vụ việc của toà án ở một số nước trên thế giới; việc đào tạo luật và nghề luật ở một số nước trên thế giới. MT2: Kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá thông tin pháp luật nước ngoài; Phân tích, bình luận, đánh giá, so sánh các hệ thống pháp luật; Phát triển kĩ năng so sánh pháp luật để ứng dụng vào thực tiễn xây dựng, hoàn thiện pháp luật Việt Nam hiện hành. MT3: Xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam hiện hành thông qua việc học tập những tư tưởng tiến bộ của các hệ thống pháp luật tiêu biểu trên thế giới.			- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.
8	Pháp luật phòng chống tham nhũng	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Hệ thống khái niệm, đặc điểm, các dạng của hành vi tham nhũng; Các quy định của Luật phòng chống tham nhũng của Việt Nam; quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về tội phạm tham nhũng và các quy định của Công ước Liên hợp quốc chống tham nhũng; kinh nghiệm của một số nước về phòng chống tham nhũng. MT2: Có khả năng tìm kiếm các văn bản pháp luật về phòng chống tham nhũng.Phân tích, đánh giá, vận dụng các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng vào tình huống cụ thể. MT3: Đánh giá tác hại của tham nhũng. Xác định rõ trách nhiệm của bản thân trong phòng, chống tham nhũng, hoàn thiện pháp luật về phòng chống tham nhũng.	02	Kì I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9	Kỹ năng hành nghề luật	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Những thông tin tổng quát về nghề luật: các đặc trưng của nghề luật, hoạt động nghề nghiệp của các chức danh tư pháp; mối quan hệ giữa các chức danh tư pháp trong hoạt động nghề luật; Các quy tắc đạo đức nghề luật: việc xác định đạo đức nghề luật; vai trò của quy tắc hành nghề luật; các quy tắc chung khi hành nghề luật; Các kỹ năng trong giải quyết vụ việc dân sự, hành chính: của thẩm phán, luật sư, kiểm sát viên; Các kỹ năng giải quyết vụ án hành chính: xác định đối tượng xét xử trong vụ án hành chính; thẩm quyền của tòa án; kỹ năng áp dụng pháp luật. MT2: Có khả năng lập luận, phân tích, tổng hợp, đánh giá các tình huống cụ thể trong thực tiễn; Có khả năng vận dụng các kỹ năng đã học giải quyết được các vụ án dân sự và việc dân sự; Có khả năng áp dụng các văn bản pháp luật trong giải quyết các vụ án hành chính. MT3: Có năng lực nhận xét, đánh giá và áp dụng các kĩ năng nghề luật trong các tình huống thực tiễn; Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân trong việc rèn luyện các kĩ năng hành nghề luật.	02	Kì II	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.
10	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi thành lập đến nay. MT2: Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy khoa học về lịch sử và khả năng vận dụng vào thực tiễn; đấu tranh, phê phán luận điệu sai trái về lịch sử của Đảng.	02	Kì II	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3: Lập trường tư tưởng vững vàng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng, tích cực học tập để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.			
11	Luật Tố tụng hành chính	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Những kiến thức về: tài phán hành chính, luật tố tụng hành chính, chủ thể trong tố tụng hành chính, chứng minh, chứng cứ và các bước trong tố tụng hành chính. MT2: Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; Kỹ năng so sánh được những vấn đề cơ bản như các chủ thể trong tố tụng hành chính, các giai đoạn trong tố tụng hành chính; Kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế. MT3: Năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. Xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật tố tụng hành chính cụ thể.	03	Kì II	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.
12	Luật Hình sự 1	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Những vấn đề cơ bản về Luật hình sự như: Khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự; nguyên tắc của luật hình sự và nguồn của Luật Hình sự; Những vấn đề cơ bản về Tội phạm: Khái niệm tội phạm, cấu thành tội phạm, các giai đoạn thực hiện tội phạm, những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm, vấn đề đồng phạm; Những vấn đề cơ bản về hình phạt: Khái niệm hình phạt, mục đích của hình phạt, quyết định hình phạt, các chế định liên quan đến chấp hành hình phạt và trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội; Vận dụng những kiến thức đã học để phân biệt giữa tội phạm với các loại vi phạm pháp luật khác:	03	Kì II	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vi phạm hành chính, vi phạm dân sự, vi phạm kỷ luật... MT2: Có khả năng tìm kiếm các văn bản pháp luật hình sự và đánh giá được các quy định của pháp luật hình sự; Có kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá các tình huống cụ thể trong thực tiễn. MT3: Có năng lực nhận xét, đánh giá và đưa ra kết luận về các tình huống thực tiễn; Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân trong những quan hệ pháp luật hình sự cụ thể.			
13	Luật Dân sự 1	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: - Những kiến thức cơ bản về Luật dân sự như khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự, nguyên tắc của luật dân sự; quan hệ pháp luật dân sự. - Những vấn đề cơ bản về giao dịch dân sự: khái niệm, ý nghĩa, phân loại, điều kiện có hiệu lực; giao dịch dân sự vô hiệu và hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu; về đại diện: khái niệm, phân loại, phạm vi thẩm quyền và chấm dứt đại diện; về thời hạn và thời hiệu - Những vấn đề cơ bản về quyền sở hữu: khái niệm, quan hệ pháp luật dân sự về quyền sở hữu, căn cứ xác lập và chấm dứt quyền sở hữu; các hình thức sở hữu; thực hiện bảo vệ quyền sở hữu. - Những vấn đề cơ bản về thừa kế: khái niệm, quy định chung, thừa kế theo di chúc, thừa kế theo pháp luật; thanh toán và phân chia di sản thừa kế. MT2: Có khả năng tìm kiếm các văn bản pháp luật hình sự và đánh giá được các quy định của pháp luật hình sự; Có kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá các tình huống cụ thể trong thực tiễn; Xác định rõ trách nhiệm pháp lí	03	Kì II	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của bản thân trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật dân sự. MT3: Có năng lực nhận xét, đánh giá và đưa ra kết luận về các tình huống thực tiễn; Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân trong những quan hệ pháp luật hình sự cụ thể.			
14	Luật Thương mại 1	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Những vấn đề cơ bản về Luật doanh nghiệp như: Thương nhân, hoạt động thương mại, phá sản, giải thể doanh nghiệp; Những vấn đề cơ bản các loại hình doanh nghiệp: khái niệm, đặc điểm, cơ cấu tổ chức của công ty TNHH 1 thành viên, công ty TNHH 2 thành viên trở lên, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty hợp danh; Phân biệt công ty TNHH 1 thành viên, công ty TNHH có từ 2 thành viên, công ty cổ phần, công ty hợp danh; Vận dụng những kiến thức đã học để phân biệt công ty TNHH 1 thành viên, công ty TNHH có từ 2 thành viên trở lên, doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty hợp danh. MT2: Có khả năng tìm kiếm các văn bản pháp luật về doanh nghiệp và đánh giá được các quy định của pháp luật doanh nghiệp. Có kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá các tình huống cụ thể trong thực tiễn. MT3: Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập, Có năng lực đánh giá và đưa ra kết luận về các tình huống thực tiễn, Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân với vai trò là một người quản lý hoặc một người lao động trong các doanh nghiệp.	03	Kì II	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.
15	Tiếng Anh chuyên ngành	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Từ vựng, kiến thức chuyên ngành về các chủ đề chuyên	03	Kì II	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%,

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngành Luật như Luật hợp đồng, Luật Tra tấn; Luật Hình sự; Luật doanh nghiệp; Luật Thương mại; Luật Bất động sản; Luật Quốc tế; Luật So sánh . MT2: Kỹ năng đọc hiểu các văn bản, tài liệu chuyên ngành; kỹ năng viết và dịch thuật cơ bản sử dụng các từ vựng và kiến thức chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực tài nguyên - môi trường. MT3: Thái độ học tập tích cực,tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao. Tuân thủ quy định đạo đức nghề nghiệp và thực thi pháp luật.			gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Viết

4. Khóa 13

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Lý luận Nhà nước và pháp luật	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Những vấn đề chung về kĩ năng xử lí và giải quyết tình huống pháp lí: khái niệm, đặc điểm, vai trò, nguyên tắc và các yêu cầu cơ bản của hoạt động xử lí và giải quyết tình huống pháp lí; Khái niệm, đặc điểm và vai trò của kĩ năng trong hoạt động xử lí và giải quyết tình huống pháp lí và các kĩ năng cơ bản; Các kĩ năng khi tiếp xúc khách hàng: mục đích, kĩ năng tìm hiểu yêu cầu, kĩ năng xác định được yêu cầu của khách hàng và một số lưu ý khi đưa ra nhận định, đánh giá bước đầu về tình huống pháp lí; Kĩ năng nghiên cứu hồ sơ, phân tích tình huống pháp lí: kĩ năng nghiên cứu hồ sơ, kĩ năng tra cứu cơ sở pháp lí; kĩ năng xây dựng phương án xử lí và giải quyết tình huống pháp lí, kĩ năng trình bày các phương án xử lí và giải quyết tình huống pháp lí.	05	Kì I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 03 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT2: Có khả năng lập luận, phân tích, tổng hợp, đánh giá các tình huống cụ thể trong thực tiễn; Có khả năng vận dụng các kỹ năng đã học giải quyết được các vụ án dân sự và việc dân sự. MT3: Có năng lực nhận xét, đánh giá và áp dụng các kĩ năng xử lí và giải quyết tình huống pháp lí trong các tình huống thực tiễn; Xác định rõ trách nhiệm pháp lý của bản thân trong việc rèn luyện các kĩ năng xử lí và giải quyết tình huống pháp lí.			
2	Triết học Mác-Lênin	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Kiến thức khái quát về triết học và kiến thức cơ bản, hệ thống về Triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Một số kiến thức thực tiễn từ sự vận dụng lý luận Triết học Mác-Lênin. MT2: Kỹ năng tư duy logic và khoa học theo thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng trong nhận định, đánh giá và giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực tiễn. Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm. MT3: Giá trị lý luận và thực tiễn của triết học Mác-Lênin, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác-Lênin.	03	Kì I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 02 đầu điểm kiểm tra - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận
3	Tiếng Anh 1	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ sơ cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội MT2: Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ sơ cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; làm việc cá nhân, làm việc	03	Kì I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 02 đầu điểm kiểm tra - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		theo cặp, theo nhóm hiệu quả. MT3: Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			Trắc nghiệm và vấn đáp.
4	Tin học đại cương	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin (khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin) MT2: Cách giao tiếp với hệ điều hành Windows MT3: Cách sử dụng các ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel, MS Powerpoint	02	Kì I	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 02 đầu điểm kiểm tra - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Thực hành
5	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Những vấn đề cơ bản về văn bản pháp luật: khái niệm, đặc điểm, hiệu lực, nguyên tắc và các tiêu chí đánh giá chất lượng văn bản pháp luật; Quy trình soạn thảo văn bản và các yêu cầu trong quá trình xây dựng văn bản; các loại văn bản pháp luật được sử dụng trong trường hợp cụ thể; Nội dung cơ bản trong các hoạt động kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản pháp luật; Vận dụng các kiến thức đã học để xác định được các loại văn bản pháp luật và chỉ ra các lỗi sai cơ bản trong một số văn bản pháp luật điển hình. MT2: Có khả năng tìm kiếm văn bản pháp luật và đánh giá chất lượng của văn bản đó; Có khả năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá các văn bản pháp luật đã được ban hành; Có khả năng tư vấn về quy trình soạn thảo văn bản pháp luật, tư vấn về việc kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản pháp luật. MT3: Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập	02	Kì II	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong các tiết học thảo luận và bài tập; Có năng lực đánh giá và kết luận về các tình huống thực tiễn; Tự tìm kiếm các văn bản pháp luật đã được ban hành và đánh giá chất lượng của các văn bản đó.			
6	Lịch sử nhà nước và pháp luật	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật trong tiến trình lịch sử; Sự kế thừa và phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp về nhà nước và pháp luật Việt Nam qua các thời kì lịch sử; Phân tích, lý giải được cơ sở ra đời và phát triển của các kiểu nhà nước tồn tại trong lịch sử; Vận dụng kiến thức lịch sử về nhà nước và pháp luật để phân tích, đánh giá các vấn đề lí luận và thực tiễn ảnh hưởng tới đời sống nhà nước và pháp luật trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay. MT2: Có năng lực áp dụng các kiến thức về nhà nước và pháp luật trong lịch sử vào xây dựng, hoàn thiện nhà nước và pháp luật Việt Nam hiện hành. MT3: Xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần phát huy những giá trị tiến bộ về nhà nước và pháp luật trong quá khứ và hiện tại vào xây dựng nhà nước và pháp luật Việt Nam hiện tại và tương lai.	03	Kì II	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận.
7	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	- Về kiến thức: + Trình bày, giải thích những kiến thức cơ bản về sản xuất hàng hóa, về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. + Phân tích, nhận diện được bản chất các phạm trù, quy luật kinh tế cơ bản trong nền sản xuất hàng hóa, trong phương thức	02	Kì II	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 02 đầu điểm kiểm tra - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. + Áp dụng kiến thức đã học để giải thích, liên hệ một số vấn đề kinh tế chính trị hiện nay - Về kỹ năng: Hình thành kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tích cực và chủ động trong học tập và rèn luyện, đề xuất được ý kiến cá nhân trong giải quyết một số vấn đề kinh tế chính trị hiện nay. + Lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước, xác định trách nhiệm của bản thân trong việc học tập và hoạt động thực tiễn.			Tự luận
8	Tiếng Anh 2	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ tiền trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. MT2: Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. MT3: Thái độ học tập tích cực,tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	03	Kì II	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 02 đầu điểm kiểm tra - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Trắc nghiệm và vấn đáp.
9	Logic học	Học phần nhằm cung cấp cho người học: MT1: Những kiến thức chung nhất, cơ bản nhất về các hình thức lôgic của tư duy. Những quy luật, quy tắc lôgic của tư	02	Kì II	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, bao gồm 02 đầu điểm

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		duy trong quá trình nhận thức. MT2: Kỹ năng tư duy lôgic, trừu tượng, phản biện, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình. MT3: Tính độc lập, tự chủ trong tư duy. Khả năng xác định, phân biệt chính xác những hình thức, tư cách tồn tại, hoạt động của bản thân và những đối tượng khác, để có được quyết định, thái độ ứng xử.			kiểm tra - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. - Hình thức thi: Tự luận

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_BĐS

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2023-2024
Ngành Bất động sản

1. Khóa ĐH10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Cơ sở dữ liệu bất động sản	Cơ sở dữ liệu bất động sản là một học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành, trang bị cho sinh viên khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu đất đai và cơ sở dữ liệu bất động sản, các dạng mô hình dữ liệu, các dạng chuẩn hoá dữ liệu, quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu bất động sản, hệ thống thông tin nhà ở và bất động sản, cách thức quản lý và khai thác hệ thống thông tin nhà ở và bất động sản.	3	Kỳ 1	Theo đề cương năm 2019 Bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1 trọng số 40% Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
2	Thanh tra đất đai và xây dựng	Học phần Thanh tra đất đai và xây dựng là môn học chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những hiểu biết có bản nhất về công tác thanh tra, giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai, xây dựng và nhà ở. Học phần được bố trí thành 5 chương: Một số vấn đề chung về thanh tra; thanh tra, kiểm tra, quản lý và sử dụng đất đai, xây dựng, nhà ở ; xử lý vi phạm pháp Luật đất đai, xây dựng, nhà ở; giải quyết tranh chấp đất đai, xây dựng, nhà ở ; giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai, xây dựng, nhà ở.	03	Kỳ 1 năm 2023-2024	Bài kiểm tra Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
3	Tin ứng dụng 3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức như: tổng quan về GIS, khái niệm cơ bản về GIS, các thành phần của GIS, lịch sử phát triển GIS,	03	Kỳ 1	Theo đề cương năm 2019 Bao gồm 2 đầu điểm, hệ số 1 trọng số 40%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các hệ quy chiếu và một số ứng dụng của GIS. Nhập và xây dựng cơ sở dữ liệu là một công đoạn quan trọng trong ứng dụng GIS. Trên cơ sở dữ liệu được xây dựng, hầu hết các ứng dụng là phải tiến hành phân tích và xử lý dữ liệu để cho ra kết quả cụ thể theo mục đích ứng dụng. .			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
4	Dịch vụ công về bất động sản	Học phần dịch vụ công về bất động sản cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về dịch vụ công và tổ chức quản lý các hoạt động cung ứng dịch vụ công; dịch vụ công về bất động sản; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của các tổ chức dịch vụ công về bất động sản.	2	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra số 1 80% A1.2 Chuyên cần 20% A1.3 Bài kiểm tra số 2 70% A1.4 Thảo luận 10% A1.5 Chuyên cần 20%
5	Kỹ năng nghề nghiệp bất động sản	Kỹ năng nghề nghiệp Bất động sản là một học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên các kỹ năng như: Kỹ năng điều tra. thu thập và xử lý số liệu; kỹ năng đàm phán trong giao dịch; kỹ năng tư vấn pháp luật; kỹ năng quản lý và khai thác thông tin; kỹ năng quản lý tài chính; kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian. Người học có thể vận dụng các kỹ năng nghề nghiệp Bất động sản để quản lý và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực quản lý về bất động sản nói riêng và đất đai nói chung.	2	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra số 1: 80% A1.2 Chuyên cần 20% A1.3 Bài kiểm tra số 2: 70% A1.4 Thảo luận 10% A1.5 Chuyên cần 20%
6	Thực tập tin học ứng dụng trong bất động sản	Học phần thực tập tin học ứng dụng trong quản lý đất đai cung cấp cho sinh viên những kỹ năng về việc thực hiện quy trình tiến hành thành lập bản đồ số, Kê khai đăng ký Hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận trên phần mềm VILIS 2.0, Quản lý biến động trên phần mềm VILIS 2, Quản lý hồ sơ địa chính trên phần mềm VILIS 2.0, xây dựng quản lý và vận hành cơ sở dữ liệu giá đất trên	3	Kỳ 1	Điểm tổng kết học phần là trung bình cộng của điểm các bài thực tập theo trọng số, cụ thể: 7Bài kiểm tra số 1: 50% B8ài kiểm tra số 2: 50%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ArcGIS.			
7	Thực tập đăng ký bất động sản	Học phần Thực tập đăng ký bất động sản giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học của các học phần chính sách đất đai; đăng ký bất động sản để tổ chức thực hiện các nghiệp vụ về đăng ký bất động sản, cấp giấy chứng nhận; đăng ký biến động sau khi cấp Giấy chứng nhận. Sinh viên được tiếp cận với công việc thực tế tại các cơ quan, địa phương, các công ty BĐS và các sàn giao dịch BĐS, từ đó thu thập, tổng hợp, đánh giá các tài liệu, số liệu; viết báo cáo tông hợp kết quả thực tập.	3	Kỳ 1	A19.1 Bài kiểm tra 70% A1.210 Chuyên cần 30% A1.3 Báo cáo 70% A1.4 Chuyên cần 30%
8	Thực tập tốt nghiệp	Thực tập tốt nghiệp là học phần thực hành cuối khoá, mang tính chất tổng hợp. Giúp sinh viên trình bày và giải thích được những kiến thức cơ bản về Quy hoạch sử dụng đất, Đăng ký thống kê đất đai, Thanh tra đất đai, Định giá đất từ đó phân tích, đánh giá, tổng hợp và vận dụng kiến thức đã học vào rèn luyện tay nghề chuyên môn về Quy hoạch sử dụng đất, Đăng ký thông kê đất đai, Thanh tra đất đai, Định giá đất. Sinh viên nghiên cứu lựa chọn chuyên đề theo hướng dẫn của khoa.	6	Kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình tại địa phương 100% A2.1 Thu thập tài liệu, số liệu 20% A2.2 Ý thức, trách nhiệm 20% A2.3 Chất lượng báo cáo 60%
9	Phát triển bất động sản	Học phần thị trường bất động sản trên thế giới giới thiệu tổng quan cho người về phân tích thị trường bất động sản, và đặc biệt xem xét, đánh giá các vấn đề chính trong phân tích thị trường bất động sản thương mại trên thế giới. Học phần cũng nhấn mạnh vào việc cung cấp kiến thức về nguyên tắc cơ bản của kinh tế, làm nền tảng cho hoạt động thị trường và triển vọng đầu tư trong bối cảnh chuyên môn, thể chế và pháp lý khác nhau của các quốc gia. Việc đúc kết các kinh nghiệm của thị trường bất động sản của một số nước trên thế giới được phân tích bởi các nghiên cứu điển hình về đầu tư	3	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra số 1:70% A1.2 Bài tập: 20% A1.3 Chuyên cần:10% A1.4 Bài kiểm tra số 1:70% A1.5 Bài tập: 20% A1.6 Chuyên cần:10%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và phát triển trong bối cảnh thị trường cụ thể.			
10	Thị trường bất động sản trên thế giới	Đây là học phần thực hành cuối khoá, mang tính chất tổng hợp. Giúp sinh viên tổng hợp, vận dụng kiến thức đã học vào rèn luyện tay nghề chuyên môn về Quản lý thị trường BĐS, Kinh doanh BĐS, Thẩm định giá BĐS, Quy hoạch sử dụng đất, Đăng ký bất động sản, thống kê bất động sản, Thanh tra đất đai và xây dựng,. Sinh viên nghiên cứu lựa chọn chuyên đề theo hướng dẫn của khoa.	3	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra số 1:70% A1.2 Bài tập: 20% A1.3 Chuyên cần:10% A1.4 Bài kiểm tra số 1:70% A1.5 Bài tập: 20% A1.6 Chuyên cần:10%
11	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	Học phần Văn hoá và đạo đức kinh doanh giới thiệu cho người học các kiến thức cơ bản về văn hoá trong kinh doanh như khái niệm, vai trò, các nhân tố tác động tới văn hoá kinh doanh và sự xuất hiện của một số vấn đề của đạo đức trong kinh doanh. Học phần đi sâu vào việc phân tích sự đa dạng, phong phú của văn hoá kinh doanh quốc tế và Việt Nam, đồng thời làm rõ các triết lý đạo đức kinh doanh, phương pháp và công cụ phân tích hành vi đạo đức trong kinh doanh. Sau mỗi chương, người học sẽ được giới thiệu về một số tình huống về văn hoá và đạo đức trong kinh doanh và chiêm nghiệm những vấn đề thực tiễn, các quan điểm hiện hành.	2	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra số 1: 80% A1.2 Chuyên cần 20% A1.3 Bài kiểm tra số 2: 80% A1.4 Chuyên cần 20%
12	Thực tập môi giới bất động sản	Đây là học phần thực hành mang tính chất tổng hợp. Giúp sinh viên tổng hợp, vận dụng kiến thức đã học vào thực hành tay nghề chuyên môn về Môi giới bất động sản. Học phần bao gồm các nội dung liên quan đến thực tập quy trình và kỹ năng môi giới bất động sản tại sàn giao dịch bất động sản, cách thức tổ chức và quản lý văn phòng môi giới bất động sản.	3	Kỳ 1	A1.1 Chấp hành nội quy thực tập 20% A1.2 Chuyên cần 20% A1.3 Kiểm tra chuyên môn 60% A1.4 Báo cáo 100%
13	Thực tập kinh doanh và giao dịch bất động sản	Học phần giúp sinh viên vận dụng lý thuyết đã học vào kinh doanh và giao dịch bất động sản thông	3	Kỳ 1	A1.1 Chấp hành nội quy thực tập 20%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		qua việc tìm hiểu, điều tra và tham gia vào các hoạt động kinh doanh và giao dịch bất động sản tại một đơn vị kinh doanh bất động sản. Cụ thể như sau Sinh viên cần chuẩn bị thực tập; Tìm hiểu tình hình hoạt động kinh doanh và giao dịch BĐS của đơn vị kinh doanh bất động sản lựa chọn; Đánh giá chung và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và giao dịch BĐS. Sinh viên viết báo cáo thực tập và tổ chức nghiệm thu để hoàn thành học phần.			A1.2 Chuyên cần 20% A1.3 Kiểm tra chuyên môn 60% A1.4 Báo cáo 100%

2. Khóa ĐH11

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Marketing bất động sản	Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về Marketing, Marketing và bất động sản, các quyết định Marketing chủ yếu trong kinh doanh bất động sản. Học phần sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản về nghiên cứu thị trường và xác định thị trường mục tiêu trong kinh doanh BĐS, chiến lược trong kinh doanh BĐS, quyết định về sản phẩm, giá, phân phối, quyết định liên quan đến hoạt động xúc tiến hỗn hợp trong kinh doanh BĐS.	2	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra số 1: 60% A1.2 Chuyên cần 20% A1.3 Thảo luận 20% A1.4 Bài kiểm tra số 2: 60% A1.5 Thái độ học tập 20% A1.6 Thảo luận 20%
2	Định giá bất động sản	Định giá bất động sản có vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị trường, góp phần phát triển thị trường bất động sản ngày càng minh bạch và ổn định hơn. Học phần Định giá bất động sản cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thẩm định giá, định giá bất động sản, nguyên tắc và quy trình định giá bất động sản, các phương pháp định giá đất và định giá bất động sản	3	Kỳ 1	
3	Đăng ký bất động sản	Học phần Đăng ký bất động sản là một trong các học phần thuộc khối kiến thức ngành có tính bắt	3	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra số 1: 80%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		buộc đối với sinh viên ngành Bất động sản. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về đăng ký bất động sản và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Học phần này có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần Chính sách đất đai, Thống kê bất động sản, Giao đất và thu hồi đất, Tài chính và đầu tư bất động sản, Tin học ứng dụng 1, Tin học ứng dụng 2 và Tin học ứng dụng 3.			A1.2 Chuyên cần 20% A1.3 Bài kiểm tra số 2: 60% A1.4 Bài tập 20% A1.5 Chuyên cần 20%
4	Tin học ứng dụng 2	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cách cài đặt phần mềm, thiết lập hệ thống, kê khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận, quản lý biến động, quản lý hồ sơ địa chính và quản lý hồ sơ quét trên phần mềm VILIS 2.0.	3	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 70% A1.2 Bài thực hành 15% A1.3 Chuyên cần 15% A1.4 Bài kiểm tra 70% A1.5 Bài thực hành 10% A1.6 Bài tập 10% A1.7 Chuyên cần 10%
5	Tiếng Anh chuyên ngành	Học phần cung kiến thức chuyên ngành ở mức có thể đọc hiểu và viết, dịch được các chủ đề chính trong công việc ngành quản lý đất đai; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống trong quản lý đất đai thường gặp; có kỹ năng lập kế hoạch, lập các văn bản hành chính, trình bày ý kiến liên quan đến công tác quản lý đất đai.	3	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra số 1: 100% A1.2 Bài tập 20% A1.3 Thái độ học tập 20% A1.4 Bài kiểm tra số 2: 60%
6	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng và quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ khi ra đời đến nay. Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	2	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 60% A1.2 Bài tập cá nhân 20% A1.3 Bài tập nhóm 20% A1.4 Chuyên cần 30% A1.5 Thảo luận, phát biểu 50% A1.6 Thái độ học tập020% A2. Bài thi kết thúc học phần 100%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Việt Nam xã hội chủ nghĩa.			
7	Cơ sở dữ liệu bất động sản	Học phần Cơ sở dữ liệu bất động sản bao gồm các khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu đất đai và cơ sở dữ liệu bất động sản, các dạng mô hình dữ liệu, các dạng chuẩn hoá dữ liệu, các phép đại số quan hệ, sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu xây dựng cơ sở dữ liệu bất động sản. Bên cạnh đó sinh viên được thực tập trên máy tính cách xây dựng một cơ sở dữ liệu chuẩn hoá và cách thao tác trên cơ sở dữ liệu bất động sản đó.	2	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 70% A1.2 Chuyên cần 30% A1.3 Bài kiểm tra 60% A1.4 Bài tập 20% A1.5 Chuyên cần 20%
8	Thanh tra đất đai và xây dựng	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức như: tổng quan về GIS, khái niệm cơ bản về GIS, các thành phần của GIS, lịch sử phát triển GIS, các hệ quy chiếu và một số ứng dụng của GIS. Nhập và xây dựng cơ sở dữ liệu là một công đoạn quan trọng trong ứng dụng GIS. Trên cơ sở dữ liệu được xây dựng, hầu hết các ứng dụng là phải tiến hành phân tích và xử lý dữ liệu để cho ra kết quả cụ thể theo mục đích ứng dụng. .	3	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra số 1: 70% A1.2 Chuyên cần 30% A1.3 Bài kiểm tra số 2: 70% A1.4 Chuyên cần 30%
9	Tin ứng dụng 3	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức như: tổng quan về GIS, khái niệm cơ bản về GIS, các thành phần của GIS, lịch sử phát triển GIS, các hệ quy chiếu và một số ứng dụng của GIS. Nhập và xây dựng cơ sở dữ liệu là một công đoạn quan trọng trong ứng dụng GIS. Trên cơ sở dữ liệu được xây dựng, hầu hết các ứng dụng là phải tiến hành phân tích và xử lý dữ liệu để cho ra kết quả cụ thể theo mục đích ứng dụng. .	3	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra 70% A1.2 Bài thực hành 15% A1.3 Chuyên cần 15% A1.4 Bài kiểm tra 70% A1.5 Bài thực hành 10% A1.6 Bài tập 10% A1.7 Chuyên cần 10%
10	Kỹ năng nghề nghiệp bất động sản	Kỹ năng nghề nghiệp Bất động sản là một học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên các kỹ năng như: Kỹ năng điều tra. thu thập và xử lý số liệu; kỹ năng đàm	2	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra số 1: 80% A1.2 Chuyên cần 20% A1.3 Bài kiểm tra số 2:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phán trong giao dịch; kỹ năng tư vấn pháp luật; kỹ năng quản lý và khai thác thông tin; kỹ năng quản lý tài chính; kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian. Người học có thể vận dụng các kỹ năng nghề nghiệp Bất động sản để quản lý và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực quản lý về bất động sản nói riêng và đất đai nói chung.			70% A1.4 Thảo luận 10% A1.5 Chuyên cần 20%
11	Hướng dẫn khởi nghiệp	Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về khởi nghiệp; Thành lập doanh nghiệp và các thủ tục liên quan; Một số lĩnh vực kinh doanh trong ngành quản lý đất đai và quản lý đất đai.	2	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra số 1: 70% A1.2 Chuyên cần 30% A1.3 Bài kiểm tra số 2: 70% A1.4 Chuyên cần 30%
12	Kiến tập nghề nghiệp	Học phần Kiến tập nghề nghiệp giúp sinh viên tham quan, tìm hiểu môi trường làm việc thực tế ở các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp ở các địa phương hay các doanh nghiệp trong lĩnh vực quản lý đất đai. Qua đó, sinh viên sẽ được quan sát, học hỏi các kỹ năng chuyên môn cũng như các kỹ năng nghề nghiệp, làm quen với văn hóa công sở, doanh nghiệp, đồng thời có cái nhìn cụ thể hơn về con đường và trách nhiệm nghề nghiệp. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên tự định hướng được con đường nghề nghiệp cũng như môi trường làm việc của mình sau khi ra trường, thực hành các kỹ năng mềm, tác phong và thái độ hành xử chuyên nghiệp để có thể thích nghi, giao tiếp và làm việc trong môi trường Nhà nước hoặc doanh nghiệp.	1	Kỳ 2	A1.1 Chuyên cần 100% A1.2 Báo cáo 100%
13	Quản lý vận hành bất động sản	Học phần Quản lý vận hành bất động sản cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quy trình quản lý, vận hành và khai thác bất động sản. Học phần giúp người học phát triển kỹ năng về quản lý	2	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra số 1 70% A1.2 Bài tập 20% A1.3 Chuyên cần 10% A1.4 Bài kiểm tra số 2 70%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vận hành và khai thác bất động sản, bao gồm các hoạt động liên quan tới quản lý hợp đồng cho thuê, quản lý khách hàng, quản lý các vấn đề về an ninh, kỹ thuật và vệ sinh, quản lý nhà thầu và giám sát. Bên cạnh đó, học phần còn giúp người học áp dụng kiến thức và kỹ năng một cách linh hoạt vào các tình huống cụ thể đối với các loại bất động sản khác nhau như nhà chung cư, trung tâm thương mại, văn phòng, khu công nghiệp.			A1.5 Bài tập 20% A1.6 Chuyên cần 10%
14	Kinh tế bất động sản	Học phần đưa ra các vấn đề tổng quan về bất động sản, thị trường bất động sản; các vấn đề về địa tô; cơ sở khoa học của kinh tế đất và bất động sản (mô hình ba mặt, lý thuyết cung cầu, các quy luật kinh tế cơ bản). Đồng thời, học phần cũng giới thiệu về lợi thế, chi phí cơ hội, phương pháp phân tích lợi ích – chi phí, phân tích tài chính và giới thiệu đầu tư bất động sản.	2	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra 70% A1.2 Chuyên cần 30% A1.3 Bài kiểm tra 70% A1.4 Chuyên cần 30%
15	Hệ thống thông tin bất động sản	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về cơ sở của hệ thống thông tin bất động sản (RIS): khái niệm, vai trò, nhiệm vụ và các thành phần của hệ thống RIS. Học sinh sẽ được nghiên cứu sâu về cơ sở dữ liệu bất động sản và vấn đề thiết kế hệ thống thông tin bất động sản. Nhằm củng cố các kiến thức lý thuyết và nâng cao kỹ năng thực hành. Sau khi học xong, sinh viên có đủ năng lực để tham gia xây dựng và vận hành các hệ thống thông tin bất động sản	2	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra 60% A1.2 Chuyên cần 40% A1.3 Bài kiểm tra 60% A1.4 Thảo luận 20% A1.5 Chuyên cần 20%
16	Tài chính và đầu tư bất động sản	Học phần Tài chính và đầu tư bất động sản là học phần kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đầu tư bất động sản và các chiến lược đầu tư kinh doanh bất động sản. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kiến thức liên quan về thẩm định tài chính trong đầu tư	2	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra số 1: 60% A1.2 Thảo luận 20% A1.3 Chuyên cần 20% A1.4 Bài kiểm tra số 2: 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bất động sản. Ở góc độ tài chính, quyết định đầu tư được đặt trong bối cảnh có sự cân đối giữa tỷ suất lợi nhuận và rủi ro dựa vào cách tiếp cận danh mục đầu tư để tối đa tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng tương đối so với rủi ro. Các chính sách tài chính ảnh hưởng đến quyết định đầu tư cũng được giới thiệu trong nội dung học phần.			A1.5 Bài tập 40%
17	Chính sách nhà ở	Học phần Chính sách nhà ở là một trong những môn học chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức: chính sách pháp Luật về xây dựng, chính sách pháp Luật về nhà ở.	2	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra số 1: 80% A1.2 Chuyên cần 20% A1.3 Bài kiểm tra số 2: 60% A1.4 Bài tập 20% A1.5 Chuyên cần 20%

3. Khóa ĐH12

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam và sự vận dụng Chủ nghĩa xã hội khoa học trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Củng cố kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, thuyết trình, tự học và phản biện. và niềm tin về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và trị khoa học, cách mạng của chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học kỳ 1	- Điểm quá trình gồm có 2 đầu điểm đánh giá. Trọng số: 40% - Điểm thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận. Trọng số 60%
2	Tiếng Anh 3	Học phần "*Tiếng Anh 3"* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ	2	Học kỳ 1	- Điểm quá trình gồm có 2 đầu điểm đánh giá. Trọng số: 40% - Điểm thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hoàn thành, thể bị động của quá khứ đơn, hiện tại đơn, hiện tại hoàn thành tiếp diễn với các từ xác định và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều điểm chung: hiện tại và quá khứ, sức khỏe, các bệnh thường gặp, các vật dụng hàng ngày, tiền tệ. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống như: cuộc sống hiện tại và quá khứ, thực hành những đoạn hội thoại liên quan về sức khỏe và tai nạn, tìm hiểu về các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới, tìm hiểu kỹ hơn về các vận dụng hàng ngày cần thiết khi mang đi du lịch.			Trọng số 60%
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành bất động sản	Môn học phương pháp nghiên cứu khoa học ngành bất động sản trang bi sinh viên hệ thống những khái niệm về khoa học, phân loại khoa học; vấn đề khoa học, giả thuyết khoa học; phương pháp thu thập và phân tích số liệu khoa học; phương pháp viết báo cáo khoa học. Trên cơ sở những phương pháp luận khoa học căn bản, sinh viên có khả năng vận dụng trong ngành bất động sản.	2	Kỳ 1	Bài kiểm tra; Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
4	Xã hội học đại cương	Học phần Xã hội học đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển môn Xã hội học với tư cách là một môn khoa học; cung cấp những khái niệm, những luận điểm cơ bản của cách tiếp cận xã hội học đối với các vấn đề xã hội; những phương pháp nghiên cứu cơ bản của xã hội học. Đồng thời cung cấp các kiến thức thực tiễn về các vấn đề xã hội ở Việt Nam; giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện về các vấn đề xã hội và có kỹ năng cần thiết để nghiên cứu về một vấn đề xã hội.	2	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra số 1: 80% A1.2 Chuyên cần 20% A1.3 Bải kiểm tra số 2: 60% A1.4 Thảo luận 20% A1.5 Chuyên cần 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
5	Kinh tế vĩ mô	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hạch toán thu nhập quốc dân, tăng trưởng kinh tế, tổng cầu và tổng cung, tổng cầu và chính sách tài khoá, tiền tệ và chính sách tiền tệ, lạm phát và thất nghiệp, kinh tế vĩ mô của nền kình tế mở. Kỹ năng nhận dạng phán đoán tư duy, logic, đánh giá được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế.	2	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 1,2 60% A1.2 Thái độ học tập 40%
6	Quản trị kinh doanh	Trình bày được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị kinh doanh, giúp sinh viên hiểu được khái niệm, thuật ngữ chuyên môn và có một tầm nhìn rộng về quản trị. Vận dụng sáng tạo các kiến thuecs đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động quản trị kinh doanh của doanh nghiệp trong từng bộ phận chuyên môn.	2	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 1,2 20% A1.2 Bài tập 40% A1.3 Chuyên cần 40%
7	Đo đạc địa chính	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Những kiến thức cơ bản về địa chính và công tác địa chính. - Những kỹ năng trong công tác thành lập, quản lý, ứng dụng bản đồ địa chính và công tác địa chính - Cách tiếp cận kiến thức khoa học, công nghệ mới, tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ, chủ động trong công việc.	3	Học kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 80% A1.2 Thái độ học tập 20% A1.3 Bài kiểm tra 80% A1.4 Thái độ học tập 20% A2. Bài thi kết thúc học phần 100%; Hình thức thi tự luận
8	Quy hoạch đô thị	Học phần Quy hoạch đô thị cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về đô thị, quá trình phát triển của đô thị, quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch các khu chức năng trong đô thị, thiết kế quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong đô thị	2	Kỳ 1 năm 2023-2024	Bài kiểm tra; Chuyên cần Thảo luận; Bài thi kết thúc học phần
9	Phong thủy trong bất động sản	Học phần Phong thủy trong bất động sản cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phong thuỷ và phong thuỷ trong quy hoạch đất đai, chi	2	Kỳ 1	Bài kiểm tra; Chuyên cần Thảo luận; Bài thi kết thúc học phần

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiết từ quy hoạch kiến trúc nhà ở đến quy hoạch cảnh quan, giúp sinh viên có thể vận dụng linh hoạt các kiến thức phong thuỷ đã học trong bố trí, thiết kế quy hoạch			
10	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần nhằm cung cấp cho người học: Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong thực tiễn. Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; Tư duy lý luận, phản biện. Bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước; Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.	2	Học kỳ 1	- Điểm quá trình gồm có 2 đầu điểm đánh giá. Trọng số: 40% - Điểm thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận. Trọng số: 60%
11	Lý thuyết tài chính và tiền tệ	Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về tài chính, có khả năng giải thích được những vấn đề cơ bản về tài chính tiền tệ, có kiến thức thực tế để vận dụng giải quyết các công việc chuyên môn. Có kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận đánh giá các hoạt động của thị trường tài chính, các tổ chức trung gian tài chính, hoạt động tín dụng, tài chính quốc tế và hệ thống ngân hàng.	2	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra 1 40% A1.2 Thái độ học tập 40% A1.3 Thảo luận 20%
12	Chính sách đất đai	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung về pháp luật đất đai; chính sách quản lý Nhà nước về đất đai; chính sách sử dụng các loại đất; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.	2	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra số 1: 80% A1.2 Chuyên cần 20% A1.3 Bài kiểm tra số 2: 70% A1.4 Bài tập 10% A1.5 Chuyên cần 20%
13	Chính sách về doanh nghiệp và kinh doanh bất động sản	Học phần Chính sách về doanh nghiệp và kinh doanh bất động sản cung cấp cho sinh viên những kiến thức: Tổng quan về chính sách doanh nghiệp và kinh doanh bất động sản; Chính sách doanh nghiệp; Chính sách kinh doanh bất động sản.	2	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra số 1: 70% A1.2 Thảo luận 10% A1.3 Chuyên cần 20% A1.4 Bài kiểm tra số 2: 70% A1.5 Thảo luận 10% A1.6 Chuyên cần 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
14	Tin học ứng dụng 1	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức như: một số khái niệm cơ bản về bản đồ số, căn bản về hệ phần mềm MicroStation và AutoCad, một số phương pháp thành lập bản đồ phục vụ thị trường bất động sản.	2	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra số 1: 70% A1.2 Chuyên cần 30% A1.3 Bài kiểm tra số 2: 70% A1.4 Chuyên cần 30%
15	Quản lý nhà nước về bất động sản	Học phần Quản lý Nhà nước về Bất động sản trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất những kiến thức về Nhà nước và Quản lý nhà nước CHXHCN Việt Nam, Quản lý Nhà nước về bất động sản, bao gồm quản lý nhà nước về đất đai, nhà ở và kinh doanh bất động sản. Học phần giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện và có kỹ năng để nghiên cứu các quy định, các văn bản pháp lý trong hệ thống Quản lý Nhà nước về bất động sản. Học phần Quản lý nhà nước về bất động sản sẽ giới thiệu cho sinh viên một số văn bản liên quan đến công tác quản lý hành chính nhà nước về bất động sản sau này. Học phần này là tiền đề cho các học phần chuyên ngành của ngành Bất động.	2	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra số 1: 60% A1.2 Chuyên cần 40% A1.3 Bài kiểm tra số 2: 60% A1.4 Chuyên cần 40%
16	Thống kê bất động sản	Học phần thống kê bất động sản là học phần trong khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên ngành Bất động sản; Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về nguyên lý thống kê; Những quy định chung về thống kê, kiểm kê đất đai; Các chỉ tiêu đất đai theo mục đích sử dụng, chỉ tiêu người sử dụng đất, người được Nhà nước giao quản lý đất; Biểu mẫu, nội dung, phương pháp thống kê, kiểm kê đất đai; Trình tự thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai; Các chỉ tiêu, biểu mẫu thống kê về nhà ở, công trình xây dựng; Các chỉ tiêu, biểu mẫu thống kê cây lâu năm và rừng sản xuất là rừng trồng; Chế độ báo cáo thống kê nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	2	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra số 1: 70% A1.2 Chuyên cần 30% A1.3 Bài kiểm tra số 2: 70% A1.4 Chuyên cần 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
17	Quản lý xây dựng	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý xây dựng nhà ở riêng lẻ và những quy định chung của pháp luật về nhà ở và pháo luật về xây dựng phục vụ cho việc quản lý các công trình xây dựng theo quy định.	2	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra số 1: 70% A1.2 Thảo luận 10% A1.3 Chuyên cần 20% A1.4 Bài kiểm tra số 2: 80% A1.5 Chuyên cần 20%
18	Quy hoạch cảnh quan	Học phần Quy hoạch cảnh quan cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: Một số nội dung cơ bản về quy hoạch cảnh quan, Những vấn đề chung về quy hoạch cảnh quan và Quy hoạch không gian cảnh quan khu trung tâm.	2	Kỳ 2 năm học 2023 – 2024	Bài kiểm tra Chuyên cần Bài tập Bài thi kết thúc học phần

4. ĐH13

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác-Lênin	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về Triết học học triết học Mác-Lênin. Củng cố kỹ năng tư duy logic và khoa học theo thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng trong nhận định, đánh giá và giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực tiễn. Bảo vệ giá trị lý luận và thực tiễn của triết học Mác-Lênin, có niềm tin vào đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.	3	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 60% A1.2 Bài tập cá nhân 20% A1.3 Bài tập nhóm 20% A1.4 Chuyên cần 30% A1.5 Thảo luận, phát biểu 50% A1.6 Thái độ học tập 20% A2 Bài thị kết thúc học phần 100%
2	Tiếng Anh 1	- Cung cấp kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ sơ cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội - Rèn luyện Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ sơ cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể;	3	Học kì 1	A1.1 Bài kiểm tra 100% A1.2 Bài tập 20% A1.3 Thái độ học tập 20% A1.4 Bài kiểm tra 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. - Nâng cao Thái độ học tập, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			
3	Pháp luật đại cương	MT1: Những kiến thức về: nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; trách nhiệm pháp lý; nội dung cơ bản của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật phòng chống tham nhũng. MT2: Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; Kỹ năng so sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung và nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; Kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế. MT3: Năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. Xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.	2	Học kì 1	A1.1 Bài kiểm tra 70% A1.2 Bài tập 30% A1.3 Thảo luận 40% A1.4 Chuyên cần 40% A1.5 Thái độ học tập 20%
4	Tin học đại cương	Học phần "*Tin học đại cương"* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương	2	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 40% A1.2 Bài tập 40%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần tin học đại cương trang bị các kiến thức cơ bản, hệ thống về công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu rõ các chức năng và cách làm việc với máy tính trong công việc thông thường, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint			A1.3 Chuyên cần 20% A1.4 Báo cáo 50% A1.5 Bài KT thực hành 50%
5	Toán cao cấp	Học phần Toán cao cấp trang bị cho sinh viên những kiến thức ban đầu, cơ bản nhất về đại số (ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính) và giải tích toán học (ứng dụng đạo hàm để tính giới hạn, tích phân suy rộng, …), hàm số nhiều biến số, Cực trị của hàm nhiều biến. Phương trình vi phân: Phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân tuyến tính cấp một và phương trình vi phân cấp 2. Các kiến thức này góp phần nâng cao khả năng tư duy của sinh viên và làm cơ sở để học các môn chuyên ngành.	2	Kì 1	A1.1. Bài tập 50% A1.2. Thái độ học tập 50% A1.3. Bài kiểm tra 1 50% A1.4. Bài kiểm tra 2 50%
6	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Củng cố kỹ năng phân tích, tổng hợp, phản biện,	2	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 60% A1.2 Bài tập cá nhân 20% A1.3 Bài tập nhóm 20% A1.4 Chuyên cần 30% A1.5 Thảo luận, phát biểu 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuyết trình, làm việc nhóm giải quyết tình huống dựa trên những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin và khả năng đánh giá và nhận diện các vấn đề cơ bản của kinh tế chính trị Mác- Lê Nin trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay; có lập trường và niềm tin vào đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.			A1.6 Thái độ học tập 20% A2. Bài thi kết thúc học phần 100%
7	Tiếng Anh 2	- Cung cấp kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ tiền trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. - Thực hành Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. - Nâng cao nhận thức về thái độ học tập, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	Học kì 2	A1.1 Bài kiểm tra 100% A1.2 Bài tập 20% A1.3 Thái độ học tập 20% A1.4 Bài kiểm tra 60%
8	Kỹ năng mềm	Kỹ năng mềm là một học phần bắt buộc trong khối kiến Giáo dục đại cương. Học phần kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kỹ năng cơ bản như: kỹ năng giao tiếp; kỹ năng lắng nghe; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng đặt câu hỏi; kỹ năng đọc; kỹ năng viết; kỹ năng làm việc nhóm và tìm kiếm việc làm...Kỹ năng mềm được hiểu là tất cả các kỹ năng giúp con người tư duy và tương tác	2	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra 80% A1.2 Chuyên cần 20% A1.3 Bài kiểm tra 70% A1.4 Thảo luận 10% A1.5 Chuyên cần 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		với nhau trong công việc và cuộc sống. Nói cách khác, kỹ năng mềm quyết định đến sự thành công của một người và được đánh giá cao trong xã hội hiện đại.			
9	Xác suất thống kê	Học phần "Xác suất thống kê" là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần trang bị cho sinh những kiến thức ban đầu, cơ bản nhất về xác suất (phép thử, biến cố, các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất, các đại lượng đặc trưng của biến ngẫu nhiên…) và thống kê (lý thuyết mẫu, ước lượng tham số…). Người học được cung cấp phương pháp khoa học phân tích và xử lý dữ liệu có được nhờ các thí nghiệm, các cuộc điều tra nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên, các vấn đề kỹ thuật cũng như các vấn đề xã hội.	2	Kì 2	A1.1. Bài kiểm tra 1 50% A1.2. Bài tập 50% A1.3. Thái độ học tập A1.4. Bài kiểm tra 2 50%
10	Địa lý kinh tế Việt Nam	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam, đặc điểm của sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, tổ chức lãnh thổ và các vùng kinh tế - xã hội ở Việt Nam. Các kiến thức này góp phần nâng cao khả năng tư duy, phân tích và vận dụng để học tiếp các môn của chuyên ngành Bất động sản.	2	Kì 2	A1.1 Bài kiểm tra 80% A1.2 Chuyên cần 20% A1.3 Bài kiểm tra 60% A1.4 Thảo luận 20% A1.5 Chuyên cần 20%
11	Kinh tế vi mô	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thị trường, cung và cung hàng hoá, lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và trị trường không hoàn hảo, ứng xử của người sản xuất và ứng xử		Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra 1,2 160% A1.2Thái độ học tập 40%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của người tiêu dùng. Vai trò của của chính phủ trong nền kinh tế thị trường.			

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_KE

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2023-2024
Ngành Kế toán

1. Khóa ĐH10KE

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hệ thống thông tin kế toán	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Hiểu được nội dung của hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp, chu trình lưu chuyển thông tin kế toán và các hình thức tổ chức công tác kế toán trong điều kiện áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kế toán. Ngoài ra giúp người học bước đầu làm quen với phần mềm kế toán dưới góc độ của cả hệ thống. - Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện các công việc kế toán qua phần mềm kế toán. Có thể thiết lập, tổ chức, xử lý dữ liệu kế toán, gắn hệ thống thông tin với các quá trình kinh doanh trong doanh nghiệp giúp cho việc đánh giá, lựa chọn và sử dụng phần mềm kế toán phù hợp với doanh nghiệp nhằm giúp công tác kế toán được thuận lợi và đạt được hiệu quả cao nhất. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Độc lập trong nghiên cứu và học tập môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm trong chuyên môn, tự định hướng đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	3	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
2	Kế toán máy	Sau khi kết thúc học phần, người học đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Biết và hiểu được các kiến thức về thiết lập và	3	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phân tích hệ thống thông tin của các chu trình kế toán, làm cơ sở cho việc vận dụng các phần mềm kế toán. Nắm được kỹ năng sử dụng các phần mềm kế toán thông dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. - Về kỹ năng: Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán Effect, vận dụng để áp dụng tin học hóa vào công tác kế toán của doanh nghiệp. Thông qua thời gian thực hành, rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. Người học có thể tự nghiên cứu các phần mềm kế toán khác. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực sử dụng phần mềm kế toán độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Có năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được gia; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.			điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: thực hành ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: thực hành
3	Kế toán ngân hàng	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Hệ thống hóa được những kiến thức về công tác tổ chức, thực hiện nghiệp vụ kế toán trong ngân hàng, chủ yếu là tại các ngân hàng thương mại từ Tổ chức công tác kế toán trong hoạt động ngân hàng đến Xác định và phân phối kết quả kinh doanh. - Về kỹ năng: Vận dụng những kiến thức về kế toán tại các ngân hàng thương mại đã học để thực hành kế toán trong các ngân hàng thương mại, qua đó cung cấp các thông tin tài chính đầy đủ, chính xác làm cơ sở cho việc ra quyết định kinh tế có liên quan đến mục tiêu quản lý kinh doanh và đánh giá các hoạt động của Ngân hàng. Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:	2	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Độc lập trong nghiên cứu và học tập môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm trong chuyên môn, tự định hướng đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.			
4	Phân tích kinh doanh	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Hiểu và vận dụng những kiến thức cơ bản và nâng cao để đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các hoạt động: Hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của doanh nghiệp. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Vận dụng các kiến thức đã học đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, cung cấp những thông tin hữu hiệu phục vụ cho việc ra quyết định của các nhà quản lý. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp cụ thể. + Kỹ năng tư duy: Nắm rõ các phương pháp phân tích, xác định các nhân tố ảnh hưởng tới từng chỉ tiêu phân tích, từ đó đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Qua phân tích có thể đề ra các giải pháp giúp doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất và tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được học để làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm với phần công việc mình làm.	3	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
5	Thuế và kế toán thuế	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Hiểu và vận dụng các kiến thức đã học về các nghiệp vụ kế toán của các loại thuế, kê khai, quyết toán và nộp các loại thuế như: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế xuất	3	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhập khẩu, thuế tài nguyên, thuế môn bài, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế bảo vệ môi trường, phí và lệ phí…. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Vận dụng được toàn bộ kiến thức về thuế và kế toán thuế vào các công việc liên quan đến thuế và kế toán thuế tại một tổ chức. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức đã học để có thể thực hành công việc kế toán thuế ở một tổ chức cụ thể. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Có khả năng phân tích thông tin, số liệu kế toán thuế của tổ chức sau khi nắm vững toàn bộ công việc về thuế và kế toán thuế như cách thức hạch toán kế toán và kê khai tính thuế. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kế toán; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.			***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
6	Thực hành nghề nghiệp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Hiểu và vận dụng được những kiến thức chuyên ngành đã được trang bị để tăng cường kỹ năng thực hành nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành. - Về kỹ năng: Hiểu được và vận dụng các kiến thức lý luận đã được học tập vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ liên quan đến kế toán	4	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 50% - Hình thức đánh giá: Thực hành ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 50%, hình thức thi: Bài tập

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau, trong các cơ quan hành chính, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước. Từ đó, tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện, khả năng tự nghiên cứu và thích ứng với công việc ngay sau khi tốt nghiệp. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự tin áp dụng kiến thức được học để vận dụng vào thực tế công việc, đáp ứng các yêu cầu và đòi hỏi từ phía các doanh nghiệp. Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Có năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được gia; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn.			lớn.
7	Thực tập tốt nghiệp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Nắm được tình hình thực tế của công tác tổ chức kế toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán tại đơn vị thực tập. Qua đó liên hệ với phần lý luận đã học tại nhà trường nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác kế toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán tại đơn vị, củng cố thêm nhận thức và nâng cao tay nghề chuyên môn. - Về kỹ năng: + Kỹ năng về nhận thức: Nắm vững toàn bộ công việc kế toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán ở một đơn vị; + Kỹ năng về nghề ngiệp: Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán ở dạng đơn giản; + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua việc xuống đơn vị thực tập thực hành để hợp tác với người khác; + Kỹ năng tư duy: Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, có thể	6	Học kỳ 2	***Điểm số 1: Đánh giá của cơ sở hướng dẫn thực tập*** Trọng số 40% ***Điểm số 2: Đánh giá báo cáo thực tập tốt nghiệp*** Trọng số 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tính toán và đánh giá được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ đó có thể đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt chi phí và điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự tin áp dụng kiến thức được học để vận dụng vào thực tế công việc, đáp ứng các yêu cầu và đòi hỏi từ phía các doanh nghiệp. Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn.			
8	Khóa luận tốt nghiệp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Hệ thống hoá và củng cố những kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên môn kế toán đã được trang bị, vận dụng vào thực tế để phân tích các chính sách hoặc giải quyết các vấn đề về kế toán. - Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng, kiến thức nghề nghiệp, hình thành các phẩm chất trí tuệ, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế. Tạo cho sinh viên có cơ hội phát hiện những kiến thức và kỹ năng còn thiếu để có kế hoạch bổ sung hoàn thiện. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nâng cao ý thức tự giác trong công việc, ý thức về tầm quan trọng của người làm kế toán và người quản lý trong tương lai. Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch điều phối, quản lý các nguồn lực, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến	6	Học kỳ 2	Đánh giá Khóa luận tốt nghiệp

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.			

2. Khóa ĐH10KN

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hệ thống thông tin kế toán	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Hiểu được nội dung của hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp, chu trình lưu chuyển thông tin kế toán và các hình thức tổ chức công tác kế toán trong điều kiện áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kế toán. Ngoài ra giúp người học bước đầu làm quen với phần mềm kế toán dưới góc độ của cả hệ thống. - Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện các công việc kế toán qua phần mềm kế toán. Có thể thiết lập, tổ chức, xử lý dữ liệu kế toán, gắn hệ thống thông tin với các quá trình kinh doanh trong doanh nghiệp giúp cho việc đánh giá, lựa chọn và sử dụng phần mềm kế toán phù hợp với doanh nghiệp nhằm giúp công tác kế toán được thuận lợi và đạt được hiệu quả cao nhất. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Độc lập trong nghiên cứu và học tập môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm trong chuyên môn, tự định hướng đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	3	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
2	Kế toán máy	Sau khi kết thúc học phần, người học đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Biết và hiểu được các kiến thức về thiết lập và phân tích hệ thống thông tin của các chu trình kế toán, làm cơ sở cho việc vận dụng các phần mềm kế toán. Nắm được kỹ	3	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng sử dụng các phần mềm kế toán thông dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. - Về kỹ năng: Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán Effect, vận dụng để áp dụng tin học hóa vào công tác kế toán của doanh nghiệp. Thông qua thời gian thực hành, rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. Người học có thể tự nghiên cứu các phần mềm kế toán khác. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực sử dụng phần mềm kế toán độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Có năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được gia; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.			- Hình thức đánh giá: thực hành ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: thực hành
3	Kế toán ngân hàng	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Hệ thống hóa được những kiến thức về công tác tổ chức, thực hiện nghiệp vụ kế toán trong ngân hàng, chủ yếu là tại các ngân hàng thương mại từ Tổ chức công tác kế toán trong hoạt động ngân hàng đến Xác định và phân phối kết quả kinh doanh. - Về kỹ năng: Vận dụng những kiến thức về kế toán tại các ngân hàng thương mại đã học để thực hành kế toán trong các ngân hàng thương mại, qua đó cung cấp các thông tin tài chính đầy đủ, chính xác làm cơ sở cho việc ra quyết định kinh tế có liên quan đến mục tiêu quản lý kinh doanh và đánh giá các hoạt động của Ngân hàng. Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.	2	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Độc lập trong nghiên cứu và học tập môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm trong chuyên môn, tự định hướng đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.			
4	Phân tích kinh doanh	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Hiểu và vận dụng những kiến thức cơ bản và nâng cao để đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các hoạt động: Hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của doanh nghiệp. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Vận dụng các kiến thức đã học đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, cung cấp những thông tin hữu hiệu phục vụ cho việc ra quyết định của các nhà quản lý. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp cụ thể. + Kỹ năng tư duy: Nắm rõ các phương pháp phân tích, xác định các nhân tố ảnh hưởng tới từng chỉ tiêu phân tích, từ đó đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Qua phân tích có thể đề ra các giải pháp giúp doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất và tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được học để làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm với phần công việc mình làm.	3	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
5	Kiểm toán môi	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu	2	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	trường	sau: - Về kiến thức: Nắm được những kiến thức cơ bản về kiểm toán môi trường như mục đích, ý nghĩa, chức năng, yêu cầu và các công việc cơ bản trong hoạt động trước kiểm toán, hoạt động kiểm toán tại cơ sở và hoạt động sau kiểm toán của một cuộc kiểm toán môi trường. - Về kỹ năng: Có thể áp dụng được những kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn kiểm toán môi trường. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được học để làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm với phần công việc mình làm.			- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
6	Thực hành nghề nghiệp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Hiểu và vận dụng được những kiến thức chuyên ngành đã được trang bị để tăng cường kỹ năng thực hành nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành. - Về kỹ năng: Hiểu được và vận dụng các kiến thức lý luận đã được học tập vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ liên quan đến kế toán trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau, trong các cơ quan hành chính, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước. Từ đó, tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện, khả năng tự nghiên cứu và thích ứng với công việc ngay sau khi tốt nghiệp. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự tin áp dụng kiến thức được học để vận dụng vào thực tế công việc, đáp ứng các yêu cầu và đòi hỏi từ phía các doanh nghiệp. Có năng lực làm việc	4	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 50% - Hình thức đánh giá: Thực hành ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 50%, hình thức thi: Bài tập lớn.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Có năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được gia; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn.			
7	Thực tập tốt nghiệp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Nắm được tình hình thực tế của công tác tổ chức kế toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán tại đơn vị thực tập. Qua đó liên hệ với phần lý luận đã học tại nhà trường nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác kế toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán tại đơn vị, củng cố thêm nhận thức và nâng cao tay nghề chuyên môn. - Về kỹ năng: + Kỹ năng về nhận thức: Nắm vững toàn bộ công việc kế toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán ở một đơn vị; + Kỹ năng về nghề ngiệp: Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán, kiểm soát nội bộ, kiểm toán ở dạng đơn giản; + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua việc xuống đơn vị thực tập thực hành để hợp tác với người khác; + Kỹ năng tư duy: Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, có thể tính toán và đánh giá được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ đó có thể đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt chi phí và điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo	6	Học kỳ 2	***Điểm số 1: Đánh giá của cơ sở hướng dẫn thực tập*** Trọng số 40% ***Điểm số 2: Đánh giá báo cáo thực tập tốt nghiệp*** Trọng số 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự tin áp dụng kiến thức được học để vận dụng vào thực tế công việc, đáp ứng các yêu cầu và đòi hỏi từ phía các doanh nghiệp. Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn.			
8	Khóa luận tốt nghiệp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Hệ thống hoá và củng cố những kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên môn kế toán đã được trang bị, vận dụng vào thực tế để phân tích các chính sách hoặc giải quyết các vấn đề về kế toán. - Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng, kiến thức nghề nghiệp, hình thành các phẩm chất trí tuệ, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế. Tạo cho sinh viên có cơ hội phát hiện những kiến thức và kỹ năng còn thiếu để có kế hoạch bổ sung hoàn thiện. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nâng cao ý thức tự giác trong công việc, ý thức về tầm quan trọng của người làm kế toán và người quản lý trong tương lai. Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ	6	Học kỳ 2	Đánh giá Khóa luận tốt nghiệp

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuật; có năng lực lập kế hoạch điều phối, quản lý các nguồn lực, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.			

3. Khóa ĐH11KE

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Khởi sự kinh doanh	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Trình bày được các vấn đề căn bản về khởi sự, tái lập và phát triển một doanh nghiệp mới và các vấn đề cơ bản trong khởi sự kinh doanh. - Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn về khởi sự và tái lập kinh doanh, xây dựng mô hình kinh doanh. - Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. - Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.	2	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
2	Kế toán tài chính 2	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Những kiến thức cơ bản về tổng quan và phương pháp kế toán vốn bằng tiền và đầu tư tài chính; Kế toán các khoản ứng trước và tài sản thuế TNDN hoãn lại, kế toán các khoản phải thu, kế toán các khoản phải trả, kế toán nguồn vốn Chủ sở hữu - Những kiến thức cơ bản về báo cáo tài chính - Có kỹ năng về hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lên báo cáo tài chính theo chế độ kế toán hiện hành	3	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có kỹ năng giao tiếp - Có năng lực làm việc đôc lập trong các tiết học bài tập - Có khả năng học tập, tích lũy kiến thức, tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành			
3	Thực tập nghề nghiệp 2	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Những kiến thức về các loại doanh nghiệp, như loại hình, đặc điểm, lĩnh vực hoạt động của các doanh nghiệp. - Những kiến thức về tổ chức công tác kế toán mà các doanh nghiệp áp dụng. - Những kiến thức về kế toán một số quá trình kinh doanh chủ yếu tại đơn vị - Có kỹ năng thu thập và phân tích, tổng hợp thông tin - Vận dụng những kiến thức thực tiễn đã học được để thực hiện một số công việc chuyên môn của kế toán - Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm và hợp tác với người khác tại đơn vị thực tế. - Có năng lực tự chủ trong công việc, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc mới. - Có tinh thần trách nhiệm với công việc.	5	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 50% - Hình thức đánh giá: Tiến độ thực tập, thái độ học tập ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 50%, hình thức thi: Báo cáo thực tập nghề nghiệp 2
4	Kế toán quản trị 2	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Những vấn đề cơ bản về biến động chi phí, biến động tiêu thụ, báo cáo dự toán linh hoạt và kế toán các trung tâm trách nhiệm - Những vấn đề cơ bản về định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp - Những vấn đề cơ bản về phân tích thông tin để ra quyết định	3	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%,

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngắn hạn và dài hạn - Có kỹ năng xác định chi phí, phân tích biến động và lập báo cáo hoạt động, định giá bán sản phẩm, phân tích thông tin để đưa ra quyết định ngắn hạn và dài hạn - Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Có năng lực tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập - Có khả năng học tập, tích lũy kiến thức, tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành			hình thức thi: Tự luận
5	Đạo đức nghề nghiệp	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Kiến thức cơ bản về đạo đức và đạo đức nghề nghiệp trong một số lĩnh vực của doanh nghiệp. - Kiến thức về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán. - Có kỹ năng xây dựng các biện pháp bảo vệ đối với kế toán, kiểm toán. - Có kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm. - Có năng lực tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập. - Có khả năng học tập, tích lũy kiến thức, tuân thủ theo chế độ kế toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp hiện hành.	3	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Vấn đáp
6	Kiểm toán tài chính	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Vận dụng những kiến thức đã học để nhận biết, phát hiện các sai phạm thường gặp trên các khoản mục và trên báo cáo tài chính; Có thể đảm nhiệm công việc kế toán, kiểm toán nội bộ tại các doanh nghiệp.	3	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Những vấn đề cơ bản về gian lận và sai sót như: Khái niệm, các nhân tố tác động, biểu hiện của gian lận và sai sót, các biện pháp phòng ngừa. - Vận dụng những kiến thức đã học để phân biệt giữa gian lận và sai sót - Những vấn đề cơ bản của một số quy trình KTTC chủ yếu trong doanh nghiệp. - Có kỹ năng tìm hiểu các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, các phương pháp, thủ tục liên quan đến KTTC trong doanh nghiệp. - Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá các tình huống cụ thể trong thực tiễn. - Có kỹ năng vận dụng lý thuyết để thiết lập những chính sách và thủ tục kiểm soát cho doanh nghiệp - Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập. - Có năng lực phân tích, đánh giá về các tình huống thực tiễn.			***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
7	Thuế và kế toán thuế	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Những vấn đề cơ bản về khái niệm, vai trò, chức năng hệ thống thuế - Những vấn đề cơ bản khái niệm, vai trò, căn cứ tính thuế, phạm vi áp dụng, kê khai và quyết toán các loại thuế trong doanh nghiệp: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế xuất nhập khẩu, thuế tài nguyên, thuế môn bài... - Những vấn đề cơ bản về phương pháp kế toán thuế GTGT,	4	Học kỳ 2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		TNDN, TNCN,TTĐB,...theo chê độ kê toán hiện hành - Có kỹ năng tính các loại thuế GTGT, TNDN, TNCN trong các nghiệp vụ kinh tế phát sinh - Có kỹ năng thực hiện thao tác trên phần mềm hỗ trợ kê khai thuế - Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Có kỹ năng tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập - Có khả năng học tập, tích lũy kiến thức, tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành.			
8	Thực tập nghề nghiệp 3	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Những kiến thức về các loại doanh nghiệp, như loại hình, đặc điểm, lĩnh vực hoạt động của các doanh nghiệp. - Những kiến thức về kế toán mà các doanh nghiệp áp dụng. - Có kỹ năng thu thập và phân tích, tổng hợp thông tin - Vận dụng những kiến thức thực tiễn đã học được để thực hiện một số công việc chuyên môn của kế toán - Có năng lực làm việc nhóm và hợp tác với người khác tại đơn vị thực tế. - Có năng lực làm việc đôc lập và thích ứng với áp lực công việc - Có tính thần trách nhiệm với công việc mình làm.	5	Học kỳ 2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 50% - Hình thức đánh giá: Tiến độ thực tập, thái độ học tập ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 50%, hình thức thi: Báo cáo thực tập nghề nghiệp 3
9	Kế toán máy	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Những vấn đề cơ bản về hệ thống thông tin kế toán, chức năng của phần mềm kế toán, mô hình hoạt động của phần mềm kế toán, cách lựa chọn phần mềm kế toán phù hợp cho	2	Học kỳ 2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		doanh nghiệp. - Những kiến thức cơ bản về Phương pháp kế toán vốn bằng tiền; kê toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, sản phẩm hàng hóa; kế toán tài sản cố định; kế toán mua hàng và công nợ phải trả; kế toán bán hàng và công nợ phải thu; kế toán lương và các khoản trích theo lương; kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. - Những kiến thức cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, lên được báo cáo tài chính.. - Có kỹ năng thực hiện các thao tác trên phần mềm kế toán misa: Nhập chứng từ của các phần hành kế toán, xử lý các nghiệp vụ về các phần hành kế toán của trong doanh nghiệp. - Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm. - Có năng lực tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập - Có khả năng học tập, tích lũy kiến thức, tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành.			- Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Thực hành
10	Kế toán hành chính sự nghiệp	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Những kiến thức cơ bản về kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp: khái niệm, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, hệ thống tài khoản - Những kiến thức về chứng từ kế toán sử dụng, phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong các đơn vị hành chính sự nghiệp để lập, đọc các Báo cáo tài chính ở các đơn vị hành chính sự nghiệp. - Những kiến thức cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định	3	Học kỳ 2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kết quả kinh doanh. - Có kỹ năng tính giá các đối tượng kế toán, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo chế độ kế toán hiện hành - Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Có năng lực tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập - Có khả năng học tập, tích lũy kiến thức, tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành			
11	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tìm kiếm việc làm, kỹ năng lập kế hoạch và ra quyết định áp dụng, phục vụ cho cuộc sống và công việc. - Cách vận dụng các kỹ năng vào công việc một cách chuyên nghiệp, hiệu quả, giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. - Có kỹ năng giao tiếp và kỹ năng tìm kiếm việc làm theo năng lực và mục tiêu nghề nghiệp. - Có kỹ năng lập kế hoạch và ra quyết định ngắn hạn và dài hạn. - Có năng lực tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập. - Có khả năng nhận thức được năng lực của bản thân để luôn cố gắng tích lũy kiến thức.	2	Học kỳ 2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
12	Phân tích báo cáo tài chính	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Những vấn đề cơ bản về phân tích báo cáo tài chính, đối	3	Học kỳ 2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tượng sử dụng thông tin phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp - Các phương pháp sử dụng trong phân tích các báo cáo tài chính - Kiến thức về nội dung, ý nghĩa của các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, kiểm tra và phân tích các báo cáo tài chính - Những kiến thức về phân tích các chỉ tiêu nhằm đánh giá hoạt động đầu tư tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn, khả năng thanh toán, khả năng sinh lời, tình hình tín dụng, tỷ số chứng khoán.. - Có kỹ năng đọc, phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp - Có kỹ năng phân tích hoạt động đầu tư tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn, khả năng thanh toán, khả năng sinh lời, tình hình tín dụng,.. - Kỹ năng tính toán, tổng hợp các chỉ tiêu tài chính - Có năng lực tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập - Có khả năng học tập, tích lũy kiến thức, tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành			- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Bài tập lớn

4. Khóa ĐH12KE

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí	2	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Minh và sự vận dụng trong thực tiễn. - Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; Tư duy lý luận, phản biện. - Bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước; Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.			điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận; Bài tập nhóm; Thảo luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
2	Tiếng Anh 3	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Về kiến thức: Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. - Về kĩ năng: Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
3	Pháp luật đại cương	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Những kiến thức về: nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; trách nhiệm pháp lý; nội dung cơ bản của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt	2	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận; Thảo luận ***Điểm thi kết thúc học***

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Nam và pháp luật phòng chống tham nhũng. - Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; Kỹ năng so sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung và nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; Kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế. - Năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. Xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.			***phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Trắc nghiệm
4	Tin học đại cương	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin (khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin) - Cách giao tiếp với hệ điều hành Windows - Cách sử dụng các ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel, MS Powerpoint	2	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận; Thực hành ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Thực hành
5	Nguyên lý kế toán	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguyên tắc, đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán - Những kiến thức cơ bản về kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu theo chế độ kế toán hiện hành - Những kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán	3	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%,

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có kỹ năng về tính giá các đối tượng kê toán, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi sổ kế toán theo chế độ kế toán hiện hành - Có kỹ năng giao tiếp - Có năng lực tổ chức làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập - Có khả năng học tập, tích lũy kiến thức, tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành			hình thức thi: Tự luận
6	Quản trị kinh doanh	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Trình bày được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị kinh doanh, giúp sinh viên hiểu được các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn và có một tầm nhìn rộng về quản trị - Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động quản trị kinh doanh của doanh nghiệp trong từng bộ phận chuyên môn cụ thể như: bộ phận tài chính, bộ phận nhân sự, bộ phận marketing từ đó đưa ra biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. - Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. - Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.	2	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
7	Thống kê doanh nghiệp	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Về kiến thức: Các khái niệm và phương pháp tính kết quả sản xuất, tài sản cố định, tài sản lưu động, lao động, năng xuất lao động; phương pháp phân tích một số chỉ tiêu thống kê về	2	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kết quả sản xuất kinh doanh. - Về kỹ năng: Kỹ năng tính toán các chỉ tiêu đánh giá nguồn lực đầu vào, các chỉ tiêu phản ánh kết quả đầu ra; Tính toán các chỉ tiêu hiệu quả; Đánh giá được hiệu quả sử dụng vốn, lao động, tiền lương của doanh nghiệp - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thống kê trong doanh nghiệp; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về thống kê trong doanh nghiệp.			- Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
8	Tham quan nhận thức 2	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Những kiến thức về các loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp sản xuất - Những kiến thức thực tế về đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất thực tế. - Những kiến thức thực tế về tổ chức bộ máy quản lý hoạt động kinh doanh, tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp sản xuất cụ thể. - Có kỹ năng quan sát, thu thập, tổng hợp thông tin - Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức - Có ý thức chấp hành các quy định, nội quy trong doanh nghiệp và pháp luật	1	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 50% - Hình thức đánh giá: Tiến độ thực tập; Thái độ học tập ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 50%, hình thức thi: Báo cáo tham quan
9	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản	2	Học kỳ 2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Việt Nam từ khi thành lập đến nay. - Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy khoa học về lịch sử và khả năng vận dụng vào thực tiễn; đấu tranh, phê phán luận điệu sai trái về lịch sử của Đảng. - Lập trường tư tưởng vững vàng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng, tích cực học tập để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.			điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận; Thảo luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
10	Khởi sự kinh doanh	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Trình bày được các vấn đề căn bản về khởi sự, tái lập và phát triển một doanh nghiệp mới và các vấn đề cơ bản trong khởi sự kinh doanh. - Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn về khởi sự và tái lập kinh doanh, xây dựng mô hình kinh doanh. - Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. - Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.	2	Học kỳ 2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
11	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Hiểu và áp dụng kiến thức cơ bản đặc trưng pháp lí, các quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế, nghiên cứu và dự thảo mẫu một số loại hợp đồng kinh tế trong kinh doanh như hợp đồng mua bán hàng hoá, hợp đồng kinh tế dịch vụ, hợp đồng vận chuyển hàng hóa, hợp đồng kinh tế trong liên kết kinh tế, hợp đồng hợp tác và liên doanh với nước ngoài... nhằm giải quyết các vấn đề về hợp đồng kinh tế trong kinh doanh.	2	Học kỳ 2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế, nâng cao kỹ năng soạn thảo, đàm phán và thực hiện hợp đồng kinh tế trong kinh doanh. - Có kỹ năng làm việc nhóm với người khác thông qua soạn thảo, đàm phán và thực hiện hợp đồng kinh tế trong kinh doanh. - Từ những phân tích, đánh giá về hợp đồng kinh tế trong kinh doanh có thể giúp cho nhà quản lý đưa ra những quyết định chính xác trong các hợp đồng kinh tế, hợp đồng hợp tác và liên doanh với nước ngoài. - Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến/ đề xuất các ý tưởng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi. - Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.			
12	Kế toán tài chính 1	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Những kiến thức cơ bản về kế toán TSCĐ, BĐS đầu tư theo chế độ kế toán hiện hành - Những kiến thức cơ bản về kế toán tổng hợp và chi tiết NVL và CCDC theo chế độ kế toán hiện hành - Những kiến thức cơ bản về về kế toán tổng hợp và chi tiết về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương theo chế độ kế toán hiện hành	3	Học kỳ 2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Những kiến thức cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chế độ kế toán hiện hành - Những kiến thức cơ bản về kế toán quá trình tiêu thụ thành phẩm, xác định và phân phối kết quả kinh doanh theo chế độ kế toán hiện hành - Có kỹ năng về tính giá các đối tượng kế toán, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi sổ kế toán theo chế độ kế toán hiện hành - Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Có năng lực tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận, bài tập, kiểm tra. - Có khả năng học tập, tích lũy kiến thức, tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành.			
13	Kế toán quản trị 1	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Những vấn đề cơ bản về bản chất, chức năng thông tin, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kế toán quản trị, tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp - Những vấn đề cơ bản về phân loại chi phí và các phương pháp xác định chi phí trong kế toán quản trị, những vấn đề về việc phân tích mối quan hệ giữa chi phí, sản lượng và lợi nhuận trong doanh nghiệp - Những vấn đề cơ bản về xây dựng định mức và dự toán ngân sách của doanh nghiệp - Có kỹ năng về tính toán các chỉ tiêu thường sử dụng trong kế toán quản trị, lập báo cáo sản xuất, báo cáo kết quả kinh doanh và dự toán ngân sách trong doanh nghiệp	3	Học kỳ 2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Có năng lực tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập - Có khả năng học tập, tích lũy kiến thức, tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành			
14	Lý thuyết kiểm toán	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Kiến thức cơ bản về lĩnh vực kiểm toán như quá trình hình thành và phát triển của kiểm toán; tổ chức và các hiệp hội nghề nghiệp trên thế giới và tại Việt Nam, các đặc điểm và vai trò của kiểm toán, chuẩn mực đạo đức của kiểm toán viên, các khái niệm được sử dụng trong kiểm toán và các giai đoạn của một quy trình kiểm toán - Kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy để đánh giá đạo đức nghề nghiệp kiểm toán, xác định sai phạm và phân tích ảnh hưởng của các sai phạm đến báo cáo tài chính của đơn vị được kiểm toán, nhận biết và phân tích các dạng ý kiến của kiểm toán viên. - Khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm với phần công việc mình làm.	3	Học kỳ 2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
15	Thực tập nghề nghiệp 1	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Những kiến thức về các loại doanh nghiệp như loại hình, đặc điểm, lĩnh vực hoạt động của các doanh nghiệp. - Những kiến thức về kế toán mà các doanh nghiệp áp dụng. - Có kỹ năng phân tích, tổng hợp thông tin - Có kỹ năng thực hiện các công tác kế toán cơ bản theo chế độ kế toán hiện hành	4	Học kỳ 2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 50% - Hình thức đánh giá: Tiến độ thực tập, thái độ học tập ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 50%, hình thức thi: Báo cáo

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có năng lực làm việc nhóm và hợp tác với người khác tại đơn vị thực tập. - Có năng lực làm việc độc lập và thích ứng với áp lực công việc, biết chịu trách nhiệm với công việc mình làm.			thực tập nghề nghiệp 1
16	Toán kinh tế	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Khối kiến thức Toán cơ bản về về đại số tuyến tính, giải tích toán học. - Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản giải được các bài toán ứng dụng trong kinh tế. - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	Học kỳ 2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
17	Kinh tế số	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Kiến thức cơ bản về thị trường số và thương mại điện tử. Vận dụng kiến thức về kinh tế số để phân tích mô hình kinh doanh số và mô hình hóa thị trường số. - Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phân tích tình huống, giải quyết những phát sinh trong việc ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực thanh toán - Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập và công tác sau khi tốt nghiệp.	2	Học kỳ 2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

5. Khóa ĐH13KE

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác - Lênin	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:*	3	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá***

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Kiên thức khái quát về triết học và kiên thức cơ bản, hệ thống về Triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử - Một số kiến thức thực tiễn từ sự vận dụng lý luận Triết học Mác-Lênin - Kỹ năng tư duy logic và khoa học theo thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng trong nhận định, đánh giá và giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực tiễn - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm Giá trị lý luận và thực tiễn của triết học Mác-Lênin, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác-Lênin			***trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận; Thảo luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
2	Tiếng Anh 1	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ sơ cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội - Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ sơ cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. - Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Trắc nghiệm và vấn đáp
3	Quản trị học	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Trình bày được các vấn đề căn bản về khởi sự, tái lập và phát triển một doanh nghiệp mới và các vấn đề cơ bản trong khởi sự kinh doanh.	3	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn về khởi sự và tái lập kinh doanh, xây dựng mô hình kinh doanh. - Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. - Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.			- Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
4	Kinh tế vi mô	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. - Kỹ năng nhận dạng, phân tích, tư duy, phán đoán logic, đánh giá được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế. - Có khả năng làm việc khoa học, thu thập thông tin đầy đủ, phân tích, đánh giá trước khi ra quyết định. Rèn luyện tính cách thận trọng, phán đoán logic, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vi mô phục vụ cho hoạt động kinh doanh.	3	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
5	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - Những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. - Kỹ năng trình bày, phân tích, tổng hợp, những lý luận cơ bản	2	Học kỳ 2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận; Thảo luận ***Điểm thi kết thúc học***

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của kinh tê chính trị Mác – Lê nin trong hoạt động thực tiễn. - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm - Năng lực tích lũy kiến thức và nghiên cứu độc lập, đánh giá và nhận diện bản chất các vấn đề cơ bản của kinh tế chính trị Mác- Lê Nin trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay. - Lập trường tư tưởng vững vàng, niềm tin vào đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.			***phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Những tri thức cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam và sự vận dụng Chủ nghĩa xã hội khoa học trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, thuyết trình, tự học và phản biện - Niềm tin về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội; giá trị khoa học và cách mạng của chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học kỳ 2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận; Thảo luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
7	Tiếng Anh 2	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Về kiến thức: Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ tiền trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. - Về kĩ năng: Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả	3	Học kỳ 2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Trắc nghiệm và vấn đáp

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			
8	Kinh tế vĩ mô	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hạch toán thu nhập quốc dân, tăng trưởng kinh tế, tổng cầu và tổng cung, tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, lạm phát và thất nghiệp, kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở - Kỹ năng nhận dạng, phân tích, tư duy, phán đoán logic, đánh giá được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế. - Có khả năng làm việc khoa học, thu thập thông tin đầy đủ, phân tích, đánh giá trước khi ra quyết định. Rèn luyện tính cách thận trọng, phán đoán logic, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô phục vụ cho hoạt động kinh tế	3	Học kỳ 2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
9	Tài chính tiền tệ	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Những vấn đề cơ bản về Tài chính như: Khái niệm, chức năng tài chính, cấu trúc hệ thống tài chính, ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, sự hình thành và cấu trúc thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian, ngân hàng thương mại, ngân hàng Trung ương. - Những vấn đề cơ bản về Tiền tệ: Nguồn gốc, bản chất và chức năng của tiền tệ, cung và cầu tiền tệ, tác động lạm phát đến phát triển kinh tế xã hội.	2	Học kỳ 2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Những vấn đề cơ bản về tín dụng và lãi suất tín dụng, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế. - Có khả năng giải thích được những vấn đề cơ bản về tài chính tiền tệ, có kiến thức thực tế để vận dụng giải quyết các công việc chuyên môn. - Có kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá các hoạt động của thị trường tài chính, các tổ chức trung gian tài chính, hoạt động tín dụng, tài chính quốc tế và hệ thống Ngân hàng. - Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng phân tích và tổng hợp các vấn đề về tài chính – tiền tệ. Từ đó đề xuất các giải pháp tài chính phù hợp cho các chủ thể trong nền kinh tế. - Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập. - Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. - Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.			
10	Tham quan nhận thức 1	*Học phần nhằm cung cấp cho người học:* - Những kiến thức về các loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp thương mại, dịch vụ - Những kiến thức thực tế về đặc điểm hoạt động kinh doanh	1	Học kỳ 2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 50% - Hình thức đánh giá: Tiến độ thực tập, thái

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của doanh nghiệp thương mại, dịch vụ thực tê. - Những kiến thức thực tế về tổ chức bộ máy quản lý hoạt động kinh doanh, tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp thương mại, dịch vụ cụ thể. - Có kỹ năng quan sát, thu thập, tổng hợp thông tin - Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức - Có ý thức chấp hành các quy định, nội quy trong doanh nghiệp và pháp luật			độ học tập ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 50%, hình thức thi: Báo cáo tham quan

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_MK

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2023-2024
Ngành Marketing

1. Khóa ĐH10MK

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Mô hình Marketing	- Về kiến thức: Hiểu, trình bày và giải thích được những nhận định cơ bản khái niệm, bản chất và đặc trưng, hành vi khách hàng, phân đoạn thị trường, chiến lược marketing trong marketing B2B, marketing B2C và marketing trong thương mại điện tử - Về kỹ năng: Hình thành kỹ năng vận dụng lý thuyết vào xây dựng mô hình marketing và lập kế hoạch chiến lược marketing cho các loại hình kinh doanh B2B, B2C, và lĩnh vực thương mại điện tử. Người học hình thành một số kỹ năng như: kỹ năng tìm kiếm thông tin, phân tích tài liệu; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng thảo luận nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học xác định được tầm quan trọng của môn học, tự giác chủ động chuẩn bị bài và học bài theo yêu cầu của giảng viên.	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
2	Quản trị giá	- Về kiến thức: Những kiến thức cơ bản về quản trị giá. Vận dụng những kiến thức đã học để nhận thức vấn đề thực tiễn trong quá trình định giá, lựa chọn phương pháp định giá phù hợp và đưa ra mức giá sản phẩm/ dịch vụ hợp lý - Về kỹ năng: Người học hình thành được kỹ năng áp dụng lý thuyết vào các hoạt động trong quá trình định giá và quản trị giá, đưa ra lựa chọn phương pháp định giá và mức giá cuối cùng của sản phẩm/dịch vụ hợp lý. Người học hình thành một số kỹ năng như: kỹ năng tìm kiếm	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thông tin, phân tích tài liệu; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng thảo luận nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học xác định được tầm quan trọng của môn học, tự giác chủ động chuẩn bị bài và học bài theo yêu cầu của giảng viên			
3	Quản trị kênh phân phối	- Về kiến thức: Người học hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về kênh phân phối, môi trường và hành vi trong kênh phân phối; chiến lược và chiến thuật trong quản trị kênh phân phối - Về kỹ năng: + Hình thành kỹ năng vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề của kênh phân phối, xây dựng chiến lược và quản trị kênh + Người học hình thành một số kỹ năng như: kỹ năng tìm kiếm thông tin, phân tích tài liệu; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng thảo luận nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học xác định được tầm quan trọng của môn học, tự giác chủ động chuẩn bị bài và học bài theo yêu cầu của giảng viên	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
4	Quản trị sản phẩm	- Về kiến thức: + Vận dụng những kiến thức cơ bản trong việc xây dựng chiến lược sản phẩm, quản trị chất lượng và dịch vụ sản phẩm + Phân tích, đánh giá và tổng hợp kiến thức nền tảng và nâng cao kỹ năng về tìm hiểu sản phẩm, xây dựng chiến lược sản phẩm - Về kỹ năng: Trình bày được các quan niệm về sản phẩm, vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế lập kế hoạch cho công tác quản trị sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được công việc được giao trong lĩnh vực marketing; + Có sáng kiến có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; + Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.			
5	Phân tích marketing	- Về kiến thức: + Người học có thể hiểu và trình bày được Những kiến thức tổng quan về phân tích marketing và cơ sở dữ liệu trong phân tích marketing, công cụ sử dụng trong đo lường hoạt động marketing, phân biệt đo lường thông qua công cụ tài chính và công cụ phi tài chính + Vận dụng những kiến thức đã học để lên kế hoạch phân tích marketing và lựa chọn, sử dụng công cụ trong đo lường hoạt động marketing một cách hiệu quả - Về kỹ năng: + Người học hình thành kỹ năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn phân tích hoạt động marketing của doanh nghiệp + Người học hình thành một số kỹ năng như: kỹ năng tìm kiếm thông tin, phân tích tài liệu; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng thảo luận nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học xác định được tầm quan trọng của môn học, tự giác chủ động chuẩn bị bài và học bài theo yêu cầu của giảng viên.	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
6	Marketing bền vững	- Về kiến thức: Hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về chiến lược marketing bền vững và chiến lược chuỗi cung ứng bền vững - Về kỹ năng: Hình thành kỹ năng vận dụng lý thuyết về marketing bền vững, chuỗi cung ứng về vững vào tình huống thực tiễn Người học hình thành một số kỹ năng như: kỹ năng tìm kiếm	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thông tin, phân tích tài liệu; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng thảo luận nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học xác định được tầm quan trọng của môn học, tự giác chủ động chuẩn bị bài và học bài theo yêu cầu của giảng viên			
7	Hệ thống nhận diện thương hiệu	- Về kiến thức: + Người học hiểu và trình bày được kiến thức cơ bản về hệ thống nhận diện thương hiệu bao gồm các khái niệm, vai trò, công cụ, quy trình thiết kế, xây dựng và triển khai hệ thống. + Ứng dụng linh hoạt các yếu tố nhận diện thương hiệu vào thực tiễn trong quá trình học. - Về kỹ năng: + Người học hình thành được kỹ năng áp dụng lý thuyết vào các hoạt động trong xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu. + Người học hình thành một số kỹ năng như: kỹ năng tìm kiếm thông tin, phân tích tài liệu; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng thảo luận nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học xác định được tầm quan trọng của môn học, tự giác chủ động chuẩn bị bài và học bài theo yêu cầu của giảng viên	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
8	Định giá và nhượng quyền thương hiệu	- Về kiến thức: Trình bày được kiến thức chuyên sâu về định giá tài sản thương hiệu và một số phương thức khai thác tài sản thương hiệu - Về kỹ năng: Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể phân tích, đánh giá linh hoạt trong hoạt động định giá tài sản thương hiệu. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực định giá tài sản thương hiệu; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9	Quản trị quan hệ khách hàng	- Về kiến thức: + Trình bày được những kiến thức cơ bản như: các khái niệm, đặc điểm và những tư tưởng về khách hàng, quản trị quan hệ khách hàng; cơ sở dữ liệu khách hàng; hệ thống và tiến trình quản trị quan hệ khách hàng. + Nhận diện được khách hàng theo các tiêu thức khác nhau, khai thác và phân tích được cơ sở dữ liệu khách hàng; hiểu được hoạt động CRM thông qua qui trình tự động hoá các hoạt động Marketing, bán hàng, chăm sóc khách hàng; thiết lập hệ thống CRM trong doanh nghiệp và các giải pháp nhằm triển khai hệ thống CRM - Về kỹ năng: Từ việc nghiên cứu các vấn đề lý thuyết về CRM và áp dụng các giải pháp triển khai CRM vào trong việc lập kế hoạch chiến lược Marketing, bán hàng và hoạt động chăm sóc khách hàng của các doanh nghiệp - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản triquan hệ khách hàng; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
10	Hoạt động thương mại về sở hữu trí tuệ	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản và kỹ năng cần thiết liên quan tới hoạt động thương mại về Sở hữu trí tuệ. Đồng thời có khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng cụ thể vào lĩnh vực kinh doanh thương mại, marketing, quản trị thương hiệu - Về kỹ năng: Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể phân tích, đánh giá linh hoạt trong hoạt động thương mại về sở hữu trí tuệ trong tổ chức - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công việc được giao trong lĩnh vực hoạt động thương mại về sở hữu trí tuệ; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.			
11	Chiến lược thương hiệu	- Về kiến thức: Trình bày được các vấn đềvề chiến lược thương hiệu và quản trị chiến lược thương hiệu dựa trên các tư duy hiện đại về định vị và liên kết cũng như xác lập và tổ chức các dự án truyền thông thương hiệu - Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học để phát triển các kỹ năng phân tích kiến trúc và xác lập danh mục thương hiệu chiến lược, dự báo và phòng ngừa rủi ro thương hiệu - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực chiến lược thương hiệu; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
12	Kế hoạch truyền thông Marketing	- Về kiến thức: + Nắm được những kiến thức cơ bản của truyền thông Marketing tích hợp: khái niệm, vai trò, chức năng, công cụ, quy trình lập kế hoạch IMC + Phân tích được quá trình truyền thông Marketing + Trình bày được quá trình thiết lập được mục tiêu và phân bổ ngân sách cho chương trình truyền thông Marketing + Trình bày và phân tích nội dung hiết kế và sáng tạo thông điệp truyền thông Marketin - Về kỹ năng: + Thực hiện được các kỹ năng: kỹ năng nghe, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm,… - Vận dụng các kiến thức cơ bản về truyền thông và lập kế hoạch truyền thông marketing để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức.	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Lập được kế hoạch truyền thông Marketing tại doanh nghiệp thực tế + Đánh giá và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các phương tiện truyền thông Marketing vào từng chương trình truyền thông tại doanh nghiệp - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi. + Duy trì khả năng học tập, tích cực trau dồi kiến thức, rèn luyện kỹ năng, kinh nghiệm để đáp ứng yêu cầu thực tế. + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.			
13	Quản trị dự án truyền thông	- Về kiến thức: Người học hiểu và trình bày được các nội dung tổng quan của quản trị dự án và dự án truyền thông; nắm được các phương pháp phân tích dự án, dự toán, quản lý chi phí ngân sách và quản lý rủi ro trong dự án truyền thông; đồng thời biết cách giám sát và đánh giá một dự án cụ thể, vận dụng được kiến thức đã học vào tình huống thực tiễn trong chương trình học - Về kỹ năng: + Người học hình thành được kỹ năng áp dụng lý thuyết vào thực hiện và quản trị dự án truyền thông. + Người học hình thành một số kỹ năng như: kỹ năng tìm kiếm thông tin, tổng hợp, phân tích tài liệu; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng thảo luận nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học xác định được tầm quan trọng của môn học, tự giác chủ động chuẩn bị bài và học bài theo yêu cầu của giảng viên.	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
14	Quảng cáo và trưng bày tại điểm bán	- Về kiến thức: + Nắm được các vấn đề căn bản về quảng cáo và trưng bày tại điểm bán: tổng quan về quảng cáo và trưng bày tại điểm bán,	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận):

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hành vi người tiêu dùng, hoạch định + Phân tích quá trình tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả hoạt động quảng cáo và trưng bày tại điểm bán. + Hiểu rõ vai trò của ứng dụng của việc quảng cáo và trưng bày tại điểm bán - Về kỹ năng: + Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng để thực hiện hoạt động Quảng cáo và trưng bày tại điểm bán ở các doanh nghiệp, tổ chức. + Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng để quản lý các hoạt động Quảng cáo và trưng bày tại điểm bán ở các doanh nghiệp, tổ chức. + Thực hiện được các kỹ năng: kỹ năng nghe, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm,… - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi. + Duy trì khả năng học tập, tích cực trau dồi kiến thức, rèn luyện kỹ năng, kinh nghiệm để đáp ứng yêu cầu thực tế. + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật			60%
15	Tổ chức sự kiện	- Về kiến thức: + Nhớ được những kiến thức cơ bản về tổ chức sự kiện: khái niệm, phân loại, công chúng sự kiện, ý nghĩa của sự kiện, hoạt động giải trí và những lưu ý về nghệ thuật + Phân tích được thị trường tổ chức sự kiện và xu hướng phát triển sự kiện tại Việt Nam + Trình bày được những vấn đề liên quan đến lập hồ sơ, lên danh sách khách mời và thiệp mời + Phân tích được nhưng vấn đề về quản trị rủi ro và pháp luật trong tổ chức sự kiện. - Về kỹ năng: + Thực hiện được các kỹ năng: kỹ năng nghe, kỹ năng giao	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm,… + Lập được hồ sơ, lên được danh sách khách mời, thiết kế nội dung thiệp mời cho khách trong sự kiện + Thực hiện lập kế hoạch và thực thi hoạt động tổ chức sự kiện tại doanh nghiệp + Kiểm soát được tiến trình thực hiện sự kiện tại doah nghiệp - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi. + Duy trì khả năng học tập, tích cực trau dồi kiến thức, rèn luyện kỹ năng, kinh nghiệm để đáp ứng yêu cầu thực tế. + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật. + Đề xuất ý tưởng kinh doanh và tổ chức hoạt động khởi nghiệp			
16	Truyền thông đa phương tiện	- Về kiến thức: Người học có thể hiểu được các vấn đề căn bản về truyền thông đa phương tiện như: tổng quan về truyền thông đa phương tiện, ứng dụng của đa phương tiện trong cuộc sống, các yêu cầu của hệ thống đa phương tiện, một số dữ liệu đa phương tiện và xây dựng ứng dụng đa phương tiện - Về kỹ năng: Có kỹ năng nhận biết và phân tích, đánh giá các loại hình đa phương tiện phổ biến. Xử lý được các vấn đề phát sinh trong quá trình xây dựng hệ thống dữ liệu đa phương tiện trong đời sống. Hình thành và cải thiện kỹ năng giao tiếp, thảo luận và làm việc nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực Truyền thông đa phương tiện; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ			
17	Xử lý khủng hoảng truyền thông	- Về kiến thức: Những kiến thức cơ bản về khủng hoảng truyền thông: tổng quan về khủng hoảng truyền thông, dự phòng khủng hoảng truyền thông, cách thức giải quyết khủng hoảng truyền thông, quy trình quản lý khủng hoảng truyền thông, kiểm soát đánh giá và tận dụng khủng hoảng truyền thông. - Về kỹ năng: Có kỹ năng thuyết trình và thảo luận nhóm, các thành viên trong nhóm hợp tác làm việc có hiệu quả Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để đưa ra các biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận. Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
18	Marketing trong các loại hình doanh nghiệp	- Về kiến thức: + Các vấn đề căn bản về Marketing trong các loại hình doanh nghiệp như: marketing trong kinh doanh và doanh nghiệp, doanh nghiệp và các loại hình doanh nghiệp, marketing trong doanh nghiệp nhà nước, marketing trong công ty cổ phần, marketing trong công ty trách nhiệm hữu hạn, marketing trong công ty hợp danh và marketing trong doanh nghiệp tư nhân - Về kỹ năng: + Năng lực ứng dụng của các mô hình chiến lược marketing vào kinh doanh của các loại hình doanh nghiệp + Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và kỹ năng phát triển nghề nghiệp. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:	03	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi. + Năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ, ý tưởng kinh doanh			
19	Tổ chức chiến lược marketing và truyền thông	- Về kiến thức: Những kiến thức cơ bản về chiến lược marketing, tổ chức thực hiện chiến lược marketing, truyền thông marketing, tổ chức hoạt động truyền thông marketing. - Về kỹ năng: + Kỹ năng vận dụng lý thuyết về tổ chức chiến lược marketing và truyền thông vào trong việc triển khai thực hiện cụ thể tại các doanh nghiệp. + Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức chiến lược marketing và truyền thông + Kỹ năng tư duy, phát triển ý tưởng marketing mới - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Kỹ năng làm việc nhóm và làm việc độc lập + Năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực Tổ chức chiến lược marketing và truyền thông. + Kỹ năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm	03	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

2. Khóa ĐH11MK

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Khởi sự kinh doanh	- Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề căn bản về khởi sự, tái lập và phát triển một doanh nghiệp mới và các vấn đề cơ bản trong khởi sự kinh doanh. - Về kỹ năng: Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn	02	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đề nảy sinh trong thực tiễn về khởi sự và tái lập kinh doanh, xây dựng mô hình kinh doanh. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.			
2	Nghiên cứu marketing	- Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề căn bản về nghiên cứu marketing, cách khai thác. Từ đó đánh giá nguồn dữ liệu thư cấp sử dụng trong tiến trình nghiên cứu marketing, phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp, đo lường và các cấp độ thang đo , thiết kế, chọn mẫu và tổ chức thu thập dữ liệu, các bước phân tích dữ liệu. Phân tích, tổng hợp và tự soạn thảo thuyết trình báo cáo nghiên cứu marketing. - Về kỹ năng: Hiểu được những vấn đề cơ bản về nghiên cứu marketing, các kỹ năng phân tích, thu thập, đánh giá dữ liệu và soạn thảo báo cáo nghiên cứu marketing. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực nghiên cứu marketing; có sáng kiến có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.	02	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
3	Quản trị bán hàng	- Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề căn bản về quản trị bán hàng, nhận thức về nhà quản trị bán hàng bán hàng và nhân viên bán hàng trong công ty. Phân tích và vận dụng tốt các kỹ năng đối với nhà quản trị bán hàng, nắm được cách thức xây dựng và quản trị đội ngũ bán hàng, cuối cùng là nhận thức được tương lai phát triển của quản trị bán hàng. - Về kỹ năng: Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị bán	03	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hàng, cách thức tổ chức quản lý hoạt động bán hàng trong doanh nghiệp của nhà quản trị. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị bán hàng; có sáng kiến có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.			
4	Quan hệ công chúng	- Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề căn bản về quan hệ công chúng, các thành phần tham gia vào quan hệ công chúng. Phân tích quy trình quản trị quan hệ công chúng , các nhóm công chúng điển hình. Tổng hợp và đánh giá quá trình quản trị khủng hoảng , các công việc chủ yếu trong hoạt động tổ chức sự kiện cũng như hoạt động tài trợ . - Về kỹ năng: Hiểu được những vấn đề cơ bản của quan hệ công chúng, các kỹ năng quan hệ công chúng cần phải có. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quan hệ công chúng; có sáng kiến có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.	02	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
5	Tiếng anh chuyên ngành	- Về kiến thức: Những kiến thức cơ bản về Marketing trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế; ngữ pháp và từ vựng Tiếng Anh chuyên ngành Marketing.	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận):

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Về Kỹ năng: Kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh; kỹ năng viết bài luận, làm việc nhóm và thuyết trình bằng tiếng Anh trong lĩnh vực Marketing Kỹ năng đọc hiểu tài liệu Marketing bằng tiếng anh, giúp nâng cao trình độ kiến thức và kịp thời cập nhập thông tin xu hướng về marketing trên thế giới - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài. Tự giác, có trách nhiệm, chủ động tham gia thảo luận nhóm và phối hợp với các thành viên khác trong lớp/trong nhóm Tự giác và duy trì việc nghiên cứu, tích lũy kiến thức trong quá trình học			60%
6	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	- Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề căn bản về kỹ năng phát triển nghề nghiệp như: Tầm quan trọng của khám phá và thấu hiểu bản thân, kỹ năng quản lý giá trị sống, kỹ năng đánh giá cơ hội việc làm. - Về kỹ năng: Vận dụng các kiến thức cơ bản của các kỹ năng liên quan đến hoạt động nghề nghiệp cơ bản để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. Từ những kiến thức đã học, người học có thể thiết lập chiến lược marketing truyền thông xã hội trong doanh nghiệp - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực Kỹ năng phát triển nghề nghiệp; có sáng kiến có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.	02	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
7	Thực tập nghề nghiệp 2	- Về kiến thức: +Trình bày được những vấn đề chung của doanh nghiệp: lịch sử hình thành, lĩnh vực kinh doanh,… +Mô tả được tổ chức hoạt động trong các doanh nghiệp, tổ	04	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 50% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Báo cáo): 50%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chức bộ máy của doanh nghiệp +Phân tích được nội dung, các hoạt động tại bộ phận tham gia thực tế. - Về kỹ năng + Sử dụng các kỹ năng tin học, công nghệ thông tin để hoàn thành báo cáo thực tập nghề. + Thực hiện được các kỹ năng: kỹ năng nghe và quan sát, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày và nói chuyện trước công chúng, kỹ năng làm việc nhóm … + Sử dụng các thông tin thu thập được trong quá trình thực tập để đưa vào báo cáo thực tập nghề. + Vận dụng các kiến thức đã học tham gia vào các hoạt động tại bộ phận tham gia thực tế được phân công + Chú ý lắng nghe, chủ động tìm kiếm các kiến thức liên quan và dữ liệu cần thiết cho học phần - Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm + Tích cực tham gia hoạt động tại buổi học nếu có + Có thái độ yêu thích lĩnh vực Marketing thông qua việc tích cực trau dồi kiến thức, rèn luyện kỹ năng để đáp ứng yêu cầu thực tế. + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.			
8	Thực tập nghề nghiệp 3	- Về kiến thức: + Trình bày được những vấn đề chung của doanh nghiệp: lịch sử hình thành, lĩnh vực kinh doanh,… + Mô tả được tổ chức hoạt động trong các doanh nghiệp, tổ chức bộ máy của doanh nghiệp + Phân tích được nội dung, các hoạt động tại bộ phận tham gia thực tế. - Về kỹ năng + Sử dụng các kỹ năng tin học, công nghệ thông tin để hoàn thành báo cáo thực tập nghề. + Thực hiện được các kỹ năng: kỹ năng nghe và quan sát, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày và nói chuyện trước công	05	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 50% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Báo cáo): 50%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chúng, kỹ năng làm việc nhóm … + Sử dụng các thông tin thu thập được trong quá trình thực tập để đưa vào báo cáo thực tập nghề. + Vận dụng các kiến thức đã học tham gia vào các hoạt động tại bộ phận tham gia thực tế được phân công + Chú ý lắng nghe, chủ động tìm kiếm các kiến thức liên quan và dữ liệu cần thiết cho học phần - Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm + Tích cực tham gia hoạt động tại buổi học nếu có + Có thái độ yêu thích lĩnh vực Marketing thông qua việc tích cực trau dồi kiến thức, rèn luyện kỹ năng để đáp ứng yêu cầu thực tế. + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.			
9	Truyền thông marketing tích hợp	- Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề căn bản về truyền thông marketing tích hợp. Vận dụng kiến thức cơ bản nghiên cứu sự ảnh hưởng của các nhân tố đến hoạt động truyền thông marketing tích hợp. Tự tổng hợp, phân tích và đánh giá đề lên kế hoạch cho hoạt động marketing tích hợp của doanh nghiệp - Về kỹ năng: Hiểu được những vấn đề cơ bản của truyền thông marketing tích hợp, lập các kế hoạch truyền thông, các phương tiện thực hiện truyền thông marketing tích hợp. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực truyền thông marketing tích hợp; có sáng kiến có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Quản trị thương hiệu	- Về kiến thức: + Các vấn đề căn bản về quản trị thương hiệu, các chiến lược định vị thương hiệu trên thị trường. + Hệ thống nhận diện thương hiệu của doanh nghiệp, các công cụ truyền thông thương hiệu. + Kiến thức về đánh giá và phân tích để quản lý một cách có hiệu quả thương hiệu của doanh nghiệp trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt. - Về kỹ năng: + Kỹ năng quản trị thương hiệu mà nhà quản trị cần phải có. + Kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. - Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: + Kỹ năng tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi. + Khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý. + Năng lực đề xuất ý tưởng kinh doanh và tổ chức hoạt động khởi nghiệp.	03	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
11	Digiatal Marketing	- Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề căn bản về Digital Marketing như: Vai trò của Digital Marketing, lập kế hoạch Digital Marketing, mô tả các kênh Digital marketing phổ biến. Giải thích lợi ích có được khi marketing sử dụng video, miêu tả vai trò của sách điện tử trong marketing nội dung, cách tạo ra một bài viết hay được lan toả trực tuyến. Giải thích về mạng xã hội trong tổng thể môi trường di động, giải thích bản chất và tầm quan trọng của việc giám sát phương tiện truyền thông xã hội. - Về kỹ năng: Hiểu được những vấn đề cơ bản của Digital marketing. Hiểu rõ các kênh Digital marketing phổ biến. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. Từ những kiến thức đã học, người học có thể thiết lập chiến lược marketing truyền thông xã hội trong	03	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		doanh nghiệp - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực digital marketing; có sáng kiến có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.			
12	Markerting quốc tế	- Về kiến thức: Trình bày các vấn đề căn bản về marketing quốc tế như: Bản chất của marketing quốc tế, môi trường marketing quốc tế quản trị. Từ đó phân tích các yếu tố tác động tới khả năng canh tranh trên thị trường quốc tế, các phương thức tham gia, mở rộng thị trường quốc tế, các quyết định marketing và hoạt động marketing xuất nhập khẩu. - Về kỹ năng: Hiểu được những vấn đề cơ bản của marketing quốc tế, các quyết định marketing thị trường quốc tê, cách thức thâm nhập phát triển thị trường quốc tế. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực marketing quốc tế; có sáng kiến có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

3. Khóa ĐH12MK

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	- Về kiến thức: Những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi thành lập đến nay. - Về kỹ năng: Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy khoa học về lịch sử và khả năng vận dụng vào thực tiễn; đấu tranh, phê phán luận điệu sai trái về lịch sử của Đảng. - Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Lập trường tư tưởng vững vàng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng, tích cực học tập để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	02	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Về kiến thức: Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản trong chương trình môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng, dân tộc và nhân loại. - Về kỹ năng: Vận dụng sáng tạo lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá được một số vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. + Có lập tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH. Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh theo tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh. + Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác –Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. + Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; Có năng lực vận dụng tư	02	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tưởng Hồ Chí Minh giải quyết vấn đề đặt ra trong lĩnh vực nghề nghiệp.			
3	Tiếng Anh 3	- Về kiến thức ngôn ngữ * Ngữ âm: Sinh viên có thể phát âm rõ ràng theo hướng dẫn và tự tin hơn trong các hội thoại có hướng dẫn trong và ngoài lớp. * Ngữ pháp: Có vốn kiến thức cơ bản và nâng cao về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như cuộc sống truyền thống và hiện đại, các vấn đề về sức khỏe, các vật dụng cá nhân và trong gia đình, thông tin cá nhân, mô tả ngườiquen và trao đổi những trải nghiệm. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo cấu trúc câu. * Từ vựng: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp cơ bản và nâng cao hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc. - Về các kỹ năng ngôn ngữ * Kỹ năng đọc: - Đọc hiểu các đoạn văn có độ dài trung bình. - Rèn luyện kỹ năng đọc lướt nhanh để lấy thông tin chính cho các bài tập đọc hiểu. - Đọc lướt các văn bản dài để xác định các thông tin cần tìm, thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản, hay từ nhiều văn bản khác nhau nhằm hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể trong bài đọc. - Xác định được các kết luận chính được chỉ rõ ra trong các bài báo hay đoạn văn. * Kỹ năng nói: - Giao tiếp được trong những tình huống cơ bản và hiểu được những hội thoại với những chủ đề trong giao tiếp cơ bản và nâng cao. - Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề trong tình huống giao tiếp cơ bản và nâng cao. - Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để trao đổi, chia	02	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sẻ và thảo luận về những trải nghiệm trong cuộc sống. - Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ cơ bản như thảo luận về một chủ đề quen thuộc, hay trao đổi và chia sẻ thông tin với những cách diễn đạt và ngôn ngữ cơ bản. - Miêu tả tính cách sự vật sự việc, những thay đổi giữa cuộc sống hiện đại và truyền thống, chia sẻ những trải nghiệm của bản thân. - Trình bày một chủ đề cơ bản về những vấn đề liên quan đến cuộc sống và các tình huống gặp phải, đưa ra lý do và có thể cố thuyết phục người nghe đồng tình theo quan điểm cá nhân. * Kỹ năng viết - Viết về một chủ đề với những gợi ý - Viết các cụm từ, các câu cơ bản sử dụng câu điều kiện, câu trực tiếp gián tiếp, động danh từ - Cách viết lại câu giữa các thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn giản. * Kỹ năng nghe - Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến những hoạt động đã xảy ra khi chúng được nói một cách trôi chảy. - Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách trôi chảy. - Hiểu được nội dung chính trong các hội thoại hoặc các cuộc thảo luận. * Các nhóm kỹ năng khác - Nâng cao kĩ năng làm việc nhóm và kĩ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (sử dụng từ ngữ đơn giản và ngôn từ rõ ràng). - Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet, báo chí để phục vụ cho môn học chuyên ngành của mình. - Khích lệ sinh viên hỏi đáp và nhận xét đánh giá. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm - Xác định được tầm quan trọng của môn học và có ý thức cao độ trong việc học hỏi nắm bắt nội dung môn học. - Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu tài			

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		liệu, tìm tòi sáng tạo các nguồn sách để đọc thêm và các tài liệu trên mạng internet … - Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn. - Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử. - Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà. - Sinh viên hăng hái, nhiệt tình tham gia vào các hoạt động thảo luận trên lớp. - Chia sẻ thông tin với bạn bè và giáo viên. - Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.			
4	Markering căn bản	- Những kiến thức cơ bản về marketing, vai trò, chức năng, phân loại marketing; Xác định thị trường mục tiêu và phân khúc thị trường; Phân tích được hành vi của khách hàng; Các công cụ hoạch định chiến lược marketing. - Có kỹ năng thuyết trình, thảo luận, và hợp tác giữa các thành viên với nhau. - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức được cung cấp trong học phần để đưa ra các biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. MT3 - Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận. - Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
5	Lý thuyết truyền thông	- Về kiến thức: Trình bày khái quát về hoạt động truyền thông, mô hình truyền thông. Vận dụng các kiến thức cơ bản trong việc thực hành các kỹ năng truyền thông cá nhân, nhóm, đại chúng. Từ đó tự phân tích, đánh giá và tổng hợp kiến thức nền tảng và nâng cao kỹ năng về giao tiếp – truyền thông – vận động xã hội trong hoạt động truyền thông; tăng cường khả năng hội nhập bình đẳng trong phạm vi khu vực và quốc tế, khả năng hòa nhập vào các nhóm công chúng – xã hội.	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Về kỹ năng: Trình bày được các kiêu truyền thông, Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế lập kế hoạch cho công tác truyền thông của doanh nghiệp. Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực marketing; có sáng kiến có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.			
6	Nguyên lý kế toán	- Về kiến thức: Hiểu và vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình. - Về kỹ năng: + Kỹ năng về nhận thức: Hiểu được bản chất của kế toán, các phương pháp kế toán, các quá trình kinh doanh chủ yếu và toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể. + Kỹ năng về nghề ngiệp: Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Vận dụng được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác thông qua giờ thảo luận và thực hành. + Kỹ năng tư duy: Tổng hợp và đánh giá khái quát được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có thể đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. Từ các báo cáo tài chính có thể cung cấp được các thông tin khái quát về tình	03	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hình tài chính giúp cho doanh nghiệp có biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Hiểu được công việc về kế toán, từ đó có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Hiểu được tầm quan trọng của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			
7	Marketing thương mại và dịch vụ	MT1 - Những kiến thức cơ bản về marketing thương mại và dịch vụ. - Chính sách marketing thương mại, các công cụ marketing dịch vụ trong thực tiễn. - Các đặc điểm và điều kiện áp dụng chính sách mareting thương mại và dịch vụ. MT2 - Kỹ năng vận dụng được các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. - Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy và khả năng vận dụng vào thực tiễn - Kỹ năng phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực marketing dịch vụ. MT3 - Năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực Marketing thương mại dịch vụ. - Kỹ năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. - Năng lực đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.	02	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
8	Quản trị Marketing	MT1 - Trình bày bản chất của marketing và quản trị marketing:	03	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Khái niệm, vai trò, đặc điểm, quan điểm, nhiệm vụ,… - Nhận diện hệ thống thống tin Marketing và phân tích các cơ hội marketing với doanh nghiệp - Nắm được bản chất và phân tích các chiến lược Marketing MT2 - Thực hiện được các kỹ năng: kỹ năng nghe, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm,… - Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng thực hành các công việc Marketing tại các doanh nghiệp, tổ chức. - Biết vận dụng các kiến thức đã học để tham gia lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, đánh giá chương trình marketing. - Vận dụng kiến thức để xây dựng và thực thi chiến lược Marketing MT3 - Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi. - Duy trì khả năng học tập, tích cực trau dồi kiến thức, rèn luyện kỹ năng, kinh nghiệm để đáp ứng yêu cầu thực tế. - Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật. - Đề xuất ý tưởng kinh doanh và tổ chức hoạt động khởi nghiệp.			- Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
9	Thương mại điện tử	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản như: mô hình kinh doanh, loại hình giao dịch, chu kỳ thương mại điện tử. Đánh giá và tổng hợp để đưa ra các chiến lược thương mại điện tử trong các mô hình giao dịch điện tử B2B, B2C. - Về kỹ năng: Phân tích được hoạt động kinh doanh điện tử ở các doanh nghiệp có ứng dụng thương mại điện tử. Vận dụng kiến thức đã học để xây dựng các chiến lược kinh doanh thương mại điện tử và thực hành hình thức kinh doanh đơn giản qua mạng Internet. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao	02	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong lĩnh vực thương mại điện tử; có sáng kiến có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.			
10	Tâm lý và hành vi khách hàng	MT1 - Trình bày được những kiến thức cơ bản về tâm lý, hành vi khách hàng như khái niệm, đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu tâm lý và hành vi khách hàng - Phân tích được quá trình nhận thức và ghi nhớ của khách hàng - Xác định được những nhân tố ảnh hưởng đến tâm lý và hành vi khách hàng - Tổng hợp, phân tích và đánh giá để đưa ra chiến lược Marketing. MT2 - Phân tích được những yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến tâm lý, hành vi khách hàng trước khi mua sắm, trong khi mua sắm và sau khi mua sắm; quá trình nhận thức và ghi nhớ của khách hàng. - Vận dụng những đặc điểm tâm lý, hành vi khách hàng vào quá trình xây dựng chiến lược Marketing, chiến lược kinh doanh phù hợp với từng mục tiêu cụ thể của doanh nghiệp trong từng giai đoạn nhất định. MT3 - Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao - Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau - Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ - Có khả năng đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ	02	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuật.			
11	Thống kê kinh doanh	- Về kiến thức: Những kiến thức cơ bản về quá trình nghiên cứu thống kê, thu thập dữ liệu thống kê, các phương pháp phân tích thống kê và nghiên cứu thống kê thị trường. - Về kỹ năng: Kỹ năng vận dụng các kiến thức được cung cấp trong học phần để xử lý dữ liệu thống kê kinh tế; phân tích, đánh giá và dự báo các biến động của thị trường . - Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: + Tinh thần, trách nhiệm, tham gia chủ động, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, học tập. + Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.	02	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
12	Tham quan nhận thức 2	- Về kiến thức + Trình bày được những vấn đề chung của doanh nghiệp: lịch sử hình thành, lĩnh vực kinh doanh,… + Mô tả được tổ chức hoạt động trong các doanh nghiệp, tổ chức bộ máy của doanh nghiệp + Mô tả được các nội dung, hoạt động tại Phòng Marketing của doanh nghiệp - Về kỹ năng: + Thực hiện được các kỹ năng: kỹ năng nghe và quan sát, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày và nói chuyện trước công chúng,… + Sử dụng các thông tin thu thập được trong quá trình tham quan để đưa vào báo cáo tham quan. - Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm + Chú ý lắng nghe, tích cực tham gia hoạt động tại buổi học nếu có + Chủ động tìm kiếm các kiến thức liên quan và dữ liệu cần thiết cho học phần	01	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 50% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Báo cáo): 50%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Thực tập nghề nghiệp 1	- Về kiến thức: + Trình bày được những vấn đề chung của doanh nghiệp: lịch sử hình thành, lĩnh vực kinh doanh,… + Mô tả được tổ chức hoạt động trong các doanh nghiệp, tổ chức bộ máy của doanh nghiệp + Phân tích được nội dung, các hoạt động tại bộ phận tham gia thực tế. - Về kỹ năng + Sử dụng các kỹ năng tin học, công nghệ thông tin để hoàn thành báo cáo thực tập nghề. + Thực hiện được các kỹ năng: kỹ năng nghe và quan sát, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày và nói chuyện trước công chúng, kỹ năng làm việc nhóm … + Sử dụng các thông tin thu thập được trong quá trình thực tập để đưa vào báo cáo thực tập nghề. + Vận dụng các kiến thức đã học tham gia vào các hoạt động tại bộ phận tham gia thực tế được phân công + Chú ý lắng nghe, chủ động tìm kiếm các kiến thức liên quan và dữ liệu cần thiết cho học phần - Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm + Tích cực tham gia hoạt động tại buổi học nếu có + Có thái độ yêu thích lĩnh vực Marketing thông qua việc tích cực trau dồi kiến thức, rèn luyện kỹ năng để đáp ứng yêu cầu thực tế. + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.	04	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 50% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Báo cáo): 50%
14	Quản trị kinh doanh	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị kinh doanh, giúp sinh viên hiểu được các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn và có một tầm nhìn rộng về quản trị. - Về kỹ năng: Thực hiện sử dụng hệ thống kiến thức của môn học để phân tích, đánh giá linh hoạt trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. + Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận			

4. Khóa ĐH13MK

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác - Lênin	- Về kiến thức: + Trình bày và giải thích được những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin + Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin - Về kỹ năng: Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và cuộc sống. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có năng lực nhận thức vấn đề theo thế giới quan duy vật, phương pháp luận biện chứng và nhân sinh quan cách mạng, góp phần hình thành nhân cách người học theo chuyên ngành được đào tạo. + Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	-Về kiến thức: trình bày và phân tích được lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lê nin về Kinh tế chính trị trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay -Về kỹ năng: Vận dụng được những lý luận cơ bản vào thực tiễn học tập và công tác. -Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội của người lao động trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay.	02	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể			
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	- Về kiến thức: Trình bày và phân tích được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. - Về kỹ năng: Vận dụng các tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích và đánh giá một số vấn đề chính trị xã hội liên quan tới chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có năng lực hình thành tư duy phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất các quan hệ chính trị - xã hội, góp phần hình thành niềm tin, lý tưởng cách mạng và xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường + Có năng lực tự học, tích lũy kiến thức và kỹ năng; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể	02	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
4	Tiếng anh 1	Về kiến thức: + Ngữ âm: Sinh viên có thể phát âm được rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và thường cần thương lượng để người tham gia hội thoại có thể hiểu. + Ngữ pháp: Có vốn kiến thức cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như thông tin cá nhân, thói quen, nhu cầu, sở thích, hỏi đáp về những thông tin đơn giản. Đồng thời sử dụng các cấu trúc cơ bản trong đó có các cụm từ cố định, các cách diễn đạt theo công thức. + Từ vựng: Có vốn từ đủ để tiến hành những giao tiếp đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc. - Về kĩ năng: * Kỹ năng đọc: Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày.	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao. * Kỹ năng nghe: Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi. Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi. Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản. * Kỹ năng nói: Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết. Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày. Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi. Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luận một tài liệu với cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản. Miêu tả người, sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân. Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản. * Kỹ năng viết: Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn.... Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học.			

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Xây dựng và phát huy tinh thần tự chủ trong học tập thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng. Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn. Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử. Phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà. Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng các hoạt động trên lớp. Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên. Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.			
5	Tiếng anh 2	Về kiến thức:Sau khi học xong môn học sinh viên có kiến thức cơ bản về các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc. Về kỹ năng: * Kỹ năng đọc: + Hiểu được những đoạn văn ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc được diễn đạt bằng ngôn ngữ hàng ngày. + Hiểu được các bài đọc ngắn đơn giản gồm những từ vựng được sử dụng với tần suất cao. * Kỹ năng nghe: + Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày khi chúng được nói một cách rõ ràng chậm rãi. + Hiểu được chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng chậm rãi. + Hiểu được nội dung chính trong các thông báo hay chỉ dẫn đơn giản. * Kỹ năng nói: + Giao tiếp được trong những tình huống cố định và hiểu được những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.	03	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong tình huống giao tiếp hàng ngày. + Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu cảm ơn, xin lỗi. + Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như bàn về một chủ đề quen thuộc, hay thảo luân một tài liệu với những cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản. + Miêu tả người sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm, thông tin và sở thích cá nhân. + Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lý do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản. * Kỹ năng viết: + Viết các tin nhắn đơn giản, một bức thư ngắn.... + Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng từ nối + Viết về những chủ đề quen thuộc, gần gũi như tả người, nơi chốn. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. Xây dựng và phát huy tinh thần tự chủ trong học tập thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng.Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu,làm việc nhóm/cặp và nộp bài đúng hạn.			
6	Pháp luật đại cương	- Về kiến thức: + Trình bày, phân tích được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật nói chung; + Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. - Về kỹ năng: + So sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; những nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; + So sánh một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác	02	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhau; + Vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. NL2: Có khả năng xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.			
7	Tin học đại cương	- Về kiến thức: Trình bày các kiến thức cơ bản về thông tin, công cụ xử lý thông tin, áp dụng được các phần mềm thông dụng ứng dụng hỗ trợ trong công tác văn phòng, và khai thác Internet. - Về kỹ năng: Vận dụng được các kỹ năng có thể sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm văn phòng thông dụng để có thể: Soạn thảo tài liệu; Quản lý dữ liệu qua các bảng tính; Trình chiếu; Khai thác Internet để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử; Tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết vấn đề thông dụng. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng được những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo, có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại.	02	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
8	Kinh tế vĩ mô	- Về kiến thức: Hiểu các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hiểu và phân tích được các khái niệm,	03	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế...phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. + Kỹ năng tư duy: Có khả năng tư duy để góp phần dự đoán và có định hướng phát triển cho nền kinh tế vĩ mô. -Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. + Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô. + Nhận thức được tầm quan trọng của việc nhận xét, đánh giá nền kinh tế vĩ mô. Nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.			
9	Kinh tế vi mô	- Về kiến thức: Hiểu được những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trình bày và hiểu được những nguyên lý chung về kinh tế học; có khả năng áp dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp. + Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác	03	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		với người khác. + Kỹ năng tư duy: Có thể đưa ra các vấn đề mới về công tác quản trị. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Rèn luyện phương pháp làm việc khoa học, thu thập thông tin đầy đủ, phân tích, đánh giá trước khi ra quyết định. + Rèn luyện tính cách thận trọng, phán đoán logic + Rèn luyện tính chủ động, linh hoạt trong xử lý tình huống phát sinh + Yêu thích môn học, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vi mô phục vụ cho hoạt động kinh doanh. + Hiểu được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế.			
10	Toán kinh tế	- Về lý thuyết: Sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản về đại số, giải tích, ứng dụng và ý nghĩa của chúng trong phân tích kinh tế. Sinh viên vận dụng được những kiến thức đó vào việc học tập các môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo. - Về thực hành: Sinh viên thành thạo trong việc giải các bài toán ứng dụng trong kinh tế.: mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế, ứng dụng đạo hàm trong phân tích kinh tế, ứng dụng hàm số nhiều biến số. Hơn nữa, từ các vấn đề thực tiễn trong kinh tế, sinh viên có thể thiết lập mô hình và sử dụng các kiến thức toán học được trang bị để phân tích và giải quyết các vấn đề đó. - Về kỹ năng: Sinh viên được rèn luyện khả năng tư duy, kỹ năng tính toán và nâng cao khả năng ứng dụng các kiến thức toán học vào phân tích, nghiên cứu các vấn đề trong kinh tế.	02	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
11	Kinh tế số	Học phần Kinh tế số cung cấp cho sinh viên những đặc trưng cơ bản của kinh tế số và các vấn đề liên quan đến nó, các ứng dụng của kinh tế thông tin trong các lĩnh vực số khác nhau, các	02	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận):

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thành phần cốt lõi của kinh tê sô là kinh tê dôi mới, quyên sở hữu trí tuệ và công nghệ chuỗi khối. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu các đặc trưng nền tảng kinh tế và thị trường song song phát sinh trong lĩnh vực số, nghiên cứu cơ bản về bán hàng trực tuyến và thương mại điện tử, quyền sở hữu trí tuệ trong kinh tế đổi mới và công nghệ mới chuỗi khối.			60%
12	Quản trị học	- Về kiến thức: Người học hiểu được các vấn đề căn bản về quản trị như: Các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin trong quản trị, bốn chức năng cơ bản của quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. -Về kỹ năng: Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quá trình thực hiện các công việc hoạch định, tổ chức, lãnh đạo kiểm tra hoạt động quản trị tổ chức. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực marketing; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.	03	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 60%
13	Tài chính tiền tệ	- Về kiến thức: Người học hiểu những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như:Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài	02	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% - Thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chính, nguồn tài chính và hệ thống tài chính; Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước, vấn đề thu - chi và cân đối Ngân sách Nhà nước; hiểu được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sinh viên hiểu được những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản về tài chính; hiểu được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như vốn kinh doanh, nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và phân phối lợi nhuận cũng như những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế. + Kỹ năng nghề nghiệp: Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ, sự tác động của thị trường tài chính đến nền kinh tế và tài chính doanh nghiệp. Từ đó tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp và cho nền kinh tế. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với học phần, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng			(Hình thức thi: Tự luận): 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cao kiến thức chuyên môn. + Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.			
14	Tham quan nhận thức 1	Tham quan nhận thức 1 là một môn học thuộc khối kiến thức ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo sinh viên chuyên ngành Marketing. Học phần này giúp cho sinh viên chuyên ngành Marketing đang theo học tại trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội bước đầu tiếp cận với doanh nghiệp, các hoạt động tác nghiệp tại doanh nghiệp. Đồng thời, được giao lưu với doanh nghiệp, các. Từ đó, sinh viên hiểu rõ về hoạt động Marketing tại doanh nghiệp cũng như chuyên ngành Marketing đang theo học tại trường; giúp tạo động lực đam mê và yêu nghề; định hướng được nghề nghiệp tương lai.	01	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 50% - Thi kết thúc học phần (Hình thức thi: Tự luận): 50%

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_QTKD

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2023-2024
Ngành Quản trị kinh doanh

1. Khóa ĐH10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Kinh doanh bất động sản	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Trình bày được kiến thức sâu rộng của ngành học. Tóm tắt, phân tích được quan hệ cung cầu bất động sản và hiểu được cơ chế hình thành giỏ cả bất động sản. - Về kỹ năng: Có các kỹ năng thực tiến về nghề nghiệp và có thể phát triển được. kỹ năng phối hợp giải quyết công việc với người khác. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
2	Kiến trúc đô thị và cảnh quan	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Người học có thể hiểu được các vấn đề căn bản về thị trường bất động sản như: Khung pháp lý về thị trường bất động sản, định giá bất động sản, phương pháp đinh giá bất	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động sản. - Về kỹ năng: Hiểu được những vấn đề cơ bản về thị trường bất động sản, các khung pháp lý về thị trường bất động sản. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tes tại các doanh nghiệp, tổ chức. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.			Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
3	Quản lý khu đô thị	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề căn bản về quản lý các khu đô thị mới: Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị, cơ sở khoa học trong công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch khu đô thị mới và thực trạng phát triển các khu đô thị mới ở Việt Nam. - Về kỹ năng: Hiểu được những vấn đề cơ bản về quy hoạch phát triển đô thị mới, nắm được cơ sở pháp lý xây dựng theo quy hoạch, các văn bản, quy chuẩn, tiêu chuẩn về quản lý xây dựng quy hoạch khu đô thị mới. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.			
4	Quản trị chuỗi cung ứng	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp, và các kỹ thuật, công nghệ thiết kế và xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng… Ngoài ra còn cung cấp các kiến thức tổ chức quản lý chuỗi cung ứng nhằm đảm bảo hiệu quả trong kinh doanh cũng như trong hoạt động quản lý của doanh nghiệp. - Về kỹ năng: Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị chuỗi cung ứng. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
5	Quản trị chất lượng	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức:Người học hiểu được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị chất lượng và vận dụng vào trong thực tiễn công việc. - Về kỹ năng: Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể nắm được những kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng, từ	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Người học có thể rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác trong công việc. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.			phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
6	Quản trị văn phòng	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức:Người học hiểu được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị văn phòng và các nghiệp vụ cơ bản trong công tác văn phòng. - Về kỹ năng: Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể nắm được những kiến thức cơ bản về quản trị văn phòng, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động văn phòng của các doanh nghiệp. Người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch,	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.			
7	Quản trị rủi ro	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các loại rủi ro trong môi trường kinh doanh, nhận dạng các rủi ro có thể xảy ra với một tổ chức, sử dụng các phương pháp đo lường rủi ro trên cơ sở đó đánh giá mức độ tác động của rủi ro đến hoạt động của tổ chức, xây dựng chương trình kiểm soát rủi ro sau khi đã nhận dạng được và những kế hoạch tài trợ cho những rủi ro khi tổn thất xảy ra. - Về kỹ năng: Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị rủi ro. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
8	Thị trường bất động sản	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Người học có thể hiểu được các vấn đề căn bản về thị trường bất động sản như: Khung pháp lý về thị trường bất động sản, định giá bất động sản, phương pháp đinh giá bất động sản. - Về kỹ năng: Hiểu được những vấn đề cơ bản về thị trường bất động sản, các khung pháp lý về thị trường bất động sản. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tes tại các	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		doanh nghiệp, tổ chức. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.			
9	Thực hành nghề nghiệp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Quan sát mô hình cơ cấu tổ chức và các hoạt động quản trị của doanh nghiệp được kiến tập. - Về kỹ năng: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học về hoạt động quản trị và các hoạt động nghiệp vụ (nếu có) tại các doanh nghiệp được kiến tập. Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình kiến tập : Trọng số 50% Điểm đánh giá báo cáo kiến tập: Trọng số 50%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Đăng ký thống kê đất và bất động sản	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất. Hiểu các quy định chung về đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, điều kiện, trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các đối tượng; thống kê, kiểm kê đất đai. - Về kỹ năng: Vận dụng các nghiệp vụ chuyên môn đã học để thực hành được nhiệm vụ trong đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký biến động về sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; thống kê các chỉ tiêu đất đai, bất động sản. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan về đăng ký đất đai, nhà ở, tài sản; trình tự thủ tục đăng ký đất đai và lập, chỉnh lý hồ sơ địa chính; + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về đăng ký đất đai.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
11	Quản trị công nghệ	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề căn bản về quản trị công nghệ như: Một số khái niệm cơ bản về công nghệ, quản trị công nghệ, các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường công nghệ, quá trình đánh giá, lựa chọn, chuyển giao công nghệ, vai trò của nhà nước đối với hoạt động đổi mới công nghệ tại Việt Nam - Về kỹ năng: Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị công nghệ. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.			
12	Thực tập tốt nghiệp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: + Về kiến thức: Nắm được tình hình thực tế của công tác quản lý tại các đơn vị thực tập. Qua đó liên hệ với các học phần lý luận đã được học tại Nhà trường nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện các công tác quản lý này, củng cố thêm nhận thức và nâng cao kiến thức chuyên môn. + Về kỹ năng: Nắm vững công tác quản lý tại các đơn vị thực tập. Từ những nội dung cơ bản của đạo đức nghề nghiệp có thể giúp cho nhà quản lý đưa ra những quyết định kinh doanh đúng đắn. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải	6	Học kỳ II	- Điểm đánh giá của Cơ sở hướng dẫn thực tập: Trọng số 40% - Điểm đánh giá của Khoa: Trọng số 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiên các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.			
13	Khóa luận	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Hệ thống hoá và củng cố những kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên môn ngành Quản trị kinh doanh đã được trang bị, vận dụng vào thực tế để đưa ra được các quyết định quản trị phù hợp. - Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng, kiến thức nghề nghiệp, hình thành các phẩm chất trí tuệ, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế. Tạo cho sinh viên có cơ hội phát hiện những kiến thức và kỹ năng còn thiếu để có kế hoạch bổ sung hoàn thiện. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.	6	Học kỳ II	Thực hiện theo Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN ngày 10/01/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Ban hành quy định bảo vệ Đồ án tốt nghiệp đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy.
14	Quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức:Người học hiểu được những kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản và các nghiệp vụ cơ bản trong lĩnh vực bất động sản. - Về kỹ năng: Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể nắm được những kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên	3	Học kỳ II	- Hình thức đánh giá: Bài tập lớn. Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. - Hình thức thi: Bài tập lớn. Trọng số 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.			
15	Đầu tư và tài chính bất động sản	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: người học hiểu được những kiến thức về đầu tư và tài chính bất động sản, các phương pháp trong bất động sản, nguyên tắc và phương pháp định giá bất động sản. - Về kỹ năng: Hiểu được những vấn đề cơ bản về đầu tư, tài chính bất động sản, thẩm định tài chính bất động sản. Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.	3	Học kỳ II	- Hình thức đánh giá: Bài tập lớn. Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. - Hình thức thi: Bài tập lớn. Trọng số 60%

2. Khóa ĐH11

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	Hiểu và áp dụng kiến thức cơ bản đặc trưng pháp lí, các quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế, nghiên cứu và dự thảo mẫu một số loại hợp đồng kinh tế trong kinh doanh như hợp đồng mua bán hàng hoá, hợp đồng kinh tế dịch vụ, hợp đồng vận chuyển hàng hóa, hợp đồng kinh tế trong liên kết kinh tế, hợp đồng hợp tác và liên doanh với nước ngoài... nhằm giải quyết các vấn đề về hợp đồng kinh tế trong kinh doanh Có kỹ năng ứng dụng trong việc dự thảo các mẫu hợp đồng kinh tế trong kinh doanh Thể hiện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và kỹ năng phát triển nghề nghiệp Có kỹ năng phân tích các vấn đề trong việc dự thảo các loại hợp đồng kinh tế trong liên kết kinh tế, hợp đồng hợp tác và liên doanh với nước ngoài. Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao các vấn đề xây dựng các hợp đồng kinh tế trong kinh doanh Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
2	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	Trình bày được những vấn đề căn bản của kỹ năng phát triển bản thân, kỹ năng quản lý bản thân, xây dựng quan hệ với con người và các kỹ năng chuyên biệt cho lĩnh vực quản trị kinh doanh Áp dụng được những kỹ năng phát triển nghề nghiệp	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong quá trình làm việc Vận dụng kiến thức về kỹ năng phát triển bản thân, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng đàm phán trong hoạt động doanh nghiệp Đánh giá các kỹ năng phát triển bản thân trong quá trình làm việc. Thảo luận và làm bài tập nhóm trong giải quyết bài tập phát triển bản thân..			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
3	Phân tích hoạt động kinh doanh	Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản về đạo đức kinh doanh như các chuẩn mực, triết lý đạo đức kinh doanh, các khía cạnh thể hiện đạo đức kinh doanh và vấn đề xây dựng đạo đức kinh doanh vào trong môi trường doanh nghiệp. Phân tích được những kiến thức cơ bản về văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và một số khía cạnh văn hóa trong doanh nghiệp Thực hiện phân tích các vấn đề về văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp và triển khai xây dựng văn hóa doanh nghiệp Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và kỹ năng phát triển nghề nghiệp khác Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Thực tập nghề nghiệp 3	Trình bày các kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị Mô tả được chức năng và nhiệm vụ của phòng ban thực tập Phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp thông qua một số các chỉ tiêu cơ bản Vận dụng được các kiến thức đã học về quản trị kinh doanh vào thực tế hoạt động tại đơn vị thực tập Thực hiện được các hoạt động nghiệp vụ được giao tại đơn vị thực tập Phân tích, xử lý thông tin và viết báo cáo các khía cạnh chuyên môn thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh Phát triển năng lực học hỏi, thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc Tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình rong công việc và chủ động giải quyết vấn đề	5	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
5	Tiếng Anh chuyên ngành	Sinh viên có đầy đủ vốn từ vựng và ngữ pháp để sử dụng tham gia vào các đoạn hội thoại trong những tình huống cụ thể trong doanh nghiệp Sinh viên có thể đọc hiểu các văn bản ngắn có nội dung liên quan đến lĩnh vực kinh tế và doanh nghiệp qua đó có thể vận dụng được kiến thức đã học trong môi trường doanh nghiệp sau này Sinh viên có kỹ năng giao tiếp cơ bản đối với các tình huống cụ thể trong doanh nghiệp như trao đổi về công việc, sử dụng email cũng như các loại văn bản khác bằng tiếng anh	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhằm phục vụ cho việc giao tiếp trong các tình huống cụ thể như trả lời email phỏng vấn, phản hồi về công việc, viết thư mời Sinh viên biết cách sử dụng tiếng anh trong giao tiếp, đảm bảo vận dụng thành thạo tiếng anh trong công việc, đạt được yêu cầu về chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ + Tập trung lắng nghe trên lớp, nghiêm túc trong quá trình làm việc cá nhân cũng như làm việc nhóm Có năng lực đọc, hiểu và nghiên cứu và tự nâng cao trình độ đối với các tài liệu chuyên ngành bằng Tiếng Anh			
6	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản về đạo đức kinh doanh như các chuẩn mực, triết lý đạo đức kinh doanh, các khía cạnh thể hiện đạo đức kinh doanh và vấn đề xây dựng đạo đức kinh doanh vào trong môi trường doanh nghiệp. Phân tích đoợc những kiến thức cơ bản về văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và một số khía cạnh văn hóa trong doanh nghiệp Thực hiện phân tích các vấn đề về văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp và triển khai xây dựng văn hóa doanh nghiệp Thể hiện đoợc kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và kỹ năng phát triển nghề nghiệp khác Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.			
7	Khởi sự kinh doanh	Trình bày được những vấn đề cơ bản của kinh doanh, phương thức, quy trình, chiến lược khởi sự kinh doanh. Vận dụng kiến thức về khởi sự kinh doanh để lập kế hoạch kinh doanh; tạo lập doanh nghiệp. Vận dụng nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống. Liên hệ với thực tế khởi tạo, thành lập doanh nghiệp. Phân tích, đánh giá ý tưởng khởi sự kinh doanh. Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.	2	Học kỳ 1	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
8	Quản trị Marketing	Hiểu và áp dụng kiến thức về bản chất của marketing và quản trị marketing để giải quyết các vấn đề trong quản trị doanh nghiệp Áp dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quản trị marketing để khai thác, sử dụng tối ọu các nguồn lực cũng như giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh + Áp dụng kiến thức cốt lõi liên quan đến quản trị marketing nhằm ứng dụng trong giải quyết các công việc chuyên môn ngành Quản trị kinh doanh Có kỹ năng phân tích, hoạch định, triển khai và đánh giá chiến lược kinh doanh và hoạt động quản trị marketing trong	2	Học kỳ 1	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các doanh nghiệp chung và các doanh nghiệp bất động sản Có kỹ năng dẫn dắt, khởi sự kinh doanh, tạo việc làm cho mình và cho ngoịời khác Có thể lập kế hoạch, tổ chức thực hiện các boịớc, đánh giá một kế hoạch marketing Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đoịợc giao. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trương làm việc khác nhau.			
9	Quản trị chiến lược	Hiểu được cái vấn đề cơ bản liên quan đến quản trị chiến lược, vai trò của quản trị chiến lược; viễn cảnh của doanh nghiệp; khái niệm và bản chất của lợi thế cạnh tranh. Phân biệt chiến lược tăng Trưởng và chiến lược suy giảm. Nhận định được chiến lược cấp đơn vị kinh doanh và các chiến lược chức năng; tóm tắt được toàn cầu hóa và những vấn đề cần quan tâm trong quản trị chiến lược Áp dung những kiến thức trong việc phân tích được môi trường kinh doanh bên ngoài và môi trường nội bộ doanh nghiệp để hoạch đinh chiến lược; các yếu tố cấu thành bản tuyên bố sứ mạng của doanh nghiệp; chiến lược đổi mới. Hệ thống hóa việc lựa chọn và thực hiện chiến lược; bản chất của việc đánh giá chiến lược và quy trình kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược kinh doanh Tổng hợp hệ thống thông tin phục vụ cho phân tích và dự	3	Học kỳ 1	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		báo môi trọờng kinh doanh, tạo dựng và duy trì lợi thê cạnh tranh Ứng dụng trong việc lựa chọn chiến lược kinh doanh và các phương thức thâm nhập thị trường. Thiết lập các liên minh chiến lược toàn cầu Thực hiện phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp; phân tích được các mục tiêu chiến lược và có các quyết định hoạch định chiến lược phù hợp; lựa chọn mục tiêu chiến lược phù hợp với doanh nghiệp qua đó có thể lựa chọn, đánh giá và điều chỉnh chiến lược phù hợp. Nâng cao năng lực về chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực quản trị chiến lược Năng lực phân tích, tổng hợp, tự thích nghi với sự thay đổi của môi trường Năng lực xây dựng kế hoạch, định hướng trong tương lai			
10	Quản trị nguồn nhân lực	Khái quát được khái niệm cơ bản về quản trị nhân lực bao gồm các công việc: Phân tích công việc, hoạch định nguồn nhân lực, lập kế hoạch hóa nguồn nhân lực, quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực, các phương pháp đánh giá nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, các hình thức trả lương và hợp đồng với người lao động Phân tích được thực trạng nhân lực tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực, các phương pháp	3	Học kỳ 1	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đánh giá nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, các hình thức trả lương Tổng hợp các phoịơng pháp tạo động lực lao động, kiểm soát nhân lực tối ưu Thành thạo trong việc thực hành các bài tập tính toán về quản trị nhân lực, tính toán và trả lương cho người lao động Sử dụng các kiến thức vào hoạt động quản trị nhân lực thực tiễn, nhằm thúc góp phần thúc đẩy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tăng doanh thu, đạt được lợi nhuận cao hơn Tập trung lắng nghe trên lớp, tu doịỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản Đề xuất công tác quản trị nhân lực vào công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn			
11	Quản trị tác nghiệp	Khái quát được khái niệm cơ bản về quản trị tác nghiệp và các quyết định trong quản trị sản xuất/tác nghiệp; dự báo được nhu cầu sản phẩm, các phương pháp dự báo định tính và phương pháp dự báo định lượng; thiết kế sản phẩm dịch vụ, phát triển và các kỹ thuật trong thiết kế sản phẩm, lựa chọn quá trình sản xuất và hoạch định được công suất. Phân tích được các phương pháp quản trị hàng dự trữ; Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; các yêu cầu ứng dụng MRP và các bước hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; các phương pháp xác định lô hàng Quản trị dự án sản xuất	3	Học kỳ 1	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Tông hợp các phoıơng pháp quản trị dịch vụ, những vân đề chung về quản trị dịch vụ, ứng dụng lý thuyết xếp hàng trong quản trị dịch vụ và quá trình cung ứng dịch vụ. Thành thạo trong việc thực hành các bài tập tính toán về quản trị tác nghiệp như dự báo, lựa chọn sản phẩm, thiết kế các phương pháp bố trí mặt bằng sản xuất, các phương pháp quản trị hàng dự trữ. Sử dụng các kiến thức vào hoạt động quản trị kinh doanh thực tiễn, nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tăng doanh thu, đạt đoıợc lợi nhuận cao hơn. Tập trung lắng nghe trên lớp, tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản Đề xuất công tác quản trị tác nghiệp vào công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			
12	Thực tập nghề nghiệp 2	Tổng hợp được kiên thức lý thuyết chuyên ngành vào trong thực tế. Đánh giá được các hiện tượng, tình huống quản trị Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tương tác với động nghiệp, tìm kiểm thông tin và giải quyết vấn đề để đạt được các mục tiêu đã đặt ra Phát triển các kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng phân tích, tổ chức thực hiện, kiểm soát các hoạt động quản trị trong điều kiện thực tế	5	Học kỳ 1	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thể hiện được khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau Tuân thủ theo các hướng dẫn, nguyên tắc của giảng viên, các chuyên gia; Có ý thức chấp hành các quy định, nội quy tại các cơ sở kinh doanh, sản xuất			

2. Khóa ĐH12

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Kinh tế số	*Học phần cung cấp cho người học:* - Kiến thức cơ bản về thị trường số và thương mại điện tử. Vận dụng kiến thức về kinh tế số để phân tích mô hình kinh doanh số và mô hình hóa thị trường số. - Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phân tích tình huống, giải quyết những phát sinh trong việc ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực thanh toán - Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập và công tác sau khi tốt nghiệp.	2	Học kỳ I	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
2	Marketing căn bản	*Học phần cung cấp cho người học:* - Những kiến thức cơ bản về marketing, vai trò, chức năng, phân loại marketing; Xác định thị trường mục tiêu và phân khúc thị trường; Phân tích được hành vi của khách hàng; Các công cụ hoạch định chiến lược marketing. - Có kỹ năng thuyết trình, thảo luận, và hợp tác giữa các thành viên với nhau.	2	Học kỳ I	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học***

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có kỹ năng vận dụng các kiên thức được cung cấp trong học phần để đưa ra các biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận. - Tích cực, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học.			***phần:*** Trọng sô 60%, hình thức thi: Tự luận
3	Nguyên lý kế toán	*Học phần cung cấp cho người học:* - Những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguyên tắc, đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán - Những kiến thức cơ bản về kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu theo chế độ kế toán hiện hành - Những kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán - Có kỹ năng về tính giá các đối tượng kế toán, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi sổ kế toán - Có kỹ năng giao tiếp - Có năng lực tổ chức làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập - Có khả năng học tập, tích lũy kiến thức, tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành	3	Học kỳ I	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
4	Tham quan nhận thức 2	*Học phần cung cấp cho người học:* - Những kiến thức về các loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp sản xuất	1	Học kỳ I	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 50% - Bao gồm 02 đầu

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Những kiến thức thực tê về đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất thực tế. - Những kiến thức thực tế về tổ chức bộ máy quản lý hoạt động kinh doanh, tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp sản xuất cụ thể. - Có kỹ năng quan sát - Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức - Có ý thức chấp hành các quy định, nội quy trong doanh nghiệp và pháp luật			điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 50%, hình thức thi: Nộp báo cáo tham quan nhận thức
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần nhằm cung cấp cho người học : - Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và quá trình phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh; Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong những chặng đường của cách mạng dân tộc. - Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy lý luận, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để phân tích, đánh giá và giải quyết một số vấn đề trong đời sống, học tập và nghề nghiệp. - Bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.	2	Học kỳ I	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
6	Định giá tài sản	*Học phần cung cấp cho người học:* - Những vấn đề cơ bản về định giá như: Khái niệm, đối tượng,	2	Học kỳ I	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mục đích, nguyên tắc định giá. - Những vấn đề cơ bản về các phương pháp định giá: Mục đích và một số thuật ngữ được sử dụng, khái niệm, nguyên tắc và điều kiện áp dụng, nội dung của các phương pháp định giá bao gồm phương pháp so sánh, chi phí, thu nhập, thặng dư, tài sản. - Những vấn đề cơ bản về tổ chức công tác định giá: Các bước của quy trình định giá; khái niệm và thành phần của hồ sơ định giá. - Những vấn đề cơ bản về pháp luật trong hoạt động định giá: Các tiêu chuẩn thẩm định giá của Việt Nam và Quốc tế; những quy định pháp lý về tài sản, yêu cầu về định giá viên và doanh nghiệp định giá; pháp luật hợp đồng định giá. - Có khả năng phân tích đối tượng định giá, ưu nhược điểm của từng phương pháp định giá để từ đó lựa chọn được phương pháp định giá phù hợp với từng loại tài sản cần định giá. - Có kỹ năng vận dụng các phương pháp định giá để ước lượng giá trị của các tài sản (như bất động sản, máy, thiết bị, doanh nghiệp) trong thực tiễn; lập bộ hồ sơ định giá và hoàn thiện nội dung hợp đồng định giá. - Có kỹ năng đánh giá về giá trị tài sản để đưa ra những quyết định tài chính, quyết định đầu tư phù hợp để nâng cao giá trị doanh nghiệp và mang lại hiệu quả kinh tế cao. - Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong			- Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các tiết học thảo luận và bài tập. - Có niềm tin, thái độ đúng đắn với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất cá nhân cơ bản.			
7	Tiếng Anh 3	*Học phần cung cấp cho người học:* - Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. - Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. - Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được	2	Học kỳ I	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
8	Toán kinh tế	*Học phần cung cấp cho người học:* - Khối kiến thức Toán cơ bản về đại số tuyến tính, giải tích toán học. - Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản giải được các bài toán ứng dụng trong kinh tế. - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	Học kỳ I	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
9	Kinh doanh quốc tế	*Học phần cung cấp cho người học:* - Hiểu và nắm được bản chất, xu thế phát triển và các nguyên	2	Học kỳ II	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhân tăng trưởng của kinh doanh quôc tê,các nhân tô câu thành nên môi trường kinh doanh quốc gia và quốc tế; tác động của các nhân tố này tới hoạt động kinh doanh của các công ty; quá trình hoạch định và thực hiện các chiến lược kinh danh quốc tế của các công ty. - Vận dụng các kiến thức cơ bản của kinh doanh quốc tế để hiểu và có những đánh giá về những thay đổi của môi trường kinh doanh quốc tế và tác động của chúng đến hoạt động kinh doanh quốc tế của các công ty. - Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để tự chủ công việc được giao trong lĩnh việc Kinh doanh quốc tế. Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.Ý thức được tầm quan trọng của kinh doanh quốc tế trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			- Bao gôm 02 đâu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
10	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	*Học phần cung cấp cho người học:* - Những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi thành lập đến nay. - Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy khoa học về lịch sử và khả năng vận dụng vào thực tiễn; đấu tranh, phê phán luận điệu sai trái về lịch sử của Đảng. - Lập trường tư tưởng vững vàng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng, tích cực học tập để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	2	Học kỳ II	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11	Pháp luật đại cương	*Học phần cung cấp cho người học:* - Những kiến thức về: nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; trách nhiệm pháp lý; nội dung cơ bản của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật phòng chống tham nhũng. - Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; Kỹ năng so sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung và nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; Kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế - Năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. Xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.	2	Học kỳ II	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
12	Quản trị doanh nghiệp	*Học phần cung cấp cho người học:* - Trình bày được các vấn đề căn bản về quản trị doanh nghiệp: các giai đoạn phát triển của khoa học quản trị doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp, nhà quản trị trong doanh nghiệp, lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức và quyền hạn, cơ chế quản trị doanh nghiệp, phân quyền trong cơ cấu tổ chức, hành vi trong doanh nghiệp, nguyên tắc quản trị nhóm, Vận dụng kiến thức cơ bản trong hoạt động điều hành doanh	3	Học kỳ II	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%,

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiệp. Vận dụng các kiên thức cơ bản đê phân tích các tô chất và tiêu chuẩn của giám đốc doanh nghiệp, phân quyền trong quản trị doanh nghiệp - Giải thích rõ được các nội dung về cách tiếp cận quản trị doanh nghiệp. Nắm vững và kết hợp việc áp dụng lý thuyết vào tổ chức bộ máy quản trị doanh nghiệp. Hiểu rõ được tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp trong quản trị doanh nghiệp. Phân tích được sự ảnh hưởng của các yếu tố đến quản trị nhân sự và đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp. Vận dụng các kiến thức để đánh giá nhân sự, sử dụng phương pháp để đưa ra quyết định, tính chi phí và kết quả kinh doanh cho các thương vụ			hình thức thi: Tự luận
13	Quản trị dự án đầu tư	*Học phần cung cấp cho người học:* - Trình bày được những kiến thức cơ bản về dự án đầu tư như: Tổng quan về dự án đầu tư; quá trình lập một dự án đầu tư; thẩm định một dự án đầu tư; quản lý dự án đầu tư (nội dung, phương pháp, quản lý thời gian, tiến độ, phân phối nguồn lực, quản lý chất lượng và rủi ro của dự án..). - Khái quát hóa vấn đề và xác định được mục tiêu cốt lõi cần giải quyết trong quá trình quản trị dự án. Vận dụng các lý thuyết về thiết kế, kế toán, dự toán, quản lý dự án… để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản trị dự án. - Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được	3	Học kỳ II	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình			
14	Quản trị tài chính	*Học phần cung cấp cho người học:* - Những vấn đề cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp như: Khái niệm và các quyết định tài chính doanh nghiệp; khái niệm, vai trò, nội dung quản trị tài chính. - Những vấn đề cơ bản về các công cụ được sử dụng trong quản trị tài chính: Giá trị thời gian của tiền, rủi ro và tỷ suất sinh lời; báo cáo tài chính và các hệ số tài chính cơ bản. - Những vấn đề cơ bản về quản trị tài sản ngắn hạn và dài hạn của doanh nghiệp: Tài sản lưu động và vốn lưu động; quản trị vốn lưu động; quản trị tài sản cố định, các phương pháp tính khấu hao; dự án đầu tư dài hạn và các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quản tài chính dự án. - Những vấn đề cơ bản về quản trị nguồn vốn của doanh nghiệp: Các nguồn vốn ngắn hạn và nguồn vốn dài hạn; huy động và phân bổ vốn và chi phí sử dụng vốn.	3	Học kỳ II	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Những vấn đề cơ bản về chính sách phân phối lợi nhuận trong doanh nghiệp: Khái niệm doanh thu, chi phí và cách xác định lợi nhuận; các hình thức phân chia cổ tức trong công ty cổ phần. - Có khả năng phân tích đặc điểm, ưu nhược điểm của các nguồn vốn; phân tích cơ cấu tài sản. - Có kỹ năng vận dụng các công cụ sử dụng trong quản trị tài chính để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản của doanh nghiệp. - Có kỹ năng đánh giá về rủi ro trong doanh nghiệp, cân đối các phương án tài chính để có chính sách phân phối lợi nhuận và đầu tư dài hạn trong tương lai. - Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập. - Có niềm tin, thái độ đúng đắn với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất cá nhân cơ bản.			
15	Thương mại điện tử	*Học phần cung cấp cho người học:* - Trình bày được những kiến thức cơ bản như: lợi ích và hạn chế của thương mại điện tử cũng như các lĩnh vực ứng dụng; Cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và các vấn đề an ninh, an toàn bảo mật trong thương mại Internet; Chiến lược thương mại điện tử. - Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn trong phát triển hoạt động thương mại điện tử áp dụng với các mô hình giao dịch điện tử B2B,	2	Học kỳ II	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		B2C, C2C, G2G, G2B, G2C. - Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.			
16	Thực tập nghề nghiệp 1	*Học phần cung cấp cho người học:* - Có kiến thức thực tế khi tiếp cận thực tiễn hoạt động quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp - Phát triển các kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp - Tự chủ và chịu trách nhiệm với môi trường làm việc và con đường phát triển nghề nghiệp của bản thân	4	Học kỳ II	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 50% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 50%, hình thức thi: Nộp báo cáo tham quan nhận thức
17	Tin học đại cương	*Học phần cung cấp cho người học:* - **Các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin** (khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin) - Cách giao tiếp với hệ điều hành Windows - Cách sử dụng các ứng dụng văn phòng: **MS Word, MS Excel, MS Powerpoint**	2	Học kỳ II	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

4. Khóa ĐH13

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Kinh tế vi mô	Tóm tắt và phân tích được các kiên thức tông quan vê kinh tế học, thị trường, cầu cung hàng hóa và giá cả. Giải thích được hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng; phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hoá và thị trường các yếu tố sản xuất. Phân biệt được các thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong các thị trường này. Phân tích được những thất bại vốn có của thị trường và vai trò Chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường. Sử dụng các kiến thức về thị trường để phân tích, nhận định tình hình giá cả biến động trong từng thị Sử dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp. Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Đề xuất, duy trì tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, kết hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận.	3	Học kỳ 1	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
2	Tiếng Anh 1	Nhận diện được từ loại như danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, giới từ, từ để hỏi, các từ chỉ tên các nước và quốc tịch, động từ chỉ hoạt động hàng ngày, ngày tháng năm, thập kỷ và thế kỷ	3	Học kỳ 1	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Giải thích được khái niệm trạng từ tần suất, danh từ đếm được và danh từ không đếm được. Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng. Nhận diện được các danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ và giới từ. Phân biệt được cách sử dụng của các thì và cấu trúc câu ở mức độ sơ cấp. Vận dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn và làm bài tập. Làm theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu. Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để hiểu nội dung của bài đọc. Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc trong bài đọc. Vận dụng các động từ, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài. Nắm vững các kỹ năng nghe để hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn. Phát triển nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết. Làm theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép. Sử dụng các từ vựng và cấu trúc để thành lập câu. Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu. Kết hợp các câu văn để thành lập đoạn văn ngắn theo chủ đề. Sử dụng các từ vựng và cấu trúc để thành lập hội thoại ngắn.			đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Năm vững cách sử dụng từ loại và câu trúc khi thành lập câu, đoạn. Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.			
3	Triết học Mác-Lênin	Giải thích được các vấn đề cơ bản của triết học và triết học Mác – Lênin bao gồm: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử. Phân tích được những nội dung cơ bản của của triết học và triết học Mác – Lênin bao gồm: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử. Vận dụng được những vấn đề lý luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử vào thực tiễn. Đánh giá về một số quan điểm hoặc tình huống cụ thể trong thực tiễn trên lập trường triết học Mác-Lênin. Hình thành kỹ năng tư duy khoa học, logic và biện chứng. Cải thiện kỹ năng thuyết trình, phản biện, làm việc nhóm và tự học. Tích cực và chủ động trong lĩnh hội, bảo vệ những giá trị khoa học và cách mạng của Triết học Mác-Lênin; củng cố niềm tin vào đường lối lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; phát huy tinh thần yêu nước.	3	Học kỳ 1	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
4	Tài chính tiền tệ	Hiểu được những vấn đề cơ bản về Tài chính Tiền tệ: Nguồn gốc, chức năng của tiền tệ, khái niệm, chức năng tài chính, cấu trúc hệ thống tài chính, ngân sách Nhà nước, tài chính	2	Học kỳ 1	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm,

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		doanh nghiệp, sự hình thành và câu trúc thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian và hệ thống Ngân hàng. Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ, từ đó đánh giá sự tác động của thị trường tài chính đối với nền kinh tế Vận dụng được những kiến thức đã học để tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho các chủ thể trong nền kinh tế, dự báo ảnh hưởng của sự biến động thị trường tài chính Thực hiện được tìm kiếm các văn bản, tài liệu, điều luật trong lĩnh vực tài chính tiền tệ vào giải quyết công việc hiệu quả, đúng pháp luật Kết hợp các kỹ năng lập luận, đánh giá các vấn đề cơ bản chung về tài chính tiền tệ, đề xuất các giải pháp tài chính phù hợp cho các chủ thể trong nền kinh tế Tự chủ, độc lập làm việc trong tổ chức Hành động có trách nhiệm với tổ chức và xã hội. Học tập lên trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.			hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Giải thích được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam. Lấy được một số ví dụ trong thực tiễn để minh họa cho những vấn đề lý luận của Chủ nghĩa xã hội khoa học. Phân tích được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam. Đánh giá được một số quan điểm hoặc tình huống cụ thể trong thực tiễn theo lý luận của Chủ nghĩa xã hội khoa học. Hình thành và phát triển kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, tự học, thuyết trình và phản biện. Hình thành và củng cố niềm tin vào Chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; phát huy tinh thần yêu nước và trách nhiệm đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.			phân: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
6	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Trình bày, giải thích những kiến thức cơ bản về sản xuất hàng hóa, về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Phân tích, đánh giá được bản chất các phạm trù, quy luật kinh tế cơ bản trong nền sản xuất hàng hóa, trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. Áp dụng kiến thức đã học để giải thích một số vấn đề kinh tế chính trị hiện nay. Hình thành kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy khoa học về kinh tế chính trị. Vận dụng kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác –Lênin trong giải quyết một số vấn đề kinh tế chính trị hiện nay.	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Tích cực và chủ động trong học tập và rèn luyện, đề xuất được ý kiến cá nhân trong giải quyết một số vấn đề kinh tế chính trị hiện nay. Lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước, xác định trách nhiệm của bản thân trong việc học tập và hoạt động thực tiễn.			
7	Kinh tế vĩ mô	Tóm tắt và phân tích được khái niệm kinh tế vĩ mô, giải thích được các nội dung cơ bản trong kinh tế vĩ mô, tổng cầu và tổng cung; phân tích các nội dung về hạch toán thu nhập quốc dân, tang trưởng kinh tế. Phân biệt được tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ. Phân tích được lạm phát và thất nghiệp, kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở. Sử dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau, và phân tích một số tình huống kinh tế thực tế đơn giản. Sử dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp. Hình thành, rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác. Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Đề xuất, duy trì tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, kết hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Quản trị học	Trình bày được những vấn đề căn bản của quản trị bao gồm khái niệm, vai trò của: bản chất, chức năng, nhà quản trị, học thuyết quản trị, các chức năng quản trị. Vận dụng kiến thức về thông tin quản trị để đánh giá, tổng hợp các phương pháp thu thập thông tin phổ biến trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Vận dụng nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống. Liên hệ với thực tế quản trị trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng từ môi trường đến hoạt động quản trị. Hình thành năng lực tự nghiên cứu, tổng hợp lý thuyết và đánh giá các chức năng của quản trị trong quá trình quản trị kinh doanh tại các tổ chức, doanh nghiệp. Hình thành năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong giải quyết các tình huống thực tế.	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận
9	Tiếng Anh 2	Liệt kê được các từ vựng liên quan đến hoạt động giải trí, lễ hội, nghề nghiệp, ngoại hình, ước mơ, tham vọng, đặc điểm địa lý. Phân biệt được các âm cơ bản trong tiếng Anh, các dạng câu hỏi, cụm từ chỉ thời gian, các từ vựng so sánh. Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng. Gọi tên được các danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ và giới từ.	3	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Giải thích được cách sử dụng của thì hiện tại đơn, hiện tai tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, động từ khuyết thiếu, câu hỏi có từ hỏi, các mẫu câu so sánh. Áp dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc ngữ pháp đã biết để hiểu nội dung của bài đọc. Nắm vững các kỹ năng đọc để hiểu rõ hơn nội dung bài đọc. Kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết. Vận dụng các từ vựng theo chủ đề, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài. Nắm vững các kỹ năng nghe để nghe hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn. Kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết. Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép. Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập câu. Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu. Kết hợp các câu văn để thành lập đoạn văn, bài văn theo chủ đề. Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nói về các chủ đề và giao tiếp hàng ngày. Sử dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập hội thoại ngắn. Nắm vững cách phát âm, nhấn trọng âm, cách sử dụng từ loại và cấu trúc khi thành lập câu, đoạn. Phát triển các câu ngắn thành 1 đoạn văn nói về chủ đề được			

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giao trong bài. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.			
10	Tham quan nhận thức 1	Trình bày được khái niệm, đặc điểm của doanh nghiệp thương mại, dịch vụ Mô tả được đặc điểm hoạt động kinh doanh, mô hình tổ chức của doanh nghiệp thương mại, dịch vụ Sử dụng kỹ năng quan sát bước đầu tìm hiểu thực tế, thu thập thông tin tại đơn vị tham quan. Quan sát, lắng nghe, lĩnh hội kiến thức được tiếp cận Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội, tuân theo quy định của pháp luật	1	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% - Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 - Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, hình thức thi: Tự luận

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_K

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2024-2025
Ngành Khí tượng và Khí hậu học

1. Khóa ĐH10 (2020-2024)

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Khí tượng Radar và vệ tinh	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: • ***Về kiến thức:*** Sinh viên phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến độ phản hồi vô tuyến, các sai số thường gặp từ các sản phẩm của radar; Phân tích được các đặc điểm, nhận biết được các loại mây và những hiện tượng thời tiết nguy hiểm. • ***Về kĩ năng:*** Sinh viên có khả năng phân tích một số sản phẩm của radar thời tiết; sử dụng được các ảnh mây thu được để phân tích và dự báo thời tiết. • ***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*** Sinh viên nghiêm túc, kỉ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập, làm bài tập; có thái độ yêu thích môn học cũng như ngành học.	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: Tự luận và thảo luận nhóm - Đánh giá kết thúc học phần: Vấn đáp
2	Phân tích và dự báo thời tiết	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: • ***Về kiến thức:*** Sinh viên phân tích được các nguyên tắc dự báo thời tiết; So sánh và phân tíchđượcảnh hưởng của một số hình thế thời tiết đặc trưng đến Việt Nam và Xây dựng được phương pháp cũng như quy trình dự báo. • ***Về kỹ năng:*** Sinh viên áp dụng những phương pháp dự báo đã học để dự báo cho những khu vực cụ thể. • ***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*** Sinh viên hình thành tính chủ động, nghiêm túc, kỉ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập và làm bài tập; Làm chủ được các phương pháp và công cụ ứng dụng trong phân tích và dự báo thời tiết;	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: Tự luận và thảo luận nhóm - Đánh giá kết thúc học phần: Vấn đáp

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Chủ động đưa ra ý kiến thảo luận, kết luận và dám chịu trách nhiệm về chất lượng bản tin.			
3	Kỹ năng nghề nghiệp trong khí tượng	**- *Kiến thức***: Sinh viên + Phân tích được các quy định của luật khí tượng thủy văn cũng như các thông tư và nghị định có liên quan. + Tính toán và phân tích được các đặc trưng thống kê của các chuỗi số liệu khí tượng dựa trên các nguồn số liệu và phần mềm thông dụng; + Phân tích được các hình thế thời tiết chi phối trên một khu vực cụ thể; Nhận định được xu thế diễn biến của hình thế và sự biến đổi của thời tiết trong thời đoạn ngắn; **- *Kỹ năng***: Sinh viên + Thực hiện thành thạo việc quan trắc, mã hóa và phát báo số liệu các yếu tố và hiện tượng khí tượng trong một kỳ quan trắc; + Có thể sử dụng các phần mềm ứng dụng để tính toán, mô phỏng các đặc trưng khí tượng một cách hiệu quả; + Biết lắp đặt, duy tu bảo dưỡng các thiết bị khí tượng tại 1 trạm khí tượng; + Có khả năng vận dụng các thông tin thu thập được để dự báo thời tiết và khí hậu - ***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*** Sinh viên hình thành thái độ nghiêm túc, tích cực học tập; Rèn luyện được tính cẩn thận; làm chủ được các máy móc, công cụ, phần mềm ứng dụng trong xử lý và hiển thị số liệu khí tượng; Rèn luyện được tính chủ động, độc lập và tự chịu trách nhiệm cũng như tính trung thực trong học tập, nghiên cứu và trong cuộc sống.	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: Tự luận và thực hành - Đánh giá kết thúc học phần: Vấn đáp
4	Truyền thông về khí tượng thủy văn	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: • ***Về kiến thức:*** Sinh viên xác định được ý nghĩa, tầm quan trọng, giá trị và vai trò của ngành Khí tượng Thủy văn trong cuộc sống, trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội bền vững, từ đó đề xuất được các phương pháp cũng như nội dung và đối tượng để truyền thông một cách hiệu quả nhất.	2	07/08 - 15/10/2023	- Đánh giá quá trình: Tự luận và thảo luận nhóm - Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		• ***Về kỹ năng:***Sinh viên áp dụng được những kiến thức đã học để thiết kế, tổ chức các buổi truyền thông, tuyên truyền và diễn thuyết về khí tượng thủy văn. • ***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*** Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu để nghiên cứu; làm chủ được phương pháp và cách thức truyền thông về KTTV, đặc biệt là các hiện tượng cực đoan và biến đổi khí hậu.			
5	Thực hành dự báo thời tiết	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: • ***Về kiến thức:*** Sinh viên phân tích được những kĩ thuật cơ bản trong khí tượng; Phân tích và xử lí các sản phẩm số trị, ảnh mây về tinh và radar, Phân tích và nhận dạng được những hình thế thời tiết chính ảnh hưởng đến Việt Nam. • ***Về kỹ năng:*** Sinh viên ápp dụng thành thạo quy trình và các phương pháp dự báo; Có khả năng dự báo chính xác trong những ngày có thời tiết đặc trưng. • ***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*** Sinh viên làm chủ được các công cụ, nguồn số liệu phục vụ bài toán dự báo thời tiết; chủ động đưa ra được bản tin dự báo cho một khu vực cụ thể và dám chịu trách nhiệm về chất lượng của bản tin.	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: Tự luận, thảo luận nhóm, thực hành - Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận và thực hành
6	Niên luận	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Xây dựng được một đề cương nghiên cứu về một vấn đề cụ thể để giải quyết được một bài toán tương đối trọn vẹn trên cơ sở những học phần đã học dưới sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn. - Về kỹ năng: Áp dụng được những kiến thức đã học cũng như những tài liệu tham khảo được để giải quyết một vấn đề thực tiễn nhất định. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên tự giác, tìm tòi và sáng tạo trong nghiên cứu khoa học; chủ động xây dựng được đề cương nghiên cứu và tiến hành nghiên cứu tổng quan	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: Tự luận và thảo luận nhóm - Đánh giá kết thúc học phần: Vấn đáp

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được vấn đề nghiên cứu.			
7	Thực hành dự báo số trị	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Sinh viên vận hành được mô hình dự báo thời tiết, khí hậu bằng phương pháp số trị phù hợp - Về kỹ năng: Sinh viên chạy thành thạo mô hình dự báo, xử lí và phân tích kết quả thu được từ sản phẩm của mô hình. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên hình thành tinh thần tính cần cù, tỉ mỉ, sáng tạo, chính xác, làm việc theo nhóm; Làm chủ được cách vận hành mô hình số trị.	4	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: Thực hành và thảo luận nhóm - Đánh giá kết thúc học phần: Thực hành
8	Thực tập tốt nghiệp quan trắc KTBM	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: • ***Về kiến thức:*** Sinh viên nắm vững những nguyên tắc, quy định của việc thực hiện kỳ quan trắc, việc trực ca quan trắc và nhiệm vụ của một quan trắc viên**.** • ***Về kỹ năng:***Sinh viên phải rèn luyện kĩ năng quan trắc, quy toán giản đồ, chỉnh lí số liệu, dịch các loại mã điện và lập các loại báo cáo báo biểu tại một trạm khí tượng hải văn có quan trắc đầy đủ các yếu tố khí tượng. • ***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*** Sinh viên nhận thức được vai trò của việc quan trắc, tính toán khí tượng trong thực tế; làm chủ được các mốc thời gian quan trắc và cách thức quan trắc khí tượng bề mặt; chủ động thiết lập sổ quan trắc và thu thập số liệu quan trắc.	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: Thực hành và thảo luận nhóm - Đánh giá kết thúc học phần: Báo cáo
9	Thực tập tốt nghiệp dự báo	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: • ***Về kiến thức:*** Sinh viên nắm vững những hệ thống và hình thế thời tiết ảnh hưởng đến Việt Nam và hệ quả thời tiết của chúng để dự báo thời tiết hạn ngắn. • ***Về kỹ năng:*** Sinh viên áp dụng được những kiến thức đã học để thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của một dự báo viên khí tượng.	4	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: Tự luận, thực hành và thảo luận nhóm - Đánh giá kết thúc học phần: Báo cáo

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		• ***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*** Sinh viên nhận thức được vai trò quan trọng của việc dự báo và phục vụ dự báo thời tiết; Chủ động phân tích các hệ thống thời tiết điển hình trên mỗi khu vực; Làm chủ phương pháp và đưa ra được bản tin dự báo cũng như dám chịu trách nhiệm về bản tin dự báo.			
10	Khóa luận tốt nghiệp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức:Trang bị cho sinh viên những kiến thức về Đồ án tốt nghiệp. Trên cơ sở kiến thức đã học, sinh viên học cách tư duy phân tíchtìm kiếm tài liệu, lựa chọn đề tài, đặt bài toán, xây dựng đề cương nghiên cứu, lập kế hoạch thực hiện, thực hiện, biên soạn đồ án và bảo vệ đồ án tốt nghiệp - Về kỹ năng:Sinh viên biết tìm kiếm tài liệu, tổng quan, phân tích lựa chọn đề tài phù hợp; biết cách đặt bài toán, xây dựng được đề cương chi tiết, lập kế hoạch thực hiện và thực hiện đề cương theo kế hoạch đặt ra. Biên soạn được báo cáo đồ án tốt nghiệp và biết cách bảo vệ thành công. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên hình thành thái độ làm việc nghiêm túc, tích cực, năng động, tự chủ trong học tập, nghiên cứu. Chủ động xây dựng đề cương của một vấn đề nghiên cứu, tìm và tổng quan tài liệu; tự chủ đưa ra được phương pháp nghiên cứu và cách thức biểu thị kết quả nghiên cứu; chủ động, sáng tạo trong phân tích kết quả nghiên cứu.	6	-	Hội đồng chấm khóa luận đánh giá

2. Khóa ĐH11 (2021-2025)

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Dịch vụ và Truyền thông Khí tượng thủy văn	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Xác định được ý nghĩa, tầm quan trọng, giá trị và vai trò của ngành Khí tượng Thủy văn trong cuộc sống, trong định hướng	3	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: Tự luận và thảo luận nhóm - Đánh giá kết thúc học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phát triển kinh tế-xã hội bền vững Ap dụng được những kiến thức đã học để thiết kế, tổ chức các buổi truyền thông, tuyên truyền và diễn thuyết về khí tượng thủy văn Vận dụng được các phương pháp cũng như nội dung và đối tượng để truyền thông một cách hiệu quả nhất. Giúp sinh viên yêu ngành Khí tượng Thủy văn và tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu để nghiên cứu			phần: Tự luận
2	Khí tượng vệ tinh	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Các khái niệm cơ bản về vệ tinh; Phân loại vệ tinh, các ứng dụng của vệ tinh trong nghiệp vụ khí tượng Các phương pháp đánh giá hiện tượng thời tiết dựa trên sản phẩm vệ tinh Ứng dụng vệ tinh vào nghiệp vụ dự báo	2	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: Tự luận và bài tập lớn - Đánh giá kết thúc học phần: Vấn đáp
3	Khí tượng radar	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến độ phản hồi vô tuyến, các sai số thường gặp từ các sản phẩm của radar; Phân tích và nhận dạng được đặc điểm các loại mây và những hiện tượng thời tiết nguy hiểm Dự báo được ảnh hưởng của các vùng mây gây hiện tượng thời tiết nguy hiểm từ sản phẩm của radar thời tiết Tích cực, chủ động trong học tập, đam mê, yêu thích môn học cũng như ngành học.	3	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: Tự luận và thảo luận nhóm - Đánh giá kết thúc học phần: Vấn đáp

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Quan trắc khí tượng bề mặt 2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Cách quan trắc và phát báo gió bề mặt. Cách quan trắc và phát báo nhiệt độ và độ ẩm Cách quan trắc và phát báo giáng thủy Cách quan trắc và phát báo áp suất khí quyển .	3	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: Tự luận và thực hành - Đánh giá kết thúc học phần: Vấn đáp
5	Tiếng anh chuyên ngành	- Có một số kiến thức đặc trưng của văn phong chuyên ngành khí tướng, thông qua việc ghi nhớ và sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành được cung cấp trong giáo trình. - Có một số các kỹ năng đọc hiểu cơ bản như đọc để lấy ý chính , đọc để tìm thông tin cụ thể, đoán nghĩa từ mới thông qua ngữ cảnh, xác định chủ đề của các đoạn văn , nhận biết mối quan hệ giữa các đoạn văn và bước đầu thực hành dịch cơ bản. - Có vốn từ vựng, ngữ pháp cơ bản về cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày trong công việc và trong các cuộc hội thảo về chuyên ngành khí tượng. - Có khả năng sử dụng các kiến thức đã được cung cấp làm cơ sở cho việc tự học ở các lĩnh vực từ vựng, đọc, viết, dịch, nghe giảng và thuyết trình. - Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân và chấp hành pháp luật cao. chủ động và phải nhận thức được tầm quan trọng của việc học tiếng Anh chuyên ngành đối với công việc sau này	3	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: Tự luận và bài tập lớn - Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận
6	Phân tích và dự báo thời tiết	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:	2	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: Tự luận và thảo luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Các công cụ được sử dụng để dự báo thời tiết hiện nay Nguyên tắc dự báo dự báo hình thế thời tiết và hiện tượng thời tiết Cách nhận biết những hệ thống và hình thế thời tiết ảnh hưởng đến Việt Nam Rèn luyện được tính sáng tạo, yêu thích các hiện tượng tự nhiên			nhóm - Đánh giá kết thúc học phần: Vấn đáp
7	Dao động và biến đổi khí hậu	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Các khái niệm thời tiết, khí hậu, dao động khí hậu, biến đổi khí hậu; Yếu tố cực trị và hiện tượng cực đoan; Kịch bản phát thải khí nhà kính và kịch bản biến đổi khí hậu; Thích ứng và giảm nhẹ với biến đổi khí hậu; Đặc điểm, cơ chế vật lý của các dao động khí hậu, tác động đến thời tiết và khí hậu; Xây dựng các biểu đồ thể hiện các dao động khí hậu; Phương pháp đánh giá khí hậu trong quá khứ và hiện tại, biểu hiện của biến đổi khí hậu trên thế giới và Việt Nam; Đánh giá sự biến đổi của các yếu tố cực trị và hiện tượng cực đoan tại Việt Nam dựa trên chuỗi số liệu nhiều năm; Các loại hình thích ứng và giảm nhẹ, phương pháp tiếp cận trong thích ứng và giảm nhẹ với biến đổi khí hậu; Tuyên truyền và bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu Kỹ năng tổ chức làm việc độc lập và theo nhóm; Kỹ năng thuyết trình và đọc hiểu tài liệu tiếng anh, tìm kiếm và tra cứu tài liệu; Kỹ năng phân tích và tổng hợp vấn đề Có quan điểm rõ ràng, độc lập, khoa học trong việc tiếp nhận	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: Tự luận và thảo luận nhóm - Đánh giá kết thúc học phần: Vấn đáp

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiến thức môn học; Có trách nhiệm tuyên truyền bảo vệ sức khỏe, bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu.			
8	Dự báo khí hậu	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Kiến thức về các nhân tố ảnh hưởng đến khí hậu trên mỗi vùng; Các phương pháp dự báo khí hậu cũng như ưu điểm, nhược điểm của từng phương pháp Phương pháp, công cụ ứng dụng trong bài toán dự báo thời tiết hạn dài, dự báo khí hậu; Rèn luyện khả năng tiếp thu kiến thức về dự báo khí hậu và ứng dụng của dự báo khí hậu trong thực tiễn.	2	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: Tự luận và thảo luận nhóm, chuyên cần - Đánh giá kết thúc học phần: Vấn đáp
9	Khí hậu và khí hậu Việt Nam	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Các kiến thức về hệ thống khí hậu và sự hình thành khí hậu cũng như sơ đồ cân bằng năng lượng và chu trình nước trong hệ thống khí hậu Đặc điểm khí hậu trên 7 vùng khí hậu Việt Nam cũng như hiểu được quy luật và đặc điểm phân hóa khí hậu theo không gian và thời gian của các đặc trưng khí hậu trên lãnh thổ Việt Nam Rèn luyện khả năng tiếp thu kiến thức khí hậu một cách chủ động	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: Tự luận và thảo luận nhóm - Đánh giá kết thúc học phần: Vấn đáp
10	Dự báo số trị	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Kiến thức về phương pháp xây dựng , tích phân hệ phương trình thủy nhiệt động lực học trong mô hình dự báo thời tiết và	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: Tự luận và thực hành - Đánh giá kết thúc học phần: Vấn đáp

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tạo trường ban đầu cho các mô hình dự báo. Vận dụng những kiến thức đã học để tiến hành thử nghiệm và áp dụng các mô hình dự báo thời tiết vào thực tế Sinh viên hình thành thái độ nghiêm túc, tích cực học tập; Rèn luyện được tính cẩn thận; làm chủ được các kỹ thuật trong bài toán dự báo số trị			
11	Khí tượng nhiệt đới	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Cách nhận biết đặc điểm phân bố của một số yếu tố khí tượng cơ bản trong vùng nhiệt đới Cách xác định hoàn lưu và những dao động và biến đổi theo mùa và không theo mùa của hoàn lưu vùng nhiệt đới Cách nhận biết những nhiễu động vùng nhiệt đới và sự xâm nhập của những nhiễu động ngoại nhiệt đới xuống vùng nhiệt đới	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: Tự luận và thảo luận nhóm - Đánh giá kết thúc học phần: Vấn đáp
12	Tin học ứng dụng	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Sinh viên so sánh được sự khác nhau giữa các kiểu số liệu sử dụng trong ngôn ngữ lập trình Fortran; Phân tích được ý nghĩa và xác định được hệ số tương quan cũng như hệ số của phương trình hồi quy tuyến tính; Xây dựng được các bài toán dự báo thống kê bằng các phương trình hồi quy và phân lớp. Lập trình giải các bài toán khí hậu đơn giản bằng ngôn ngữ Fortran; Sử dụng được các phần mềm thống kê thông dụng để tính toán các đặc trưng thống kê và phân bố xác suất, tương quan và hồi quy; Sử dụng được các phần mềm đồ họa để xây dựng các bộ bản đồ trường khí tượng, khí hậu Sinh viên hình thành thái độ nghiêm túc, tích cực học tập; Rèn	4	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: Tự luận và thực hành - Đánh giá kết thúc học phần: Thực hành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		luyện được tính cẩn thận; làm chủ được các phần mềm ứng dụng trong xử lý và hiển thị số liệu khí tượng; Rèn luyện được tính chủ động, độc lập và tự chịu trách nhiệm cũng như tính trung thực trong học tập, nghiên cứu và trong cuộc sống			

3. Khóa ĐH12 (2022-2026)

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	*Cung cấp cho người học:* Những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi thành lập đến nay Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy khoa học về lịch sử và khả năng vận dụng vào thực tiễn; đấu tranh, phê phán luận điệu sai trái về lịch sử của Đảng. Lập trường tư tưởng vững vàng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng, tích cực học tập để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	2	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: Tự luận và bài tập cá nhân, bài tập nhóm, chuyên cần, thảo luận, thái độ - Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	*Cung cấp cho người học:* Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong thực tiễn. Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; Tư duy lý luận, phản biện. Bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước; Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: Tự luận và bài tập, thái độ học tập - Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận
3	Cơ học chất lỏng	*Cung cấp cho người học:* Khối kiến thức cơ học chất lỏng về: các quan điểm nghiên cứu	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: Tự luận, bài tập và thái

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của Lagrange và Euler; trường thế, trường ống; đặc trưng của chuyển động không xoáy và xoáy của chất lỏng; phương trình liên tục; động lực học chất lỏng lý tưởng; động lực học chất lỏng thực; lớp biên -chuyển động rối trong chất lỏng nhớt, không nén được. Khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản đã học để làm bài tập về định tính, định lượng trong cơ học chất lỏng và áp dụng kiến thức chất lỏng vào môn học chuyên ngành khí tượng, khí hậu và thủy văn. Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			độ - Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận
4	Khí tượng cơ sở 2	*Cung cấp cho người học:* Những nhân tố ảnh hưởng đến sự biến thiên của nhiệt độ mặt đất, mặt nước và không khí Nguyên nhân và đặc điểm của các loại gió: Gió địa chuyển, gió gradient, gió nhiệt, gió đất biển, gió núi, thung lũng,... Các hiện tượng được hình thành do sự chuyển pha của nước cũng như các hiện tượng khí tượng xảy ra trong tự nhiên Vận dụng những công thức đã học để xác định tốc độ của các loại gió Rèn luyện được tính sáng tạo, nhận biết và yêu thích các hiện tượng trong tự nhiên	3	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: Tự luận, bài tập cá nhân, chuyên cần - Đánh giá kết thúc học phần: Trắc nghiệm
5	Khí tượng động lực 1	*Cung cấp cho người học:* Thiết lập và phân tích quy mô được các phương trình thủy nhiệt động lực học cơ bản, công thức xác định hoàn lưu, xoáy, gió trong lớp biên khí quyển. Ý nghĩa vật lí các thành phần trong phương trình thủy nhiệt	2	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: Tự luận, bài tập, chuyên cần - Đánh giá kết thúc học phần: Trắc nghiệm

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động lực học thiết lập được, các khái niệm về hoàn lưu, xoáy, gió trong lớp biên hành tinh. Sinh viên rèn luyện được tính nghiêm túc, kỉ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động và có ý thức trách nhiệm trong học tập, thực hành và làm bài tập.			
6	Khí tượng synop 1	*Cung cấp cho người học:* Hiểu được các phương pháp dự báo thời tiết và nắm vững các công cụ dự báo thời tiết. Phân tích được sự phân bố của trường nhiệt, trường ẩm và trường áp theo phương ngang. Phân tích được cấu trúc thẳng đứng của khí quyển thông qua mặt cắt thẳng đứng của các yếu tố địa thế vị, nhiệt độ không khí và gió Phân tích được đặc điểm của các khối không khí và đặc trưng thời tiết trong khối không khí đó.	3	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: Tự luận, bài tập, chuyên cần - Đánh giá kết thúc học phần: Vấn đáp
7	Thủy văn đại cương	*Cung cấp cho người học:* Những kiến thức về các khái niệm cơ bản nhất về thuỷ văn học và biết được quy luật hình thành vận động và biến đổi của nước trong tự nhiên. Áp dụng các quy luật thủy văn để nghiên cứu các quá trình hình thành dòng chảy sông ngòi,dòng chảy ngầm và thiết lập được phương trình cân bằng nước, tính toán các đặc trưng của sông và lưu vực sông, tính toán các đặc trưng dòng chảy, tính lượng mưa bình quân lưu vực, tính dòng chảy lũ theo công thức công thức căn nguyên dòng chảy. Rèn luyện tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: Tự luận, bài tập, chuyên cần - Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Thống kê trong khí tượng	*Cung cấp cho người học:* Các đặc trưng thống kê yếu tố khí hậu. Các hàm phân bố thực nghiệm và phân tích được ý nghĩa của chúng. Phân tích mối quan hệ tương quan giữa các yếu tố khí hậu và phân tích, xác định được số liệu sai.	3	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: Tự luận, bài tập, chuyên cần - Đánh giá kết thúc học phần: Trắc nghiệm
9	Quan trắc khí tượng bề mặt 1	*Cung cấp cho người học:* Hiểu được các quy định trong quan trắc khí tượng bề mặt. Cấu trúc, phân loại quan trắc mây. Phân định và quan trắc hiện tượng khí tượng Quan trắc tầm nhìn ngang, bốc hơi và thời gian nắng.	2	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: Tự luận, bài tập, chuyên cần - Đánh giá kết thúc học phần: Vấn đáp
10	Lập trình trong khí tượng	*Cung cấp cho người học:* Trang bị các kiến thức cơ bản về lập trình và ứng dụng lập trình trong Khí tượng và Khí hậu học Trang bị các cấu trúc thuật toán, các phương thức lưu trữ số liệu và thao tác với file số liệu trong Khí tương Cách thức xây dựng một chương trình tin học ứng dụng vào thực tiễn của ngành Khí tượng và Khí hậu học Rèn luyện năng lực lập trình để ứng dụng vào thực tiễn bài toán khí tượng	2	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: Tự luận, bài tập, thực hành, chuyên cần - Đánh giá kết thúc học phần: Thực hành
11	Máy khí tượng	*Cung cấp cho người học:* Nhận biết được cấu tạo, nguyên lí hoạt động Sử dụng thiết bị đo các yếu tố khí tượng So sánh và phân tích được nguyên tắc hoạt động của từng thiết bị đo	3	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: Tự luận, bài tập , chuyên cần - Đánh giá kết thúc học phần: Thực hành

4. Khóa ĐH13 (2023-2027)

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Pháp luật đại cương	*Cung cấp cho người học*: Những kiến thức về: nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; trách nhiệm pháp lý; nội dung cơ bản của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật phòng chống tham nhũng. Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; Kỹ năng so sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung và nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; Kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế. Năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. Xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: Tự luận, bài tập, thảo luận, thái độ, chuyên cần - Đánh giá kết thúc học phần: Trắc nghiệm
2	Triết học Mác-Lênin	*Cung cấp cho người học:* - Kiến thức khái quát về triết học và kiến thức cơ bản, hệ thống về Triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử - Một số kiến thức thực tiễn từ sự vận dụng lý luận Triết học Mác-Lênin - Kỹ năng tư duy logic và khoa học theo thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng trong nhận định, đánh giá và giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực tiễn - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm - Giá trị lý luận và thực tiễn của triết học Mác-Lênin, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; bản chất khoa học,	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: Tự luận, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, chuyên cần, thái độ học tập - Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cách mạng của Triết học Mác-Lênin			
3	Tiếng Anh 1	*Cung cấp cho người học:* Kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ sơ cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ sơ cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: Vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập, thái độ - Đánh giá kết thúc học phần: Trắc nghiệm và vấn đáp
4	Toán cao cấp 1	*Cung cấp cho người học:* Khối kiến thức Toán cơ bản về về đại số tuyến tính, giải tích toán học. Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản giải được các bài tập về đại số tuyến tính, giải tích toán học và và áp dụng kiến thức cơ bản vào các lĩnh vực khoa học khác. Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: Tự luận, bài tập, thái độ - Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận
5	Kỹ năng mềm	*Cung cấp cho người học:* Giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình: Tự luận, thảo luận nhóm - Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghề nghiệp tương lai. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
6	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	*Cung cấp cho người học:* - Những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - Những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam - Kỹ năngtrình bày,phân tích, tổng hợp, những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị Mác–Lê nin trong hoạt động thực tiễn. - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm - Năng lực tích lũy kiến thức và nghiên cứu độc lập, đánh giá và nhận diện bản chất các vấn đề cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lê Nin trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay. - Lập trường tư tưởng vững vàng, niềm tin vào đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.	2	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: Tự luận, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, chuyên cần, thái độ học tập - Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận
7	Toán cao cấp 2	*Cung cấp cho người học:* Khối kiến thức Toán cơ bản về hàm nhiều biến số và phương trình vi phân. Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản giải được các bài tập về hàm nhiều biến số, phương trình vi phân và áp dụng kiến thức	2	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: Tự luận, bài tập, thái độ - Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cơ bản vào các lĩnh vực khoa học khác. Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			
8	Tiếng Anh 2	*Cung cấp cho người học:* Về kiến thức: Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ tiền trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. Về kĩ năng: năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: Vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập, thái độ - Đánh giá kết thúc học phần: Trắc nghiệm và vấn đáp
9	Vật lý đại cương	*Cung cấp cho người học:* Khối kiến thức vật lý cơ bản về: đo lường; cơ học chất điểm; chuyển động của vũ trụ; nhiệt động lực học; điện – từ trường; dao động cơ và sóng điện từ; quang hình và quang lượng tử; bán dẫn và laser. hả năng vận dụng các kiến thức cơ bản đã học để làm bài tập về định tính, định lượng trong vật lý và áp dụng kiến thức cơ bản vật lý vào các lĩnh vực khoa học khác Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: Tự luận, bài tập, thái độ - Đánh giá kết thúc học phần: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Tin học đại cương	*Cung cấp cho người học:* Các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin (khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin) Cách giao tiếp với hệ điều hành Windows Cách sử dụng các ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel, MS Powerpoint	2	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình: Tự luận, bài tập, chuyên cần, báo cáo, thực hành - Đánh giá kết thúc học phần: Thực hành

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_T

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2023-2024
Ngành Thủy văn học

1. Khóa ĐH10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Kỹ năng tìm việc cho kỹ sư thủy văn	Môn học sẽ tập trung cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến kỹ năng tìm kiếm việc làm cho kỹ sư thủy văn trong các lĩnh vực liên quan như giao thông, xây dwungj, thủy lợi, thủy điện, quản lý tài nguyên nước và môi trường, phòng chống thiên tai, quan trắc và quản lý dữ liệu khí tượng, thủy văn… Môn học cũng tóm lược những kiến thức cần thiết trong môi ngành yêu cầu ở kỹ sư thủy văn. Học viên hiểu và biết được các cơ hội việc làm trong đa dạng các ngành nghề mà kỹ sư thủy văn có thể đảm nhận. Nắm được các kiến thức và công cụ cần cập nhật, hoàn thiện trong quá trình đi xin việc và làm việc cho mỗi ngành đặc trưng.	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Thực hành
2	Truyền thông về thủy văn	Sinh viên xác định được ý nghĩa, tầm quan trọng, giá trị và vai trò của Truyền thông Khí tượng Thủy văn trong cuộc sống, trong định hướng phát triển kinh tế-xã hội bền vững, từ đó đề xuất được các phương pháp cũng như nội dung và đối tượng để truyền thông một cách hiệu quả nhất. Sinh viên áp dụng được những kiến thức đã học để lập kế hoạch, thiết kế, tổ chức hoạt động truyền thông, xây dựng được thông điệp truyền thông và diễn thuyết về những vấn đề liên quan đến khí tượng thủy văn.	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận
3	Tính toán chất lượng nước trong sông, hồ	Trang bị cho sinh viên các kiến thức về các phương pháp tính toán chất lượng nước, tính toán tải lượng chất ô nhiễm, khả năng tự làm sạch của dòng sông,	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước. Sinh viên biết áp dụng lý thuyết về chất lượng nước, mô hình toán chất lượng nước vào bài toán thực tế để tính toán diễn biến chất lượng nước trong sông, hồ			
4	Địa lý Thủy văn	Những kiến thức cơ bản về địa lý thuỷ văn: các phương pháp nghiên cứu địa lý thủy văn, quy luật phân bố không gian của hiện tượng thủy văn, phân vùng thủy văn, nắm bắt được các nguyên lý khi xây dựng bản đồ địa lý thủy văn và các đặc trưng hình thái sông ngòi, lưu vực sông. Khai thác từ bản đồ các thông tin về địa lý thủy văn của một lưu vực sông hay một khu vực nào đó. Áp dụng các quy luật phân bố không gian của các hiện tượng thủy văn để phân tích, lý giải các quy luật phân bố địa lý trên một khu vực nhất định (các lưu vực sông hay một khu vực).	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận
5	Ứng dụng viễn thám và GIS trong tính toán và dự báo thuỷ văn	Trang bị cho sinh viên các kiến thức, bài toán ứng dụng công nghệ khai thác ảnh vệ tinh, radar và kỹ thuật GIS để tính toán, cảnh báo, dự báo mưa, dòng chảy, thiên tai lũ, ngập lụt, hạn... Sinh viên biết áp dụng các kiến thức đã học vào trong từng bài toán dự báo thuỷ văn trong thực tiễn bằng công nghệ viễn thám và GIS.	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Thực hành
6	Chỉnh trị sông	Trang bị cho sinh viên các kiến thức về tính toán thiết kế thuỷ động lực sông, nhiệm vụ và các vấn đề quy hoạch công trình chỉnh trị sông để giải quyết các vấn đề tư vấn, thiết kế trong bài toán ứng dụng thực tiễn của kiến thức động lực học dòng sông như: thoát nước, phòng chống lụt, giao thông thuỷ, cầu qua sông, cửa lấy nước, cải tạo môi trường. Biết phân tích, sử dụng các phương trình động lực đối với các chuyển động của nước, lòng sông và bùn cát vào mô hình toán thuỷ văn. Biết sử dụng auto card để thiết kế các công trình chỉnh trị sông.	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7	Cấp thoát nước	Sinh viên nắm được khái niệm và các kiến thức cơ bản về hệ thống cấp thoát nước, trên cơ sở đó sinh viên có thể tính toán, thiết kế sơ bộ một số hệ thống và công trình cấp thoát nước bên trong nhà cũng như của đô thị nhỏ, nhà máy, xí nghiệp .... Sinh viên áp dụng kiến thức được học để tính toán, thiết kế sơ bộ một số hệ thống và công trình cấp thoát nước bên trong nhà cũng như của đô thị nhỏ.	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận
8	Thủy văn nước dưới đất ứng dụng	Trình bày được các vấn đề liên quan đến sự vận động của nước dưới đất. Trình bày và giải thích được về hóa học nước và sự di chuyển của các chất ô nhiễm. Tính toán các thông số đặc trưng các tầng chứa nước, phân vùng địa chất thủy văn. Áp dụng toán học để giải các bài toán về thủy lực giếng, hóa học nước và sự di chuyển của các chất ô nhiễm	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận
9	Thực tập tốt nghiệp dự báo thủy văn	Hiểu được Hệ thống dự báo KTTV ở Việt Nam; Tiếp thu được các công nghệ thu nhận, xử lý, tổ chức CSDL, các phương pháp, mô hình, công nghệ dự báo đang sử dụng tại Trung tâm Dự báo KTTV trung ương. Phân tích được hệ thống dự báo KTTV của Việt Nam; Vận hành được quy trình thu thập, giải mã, xử lý, lưu trữ và khai thác thông tin, số liệu KTTV phục vụ công tác dự báo và cung cấp thông tin nhanh; Xây dựng được các phương án dự báo mực nước, lưu lượng bằng các phương pháp truyền thống và mô hình đơn giản, vận hành được các phương pháp, mô hình và các phần mềm dự báo tiên tiến đang được sử dụng ở Việt Nam vào dự báo tác nghiệp; Soạn thảo và sửa chữa các loại bản tin dự báo và truyền thông tin dự báo phục vụ công tác phòng tránh thiên tai và sản xuất;	3	Kỳ 1	Đánh giá quá trình, viết báo cáo và bảo vệ kết quả thực tập.
10	Khóa luận tốt nghiệp (Đồ án tốt nghiệp)	Sinh viên thực hiện được Đồ án tốt nghiệp; Phân tích, đánh giá và hệ thống hóa được toàn bộ kiến thức đã học về ngành thủy văn và áp dụng kiến thức đó để giải quyết một bài toán trọn vẹn; tổng hợp, tư duy, phân	7	Kỳ 2	Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tích tìm kiếm tài liệu, lựa chọn đề tài, đặt bài toán, xây dựng đề cương nghiên cứu, lập kế hoạch thực hiện, thực hiện, biên soạn đồ án và bảo vệ thành công đồ án tốt nghiệp. Sinh viên biết trình bày một nội dung cụ thể về lĩnh vực được đào tạo từ việc đặt vấn đề-giải quyết vấn đề-đánh giá, kết luận và kiến nghị. Biết tìm kiếm tài liệu, tổng quan, phân tích lựa chọn đề tài phù hợp với bản thân và sự phát triển của lĩnh vực mình quan tâm; Biết đặt bài toán, xây dựng được đề cương chi tiết, lập kế hoạch và giải bài toán theo đề cương và kế hoạch đặt ra. Xây dựng được báo cáo đồ án tốt nghiệp và biết cách bảo vệ thành công.			

2. Khóa ĐH11

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Kỹ thuật Viễn thám và GIS trong thủy văn	Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về phân tích xử lí giải đoán ảnh viễn thám, vật thể, hiện tượng tồn tại trên trái đất; giải thích hiện tượng, giám sát, cảnh báo, dự báo và qui hoạch chiến lược trong nhiều lĩnh vực như phòng tránh thiên tai, khai thác, quản lí tài nguyên thiên nhiên. Kiến thức của học phần này sẽ làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức của các học phần tiếp sau như: Tính toán thủy văn, Tính toán thủy năng cơ sở, Dự báo thủy văn, Ứng dụng viễn thám và GIS trong tính toán và DBTV…	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Thực hành
2	Chỉnh biên thủy văn	Học phần Chỉnh biên thủy văn là quá trình tính toán các tài liệu đặc trưng gồm các trị trung bình, lớn nhất nhỏ nhất cho từng thời đoạn: ngày, tháng, năm…thống kê chúng dưới dạng biểu bảng, biểu đồ, đường quá trình để tiện cho việc lưu trữ, khai thác sử dụng sau này. Công tác chỉnh biên tài liệu thủy văn phải dựa trên cơ sở tài liệu thực đo có độ tin cậy nhất	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		định. Cách chỉnh lý là dựa vào các mối tương quan giữa 2 hoặc nhiều yếu tố thủy văn, các tương quan đó phải có cơ sở vật lý và phù hợp lo gic. Trong quá trình chỉnh biên tài liệu thủy văn còn phát hiện ra các sai sót, các bất hợp lý của tài liệu thủy văn thực đo, từ đó đưa ra các phương pháp khắc phục các sai sót và bất hợp lý.			
3	Tin học ứng dụng	Học phần Tin học ứng dụng có vai trò quan trọng trong việc cung cấp các kiến thức và công cụ hữu hiệu cho các nhà thủy văn tương lai giải quyết các bài toán liên quan đến thủy văn – tài nguyên nước. Học phần sẽ trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về về dữ liệu thủy văn và vòng tuần hoàn của dữ liệu. Giới thiệu về cách khai thác và xây dựng cơ sở dữ liệu. Một số mô hình thủy văn dựa vào dữ liệu được giới thiệu và yêu cầu làm bài tập, thực hành trên lớp. Học phần cũng giới thiệu cách thức hiển thị, chuyển đổi và phân tích dữ liệu liên quan đến các loại dự án khác nhau trong lĩnh vực thủy văn và tài nguyên nước..... Kiến thức của học phần này sẽ làm cơ sở cho việc tiếp thu kiến thức các học phần ứng dụng chuyên sâu như tính toán thủy văn, điều tiết dòng chảy cho hệ thống hồ chứa, ….	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Thực hành
4	Tính toán thủy văn	Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên nhân hình thành cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến dòng chảy mặt; Các đặc trưng cơ bản của dòng chảy mặt như dòng chảy năm, dòng chảy lớn nhất, dòng chảy nhỏ nhất, dòng chảy rắn và các quy luật biến đổi của chúng theo thời gian, theo không gian. Tính toán được các đặc trưng trong thủy văn và tính toán thủy văn thiết kế cho các công trình.	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận
5	Truyền thông về thủy văn	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của ngành Khí tượng Thủy văn thế giới và trong	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nước, cũng như những hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm, đặc biệt là trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Đồng thời, môn học cũng cung cấp cho sinh viên cách thức xây dựng những chương trình truyền thông phù hợp với từng đối tượng, hoàn cảnh một cách hiệu quả nhất.			
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp sinh viên nhận thức sâu sắc giá trị khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Qua đó, sinh viên có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận
7	Công trình trạm thuỷ văn	Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Mục đích, ý nghĩa, vai trò và lịch sử phát triển của công trình trạm thủy văn; Những nguyên tắc cơ bản trong lựa chọn, khảo sát, thiết kế, xây dựng các loại trạm thủy văn; Những quy định và quy trình khảo sát, lựa chọn vị trí trạm thủy văn; Nhưng nguyên tắc chung và cơ sở để quyết định cấp trạm thủy văn; Các loại công trình trang thiết bị cho các trạm thủy văn: cấp I, cấp 2 và cấp 3; Các công trình văn phòng trạm; Các văn bản pháp luật bảo vệ công trình trạm thủy văn.	2	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận
8	Dự báo thủy văn	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết được kiên thức cơ bản về dự báo thuỷ văn; các phương pháp và các bước dự báo thủy văn; đánh giá phương án, kết quả dự báo thuỷ văn; các bài toán dự báo thuỷ văn cụ thể về nước mặt và nước ngầm trong dự báo thủy văn hạn ngắn, hạn vừa và hạn dài. Biết áp dụng vào các bài toán dự báo thuỷ văn phục vụ phòng tránh thiên tai, phát triển nguồn nước và kinh tế- xã hội	3	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm
9	Mô hình toán thủy văn	Học phần Mô hình toán thủy văn có vai trò quan trọng trong việc cung cấp các kiến thức và công cụ	3	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hữu hiệu cho các nhà thủy văn tương lai giải quyết các bài toán liên quan đến thủy văn – tài nguyên nước. Học phần sẽ trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về cách lựa chọn, thiết lập và ứng dụng mô hình toán thủy văn, thủy lực để giải quyết các bài toán liên quan đến tính toán, đánh giá và dự báo thủy văn; tìm hiểu và thực hành ứng dụng một số mô hình toán thủy văn, thủy lực phổ biến hiện hành …. Kiến thức của học phần này sẽ làm cơ sở cho việc tiếp thu kiến thức các học phần ứng dụng chuyên sâu như tính toán thủy văn, điều tiết dòng chảy cho hệ thống hồ chứa, chỉnh trị sông,….			phần: Thực hành
10	Phân tích hệ thống nguồn nước	Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về phân tích hệ thống, phân tích hệ thống nguồn nước, tối ưu hoá, mô phỏng. Biết ứng dụng một số mô hình toán vào bài toán mô phỏng hệ thống. Kiến thức của học phần này sẽ làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức của các học phần tiếp sau như: Dự báo thủy văn, Tính toán thủy năng cơ sở, Quy hoạch và quản lý nguồn nước…	2	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận
11	Thủy văn nước dưới đất ứng dụng	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các kiến thức về thấm, các định luật thấm, vận động của nước đưới đất trong các tầng chứa nước…Vận dụng lý thuyết để giải các bài toán trong động lực học nước dưới đất, biết một số mô hình mô phỏng nước dưới đất phổ biến	3	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận
12	Đánh giá tác động môi trường	Học phần Đánh giá tác động môi trường là học phần tự chọn, nằm trong khối kiến thức ngành. Học phần gồm những kiến thức cơ bản về môi trường và đánh giá tác động môi trường như: các thành phần môi trường, phân biệt được các hình thức, đối tượng cần thực hiện đánh giá tác giá động môi trường. Ngoài ra, học phần còn bao gồm nội dung kiến thức về quy trình và một số phương pháp cơ bản trong đánh giá tác động môi trường.	2	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Ứng dụng viễn thám và GIS trong tính toán và dự báo thuỷ văn	Học phần lý thuyết kết hợp thực hành sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những công cụ phần mềm ứng dụng thực tế của viễn thám và GIS trong tính toán, dự báo trong thủy văn. Trang bị cho sinh viên về phần mềm mã nguồn mở QGIS, các chức năng chính của QGIS; Xác định các yếu tố gây nên lũ lụt, dữ liệu và phương pháp từ đó cùng với các công cụ để xây dựng bản đồ tính dễ bị tổn thương; Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến lũ quét, dữ liệu và phương pháp từ đó cùng với các công cụ để xây dựng bản đồ nguy cơ lũ quét. Trang bị cho sinh viên về phần mềm SNAP, ảnh viễn thám, cơ sở dữ liệu và phương pháp thực hiện cùng với công cụ SNAP và QGIS xây dựng bản đồ ngập lụt từ ảnh vệ tinh.	3	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Thực hành

3. Khóa ĐH12

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Khí tượng đại cương	Đây là học phần bắt buộc, thuộc kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Thủy văn học. Nội dung chính của học phần giới thiệu những đặc điểm chung nhất về khí quyển như thành phần và vai trò của các chất khí; Sự bất đồng nhất theo phương ngang và phương thẳng đứng trong khí quyển; Các phương trình biểu diễn mối quan hệ giữa các đại lượng đặc trưng cho trạng thái của khí quyển và sự biến đổi của chúng theo độ cao; Ảnh hưởng của bức xạ đến chế độ nhiệt của khí quyển và bề mặt trái đất; Một số hiện tượng thời tiết xảy ra trong khí quyển.	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm
2	Kỹ năng mềm	Học phần kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực.			
3	Địa chất thủy văn	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các kiến thức cơ bản như: nguồn gốc thành tạo, quy luật phân bố, thành phần hóa học, động thái của nước dưới đất….Từ đó đưa ra các giải pháp quản lý, khai thác nước dưới đất. Vận dụng cơ sở toán học vận động nước dưới đất để giải một vài bài toán của nước dưới đất trong thực tế.	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận
4	Thủy văn đại cương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản nhất về thuỷ văn học và biết được quy luật hình thành vận động và biến đổi của nước trong tự nhiên. Biết áp dụng các quy luật thủy văn để nghiên cứu các quá trình hình thành dòng chảy sông ngòi, dòng chảy ngầm và thiết lập được phương trình cân bằng nước, tính toán các đặc trưng của sông và lưu vực sông, tính toán các đặc trưng dòng chảy, tính lượng mưa bình quân lưu vực, tính dòng chảy lũ theo công thức công thức căn nguyên dòng chảy.	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm
5	Thủy lực đại cương	Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về qui luật chung về cân bằng và chuyển động của của chất lỏng cũng như các những kiến thức về phương pháp ứng dụng các qui luật cân bằng và chuyển động của chất lỏng, phân tích được hiện tượng tổn thất trong dòng chảy qua đường ống, dòng chảy qua lỗ và vòi, dòng chảy ổn ổn định trong ống có áp. Kiến thức của học phần này sẽ làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức của các học phần tiếp sau như: Thủy lực sông ngòi, Động lực học dòng sông, Mô hình toán…	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm
6	Khí hậu Việt Nam và Biến đổi khí hậu	Đây là học phần bắt buộc, thuộc kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo đại học ngành Thủy văn học. Nội dung học cung cấp kiến thức cốt lõi về khí hậu như hệ thống khí hậu, sự hình thành khí hậu, đặc	2	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		điểm phân bố các đặc trưng khí hậu theo không gian, theo thời gian trên lãnh thổ Việt Nam, về biến đổi khí hậu trên quy mô toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng.			
7	Phân tích thống kê trong thuỷ văn	Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về thống kê, phân tích xử lý số liệu, các loại đường tần suất thường dùng trong thủy văn, các đặc trưng thống kê của các đại lượng thuỷ văn, các chỉ tiêu đánh giá tính đồng nhất, ngẫu nhiên, phù hợp của các chuỗi số liệu thuỷ văn, xác định các quan hệ tương quan giữa các đặc trưng thuỷ văn. Kiến thức của học phần này sẽ làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức của các học phần tiếp sau như: Tính toán thủy văn, Tính toán thủy năng cơ sở, dự báo thủy văn…	2	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận
8	Thủy lực sông ngòi	Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về dòng chảy trong sông thiên nhiên, các trạng thái chảy của dòng chảy trong sông, tính toán các đặc trưng của mặt cắt kênh, tính toán thủy lực cho các loại đập tràn và các giải pháp tiêu năng cho hạ lưu công trình. Kiến thức của học phần này sẽ làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức của các học phần tiếp sau như: Tính toán thủy văn, Tính toán thủy năng cơ sở, chỉnh trị sông…	3	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm
9	Tiếng Anh chuyên ngành	Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên một số kiến thức đặc trưng của văn phong khoa học và thuật ngữ chuyên ngành thủy văn; Các chủ đề chuyên ngành Thủy văn ứng dụng, thủy lực, chu trình thủy văn, thiên tai do lũ lụt gây nên, quản lý hệ thống tưới tiêu.v.v…; Những từ vựng cơ bản, thuật ngữ Thủy văn và một số vấn đề về quản lý tài nguyên nước được sử dụng trong các lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành học tập.	3	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận
10	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp sinh viên	2	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhận thức sâu sắc giá trị khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Qua đó, sinh viên có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.			
11	Đo đạc thủy văn	Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về các phương pháp quan trắc, đo đạc và thu thập số liệu của các yếu tố thủy văn như: mực nước, lưu lượng nước, nhiệt độ nước, chất lượng nước, bùn cát, độ mặn… tại các sông, hồ. Kiến thức của học phần này sẽ làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức của các học phần tiếp sau như: Tính toán thủy văn, Chỉnh biên thủy văn, Mô hình toán thủy văn …	3	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm
12	Động lực học dòng sông	Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các quy luật chuyển động và cân bằng động lực của nước và bùn cát trong sông, cửa sông; các quy luật cùng các phương pháp tính vận chuyển bùn cát và diễn biến dòng sông ở trạng thái tự nhiên cũng như sau khi có sự khống chế của các công trình xây dựng trên sông.	3	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận

4. Khóa ĐH13

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức đại cương của tất cả các chuyên ngành đào tạo trong trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Mục tiêu của học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nha nước và pháp luật; những nội dung về các ngành luật cơ bản và Pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Sau khi kết thúc học phần, người học iết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống trong	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thực tế.			
2	Tiếng Anh 1	Học phần "*Tiếng Anh 1*" là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm chung: công việc hàng ngày, thói quen, sở thích, du lịch, đất nước, con người... Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: giới thiệu bản thân, giải quyết những vấn đề thường gặp khi giao tiếp trên điện thoại và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.	2	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm và vấn đáp
3	Toán cao cấp 1	Học phần Toán cao cấp 1 trang bị cho sinh những kiến thức ban đầu, cơ bản nhất về đại số (ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ,…) và giải tích toán học (ứng dụng đạo hàm để tính giới hạn, tích phân suy rộng, lý thuyết chuỗi,…). Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để áp dụng vào các lĩnh vực khoa học khác.	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần
4	Triết học Mác-Lênin	Học phần Triết học Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là học phần tiên quyết, trang bị thế giới quan và phương pháp luận làm tiền đề cho việc học tập các học phần lý luận chính trị tiếp theo. Nội dung học phần gồm 3 chương, ngoài khái quát những tri thức chung về triết học, học phần trang bị những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và ý nghĩa phương pháp luận của những kiến thức triết học đối với thực tiễn.	3	Kỳ 1	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận
5	Hoá học đại cương	Học phần Hóa học đại cương cung cấp cho sinh viên	2	Kỳ 2	

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các kiến thức cơ sở, cơ bản ban đầu của hóa học ở bậc đại học như: Nhiệt động học của một số quá trình hóa học, Động hóa học của các phản ứng, Hiện tượng cân bằng hóa học và sự chuyển dịch cân bằng hóa học, Các kiến thức về dung dịch, pH và cân bằng trong dung dịch, Một số quá trình điện hóa học, Hiện tượng bề mặt và dung dịch keo… Các kiến thức cơ bản này sẽ giúp cho sinh viên vận dụng sự hiểu biết của mình trong việc học tập và nghiên cứu đối với các học phần chuyên ngành có liên quan như môi trường, quản lý đất đai, khoa học biển, biến đổi khí hậu, đại chất và nhiều chuyên ngành khác.			- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận
6	Toán cao cấp 2	Học phần Toán cao cấp 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức về Hàm số nhiều biến số, Cực trị của hàm nhiều biến. Tích phân của hàm nhiều biến: Tích phân 2 lớp, tích phân 3 lớp, tích phân đường loại 1 và tích phân đường loại 2. Phương trình vi phân: Phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân tuyến tính cấp một và phương trình vi phân cấp 2. Các kiến thức này góp phần nâng cao khả năng tư duy của sinh viên và làm cơ sở để học các môn chuyên ngành.	2	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận
7	Tin học đại cương	Học phần "*Tin học đại cương"* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần tin học đại cương trang bị các kiến thức cơ bản, hệ thống về công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu rõ các chức năng và cách làm việc với máy tính trong công việc thông thường, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.	2	Kỳ 2	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Thực hành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Tiếng Anh 2	Học phần "*Tiếng Anh 2"* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, so sánh của tính từ - trạng từ, động từ khuyết thiếu… và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm như: nghề nghiệp, lễ hội, du lịch… ở mức độ tiền trung cấp. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mức độ tiền trung cấp thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: gọi điện thoại, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.		Kỳ 2	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm và vấn đáp
9	Vật lý đại cương	Học phần "*Vật lý đại cương"* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức về: đo lường; cơ học chất điểm; chuyển động của vũ trụ; nhiệt động lực học; điện– từ trường; dao động cơ và sóng điện từ; quang hình và quang lượng tử; bán dẫn và laser. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để áp dụng vào các lĩnh vực khoa học khác.		Kỳ 2	- Đánh giá quá trình - Thi kết thúc học phần: Tự luận

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_BK

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2023 - 2024
Ngành Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững

1. Khóa ĐH10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Cơ sở viễn thám	- Về kiến thức: + Trình bày được kiến thức tổng quan về viễn thám, bộ cảm biến và vệ tinh viễn thám; + Trình bày được tổng quan về các loại ảnh viễn thám (ảnh quang học, ảnh hồng ngoại và ảnh radar); giới thiệu về khái niệm, nguyên lý hoạt động, đặc điểm hình học, khả năng ứng dụng của các loại ảnh nói trên; các phương pháp xử lý ảnh viễn thám; thuật toán phân loại ảnh viễn thám. + Giải thích được các công đoạn trong quy trình giải đoán và xử lý ảnh viễn thám; - Về kỹ năng: + Vận dụng được các chỉ số thống kê, hiển thị và tăng cường chất lượng ảnh, đăng ký tọa độ ảnh và thực hiện các phép biến đổi ảnh đơn giản; + Chọn được vùng mẫu, chọn thuật toán thích hợp để tiến hành phân loại; đánh giá và ứng dụng kết quả đạt vào một vấn đề cụ thể; +Vận dụng được phương pháp cập nhật thông tin cần thiết từ ảnh viễn thám để thành lập bản đồ chuyên đề và hiện chỉnh bản đồ địa hình. + Sử dụng được các thuật toán khác nhau trong công tác xử lý ảnh viễn thám. + Thực hiện được bài toán chuyển đổi hệ toạ độ trong đo ảnh, xác định quy luật biến dạng hình ảnh trên ảnh hàng không	2	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%): Tự luận, thảo luận nhóm - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quang học. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Rèn luyện tác phong: cẩn thận, chính xác, trung thực; + Tích cực tìm hiểu để dần trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.			
2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi thành lập đến nay; Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy khoa học về lịch sử và khả năng vận dụng vào thực tiễn; đấu tranh, phê phán luận điệu sai trái về lịch sử của Đảng; Lập trường tư tưởng vững vàng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng, tích cực học tập để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	2	Học kì 1	- Đánh giá quá trình: + Điểm 1: Bài kiểm tra (60%); bài tập cá nhân (20%), Bài tập nhóm (20%). + Điểm 2: Thảo luận và phát biểu (50%); Chuyên cần (20%); Thái độ học tập (30%). - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
3	Mô hình sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu	Về kiến thức: - Trình bày được tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) tới sinh kế; - Nắm được một số khái niệm cơ bản về sinh kế, các yếu tố của sinh kế bền vững, các yếu tố tác động đến sinh kế bền vững; - Phân tích được khung phân tích sinh kế bền vững của DFID; - Trình bày được định hướng thích ứng với BĐKH của Việt Nam cho từng giai đoạn; - Phân tích được sinh kế thích ứng với BĐKH và khung lý thuyết xây dựng sinh kế thích ứng với BĐKH; - Xây dựng được các giải pháp sinh kế thích ứng với BĐKH; - Trình bày được các tiêu chí đánh giá mô hình sinh kế thích ứng với BĐKH; - Biết được một số bộ tiêu chí đánh giá mô hình sinh kế thích	2	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%): Tự luận, thảo luận nhóm - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ứng và cách xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá; - Biết cách vận dụng bộ tiêu chí để đánh giá mô hình sinh kế thích ứng; - Trình bày được một số mô hình sinh kế thích ứng điển hình tại Việt Nam hiện nay. Về kỹ năng: - Phân tích và đánh giá được tầm quan trọng của các các giải pháp và mô hình sinh kế thích ứng trong bối cảnh biến đổi khí hậu; - Hình thành một số kỹ năng trong học tập và đời sống (kỹ năng phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề…) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: - Nhận thức được tầm quan trọng của sinh kế thích ứng đối với việc thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia về BĐKH.			
4	Năng lượng và phát triển bền vững	- Về kiến thức: Sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản về năng lượng, năng lượng truyền thống, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch… Phân tích được thực trạng về quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng trên thế giới và tại Việt Nam; Mối quan hệ giữa hiện tượng biến đổi khí hậu trên toàn cầu với việc quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng. - Về kĩ năng: Giúp người học nâng cao tính chủ động trong học tập, có kỹ năng đọc và phân tích các tài liệu có liên quan đến môn học; tự tin trong giao tiếp, trong làm việc nhóm và thuyết trình trước đám đông. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên nghiêm túc, kỉ luật, chăm chỉ, chủ động trong học tập, tích cực tham gia các buổi làm việc nhóm và làm bài tập; có nhận thức đúng đắn hơn về những hệ lụy của việc sử dụng năng lượng không bền vững, có các hành động thiết thực, kịp thời trong việc sử dụng các nguồn năng lượng một cách có hiệu quả, góp phần làm	2	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%): Tự luận, thảo luận nhóm - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giảm thiểu các tác động đến biến đổi khí hậu.			
5	Thiên tai và quản lý rủi ro thiên tai	- Về kiến thức: + Nhận biết được các loại thiên tai thường xảy ra ở Việt Nam + Giải thích được cơ chế xuất hiện, cấp độ, và tác động của các loại thiên tai + Trình bày được các bước trong quy trình quản lý rủi ro thiên tai + Hiểu được một số hoạt động quản lý rủi ro thiên tai ở Việt Nam - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận diện các loại thiên tai + Kỹ năng dự báo tác động của các loại thiên tai đến các ngành nghề, lĩnh vực khác nhau + Kỹ năng lập kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai đối với một ngành, lĩnh vực cụ thể - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có thái độ cảnh giác, đề phòng thiên tai xảy ra + Có ý thức tuyên truyền, vận động những người xung quanh phòng ngừa tác động do thiên tai gây ra + Có ý thức hỗ trợ cộng đồng trong phục hồi sau thiên tai	2	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%): Tự luận, thảo luận nhóm - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
6	Quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu	- Về kiến thức: Môn học giới thiệu và trang bị cho sinh viên kiến thức về: + Môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề suy thoái môi trường và tài nguyên thiên nhiên cũng như các giải pháp quản lý ứng phó với sự suy thoái; làm cơ sở cho việc quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường. + Hiểu nguyên nhân tại sao phải quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường trước sự biến đổi phức tạp của khí hậu toàn cầu và ở Việt Nam. + Hiểu các quan điểm, mục tiêu của Nhà nước cũng như các	2	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%): Tự luận, thảo luận nhóm - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhiệm vụ trọng tâm trong quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu. + Đề xuất thực hiện các giải pháp chủ yếu trong quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu. - Về kĩ năng: Sau khi hoàn thành môn học sinh viên có kiến thức về quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên, kỹ năng làm việc theo nhóm để đưa ra các giải pháp quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có thái độ nghiêm túc, khách quan, tổng quát trong các vấn đề liên quan đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu.			
7	Truyền thông về biến đổi khí hậu	- Về kiến thức: + Trình bày được khái niệm, mô hình, đặc điểm, và nguyên tắc của truyền thông BĐKH; + Biết được các hoạt động truyền thông BĐKH đang diễn ra trên thế giới và ở Việt Nam + Nêu được các bước lập kế hoạch, giám sát và đánh giá hoạt động truyền thông - Về kỹ năng: + Hình thành và phát triển được kỹ năng truyền thông cá nhân, truyền thông nhóm và truyền thông đại chúng về các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu; + Phát triển kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến truyền thông biến đổi khí hậu; + Thực hiện được quy trình lập kế hoạch, tư vấn thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động truyền thông biến đổi khí hậu. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có nhận thức đúng về vai trò, nhiệm vụ của truyền thông BĐKH;	2	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%): Tự luận, thảo luận nhóm - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Xác định đúng về vai trò của cá nhân đối với truyền thông biến đổi khí hậu, qua đó có hành động đúng đắn góp phần vào ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương; + Có thái độ tích cực trong việc tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng đối với các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu.			
8	Phát triển đô thị bền vững	- Về kiến thức: + Trình bày được các nội dung cơ bản về đô thị và các vấn đề phát sinh trong quá trình đô thị hoá. + Giải thích được tính cấp thiết của phát triển đô thị bền vững là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu trong điều kiện biến đổi khí hậu. + Hiểu được khái niệm phát triển đô thị bền vững và tiêu chí của một đô thị bền vững + Giải thích được các hoạt động cơ bản trong quy hoạch đô thị bền vững và quản lý đô thị bền vững. - Về kỹ năng: + Rèn kỹ năng phát hiện được các vấn đề trong quá trình phát triển thực tế ở địa phương. Từ đó áp dụng các kiến thức đã học để đưa ra các đề xuất góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững ở địa phương. + Hình thành kỹ năng lập quy hoạch phát triển đô thị bền vững và đề xuất được các cơ chế quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên hợp lý cho sự phát triển đô thị bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở Việt Nam - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Quan tâm đến sự phát triển và các vấn đề về đô thị hoá trong cuộc sống thường ngày. Có thái độ tích cực bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp lý hướng tới sự phát triển bền vững.	2	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%): Tự luận, thảo luận nhóm - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
9	Thực tập tin học ứng dụng	Về kiến thức: - Chon kiểm định thống kê phù hợp cho các loại câu hỏi nghiên cứu nghiên cứu khác nhau; - Phiên giải được các kết quả đầu ra của phần mềm thống kê và chuẩn bị viết báo cáo cho kết quả phân tích số liệu; - Sử dụng được phần mềm SPSS để thực hiện phân tích số liệu; Đọc được, phân tích được kết quả tính toán từ các kỹ thuật phân tích phổ biến hiện nay: tóm tắt và trình bày dữ liệu, phân tích dữ liệu nhị biến, phân tích tương quan hồi quy, phân tích nhân tố - kiểm định thang đo. - Ứng dụng được viễn thám và GIS vào nghiên cứu các tai biến tự nhiên. - Sử dụng thông thạo các phần mềm xử lý ảnh viễn thám và GIS: ENVI, Mapinfo, QGIS. Về kỹ năng: Có kỹ năng sử dụng các phần mềm phân tích ảnh và GIS. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên hình thành tinh thần cần cù, tỉ mỉ, sáng tạo, chính xác.	3	Học kì 1	Điểm tổng kết học phần là trung bình cộng của điểm các bài/phần/nội dung thực tập theo trọng số, cụ thể: Nội dung 1 (50%), nội dung 2 (50%).
10	Đánh giá biến đổi khí hậu	- Về kiến thức: + Phân tích được tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội trên thế giới và ở Việt Nam; + Trình bày được các phương pháp, công cụ đánh giá cổ khí hậu, khí hậu hiện đại; + Hiểu rõ được các mô hình mô phỏng khí hậu toàn cầu và khu vực; + Sử dụng được một số thiết bị đo lường cơ bản: máy đo pH, CO2. - Về kĩ năng: + Phát triển kỹ năng hoạt động nhóm, kỹ năng thuyết trình; + Rèn kỹ năng tự học, kỹ năng thu thập, tổng hợp tài liệu và	2	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%): Tự luận, thảo luận nhóm - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		xử lý thông tin, kỹ năng nghiên cứu khoa học; + Rèn kỹ năng xác định và đưa ra cách đánh giá BĐKH hợp lý trong từng lĩnh vực và địa phương cụ thể. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có nhận thức đúng về vai trò, trách nhiệm của bản thân đối với hiện trạng BĐKH trên toàn cầu và BĐKH ở Việt Nam; + Có thái độ tích cực trong việc tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng đối với các vấn đề liên quan đến BĐKH			
11	Biến đổi khí hậu và Phát triển kinh tế - xã hội	- Về kiến thức: + Nắm được thực trạng kinh tế xã hội Việt Nam khi bước vào thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bối cảnh trong nước và quốc tế những cơ hội và thách thức trong thời kỳ chiến lược. + Nắm được hệ thống các quan điểm, mục tiêu của chiến lược kinh tế - xã hội. + Phân tích được các xu hướng phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh quốc tế và trong nước hiện nay. + Hiểu được mối liên hệ giữa biến đổi khí hậu và phát triển. + Trình bày được định hướng tích hợp các vấn đề biến đổi khí hậu vào phát triển kinh tế - xã hội. - Về kĩ năng: + Thông qua làm việc nhóm, người học có kỹ năng tự nghiên cứu độc lập và tổ chức, phối hợp làm việc nhóm trong tìm kiếm tri thức, thông tin liên quan đến môn học, và tư duy phân tích giải quyết các vấn đề liên quan đến quá trình phát triển kinh tế ở Việt Nam. + Nâng cao kỹ năng thu thập, lựa chọn và tổng hợp các thông tin về các vấn đề kinh tế - xã hội và biến đổi khí hậu. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tạo cho người học ý thức được về vị trí và khả năng của đất nước trong các giai đoạn, từ đó giúp người học nhận thức	2	Học kì 2	- Đánh giá quá trình (40%): Tự luận, thảo luận nhóm - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đúng về vai trò,trách nhiệm của bản thân đối với vấn đềbiến đổi khí hậuhiện là thách thức đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam,từ đó có hành động đúng đắn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu. + Có thái độ tích cực trong việc tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng đối với các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu.			
12	Tác động của biến đổi khí hậu đến lớp vỏ cảnh quan	- Về kiến thức: + Trình bày được khái niệm về lớp vỏ cảnh quan, các hợp phần thành tạo lớp vỏ cảnh quan, mối quan hệ, những qui luật tác động qua lại giữa các hợp phần tự nhiên trong lớp vỏ cảnh quan; + Phân tích được tác động của BĐKH đến các hợp phần tự nhiên trong lớp vỏ cảnh quan và các đới cảnh quan trên toàn cầu và ở Việt Nam; + Đề xuất được các giải pháp ứng phó tác động của BĐKH đối với các hợp phần thành tạo cảnh quan và các đới cảnh quan (bao gồm các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ). - Về kỹ năng: + Rèn kỹ năng phát hiện, phân tích, tổng hợp và giải quyết các vấn đề liên quan đến mối quan hệ giữa khí hậu và các hợp phần tự nhiên ở quy mô toàn cầu và địa phương; + Phát triển kỹ năng ứng phó với BĐKH (giải pháp thích ứng và giảm nhẹ rủi ro do tác động của biến đổi khí hậu đối với các hợp phần cảnh quan và các đới cảnh quan);	2	Học kì 2	- Đánh giá quá trình (40%): Tự luận, thảo luận nhóm - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng nghiên cứu khoa học và liên hệ thực tế địa phương. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Nâng cao ý thức, vai trò, trách nhiệm của bản thân đối với vấn đề BĐKH, ứng phó với BĐKH ở quy mô toàn cầu, Việt Nam và địa phương; + Có thái độ tích cực trong việc tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về các vấn đề liên quan đến BĐKH và tác động của BĐKH.			
13	Các biểu hiện của biến đổi khí hậu ở vùng núi và vùng ven biển Việt Nam.	- Về kiến thức: Tổng hợp, đánh giá được các tác động của biến đổi khí hậu ở vùng núi và ven biển Việt Nam. Qua đó, tìm ra được những giải pháp ứng phó phù hợp. - Về kĩ năng: Tổng hợp, phân tích các dữ liệu hiện có. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có thái độ tích cực trong việc góp phần hạn chế biến đổi khí hậu ở Việt Nam trong tương lai.	2	Học kì 2	- Đánh giá quá trình (40%): Tự luận, thảo luận nhóm - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
14	Thực tập tốt nghiệp	- Về kiến thức: + Xác định được ý nghĩa và tầm quan trọng hệ thống mạng lưới giám sát biến đổi khí hậu tại Việt Nam; + Trình bày và giải thích được quy trình thu thập, giải mã, xử lý, lưu trữ và khai thác thông tin từ mạng lưới giám sát biến đổi khí hậu phục vụ công tác dự báo/dự tính khí hậu; + Trình bày được các tác động của biến đổi khí hậu đến đời sống kinh tế-xã hội tại Việt Nam;	6	Học kì 2	- Đánh giá của cơ sở thực tập: 40% - Đánh giá của Bộ môn: 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy (Học kì)	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Phân tích được các công cụ quản lí tài nguyên và môi trường trong bối cảnh biến đổi khí hậu; + Trình bày được các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu theo vùng và theo ngành thông qua các mô hình thích ứng biến đổi khí hậu tại Việt Nam; + Sử dụng được các thiết bị và công nghệ hiện đại liên quan đến biến đổi khí hậu trong phòng thí nghiệm của Trường cũng như một số đơn vị đến thực tập. - Về kỹ năng: + Rèn luyện kỹ năng thực hành thông qua việc quan trắc như lấy mẫu, bảo quản mẫu và xử lí, phân tích mẫu; + Hình thành và phát triển kỹ năng đánh giá biến đổi khí hậu, phân tích các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu; + Hình thành kỹ năng thiết kế và tổ chức các buổi truyền thông về biến đổi khí hậu. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn tính cẩn thận, trung thực, nghiêm túc trong học tập và thực hành.			

2. Khóa ĐH11

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi thành lập đến nay; Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm	2		- Đánh giá quá trình: + Điểm 1: Bài kiểm tra (60%); bài tập cá nhân (20%), Bài tập nhóm

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và thuyết trình; kỹ năng tư duy khoa học về lịch sử và khả năng vận dụng vào thực tiễn; đấu tranh, phê phán luận điệu sai trái về lịch sử của Đảng; Lập trường tư tưởng vững vàng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng, tích cực học tập để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.			(20%). + Điểm 2: Thảo luận và phát biểu (50%); Chuyên cần (20%); Thái độ học tập (30%). - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
2	Chính sách biến đổi khí hậu phục vụ phát triển bền vững	Kiến thức cơ bản về chính sách, chu trình quản lý chính sách và chính sách công, chính sách về biến đổi khí hậu; Cung cấp các nội dung cơ bản của các văn bản pháp luật về chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước liên quan đến ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; vấn đề và cách thức xây dựng kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu và các thức tích hợp nội dung biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển KT – XH ở địa phương và các ví dụ minh hoạ điển hình ở Việt Nam; Rèn luyện kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp tài liệu, giải quyết vấn đề; Vận dụng phân tích được các chính sách liên quan đến biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.	2	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%) gồm: Bài kiểm tra (50%); Bài tập cá nhân (30%), Chuyên cần (20%). - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
3	Khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính	Các loại khí nhà kính và nguồn thải; ảnh hưởng của khí nhà kính lên hệ thống khí hậu; Hệ thống đo đạc, báo cáo và thẩm định; Hệ thống kiểm kê khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất, quản lý chất thải; Kỹ năng tổ chức làm việc độc lập và theo nhóm; Kỹ năng thuyết trình và đọc hiểu tài liệu tiếng anh, tìm kiếm và tra cứu tài liệu; Kỹ năng phân tích và tổng hợp vấn	3	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%) gồm: Bài kiểm tra: 50%, Bài tập: 30%; chuyên cần: 10%. - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đê; có quan điêm rõ ràng, độc lập, khoa học trong việc tiêp nhận kiến thức môn học; Có trách nhiệm tuyên truyền bảo và bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu; Có khả năng đưa ra được kết luận về kết quả thực hiện kiểm kê khí nhà kính cho một số lĩnh vực.			
4	Tín chỉ rừng và cơ chế phát triển sạch	Trình bày được nguồn gốc, đặc điểm các loại khí nhà kính; Trình bày được khái niệm, các tiêu chí và điều kiện thực hiện của Cơ chế phát triển.; Nêu được khái niệm về Hệ sinh thái rừng, suy thoái rừng; Trình bày được bốn hệ thống phân loại rừng cơ bản; Trình bày được các nguyên nhân cơ bản của suy thoái rừng; Trình bày được các kiểu thảm thực chủ yếu ở Việt Nam; Phân biệt được các hệ sinh thái rừng chủ yếu ở Việt Nam; Đánh giá được khả năng tích lũy cac bon của các kiểu thảm thực vật; Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và thảm thực vật.	2	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%) gồm: Bài kiểm tra, Thuyết trình báo cáo, Bài tập, Chuyên cần. - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
5	Bể chứa các-bon và thị trường các-bon	Bê chứa các bon và chu trình các bon; Thị trường các bon; Thuế các bon; Khả năng tổ chức làm việc độc lập và theo nhóm; Kỹ năng thuyết trình và đọc hiểu tài liệu tiếng anh, tìm kiếm và tra cứu tài liệu; Kỹ năng phân tích và tổng hợp vấn đề; Có quan điểm rõ ràng, độc lập, khoa học trong việc tiếp nhận kiến thức môn học.	3	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%) gồm: Bài kiểm tra: 50%, Bài tập: 30%; chuyên cần: 10%. - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
6	Quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu	Cung cấp những nội dung cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên; Các vấn đề suy thoái môi trường và tài nguyên thiên nhiên cũng như các giải pháp quản lý ứng phó với sự suy	2	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%) gồm: Bài kiểm tra, Chuyên cần. - Thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thoái; Hiểu nguyên nhân tại sao phải quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường trước sự biến đổi phức tạp của khí hậu toàn cầu và Việt Nam; Hiểu các quan điểm, mục tiêu của Nhà nước cũng như các nhiệm vụ trọng tâm trong quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu; Khái niệm cơ bản về các công cụ quản lý tài nguyên và môi trường; Cách xây dựng và vận dụng được các công cụ quản lý tài nguyên môi trường phổ biến hiện nay.			(60%): Tự luận
7	Lao động di cư và việc làm bền vững	Các khái niệm, đặc điểm của lao động, việc làm; các yếu tố tác động đến lao động và tình hình việc làm của Việt Nam; đặc điểm và các yếu tố tác động đến di cư, lao động di cư, việc làm bền vững; tiêu chí đánh giá và các chính sách, giải pháp nhằm tạo việc làm bền vững cho người lao động Việt Nam trong tương lai; Rèn các kỹ năng tự học, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề trong học tập và nghiên cứu; Nâng cao nhận thức về vấn đề lao động, việc làm, di cư lao động trong bối cảnh hiện nay và xu thế tương lai, qua đó, giúp người học tích cực học tập, tích lũy kiến thức, kĩ năng, năng lực tự chịu trách nhiệm để đáp ứng xu thế việc làm bền vững trong tương lai.	3	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%) gồm: + Điểm 1 (Bài kiểm tra 1: 80%, Chuyên cần: 20% + Điểm 2: Bài tập nhóm (50%); Chuyên cần: 20%; Báo cáo: 30%. - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
8	Toàn cầu hóa	Những kiến thức cơ bản về toàn cầu hoá, lịch sử hình thành và các làn sóng toàn cầu hoá; Các khía cạnh của TCH: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội và môi trường; Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong tiến trình toàn cầu hoá hiện nay; Kỹ	2	Học kì 2	- Đánh giá quá trình (40%) gồm: + Điểm 1 (Bài kiểm tra 1: 50%, Bài kiểm tra 2: 50%) + Điểm 2: Bài tập nhóm

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng tổng hợp và phân tích vấn đề; Kỹ năng phản biện và thuyết trình trước đám đông			(70%); Chuyên cần (30%). - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
9	Phát triển đô thị bền vững	Những kiến thức cơ bản về đô thị, đô thị hoá và các vấn đề phát sinh trong quá trình đô thị hoá trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Những kiến thức cơ bản về đô thị, đô thị hoá và các vấn đề phát sinh trong quá trình đô thị hoá trên thế giới cũng như ở Việt Nam; Những nội dung liên quan đến phát triển đô thị bền vững và các tiêu chí để đạt được đô thị bền vững; Các vấn đề tồn tại trong quy hoạch và quản lý đô thị hiện nay; Kỹ năng tra cứu tài liệu, tổng hợp và phân tích vấn đề; Kỹ năng phản biện và thuyết trình trước đám đông	2	Học kì 2	- Đánh giá quá trình (40%) gồm: + Điểm 1 (Bài kiểm tra 1: 50%, Bài kiểm tra 2: 50%) + Điểm 2: Bài tập nhóm (70%); Chuyên cần (30%). - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
10	Năng lượng và phát triển bền vững	Cung cấp những kiến thức cơ bản về năng lượng, năng lượng truyền thống, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch…; Thực trạng về việc quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng trên thế giới và tại Việt Nam; Mối quan hệ giữa hiện tượng biến đổi khí hậu trên toàn cầu với việc quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng; Rèn luyện kỹ năng tranh biện, lập luận và phân tích tính hiệu qủa của việc sử dụng năng lượng; Trau dồi kỹ năng tổng hợp tài liệu, trình bày báo cáo và thuyết trình trước đám đông	2	Học kì 2	- Đánh giá quá trình (40%) gồm: + Điểm 1 (Bài kiểm tra 1: 50%, Bài kiểm tra 2: 50%) + Điểm 2: Bài tập nhóm (70%); Chuyên cần (30%). - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
11	Thiên tai và quản lý rủi ro thiên tai	Cung cấp Các khái niệm về về hiểm họa, thiên tai, tình trạng dễ bị tổn thương, rủi ro thiên tai, quản lý rủi ro thiên tai;các loại thiên tai thường xảy ra trên thế giới và ở Việt Nam (cơ	3	Học kì 2	- Đánh giá quá trình (40%) gồm: Bài kiểm tra 60%, Bài tập: 20%; Chuyên cần: 20%.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chế xuất hiện, cấp độ, và tác động của các loại thiên tai); mô hình và quy trình quản lý rủi ro thiên tai; các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai ở Việt Nam hiện nay; Các phương pháp đánh giá rủi ro thiên tai và biện pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai; Rèn kỹ năng tự học, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề trong học tập và nghiên cứu; Nâng cao nhận thức về rủi ro thiên tai, từ đó chủ động ứng phó và hỗ trợ cộng đồng trong phòng ngừa, quản lý rủi ro thiên tai.			- Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
12	Đồ án nghiên cứu biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	Các bước thiết kế một hoạt động nghiên cứu, thực địa; Lập đề cương nghiên cứu, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu; phát triển bền vững một ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội cụ thể; Lập kế hoạch thực hiện nghiên cứu và kế hoạch khảo sát thực địa; Áp dụng các phương pháp và công cụ để nghiên cứu, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, đánh giá tính bền vững của một ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội cụ thể tại địa phương; Phát triển các kỹ năng tự học, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề phát sinh trên thực địa; Nhận thức được hiện trạng và đề xuất được các giải pháp phù hợp với của địa phương để ứng phó với biến đổi khí hậu và bền vững; tổ chức, thực hiện được các công việc theo nhiệm vụ; có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; thích ứng với điều kiện thực địa.	3	Học kì 2	Đánh giá quá trình gồm: + Điểm 1 (50%): Chuyên cần: 70%; Cỏ tay ghi chép: 30%. + Điểm 2 (50%): Báo cáo đồ án.
13	Phân tích chi phí lợi	SV có các kiến thức cơ bản về khái niệm chi phí, lợi ích, các	3	Học kì 2	- Đánh giá quá trình (40%) gồm: Bài kiểm tra

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	ích trong thích ứng với biến đổi khí hậu	cơ sở lý thuyết kinh tế vi mô và tiên trình phân tích chi phí – lợi ích cho những dự án công; Các phương pháp lượng giá chi phí và lợi ích không có giá thị trường được tạo ra do các dự án thích ứng BĐKH; Các phương pháp phân tích nhạy cảm trong phân tích chi phí lợi ích; Tác động kinh tế của dự án thích ứng BĐKH; Vận dụng các kiến thức đã được cung cấp trong học phần nhằm kết hợp với các kỹ năng làm việc theo nhóm; kỹ năng tìm kiếm thông tin, kỹ năng viết báo cáo, kỹ năng thuyết trình nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc được giao; Tích cực học tập, tự học và có trách nhiệm cao trong công việc, tự tìm tài liệu nghiên cứu			60%, Báo cáo thuyết trình: 30%; Chuyên cần: 10%. - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
14	Thực tập tin học ứng dụng	Chọn kiểm định thống kê phù hợp cho các loại câu hỏi nghiên cứu nghiên cứu khác nhau; Phiên giải được các kết quả đầu ra của phần mềm thống kê và chuẩn bị viết báo cáo cho kết quả phân tích số liệu; Sử dụng được phần mềm SPSS để thực hiện phân tích số liệu; Đọc được, phân tích được kết quả tính toán từ các kỹ thuật phân tích phổ biến hiện nay: tóm tắt và trình bày dữ liệu, phân tích dữ liệu nhị biến, phân tích tương quan hồi quy, phân tích nhân tố - kiểm định thang đo; Sử dụng phần mềm mapinfo để xử lý các số liệu của bản đồ, xử lý các thuộc tính của bản đồ; Biên tập, tạo, xem thông tin bản đồ về biến đổi khí hậu.	3	Học kì 2	Đánh giá quá trình gồm: + Điểm 1 (50%): Bài kiểm tra: 50%, Bài tập: 40%; Chuyên cần: 10%. + Điểm 2 (50%): Bài kiểm tra (50%); Bài tập (40%); Chuyên cần (10%).

2. Khóa ĐH12

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam và sự vận dụng Chủ nghĩa xã hội khoa học trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, thuyết trình, tự học và phản biện; Niềm tin về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội; giá trị khoa học và cách mạng của chủ nghĩa xã hội khoa học.	2	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%): + Điểm 1: Bài kiểm tra (60%); bài tập cá nhân (20%), Bài tập nhóm (20%). + Điểm 2: Thảo luận và phát biểu (50%); Chuyên cần (25%); Thái độ học tập (25%). - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
2	Tiếng Anh 3	Về kiến thức: Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. Về kĩ năng: Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ học tập tích cực,tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%): + Điểm 1: Bài kiểm tra 100% . + Điểm 2: Bài kiểm tra (60%); Thái độ học tập (20%); Bài tập (20%). - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
3	Các quy luật địa lý chung của Trái đất	Cung cấp cho người học kiến thức về đặc điểm cơ bản về Trái Đất và các quyển; giải thích được mối quan hệ tương hỗ giữa các quyển; các quy luật địa lý chung của Trái Đất; Phát triển các kỹ năng phân tích, tổng hợp kiến thức về mối quan hệ giữa	2	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%) gồm: Bài kiểm tra (60%), Chuyên cần (20%), Báo cáo (20%).

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các yêu tô tự nhiên, các quy luật địa lý chung của Trái Đất đê nghiên cứu về biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; Rèn các kỹ năng tự học, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề trong học tập và nghiên cứu; Nâng cao nhận thức về mối quan hệ giữa các quyển của Trái Đất, từ đó, thực hiện tốt việc sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.			- Thi kết thúc học phân (60%): Tự luận
4	Khí tượng cơ sở	Cung cấp kiên thức vê đặc điêm vê thành phân, câu trúc,... của khí quyển; Ảnh hưởng của các dòng bức xạ đến chế độ nhiệt của khí quyển và bề mặt trái đất; Nguyên nhân và đặc điểm của các loại gió: Gió địa chuyển, gió gradient, gió nhiệt, gió đất biển, gió núi, thung lũng,...; Hiện tượng được hình thành do sự chuyển pha của nước; Đặc điểm của các hoàn lưu trong khí quyển; Áp dụng làm các bài tập trong thực tiễn; Rèn luyện được tính sáng tạo, nhận biết và yêu thích các hiện tượng trong tự nhiên.	3	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%) gồm: Bài kiểm tra (90%), Chuyên cần (10%). - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
5	Khoa học về biến đổi khí hậu	Giới thiệu cho người học những khái niệm cơ bản liên quan đến khoa học về biến đổi khí hậu; Tổng quan về tác động củabiến đổi khí hậu; Bản chất - nguyên nhân - cơ chế vật lý của biến đổi khí hậu; Các tác động, tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; các kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu trên toàn cầu và ở Việt Nam.	3	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%) gồm: + Điểm 1 (Bài kiểm tra: 90%, Chuyên cần:10%); + Điểm 2 (Bài kiểm tra: 60%; Chuyên cần: 10%; Thảo luận: 30%) - Thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					(60%): Tự luận
6	Khoa học bền vững	Cung cấp cho người học bối cảnh tại sao cần phải phát triển bền vững toàn cầu, và tiến trình từ phát triển đến phát triển bền vững toàn cầu; Kiến thức về sự ra đời và phát triển của các ngành khoa học bền vững trên thế giới và Việt Nam; Cách tiếp cận để giải quyết các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững; Nhận thức được tính tất yếu của phát triển bền vững, có khả năng lập kế hoạch và đề xuất giải pháp nhằm phát triển bền vững ở các cấp độ khác nhau.	3	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%) gồm: + Điểm 1 (Chuyên cần: 20%; Thảo luận nhóm: 80%); + Điểm 2 (Bài kiểm tra: 80%; Tháo độ học tập: 20%) - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
7	Phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	Trình bày được các bước cơ bản thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học; Cách tiếp cận trong đánh giá tác động của biến đổi khí hậu; Vận dụng được cách tổ chức thực hiện đánh giá tác động của biến đổi khí hậu; Nêu được các bước và vận dụng được các bước này trong quy trình đánh giá tác động của biến đổi khí hậu; Giải thích được cách tiếp cận trong việc xây dựng các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; Kể tên và vận dụng được các bước trong quy trình xác định các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu; Vận dụng được các bước cơ bản để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học về biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; Rèn kỹ năng thu thập và xử lý thông tin Rèn kĩ năng phân tích, so sánh, tổng hợp; Rèn kĩ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong học tập và đời sống. Nâng cao ý thức trung thực, nghiêm túc trong khoa học; Nâng cao ý	3	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%) gồm: Bài kiểm tra, Chuyên cần - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thức bảo vệ ngôi nhà chung của Trái Đất trước những tác động của biến đổi khí hậu.			
8	Khí hậu và dao động khí hậu	Cung cấp cho người học Đặc điểm các dao động khí hậu, chỉ số và tác động đến thời tiết, khí hậu Việt Nam; Hệ thống khí hậu và sự hình thành khí hậu; Các nhân tố hình thành khí hậu Việt Nam; Phân vùng khí hậu Việt Nam; Kỹ năng tổ chức làm việc độc lập và theo nhóm; Kỹ năng thuyết trình và đọc hiểu tài liệu tiếng anh, tìm kiếm và tra cứu tài liệu; Kỹ năng phân tích và tổng hợp vấn đề. Có quan điểm rõ ràng, độc lập, khoa học trong việc tiếp nhận kiến thức môn học; Tích cực, chủ động trong việc nâng cao kiến thức môn học.	2	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%) gồm: Bài kiểm tra: 60%, Bài tập: 30%; Chuyên cần: 10%. - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
9	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp cho người học Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong thực tiễn; Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; Tư duy lý luận, phản biện; Bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước; Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.	2	Học kì 2	- Đánh giá quá trình: + Điểm 1: Bài kiểm tra (50%); bài tập cá nhân (30%), Bài tập nhóm (20%). + Điểm 2: Thảo luận và phát biểu (50%); Chuyên cần (20%); Thái độ học tập (30%). - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
10	Tham quan nghề nghiệp	Cung cấp kiến thức thực tế về biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, nghiên cứu và xử lý dữ liệu ngoài hiện trường, tổng hợp thông tin, viết báo cáo; Những định hướng về nghề nghiệp	1	Học kì 2	Đánh giá quá trình: - Chuyên cần: 50% - Báo cáo: 50%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong tương lai để sinh viên có thể ứng dụng kiến thức chuyên ngành đào tạo, đáp ứng vị trí việc làm			
11	Tiếng Anh chuyên ngành	Hiểu được những kiến thức cơ bản về hệ thống khí hậu, vai trò cấu thành nên hệ thống khí hậu; Các thông tin về tình trạng biến đổi khí hậu hiện nay trên thế giới và Việt Nam; Nắm được kiến thức cơ bản về sự ra đời, khái niệm về phát triển bền vững; Tình hình thực hiện phát triển bền vững trên thế giới và Việt Nam; Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Đọc, hiểu và trình bày được các chủ đề cơ bản liên quan tới lĩnh vực Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững; Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	Học kì 2	- Đánh giá quá trình (40%) gồm: Bài kiểm tra, Chuyên cần - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
12	Biến đổi khí hậu tác động đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học	Cung cấp cho người học nội dung về các thành phần và đặc trưng của hệ sinh thái, các nhân tố tác động, mối quan hệ giữa sinh vật với sinh vật trong hệ sinh thái và diễn thế sinh thái; Khái niệm về đa dạng sinh học. Ý nghĩa của đa dạng sinh học và bảo vệ đa dạng sinh học; Các tác động của biến đổi khí hậu đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học.	2	Học kì 2	- Đánh giá quá trình (40%) gồm: Bài kiểm tra (50%), Thảo luận (30%); Chuyên cần (20%). - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
13	Sinh thái và phát triển xã hội sinh thái	Cung cấp cho người học kiến thức về sự ra đời và nội hàm của các khái niệm hệ sinh thái mở rộng; Khái niệm, thuộc tính, cấu	2	Học kì 2	Đánh giá quá trình (40%) gồm: Bài kiểm tra (70%); Chuyên cần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trúc của hệ sinh thái - xã hội và ứng dụng cách tiếp cận hệ sinh thái - xã hội; Khái niệm, mục tiêu, đặc điểm của một xã hội sinh thái.			(30%). - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
14	Tin học ứng dụng	Cung cấp cho người học Ngôn ngữ lập trình Fotran gồm: khái niệm về hằng và biến; kiểu hằng và kiểu biến; gán hằng và gán biến; các phép tính số học, các phép toán và các hàm; Cấu trúc các lệnh cơ bản: Dạng rẽ nhánh, dạng lặp, các cấu trúc mở rộng; hàm và thủ tục, mảng; Ngôn ngữ lập trình Grads gồm: lệnh ra/vào, kiểu file dữ liệu, tên biến; Cấu trúc lệnh cơ bản: Lệnh điều khiển, lệnh lặp, hàm xâu kí tự và các hàm khác; Các dạng bài toán thực tế gắn với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; Kỹ năng tổ chức làm việc độc lập và theo nhóm; Kỹ năng phân tích và tổng hợp vấn đề; Kỹ năng đọc hiểu tài liệu tiếng anh, tìm kiếm và tra cứu tài liệu liên quan đến môn học. Có quan điểm rõ ràng, độc lập, khoa học trong việc tiếp nhận kiến thức môn học; Tích cực, chủ động trong việc nâng cao kiến thức môn học.	3	Học kì 2	Đánh giá quá trình (40%) gồm: Bài kiểm tra (60%); Bài tập (30%); Chuyên cần (10%). - Thi kết thúc học phần (60%): Thực hành
15	Mô hình hóa khí hậu khu vực	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản vềhệ thống khí hậu, kịch bản khí hậu. Giới thiệu và cung cấp thông tin về lịch sử hình thành mô hình hóa khí hậu, cá dạng mô hình hóa khí hậu và mô hình khí hậu khu vực; Cung cấp cho người học các ứng dụng của các mô hình khí hậu; Tích cực học tập, tự học và có trách nhiệm cao trong công việc, tự tìm tài liệu nghiên cứu.	2	Học kì 2	- Đánh giá quá trình: + Điểm 1: Bài kiểm tra (60%); Bài tập (30%), Chuyên cần (10%). + Điểm 2: Bài tập nhóm (60%); Báo cáo thuyết trình (30%) Chuyên cần (10%). - Thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					(60%): Tự luận
16	Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Những nội dung cơ bản về biên đôi khí hậu và các tác động của con người tới môi trường; Những khái niệm cơ bản về kịch bản biến đổi khí hậu vànước biển dâng; Các biểu hiện của biến đổi khí hậu và nước biển dâng trên toàn cầu và Việt Nam; Các kịch bản khí nhà kính của IPCC; Các phương pháp được sử dụng để xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng quy mô toàn cầu,khu vực; Tìm hiểu các kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng toàn cầu và khu vực; Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng ở Việt Nam.	2	Học kì 2	Đánh giá quá trình (40%) gồm: Bài kiểm tra (100%); Thảo luận (100%). - Thi kết thúc học phần (60%): Thực hành
17	Năng lượng và phát triển bền vững	Cung cấp những kiến thức cơ bản về năng lượng, năng lượng truyền thống, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch…; Thực trạng về việc quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng trên thế giới và tại Việt Nam; Mối quan hệ giữa hiện tượng biến đổi khí hậu trên toàn cầu với việc quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng; Rèn luyện kỹ năng tranh biện, lập luận và phân tích tính hiệu qủa của việc sử dụng năng lượng; Trau dồi kỹ năng tổng hợp tài liệu, trình bày báo cáo và thuyết trình trước đám đông	2	Học kì 2	- Đánh giá quá trình (40%) gồm: + Điểm 1 (Bài kiểm tra 1: 50%, Bài kiểm tra 2: 50%) + Điểm 2: Bài tập nhóm (70%); Chuyên cần (30%). - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận

4. ĐH13

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác-Lênin	Về kiến thức:	3	Học kì 1	- Đánh giá quá trình

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Kiên thức khái quát về triết học và kiên thức cơ bản, hệ thống về Triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử - Một số kiến thức thực tiễn từ sự vận dụng lý luận Triết học Mác-Lênin Về kỹ năng: - Kỹ năng tư duy logic và khoa học theo thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng trong nhận định, đánh giá và giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực tiễn - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm Về năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm: Giá trị lý luận và thực tiễn của triết học Mác-Lênin, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác-Lênin			(40%): bài kiêm tra, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, chuyên cần, thái độ học tập. - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
2	Tiếng Anh 1	- Kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ sơ cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội - Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ sơ cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. - Thái độ học tập tích cực,tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%): bài kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp bài tập, thái độ học tập. - Thi kết thúc học phần (60%): Trắc nghiệm + vấn đáp
3	Pháp luật đại cương	- Những kiến thức về: nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức	2	Học kì 1	- Đánh giá quá trình

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng của nhà nước; nguôn gôc, bản chât, các thuộc tính và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; trách nhiệm pháp lý; nội dung cơ bản của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật phòng chống tham nhũng. - Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; Kỹ năng so sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung và nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; Kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế. - Năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. Xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.			(40%): bài kiểm tra, bài tập, thảo luận, chuyên cần, thái độ học tập. - Thi kết thúc học phần (60%): Trắc nghiệm
4	Tin học đại cương	- Các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin(khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin) - Cách giao tiếp với hệ điều hành Windows - Cách sử dụng các ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel, MS Powerpoint.	2	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%): bài kiểm tra, bài tập, chuyên cần, báo cáo, bài thực hành - Thi kết thúc học phần (60%): Thực hành
5	Toán cao cấp	- Khôi kiên thức Toán cơ bản về về đại sô tuyên tính, giải tích toán học.	2	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%): bài kiểm tra,

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Khả năng vận dụng kiên thức cơ bản giải được các bài tập về đại số tuyến tính, giải tích toán học và và áp dụng kiến thức cơ bản vào các lĩnh vực khoa học khác. - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực,tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			bài tập, thái độ học tập. - Thi kết thúc học phần (60%): Thực hành
6	Hóa học đại cương	- Các khái niệm cơ bản về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học, các công thức, các đại lượng quan trọng trong nội dung kiến thức của từng chương. - Vận dụng được các kiến thức lý thuyết về Hóa học đại cương vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên sẽ được đào tạo. - Áp dụng được những kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các dạng bài tập trong nội dung học phần. - Vận dụng được kiến thức đã học để giải thích các hoạt động thực tiễn có liên quan đến hoá học. - Tự nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học về hóa học đại cương vào các lĩnh vực chuyên môn, đồng thời rèn luyện cho sinh viên thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong công việc.	2	Học kì 1	- Đánh giá quá trình (40%): Bài chuẩn bị, bài kiểm tra, bài tập, chuyên cần. - Thi kết thúc học phần (60%): Thực hành
7	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	- Những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - Những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. - Kỹ năng trình bày, phân tích, tổng hợp, những lý luận cơ bản	2	Học kì 2	- Đánh giá quá trình (40%): bài kiểm tra, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, chuyên cần, thái độ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của kinh tê chính trị Mác – Lê nin trong hoạt động thực tiễn. - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm - Năng lực tích lũy kiến thức và nghiên cứu độc lập, đánh giá và nhận diện bản chất các vấn đề cơ bản của kinh tế chính trị Mác- Lê Nin trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay. - Lập trường tư tưởng vững vàng, niềm tin vào đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.			học tập. - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận
8	Tiếng Anh 2	*Về kiến thức:* Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ tiền trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. *Về kĩ năng:* Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Thái độ học tập tích cực,tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	Học kì 2	- Đánh giá quá trình (40%): bài kiểm tra trắc nghiệm, vấn đáp bài tập, thái độ học tập. - Thi kết thúc học phần (60%): Trắc nghiệm + vấn đáp
9	Kỹ năng mềm	- Sinh viên có các kiến thức cơ bản về kỹ năng làm việc nhóm và các nguyên tắc, kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong một số trường hợp thông thường; chuẩn bị hồ sơ tìm việc, viết lý lịch,	2	Học kì 2	- Đánh giá quá trình (40%): Tự luận, chuyên cần, bài tập, báo cáo thực hành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hồ sơ năng lực cá nhân, các kiên thức cơ bản vê phỏng vân tuyển dụng, môi trường làm việc, văn hóa công sở. - Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để khai thác hiệu quả hơn năng lực cá nhân, phương pháp phối hợp làm việc giữa các cá nhân khi tham gia làm việc theo nhóm; hiểu biết đúng và có thể vận dụng các phương pháp rèn luyện để tăng cường kỹ năng giao tiếp, ứng xử; có thể xây dựng kế hoạch tự rèn luyện kỹ năng giao tiếp và lựa chọn được phương pháp rèn luyện ngôn từ, cách diễn đạt, thái độ ứng xử và quản lý được hành vi cá nhân phù hợp khi tham gia các hoạt động giao tiếp trong các trường hợp thông thường. - Tích cực, chủ động, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao năng lực cá nhân và các kỹ năng mềm cần thiết trong học tập và công việc tương lai.			- Thi kêt thúc học phân (60%): Tự luận
10	Xác suất thống kê	- Khối kiến thức cơ bản về xác suất: biên cố ngẫu nhiên, xác suất của biến cố, các công thức tính xác suất, công thức xác suất toàn phần, công thức xác suất nhị thức, đại lượng ngẫu nhiên, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, một số quy luật phân phối xác suất thông dụng, đại lượng ngẫu nhiên hai chiều. - Khối kiến thức cơ bản về thống kê: lý thuyết mẫu ngẫu nhiên, ước lượng một số tham số lý thuyết bằng khoảng tin cậy, kiểm định giả thuyết thống kê. - Khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản về xác suất,thống	2	Học kì 2	- Đánh giá quá trình (40%): bài kiểm tra, bài tập, thái độ học tập. - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kê để làm bài bài tập về định tính, định lượng trong xác suất thống kê vào các lĩnh vực khoa học khác. - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực,tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			
11	Vật lý đại cương	- Khối kiến thức vật lý cơ bản về:đo lường; cơ học chất điểm; chuyển động của vũ trụ; nhiệt động lực học; điện – từ trường; dao động cơ và sóng điện từ; quang hình và quang lượng tử. - Khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản đã học để làm bài tập về định tính, định lượng trong vật lý và áp dụng kiến thức cơ bản vật lý vào các lĩnh vực khoa học khác. - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực,tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	Học kì 2	- Đánh giá quá trình (40%): bài kiểm tra, bài tập, thái độ học tập. - Thi kết thúc học phần (60%): Tự luận

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_SH

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2023-2024
Ngành: Sinh học ứng dụng

1. Khóa 10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Thực tập ứng dụng sinh học trong quan trắc môi trường	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Nhận biết được các đặc điểm hình thái, cấu tạo, của chỉ thị sinh học trong môi trường nước, không khí và đất; Vận dụng các phương pháp phân tích quan trắc các các nhóm sinh vật trong môi trường nước, không khí và đất; phân tích các chỉ tiêu vi sinh trong môi trường nước, không khí và đất. - Về kĩ năng: có kỹ năng làm việc độc lập và nhóm khi thực hiện trong phòng thí nghiệm; giữ an toàn khi làm việc trong điều kiện phòng thí nghiệm (mang găng tay, mặt nạ,...); Có thể sử dụng thành thạo các thiết bị trong phòng thí nghiệm (kính hiển vi, tử ấm, tủ cấy, nồi hấp thanh trùng,...); có thể xác định được một số vi sinh vật trong môi trường nước, không khí và đất điển hình và phân lập chúng; có thể thiết kế thí nghiệm và các bước theo thiết kế; lập báo cáo về các hoạt động của mình đã thực hiện - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có khả năng làm việc một cách độc lập và giải thích một cách khoa	2	1	Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. Trọng số mỗi đầu điểm: 50% Hình thức đánh giá: thực hành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học những gì quan sát trong các thí nghiệm; có hứng thú với việc nghiên cứu vi sinh vật			
2.	Thực tập công nghệ sinh học trong xử lý môi trường	Về kiến thức: - Đọc, hiểu và vận dụng được quy trình để tiến hành thực nghiệm xác định một số chỉ tiêu cơ bản trong môi trường không khí, môi trường đất, chất thải rắn, mẫu sinh học và thực phẩm; - Thiết kế và thực hiện các quy trình xử lý môi trường cho các đối tượng cụ thể; Về kĩ năng: - Chủ động và thành thạo trong các phương pháp xử lý môi trường đất, nước, không khí ô nhiễm. Rèn luyện kỹ năng trình bày báo cáo, làm việc nhóm, sử dụng các bảng biểu theo mẫu - Xây dựng được quy trình xử lý môi trường bằng công nghệ sinh học cho một đối tượng cụ thể. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: - NL1: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý ô nhiễm đất, nước, không khí; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; - NL2: Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể;	2	1	Điểm tổng kết học phần là trung bình cộng của điểm các nội dung thực tập theo trọng số như sau: Nội dung 1- 4: 50% Báo cáo: 50%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- NL3: Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.			
3.	Thực tập sản xuất nông nghiệp sạch	- Về kiến thức: Sinh viên trình bày được kiến thức cơ bản về sản xuất nông nghiệp. Tầm quan trong của sản xuất nông nghiệp sạch trong bối cảnh hiện nay. Tổng hợp những nghiên cứu đánh giá về sản xuất nông nghiệp sạch và các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch trên thế giới và ở Việt Nam. - Về kỹ năng: Từ việc nắm rõ các kiến thức liên quan đến nông nghiệp sạch và các mô hình nông nghiệp sạch trên thế giới và Việt nam. Sinh viên có khả năng xây dựng chuyên đề đề xuất xây dựng một mô hình nông nghiệp sạch cho 1 khu vực cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên thấy rõ vai trò cần thiết của phát triển nông nghiệp sạch đối với sự phát triển bền vững.	2	1	Điểm tổng kết học phần là trung bình cộng của điểm các nội dung thực tập theo trọng số như sau: Nội dung 1- 3: 50% Báo cáo: 50%
4.	Chuỗi cung ứng trong sản xuất nông nghiệp sạch	- Kiến thức: Nắm bắt các lý thuyết sử dụng trong công tác quản lý chuỗi cung ứng để áp dụng trong thực hành nghề nghiệp. Hiểu được các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích và phương pháp quản lý chuỗi cung ứng. - Kỹ năng: Học viên biết vận dụng kiến thức cơ bản về quản lý chuỗi cung ứng vào thực tiễn chuyên môn và các môn chuyên ngành liên quan. Tiếp cận các kỹ thuật, xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng và đo lường được hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng áp dụng cho hoạt động sản xuất nông nghiệp sạch. Rèn duy phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa trong xây dựng và quản lý chuỗi cung ứng.	2	1	Điểm quá trình trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Học viên thấy rõ vai trò, trách nhiệm và ý nghĩa của môn hoc nhằm nâng cao nhận thức về quản lý chuỗi cung ứng. Sinh viên nhận thấy sự cần thiết của việc quản lý và xây dựng chuỗi cung ứng trong phat triển nông nghiệp sạch			
5.	Công nghệ sản xuất phân vi sinh	- Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, phân vi sinh, các vi sinh vật dùng làm phân bón, giải thích được các bước trong quy trình chế biến phân bón, phân biệt được các loại phân bón vi sinh khác nhau và các phương pháp sử dụng phân bón - Về kỹ năng: trang bị những kỹ năng tạo ra được một chế phẩm vi sinh vật - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	2	1	Điểm quá trình: trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% Hình thức đánh giá: tự luận
6.	Thực tập công nghệ trồng nấm	- Về kiến thức: Hiểu, trình bày được các kiến thức đã học trong học phần lý thuyết của phần thực tập công nghệ trồng nấm. Vận dụng lý thuyết và hiểu các kỹ năng về các quá trình làm bịch nấm, cấy giống, bịch phôi, tạo quả thể nấm,…để có thể hiểu và thực tập sản xuất nấm sò. - Về kỹ năng: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về quá trình tạo giống cấp 1, 2, 3; các hình thành bịch phôi, tạo quả thể nấm. Có những kỹ năng áp dụng phương pháp vi sinh để trồng nấm ứng dụng làm thực phẩm cung cấp chất dinh dưỡng cho người sử dụng.	2	1	Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. Trọng số mỗi đầu điểm: 50% Hình thức đánh giá: Thảo luận nhóm và Thực hành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực sinh học ứng dụng; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.			
7.	Thực tập sản xuất vật liệu sinh học	***Về kiến thức:*** Củng cố và liên hệ giữa lý thuyết chuyên ngành đã học với thực tế sản xuất, có khả năng truyền đạt vấn đề, làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành sinh học ứng dụng, cụ thể sinh viên có kiến thức chuyên sâu về sản xuất và ứng dụng vật liệu sinh học. Sinh viên làm quen với các công việc thực tế liên quan đến các kiến thức đã được đào tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực, ngành đào tạo và các hướng chuyên sâu. ***Về kĩ năng:*** Có kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn sản xuất để hoàn thành một số công việc cụ thể. Giúp sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học, tăng tính sự sáng tạo trong quá trình học và tạo thuận lợi cho sinh viên khi ra trường. Từ đó Sinh viên có động cơ học tập đúng đắn, có tinh thần và thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo và thích thú đối với học phần. Sinh viên thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm;	2	1	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 Hình thức đánh giá: Thảo luận nhóm và Bài tập lớn Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Báo cáo thực tập

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có khả năng đưa ra được các đánh giá kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; Có khả năng đưa ra được kết luận về đề tài chuyên môn được cơ sở thực tập giao. có năng lực lập kế hoạch, phối thợp và làm việc nhóm trong công việc được giao; Có năng lực đánh giá về kết quả của đề tài đã thực hiện trong kỳ thực tập và thê hiện trách nhiệm trong công việc.			
8.	Marketting sản phẩm xanh	***- Về kiến thức:*** Diễn giải được các khái niệm cơ bản của marketing sản phẩm xanh; Vận dụng và thực hiện được các nghiên cứu và phân tích thị trường các sản phẩm xanh; Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch marketing cho các sản phẩm xanh. ***- Về kỹ năng:*** Người học biết vận dụng kiến thức cơ bản để phân tích và đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh của thị trường sản phẩm xanh. ***- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*** Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	2	1	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 Hình thức đánh giá: Tự luận và Thảo luận nhóm Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận

2. Khóa 11

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam		2	1	
2.	Tin sinh học	*Về kiến thức:* - Nêu được các kiến thức cơ bản về sinh học phân tử, quá trình tiến hóa và cơ sở dữ liệu cho sinh học phân tử; - Nắm được mô hình toán và mô hình tăng trưởng của quần thể và áp dụng ngôn ngữ lập trình Matlab trong việc mô tả trường nghiệm của các mô hình này; - Nắm được các bài toán cơ bản trong tin sinh được mô hình hóa và giải quyết bằng cách áp dụng các thuật toán phổ dụng: Hiểu được thuật toán quy hoạch động, Needleman - Wunsch, Smith – Waterman trong bài toán phân tích và xếp hàng hai chuỗi. *Về kỹ năng:* - Phân tích thống kê xử lý dữ liệu sinh học phân tử bằng việc sử dụng phần mềm và ngôn ngữ lập trình Matlab; - Lập trình thuật toán quy hoạch động, Needleman-Wunsch, Smith– Waterman trong bài toán phân tích và sắp xếp hàng hai chuỗi. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* - Sinh viên được củng cố ý thức tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trong lớp, tự học, thảo luận nhóm, phân tích các thuật toán. - Củng cố thêm đam mê học tập, nghiên cứu, ứng dụng tin sinh học để giải quyết nhu cầu và các vấn đề thực tiễn.	3	1	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Thảo luận nhóm và Thực hành Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận
3.	Ứng dụng sinh học trong quan trắc môi trường	- *Về kiến thức:* trình bày được, các khái niệm liên quan đến quan trắc môi trường, các bước thiết kế một chương trình quan trắc môi trường đất, nước, không khí theo quy chuẩn. Trình bày	3	1	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được nguyên tắc xác định, quy trình tiến hành, phương pháp tính kết quả của quy trình phân tích một số thông số cơ bản trong môi trường. - *Về kĩ năng:* Phân tích được một số các thông số cơ bản tại phòng thí nghiệm, Đọc quy trình phân tích bằng tiếng việt và một số quy trình phân tích đơn giản bằng tiếng anh và làm được theo hướng dẫn của quy trình, Tính toán kết quả phân tích, phân tích các dữ liệu thu được và lập được các báo cáo kết quả quan trắc. - *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Có trách nhiệm trong công việc, trung thực với báo cáo các số liệu phân tích, say mê, yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường.			điểm, hệ số 1 Hình thức đánh giá: Tự luận và Thực hành Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Thực hành
4.	Công nghệ sinh học trong xử lý môi trường	- *Về kiến thức:* Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sinh vật chỉ thị môi trường đất, nước, không khí và những biện pháp sinh học trong xử lý ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí. Các biện pháp sinh học được ứng dụng để xử lý môi trường là phương pháp sử dụng thực vật và vi sinh vật. - *Về kỹ năng:* Sử dụng được thực vật và vi sinh vật trong đánh giá môi trường và xử lý môi trường ô nhiễm. - *Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm:* **NL1:** Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý ô nhiễm đất, nước, không khí; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; **NL2:** Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề	3	1	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 Hình thức đánh giá: Tự luận và Thực hành Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; **NL3:** Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình			
5.	Công nghệ sinh học thực vật	*Về kiến thức:* - Phân tích được vai trò và ứng dụng của công nghệ sinh học thực vật. - Trình bày được cơ sở khoa học của kỹ thật nuôi cấy mô tế bào thực vật, từ đó xây dựng được qui trình nuôi cấy mô tế bào thực vật phù hợp với từng mục đích, từng loại mô thực vật. *Về kỹ năng:* - Sử dụng được một số dụng cụ và thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm công nghệ sinh học thực vật; - Lựa chọn và đề xuất được các qui trình ứng dụng của công nghệ sinh học thực vật trong môi trường, thực phẩm, bảo tồn đa dạng sinh học… - Xử lý, tính toán và biểu diễn được các số liệu thu được khi làm thực hành. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* - Sinh viên được củng cố ý thức tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trong lớp, tự học, thảo luận nhóm, phân tích các tình huống; - Củng số thêm đam mê học tập, nghiên cứu, ứng dụng hóa sinh học để giải quyết nhu cầu và các vấn đề thực tiễn: - Thích nghi, tự định hướng và cải tiến các hoạt động	3	1	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận và Thực hành Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chuyên môn ở quy mô trung bình.			
6.	Công nghệ lên men phế phụ phẩm	- ***Về kiến thức***: có khả năng trình bày được những kiên thức cơ bản về các phế phụ phẩm trong nông nghiệp và ngành công nghiệp thực phẩm, nắm bắt được một số phương pháp xử lý phế phụ phẩm thực phẩm trước, trong và sau quá trình chế biến thực phẩm từ đó vận dụng vào thực tế về quản lý và xử lý môi trường. - ***Về kỹ năng:*** vận dụng được những kiến thức cơ bản về phân loại các phế phụ phẩm, lựa chọn các phương pháp xử lý phù hợp với các phế phụ phẩm.; - ***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*** + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực sinh học ứng dụng; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; + Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.	2	1	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận và Thảo luận nhóm Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận
7.	Công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học	- ***Về kiến thức***: Có khả năng trình bày được những kiến thức cơ bản về các các chế phẩm sinh học trong bảo vệ và sản xuất nông nghiệp, ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, phương pháp sinh học phân tử hiện đại trong nghiên cứu bản chất của tác nhân gây hại, tính kháng của ký chủ và mối quan hệ cộng sinh ở mức độ phân tử..	3	1	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 Hình thức đánh giá:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- ***Về kỹ năng***: vận dụng được những kiên thức cơ bản đê suy luận, đánh giá các mối tương tác đa chiều trong tự nhiên dựa theo quan hệ ký sinh - vật chủ - môi trường – con người, và lựa chọn phương pháp nghiên cứu các khía cạnh liên quan đến bảo vệ mùa màng. Có những kỹ năng áp dụng phương pháp sinh học phân tử để sản xuất các chế phẩm công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật, xử lý môi trường,… - ***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm***: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực sinh học ứng dụng; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ			Tự luận và Thảo luận nhóm Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận
8.	Sản xuất nông nghiệp sạch và bền vững	- *Kiến thức:* Trình bày được các khái niệm chung về nông nghiệp sạch, Các giai đoạn phát triển của sản xuất nông nghiệp, sự ra đời và lịch sử phát triển của nông nghiệp sạch, ưu điểm và hạn chế của nông nghiệp sạch, nắm vững được các tiêu chuẩn và quy trình sản xuất nông nghiệp sạch, hệ thống giám sát và cách quản lý đảm bảo chất lượng sản phẩm nông nghiệp sạch, cập nhật được thực trạng phát triển sản xuất nông nghiệp sạch trên thế giới và việt nam và những định hướng phát triển - *Kỹ năng:* Học viên biết vận dụng kiến thức cơ bản về sản xuất nông nghiệp sạch vào thực tiễn chuyên môn và các môn chuyên ngành liên quan. Rèn tư duy phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hóa trong sản xuất nông nghiệp sạch - *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Học viên thấy rõ vai	2	2	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Hình thức đánh giá: Tự luận và Thảo luận nhóm Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trò, trách nhiệm và ý nghĩa của môn hoc nhằm nâng cao nhận thức của con người về sản xuất nông nghiệp sạch. Sinh viên nhận thấy sự cần thiết phải quản lý và phát triển nông nghiệp sạch trong bối cảnh hiện nay			
9.	Công nghệ sinh học thực phẩm	- ***Về kiến thức***: có khả năng trình bày được những kiến thức cơ bản về sinh học tế bào, sinh học phân tử, các kỹ thuật di truyền, ứng dụng CNSH trong CNTP - ***Về kỹ năng***: Có khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề liên quan đến ứng dụng của CNSH trong CNTP - ***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm***: + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực sinh học ứng dụng; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; + Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.	3	1	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 Hình thức đánh giá: Tự luận và Thảo luận nhóm Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận
10.	Độc tố trong sinh vật và thực phẩm	- ***Về kiến thức:*** Trình bày được các khái niệm về độc tố trong sinh vật và thực phẩm; nguyên nhân và các yếu tố gây ngộ độc thực phẩm; Phân tích được các cơ chế hấp thụ, phân phối, đào thải các chất độc trong cơ thể và các yếu tố ảnh hưởng đến sự chuyển hóa sinh học các độc tố; các loại độc tố vi sinh, nấm mốc và các loại độc tố trong sinh vật và thực phẩm; ngộ độc thực phẩm liên quan đến	3	2	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 Hình thức đánh giá:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		một số chất độc cụ thể. - ***Về kĩ năng:*** Có khả năng phòng tránh ngộ độc thực phẩm liên quan đến một số chất độc cụ thể; Có khả năng tìm kiếm, đọc và tổng hợp các tài liệu liên quan đến độc tố học trong thực phẩm; - ***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*** Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm; Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật			Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận
11.	Cây dược liệu và các hợp chất có hoạt tính sinh học	- Về kiến thức: sinh viên có khả năng trình bày được những kiến thức cơ bản về cây dược liệu và các hoạt chất thiên nhiên: khái niệm, vai trò, phân loại cây dược liệu theo các tiêu chí khác nhau; Thành phần và tác dụng của các nhóm chất tự nhiên có trong cây dược liệu; Sơ lược quá trình hình thành và phát triển môn dược liệu ở Việt Nam. Sinh viên có khả năng mô tả được đặc điểm hình thái của cơ quan sinh dưỡng, cơ quan sinh sản của thực vật thuộc ngành Ngọc lan; Phân biệt được đặc điểm cấu tạo giải phẫu cơ quan sinh dưỡng của thực vật thuộc ngành Ngọc lan dựa vào cấu tạo tế bào và mô thực vật; Sinh viên có kiến thức để phân tích được các lý do cần bảo tồn Tài nguyên cây thuốc, các mối đe dọa đối với Tài nguyên cây thuốc và ứng dụng được các phương pháp bảo tồn tài nguyên cây thuốc trong ngành Dược. - Về kỹ năng: sinh viên vận dụng được những kiến thức cơ sở để so sánh được đặc điểm cấu tạo giải phẫu của các cơ quan sinh dưỡng; Nhận biết và mô tả được đặc điểm các cây dược liệu phổ biến. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: **NL1:** Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ	3	2	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1 Hình thức đánh giá: Tự luận và Thảo luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuộc lĩnh vực sinh học ứng dụng; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; **NL2:** Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; **NL3:** Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình			
12.	Kỹ thuật phân tích vi sinh trong y học	*Về kiến thức:* - Trình bày được các kỹ thuật xét nghiệm cơ bản, nuôi cây phân lập vi khuẩn từ bệnh phẩm, định danh vi khuẩn từ bệnh phẩm lâm sàng, kỹ thuật kháng sinh đồ, đảm bảo chất lượng xét nghiệm vi sinh *Về kỹ năng:* - Có kỹ năng sử dụng các thiết bị phòng thí nghiệm và thực hiện các xét nghiệm vi sinh lâm sàng. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* - Sinh viên được củng cố ý thức tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trong lớp, tự học, thảo luận nhóm, phân tích các tình huống. - Củng số thêm đam mê học tập, nghiên cứu, ứng dụng hóa sinh học để giải quyết nhu cầu và các vấn đề thực tiễn.	3	2	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, Hình thức thi: Tự luận
13.	Thực tập sản xuất chế phẩm sinh học	- *Về kiến thức*: Hiểu, trình bày được các kiến thức đã học trong học phần lý thuyết của phần thực tập này là học phần công nghệ	2	2	Đánh giá bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. Trọng số mỗi đầu

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sản xuất chế phẩm sinh học. Vận dụng lý thuyết và hiểu các kỹ năng về các quá trình lên men, ủ trộn, xác định mật độ vi sinh vật, các điều kiện của quá trình lên men sản xuất chế phẩm sinh học,… để có thể hiểu và thực tập lên men tạo ra một chế phẩm sinh học cụ thể ứng dụng làm phân bón cho cây trồng. - *Về kỹ năng*: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về lên men, ủ trộn, cách xác định mật độ vi sinh vật,….các mối tương tác đa chiều trong tự nhiên dựa theo quan hệ ký sinh - vật chủ - môi trường – con người, và lựa chọn phương pháp nghiên cứu liên quan. Có những kỹ năng áp dụng phương pháp vi sinh để sản xuất chế phẩm công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật, xử lý môi trường,… - *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực sinh học ứng dụng; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ			điểm: 50% Hình thức đánh giá: Thảo luận nhóm và Thực hành

3. Khóa 12

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	- MT1: Những tri thức cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam và sự vận dụng Chủ nghĩa xã hội khoa học trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	2	1	A1. Đánh giá quá trình: trọng số 40% Điểm số 1: 20%. Trong đó: A1.1 Bài kiểm tra:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- MT2: Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, thuyết trình, tự học và phản biện - MT3: Niềm tin về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội; giá trị khoa học và cách mạng của chủ nghĩa xã hội khoa học			60% A1.2 Bài tập cá nhân: 20% A1.3 Bài tập nhóm: 20% Điểm số 2: 20% A1.4 Thảo luận và phát biểu: 50% A1.5 Chuyên cần : 25% A1.6 Thái độ học tập: 25% A2. Thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận
2.	Tiếng Anh 3	MT1. Về kiến thức: Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. MT2. Về kĩ năng: Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. MT3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức	2	1	A1. Đánh giá quá trình: trọng số 40% Điểm số 1: 20%. Trong đó: A1.1 Bài kiểm tra: 60% Điểm số 2: 20%. Trong đó: A1.2 Bài tập: 20% A1.3 Thái độ học tập: 20% A1.4 Bài kiểm tra số 2: 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			A2. Thi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận
3.	Toán cao cấp	- MT1: Khối kiến thức Toán cơ bản về đại số tuyến tính, giải tích toán học. - MT2: Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản giải được các bài tập về đại số tuyến tính, giải tích toán học và và áp dụng kiến thức cơ bản vào các lĩnh vực khoa học khác. - MT3: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	1	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% Điểm số 1: 20%. Trong đó: A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: A1.1 Bài kiểm tra số 1 – tự luận: 20% A1.2 Bài tập: 20% Điểm số 2: 20%. Trong đó: A1.3 Thái độ học tập: 20% A1.4 Bài kiểm tra số 2 – tự luận: 60% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận
4.	Xác suất thống kê	- MT1: Khối kiến thức cơ bản về xác suất: biến cố ngẫu nhiên, xác suất của biến cố, các công thức tính xác suất, công thức xác suất toàn phần, công thức xác suất	2	1	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhị thức, đại lượng ngẫu nhiên, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, một số quy luật phân phối xác suất thông dụng, đại lượng ngẫu nhiên hai chiều. - Khối kiến thức cơ bản về thống kê: lý thuyết mẫu ngẫu nhiên, ước lượng một số tham số lý thuyết bằng khoảng tin cậy, kiểm định giả thuyết thống kê. - MT2: Khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản về xác suất,thống kê để làm bài bài tập về định tính, định lượng trong xác suất thống kê vào các lĩnh vực khoa học khác. - MT3: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			A1.1 Bài tập: 50% A1.2 Thái độ học tập: 50% Điểm số 2: 20%. Trong đó: A1.3 Bài kiểm tra 1: 50% A1.4 Bài kiểm tra 2: 50% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận
5.	Vi sinh vật học	- MT1: Các kiến thức về hình thái, cấu tạo, cấu trúc và các đặc tính cơ bản của vi sinh vật (VSV), sự phân bố của chúng trong tự nhiên; vai trò của VSV trong quá trình chuyển hóa vật chất và mối quan hệ giữa VSV và môi trường (đất, nước, không khí), ứng dụng quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên trong bảo vệ môi trường, xử lý môi trường và sản xuất nông nghiệp hữu cơ. - MT2: Các nguyên nhân của vấn đề ô nhiễm do vi sinh vật; các nhóm vi sinh vật chỉ thị ô nhiễm; các phương pháp phân tích chỉ tiêu vi sinh để phân tích được các chỉ tiêu ô nhiễm vi sinh cơ bản, phương pháp phân tích mẫu phục vụ bảo vệ môi trường, nông nghiệp hữu cơ và chế biến thực phẩm. - MT3: Vai trò VSV trong quá trình chuyển hóa vật chất và mối quan hệ giữa VSV và môi trường (đất,	2	1	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1: 20%. Gồm: A1.1 Bài kiểm tra: 30% A1.2 Bài thảo luận: 50% A1.3 Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20%. Gồm: A1.4 Báo cáo: 50% A1.5 Bài thực hành :50%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nước, không khí) và vận dụng trong xử lý rác thải và nước thải; phân tích các chỉ tiêu ô nhiễm vi sinh cơ bản, phương pháp phân tích trong thực tiễn theo TCVN - MT4: Chuyên môn, nghiệp vụ trong việc bảo vệ môi trường nói chung; trách nhiệm trong việc phân tích và xử lý, giảm thiểu các chất gây ô nhiễm môi trường, sản xuất các sản phẩm vi sinh.			A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60% Hình thức thi: Vấn đáp + Thực hành
6.	Hóa sinh	- MT1: Các kiến thức về đặc điểm cấu tạo, tính chất, chức năng của các chất cấu tạo nên tế bào sống, quan hệ giữa cấu trúc và chức năng, các quá trình trao đổi chất và năng lượng ở sinh vật sống; cơ chế các quá trình chuyển hóa các chất trong tế bào và cơ thể sống. - Các quy trình định tính, định lượng các chất đóng vai trò quan trọng trong tế bào và cơ thể. - MT2: Kỹ năng phân tích định tính và định lượng được một số chất đóng vai trò quan trọng trong tế bào và cơ thể; xử lý số liệu, tính toán và đánh giá các kết quả thu được - MT3: Ý thức tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trong lớp, tự học, thảo luận nhóm; ứng dụng hóa sinh học để giải quyết nhu cầu và các vấn đề thực tiễn	3	1	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1. Gồm: A1.1 Chuyên cần: 20% A1.2 Bài kiểm tra chương 1,2,3: 80% Điểm số 2. Gồm: A1.3 Thái độ học tập: 40% A1.4 Bài thực hành: 60% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60% Hình thức thi: Thực hành
7.	Sinh lý vật nuôi, cây trồng	- MT1: Trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản của khoa học sinh lý học thực vật; các cơ chế của các quá trình sinh lý và các yếu tốt ảnh hưởng đến các quá trình sinh lý ở thực vật; các nguyên tắc ứng dụng các quá trình sinh lý như trao đổi nước, muối khoáng, quang hợp,	3	1	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1: 20%. Gồm: A1.1 Bài kiểm tra 1:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hô hấp… vào các vấn đề thực tiễn môi trường, sản xuất; các đặc điểm hoạt động sống của cơ thể, chức năng của các cơ quan , bộ phận trong cơ thể động vật; các hiện tượng trong quá trình sống của động vật. - MT2: Trang bị cho sinh viên kỹ năng vận dụng được những kiến thức cơ sở về sinh lý thực vật cần thiết để tiếp cận học các môn chuyên ngành; phân tích và so sánh môi quan hệ giữa cấu trúc và chức năng của tế bào, cơ thể thực vật, từ đó ứng dụng vào thực tiến; ứng dụng được các kiến thức môn học vào thức tiễn chăn nuôi, thú y, bảo tồn phát triển các loài động vật, giống vật nuôi. - MT3: Sinh viên tích cực, chủ động trong học tập để nắm bắt các nội dung kiến thức cơ bản và nâng cao về sinh lý học thực vật phục vụ học tập vè nghiên cứu ứng dụng trong sử lý các vấn đề môi trường và sản xuất.			30% A1.2 Bài tập nhóm: 40% A1.3 Bài kiểm tra 2: 30% Điểm số 2: 20%. Gồm: A1.4 Chuyên cần : 20% A1.5 Thảo luận, phát biểu : 50% A1.6 Thái độ học tập: 30% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận
8.	Tiếng Anh chuyên ngành SHUD	- MT1: Kiến thức ngôn ngữ bao gồm các thuật ngữ sử dụng trong các tài liệu chuyên ngành, kiến thức ngữ pháp thông qua các bài đọc - MT2: Diễn đạt, trình bày, và viết được báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn bằng tiếng Anh - MT3: Rèn luyện tác phong học tập và làm việc chuyên nghiệp, kỹ năng giao tiếp - MT4: Nhận thức đúng vai trò và bản chất của tiếng Anh trong công nghệ sinh học và sinh học ứng dụng.	3	1	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1: 20%. Gồm: A1.1 Bài kiểm tra 1: 40% A1.2 Bài tập nhóm: 40% A1.3 Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20%. Gồm:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					A1.4 Bài kiêm tra 2: 80% A1.5 Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận
9.	Kiến tập nghề nghiệp 1	- MT1: Kiến thức thực tiễn trong các hoạt động liên quan tới lĩnh vực Sinh học ứng dụng cụ thể và đúc kết được các kinh nghiệm cần thiết cho bản thân; - MT2: Hình thành và phát triển được khả năng nhận dạng, phát hiện các ngành nghề, vị trí và cơ hội việc làm cũng như vai trò và tầm quan trọng của ngành Sinh học ứng dụng; - MT3: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, và có động lực cho việc học tập và hướng tới nghề nghiệp phù hợp trong tương lai; - MT4: Nâng cao ý thức, vai trò và trách nhiệm của cá nhân trong hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.	1	1	A1. Đánh giá quá trình: trọng số 50%. Trong đó: Điểm số 1: A1. Chuyên cần: 100% A2. Báo cáo kết quả kiến tập: 50%. Trong đó: Điểm số 2: A2. Báo cáo kiến tập: 100%
10.	Vật lý đại cương	- MT1: Khối kiến thức vật lý cơ bản về: đo lường; cơ học chất điểm; chuyển động của vũ trụ; nhiệt động lực học; điện – từ trường; dao động cơ và sóng điện từ; quang hình và quang lượng tử. - MT2: Khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản đã học để làm bài tập về định tính, định lượng trong vật lý và áp dụng kiến thức cơ bản vật lý vào các lĩnh vực khoa học khác. - MT3: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học	2	2	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1: 20%. Gồm: A1.1. Bài kiểm tra số 1: 100% Điểm số 2: 20%. Gồm:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao			A1.2 Bài tập: 20% A1.3 Thái độ học tập: 20% A1.4 Bài kiểm tra số 2: 60% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Trong đó: A2. Bài thi kết thúc học phần:100% Hình thức thi: Tự luận
11.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- MT1: Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong thực tiễn. - MT2: Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; Tư duy lý luận, phản biện. - MT3: Bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước; Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.	2	2	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1: 20%. Gồm: A1.1 Bài kiểm tra: 50% A1.2 Bài tập cá nhân: 30% A1.3 Bài tập nhóm: 20% Điểm số 2: 20%. Gồm: A1.4 Chuyên cần: 30% A1.5 Thảo luận, phát biểu : 50% A1.6 Thái độ học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					tập: 20% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Trong đó: A2. Bài thi kết thúc học phần: 100% Hình thức thi: Tự luận
12.	Quá trình và thiết bị Sinh học	- MT1: Kiến thức về cơ sở tính toán thiết kế quá trình sinh học, các quá trình truyền nhiệt và truyền khối, động học phản ứng cho hệ thống sinh học, thiết bị phản ứng sinh học, các công đoạn chính trong thiết bị sinh học. - MT2: Các kỹ năng vận dụng lý thuyết về các đại lượng vật lý, các định luật cơ bản về cân bằng vật chất và năng lượng trong tính toán các quá trình sinh học; tính toán được quá trình truyền nhiệt, truyền chất và các công đoạn chính trong các thiết bị sinh học; ứng dụng được các phương trình động học enzyme và động học tế bào trong các bình phản ứng lên men sinh học; chọn lựa được các thiết bị phù hợp trong công nghệ sinh học và hiểu được các qui trình vận hành. - MT3: Các tình huống, bài thảo luận giúp người học tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	2	2	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1: 20%. Gồm: A1.1 Bài tập nhóm chương 3: 80% A1.2 Chuyên cần : 20% Điểm số 2: 20%. Gồm: A1.3 Bài kiểm tra: 80% A1.4 Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Trong đó: A2. Bài thi kết thúc học phần: 100% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13.	Kỹ năng nghiên cứu sinh học ứng dụng	- MT1: Hiểu được kiến thức cơ bản liên quan đến phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong lĩnh vực sinh học ứng dụng; - MT2: Áp dụng xây dựng được đề cương nghiên cứu khoa học như: xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng giả thuyết, chuẩn bị đề cương nghiên cứu thu thập số liệu, Phân tích được dữ liệu thu thập, trình bày được kết quả nghiên cứu; - MT3: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo - MT4: Có khả năng tự định hướng, đề xuất được các hướng nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực sinh học ứng dụng	2	2	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1: 20%. Gồm: A1.1 Bài tập nhóm: 40% A1.2 Thảo luận, phát biểu : 40% A1.3 Thái độ học tập: 20% Điểm số 2: 20%. Gồm: A1.4 Báo cáo trình bày tổng quan nghiên cứu thuộc lĩnh vực sinh học ứng dụng: 40% A1.5 Báo cáo trình bày đề cương nghiên cứu thuộc lĩnh vực sinh học ứng dụng : 40% A1.6 Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Trong đó: A2. Bài thi kết thúc học phần: 100%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Hình thức thi: Tự luận
14.	Kỹ thuật bảo tồn đa dạng sinh học	- MT1: Các khái niệm về đa dạng sinh học, bảo tồn đa dạng sinh học - MT2: Các cơ sở của bảo tồn đa dạng sinh học; Các phương thức và kỹ thuật bảo tồn đa dạng sinh học - MT3: Kỹ năng vận dụng kiến thức cơ bản về sinh học để áp dụng trong kỹ thuật bảo tồn đa dạng sinh học để đạt hiệu quả cao nhất, - MT4: Vai trò, ý nghĩa của hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học trong sự phát triển bền vững	2	2	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1: 20%. Gồm: A1.1 Bài kiểm tra 1: 35% A1.2 Bài tập nhóm: 40% A1.4 Chuyên cần: 25% Điểm số 2: 20%. Gồm: A1.3 Bài kiểm tra 2: 35% A1.5 Thảo luận, phát biểu: 40% A1.6 Thái độ học tập: 25% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Trong đó: Bài thi kết thúc học phần: 100% Hình thức thi: Tự luận
15.	Vật liệu sinh học	- MT1:Hiểu Trình bày được khái niệm, cách thức phân loại, nguồn gốc, đặc tính tương thích sinh học, tính	2	2	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đáp ứng miễn dịch của vật liệu sinh học - MT2: Vận dụng được quy trình các phương pháp tổng hợp chế tạo vật liệu sinh học. - MT3: Hiểu và vận dụng được một số phương pháp phân tích đánh đặc trưng cấu trúc, tính chất, thử nghiệm tính tương hợp và khả năng ứng dụng của vật liệu sinh học			40%. Trong đó: Điểm số 1: 20%. Gồm: A1.1 Bài kiểm tra: 80% A1.2 Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20%. Gồm: A1.3 Bài tập nhóm: 80% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Trong đó: A2. Bài thi kết thúc học phần: 100% Hình thức thi: Tự luận
16.	Năng lượng sinh học	- MT1: Trang bị cho sinh viên kiến thức về nhiên liệu sinh học, các chính sách khuyến khích và phát triển nhiên liệu sinh học hiện nay, biết các phương pháp sản xuất để thay thế nguồn nhiên liệu hóa thạch đang bị cạn kiệt - MT2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về các giải pháp nhằm quản lý nguồn tài nguyên năng lượng sinh học - MT3: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo - MT4: Xây dựng và phát triển các phẩm chất cần thiết cho những hoạt động khoa học như: thái độ tôn	2	2	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1: 30%. Gồm: A1.1 Bài kiểm tra 1: 35% A1.2 Bài tập nhóm: 40% A1.3 Bài kiể tra số 2: 30% Điểm số 2: 20%.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trọng khi làm việc theo nhóm, yêu thiên nhiên, ý thức bảo vệ môi trường và đạo đức nghề nghiệp.			Gồm: A1.4. Chuyên cần: 20% A1.5. Thảo luận, phát biểu: 50% A1.6. Thái độ học tập: 30% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận
17.	Ứng dụng sinh học trong quan trắc môi trường	- MT1: Các kiến thức về xây dựng chương trình quan trắc trong môi trường, các công tác lấy mẫu, xử lý và bảo quản mẫu; Quan trắc môi trường bằng sinh vật chỉ thị - MT2: Các phương pháp trong quan trắc hỗ trợ cho việc vận dụng kiến thức về ứng dụng sinh học trong quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên sinh vật trong bảo vệ môi trường, xử lý môi trường giúp cho việc sản xuất nông nghiệp hữu cơ. - MT3: Kỹ năng phân tích, xây dựng thực hiện các chương trình trong quan trắc môi trường; đánh giá chất lượng môi trường dựa vào các sinh vật chỉ thị trong môi trường phục vụ cho công tác bảo tồn và phát triển tài nguyên, bải vệ môi trường, nông nghiệp hữu cơ và chế biến thực phẩm. - MT4: Ý thức tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trong lớp, tự học, thảo luận nhóm, ứng dụng sinh học trong việc kiểm soát, đánh giá chất lượng môi trường nói chung; trách nhiệm trong việc nhận diện và	3	2	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1: 20%. Gồm: A1.1 Chuyên cần: 80% A1.2 Bài kiểm tra chương 1,2, 3: 20% Điểm số 2: 20%. Gồm: A1.3 Thái độ học tập: 20% A1.4 Bài thực hành: 80% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Trong đó: A2. Bài thi kết thúc

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		xử lý, giảm thiêu các chất gây ô nhiễm môi trường.			học phần: 100% Hình thức thi: Tự luận
18.	Công nghệ trồng nấm	- MT1: Trang bị cho sinh viên kiến thức về sinh thái học của nấm và phương pháp sản xuất nấm phục vụ đời sống. - MT2: Nhận thức các phương pháp sản xuất nấm phổ biến nhất hiện nay, ứng dụng sản xuất thử nghiệm một vài loài nấm ăn - MT3: Phân tích các nhóm vi sinh vật gây hại trong nuôi trồng nấm và ứng dụng sản xuất nấm ăn phục vụ đời sống - MT4: Lĩnh hội được chuyên môn, nghiệp vụ trong việc ứng dụng quy trình trồng nấm vào đời sống	2	2	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1: 20%. Gồm: A1.1 Bài giảng – thảo luận: 30% A1.2 Bài tập: 50% A1.3 Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20%. Gồm: A1.4 Báo cáo: 50% A1.5 Bài thực hành: 50% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Trong đó: A2. Bài thi kết thúc học phần: 100% Hình thức thi: Thực hành

4. Khóa 13

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Triết học Mác -	- MT1: Kiến thức khái quát về triết học và kiến thức cơ	3	1	A1. Điểm đánh giá

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Lênin	bản, hệ thống về Triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử - Một số kiến thức thực tiễn từ sự vận dụng lý luận Triết học Mác-Lênin - MT2: Kỹ năng tư duy logic và khoa học theo thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng trong nhận định, đánh giá và giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực tiễn - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm - MT3: Giá trị lý luận và thực tiễn của triết học Mác-Lênin, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác-Lênin			quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1: 20%. Gồm: A1.1 Bài kiểm tra: 60% A1.2 Bài tập cá nhân: 20% A1.3 Bài tập nhóm: 20% Điểm số 2: 20%. Gồm: A1.4 Chuyên cần: 30% A1.5 Thảo luận, phát biểu: 50% A1.6 Thái độ học tập: 20% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Trong đó: A2. Bài thi kết thúc học phần: 100% Hình thức thi: Tự luận
2.	Tiếng Anh 1	- MT1: Kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ sơ cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội - MT2: Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ sơ cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng	3	1	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1: 20%. Gồm:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. - MT3: Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao			A1.1 Bài kiểm tra số 1 – Trắc nghiệm: 100% Điểm số 2: A1.2 Bài tập: 20% A1.3 Thái độ học tập: 20% A1.4 Bài kiểm tra số 2 – Vấn đáp: 60% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Trong đó: A2.1 Bài thi trắc nghiệm: 50% A2.2 Thi vấn đáp: 50% Hình thức thi: Trắc nghiệm và vấn đáp
3.	Pháp luật đại cương	- MT1: Những kiến thức về: nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; trách nhiệm pháp lý; nội dung cơ bản của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật phòng chống tham nhũng. - MT2: Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; Kỹ năng so sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung và nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; Kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật	2	1	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1: 20%. Gồm: A1.1 Bài kiểm tra: 70% A1.2 Bài tập: 30% Điểm số 2: 20%. Gồm: A1.3 Thảo luận: 40%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế. - MT3: Năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. Xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.			A1.4 Chuyên cần: 40% A1.5 Thái độ học tập: 20% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Trong đó: A2. Bài thi kết thúc học phần: 100% Hình thức thi: Trắc nghiệm
4.	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	- MT1: Trang bị cho sinh viên kiến thức về chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của ngành Sinh học ứng dụng; Vị trí và cơ hội việc làm của ngành Sinh học ứng dụng. - MT2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về các loại kỹ năng để phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực ứng dụng sinh học trong bảo vệ môi trường, trong nông nghiệp hữu cơ, và công nghệ thực phẩm,... - MT3: Rèn luyện kỹ năng phát triển bản thân, phát triển nghề nghiệp như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo,… Kỹ năng hình thành và phát triển ý tưởng khởi nghiệp. - MT4: Nhận thức đúng đắn về giá trị của việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết để có thể phát triển được nghề nghiệp để có thể tự tin, chủ động trong học tập, rèn luyện để hoàn thiện kỹ năng và lập nghiệp sau khi ra trường	3	1	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1: 20%. Gồm: A1.1 Bài kiểm tra chương 1: 20% A1.2 Bài kiểm tra chương 2 40% A1.3 Thảo luận chương 1,2, 3: 20 % A1.4 Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20%. Gồm: A1.5 Báo cáo hoạt động nhóm 1: Mỗi nhóm lựa chọn 1 kỹ năng để tìm hiểu và trình bày: 40%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					A1.6 Bài tập thảo luận nhóm 2: Tìm hiểu và trình bày 1 dự án khởi nghiệp (chương 3): 40% A1.7 Chuyên cần : 20% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Trong đó: A2. Bài thi kết thúc học phần:100% Hình thức thi: Tự luận
5.	Hóa học đại cương	- MT1: Các khái niệm cơ bản về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học, các công thức, các đại lượng quan trọng trong nội dung kiến thức của từng chương. - MT2: Vận dụng được các kiến thức lý thuyết về Hóa học đại cương vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên sẽ được đào tạo. - Áp dụng được những kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các dạng bài tập trong nội dung học phần. - MT3: Vận dụng được kiến thức đã học để giải thích các hoạt động thực tiễn có liên quan đến hoá học. - MT4: Tự nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học về hóa học đại cương vào các lĩnh vực chuyên môn, đồng thời rèn luyện cho sinh viên thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong công việc	2	1	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1: 20%. Gồm: A1.1 Bài chuẩn bị : 50% A1.2 Chuyên cần: 50% Điểm số 2: 20%. Gồm: A1.3 Bài tập: 30% A1.4 Bài kiểm tra: 70% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Trong đó:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					A2. Thi hết học phần: 100% Hình thức thi: Trắc nghiệm
6.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	- MT1: Những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - Những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. - MT2: Kỹ năng trình bày, phân tích, tổng hợp, những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lê nin trong hoạt động thực tiễn. - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm - MT3: Năng lực tích lũy kiến thức và nghiên cứu độc lập, đánh giá và nhận diện bản chất các vấn đề cơ bản của kinh tế chính trị MácLê Nin trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay. - Lập trường tư tưởng vững vàng, niềm tin vào đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước	2	1	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1: 20%. Gồm: A1.1 Bài kiểm tra: 60% A1.2 Bài tập cá nhân: 40% A1.3 Bài tập nhóm: 20% Điểm số 2: 20%. Gồm: A1.4 Chuyên cần: 30% A.1.5 Thảo luận, phát biểu: 50% A1.6 Thái độ học tập: 20% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Trong đó: A2. Bài thi kết thúc học phần: 100% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7.	Tiếng Anh 2	MT1: Về kiến thức: Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ tiền trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. MT2: Về kĩ năng: Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả MT3: Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	2	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1: 20%. Gồm: A1.1 Bài kiểm tra số 1- Trắc nghiệm: 100% Điểm số 2: 20%. Gồm: A1.2 Bài tập: 20% A1.3 Thái độ học tập: 20% A1.4 Bài kiểm tra số 2 -Vấn đáp: 60% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Trong đó: A2.1 Bài thi trắc nghiệm: 50% A2.2 Bài thi vấn đáp: 50% Hình thức thi: Trắc nghiệm và Vấn đáp
8.	Tin học đại cương	- MT1: Các kiến thức chung về tin học và công nghệ thông tin - MT2: Cách giao tiếp với hệ điều hành Windows - MT3: Cách sử dụng các ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel, MS Powerpoint	2	2	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1: 20%. Gồm: A1.1 Bài kiểm tra 40%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					A1.2 Bài tập 40% A1.3 Chuyên cần 20% Điểm số 2: 20%. Gồm: A1.4 Báo cáo : 50% A1.5 Bài thực hành: 50% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Trong đó: A2 Thi hết học phần: 100% Hình thức thi: Thực hành
9.	Sinh học đại cương	MT1: - 1.1. Nêu được một số khái niệm cơ bản về thế giới sống, về các nguyên lý và quá trình sinh học - 1.2. Trình bày được các đặc điểm cốt lõi của sinh giới, phân biệt với giới vô sinh. - 1.3. Giải thích được bằng cơ chế của các quá trình sinh học chủ yếu trong thế giới sinh vật - 1.4. Trình bày được một số ứng dụng chủ yếu của sinh học trong thực tiễn đời sống. MT2: - 2.1. Hình thành và phát triển một số kỹ năng học tập, kỹ năng nghiên cứu khoa học - 2.2. Phát triển năng lực giải quyết các vấn đề trong thực tiễn MT3: - 3.1. Bồi dưỡng tình cảm yêu thích bộ môn Sinh học	3	2	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1: 20%. Gồm: A1.1 Bài kiểm tra (1 tiết): 80% A1.2 Bài tập: 0% A1.3 Chuyên cần : 20% Điểm số 2: 20%. Gồm: A1.4 Bài kiểm tra (20 phút): 20% A1.5 Thảo luận nhóm: 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nói riêng và khoa học nói chung - 3.2. Có ý thức bảo vệ thiên nhiên chuyển hóa thành thái độ và hành động tích cực với thiên nhiên			A1.6 Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Trong đó: A2 Bài thi kết thúc học phần: 100% Hình thức thi: Tự luận
10.	Sinh thái học	- MT1: Kiến thức về sinh thái học như khái niệm, quy luật, các nhân tố sinh thái và sự thích nghi của sinh vật với các nhân tố sinh thái này. - MT2: Kiến thức về sự chuyển hóa vật chất và năng lượng trong hệ sinh thái, các chu trình tuần hoàn vật chất trong tự nhiên. Chỉ thị sinh học môi trường - MT3: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo - MT4: Nhận thức đúng đắn về vai trò của con người như là một nhân tố sinh thái, mắt xích trong hệ sinh thái và tầm quan trọng của công tác bảo tồn, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học nhằm mục tiêu phát triển bền vững.	2	2	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%. Trong đó: Điểm số 1: 20%. Gồm: A1.1 Bài tập kiểm tra 1: 40% A1.2 Bài tập nhóm: 40% A1.3 Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20%. Gồm: A1.4 Bài tập nhóm: 40% A1.5 Bài kiểm tra 2: 40% A1.6 Chuyên cần : 20% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Trong đó:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					A2. Bài thi kết thúc học phần: 100% Hình thức thi: Trắc nghiệm

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_C

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2023-2024
Ngành Công nghệ thông tin

1. Khóa ĐH10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Phát triển ứng dụng mạng	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - *Về kiến thức:* Kiến thức cơ bản về các kỹ thuật lập trình mạng với ngôn ngữ Java; Kỹ thuật lập trình mạng với Spring Core, lập trình ứng dụng dịch vụ web với Spring MVC, Hibernate; Các kỹ thuật khác như lập trình mạng với cơ sở dữ liệu JDBC, kỹ thuật lập trình mạng an toàn bảo mật. - *Về kỹ năng:* Áp dụng được các kỹ năng làm chủ các kỹ thuật lập trình mạng; Áp dụng được các thư viện hỗ trợ lập trình dịch vụ web cho các hệ thống phần mềm ứng dụng; Vận dụng được khả năng phối hợp nhóm; Đọc được tài liệu chuyên ngành bằng tiếng anh. - ***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*** Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng được những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo, có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại	3	Học kỳ 1	**Điểm đánh giá quá trình**: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Thực hành Điểm thi kết thúc học phần:Trọng số 60% Hình thức thi: Thực hành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Quản lý dự án phần mềm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - *Về kiến thức:* Trình bày được các bước triển khai một dự án phần mềm; phân tích được những đặc điểm, đặc thù của một dự án phần mềm; vận dụng được các kiến thức đã học để triển khai, quản lý dự án phần mềm trong thực tế. - *Về kỹ năng:* Sử dụng được các công cụ để quản lý dự án phần mềm; tính toán, ước lượng được giá thành của phần mềm; dự đoán được các rủi ro, khó khăn mà một dự án phần mềm có thể gặp phải. - *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có năng lực thiết lập, quản lý các dự án phát triển phần mềm. Có năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm, tổ chức nhóm làm việc trong các dự án phát triển phần mềm. Có năng lực tiếp cận, tiếp thu các phương pháp, công cụ mới trong lĩnh vực quản lý dự án phần mềm. Có năng lực phân tích, đánh giá mức độ rủi ro khi phát triển phần mềm. Có trách nhiệm trong việc đảm bảo chất lượng phần mềm, lập dự án sát với thực tế, quản lý, vận hành dự án đúng kế hoạch.	2	Học kỳ 1	**Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số là 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Hình thức đánh giá: Tự luận **Điểm thi kết thúc học phần:** - Trọng số là 60% - Hình thức thi: Bài tập lớn.
3	Cơ sở dữ liệu phân tán và ứng dụng	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu phân tán, cách thức thiết kế cơ sở dữ liệu phân tán, các vấn đề cần phải giải quyết trong môi trường cơ sở dữ liệu phân tán: xử lý truy vấn phân tán, quản lý giao dịch. Các ứng dụng dữ liệu phân tán trong thực tế. - Về kỹ năng: Vận dụng thiết kế được cơ sở dữ liệu phân tán. Xây dựng được một số chương trình ứng dụng của cơ sở dữ liệu phân tán. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn về cơ sở dữ liệu nói chung và cơ sở dữ liệu phân tán nói riêng.	2	Học kỳ 1	**Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số là 40% Hình thức đánh giá: Tự luận **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số là 60% Hình thức đánh giá: Bài tập lớn

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về cơ sở dữ liệu. + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong ứng dụng thiết kế cơ sở dữ liệu phân tán vào thực tế. + Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về công nghệ thông tin.			
4	Phát triển phần mềm hướng dịch vụ	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - *Về kiến thức:* các khái niệm và công nghệ, kĩ thuật cho phát triển dịch vụ web và dịch vụ web ngữ nghĩa. Sinh viên áp dụng được những kiến thức đã học cho phát triển ứng dụng qua dự án nhóm - *Về kỹ năng:* + Áp dụng được dịch vụ với các chuẩn UDDI, SOAP, WSDL + Phân tích được yêu cầu và biểu diễn dịch vụ web ngữ nghĩa với OWLS + Áp dụng được công cụ cho phát triển dịch vụ + Vận dụng được khả năng làm việc nhóm giữa các thành viên khác nhau + Đọc, giải thích được tài liệu chuyên ngành phát triển dịch vụ web bằng tiếng Anh. - ***Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*** Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng được những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo, có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện	3	Học kỳ 1	**Điểm đánh giá quá trình**: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Hình thức đánh giá: Thực hành **Điểm thi kết thúc học phần**: Trọng số 60% Hình thức thi: Thực hành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đại.			
5	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Các kiến thức liên quan đến việc thiết kế và lập trình trên nền tảng Android. - Về kỹ năng: thực hiện được tốt các bài tập về thiết kế và lập trình cho các chương trình ứng dụng liên quan điện thoại di động, các kỹ năng viết báo cáo chương trình và làm việc theo nhóm. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng được những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo, có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại.	2	Học kỳ 1	**Điểm đánh giá quá trình**: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. **Hình thức đánh giá**: Thực hành ☑ **Điểm thi kết thúc học phần**: Trọng số 60% Thực hành ☑
6	Phát triển hệ thống thông tin Enterprise	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: + Trình bày được các kiến thức cơ bản về hệ thống lớn (Enterprise), hệ thống thông tin Enterprise và các kỹ thuật để phát triển các hệ thống này, mà chủ yếu là Java J2EE với công nghệ EJB, JSF, JPA… + Phân tích được chức năng và các công cụ xây dựng các ứng dụng hệ thống lớn trong thực tế. - Về kỹ năng: + Phân tích thiết kế và áp dụng được kỹ năng phát triển hệ thống thông tin Enterprise với EJB, JSF, JPA.. + Áp dụng được kỹ năng làm việc nhóm giữa các thành viên khác nhau + Tổng hợp được tài liệu chuyên ngành phát triển dịch vụ web bằng tiếng Anh	3	Học kỳ 1	**Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. **Hình thức đánh giá**: Thực hành **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 60% Hình thức thi: Thực hành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng được những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo, có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại.			
7	Phát triển hệ thống thông tin tài nguyên môi trường	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - *Về kiến thức:* Trình bày được các kiến thức cơ bản các kiến thức về hệ thống thông tin tài nguyên môi trường, mô tả và nhận diện được hệ phương pháp xây dựng để thiết kế được một hệ thống thông tin trong các lĩnh vực tài nguyên môi trường, áp dụng được các công nghệ thông tin cơ bản được ứng dụng trong việc giải quyết các bài toán trong lĩnh vực tài nguyên môi trường hiện nay. - *Về kỹ năng*: Học xong học phần này, sinh viên có thể phân loại, phân tích, thiết kế và xây dựng cơ sở dữ liệu, phần mềm và hệ thống thông tin trong ngành tài nguyên và môi trường. - *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Có khả năng tra cứu, tự nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng được những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo, có đủ khả năng và nâng cao ý thức ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ mới vào công việc hàng ngày, tăng hiệu suất và chất lượng của công việc, có đủ chuẩn mực phong cách làm việc trong xã hội hiện đại.	2	Học kỳ 1	**1. Thang điểm đánh giá:** Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành. **2. Phương pháp đánh giá, kiểm tra gồm:** *2.1. Điểm đánh giá quá trình:* - Trọng số 40% - Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Hình thức đánh giá: Thực hành. *2.2. Điểm thi kết thúc học phần*: - Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành.
8	Quản lý mạng máy tính	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Về kiến thức: - Trình bày các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản trị mạng bao gồm: Khái niệm, 267 chức năng, mô hình, quy	2	Học kỳ 1	Điểm đánh giá quá trình: - Trọng số là 40% - Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Hình thức đánh giá: Thực

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình và cách thức thực hiện, các bước để cài đặt và câu hình các dịch vụ trên hệ điều hành mạng windows server, cách thức quản lý các tài khoản người dùng, thư mục chia sẻ, chính sách nhóm, các mức bảo mật với Firewall. Về kỹ năng: - Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng phân tích, thiết kế, lập kế hoạch cũng như thực hành quản trị mạng. - Có khả năng thiết kế, xây dựng và quản trị mạng cho các doanh nghiệp, cơ quan vừa và nhỏ hoạt động với các dịch vụ cơ bản: DNS, WEB, Email, File Sharing, DHCP, Group Policy, Proxy và mạng có mức bảo mật ở cơ bản với Firewall mềm trên Window. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: - Có năng lực quản trị các dịch vụ mạng, giám sát và xử lý các lỗi trong mạng cục bộ. - Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực quản trị hệ thống. - Có khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; - Có khả năng đưa ra được kết luận về các trường hợp lỗi trong hệ thống; - Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hệ thống mạng			hành Điểm thi kết thúc học phần: - Trọng số là 60% - Hình thức thi: Bài tập lớn.
9	Hệ quản trị Linux	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Trình bày được các dịch vụ mạng trên Linux, kỹ thuật cơ bản về lập trình shell script và quản trị hệ thống mạng, bảo mật tốt trên môi trường Linux - Về kỹ năng: Làm chủ một trong những hệ thống mã	3	Học kỳ 1	**Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận **Điểm thi kết thúc học phần:**

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nguồn mở tiêu biểu là hệ điều hành Linux. Có khả năng xây dựng, phát triển và triển khai ứng dụng dựa trên hệ thống mã nguồn mở, và quản trị thành thạo hệ thống mạng mã nguồn mở Linux. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có khả năng cài đặt, cấu hình được các hệ điều hành Linux mã nguồn mở; + Có khả năng quản trị được các dịch vụ mạng và bảo mật mạng trên Linux + Có khả năng phát triển các mã nguồn mở thông dụng; + Có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng được những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo, có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại.			Trọng số 60% Hình thức thi: Thực hành
10	Hệ thống tích hợp ứng dụng tài nguyên môi trường	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: + Trình bày được các kiến thức tổng quan về hệ thống tích hợp ứng dụng trong Tài nguyên và môi trường. + Trình bày được các kiến thức về hệ thống thành phần như hệ thống RS, GPS, GIS, hệ trợ giúp ra quyết định… + Phát biểu được các phương pháp để phát triển hệ thống tích hợp ứng dụng trong Tài nguyên Môi trường. - Về kỹ năng: + Sử dụng được một số hệ thống tích hợp ứng dụng của ngành tài nguyên môi trường. + Vận dụng được kiến thức để mô tả ban đầu và thiết kế được các modul thành phần của hệ thống tích hợp một cách thực tế. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm	2	Học kỳ 1	**Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Có khả năng tự học, tích lũy thêm kiến thức, kinh nghiệm, vận dụng được những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo trong công việc liên quan đến lĩnh vực của học phần này. + Có khả năng đưa ra được những kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn + Luôn có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc hàng ngày, nâng cao chất lượng của công việc, phong cách làm việc trong xã hội hiện đại			
11	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: + Trình bày được những kiến thức về cài đặt, quản trị và khai thác dữ liệu trên hệ quản trị CSDL Oracle. + Xác định được vai trò của hệ quản trị CSDL, tầm quan trọng của tính bảo mật và toàn vẹn dữ liệu. Về kỹ năng: + Vận dụng cách cài đặt một cơ sở dữ liệu dựa trên công cụ của Oracle, thực hiện các thao tác cơ bản liên quan tới quản trị dữ liệu, lập trình trên ngôn ngữ PL/SQL; + Phân tích đúng đắn các yêu cầu của một hệ quản trị cơ sở dữ liệu để quản trị cơ sở dữ liệu. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường quản trị CSDL khác nhau; + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản trị các đối tượng, quản trị người dùng trong CSDL; + Có khả năng vận dụng xây dựng các giải pháp hiệu quả	3	Học kỳ 1	**Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số là 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Hình thức đánh giá: Thực hành **Điểm thi kết thúc học phần:** - Trọng số là 60% - Hình thức thi: Thực hành.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong bài toán quản trị cơ sở dữ liệu.			
12	Truyền dữ liệu	Về kiến thức: - Trình bày được khái niệm về phương pháp truyền dữ liệu giữa các thiết bị lưu trữ và xử lý thông tin, các giao tiếp, kỹ thuật ghép kênh, và các kỹ thuật chuyển mạch. - Phân tích được các môi trường truyền dẫn, các dạng tín hiệu, cách biểu diễn và mã hoá dữ liệu, phương pháp sử dụng hiệu quả kênh truyền. Về kỹ năng: - Vận dụng các thuật toán để làm được các bài tập các kỹ thuật phát hiện và sửa sai, thực hiện được các phương thức mã hóa, các giao thức điều khiển luồng, điều khiển lỗi, một số mạng thực tế. Năng lực tự chủ và trách nhiệm - Có năng lực giải quyết các bài toán mã hóa dữ liệu trên đường truyền. - Có năng lực phân tích các gói tin truyền trong mạng nội bộ. - Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực truyền số liệu; - Có khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; - Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các mạng truyền số liệu.	2	Học kỳ 1	**Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số là 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Hình thức đánh giá: Tự luận **Điểm thi kết thúc học phần:** - Trọng số là 60% - Hình thức thi: trắc nghiệm

2. Khóa ĐH11

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	- Hiểu được các khái niệm cơ bản về HTTT và hiểu cách tiếp cận HTTT theo phương pháp hướng đối tượng; nhớ các qui trình phát triển phần mềm (Thác nước và Qui trình thống nhất); nắm được các khái niệm cơ bản về ngôn ngữ UML, nhớ tác dụng và cách xây dựng các loại biểu đồ trong UML; nắm vững các công việc cần thực hiện, các mô hình cần xây dựng trong quá trình phân tích và thiết kế HTTT. - Vận dụng được những kiến thức nêu trên vào phân tích và thiết kế một HTTT cụ thể - Rèn luyện tính kiên trì, khả năng tự chủ, sáng tạo, phát huy trách nhiệm khi làm việc cá nhân và khi làm việc theo nhóm.		Học kỳ 1	**Điểm quá trình**: 40%, 2 đầu điểm A1.1 Bài kiểm tra 1 Điểm số 2: Báo cáo BTL Thi kết thúc học phần: 60%, Báo cáo bài tập lớn
2	Công nghệ Java	Hiểu các nguyên lý về lập trình ứng dụng web sử dụng Java. Vận dụng viết ứng dụng, cài đặt, đóng gói ứng dụng web sử dụng Eclipse. Vận dụng thành thạo lập trình ứng dụng web. Trên cơ sở đó, định hướng phát triển trong xây dựng ứng dụng web. Chủ động trong học tập, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm; thành thạo tìm kiếm tài liệu để nghiên cứu, tiếp cận với khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, hiện đại ngành Công nghệ thông tin và có ý thức học tập suốt đời. Chủ động, hợp tác trong công việc nhằm phát huy trí tuệ tập thể.	3	Học kỳ 1	**Điểm đánh giá quá trình**: - Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Hình thức đánh giá: Thực hành **Điểm thi kết thúc học phần**: Trọng số 60% Hình thức thi: Thực hành
3	Trí tuệ nhân tạo	- Phân tích và trình bày được các kiến thức cơ bản về trí tuệ nhân tạo. Trình bày được các phương pháp biểu diễn các vấn đề trong không gian trạng thái theo các phương pháp tìm kiếm mù, tìm kiếm kinh nghiệm, tìm kiếm kinh nghiệm kết hợp chi phí trên đường đi, tìm kiếm có đối thủ. Trình bày được các kĩ thuật suy diễn, biểu diễn tri thức và xử lý tri thức. - Áp dụng phát triển thuật toán bắt chước theo lý luận từng bước mà con người sử dụng khi giải quyết các câu đố hoặc đưa ra các phương pháp loại trừ logic.	2	Học kỳ 1	**Điểm quá trình**: 40%, 2 đầu điểm: - Điểm số 1: A1.1 Bài kiểm tra 1 - Điểm số 2: A.1.2.Báo cáo BTL Thi kết thúc học phần: 60%, Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Hiểu và phát triển các phương pháp xử lý thông tin không chắc chắn hoặc không đầy đủ, sử dụng các khái niệm từ xác suất và kinh tế. - Có kỹ năng trình bày và biểu diễn một bài toán trong không gian trạng thái. Có kỹ năng lập luận, suy diễn, biểu diễn tri thức và xử lý tri thức. Đam mê, óc tò mò và sự ham học hỏi, sự kiên nhẫn. - Vận dụng kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế. Ứng dụng trí thông minh nhân tạo trong các lĩnh vực khác nhau như nhận dạng, lái xe tự động, giáo dục, y tế, ... - Tư duy biểu diễn bài toán bằng không gian trạng thái. Giải quyết vấn đề bằng phương pháp tìm kiếm lời giải. Vận dụng những kiến thức về logic và lập luận để giải quyết vấn đề, đưa ra quyết định. - Tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động, đạo đức nghề nghiệp. + Độc lập trong nghiên cứu và học tập môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm trong chuyên môn, tự định hướng đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.			
4	Phát triển ứng dụng trên nền Web	- Trình bày được các khái niệm, kỹ thuật cơ bản về phát triển ứng dụng trên nền Web; các kiến thức cơ bản về HTML,CSS, JavaScript, ngôn ngữ lập trình PHP, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, kiến thức về một số Framework để xây dựng phần mềm chạy trên môi trường Web. - Vận dụng các kiến thức đã học về HTML, CSS, JavaScript, ngôn ngữ lập trình PHP, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL kết hợp với các Framework, công nghệ Web hiện nay để xây dựng phần mềm ứng dụng chạy trên nền Web thành thạo và chuyên nghiệp. - Có ý thức học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn về công	3	Học kỳ 1	**Điểm đánh giá quá trình:** - Trọng số là 40% Bao gồm:02 đầu điểm, hệ số1 - Hình thức đánh giá: Tự luận **Điểm thi kết thúc học phần:** - Trọng số là 60% - Hình thức thi: Bài tập

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghệ Web nhằm xây dựng các ứng dụng, phần mềm chạy trên nền Web. - Có ý thức kỷ luật và chuyên nghiệp trong lập trình. Có tính tự chủ và sáng tạo, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về phát triển ứng dụng trên nền Web.			lớn
5	Lập trình hệ thống nhúng	- **Về kiến thức**: Hiểu về các thành phần hệ thống nhúng sử dụng các bộ xử lý, bộ điều khiển, thiết bị ngoại vi, đầu vào và thiết bị và môi trường truyền dẫn thông tin khác nhau. Hiểu các yêu cầu và ràng buộc trong quá trình thiết kế một hệ thống nhúng và xác định phương pháp xử lý. **- Về kỹ năng:** Có kỹ năng lập trình một vi điều khiển hiện đại bằng hợp ngữ hoặc ngôn ngữ C và vận hành các thiết bị ngoại vi của bộ điều khiển đó. Có kỹ năng thiết kế và thực hiện các hệ thống nhúng trên nền tảng vi điều khiển để giải quyết các ứng dụng trong thực tế Vận dụng tri thức khoa học máy tính, quản lý dự án để nhận biết, phân tích, giải quyết sáng tạo và hiệu quả những vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thông tin Có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm: Có kỹ năng giải quyết vấn đề một cách độc lập, chủ động; có kỹ năng tổ chức, phối hợp, hợp tác với đồng nghiệp để làm việc theo nhóm một cách hiệu quả; Có kỹ năng sử dụng các phần mềm hỗ trợ công tác làm việc nhóm hiệu quả. **- Về năng lực tự chủ:** Có thái độ nghiêm túc, tự giác, trách nhiệm và hợp tác trong học tập, có tinh thần chủ động và sáng tạo trong lập trình.	3	Học kỳ 1	**Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%** Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận **Điểm thi kết thúc học phần:Trọng số 60%** Hình thức thi: Bài tập lớn
6	Công nghệ phần mềm	- Diễn giải được sự cần thiết và lý giải của phần mềm, đặc trưng và phân loại phần mềm; - Diễn giải quy trình phần mềm. - Xác định các giai đoạn trong quy trình phần mềm: xác định	2	Học kỳ 1	**Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số là 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		yêu cầu, thiết kế, lập trình, kiểm thử phần mềm. - Xây dựng/phát triển được 1 sản phẩm phần mềm phù hợp cho một dự án thực tế. - Sử dụng được các công cụ trong quy trình phát triển phần mềm. - Tuân thủ các nguyên tắc khi tham gia các dự án phần mềm để đảm bảo chất lượng phần mềm, đạo đức nghề nghiệp.			số 1 Hình thức đánh giá: Tự luận **Điểm thi kết thúc học phần:** - Trọng số là 60% - Hình thức thi: Bài tập lớn
7	Linux và phần mềm mã nguồn mở	- Có kiến thức tổng quan về phần mềm tự do, phần mềm nguồn mở, một số License phần mềm mã nguồn mở phổ biến,những lợi ích của việc sử dụng phần mềm mã nguồn mở. Trình bày được mô hình phát triển phần mềm mã nguồn mở. Làm quen với môi trường và các tiện ích thường được dùng để phát triển phần mềm mã nguồn mở. - Có các kỹ năng làm chủ một trong những hệ thống mã nguồn mở tiêu biểu là hệ điều hành Linux. Có khả năng xây dựng, phát triển và triển khai ứng dụng dựa trên hệ thống mã nguồn mở, và quản trị thành thạo hệ thống mạng mã nguồn mở thông dụng. - Có thái độ cầu thị, cởi mở, có năng lực dẫn dắt, phát huy trí tuệ tập thể, đưa ra được kết luận về chuyên môn, nghiệp vụ trong chuyên ngành công nghệ thông tin và lĩnh vực liên quan.	3	Học kỳ 1	A1: Đánh giá quá trình, gồm: Điểm số 1 (20%) và điểm số 2 (20%) A3: Thi kết thúc học phần (trọng số 60%) Hình thức thi: Thực hành
8	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Cung cấp cho SV các kiến thức về cách thức và kỹ thuật bảo vệ an toàn cho một hệ thống thông tin, bao gồm: điều khiển việc truy cập và các hệ thống, thiết lập và duy trì các chính sách nhằm đảm bảo an ninh, các kỹ thuật mã hóa và xác thực thông tin, các vấn đề liên quan đến quản trị và kiểm soát, và vấn đề ngăn chặn và xử lý các phần mềm độc hại. Trình bày và giải thích được các vấn đề về an toàn và bảo mật thông tin; các thuật toán, nguyên nhân, kỹ thuật, các phương pháp thực hiện an toàn và bảo mật hệ thống thông tin	2	Học kỳ 2	**Điểm quá trình**: 40%, 2 đầu điểm A1.1 Bài kiểm tra 1: Tự luận - Điểm số 2: Thực hành Thi kết thúc học phần: 60%, Thi Thực hành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Áp dụng các kiến thức về hệ thống máy tính, an toàn và bảo mật thông tin để thiết kế, xây dựng, cấu hình và quản trị các hệ thống mạng, đảm bảo vấn đề an ninh mạng và an toàn hệ thống Kĩ Năng: Có thái độ cầu thị, cởi mở, có năng lực dẫn dắt, phát huy trí tuệ tập thể, đưa ra được kết luận về chuyên môn, nghiệp vụ trong chuyên ngành công nghệ thông tin và lĩnh vực liên quan.			
9	Công nghệ.Net	- Trình bày được, diễn giải được những kiến thức cơ bản về kiến trúc, phạm vi ứng dụng và đặc trưng công nghệ .Net; Kiến thức cơ bản về lập trình C#, lập trình hướng đối tượng C#, kiến trúc ADO.Net và Entity Framework - Vận dụng ngôn ngữ lập trình C# và kiến thức về ADO.Net vào xây dựng, phát triển các ứng dụng thực tế. Tương tác với CSDL SQL Server, Oracle,…..Sử dụng Visual Studio để thiết kế các giao diện phần mềm, thiết kế các báo theo yêu cầu - Có ý thức học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn về công nghệ.Net nhằm xây dựng các hệ thống, phần mềm trên môi trường Windows. - Có ý thức kỷ luật và chuyên nghiệp trong lập trình. Có tính tự chủ và sáng tạo, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về công nghệ.Net.	3	Học kỳ 2	**Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số là 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Hình thức đánh giá: Tự luận **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số là 60% - Hình thức thi: Bài tập lớn
10	Phát triển ứng dụng cho các thiết bị di động	- Hiểu các nguyên lý về lập trình ứng dụng trên thiết bị di động sử dụng hệ điều hành Android. Thiết kế giao diện, cài đặt các Activity và Intent, bắt sự kiện cho ứng dụng trên thiết bị di động sử dụng Android Studio. - Vận dụng thành thạo lập trình ứng dụng Smartphone trên nền tảng Android sử dụng công cụ Android Studio. Trên cơ sở đó, định hướng phát triển trong xây dựng ứng dụng trên thiết bị di động Smartphone. - Chủ động trong học tập, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm;	3	Học kỳ 2	Điểm số 1 A1.1 Bài kiểm tra 1 A1.2 Chuyên cần Điểm số 2 A1.3 Bài kiểm tra 2 A1.4 Bài tập, thực hành A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Thực hành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thành thạo tìm kiếm tài liệu để nghiên cứu, tiếp cận với khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, hiện đại của ngành Công nghệ thông tin và có ý thức học tập suốt đời. Chủ động, hợp tác trong công việc nhằm phát huy trí tuệ tập thể.			Điểm thi kết thúc học phần A2 Bài thi kết thúc học phần
11	Quản lý dự án Công nghệ thông tin	- Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, phương pháp, kỹ năng, và thái độ làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả cho các hoạt động quản lý hoặc tham gia làm việc trong các dự án CNTT. Những nội dung chính của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về quản lý dự án, tổ chức trong quản lý dự án, chu trình sống của dự án, tiến trình quản lý dự án. Các lĩnh vực quan trọng trong quản lý dự án như quản lý tích hợp, quản lý phạm vi, quản lý thời gian, quản lý chi phí, quản lý chất lượng, quản lý nguồn nhân lực, quản lý truyền thông, quản lý rủi ro, quản lý mua sắm và quản lý các bên tham gia. Với đặc thù trong quản lý dự án CNTT cũng được đề cập trên cơ sở khung kế hoạch quản lý dự án CNTT.	3	Học kỳ 2	**Điểm quá trình**: 40%, 2 đầu điểm A1.1 Bài kiểm tra 1: Tự luận - Điểm số 2: Tự luận - Thi kết thúc học phần: 60%, Báo cáo bài tập lớn
12	Kiểm thử và bảo đảm chất lượng phần mềm	- Những kiến thức cơ bản về kiểm thử phần mềm, các phương pháp kiểm thử phần mềm, độ tin cậy của phần mềm, kiểm thử phần mềm trong công nghiệp, các công cụ kiểm thử, quản lý chất lượng phần mềm, quản lý cấu hình phần mềm - Những nội dung về phương pháp kiểm thử, cách thức xây dựng quy trình kiểm thử, kiểm thử tự động - Vận dụng trong kiểm tra chất lượng sản phẩm phần mềm	3	Học kỳ 2	**Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số là 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Hình thức đánh giá: Tự luận **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số là 60% - Hình thức thi: Bài tập lớn
13	Tin học ứng dụng trong tài nguyên và môi trường	- Nhớ được những kiến thức cơ bản về công nghệ địa tin học và mô hình hóa được ứng dụng trong lĩnh vực TNMT; - Hiểu được các bước trong quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu và	3	Học kỳ 2	1. Thang điểm đánh giá: Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quy trình xây dựng phần mềm ứng dụng; - Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý ở tỷ lệ nhất định và các dữ liệu chuyên ngành TNMT; - Vận dụng kiến thức đã học để tạo ra một số công cụ xử lý dữ liệu chuyên đề trong lĩnh vực TNMT bằng ngôn ngữ lập trình Python; - Nhận thức được vai trò của công nghệ thông tin trong lĩnh vực TNMT, chủ động trau dồi kiến thức chuyên môn, vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm cho người học khác.			thang điểm 4 theo Quyết định ban hành Quy định đào tạo tín chỉ tại Trường ĐH TN&MT HN. 2. Phương thức đánh giá: A1. Đánh giá quá trình (40%): * Điểm số 1 (20%) +) A1.1 (40%) +) A1.2 (30%) Bài tập phần 1 +) A1.3 (20%) Thực hành: +) A1.4 (10%) Thảo luận: * Điểm số 2 (20%) +) A1.5 (30%) +) A1.6 (30%) Bài tập phần 2: +) A1.7 (30%) Thực hành +) A1.8 (10%) Thái độ học tập A3. Thi kết thúc học phần (60%) - Hình thức thi: Thực hành.

3. Khóa ĐH12

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng	2	Học kỳ 1	- Điểm quá trình gồm có 2 đầu điểm đánh giá. Trọng số: 40% - Điểm thi kết thúc học phần theo

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cộng sản Việt Nam và sự vận dụng Chủ nghĩa xã hội khoa học trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Củng cố kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, thuyết trình, tự học và phản biện. và niềm tin về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và trị khoa học, cách mạng của chủ nghĩa xã hội khoa học			hình thức tự luận. Trọng số 60%
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần nhằm cung cấp cho người học: Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong thực tiễn. Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; Tư duy lý luận, phản biện. Bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước; Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.	2	Học kỳ 1	- Điểm quá trình gồm có 2 đầu điểm đánh giá. Trọng số: 40% - Điểm thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận. Trọng số: 60%
3	Tiếng Anh 3	Học phần "*Tiếng Anh 3"* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, thể bị động của quá khứ đơn, hiện tại đơn, hiện tại hoàn thành tiếp diễn với các từ xác định và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều điểm chung: hiện tại và quá khứ, sức khỏe, các bệnh thường gặp, các vật dụng hàng ngày, tiền tệ. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống như: cuộc sống hiện tại và quá khứ, thực hành những đoạn hội thoại liên quan về sức khỏe và tai nạn, tìm hiểu về các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới, tìm hiểu kỹ hơn về các vận dụng hàng ngày cần thiết khi mang đi du lịch.	2	Học kỳ 1	**Điểm quá trình**: Gồm có 2 đầu điểm đánh giá. - Trọng số: 40% - Điểm thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận. Trọng số 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Xác suất thống kê	Học phần "Xác suất thống kê" là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần trang bị cho sinh những kiến thức ban đầu, cơ bản nhất về xác suất (phép thử, biến cố, các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất, các đại lượng đặc trưng của biến ngẫu nhiên,…) và thống kê (lý thuyết mẫu, ước lượng tham số,…). Người học được cung cấp phương pháp khoa học phân tích và xử lý dữ liệu có được nhờ các thí nghiệm, các cuộc điều tra nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên, các vấn đề kỹ thuật cũng như các vấn đề xã hội.	2	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình, gồm 2 bài kiểm tra: Trọng số 40% - Thi kết thúc học phần: Thi tự luận: Trọng số 60%
5	Vật lý đại cương	Học phần "Vật lý đại cương" là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức về: đo lường; cơ học chất điểm; chuyển động của vũ trụ; nhiệt động lực học; điện – từ trường; dao động cơ và sóng điện từ; quang hình và quang lượng tử; bán dẫn và laser. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để áp dụng vào các lĩnh vực khoa học khác	3	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình, gồm 2 bài kiểm tra: Trọng số 40% - Thi kết thúc học phần: Thi tự luận: Trọng số 60%
6	Toán rời rạc	- Những kiến thức cơ bản trong các lĩnh vực có nhiều ứng dụng của toán rời rạc như Lý thuyết tổ hợp, Lý thuyết đồ thị. - Vận dụng các phương pháp toán học ứng dụng trong kỹ thuật công nghệ, nhất là Công nghệ thông tin. - Chủ động trong học tập, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm; thành thạo tìm kiếm tài liệu để tiếp cận với khoa học hiện đại và có ý thức học tập suốt đời. Chủ động, hợp tác trong công việc nhằm phát huy trí tuệ	3	Học kỳ 1	**Điểm quá trình**: 40%, 2 đầu điểm A1.1 Bài kiểm tra 1: Tự luận - Điểm số 2: Tự luận Thi kết thúc học phần: 60%, Trắc nghiệm

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tập thể.			
7	Kiến trúc máy tính	Trình bày được các kiến thức cơ bản về cấu trúc chung của máy vi tính Mô tả được cấu tạo, nguyên tắc hoạt động và các đặc tính kỹ thuật của các linh kiện và thiết bị cấu thành máy vi tính. Vận dụng được các tập lệnh và nguyên tắc điều khiển trong máy tính. Nhận diện được các linh kiện của máy tính Vận dụng được tập lệnh trong việc lập trình hệ thống. Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về các bộ phận chính của máy tính điện tử như khối xử lý trung tâm, bộ nhớ và các thiết bị ngoại vi. Thể hiện năng lực dẫn dắt về chuyên môn thiết kế và cấu trúc phần cứng của máy tính điện tử.	2	Học kỳ 1	**Điểm quá trình**: 40%, 2 đầu điểm A1.1 Bài kiểm tra 1: Tự luận - Điểm số 2: Tự luận Thi kết thúc học phần: 60%, **Tự luận**
8	Nguyên lý hệ điều hành	Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hệ điều hành và các phương thức hoạt động của hệ điều hành như xử lý tin, xử lý bộ nhớ, các thao tác nhập xuất, cấu trúc lưu trữ, xử lý ngắt, lập lịch, hệ thống quản lý tập tin, bảo vệ phần cứng, quản lý bộ nhớ.	2	Học kỳ 1	**Điểm quá trình:** 40% - A1.1 - Bài kiểm tra 1 được đánh giá sau khi học xong chương 1,2,3, 4; - A1.2 - Bài kiểm tra 2 được đánh giá sau khi học xong chương 5, 6, 7, 8. Thi kết thúc học phần: - 60%, thi Trắc nghiệm
9	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng và quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ khi ra đời đến nay. Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình, gồm 2 đầu điểm: Trọng số 40% - Bài thi kết thúc học phần (tự luận): Trọng số 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hạn chế, tông kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.			
10	Cơ sở dữ liệu	Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu (CSDL) và tập trung vào các kiến thức liên quan đến mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ. Về lý thuyết, sinh viên được học các kiến thức về mô hình thực thể liên kết, mô hình quan hệ và đại số quan hệ, chuyển đổi mô hình thực thể liên kết sang mô hình quan hệ, phụ thuộc hàm, chuẩn hóa CSDL quan hệ và các thuật toán thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ. Về thực hành, sinh viên được học ngôn ngữ SQL và thực hành trên một hệ quản trị CSDL cụ thể là SQL Server.	3	Học kỳ 2	**Điểm quá trình (**40%) - A1.1 - Bài kiểm tra 1 được đánh giá sau khi học xong các chương 1, 2, 3 và 4. - A2.1 - Bài kiểm tra 2 được đánh giá sau khi học xong hai chương 5 và 6. **Thi kết thúc học phần (**60%): Thi Tự luận
11	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	- Trình bày được các khái niệm cơ bản về cấu trúc dữ liệu, giải thuật; các đặc trưng cơ bản của giải thuật; các bài toán sắp xếp, tìm kiếm,... - Áp dụng các phương pháp thiết kế giải thuật, các cấu trúc dữ liệu phù hợp để xây dựng bài toán cụ thể. - Ứng dụng được các phương pháp giải quyết bài toán để giải các bài toán trong thực tiễn. - Viết được chương trình chạy thử nghiệm cho các bài toán. - Chủ động trong học tập, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm và hợp tác trong công việc nhằm phát huy trí tuệ tập thể. - Ứng dụng được kiến thức đã học để tự chủ, độc lập làm việc trong tổ chức	3	Học kỳ 2	**Điểm quá trình**: 40%, 2 đầu điểm Điểm số 1: A1.1 Bài kiểm tra 1 (60%). A.1.2. Bài tập phần 1 (20%). A.1.3. Thái độ học tập (20%) Điểm số 2: A1.4 Bài kiểm tra 2 (60%). A.1.5. Bài tập phần 2 (20%). A.1.6. Thái độ học tập (20%) Thi kết thúc học phần: 60%, Trắc nghiệm
12	Lập trình hướng đối	- Trình bày được kiến thức về phương pháp lập	3	Học kỳ 2	**Điểm quá trình**: 40%, 2 đầu điểm

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	tượng	trình hướng đối tượng. Các khái niệm cơ bản về đối tượng, lớp, thuộc tính, phương thức. Các đặc tính về trừu tượng, kế thừa, đóng gói, giao tiếp và đa hình trong lập trình hướng đối tượng. - Thành thạo lập trình hướng đối tượng với ngôn ngữ Java. Vận dụng các đặc tính trừu tượng, kế thừa, đóng gói, đa hình trong lập trình hướng đối tượng để xây dựng các lớp đối tượng trong ứng dụng. - Có ý thức kỷ luật và chuyên nghiệp trong lập trình. Có tính tự chủ và sáng tạo trong việc xây dựng các ứng dụng minh họa theo phương pháp lập trình hướng đối tượng			A1.1 Bài kiêm tra 1: Thực hành - Điểm số 2: Tự luận Thi kết thúc học phần: 60%, Thực hành
13	Xử lý ảnh	- Hiểu được các vấn đề tổng quan về xử lý ảnh, Mô tả được không gian màu, liệt kê được các mô hình màu. Liệt kê được các cách thu nhận và biểu diễn ảnh, liệt kê được các phương pháp nén ảnh. - Ghi nhớ được các thuật toán liên quan đến xử lý nâng cao chất lượng ảnh, các kỹ thuật phân đoạn và tìm biên, các phép toán hình thái học và các phương pháp nén ảnh. Tính toán trên các bài toán cụ thể chứa các thuật toán xử lý nâng cao chất lượng ảnh, các phép toán hình thái học và các phương pháp nén ảnh. - Đánh giá được ưu và nhược điểm của các phép xử lý nâng cao chất lượng ảnh, các kỹ thuật phân đoạn và tìm biên, các phép toán hình thái học và các phương pháp nén ảnh. - Thành thạo các thuật toán xử lý ảnh trên các số liệu cụ thể. - Vận dụng kết hợp các thuật toán xử lý ảnh xây dựng ảnh đầu ra theo mong muốn. - Chủ động trong học tập, cầu thị, cởi mở, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm và hợp tác trong công việc	2	Học kỳ 2	**Điểm quá trình:** 40%, 2 đầu điểm - Điểm số 1: A1.1 - Bài kiểm tra 1 **Thi kết thúc học phần:** 60%, Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhằm phát huy trí tuệ tập thể.			
14	Mạng máy tính	- Có kiến thức tổng quan về mạng máy tính, phân tích được chức năng các tầng của mô hình tham chiếu OSI, bộ giao thức TCP/IP, giải thích cách thức thông tin di chuyển qua mạng như thế nào theo các tầng của mô hình OSI và TCP/IP, hiểu được các kiến thức cơ bản về công nghệ LAN – Ethernet, các công nghệ WAN. - Có các kỹ năng phân tích thiết kế, lựa chọn các thiết bị mạng, lắp đặt và cài đặt mạng. Chia địa chỉ IP và gán địa chỉ IP cho các mạng. Cấu hình trên các thiết bị mạng - Có thái độ cầu thị, cởi mở, có năng lực dẫn dắt, phát huy trí tuệ tập thể, đưa ra được kết luận về chuyên môn, nghiệp vụ trong chuyên ngành công nghệ thông tin và lĩnh vực liên quan.	3	Học kỳ 2	**Điểm quá trình (**40%) - A1.1 - Bài kiểm tra 1 - A2.1 - Bài kiểm tra 2 **Thi kết thúc học phần (**60%): - Thi Trắc Nghiệm
15	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Cung cấp cho SV các kiến thức về cách thức và kỹ thuật bảo vệ an toàn cho một hệ thống thông tin, bao gồm: điều khiển việc truy cập và các hệ thống, thiết lập và duy trì các chính sách nhằm đảm bảo an ninh, các kỹ thuật mã hóa và xác thực thông tin, các vấn đề liên quan đến quản trị và kiểm soát, và vấn đề ngăn chặn và xử lý các phần mềm độc hại. Trình bày và giải thích được các vấn đề về an toàn và bảo mật thông tin; các thuật toán, nguyên nhân, kỹ thuật, các phương pháp thực hiện an toàn và bảo mật hệ thống thông tin Áp dụng các kiến thức về hệ thống máy tính, an toàn và bảo mật thông tin để thiết kế, xây dựng, cấu hình và quản trị các hệ thống mạng, đảm bảo vấn đề an ninh mạng và an toàn hệ thống	2	Học kỳ 2	**Điểm quá trình**: - 40%, 2 đầu điểm **A1.1 Bài kiểm tra 1**: Tự luận - Điểm số 2: Thực hành **Thi kết thúc học phần**: - 60%, Thi Thực hành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Kĩ Năng: Có thái độ câu thị, cởi mở, có năng lực dẫn dắt, phát huy trí tuệ tập thể, đưa ra được kết luận về chuyên môn, nghiệp vụ trong chuyên ngành công nghệ thông tin và lĩnh vực liên quan.			

4. Khóa ĐH13

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác - Lênin	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về Triết học học triết học Mác-Lênin. Củng cố kỹ năng tư duy logic và khoa học theo thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng trong nhận định, đánh giá và giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực tiễn. Bảo vệ giá trị lý luận và thực tiễn của triết học Mác-Lênin, có niềm tin vào đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.	3	Học kỳ 1	- Điểm quá trình gồm có 2 đầu điểm đánh giá. Trọng số: 40% - Điểm thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận. Trọng số 60%
2	Tiếng Anh 1	Học phần "*Tiếng Anh 1*" là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm chung: công việc hàng ngày, thói quen, sở thích, du lịch, đất nước, con người... Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: giới thiệu bản thân, giải quyết những vấn đề thường gặp khi giao tiếp trên điện thoại và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.	3	Học kỳ 1	- Điểm quá trình gồm có 2 đầu điểm đánh giá. Trọng số: 40% - Điểm thi kết thúc học phần theo hình thức trắc nghiệm + vấn đáp. Trọng số 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Toán cao cấp 1	Học phần Toán cao cấp 1 trang bị cho sinh những kiến thức ban đầu, cơ bản nhất về đại số (ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ,…) và giải tích toán học (ứng dụng đạo hàm để tính giới hạn, tích phân suy rộng, lý thuyết chuỗi,…). Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để áp dụng vào các lĩnh vực khoa học khác.	3	Học kỳ 1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%, Hình thức thi: Tự luận
4	Tin học cơ sở	- Những kiến thức chung về công nghệ thông tin, đơn vị đo thông tin, mã hóa thông tin, xử lý thông tin trong máy tính. Các kiến thức về phần cứng, phần mềm máy tính. kiến thức cơ bản về mạng máy tính và Internet. những kiến thức về ngôn ngữ lập trình C; các kiểu dữ liệu cơ sở; các cú pháp; câu lệnh; cách khai báo, xây dựng và sử dụng các kiểu dữ liệu mảng, con trỏ, xâu ký tự, cấu trúc, tệp; cách sử dụng hàm trong chương trình - Kỹ năng sử dụng máy tính thông qua việc sử dụng các ứng dụng văn phòng, internet, hệ điều hành và kỹ năng lập trình ngôn ngữ C. - Rèn luyện sự chuyên cần, say mê học tập nâng cao trình độ và chuyên sâu về chuyên ngành Công nghệ Thông tin. chủ động trong học tập, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm; thành thạo tìm kiếm tài liệu để tiếp cận với khoa học hiện đại và có ý thức học tập suốt đời. Chủ động, hợp tác trong công việc nhằm phát huy trí tuệ tập thể.	3	Học kỳ 1	**Điểm quá trình:** 40% 2 đầu điểm - A1.1 Bài kiểm tra 1: Thực hành - Điểm số 2: Tự luận **Thi kết thúc học phần:** 60%, - Thực hành
6	Tiếng Anh 2	Học phần "*Tiếng Anh 2"* là học phần bắt buộc	3	Học kỳ 2	- Điểm quá trình gồm có 2 đầu

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, so sánh của tính từ - trạng từ, động từ khuyết thiếu… và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm như: nghề nghiệp, lễ hội, du lịch… ở mức độ tiền trung cấp. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mức độ tiền trung cấp thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: gọi điện thoại, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.			điểm đánh giá. Trọng số: 40% - Điểm thi kết thúc học phần theo hình thức trắc nghiệm + vấn đáp. Trọng số 60%
7	Pháp luật đại cương	MT1: Những kiến thức về: nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; trách nhiệm pháp lý; nội dung cơ bản của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật phòng chống tham nhũng. MT2: Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; Kỹ năng so sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung và nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; Kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế. MT3: Năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp	2	Học kỳ 2	- **Điểm đánh giá quá trình**: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá. - **Điểm thi kết thúc học phần**: trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và các lĩnh vực khác của đời sống. Xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.			
8	Toán cao cấp 2	Học phần Toán cao cấp 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức về Hàm số nhiều biến số, Cực trị của hàm nhiều biến.Tích phân của hàm nhiều biến: Tích phân 2 lớp, tích phân 3 lớp, tích phân đường loại 1 và tích phân đường loại 2. Phương trình vi phân: Phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân tuyến tính cấp một và phương trình vi phân cấp 2. Các kiến thức này góp phần nâng cao khả năng tư duy của sinh viên và làm cơ sở để học các môn chuyên ngành.	2	Học kỳ 2	**Điểm đánh giá quá trình:**Trọng số 40%, Bao gồm: 02 đầu điểm **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 60%, Hình thức thi: Tự luận
9	Kỹ năng mềm Công nghệ thông tin	Học phần cung cấp và hệ thống hóa, rèn kĩ năng phân tích cho sinh viên những kiến thức cơ bản kỹ năng mềm nói chung và kỹ năng mềm CNTT; Kỹ năng xây dựng văn bản; Kỹ năng tra cứu và chia sẻ thông tin, định hướng nghề nghiệp và tìm kiếm cơ hội việc làm; Kỹ năng tham gia cộng đồng trực tuyến	2	Học kỳ 2	**Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số là 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Hình thức đánh giá: Tự luận **Điểm thi kết thúc học phần:** - Trọng số là 60% - Hình thức thi:Tự luận
10	Kỹ thuật điện tử số	- Trình bày được các phương pháp tính toán và mô tả được các phần tử cơ bản trong các mạch cổng logic, cơ sở đại số logic. - Phân tích và thiết kế được mạch logic tổ hợp và một số phần tử cơ bản của hệ thống máy tính số như ALU, thanh ghi, mạch cộng, nhân, FIFO, bộ nhớ… - Phân tích và thiết kế hệ thống số, hệ thống số với FPGA; sử dụng thành thạo công cụ ngôn ngữ mô tả	2	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: A1.1 Bài kiểm tra A1.2 Bài tập A1.3 Chuyên cần Điểm số 2: A1.4 Báo cáo A1.5 Bài thực hành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phần cứng Verilog (VHDL) với môi trường ISE Webpack hoặc Vivado của Xilink. - Phân tích, thiết kế mạch logic tổ hợp. - Sử dụng một số phần mềm của Xilink hoặc Altera để thiết kế và mô phỏng các mạch tổ hợp. - Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn phục vụ nghiệp vụ về quản lý dự án về công nghệ thông tin. - Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về công nghệ thông tin.			A3. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Thực hành A3 Bài thi thực hành: 60%

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_M

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2023-2024
Ngành: Công nghệ kỹ thuật môi trường

1. Khóa 10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Kiểm soát môi trường doanh nghiệp	- Về kiến thức: + Trình bày được khái niệm, ý nghĩa và vai trò của kiểm soát ô nhiễm trong bảo vệ môi trường và sức khỏe môi trường; phương pháp đánh giá, tiêu chí đánh giá ô nhiễm; + Trình bày được một cách khái quát chức năng của các tổ chức, cá nhân và hệ thống văn bản pháp quy trong kiểm soát ô nhiễm môi trường; + Đọc hiểu được các quy trình, thủ tục kiểm soát ô nhiễm môi trường áp dụng trong doanh nghiệp. - Về kỹ năng: + Tổng hợp được hệ thống văn bản hướng dẫn kiểm soát môi trường trong doanh nghiệp; + Áp dụng xây dựng, thực hiện các thủ tục kiểm soát môi trường đối với một doanh nghiệp cụ thể. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm + Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường.	2	Học kỳ 1	**Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số 40%. Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 60%, Hình thức thi tự luận
2.	Thực hành vận hành hệ thống xử lý chất	- Về kiến thức: Ứng dụng được các kiến thức đã học vào thực tế để quản lý	2	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình 50%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	thải	và vận hành hệ thống xử lý nước thải - nước cấp, khí thải - tiếng ồn, chất thải rắn - chất thải nguy hại của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu tiểu thủ công nghiệp, các khu xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, các bãi chôn lấp rác hay tái chế chất thải rắn. Hiểu được cách quản lý và vận hành các công trình thực tế. thực hiện được cách bảo trì và khắc phục sự cố công trình môi trường thực tế. Áp dụng được nguyên tắc an toàn lao động trong vận hành công trình. Phân tích, xử lý các thông số vận hành; Lập được kế hoạch quan trắc, giám sát, phân tích chất lượng đầu ra của công trình xử lý. - Về kỹ năng: + Nắm được cách quản lý và vận hành các công trình thực tế + Nắm được cách bảo trì và khắc phục sự cố. Đồng thời nắm vững các nguyên tắc an toàn lao động trong vận hành công trình. + Phân tích, xử lý các thông số vận hành ; Hoạch định thời gian quan trắc, giám sát, phân tích chất lượng đầu ra của công trình xử lý. + Biết cách xử lý số liệu và viết báo cáo giám sát định kỳ -Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực vận hành công trình xử lý môi trường; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể trong quá trình hoạt động vận hành công trình như trạm xử lý nước cấp, nước thải, chất thải rắn, khí thải;			A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Báo cáo 50%
3.	Thông tin môi trường	- Về kiến thức:	2	Học kỳ 1	**Điểm đánh giá quá**

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Trình bày được các khái niệm cơ bản về thông tin môi trường, dữ liệu môi trường; + Phân tích các được cấu trúc các báo cáo hiện trạng môi trường, báo cáo công tác bảo vệ môi trường, báo cáo kết quả quan trắc định kỳ, các bước điều tra, thống kê nguồn gây ô nhiễm môi trường. - Về kỹ năng: + Tính toán được các chỉ số chất lượng môi trường AQI và WQI trong từng trường hợp cụ thể; + Xác định được phương pháp điều tra, thống kê, xây dựng được một số câu hỏi điều tra cơ bản các lĩnh vực môi trường theo yêu cầu của các văn bản quy định. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm + Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến thông tin môi trường. + Có khả năng đánh giá và cải tiến việc lập các loại báo cáo.			**trình:** Trọng số 40%. Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 60%, Hình thức thi tự luận
4.	Thực tập đánh giá chất lượng môi trường	- Về kiến thức: + Thiết kế, thực hiện và lập báo cáo quan trắc môi cho các đối tượng cụ thể; + Đọc, hiểu và vận dụng được quy trình để tiến hành thực nghiệm xác định một số chỉ tiêu cơ bản trong môi trường. - Về kĩ năng: + Lập được Báo cáo đánh giá chất lượng môi trường. + Sử dụng thành thạo một số thiết bị quan trắc và phân tích môi trường; + Tính toán kết quả phân tích, phân tích các dữ liệu thu được và lập được các báo cáo kết quả quan trắc và phân tích. -Năng lực tự chủ và trách nhiệm + Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường	2	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình thực tập: Mức độ tích cực tham gia hoạt động học tập trên lớp; đánh giá qua bài thực tập và báo cáo thực tập. Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. Trọng số mỗi đầu điểm: 50%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		làm việc khác nhau + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến kỹ thuật quan trắc và phân tích các thành phần môi trường + Có khả năng đánh giá và cải tiến các kỹ thuật quan trắc và phân tích môi trường			
5.	Kiểm soát an toàn hoá chất và quản lý phòng thí nghiệm	- Về kiến thức: + Trình bày được nguyên tắc thiết kế, tổ chức, vận hành và quản lý phòng thí nghiệm nói chung và phòng thí nghiệm chuyên ngành môi trường nói riêng theo các quy định hiện hành; + Xây dựng được một số quy trình thao tác chuẩn trong phòng thí nghiệm; Trình bày được các quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm và các biện pháp vận hành an toàn phòng thí nghiệm; + Phân loại được các loại hóa chất theo một số tiêu chí khác nhau; - Về kỹ năng: + Phân tích đánh giá được các mối nguy hiểm khi sử dụng hóa chất và các biện pháp kiểm soát an toàn hóa chất; Lập kế hoạch biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất; + Thiết kế, sắp xếp và bố trí phòng thí nghiệm môi trường; + Thực hiện tốt các quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm; + Xây dựng được kế hoạch và thực hiện xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp - Năng lực tự chủ và trách nhiệm + Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến kiểm soát an toàn hoá chất và quản lý phòng thí nghiệm	2	Học kỳ 1	**Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số 40%. Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 60%, Hình thức thi tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6.	Mạng lưới cấp thoát nước	- Về kiến thức: Trình bày được các sơ đồ tổ chức mạng lưới cấp nước, mạng lưới thoát nước sinh hoạt và thoát nước mưa cho một khu dân cư hoặc khu công nghiệp; biết cách tính toán các lưu lượng thành phần cần cung cấp cho mạng lưới cấp nước hay cần thu gom từ mạng lưới thoát nước và các tính toán thủy lực để cung cấp đủ nước cho mạng lưới cấp nước hay thu gom triệt để nước thải từ mạng lưới thoát nước; nắm được cấu tạo mạng lưới và bố trí các phụ tùng, thiết bị trên mạng lưới phục vụ công tác quản lý vận hành mạng lưới. - Về kỹ năng: Tính toán được lưu lượng thành phần cần cung cấp cho mạng lưới cấp nước hay cần thu gom từ mạng lưới thoát nước; sử dụng được các phần mềm và công cụ toán học để tính toán thủy lực mạng lưới cấp thoát nước; nắm được cấu tạo mạng lưới và cách bố trí các phụ tùng, thiết bị trên mạng lưới; biết cách xây dựng kế hoạch quản lý vận hành mạng lưới. Đọc hiểu được các liệu hướng dẫn thiết kế như TCVN và sử dụng phần mềm thiết kế hỗ trợ như Epanet, FlowHy, AutoCad để tính toán thiết kế kỹ thuật một mạng lưới cấp nước hay thoát nước thông qua vận dụng lý thuyết. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực mạng lưới ống cấp nước và thoát nước; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý và vận hành mạng lưới và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể;	3	Học kỳ 1	**Điểm đánh giá quá trình**: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 60%
7.	Đồ án xử lý nước thải	- Kiến thức: hiểu trình bày được các kiến thức đã học trong học phần lý thuyết của đồ án này là học phần Kỹ thuật xử lý nước thải.	1	Học kỳ 1	**Điểm đánh giá quá trình**: Trọng số 50%; Bao gồm 01 đầu điểm,

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu trình bày được các kiến thức đã học trong học phần lý thuyết của đồ án này là học phần Kỹ thuật xử lý nước thải. Vận dụng lý thuyết và tham khảo TCVN vào tính toán thiết kế một dây chuyền công nghệ xử lý nước thải trong thực tế, bố trí quy hoạch được vị trí các công trình đơn vị trên mặt bằng và theo cao trình trong trạm xử lý nước thải; Xây dựng các bản vẽ kỹ thuật công nghệ theo yêu cầu của học phần. Thuyết trình các kết quả tính toán thiết kế trên bản vẽ kỹ thuật công nghệ - Về kỹ năng: Vận dụng lý thuyết và tham khảo TCVN vào tính toán thiết kế một dây chuyền công nghệ xử lý nước cấp trong thực tế, bố trí quy hoạch được vị trí các công trình đơn vị trên mặt bằng và theo cao trình trong trạm xử lý nước thải; Xây dựng các bản vẽ kỹ thuật công nghệ theo yêu cầu của học phần. Thuyết trình các kết quả tính toán thiết kế trên bản vẽ kỹ thuật công nghệ			hệ số 1. **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 50%
8.	Đồ án xử lý khí thải	- Về kiến thức: sinh viên hiểu được các mô hình phát tán khí thải; Hiểu được cách tính toán thiết bị xử lý bụi; xử lý khí thải. - Về kỹ năng: Vận dụng được QCVN về khí trong thực tế; Tính toán đượcnồng độ chất ô nhiễm ở những vị trí khác nhau theomô hình phát tán khí thải; Phân tích được ưu nhược điểm, phạm vi áp dụng của các hệ thống xử lý khí thải; Đề xuất, tính toán, thiết kế được thiết bị xử lý bụi, khí thải. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực thiết kế thiết bị xử lý khí thải; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về	1	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình 50% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Báo cáo 50%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; + Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong thiết kế công trình thiết bị xử lý bụi và khí thải.			
9.	Đồ án quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	- Về kiến thức: sử dụng được các kiến thức đã học trong các học phần Quản lý Chất thải rắn và chất thải nguy hại, Thực tập công nghệ môi trường để tính toán, thiết kế các công trình xử lý. - Về kỹ năng: có khả năng tính toán và xác định được các thông số cần thiết để tính toán thiết kế các công trình cho một nhà máy/ khu xử lý. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý về chất thải rắn và CTNH; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; + Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lập quy hoạch, kế hoạch về quản lý CTR.	1	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình 50% A2.Thi kết thúc học phần 50% Hình thức: Báo cáo
10.	Thực tập tốt nghiệp	- Về kiến thức: + Sinh viên củng cố được các kiến thức lý thuyết về các lĩnh vực: tính toán, thiết kế các công trình xử lý môitrường, quản lý, vận hành các công trình xử lý khí thải, xử lý nước cấp, nước thải hoặc bãi chôn lấp; quan trắc và phân tích môi trường; lập báo cáo hiện trạng môi trường; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; kiểm soát an toàn hóa chất và chất thải nguy hại; quản lý, vận hành, điều khiển, bảo trì các hệ	4	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình 40% A2.Đánh giá của Khoa 60% Hình thức: Báo cáo

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thống xử lý chất thải; giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong các đơn vị sản xuất; quản lý phòng thí nghiệm. + Sinh viên làm quen với các công việc thực tế liên quan đến các kiến thức đã được đào tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực, ngành đào tạo và các hướng chuyên sâu. - Về kỹ năng: + Sinh viên rèn luyện được các kỹ năng chuyên môn cần thiết: tìm, đọc tài liệu, nghiên cứu khoa học, làm việc thực tế. + Sinh viên thực hiện được các kỹ năng cơ bản về: tính toán, phân tích và lựa chọn các giải pháp kỹ thuật công nghệ, thích hợp cho công trình xử lý môi trường đô thị và công nghiệp (chất thải lỏng, rắn và khí); quản lý vận hành các công trình xử lý môi trường (nước, khí, chất thải rắn); sử dụng các tài liệu, các qui chuẩn, tiêu chuẩn, qui phạm chuyên ngành; lập báo cáo, triển khai các đồ án về xử lý nước cấp, nước thải; năng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, mô phỏng kịch bản ô nhiễm môi trường (nước, khí, đất); Lập báo cáo hiện trạng môi trường, đánh giá chất lượng môi trường, đánh giá tác động môi trường; Tổ chức và thực hiện hoạt động quan trắc môi trường; tổ chức, quản lý và vận hành các hệ thống kiểm soát ô nhiễm do khí thải, nước thải; Quản lýphòng thí nghiệm và sử dụng các thiết bị phân tích môi trường hiện đại; + Sinh viên thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, sử dụng các phần mềm tin học liên quan đến chuyên môn và sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh) để đọc, hiểu các tài liệu chuyên môn - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao tại cơ sở thực tập; có khả năng tự định hướng các công việc chuyên môn thuộc nhiệm vụ được giao, thích nghi với môi trường làm việc thực tế; tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;			

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11.	Kỹ thuật xử lý và cải tạo đất	- Về kiến thức + Trình bày được định nghĩa về đất, phân tích thành phần tính chất của đất, sự hình thành của đất, chức năng vai trò của đất trong cuộc sống. + Mối quan hệ giữa tính chất của đất với môi trường xung quanh. Ảnh hưởng sự thay đổi của chúng do tác động bên ngoài + Phân loại các loại ô nhiễm đất, nguyên nhân các loại ô nhiễm đất do chất hữu cơ, kim loại nặng Về kỹ năng + Thành thạo khả năng dự báo được lan truyền ô nhiễm. + Vận dụng được kiến thức về ô nhiễm đất, tự đánh giá được mức độ ảnh hưởng do các loại hình ô nhiễm đất và đưa ra được phương án ứng đối phù hợp về giá trị và kinh tế. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm + Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong đánh giá xử lý ô nhiễm đất, có ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc.	2	Học kỳ 2	**Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 60%, Hình thức thi tự luận
12.	Kiểm toán chất thải	- Về kiến thức + Trình bày được khái niệm về kiểm toán môi trường, kiểm toán chất thải + Phân tích được ý nghĩa của việc kiểm toán chất thải. + Phân tích được quy trình kiểm toán chất thải, vận dụng quy trình lý thuyết xây dựng quy trình kiểm toán chất thải cho một đối tượng sản xuất cụ thể. - Về kỹ năng + Học phần giúp cho sinh viên hoàn thiện kĩ năng thuyết trình bằng phương pháp trực quan hóa + Hoàn thiện kĩ năng làm việc nhóm + Thực hành xây dựng quy trình kiểm toán chất thải cho đối	2	Học kỳ 2	**Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số 40%. Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tượng cụ thể - Về đạo đức nghề nghiệp + Có hứng thú với môn học và tìm hiểu sâu thêm về các nội dung liên quan đến môn học.			
13.	Năng lượng môi trường	- Về kiến thức: Trình bày được kiến thức tổng quan về các dạng nhiên liệu và năng lượng mà con người sử dụng; Phân tích được các tác động đến môi trường của việc khai thác và sử dụng năng lượng; áp dụng các kiến thức về khoa học công nghệ mà con người đang phát triển sử dụng nhằm giảm tác động đến môi trường. - Về kỹ năng: Đề xuất một số giải pháp sử dụng các nguồn năng lượng nhằm giảm phát sinh các chất ô nhiễm trong thực tế. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng sử dụng kiến thức năng lượng để sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, tích cực sử dụng các dạng năng lượng thân thiện với môi trường. Có khả năng tích lũy và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ liên quan tới năng lượng và môi trường.	2	Học kỳ 2	**Điểm đánh giá quá trình:** Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 60%, Hình thức thi tự luận

3. Khóa 11

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	MT1: Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong thực tiễn. MT2: Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; Tư duy lý luận, phản biện MT3: Bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước; Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc	2	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài kiểm tra 50%
2.	Tin học ứng dụng	MT1: Các kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin địa lý (GIS), công nghệ kết nối vạn vật (IoT), mô hình hóa, mô phỏng, đánh	3	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giá vòng đời sản phẩm (LCA) để khai thác, sử dụng phần mềm xây dựng các bản đồ chuyên ngành môi trường, tự động hóa quá trình giám sát môi trường, đánh giá sản phẩm, công nghệ, hệ thống trong lĩnh vực môi trường MT2: Kỹ năng sử dụng phần mềm GIS, phần mềm ứng dụng công nghệ IoT, phần mềm mô hình hóa, phần mềm LCA MT3: Nội dung về vai trò, trách nhiệm của người làm công việc ứng dụng các phần mềm chuyên ngành môi trường, phát triển hệ thống IoT xây dựng các báo cáo giám sát môi trường, đánh giá tác động môi trường: cẩn thận, trung thực, làm việc theo đúng quy trình và kỷ luật của mỗi đơn vị.			A1.1 Bài tập 1 25% A1.2 Bài tập 2 25% A1.3 Bài tập 3 25% A1.4 Chuyên cần 25% Điểm số 2 A1.5 Bài kiểm tra 100% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: thực hành 100%
3.	Kỹ thuật xử lý nước thải	MT1: Kiến thức cơ sở về các quá trình xử lý nước thải, các công nghệ xử lý nước thải thường được sử dụng MT2: Phương pháp vận dụng công thức tính toán và thiết kế các công trình xử lý nước thải cho khu đô thị, khu công nghiệp, nhà máy … MT3: Nội dung về vai trò, trách nhiệm của người làm trong lĩnh vực quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải	3	Học kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 80% A1.2 Chuyên cần 20% A1.3 Bài tập tổng hợp 100% A2 Bài thi kết thúc học phần 100%
4.	Quản lý môi trường	MT1: Các kiến thức cơ bản về quản lý môi trường: khái niệm, nguyên tắc, tổ chức quản lý môi trường; các công cụ quản lý môi trường MT2: Phương pháp vận dụng các kiến thức cơ bản để quản lý các thành phần môi trường đất, nước, không khí và di sản thiên nhiên hiệu quả. MT3: Phương pháp rèn luyện kỹ năng lập luận, tư duy, phân tích, đánh giá, hỗ trợ ra quyết định trong quản lý môi trường, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo MT4: Năng lực cũng như khả năng tự định hướng, có năng lực giải quyết vấn đề về tài nguyên và môi trường	2	Học kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra chương 1,2 50% A1.2 Bài tập thảo luận nhóm 20% A1.3 Chuyên cần A1.4 Báo cáo hoạt động nhóm 70% A1.5 Thái độ học tập 30% A2 Bài thi kết thúc học phần 100%
5.	Hệ thống pháp luật về môi trường	MT1: Các kiến thức cơ bản về cơ sở ra đời của pháp luật về tài nguyên và môi trường, vai trò, nguyên tắc, hệ thống pháp luật	2	Học kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 60% A1.2 Bài tập 20%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		về môi trường; Luật và các văn bản dưới luật quy định về bảo vệ môi trường MT2: Kỹ năng tìm kiếm, tra cứu văn bản, nghiên cứu thông tin, nội dung trong các văn bản pháp luật hiện hành MT3: Phương pháp hệ thống hóa các kiến thức, thông tin từ các văn bản pháp quy từ đó ứng dụng giải quyết các tình huống trong thực tế, nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân và xã hội trong công tác bảo vệ môi trường			A1.3 Chuyên cần 20% A1.4 Chuyên cần 20% A1.5 Báo cáo 50% A2 Bài thi kết thúc học phần 100%
6.	Quan trắc và phân tích môi trường nước	MT1: Kiến thức cơ bản liên quan đến quan trắc môi trường; các bước thiết kế một chương trình quan trắc môi trường; quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường, quy trình phân tích một số thông số cơ bản trong môi trường nước nước (nguyên tắc xác định, quy trình tiến hành, phương pháp tính kết quả). MT2: Quy trình thiết kế chương trình quan trắc và phân tích môi trường nước cho một số đối tượng cụ thể (nước sông, nước hồ, nước ngầm, nước thải, nước mưa, nước biển ...). MT3: Phương pháp tính toán nồng độ hóa chất phân tích và kết quả quan trắc. Sử dụng một số thiết bị quan trắc hiện trường, lập báo cáo kết quả quan trắc và phân tích. MT4: Năng lực chuyên môn nghiệp vụ cũng như khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến kỹ thuật quan trắc và phân tích môi trường nước	4	Học kỳ 1	A1.1 Bài thảo luận 30% A1.2 Bài tập 50% A1.3 Chuyên cần 20% A1.4 Báo cáo 50% A1.5 Bài thực hành 50% A1.6 Bài kiểm tra 100% A2 Bài thi kết thúc học phần 100%
7.	Đồ án Tin học ứng dụng	MT1: Trình tự ứng dụng những kiến thức đã được trang bị trong học phần lý thuyết Tin học ứng dụng vào trong thực tế thông qua các bài tập tình huống cụ thể MT2: Phương pháp áp dụng từng phần mềm đã được trang bị trước đó để xây dựng bản đồ chuyên đề môi trường, thiết lập các mô hình dự báo chất lượng môi trường, lập các báo cáo LCA cho sản phẩm, đối tượng cụ thể MT3: Môi trường rèn luyện vai trò, trách nhiệm của người làm công việc ứng dụng các phần mềm chuyên ngành môi trường, phát triển hệ thống IoT xây dựng các báo cáo giám sát môi	1	Học kỳ 2	A1 Chuyên cần 100% A2 Báo cáo thực tập 100%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trường, đánh giá tác động môi trường: cẩn thận, trung thực, làm việc theo đúng quy trình và kỷ luật của mỗi đơn vị.			
8.	Quan trắc và phân tích môi trường không khí, đất	MT1: Kiến thức về quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường không khí, quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường đất, chất thải rắn, mẫu sinh học và mẫu thực phẩm; nguyên tắc xác định, quy trình tiến hành phân tích một số thông số cơ bản trong môi trường không khí, đất, chất thải rắn, mẫu sinh học và mẫu thực phẩm. MT2: Các tiêu chuẩn và các văn bản liên quan đến quan trắc và phân tích môi trường MT3: Phương pháp thực hiện quan trắc và phân tích một số thông số cơ bản trong môi trường khí, đất, chất thải rắn, mẫu sinh học và thực phẩm Tính toán kết quả phân tích, phân tích các dữ liệu thu được và lập được các báo cáo kết quả quan trắc và phân tích MT4: Năng lực thực hiện phân tích; phương pháp tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm; khả năng đưa ra được kết luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến kỹ thuật quan trắc và phân tích môi trường không khí, đất	4	Học kỳ 2	A1.1 Bài thảo luận 40% A1.2 Bài kiểm tra 1: 40% A1.3 Chuyên cần 20% A1.4 Báo cáo 50% A1.5 Bài thực hành 50% A1.6 Bài kiểm tra 2: 20% A2 100%
9.	Kỹ thuật xử lý khí thải	MT1: Kiến thức cơ sở về các quá trình xử lý khí thải, các công nghệ xử lý khí thảo thường được sử dụng; Có khả năng tự thiết kế được dây chuyền công nghệ xử lý khí thải cấp dựa trên các tiêu chuẩn, quy chuẩn, cũng như đặc điểm của nguồn thải và đặc điểm khu vực MT2: Kỹ năng vận dụng lý thuyết về xử lý khí thải để tính toán các công trình xử lý và thể hiện bằng bản vẽ kỹ thuật kết quả tính toán MT3: Các bài tập giúp người học rèn luyện năng lực đưa ra các sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành hệ thống xử lý khí thải. năng lực giải quyết vấn đề chuyên môn và nghiệp vụ trong lĩnh vực xử lý khí thải, quy định tổ chức kỷ luật trong công việc, Các yêu cầu của một	3	Học kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra 80% A1.2 Chuyên cần 20% A1.3 Bài tập tổng hợp 100% A2 Bài thi kết thúc học phần 100%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		người làm việc trong lĩnh vực quản lý, vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải			
10.	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	MT1: Kiến thức cơ sở về hoạt động quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại, các quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý CTR. Lý thuyết về quá trình thu gom và xử lý, các dạng công trình và hệ thống thu gom sơ cấp, thứ cấp, trung chuyển MT2: Cách vận dụng công thức tính toán và thiết kế các công trình thu gom và xử lý chất thải rắn theo các trường hợp khác nhau MT3: Các yêu cầu của một người làm việc trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	3	Học kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra 80% A1.2 Chuyên cần 20% A1.3 Bài tập tổng hợp 100% A2 Bài thi kết thúc học phần 100%
11.	Kiểm soát hoạt động BVMT doanh nghiệp	MT1: Các kiến thức về các hoạt động bảo vệ môi trường cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ MT2: Phương pháp rèn luyện kỹ năng xác định các hoạt động bảo vệ môi trường cần thiết cho các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ và biết cách thực hiện từng hoạt động cụ thể MT3: Năng lực cũng như khả năng tự định hướng, giải quyết vấn đề về môi trường	2	Học kỳ 2	A1.1 Chuyên cần 20% A1.2 Bài kiểm tra chương 1 80% A1.3 Thái độ học tập 20% A1.4 Bài kiểm tra chương 2 80% A2 100%
12.	Sản xuất thân thiện môi trường	MT1: Khái niệm SXSH và sự ra đời của SXSH, lợi ích của SXSH và các kỹ thuật SXSH, phương pháp luận SXSH MT2: Các bài tập tình huống để rèn luyện khả năng giải quyết các bài toán về cân bằng vật chất tính toán được lượng chất thải, kỹ năng vận hành hệ thống an toàn lao động và kiểm soát môi trường,qua đó có thể nắm được nguyên nhân và cách khắc phục giảm thiểu chất thải trong sản xuất. tư vấn các giải pháp sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm trong các doanh nghiệp MT3: Khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.	2	Học kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra 70% A1.2 Chuyên cần A1.3 Bài tập chương 1 50% A1.4 Bài tập chương 2 50% A2 Bài thi kết thúc học phần 100%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13.	Thiết kế, vận hành công trình môi trường	MT1: Các kiến thức về vận hành, thiết kế được các công trình và hệ thống công trình môi trường từ công đoạn khởi động đến tạm dừng, nhận biết và xử lý được các sự cố thường gặp MT2: Cách lựa chọn địa điểm và quy hoạch mặt bằng trạm xử lý nước cấp, nước thải, xử lý chất thải rắn, xử lý khí thải MT3: Nội dung về vai trò, trách nhiệm của người làm công tác thiết kế vận hành, rèn luyện khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể	2	Học kỳ 2	A1.1 Chuyên cần 40% A1.2 Bài tập 60% A1.3 Bài kiểm tra 100% A2 Bài thi kết thúc học phần 100%
14.	Sức khỏe - An toàn - Môi trường (HSE)	MT1: Các khái niệm, nguyên tắc cơ bản, các quy trình để phân tích, đánh giá, xem xét các yếu tố tác động tới môi trường sức khỏe và an toàn đối với người lao động và cộng đồng MT2: Phương pháp xây dựng các quy trình an toàn, sức khỏe, môi trường, điều kiện làm việc cho người lao động phù hợp với điều kiện thực tế. MT3: Các biện pháp phòng ngừa và cải thiện môi trường sống, làm việc một cách an toàn, nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động và cộng đồng MT4: Năng lực đánh giá về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của an toàn, sức khỏe, môi trường trong công việc; tinh thần trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn và sức khỏe cho bản thân và công nhân viên do mình quản lý nói chung, và bảo vệ môi trường nói riêng	2	Học kỳ 2	A1.1 Bài tập 50% A1.2 Bài thảo luận 30% A1.3 Chuyên cần 20% A1.4 Bài kiểm tra 30% A1.5 Bài thảo luận 50% A1.6 Chuyên cần 20% A2 Bài thi kết thúc học phần 100%

3. Khóa 12

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MT1: - Những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa	2	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài kiểm tra 60% A1.2 Bài tập cá nhân 20%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. MT2: - Kỹ năng trình bày, phân tích, tổng hợp, những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lê nin trong hoạt động thực tiễn. - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm MT3: - Năng lực tích lũy kiến thức và nghiên cứu độc lập, đánh giá và nhận diện bản chất các vấn đề cơ bản của kinh tế chính trị Mác- Lê Nin trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay. - Lập trường tư tưởng vững vàng, niềm tin vào đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.			A1.3 Bài tập nhóm 20% Điểm số 2 A1.4 Chuyên cần 30% A.1.5 Thảo luận, phát biểu50% A1.6 Thái độ học tập 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận 100%
2.	Tiếng Anh 3	MT1 Về kiến thức: Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. MT2 Về kĩ năng: Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. MT3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra số 1: 100% Điểm số 2: 20% A1.2. Bài tập : 20% A1.3. Thái độ học tập: 20% A1.4. Bài kiểm tra số 2: 60% A2. Bài thi tự luận: 60%
3.	Pháp luật đại cương	MT1: Những kiến thức về: nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; trách nhiệm	2	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài kiểm tra70% A1.2 Bài tập30%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp lý; nội dung cơ bản của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật phòng chống tham nhũng MT2: Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; Kỹ năng so sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung và nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; Kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế. MT3: Năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. Xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.			Điểm số 2 A1.3 Thảo luận40% A1.4 Chuyên cần40% A1.5 Thái độ học tập20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Trắc nghiệm100%
4.	Tin học đại cương	MT1: Các kiến thức chung về tin học và công nghệ thông tin MT2: Cách giao tiếp với hệ điều hành Windows MT3: Nhận diện được các thiết bị của máy tính và các thiết bị mạng	2	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài kiểm tra40% A1.2 Bài tập40% A1.3 Chuyên cần20% Điểm số 2 A1.4 Báo cáo 50% A1.5 Bài thực hành 50% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Thực hành trên máy100%
5.	Xác suất thống kê	MT1: Khối kiến thức cơ bản về xác suất: biến cố ngẫu nhiên, xác suất của biến cố, các công thức tính xác suất, công thức xác suất toàn phần, công thức xác suất nhị thức, đại lượng ngẫu nhiên, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, một số quy luật phân phối xác suất thông dụng, đại lượng ngẫu nhiên hai chiều.	2	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài kiểm tra số 1- Tự luận 100% Điểm số 2 A1.2 Bài tập 20% A1.3 Thái độ học tập 20% A1.4 Bài kiểm tra số 2 – Tự

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Khối kiến thức cơ bản về thống kê: lý thuyết mẫu ngẫu nhiên, ước lượng một số tham số lý thuyết bằng khoảng tin cậy, kiểm định giả thuyết thống kê. MT2: Khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản về xác suất,thống kê để làm bài bài tập về định tính, định lượng trong xác suất thống kê vào các lĩnh vực khoa học khác. MT3: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			luận 60% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận 100%
6.	Hoá kỹ thuật môi trường	MT1. Kiến thức về các tác nhân, các nguồn gây nên hiện tượng ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất và quá trình chuyển hóa cơ bản các nguyên tố trong môi trường MT2. Hậu quả, biện pháp khắc phục các hiện tượng ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất MT3. Phương pháp tính toán khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước; cơ sở hóa học của một số phương pháp xử lý khí thải (SO2, NOx, H2S, NH3), nước cấp và nước thải (trung hòa, kết tủa, oxy hóa khử, các phương pháp hóa lý), cải tạo đất ô nhiễm (đất bị xói mòn, đất chua, đất mặn) MT4. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong việc bảo vệ môi trường nói chung và nhận thức về trách nhiệm trong việc phân tích và xử lý, giảm thiểu các chất gây ô nhiễm môi trường	2	1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài thảo luận nhóm: 40% A1.2. Bài tập : 30% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Bài kiểm tra 50% A1.5. Bài tập : 30% A1.6. Chuyên cần 20% A2. Bài thi tự luận: 60%
7.	Hóa học phân tích	MT1: Cơ sở lý thuyết của một số phương pháp định lượng thường dùng và phương pháp vận dụng lý thuyết để giải thích hiện tượng xảy ra trong quy trình thực hành MT2: Kiến thức về nguyên tắc, các hóa chất, dụng cụ cần dùng và thiết lập công thức tính kết quả của quy trình định lượng một cấu tử MT3: Phương pháp sử dụng một số dụng cụ và thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm hóa học phân tích Phương	2	1	**A1. Đánh giá quá trình: 40%** Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra: 30% A1.2. Bài tập: 50% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Báo cáo 50% A1.5.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp xử lý, tính toán và biểu diễn được các số liệu thu được khi làm thực hành MT4: Phương pháp tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ Năng lực nhận định kết quả phân tích			Bài thực hành 50% **A2. Thi kết thúc học phần: 60%**
8.	Auto CAD trong kỹ thuật môi trường	MT1. Các kiến thức để thể hiện các bản vẽ trên máy tính từ đơn giản đến phức tạp, các phương pháp biến đổi, hiệu chỉnh, sắp xếp, biên tập bản vẽ công trình xử lý ô nhiễm môi trường. MT2. Các bài tập, các hướng dẫn chi tiết về việc sử dụng phần mềm AutoCAD, cách áp dụng phần mềm để thực hiện các bản vẽ đã tính toán trong lĩnh vực công nghệ môi trường và một số ngành kỹ thuật khác. MT3. Các bài tập để rèn luyện khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	3	1	**A1. Đánh giá quá trình: 40%** Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra: 50% A1.2. Bài tập: 30% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Bài tập lớn 100% **A2. Thi kết thúc học phần: 60%**
9.	Độc học môi trường	MT1.Một số khái niệm cơ bản về độc học môi trường; nguồn gốc, tính độc của một số chất ô nhiễm môi trường đã được giới thiệu trong học phần. MT2.Các kiến thức để giải thích một số biện pháp phòng ngừa và hạn chế tác động của các chất độc đến sức khỏe con người. MT3.Phương pháp dự đoán các chất gây tác động chủ yếu trong các nguồn thải và ảnh hưởng của chúng đến hệ sinh thái và con người; Phương pháp tính toán một số thông số độc học cơ bản MT4.Năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ trong việc bảo vệ môi trường nói chung và nhận thức rõ trách nhiệm trong việc phân tích và xử lý, giảm thiểu các chất gây ô nhiễm môi trường.	2	1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài tập: 40% A1.2. Thảo luận nhóm: 20% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Bài kiểm tra 50% A1.5. Thảo luận nhóm 30% A1.6.Chuyên cần 20% A2. Bài thi tự luận: 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	MT1 Những tri thức cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam và sự vận dụng Chủ nghĩa xã hội khoa học trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam MT2 Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, thuyết trình, tự học và phản biện MT3 Niềm tin về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội; giá trị khoa học và cách mạng của chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra: 60% A1.2. Bài tập cá nhân: 20% A1.3. Bài tập nhóm: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Thảo luận và phát biểu : 50% A1.5. chuyên cần 25% A1.6. Thái độ học tập: 25% A2. Bài thi tự luận: 60%
11.	Thiết bị truyền nhiệt và chuyển khối	MT1: Các kiến thức lý thuyết về quá trình và thiết bị truyền nhiệt và chuyển khối; Các quá trình truyền nhiệt và chuyển khối áp dụng trong công nghệ môi trường như: Hấp thụ, hấp phụ, các lò MT2: Kỹ năng vận dụng lý thuyết về quá trình truyền nhiệt và chuyển khối để tính toán, thiết kế các thiết bị phù hợp với yêu cầu về kinh tế, kỹ thuật MT3: Khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ	3	1	A1.1 Bài kiểm tra 50% A1.2 Chuyên cần 50% A1.3 Bài báo cáo 100% A2 Bài thi kết thúc học phần 100%
12.	Vi sinh vật kỹ thuật môi trường	MT1.Các kiến thức về hình thái, cấu tạo, cấu trúc và các đặc tính cơ bản của vi sinh vật (VSV), sự phân bố của chúng trong tự nhiên; vai trò của VSV trong quá trình chuyển hóa vật chất và mối quan hệ giữa VSV và môi trường (đất, nước, không khí), ứng dụng trong thực tiễn xử lý rác thải và nước thải; quá trình xử lý ô nhiễm nhờ vi sinh vật MT2 Các nguyên nhân của vấn đề ô nhiễm do vi sinh vật; các nhóm vi sinh vật chỉ thị ô nhiễm; các phương pháp phân tích chỉ tiêu vi sinh để phân tích được các chỉ tiêu ô nhiễm vi sinh cơ bản, phương pháp phân tích mẫu môi	2	1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài thảo luận: 80% A1.2. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.3. Bài kiểm tra 80% A1.4. Thái độ 20% A2. Bài thi tự luận: 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trường MT3 Vai trò VSV trong quá trình chuyển hóa vật chất và mối quan hệ giữa VSV và môi trường (đất, nước, không khí) và vận dụng trong xử lý rác thải và nước thải; phân tích các chỉ tiêu ô nhiễm vi sinh cơ bản, phương pháp phân tích trong thực tiễn theo TCVN MT4 Chuyên môn, nghiệp vụ trong việc bảo vệ môi trọờng nói chung; trách nhiệm trong việc phân tích và xử lý, giảm thiểu các chất gây ô nhiễm môi trường.			
13.	Kiến tập nghề nghiệp 1	MT1: Các kiến thức thực tế về các công trình xử lý môi trường; công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất MT2: Hình dung công việc của một cán bộ môi trường, ngành công nghệ kỹ thuật môi trường MT3: Định hướng công việc tương lai MT4: Ý thức đối với nhiệm vụ của người cán bộ môi trường	1	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1 Chuyên cần 100% A2.Thi kết thúc học phần Hình thức: Báo cáo100%
14.	Các phương pháp xử lý và phân tích mẫu môi trường	MT1: Cơ sở lý thuyết về nguyên tắc một số kỹ thuật xử lý mẫu cơ bản, ưu nhược điểm của các kỹ thuật xử lý mẫu và lĩnh vực ứng dụng trong phân tích môi trường MT2:Cơ sở lý thuyết về nguyên tắc một số kỹ thuật xử lý mẫu cơ bản, ưu nhược điểm của các kỹ thuật xử lý mẫu và lĩnh vực ứng dụng trong phân tích môi trường MT3:Cơ sở lý thuyết về nguyên tắc một số kỹ thuật xử lý mẫu cơ bản, ưu nhược điểm của các kỹ thuật xử lý mẫu và lĩnh vực ứng dụng trong phân tích môi trường MT4: Phương pháp tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm; năng lực chuyên môn nghiệp vụ; phương hướng giải quyết đối với các vấn đề liên quan đến kỹ thuật vận hành các thiết bị xử lý và phân tích mẫu nói chung.	4	2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 10% A1.1 Bài kiểm tra: 30% A1.2 Bài tập: 50% A1.3 Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 10% A1.4 Báo cáo: 50% A1.5 Bài thực hành: 50% Điểm số 3: 20% A1.6 Bài kiểm tra: 100% A2. Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức thi: Thực hành
15.	Tin học ứng dụng	MT1: Các kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin địa lý (GIS), công nghệ kết nối vạn vật (IoT), mô hình hóa, mô	3	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phỏng, đánh giá vòng đời sản phẩm (LCA) để khai thác, sử dụng phần mềm xây dựng các bản đồ chuyên ngành môi trường, tự động hóa quá trình giám sát môi trường, đánh giá sản phẩm, công nghệ, hệ thống trong lĩnh vực môi trường MT2: Kỹ năng sử dụng phần mềm GIS, phần mềm ứng dụng công nghệ IoT, phần mềm mô hình hóa, phần mềm LCA MT3: Nội dung về vai trò, trách nhiệm của người làm công việc ứng dụng các phần mềm chuyên ngành môi trường, phát triển hệ thống IoT xây dựng các báo cáo giám sát môi trường, đánh giá tác động môi trường: cẩn thận, trung thực, làm việc theo đúng quy trình và kỷ luật của mỗi đơn vị.			A1.1 Bài tập 1 25% A1.2 Bài tập 2 25% A1.3 Bài tập 3 25% A1.4 Chuyên cần 25% Điểm số 2 A1.5 Bài kiểm tra 100% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: thực hành 100%
16.	Đồ án Tin học ứng dụng	MT1: Trình tự ứng dụng những kiến thức đã được trang bị trong học phần lý thuyết Tin học ứng dụng vào trong thực tế thông qua các bài tập tình huống cụ thể MT2: Phương pháp áp dụng từng phần mềm đã được trang bị trước đó để xây dựng bản đồ chuyên đề môi trường, thiết lập các mô hình dự báo chất lượng môi trường, lập các báo cáo LCA cho sản phẩm, đối tượng cụ thể MT3: Môi trường rèn luyện vai trò, trách nhiệm của người làm công việc ứng dụng các phần mềm chuyên ngành môi trường, phát triển hệ thống IoT xây dựng các báo cáo giám sát môi trường, đánh giá tác động môi trường: cẩn thận, trung thực, làm việc theo đúng quy trình và kỷ luật của mỗi đơn vị.	1	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 Chuyên cần 100% A2.Thi kết thúc học phần Hình thức: Báo cáo Điểm số 1 Báo cáo thực tập 100%
17.	Các quá trình sinh học trong công nghệ môi trường	MT1: Cơ sở lý thuyết quá trình sinh học xử lý chất thải trong điều kiện hiếu khí, kỵ khí, xử lý khí, xử lý bằng thực vật. Các công thức tính toán thông số động học, sinh trưởng của sinh vật trong quá trình xử lý nước thải và chất	2	2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1 Bài kiểm tra: 50% A1.2 Bài tập: 30% A1.3

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thải rắn. Các giai đoạn sinh trưởng của vi sinh vật theo các điều kiện khác nhau MT2: Cơ sở lý thuyết quá trình sinh học xử lý chất thải trong điều kiện hiếu khí, kỵ khí, xử lý khí, xử lý bằng thực vật. Các công thức tính toán thông số động học, sinh trưởng của sinh vật trong quá trình xử lý nước thải và chất thải rắn. Các giai đoạn sinh trưởng của vi sinh vật theo các điều kiện khác nhau MT3: Môi trường rèn luyện năng lực tự chủ và trách nhiệm thông qua các bài tập về việc ứng dụng sinh học trong xử lý môi trường; từ đó giúp người học rèn luyện năng lực đầu ra các sáng kiến cải tiến hệ thống xử lý bằng sinh học, ứng dụng được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có thái độ nghiêm túc trong công việc.			Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.4 Bài tập lớn: 100% A2. Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức thi: Tự luận
18.	Kỹ thuật xử lý nước cấp	Về kiến thức: + Trình bày được các công nghệ và các phương pháp xử lý nước cấp cho sinh hoạt từ các nguồn nước mặt hoặc nước ngầm + Áp dụng được trong thực tế các kiến thức để lựa chọn được các công trình đơn vị trong một dây chuyền công nghệ xử lý nước. Về kỹ năng: + Có kỹ năng vận dụng tiêu chuẩn quy chuẩn, các kỹ thuật tính toán trong quá trình lựa chọn dây chuyền công nghệ , có khả năng làm việc theo nhóm + Có năng lực tư vấn kỹ thuật, thiết kế, tổ chức triển khai các bản vẽ kỹ thuật cho các công trình xử lý nước cấp Về năng lực tự chủ và trách nhiệm :	2	2	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%; gồm 02 đầu điểm. Hình thức đánh giá: Tự luận Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Có năng lực đưa ra các sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước cấp. Có năng lực giải quyết vấn đề chuyên môn và nghiệp vụ trong lĩnh vực xử lý nước cấp, có ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc			

4. Khóa 13

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Triết học Mác - Lênin	MT1 Những kiến thức về: nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; trách nhiệm pháp lý; nội dung cơ bản của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật phòng chống tham nhũng. MT2 Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; Kỹ năng so sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung và nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; Kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế. MT3 Năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. Xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.	3	1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài KT: 70% A1.2. Bài tập: 30% Điểm số 2: 20% A1.3. Thảo luận: 40% A1.4. Chuyên cần 40% A1.5. Thái độ học tập: 20% A2. Bài thi tự luận: 60%
2.	Tiếng Anh 1	MT1 Kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ sơ cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội MT2 Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ sơ cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả.	3	1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra số 1- Trắc nghiệm: 100% Điểm số 2: 20% A1.2. Bài tập: 20%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3 Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			A1.3. Thái độ học tập: 20% A1.4. Bài kiểm tra số 2 - Vấn đáp: 60% A2. Bài thi Trắc nghiệm và vấn đáp: 60%
3.	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	MT1: Các kiến thức và năng lực cơ bản cần có của người làm việc trong lĩnh vực môi trường; phương pháp xây dựng kế hoạch, tổ chức và thực hiện công việc MT2: Các vị trí công tác của cử nhân công nghệ kỹ thuật môi trường MT3: Phương pháp rèn luyện các kỹ năng cơ bản của một cử nhân ngành công nghệ kỹ thuật môi trường: kỹ năng đọc tài liệu, thu thập số liệu, tổng hợp và phân tích số liệu, thể hiện và đọc hiểu bản vẽ kỹ thuật, hướng dẫn an toàn nghề nghiệp; viết báo cáo, giao tiếp và làm việc nhóm MT4:Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực công nghệ kỹ thuật môi trường; khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau	3	1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài KT: 40% A1.2. Bài tập thảo luận: 30% A1.3. Chuyên cần: 30% Điểm số 2: 20% A1.4. Bài kiểm tra 40% A1.5. Bài thảo luận 60% A2. Bài thi tự luận: 60%
4.	Toán cao cấp	MT1: Khối kiến thức Toán cơ bản về về đại số tuyến tính, giải tích toán học MT2: Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản giải được các bài tập về đại số tuyến tính, giải tích toán học và và áp dụng kiến thức cơ bản vào các lĩnh vực khoa học khác. MT3: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động,	3	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài tập 50% A1.2 Thái độ học tập 50% A1.3 Bài kiểm tra 1 50% A1.4 Bài kiểm tra 2 50% A2. Thi kết thúc học phần: Thi tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			100%
5.	Sinh thái học	MT1 Kiến thức về sinh thái học như khái niệm, quy luật, các nhân tố sinh thái và sự thích nghi của sinh vật với các nhân tố sinh thái này. MT2 Kiến thức về sự chuyển hóa vật chất và năng lượng trong hệ sinh thái, các chu trình tuần hoàn vật chất trong tự nhiên. Chỉ thị sinh học môi trường MT3 Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo MT4 Nhận thức đúng đắn về vai trò của con người như là một nhân tố sinh thái, mắt xích trong hệ sinh thái và tầm quan trọng của công tác bảo tồn, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học nhằm mục tiêu phát triển bền vững.	2	2	Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% Điểm số 2: 20% Bài thi Trắc nghiệm và vấn đáp: 60%
6.	Tiếng Anh 2	MT1 Về kiến thức: Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ tiền trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. MT2 Về kĩ năng: Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. MT3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	2	Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% Điểm số 2: 20% Bài thi Trắc nghiệm và vấn đáp: 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7.	Vật lý đại cương	MT1 Khối kiến thức vật lý cơ bản về: đo lường; cơ học chất điểm; chuyển động của vũ trụ; nhiệt động lực học; điện – từ trường; dao động cơ và sóng điện từ; quang hình và quang lượng tử. MT2 Khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản đã học để làm bài tập về định tính, định lượng trong vật lý và áp dụng kiến thức cơ bản vật lý vào các lĩnh vực khoa học khác. MT3 Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	2	Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% Điểm số 2: 20% Thi tự luận: 60%
8.	Hóa học đại cương	MT1 Phát biểu được các khái niệm cơ bản về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học, đồng thời trình bày được các công thức, các đại lượng quan trọng trong nội dung kiến thức của từng chương. MT2 Vận dụng được các kiến thức lý thuyết về Hóa học đại cương vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên sẽ được đào tạo. Áp dụng được những kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các dạng bài tập trong nội dung học phần. MT3 Vận dụng được kiến thức đã học để giải thích các hoạt động thực tiễn có liên quan đến hoá học. Tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học về hóa học đại cương vào các lĩnh vực chuyên môn, đồng thời rèn luyện cho sinh viên tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm.	2	2	Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% Điểm số 2: 20% Thi tự luận: 60%
9.	Cơ sở khoa học môi trường	MT1 Các kiến thức cơ bản về tài nguyên, môi trường, khoa học môi trường; các thành phần cơ bản của môi trường, các dạng tài nguyên thiên nhiên; các vấn đề ô nhiễm môi trọờng; các vấn đề nền tảng về môi trường và khái niệm liên quan đến phát triển bền vững	2	2	Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% Điểm số 2: 20% Thi tự luận: 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT2 Các kiến thức cơ bản về khoa học môi trường để sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường MT3 Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo MT4 Nhận thức đúng đắn về vai trò của môi trường từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên hướng tới phát triển bền vững			
10.	Quá trình cơ bản trong công nghệ môi trường	MT1: Kiến thức lý thuyết về quá trình cơ bản trong công nghệ môi trường như thủy tĩnh học, thủy động học... MT2:Các kỹ năng vận dụng lý thuyết về quá trình cơ bản để tính toán các quá trình trong công nghệ môi trường (xử lý nước cấp, xử lý nước thải, mạng lưới cấp thoát nước, công trình thu - trạm bơm…) phù hợp với yêu cầu về kinh tế, kỹ thuật. MT3:Các tình huống, bài thảo luận giúp người học tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	2	2	Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% Điểm số 2: 20% Thi tự luận: 60%

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_LQ

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2023-2024
Ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

1. Khóa ĐH10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Vận hành Dịch vụ Logistics	1. Giải thích được những kiến thức cơ bản về dịch vụ logistics, các loại hình trong dịch vụ logistics và cách thức vận hành các dịch vụ logistics. 2. Rèn luyện kỹ năng vận hành các dịch vụ logistics như: các thủ tục liên quan đến hải quan, hàng hóa, vận chuyển và kho bãi. Bên cạnh đó, nâng cao kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá, giải quyết vấn đề nhanh chóng và hiệu quả; làm việc nhóm, quản lý nhóm, phát triển khả năng lập kế hoạch và tổ chức công việc liên quan đến dịch vụ logistics 3. Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo trong phát triển ngành dịch vụ logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế , mở rộng quy mô doanh nghiệp , có khả năng cải tiến và cập nhật kiến thức mới trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong công việc, có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm , khả năng hoạch định, điều phối và tổ chức thực hiện; có năng lực đánh giá hiệu quả công việc và cải tiến các hoạt động chuyên môn.	3	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
2	Logistics quốc tế	1. Khái quát được về logistics quốc tế và giải thích được vai trò của logistics quốc tế, quản lý chuỗi cung ứng quốc tế trong hoạt động thương mại toàn cầu; phân loại được các hình thức vận tải quốc tế, vấn đề đóng gói, bảo hiểm, thủ tục hải quan và an ninh trong hoạt động logistics quốc tế.	3	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		2. Vận dụng cơ sở lý thuyết về logistics quốc tế để xây dựng các mục tiêu, lập kế hoạch, triển khai và kiểm soát hoạt động logistics quốc tế một cách hệ thống nhằm đạt hiệu quả cao nhất tại doanh nghiệp và tiếp cận thị trường quốc tế. Nâng cao kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá, giải quyết vấn đề nhanh chóng và hiệu quả; làm việc nhóm, quản lý nhóm, phát triển khả năng lập kế hoạch và tổ chức công việc, thuyết trình, viết bài luận và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động logistics quốc tế. Phát triển tư duy chủ động, năng động và sáng tạo, có khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn. 3. Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác nhau. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, có năng lực lập kế hoạch, điều phối và năng lực tự đánh giá.Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu để hiểu, vận dụng và phân tích được các vấn đề logistics trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế.			Hình thức thi: Tự luận.
3	Quản trị mua hàng toàn cầu	1. Hiểu rõ vai trò của quản trị mua hàng toàn cầu trong một chuỗi cung ứng; nắm được cách phát triển cấu trúc tổ chức bộ phận mua hàng chiến lược; hiểu được tầm quan trọng và phương thức áp dụng hệ thống thông tin trong quy trình quản trị mua hàng toàn cầu; quản lý chi phí mua hàng tổng thể, kiểm soát chất lượng dịch vụ mua hàng, quản trị quan hệ với nhà cung ứng và phát triển nhà cung cấp chiến lược. 2. Vận dụng kiến thức cơ bản về quản trị mua hàng toàn cầu để tổ chức bộ phận thu mua với cấu trúc và quy trình thích hợp với hoạt động của doanh nghiệp; xây dựng và thực hiện chính sách mua hàng toàn cầu, hướng dẫn quản lý hợp đồng, quy trình và thủ tục; có kỹ năng đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp, đàm phán về hợp đồng và phát triển các nhà cung cấp	3	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chiến lược; phân tích và đánh giá các xu hướng giá cả bên ngoài và sản phẩm mới để xác định các cơ hội giảm chi phí mua hàng tổng thể. Nâng cao kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá, giải quyết vấn đề nhanh chóng và hiệu quả; làm việc nhóm, quản lý nhóm, phát triển khả năng lập kế hoạch và tổ chức công việc, thuyết trình, viết bài luận và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động mua hàng toàn cầu. Phát triển tư duy chủ động, năng động và sáng tạo, có khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn. 3. Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác nhau. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, có năng lực lập kế hoạch, điều phối và năng lực tự đánh giá. Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu để hiểu, vận dụng và phân tích được các vấn đề liên quan đến mua hàng trong bối cảnh toàn cầu hoá.			
4	Thực hành nghề nghiệp	1. Tìm hiểu chung về cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp được thực hành nghề nghiệp: Chức năng, nhiệm vụ (tập trung sâu hơn vào chức năng, nhiệm vụ về logistics và quản lý chuỗi cung ứng), cơ cấu tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất kỹ thuật và mạng lưới hoạt động và thực trạng các hoạt động của cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp gắn với logistics và quản lý chuỗi cung ứng. 2. Kĩ năng nghề nghiệp: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành đã học về logistics và quản lý chuỗi cung ứng tại các cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp được thực hành nghề nghiệp.. Kĩ năng tư duy: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. 3. Ý thức được tầm quan trọng của các hoạt động về logistics và quản lý chuỗi cung ứng tại cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp.	4	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 50%, bao gồm: 01 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 50% Hình thức thi: Báo cáo

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Đúng đắn, nghiêm túc, yêu thích học phần			
5	Thực tập tốt nghiệp	1. Nắm được tình hình thực tế của hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng tại các cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập. Qua đó liên hệ với các học phần lý luận đã được học tại Nhà trường nhằm phát hiện ra những bất cập, vướng mắc cần giải quyết tại cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập đó 2. Kỹ năng về nhận thức: Nắm vững các hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng tại các cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp thực tập. Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. Kỹ năng tư duy: Từ những nội dung cơ bản của đạo đức nghề nghiệp có thể giúp cho nhà quản lý đưa ra những quyết định đúng đắn. 3. Tính tổ chức kỷ luật trong nghề nghiệp; Tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao; Tinh thần khắc phục mọi khó khăn, phát huy tính tích cực trong học tập.	6	Học Kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, đánh giá của đơn vị thực tập. - Đánh giá của trường 60% Hình thức thi: báo cáo thực tập
6	Khóa luận tốt nghiệp	1. Hệ thống hoá và củng cố những kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên môn ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng đã được trang bị, vận dụng vào thực tế để đưa ra được các quyết định phù hợp. 2. Rèn luyện kỹ năng, kiến thức nghề nghiệp, hình thành các phẩm chất trí tuệ, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế. Tạo cho sinh viên có cơ hội phát hiện những kiến thức và kỹ năng còn thiếu để có kế hoạch bổ sung hoàn thiện. 3. Nâng cao ý thức tự giác trong công việc, ý thức về tầm quan trọng của ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong công việc.	6	Học Kỳ 2	Đánh giá của hội đồng vảo vệ khóa luận
7	Quản trị doanh nghiệp Logistics	1. Hiểu và nắm vững những kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp, bản chất và các trường phái quản trị doanh nghiệp trên thế giới; ảnh hưởng của môi trường kinh doanh đến doanh nghiệp logistics; nắm vững cách thức tổ chức bộ máy quản trị trong doanh nghiệp logistics, xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp logistics; hiểu	3	Học Kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nội dung cơ bản của quản trị các nghiệp vụ và các yếu tố trong doanh nghiệp logistics. 2. Vận dụng các kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp logistics để phân tích, giải quyết các vấn thực tế phát sinh tại những doanh nghiệp logistics trong và ngoài nước. Nâng cao kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá, giải quyết vấn đề nhanh chóng và hiệu quả, ra quyết định; làm việc nhóm, quản lý nhóm, phát triển khả năng lập kế hoạch và tổ chức công việc, thuyết trình, viết bài luận và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh quốc tế. Phát triển tư duy chủ động, năng động và sáng tạo, có khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn. 3. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong kinh doanh quốc tế; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác nhau. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, có năng lực lập kế hoạch, điều phối và năng lực tự đánh giá.			
8	Hệ thống thông tin dịch vụ logistics	1. Hiểu được khái quát về hệ thống thông tin trong doanh nghiệp thông qua các khái niệm, vai trò và tầm quan trọng của Hệ thống thông tin dịch vụ Logistics trong doanh nghiệp. 2. *Kỹ năng nhận thức*: Hiểu được quan điểm của nhà quản trị Logistics, các nguyên tắc về thiết lập mục tiêu và thực hiện kế hoạch trong việc ứng dụng CNTT trong doanh nghiệp. Vận dụng để lập được kế hoạch thực hiện mục tiêu ứng dụng CNTT logistics trong doanh nghiệp. Phát triển tư duy chủ động, năng động và sáng tạo, có khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn. 3. Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác	3	Học Kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhau. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, có năng lực lập kế hoạch, điều phối và năng lực tự đánh giá. Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu để hiểu, vận dụng và phân tích được các vấn đề quản lý chuỗi cung ứng			

2. Khóa ĐH11

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1. Những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi thành lập đến nay. 2. Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy khoa học về lịch sử và khả năng vận dụng vào thực tiễn; đấu tranh, phê phán luận điệu sai trái về lịch sử của Đảng. 3. Lập trường tư tưởng vững vàng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng, tích cực học tập để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	2	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
2	Kinh doanh logistics	1. Những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh logistics các doanh nghiệp sản xuất và thương mại trong xu hướng toàn cầu hóa. 2. Kỹ năng đưa ra chiến lược và quá trình quản trị logistics như lập kế hoạch, tổ chức, kiểm tra đánh giá, và quản lý thông tin logistics. 3. Năng lực tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc trong kinh doanh quốc tế; ý thức trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật, đổi mới và sáng tạo trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.	3	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
3	Nghiệp vụ ngoại thương	1. Kiến thức cơ bản về nghiệp vụ ngoại thương; những phương thức giao dịch trên thị trường quốc tế; nghiệp vụ vận tải, bảo hiểm và thanh toán quốc tế trong ngoại thương; nguyên tắc đàm phán và ký kết hợp đồng; cách thức soạn thảo và tổ chức thực hiện hợp đồng ngoại thương.	3	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		2. Kỹ năng vận dụng nghiệp vụ ngoại thương vào thực tiễn hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận và thuyết trình về các vấn đề khác nhau trong ngoại thương. 3. Năng lực tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc trong kinh doanh quốc tế; ý thức trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật, đổi mới và sáng tạo trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.			Hình thức thi: Tự luận.
4	Thực tập nghề nghiệp 2	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học và kiến thức chuyên sâu về quản lý chuỗi cung ứng. 2. Kỹ năng tổng hợp, so sánh và phân tích để giải quyết tình huống cụ thể liên quan đến logistics; kỹ năng viết và trình bày đề án liên quan đến quản lý chuỗi cung ứng. 3. Năng lực làm việc độc lập, khoa học liên quan đến quản lý chuỗi cung ứng; ý thức trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.	5	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 50%, bao gồm: 01 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 50% Hình thức thi: Báo cáo thực tập.
5	Thực tập nghề nghiệp 3	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học và kiến thức tổng hợp về logistics và quản lý chuỗi cung ứng. 2. Kỹ năng tổng hợp, so sánh và phân tích để giải quyết tình huống cụ thể liên quan đến logistics và quản lý chuỗi cung ứng; kỹ năng viết và trình bày đề án liên quan đến logistics và quản lý chuỗi cung ứng. 3. Năng lực làm việc độc lập, khoa học và sáng tạo liên quan đến logistics và quản lý chuỗi cung ứng; ý thức trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.	3	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 50%, bao gồm: 01 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 50% Hình thức thi: Báo cáo thực tập.
6	E- Logistics	1. Các kiến thức chung về hoạt động logistics điện tử, mục tiêu, nội dung các hoạt động của logistics điện tử, hạ tầng của logistics điện tử, đầu ra, đầu vào của hệ thống logistics điện tử 2. Phân tích hệ thống logistics điện tử, xây dựng chiến lược phát triển hệ thống logistics điện tử 3. Năng lực tự định hướng và thích nghi với môi trường làm	3	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		việc trong kinh doanh quốc tế; ý thức trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật, đổi mới và sáng tạo trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.			
7	Nghiệp vụ hải quan	1. Kiến thức cơ bản về hải quan; quy trình thực hiện thủ tục hải quan, quy trình khai hải quan và đăng ký hồ sơ hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, thuế hải quan và quá trình thông quan hải quan. 2. Kỹ năng vận dụng nghiệp vụ hải quan vào thực tiễn; kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận và thuyết trình về các vấn đề khác nhau trong ngoại thương. 3. Năng lực tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc thay đổi; ý thức trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật, đổi mới và sáng tạo trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.	3	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
8	Địa lý vận tải	1. Những kiến thức cơ bản về địa lý vận tải, hệ thống địa lý vận tải theo các phương thức vận tải và mạng lưới vận tải ở Việt Nam. 2. Kỹ năng đưa ra chiến lược vận tải thông qua các chỉ tiêu vận tải, chỉ tiêu đánh giá hoạt động vận tải. 3. Năng lực tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc trong kinh doanh quốc tế; ý thức trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật, đổi mới và sáng tạo trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.	3	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
9	Quản trị bán hàng	- Trình bày được các vấn đề căn bản về quản trị bán hàng, nhận thức về nhà quản trị bán hàng bán hàng và nhân viên bán hàng trong công ty. - Phân tích và vận dụng tốt các kỹ năng đối với nhà quản trị bán hàng - Nắm được cách thức xây dựng và quản trị đội ngũ bán hàng - Nhận thức được tầm ảnh hưởng của quản trị bán hàng trong doanh nghiệp Hiểu được những vấn đề cơ bản của quản trị bán hàng - Nắm được cách thức tổ chức quản lý hoạt động bán hàng	3	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong doanh nghiệp của nhà quản trị. - Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. - Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi. - Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội. - Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý. - Đề xuất ý tưởng kinh doanh và tổ chức hoạt động khởi nghiệp.			
10	Khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh	1. Trình bày được các vấn đề căn bản về khởi sự, tạo lập và phát triển một doanh nghiệp mới và các vấn đề cơ bản trong khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh. 2. Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn về khởi sự và tái lập kinh doanh, xây dựng mô hình kinh doanh. 3. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận	3	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
11	Quản trị kênh phân phối	1. Người học hiểu và trình bày được những kiến thức cơ bản về kênh phân phối, môi trường và hành vi trong kênh phân phối; chiến lược và chiến thuật trong quản trị kênh phân phối, có kiến thức lý thuyết chuyên sâu và thực tiễn về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng để vận dụng giải quyết các công việc chuyên môn 2. Hình thành kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề của kênh phân phối, xây dựng chiến lược và quản trị kênh 3. Người học hình thành một số kỹ năng như: kỹ năng tìm kiếm thông tin, phân tích tài liệu; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng thảo luận nhóm, kỹ năng ngoại ngữ		Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phát triển sang các ngành đào tạo khác 4. Người học xác định được tầm quan trọng của môn học, tự giác chủ động chuẩn bị bài và học bài theo yêu cầu của giảng viên; Có năng lực tự chủ trong công việc, tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Có tinh thần trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội			
12	Quản trị chuỗi cung ứng 1	1. Kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng và quản trị chuỗi cung ứng, dự báo nhu cầu, lập kế hoạch tổng thể, công cụ đo lường hiệu suất chuỗi cung ứng toàn cầu. 2. Kỹ năng Vận dụng các kiến thức đã học để giải thích và đánh giá được các vấn đề liên quan quản trị chuỗi cung ứng. Đồng thời phát triển tư duy chủ động, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn. 3. Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác nhau.		Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
13	Quản trị mua hàng toàn cầu	1. Hiêu rõ vai trò của quản trị mua hàng toàn cầu trong một chuỗi cung ứng; nắm được cách phát triển cấu trúc tổ chức bộ phận mua hàng chiến lược; hiểu được tầm quan trọng và phương thức áp dụng hệ thống thông tin trong quy trình quản trị mua hàng toàn cầu; quản lý chi phí mua hàng tổng thể, kiểm soát chất lượng dịch vụ mua hàng, quản trị quan hệ với nhà cung ứng và phát triển nhà cung cấp chiến lược. 2. Vận dụng kiến thức cơ bản về quản trị mua hàng toàn cầu để tổ chức bộ phận thu mua với cấu trúc và quy trình thích hợp với hoạt động của doanh nghiệp; xây dựng và thực hiện chính sách mua hàng toàn cầu, hướng dẫn quản lý hợp đồng, quy trình và thủ tục; có kỹ năng đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp, đàm phán về hợp đồng và phát triển các nhà cung cấp		Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chiến lược; phân tích và đánh giá các xu hướng giá cả bên ngoài và sản phẩm mới để xác định các cơ hội giảm chi phí mua hàng tổng thể. 3. Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác nhau. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, có năng lực lập kế hoạch, điều phối và năng lực tự đánh giá. Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu để hiểu, vận dụng và phân tích được các vấn đề liên quan đến mua hàng trong bối cảnh toàn cầu hoá.			

2. Khóa ĐH12

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1. Những tri thức cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam và sự vận dụng Chủ nghĩa xã hội khoa học trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 2. Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, thuyết trình, tự học và phản biện 3. Niềm tin về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội; giá trị khoa học và cách mạng của chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1. Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong thực tiễn. 2. Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; Tư duy lý luận, phản biện. 3. Bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước; Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
3	Tiếng Anh 3	1. Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung;	2	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. 2. Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. 3. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
4	Kinh tế số	1. Kiến thức cơ bản về thị trường số và thương mại điện tử. Vận dụng kiến thức về kinh tế số để phân tích mô hình kinh doanh số và mô hình hóa thị trường số. 2. Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phân tích tình huống, giải quyết những phát sinh trong việc ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực thanh toán 3. Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập và công tác sau khi tốt nghiệp.	2	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
5	Khởi sự kinh doanh	1. Trình bày được các vấn đề căn bản về khởi sự, tái lập và phát triển một doanh nghiệp mới và các vấn đề cơ bản trong khởi sự kinh doanh. 2. Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn về khởi sự và tái lập kinh doanh, xây dựng mô hình kinh doanh. 3. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
6	Nguyên lý kế toán	- Những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguyên tắc, đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán - Những kiến thức cơ bản về kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu theo chế độ kế toán hiện hành - Những kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán - Có kỹ năng về tính giá các đối tượng kế toán, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi sổ kế toán	3	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có kỹ năng giao tiếp - Có năng lực tổ chức làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập - Có khả năng học tập, tích lũy kiến thức, tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành			
7	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệ	1. Hiểu và áp dụng các kiến thức cơ bản về đạo đức kinh doanh (các chuẩn mực, triết lý đạo đức kinh doanh, các khía cạnh thể hiện đạo đức kinh doanh và vấn đề xây dựng đạo đức kinh doanh). Đồng thời, trình bày được các kiến thức tổng quan chung về văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và một số khía cạnh văn hóa trong doanh nghiệp. 2. Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra; có kỹ năng nghiên cứu độc lập và ứng dụng vào thực tiễn.Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và kỹ năng phát triển nghề nghiệp khác. 3. Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; Có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn. Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội.	2	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
8	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Tổng quan về nghiên cứu khoa học và nghiên cứu khoa học trong kinh doanh - Phương pháp chọn mẫu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu nghiên cứu trong kinh doanh - Kiến thức trình bày báo cáo nghiên cứu - Kỹ thuật xây dựng thang đo, thiết kế bảng hỏi. - Kỹ thuật chọn mẫu, thu thập dữ liệu nghiên cứu. - Công cụ trình bày kết quả nghiên cứu. - Kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tổ chức hoạt động nhóm	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiên cứu. - Tinh thần trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu.			
9	Quản lý kho hàng bến bãi	1. Nhận thức được kiến thức cơ bản về quản lý kho hàng bến bãi; tổ chức xếp dỡ tại kho hàng bến bãi; kỹ thuật xếp dỡ hàng hoá; thể thức xuất nhập tại kho hàng bến bãi; quản lý hành chính kho hàng bến bãi; kiểm kê và bảo quản hàng hoá tại kho hàng bến bãi 2. Vận dụng các lý thuyết để phân tích và đánh giá, ra quyết định, giải quyết vấn đề nhanh chóng và hiệu quả trong quản lý kho hàng bến bãi 3. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong quản lý kho bãi; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác nhau	3	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
10	Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng	Những kiến thức chuyên sâu về chính sách kinh tế trong nền kinh tế thị trường, vận dụng xây dựng khung phân tích hoạch định trong chính sách kinh tế; tổ chức thực hiện và phân tích đánh giá các văn bản chính sách và thể chế hóa chính sách kinh tế - Có khả năng xây dựng khung phân tích đánh giá chính sách kinh tế - Có khả năng vận dụng các kiến thức trong học phần để tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách kinh tế - Lập, phản biện và chịu trách nhiệm với các đề xuất trong phân tích, đánh giá chính sách kinh tế liên quan đến học phần - Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác; đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong các chính sách kinh tế	3	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
11	Tiếng anh chuyên ngành	1. Những kiến thức cơ bản về logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế; ngữ pháp và từ vựng Tiếng Anh chuyên ngành logistics và	3	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quản lý chuỗi cung ứng 2. Kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh; kỹ năng viết bài luận, làm việc nhóm và thuyết trình bằng tiếng Anh trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng. 3. Năng lực tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc trong kinh doanh quốc tế; ý thức trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật, đổi mới và sáng tạo trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.			- Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
12	Quản trị nguồn nhân lực	1. Sau khi học xong học phần, người học hiểu và áp dụng kiến thức cơ bản về các hoạt động quản trị nguồn nhân lực để giải quyết các vấn đề quản trị nhân lực trong doanh nghiệp, cụ thể như sau: Các nhân tố cần thiết để quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức; phân tích công việc; lập kế hoạch về nguồn nhân lực; phương pháp để tuyển dụng, đào tạo và đánh giá nhân viên; phương pháp trả lương hiệu quả, tạo động lực cho người lao động làm việc năng suất. 2. Áp dụng kiến thức cốt lõi vấn đề quản trị nhân lực; nhận thức được sự cần thiết phải xây dựng nguồn nhân lực linh hoạt hiệu quả đến hoạt động nghề nghiệp tại doanh nghiệp. Ứng dụng trong giải quyết các công việc chuyên môn ngành Quản trị nhân lực. 3. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.	3	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
13	Tham quan nhận thức 2	1. Kiến thức thực tế tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp có hoạt động liên quan đến quản lý chuỗi cung ứng. 2. Kỹ năng tổng hợp tài liệu, nhận biết vấn đề trong lĩnh vực quản lý chuỗi cung ứng; kỹ năng viết và trình bày báo cáo	1	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 50%, bao gồm: 01 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		3. Năng lực tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc liên quan đến hoạt động quản lý chuỗi cung ứng; ý thức trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật, đổi mới và sáng tạo trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế			50% Hình thức thi: Báo cáo thực tập.
14	Thực tập nghề nghiệp 1	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học và kiến thức chuyên sâu về logistics 2. Kỹ năng tổng hợp, so sánh và phân tích để giải quyết tình huống cụ thể liên quan đến logistics; kỹ năng viết và trình bày đề án liên quan đến logistics. 3. Năng lực làm việc độc lập và khoa học liên quan đến hoạt động logistics; ý thức trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.		Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 50%, bao gồm: 01 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 50% Hình thức thi: Báo cáo thực tập.

2. Khóa ĐH13

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác – Lênin	- Kiến thức khái quát về triết học và kiến thức cơ bản, hệ thống về Triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử - Một số kiến thức thực tiễn từ sự vận dụng lý luận Triết học Mác-Lênin - Kỹ năng tư duy logic và khoa học theo thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng trong nhận định, đánh giá và giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực tiễn - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm Giá trị lý luận và thực tiễn của triết học Mác-Lênin, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác-Lênin	3	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	- Những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - Những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Kỹ năng trình bày, phân tích, tổng hợp, những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lê nin trong hoạt động thực tiễn. - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm - Năng lực tích lũy kiến thức và nghiên cứu độc lập, đánh giá và nhận diện bản chất các vấn đề cơ bản của kinh tế chính trị Mác- Lê Nin trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay. - Lập trường tư tưởng vững vàng, niềm tin vào đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.			60% Hình thức thi: Tự luận
3	Tiếng Anh 1	1. Kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ sơ cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội 2. Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ sơ cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. 3. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Trắc nghiệm, vấn đáp
4	Tiếng Anh 2	1. Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ tiền trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. 2. Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. 3. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Trắc nghiệm, vấn đáp
5	Pháp luật đại cương	1. Những kiến thức về: nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; trách nhiệm pháp lý; nội dung cơ bản	2	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật phòng chống tham nhũng. 2. Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; Kỹ năng so sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung và nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; Kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế. 3. Năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. Xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.			60% Hình thức thi: Tự luận
6	Tin học đại cương	1. Các kiến thức chung về tin học và công nghệ thông tin 2. Cách giao tiếp với hệ điều hành Windows 3. Cách sử dụng các ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel, MS Powerpoint	2	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
7	Kinh tế vi mô	1. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. 2. Kỹ năng nhận dạng, phân tích, tư duy, phán đoán logic, đánh giá được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế. 3. Có khả năng làm việc khoa học, thu thập thông tin đầy đủ, phân tích, đánh giá trước khi ra quyết định. Rèn luyện tính cách thận trọng, phán đoán logic, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vi mô phục vụ cho hoạt động kinh doanh.	3	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
8	Kinh tế vĩ mô	1. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hạch toán thu nhập quốc dân, tăng trưởng kinh tế, tổng cầu và tổng cung,	3	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, lạm phát và thất nghiệp, kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở 2. Kỹ năng nhận dạng, phân tích, tư duy, phán đoán logic, đánh giá được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế. 3. Có khả năng làm việc khoa học, thu thập thông tin đầy đủ, phân tích, đánh giá trước khi ra quyết định. Rèn luyện tính cách thận trọng, phán đoán logic, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô phục vụ cho hoạt động kinh tế			điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
9	Toán kinh tế	1. Khối kiến thức Toán cơ bản về về đại số tuyến tính, giải tích toán học. 2. Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản giải được các bài toán ứng dụng trong kinh tế. 3. Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
10	Quản trị học	1. Trình bày được các vấn đề căn bản về quản trị như: Các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin trong quản trị, bốn chức năng cơ bản của quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. 2. Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quá trình thực hiện các công việc hoạch định, tổ chức, lãnh đạo kiểm tra hoạt động quản trị tổ chức. 3. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh	3	Học Kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
11	Tài chính tiền tệ	- Những vấn đề cơ bản về Tài chính như: Khái niệm, chức năng tài chính, cấu trúc hệ thống tài chính, ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, sự hình thành và cấu trúc thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian, ngân hàng thương mại, ngân hàng Trung ương. - Những vấn đề cơ bản về Tiền tệ: Nguồn gốc, bản chất và	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chức năng của tiền tệ, cung và cầu tiền tệ, tác động lạm phát đến phát triển kinh tế xã hội. - Những vấn đề cơ bản về tín dụng và lãi suất tín dụng, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế. - Có khả năng giải thích được những vấn đề cơ bản về tài chính tiền tệ, có kiến thức thực tế để vận dụng giải quyết các công việc chuyên môn. - Có kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá các hoạt động của thị trường tài chính, các tổ chức trung gian tài chính, hoạt động tín dụng, tài chính quốc tế và hệ thống Ngân hàng - Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng phân tích và tổng hợp các vấn đề về tài chính – tiền tệ. Từ đó đề xuất các giải pháp tài chính phù hợp cho các chủ thể trong nền kinh tế. - Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập. - Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. - Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.			
12	Quản trị chất lượng	1. Trình bày được các vấn đề căn bản về quản trị chất lượng như: Các kiến thức tổng quát về chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm; Các phương pháp quản lý chất lượng; Các kỹ thuật và công cụ quản lý chất lượng; Các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn; Phương pháp quản lý chất lượng toàn diện – TQM 2. Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quá trình thực hiện các công	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		việc quản lý chất lượng 3. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.			
13	Logistics căn bản	Những kiến thức cơ bản về Logistics, lập kế hoạch sản xuất, cung ứng vật tư, các mô hình quản trị dự trữ, và kho bãi và dịch vụ khách hàng - Có khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện phân tích - Có khả năng vận dụng các kiến thức trong học phần để tổ chức thực hiện và đánh giá - Lập, phản biện và chịu trách nhiệm với các đề xuất trong phân tích, đánh giá các hoạt động Logistics căn bản liên quan đến học phần - Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác; đưa ra những kết các hoạt động Logistics căn bản luận mang tính chuyên gia trong các hoạt động kinh tế	3	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
14	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	1. Kiến thức về những kỹ năng cơ bản như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sắp xếp và quản lý công việc và kỹ năng làm việc nhóm. 2. Kỹ năng Vận dụng các kiến thức đã học để có thể quản lý thời gian, sắp xếp và quản lý công việc một cách hiệu quả, nhằm nâng cao hiệu quả công việc. Đồng thời phát triển tư duy sáng tạo để xử lý tình huống phát sinh. 3. Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường học tập và làm việc khác nhau	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
15	Tham quan nhận thức 1	1. Kiến thức thực tế tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp có hoạt động liên quan đến logistics. 2. Kỹ năng tổng hợp tài liệu, nhận biết vấn đề trong logistics;	1	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 50%, bao gồm: 01 đầu điểm, hệ số 1.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kỹ năng viết và trình bày báo cáo 3. Năng lực tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc liên quan đến hoạt động logistics; ý thức trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật, đổi mới và sáng tạo trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.			- Thi kết thúc học phần 50% Hình thức thi: Báo cáo thực tập.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_KĐ

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2023-2024
Ngành Kỹ thuật Địa chất

1. Khóa 10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Cấp phép trong hoạt động khoáng sản	- Về kiến thức: Sinh viên thu nhận được các thông tin văn bản pháp luật cơ bản được cập nhật gần đây nhất, các quy định của pháp luật về hoạt động khoáng sản của Việt nam, các quy định chi tiết thi hành một số điều luật khoáng sản liên quan đến các thủ tục cấp phép trong các hoạt động khoáng sản bao gồm cấp phép thăm dò và cấp phép khai thác khoáng sản và thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư, quy tình xin chấp thuận về môi trường đối với các hoạt động khoáng sản và các giấy phép cần quan tâm, phê duyệt khác liên quan đến dự án khai thác khoáng sản. Cập nhật các thông tin mới nhất về các nguyên tắc cấp giấy phép và hoạt động khai thác khoáng sản và những đổi mới trong hoạt động cấp giấy phép khai thác khoáng sản,quy trình đấu giá quyền khai thác khoáng sản, quy định về phương pháp tính và mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường... - Về kỹ năng: Sinh viên được trang bị các kỹ năng đểtiến hành làm các thủ tục cấp phép trong hoạt động khoáng sản nói chung và cấp phép thăm dò, cấp phép khai thác liên quan đến các dự án khoáng sản nói riêng; kỹ năng tìm kiếm, đọc	2	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận, thảo luận nhóm, trắc nghiệm. - Khi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tài liệu, tự học và nêu các vấn đề cần tìm hiểu thêm trên lớp; kỹ nần làm việc độc lập,làm việc nhóm. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo trong học tập, tự chủ trong xử lý công việc và có trách nhiệm về mức độ tin cậy của các thông tin chuyên môn trong ngành nghề			
2	Chủ nhiệm đề án địa chất	- Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để làm một Chủ nhiệm Đề án Địa chất. - Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năngtrong quản lý, điều hành, lập kế hoạch và giám sát các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:Có ý thức trách nhiệm, tự chủ trong công việc, cần cù, chăm chỉ, sáng tạo, có sự hợp tác cao,nghiêm túc và có trách nhiệm trong quá trình học tập, cũng như trong công tác sau này.	2	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận, thảo luận nhóm, bài tập lớn. - Khi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.
3	Giám đốc điều hành mỏ khoáng sản	- Về kiến thức:Giúp sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế hoạt động khai thác khoáng sản: + Tổng quan về hoạt động khai thác khoáng sản, các phương pháp khai thác và các trình tự các giai đoạn trong hoạt động khai thác; + Các quy định pháp luật về khoáng sản và những quy định khác có liên quan đến khai thác, chế biến sử dụng khoáng sản; + Các yêu cầu vềcông tác khoan nổ mìn, an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; + Yêu cầu về trình độ tổ chức, quản lý và kinh nghiệm thực tế, điều hành kỹ thuật khai thác, kỹ thuật an toàn lao động,	2	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận, thảo luận nhóm, bài tập lớn. - Khi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bảo vệ môi trường; + Yêu cầu về nghệ thuật lãnh đạo, khả năng tập hợp và sử dụng nguồn lực hiệu quả, bền vững. - Về kỹ năng:Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, vận dụng văn bản pháp luật vào thực tiễn sản xuất tại mỏ khoáng sản; Phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng đúng và hiệu quả các văn bản pháp luật trong thực tiễn hoạt động khoáng sản. Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và xử lý các tình huống phát sinh trong thực tiễn khai thác khoáng sản. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:Có ý thức trách nhiệm, tự chủ trong công việc, cần cù, chăm chỉ, sáng tạo, có sự hợp tác cao, nghiêm túc và có trách nhiệm trong quá trình học tập, cũng như trong công tác sau này.			
4	Kỹ năng Xử lý thông tin địa chất Khoáng sản	- Về kiến thức:Học phần Kỹ năng Xử lý thông tin Địa chất Khoáng sản giúp người học đạt được những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, các hoạt động nội và ngoại nghiệp trong triển khai một dự ánđịa chất khoáng sản, tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và phát triển nghề nghiệp trong tương lai. - Về kỹ năng: + Kỹ năng làm việc nhóm: Có kỹ năng phối kết hợp với đồng nghiệp khi làm việc nhóm, biết học hỏi kinh nghiệm của đồng nghiệp, cấp trên nhằm cải thiện chất lượng trong nhóm làm việc. + Kỹ năng phân tích xử lý thông tin nội nghiệp: Xây dựng cho người học hệ thống các bước quản lý, phân cấp xử lý hệ thống các dạng thông tin chuyên ngành nội, trước khi và sau	2	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận, thảo luận nhóm, thực hành. - Khi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khi triển khai công việc thực tế với các dự án quan đến hoạt động khoáng sản. + Kỹ năng xử lý thông tin ngoại nghiệp: Xây dựng cho người học hệ thống các bước quản lý, triển khai các hạng mục công việc, kỹ năng thu thập các dạng thông tin ngoại nghiệp hình thành trong quá trình thi công thực tế các dự án liên quan đến hoạt động khoáng sản. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Đúng đắn, nghiêm túc. + Ý thức được tầm quan trọng của học phần Kỹ năng Xử lý thông tin Địa chất Khoáng sản trong công việc chuyên môn.			
5	Lập các báo cáo trong hoạt động khoáng sản	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Sinh viên thu nhận được các thông tin văn bản pháp luật cơ bản được cập nhật gần đây nhất liên quan đến công tác lập báo cáo địa chất các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và hoạt động thăm dò khoáng sản. Cập nhật các thông tin mới nhất về hiện trạng công tác lập báo cáo địa chất liên quan đến hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản. Tổng hợp các thể thức trình bày, nội dung chính và quy trình công tác lập báo cáo địa chất. - Về kỹ năng: Sinh viên có thể lập báo cáo trên cở sở kiến thức, kinh nghiệm thực tế của môn học sao cho hình thức và nội dung báo cáo thể hiện được kết quả tài liệu thực tế và luận giải khoa học, đề xuất tham mưu phát triển khoáng sản; kỹ năng tìm kiếm, đọc tài liệu, tự học và nêu các vấn đề cần tìm hiểu thêm trên lớp; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc	2	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận, thảo luận nhóm. - Khi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhóm. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức học hỏi và thái độ nghiêm túc trong học tập chuyên môn, trách nhiệm với nghề nghiệp trong tương lai.			
6	Pháp luật về khoáng sản	- Về kiến thức: Hiểu và vận dụng được những nội dung cơ bản nhất về Luật Khoáng sản, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản của Việt Nam trong hoạt động khoáng sản. - Về kỹ năng: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin về các vấn đề liên quan đến Luật Khoáng sản, Luật pháp và chính sách khoáng sản của Việt Nam; Phân tích, tổng hợp, đánh giá, bình luận về các vấn đề liên quan đến Luật Khoáng sản, sự vận dụng hiệu quả và thành công Luật pháp trong thực tiễn hoạt động khoáng sản sau này. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo trong học tập, tự chủ trong xử lý công việc và có tinh thần trách nhiệm về mức độ tin cậy của các thông tin chuyên môn trong ngành nghề.	2	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận, thảo luận nhóm, thực hành. - Khi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.
7	Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Học phần trang bị những cơ sở lý luận để có thể đánh giá được giá trị của các loại tài nguyên khoáng sản. Sau khi hoàn thành học phần Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng, người học phải trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản như: tài nguyên khoáng, đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng, các khái niệm liên quan đến kinh tế như chi phí, lợi ích, giá trị dòng tiền...; từ đó hiểu và hệ thống được các chỉ tiêu đánh giá giá trị kinh	3	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận, thảo luận nhóm. - Khi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tế tài nguyên khoáng. - Về kỹ năng: + Kỹ năng cứng: Phân tích, đánh giá được giá trị kinh tế của của các loại hình tài nguyên khoáng thông qua hệ thống các chỉ tiêu đánh giá. Từ đó cho thấy được giá trị kinh tế của các loại hình tài nguyên khoáng. + Kỹ năng mềm:Vận dụng để tính toán, đánh giá giá trị kinh tế của các loại hình khoáng sản, các mỏ khoáng sản. Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. Từ những phân tích, đánh giá về giá trị kinh tế tài nguyên khoáng có thể làm căn cứ để đưa ra các quyết định về đầu tư dự án khai thác mỏ khoáng sản đối với cá nhân nhà đầu tư; đối với Nhà nước có thể làm căn cứ để đưa ra quyết định có nên cho phép khai thác tài nguyên khoáng hay không hoặc đưa ra định hướng phát triển tài nguyên khoáng trong tương lai. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm, tự chủ trong công việc, có thái độ tích cực khi tham gia nghe giảng học phần Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng. Ý thức được tầm quan trọng của tài nguyên khoáng với sự phát triển kinh tế.			
8	Quản lý tài nguyên khoáng sản	- Về kiến thức: Sinh viên thu nhận được kiến thức tổng quan về các loại hình khoáng sản của Việt Nam, sự phân chia thành các nhóm khoáng sản khác nhau, ý nghĩa sử dụng của các nhóm khoáng sản đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, sự phát triển ngành khai khoáng trong tương lai. - Về kỹ năng: Tổng hợp thông tin dưới dạng bảng, biểu, số hóa, phương pháp tra cứu về một loại hình khoáng sản với	2	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận, thảo luận nhóm. - Khi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nội dung: Tên, xu thế sử dụng..; kỹ năng sử dụng phần mềm để lập các sơ đồ, bản đồ điểm khoáng sản, mỏ khoáng sản; kỹ năng tìm kiếm, đọc tài liệu, tự học và nêu các vấn đề cần tìm hiểu thêm trên lớp; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo trong học tập, tự chủ trong xử lý công việc và trách nhiệmvề mức độ tin cậy của các thông tin chuyên môn trong ngành nghề.			thi: Tự luận.
9	Thực tập sản xuất	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức:Vận dụng các kiến thức đã học áp dụng vào thực tế tại nơi thực tập. Thực hiện được các bước từ khâu chuẩn bị đến các bước tiến hành của một nhà Địa chất tại các đoàn, cơ sở sản xuất,... thu thập các tài liệu về Địa chất, các tài liệu liên quan tại nơi thực tập phục vụ cho chuyên ngành. - Về kỹ năng: + Kỹ năng cứng: Vận dụng tổng hợp kiến thức và những hiểu biết để giải quyết những vấn đề tại nơi thực tập. + Kỹ năng mềm: Năng cao kỹ năng giao tiếp, trau dồi học hỏi kinh nghiệm tại nơi thực tập, khả năng sử dụng phần mềm chuyên dụng trọng địa chất. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có phẩm chất đạo đực tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao; + Rèn khả năng làm việc độc lập, ý thức nghề nghiệp, kỹ năng làm việc theo nhóm	3	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận, thảo luận nhóm. - Khi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.
10	Tin học Địa chất 1	- Về kiến thức: Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên, học viên những kiến thức ứng dụng CNTT trong công tác xây	2	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% bao gồm:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dựng, quản lý dữ liệu địa chất, các phần mềm cơ bản được sử dụng trong địa chất. Cách thức sử dụng phần mềm tin học địa chất như Mapinfo đồng thời nâng cao trình độ kiến thức tổng quan của sinh viên về GIS. - Về kỹ năng:Sử dụng tốt CNTT trong xây dựng CSDL và quản lý thông tin ngành địa chất, sử dụng phần mềm Mapinfo. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo trong học tập, tự chủ trong xử lý công việc và có tinh thần trách nhiệmvề mức độ tin cậy của các thông tin chuyên môn trong ngành nghề.			02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận, thảo luận nhóm, thực hành. - Khi kết thúc học phần: Trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận.

2. Khóa 11

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Khai thác mỏ	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày được nội dung về quá trình khai thác khoáng sản, các hình thức khai thác mỏ đang được sử dụng rộng rãi trong thực tế; Một số vấn đề chung liên quan đến khai thác mỏ như mở vỉa, an toàn lao động trong khai thác lộ thiên, khai thác hầm lò.	3	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: 40% bao gồm: Bài kiểm tra, bài tập, thảo luận, chuyên cần, thái độ học tập. - Khi kết thúc học phần. 60%: Hình thức thi: Tự luận.
2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương,thuộc các môn lý luận chính trị; - Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945),	2	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài kiểm tra, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, chuyên cần, thảo luận, phát biểu, thái độ học tập.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.			- Khi kết thúc học phần. 60%: Hình thức thi: Tự luận.
3	Tài nguyên khoáng sản Việt Nam	- Học phần Tài nguyên khoáng sản Việt Nam được sắp xếp vào phần Kiến thức ngành trong giai đoạn Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và thuộc diện bắt buộc người học phải đạt được. Để tham gia học phần này, người học phải tích lũy được kiến thức cơ bản từ những học phần Địa chất đại cương, Tinh thể khoáng vật học và Thạch học. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản cũng như định hướng nghiên cứu cho người học về Tài nguyên khoáng sản trên đất nước Việt Nam từ khái niệm, đặc tính, phân loại, cơ chế thành tạo, phân bố, trữ lượng đến hiện trạng thăm dò và khai thác.	3	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài kiểm tra. - Khi kết thúc học phần. 60%: Hình thức thi: Tự luận.
4	Tài nguyên khoáng sản biển	Tài nguyên khoáng sản Biển là học phần nghiên cứu những kiến thức cơ bản về nguồn gốc hình thành, lịch sử phát triển, quy luật phân bố và các đặc điểm đặc trưng của các loại hình tài nguyên khoáng sản chiến lược ở khu vực biển Việt Nam, đồng thời quản lý hoạch định chiến lược kinh tế Biển cũng như quản lý tìm kiếm thăm dò, khai thác khoáng sản rắn đáy biển Việt Nam. Nhằm giúp người học có cái nhìn tổng quan về các loại hình tài nguyên khoáng sản biển trên thế giới và ở Việt Nam cũng như giới thiệu với người học các loại hình khoáng sản đặc trưng bao gồm: dầu khí, sa khoáng, khoáng sản rắn, băng cháy.	2	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài kiểm tra, thảo luận, chuyên cần. - Khi kết thúc học phần. 60%: Hình thức thi: Tự luận.
5	Địa chất các mỏ khoáng	Học phần Địa chất các mỏ khoáng là học phần chuyên ngành	3	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài kiểm tra,

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của ngành học Kỹ thuật địa chất, nghiên cứu điều kiện thành tạo các mỏ khoáng, các đặc điểm địa chất, thành phần vật chất của chúng cũng như quy luật phân bố các khoáng sản trong không gian và theo thời gian.			bài tập, chuyên cần, bài thực hành. - Khi kết thúc học phần. 60%: Hình thức thi: Tự luận
6	Địa hóa môi trường	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Địa hóa môi trường, ứng dụng địa hóa trong tìm kiếm khoáng sản, các khái niệm, ý nghĩa của nghiên cứu địa hóa môi trường trong hoạt động khoáng sản và bảo vệ môi trường, mối liên quan với các ngành khoa học khác; những chu trình địa hóa đặc trưng trong môi trường đất, nước, không khí; hành vi địa hóa các nguyên tố độc hại đi kèm trong môi trường; những đề xuất đóng góp cho công tác quản lý khoáng sản tổng thể. Sau khi học xong sinh viên cần quan tâm một số kỹ năng cần thiết, Rèn luyện kỹ năng tổng hợp, nghiên cứu tài liệu, tổ chức thực địa, lấy mẫu địa hóa, luận giải các yếu tố, hiện tượng, quá trình địa hóa, phân tích vấn đề có trình tự, sử dụng các phần mềm ứng dụng trong chuyên môn phục vụ học tập và công tác sau này	2	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài kiểm tra, bài tập, chuyên cần. - Khi kết thúc học phần. 60%: Hình thức thi: Tự luận
7	Địa vật lý đại cương	Môn học giới thiệu các kiến thức cơ bản về địa vật lý. Khả năng ứng dụng và hiệu quả của các phương pháp nghiên cứu địa vật lý trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đặc biệt là trong lĩnh vực địa chất khoáng sản. Điều kiện và các yêu cầu chính cho việc tổ chức thực hiện các công tác địa vật lý trong giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu địa chất, điều tra đánh giá, thăm dò khoáng sản và môi trường. Nội dung môn học bao gồm những vấn đề chung về địa vật lý, các đặc điểm địa vật lý của Trái đất, các phương pháp thăm dò địa vật lý gồm: thăm dò trọng lực, thăm dò từ, thăm dò điện, thăm dò địa chấn, thăm dò phóng xạ và các phương pháp địa vật lý giếng khoan, Áp dụng các phương pháp địa vật lý giải quyết các nhiệm vụ địa chất.	2	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài kiểm tra, bài tập, chuyên cần, báo cáo. - Khi kết thúc học phần. 60%: Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8	Bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản	Kiến thức về khái niệm liên quan với môi trường của thạch quyển và các quyển bao quanh, các tác động đến môi trường của hoạt động khoáng sản và biện pháp giảm thiểu đến môi trường. Ngoài ra sinh viên còn được hiểu biết các kiến thức về luật môi trường, luật khoáng sản và cơ chế chính sách nhằm áp dụng, thực thi pháp luật, đưa ra các biện pháp nhằm giảm thiểu đến môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây lên.	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài kiểm tra, bài tập, thuyết trình, chuyên cần, thảo luận nhóm. - Khi kết thúc học phần. 60%: Hình thức thi: Tự luận
9	Cơ sở khai thác lộ thiên	Học phần Cơ sở khai thác lộ thiên là mộ học chuyên ngành, học vào năm thứ 3 trong chương trình đào tạo của ngành Kỹ thuật Địa chất;trang bị cho sinh viên các kiến thức về công nghệ khai thác khoáng sản bằng phương pháp khai thác mỏ lộ thiên được sử dụng rộng rãi trong thực tế hiện nay.	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: 40%gồm: Bài kiểm tra, bài tập cá nhân, thảo luận nhóm, chuyên cần, thái độ học tập. - Khi kết thúc học phần. 60%: Hình thức thi: Tự luận
10	Kỹ thuật khoan	Kỹ thuật khoan là một khoa học nghiên cứu về các khái niệm cơ bản, phương pháp, cách thức vận hành của công trình khoan, đồng thời nghiên cứu các mục tiêu, ứng dụng của công trình khoan, phục vụ lợi ích kinh tế, thăm dò địa chất.	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài kiểm tra, thảo luận nhóm, chuyên cần. - Khi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
11	Luyện kim	Học phần luyện kim là học phần chuyên ngành của ngành học Kỹ thuật địa chất, nghiên cứu các phương pháp chế biến khoáng sản, làm giàu khoáng sản.	3	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: Bài kiểm tra, bài tập, chuyên cần. - Khi kết thúc học phần. 60%: Hình thức thi: Tự luận
12	Quản lý tài nguyên khoáng sản	Học phần Quản lý tài nguyên khoáng sản Việt Nam được sắp xếp vào phần Kiến thức ngành trong giai đoạn Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và thuộc diện bắt buộc người học phải đạt được. Để tham gia học phần này, người học phải tích lũy được kiến thức cơ bản từ những học phần cơ sở ngành và học	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài kiểm tra. - Khi kết thúc học phần.60%: Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phầnTài nguyên khoáng sản Việt Nam. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản cũng như định hướng nghiên cứu cho người học về công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trên đất nước Việt Nam từ các loại khoáng sản đến hệ thống quản lý khoáng sản, đánh giá và sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản.			
13	Tiếng Anh chuyên ngành	Tiếng Anh chuyên ngành cung cấp cho sinh viên những kiến thức đọc hiểu tiếng Anh trong lĩnh vực địa chất, giúp sinh viên tiếp cận những thuật ngữ chuyên ngành, thông tin về cách thức, phương pháp giải quyết những vấn đề giải quyết về địa chất khoáng sản trên thế giới.	3	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài kiểm tra, bài tập, chuyên cần, bài thực hành. - Khi kết thúc học phần. 60%: Hình thức thi: Tự luận
14	Tuyển khoáng	Học phần Tuyển khoáng là học phần chuyên ngành của ngành học Kỹ thuật địa chất, nghiên cứu các phương pháp chế biến khoáng sản, làm giàu khoáng sản.	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: 40%: Bài kiểm tra, bài tập, chuyên cần, tiểu luận, bài thực hành. - Khi kết thúc học phần. 60%: Hình thức thi: Tự luận
15	Địa chất khai thác mỏ	Học phần Địa chất khai thác mỏ được giảng dạy vào năm thứ 3 của chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Địa chất. Nội dung của học phần là trang bị cho sinh viêncác khái niệm chính về khoáng vật, quặng, mỏ; Các công trình và hệ thống công trình thăm dò; Công tác nghiên cứu địa chất trong xây dựng XN mỏ, đo vẽ bản đồ địa chất mỏ; Công tác lấy mẫu nghiên cứu chất lượng khoáng sản;	2	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài kiểm tra, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, chuyên cần, thái độ học tập. - Khi kết thúc học phần. 60%: Hình thức thi: Tự luận

3. Khóa 12

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là tiền đề cho hai học phần tiếp theo là Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	2	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài kiểm tra, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận và phát biểu, chuyên cần, thái độ học tập. - Khi kết thúc học phần. 60%: Hình thức thi: Tự luận
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Kinh tế chính trị Mác – Lênin là học phần bắt buộc thuộc các môn Lý luận chính trị trong giáo dục đại học, cung cấp những tri thức cơ bản về nền kinh tế hàng hóa, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế trị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, giúp người học củng cố phương pháp học tập, nghiên cứu, nhận diện đúng mối quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi, hiểu được ý nghĩa của việc học tập kinh tế chính trị trong hoạt động thực tiễn hiện nay.	2	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài kiểm tra, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận và phát biểu, chuyên cần, thái độ học tập. - Khi kết thúc học phần. 60%: Hình thức thi: Tự luận
3	Kỹ năng mềm	Học phần cung cấp và hệ thống hóa, rèn kĩ năng phân tích cho sinh viên những kiến thức cơ bản kỹ năng mềm; Tầm quan trọng của các kỹ năng mềm nói chung và kỹ năng mềm trong Địa chất; Kỹ năng xây dựng văn bản; kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng chủ nhiệm các đề án địa chất, định hướng nghề nghiệp và tìm kiếm cơ hội việc làm.	2	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài tiểu luận, chuyên cần, thái độ, thái độ học tập, bài thuyết trình. - Khi kết thúc học phần. 60%: Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần bao gồm những kiến thức, các khái niệm cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học; qui trình nghiên cứu khoa học; các phương pháp dùng trong nghiên cứu khoa học; phân tích số liệu, viết và trình bày báo cáo.	2	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài tập, trình bày bài tập nhóm. - Khi kết thúc học phần. 60%: Hình thức thi: Tự luận
5	Thực tập địa chất đại cương ngoài trời	Thực tập địa chất đại cương ngoài trời với sinh viên ngành kỹ thuật địa chất nhằm củng cố những kiến thức lý thuyết đã học ở trên lớp và rèn luyện kỹ năng công tác thực địa của người cán bộ địa chất tương lai.	2	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: 50% gồm: Bài kiểm tra, thực hành, chuyên cần. - Điểm bảo vệ do hội đồng chấm: 50%: Hình thức thi: Báo cáo thực tập tốt nghiệp
6	Tiếng Anh 3	Học phần "*Tiếng Anh 3"* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, thể bị động của quá khứ đơn, hiện tại đơn, hiện tại hoàn thành tiếp diễn với các từ xác định và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều điểm chung: hiện tại và quá khứ, sức khỏe, các bệnh thường gặp, các vật dụng hàng ngày, tiền tệ. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống như: cuộc sống hiện tại và quá khứ, thực hành những đoạn hội thoại liên quan về sức khỏe và tai nạn, tìm hiểu về các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới, tìm hiểu kỹ hơn về các vận dụng hàng ngày cần thiết khi mang đi du lịch.	2	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài kiểm tra, bài tập, thái độ học tập. - Thi kết thúc học phần: 60%: Hình thức thi: Viết

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7	Vật lý đại cương	Học phần "*Vật lý đại cương"* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học.Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức về: đo lường; cơ học chất điểm; chuyển động của vũ trụ; nhiệt động lực học; điện - từ trường; dao động cơ và sóng điện từ; quang hình và quang lượng tử; bán dẫn và laser. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để áp dụng vào các lĩnh vực khoa học khác.	3	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài kiểm tra, bài tập, thái độ học tập. - Thi kết thúc học phần: 60%: Hình thức thi: Tự luận
8	Xác suất thống kê	Học phần "*Xác suất thống kê"* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần trang bị cho sinh những kiến thức ban đầu, cơ bản nhất về xác suất (phép thử, biến cố, các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất, các đại lượng đặc trưng của biến ngẫu nhiên,…) và thống kê (lý thuyết mẫu, ước lượng tham số,…). Người học được cung cấp phương pháp khoa học phân tích và xử lý dữ liệu có được nhờ các thí nghiệm, các cuộc điều tra nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên, các vấn đề kỹ thuật cũng như các vấn đề xã hội.	2	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài kiểm tra, bài tập, thái độ học tập. - Thi kết thúc học phần: 60%: Hình thức thi: Tự luận
9	Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	Môn học Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất cung cấp cho sinh viên những kiến thức về kiến trúc và cấu tạo của đất đá bên trong vỏ Trái đất, cụ thể gồm các nội dung chính: Các dạng cấu tạo cơ bản, cách xác định và biểu diễn; Hiện tượng biến dạng của đá; Các dạng thế nằm của đá trầm tích; Bất chỉnh hợp và uốn nếp; Thớ chẻ, khe nứt và đứt gãy; Thế nằm của đá magma; Thế nằm đá biến chất; Đo vẽ bản đồ địa chất.	3	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài kiểm tra, bài tập, chuyên cần, bài thực hành. - Thi kết thúc học phần: 60%: Hình thức thi: Tự luận
10	Cơ sở địa chất thủy văn - Địa chất công trình	Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Môn học là sự tổng hợp có chọn lọc từ 2 cuốn giáo trình chính là: Địa chất thủy văn đại cương và Địa chất công trình đại cương.	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài kiểm tra, bài tập, thảo luận,

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Môn học cung cấp cho người học những nội dung cơ bản nhất, xúc tích nhất về các khái niệm trong Địa chất thủy văn, địa chất công trình, các phương pháp điều tra ĐCTV, các phương pháp nghiên cứu ĐCCT… Người học nắm được kiến thức nền phục vụ cho công tác thí nghiệm trong phòng, thí nghiệm ngoài hiện trường khi tác nghiệp bên ngoài…			chuyên cần. - Thi kết thúc học phần: 60%: Hình thức thi: Tự luận
11	Phương pháp tìm kiếm các mỏ khoáng sản rắn	Sau khi kết thúc học phần, người học trình bày được nội dung của cơ sở địa chất của công tác tìm kiếm khoáng sản rắn; nội dung chi tiết của các tiền đề: địa tầng; tướng đá; magma; kiến trúc; địa hóa và địa mạo. Hiểu thế nào là vành phân tán vật liệu khoáng sản; vết lộ thân khoáng; các hiện tượng biến đổi và các dấu hiệu tìm kiếm khác; Cở bản trình bày được nội dung của các phương pháp tìm kiếm được áp dụng như: phương pháp địa chất, trọng sa, địa hóa, địa vật lý, hệ thống các công trình khoan và khai đào; Có khả năng lựa chọn tổ hợp các phương pháp tìm kiếm với từng loại hình nguồn gốc mỏ cụ thể, từ đó có thể đưa ra được những đánh giá sơ bộ về mỏ và điểm quặng về tài nguyên và trữ lượng.	3	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài kiểm tra, thảo luận, chuyên cần. - Thi kết thúc học phần: 60%: Hình thức thi: Tự luận
12	Thạch học	+ Kiến thức về đá magma: khái niệm, cấu tạo, Dạng nằm ; thành phần ; ; Cấu tạo và kiến trúc của đá magma; Cơ sở phân loại đá magma; Mô tả thạch học đá magma (nhóm đá siêu bazơ; nhóm đá ba zơ gabro - bazan; nhóm đá trung tính diorit - andesit; nhóm đá axit granit - riolit và granodiorit - daxit). + Kiến thức về đá trầm tích: khái niệm; giai đoạn sinh thành vật liệu; quá trình phong hóa; quá trình vận chuyển, phân dị và lắng đọng vật liệu trầm tích; giai đoạn thành đá; Giai đoạn hậu sinh và biến chất sớm; Cấu tạo và kiến trúc ; Thành phần vật chất ; Phân loại đá trầm tích; mô tả các loại đá trầm tích:	3	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40% gồm: Bài kiểm tra, bài tập, thuyết trình, thảo luận nhóm, chuyên cần. - Thi kết thúc học phần: 60%: Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Đá trầm tích cơ học, Đá sét, Đá trầm tích sinh hóa) + Kiến thức về đá biến chất: (khái niệm; các yếu tố biến chất; các dạng hoạt động; thành phần vật chất ; Tướng và trình độ ; Phân loại; Mô tả các đá biến chất);.. Sau khi học xong sinh viên cần quan tâm một số kỹ năng cần thiết để nhận biết các nhóm đá bằng mắt thường ngoài thực tế, về cấu tạo, kiến trúc, màu sắc.			
13	Thực hành thạch học	Học phần này bao gồm các nội dung cơ bản sau: Sinh viên biết cấu tạo và nguyên lý hoạt động, cách sử dụng kính hiển vi phân cực. Biết sử dụng kính hiển vi phân cực để soi các mẫu lát mỏng của các khoáng vật thuộc 3 nhóm đá (magma, đá trầm tích và đá biến chất) hay nói các khác là các nhóm khoáng vật tạo đá chính và các khoáng vật tạo đá phụ về màu sắc, cấu tạo, cát khai, hình dạng, góc tắt, Biến đổi với đá vây quanh, nguồn gốc,… dưới 1 nicol, 2 nicol.	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình (thực hành): 50% gồm: Bài kiểm tra, thực hành, chuyên cần. - Thực hành ngay trên lát mỏng thạch học (giảng viên đưa cho 2 lát mỏng bất kỳ): 50% gồm: Điểm số 2 (thực hành soi trên lát mỏng thạch học: Soi lát mỏng thạch học.
14	Thực tập địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	- Trang bị cho sinh viên phương pháp khảo sát thực địa, lên các hành trình thực địa, định điểm và mô tả từng điểm khảo sát, liên kết các hành trình và lập nên một bản đồ địa chất. Sau đó vẽ được một bản đồ địa chất ở vùng Lạng Sơn và sơ đồ cấu trúc kiến tạo, các mặt cắt địa chất với các cấp và tỉ lệ khác nhau. Mỗi nhóm sinh viên viết được một báo cáo thực tập và trình bày trước hội đồng nghiệm thu thực tập. - Các phương pháp nghiên cứu và các công việc tiến hành tại vị trí nghiên cứu. - Các công việc tổng kết tài liệu và viết báo cáo.	2	Học kỳ 2	- Điểm bảo đánh giá quá trình đơn vị thực tập: 50% gồm: Bài kiểm tra, bài tập, thực hành, chuyên cần. - Điểm bảo vệ do hội đồng chấm: 50%: Điểm bảo vệ do hội đồng chấm (Báo cáo): Báo cáo thực tập

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
15	Tinh thể - Khoáng vật học đại cương - Thực tập	Học phần này bao gồm các nội dung cơ bản sau: Các khái niệm về tinh thể, khoáng vật, tính đối xứng của tinh thể khoáng vật. Mạng không gian, đối xứng trong mạng không gian của tinh thể khoáng vật. Hệ thống phân loại tinh thể - khoáng vật. Đặc điểm thành phần hóa học, tính chất vật lý cũng như hình thái, cấu trúc của tinh thể - khoáng vật. Hệ thống phân loại tinh thể - khoáng vật. Đặc điểm thành phần hóa học, tính chất vật lý cũng như hình thái, cấu trúc của tinh thể - khoáng vật. Nguồn gốc tinh thể khoáng vật, các quá trình hình thành tinh thể khoáng vật trong vỏ Trái đất. Mô tả các nhóm khoáng vật: khoáng vật của các nguyên tố tự sinh và các khoáng vật sulfur; mô tả các khoáng vật lớp haloid, lớp oxit – hydroxit; mô tả khoáng vật silicat và alumosilicat; các khoáng vật muối oxy khác; Sau khi học xong sinh viên cần quan tâm một số kỹ năng cần thiết để nhận biết các tinh thể bằng qua mạng không quan, hình thái, cấu trúc của tinh thể,…	3	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40%: Bài kiểm tra, bài tập, thực hành mẫu trực quan, chuyên cần. - Thi kết thúc học phần: 60%: Hình thức thi: Tự luận
16	Trắc địa cơ sở	Học phần trình bày những kiến thức cơ bản trong trắc địa như: Các hệ tọa độ dùng trong trắc địa, góc phương vị, hai bài toán trắc địa; Các kiến thức về máy móc, trang thiết bị đo; Các phương pháp đo và tính toán các trị đo góc, cạnh, chênh cao; Các kiến thức cơ bản về lưới khống chế trắc địa; kiến thức về công tác trắc địa phục vụ khai thác, công tác trắc địa bố trí các công trình.	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40%: Bài kiểm tra, thái độ học tập. - Thi kết thúc học phần: 60%: Hình thức thi: Tự luận
17	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản củatư tưởng Hồ Chí Minh,giúpsinh viên nhận thức sâu sắc giá trịkhoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40%: Bài kiểm tra, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, chuyên cần, thảo luận, phát biểu, thái độ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dân tộc. Qua đó, sinh viêncó lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.			học tập. - Thi kết thúc học phần: 60%: Hình thức thi: Tự luận

4. Khóa 13

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức đại cương của tất cả các chuyên ngành đào tạo trong trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Mục tiêu của học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật; những nội dung về các ngành luật cơ bản và Pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Sau khi kết thúc học phần, người học biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống trong thực tế.	2	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40%: Bài kiểm tra, bài tập, thảo luận, chuyên cần, thái độ học tập. - Thi kết thúc học phần: 60%: Hình thức thi: Tự luận
2	Tiếng Anh 1	Học phần "*Tiếng Anh 1*" là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm chung: công việc hàng ngày, thói quen, sở thích, du lịch, đất nước, con người... Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: giới thiệu bản thân, giải quyết những vấn đề thường gặp khi giao tiếp trên điện thoại và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.	3	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40%: Bài kiểm tra số 1 - trắc nghiệm, bài tập, thái độ học tập, bài kiểm tra số 2 - Vấn đáp. - Thi kết thúc học phần: 5 60%: Hình thức thi: Trắc nghiệm và vấn đáp

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Triết học Mác-Lênin	Học phần Triết học Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là học phần tiên quyết, trang bị thế giới quan và phương pháp luận làm tiền đề cho việc học tập các học phần lý luận chính trị tiếp theo. Nội dung học phần gồm 3 chương, ngoàikhái quát những tri thức chung về triết học, học phầntrang bị những kiến thức cơ bản về triết học Mác - Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và ý nghĩa phương pháp luận của những kiến thức triết học đối với thực tiễn.	3	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40%: Bài kiểm tra, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, chuyên cần, thảo luận, phát biểu, thái độ học tập. - Thi kết thúc học phần: 60%: Hình thức thi: Tự luận
4	Toán cao cấp 1	Học phần Toán cao cấp 1 trang bị cho sinh những kiến thức ban đầu, cơ bản nhất về đại số (ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ,…) và giải tích toán học (ứng dụng đạo hàm để tính giới hạn, tích phân suy rộng, lý thuyết chuỗi,…). Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để áp dụng vào các lĩnh vực khoa học khác.	3	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình: 40%: Bài kiểm tra 1, bài kiểm tra 2, bài tập, thái độ học tập. - Thi kết thúc học phần: 60%: Hình thức thi: Tự luận
5	Hoá học đại cương	Học phần Hóa học đại cương cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở, cơ bản ban đầu của hóa học ở bậc đại học như: Nhiệt động học của một số quá trình hóa học, Động hóa học của các phản ứng, Hiện tượng cân bằng hóa học và sự chuyển dịch cân bằng hóa học, Các kiến thức về dung dịch, pH và cân bằng trong dung dịch, Một số quá trình điện hóa học, Hiện tượng bề mặt và dung dịch keo… Các kiến thức cơ bản này sẽ giúp cho sinh viên vận dụng sự hiểu biết của mình trong việc học tập và nghiên cứu đối với các học phần chuyên ngành có liên quan như môi trường, quản lý đất đai, khoa học biển, biến đổi khí hậu, đại chất và nhiều chuyên ngành khác.	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40%: Bài chuẩn bị, chuyên cần, bài tập, bài kiểm tra. - Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Tham quan nhận thức và hướng nghiệp sinh viên	Học phần tham quan nhận thức và hướng nghiệp sinh viên nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế thông qua chương trình tham quan các đơn vị hoạt động về địa chất khoáng sản, quản lý tài nguyên khoáng sản.	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 50%: Thảo luận, chuyên cần, báo cáo. - Thi vấn đáp kết thúc học phần: 50%: Hình thức thi: Vấn đáp
7	Tin học đại cương	Học phần "*Tin học đại cương*" là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần tin học đại cương trang bị các kiến thức cơ bản, hệ thống về công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu rõ các chức năng và cách làm việc với máy tính trong công việc thông thường, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40%: Bài kiểm tra, bài tập, chuyên cần. - Thi vấn đáp kết thúc học phần: 60%: Hình thức thi: Thực hành
8	Toán cao cấp 2	Học phần Toán cao cấp 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức về Hàm số nhiều biến số, Cực trị của hàm nhiều biến.Tích phân của hàm nhiều biến: Tích phân 2 lớp, tích phân 3 lớp, tích phân đường loại 1 và tích phân đường loại 2. Phương trình vi phân: Phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân tuyến tính cấp một và phương trình vi phân cấp 2. Các kiến thức này góp phần nâng cao khả năng tư duy của sinh viên và làm cơ sở để học các môn chuyên ngành.	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40%: Bài tập, thái độ học tập, bài kiểm tra 1, bài kiểm tra 2. - Thi vấn đáp kết thúc học phần: 60%: Hình thức thi: Tự luận
9	Địa chất đại cương	Học phần Địa chất đại cương nhằm trang bị cho các sinh viên các kiến thức: địa niên biểu địa chất; các nhóm đá; các hoạt động địa chất nội sinh (hoạt động của magma, đứt gãy),	3	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình: 40%: bài kiểm tra 1, bài kiểm tra 2, thảo luận,

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngoại sinh (quá trình phong hóa, hoạt động địa chất của sông, biển,..). Cách xác định vị trí trên thực địa, trên bản đồ, cách đo thế nằm của đá.			chuyên cần. - Thi vấn đáp kết thúc học phần: 60%: Hình thức thi: Tự luận

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_TĐ

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ Đại học chính quy năm học 2023 - 2024
Ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ

1. Khóa ĐH10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Sô tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Bản đồ học hiện đại	- Trình bày các hái niệm liên quan tới mô hình hóa bản đồ, các loại bản đồ 3d, bản đồ điện tử, bản đồ đa phương tiện và bản đồ trực tuyến; - Sử dụng những kiến thức và công nghệ đã được học áp dụng vào thành lập các bản đồ hiện đại; - Thích ứng với sự phát triển của khoa học công nghệ trong thành lập bản đồ hiện đại.	03	Học kỳ 1	- A1. Đánh giá quá trình: 40% - A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận 60%
2	Cơ sở vật lý ảnh viễn thám	+ Phát biêu được khái niệm và tính chât bức xạ điện từ, tương tác năng lượng của bức xạ điện từ với khí quyển, với các đối tượng tự nhiên, các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên. Trình bày được nguyên tắc phát xạ nhiệt của vật chất. Phát biểu được các định luật về bức xạ nhiệt, các vấn đề cơ bản về khoa học màu trong viễn thám. - Phân tích được đặc tính phản xạ phổ của thực vật, thổ nhưỡng, nước, so sánh đặc tính phát xạ nhiệt của các loại vật chất và nguyên tắc chế tạo các bộ cảm biến trong viễn thám. Vận dụng để giải thích các hiện tượng trong tự nhiên liên quan đến nguyên tắc thu nhận thông tin viễn thám. - Rèn luyện tác phong: cẩn thận, chính xác, trung thực; Tích cực tìm hiểu để trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.	03	Học kỳ 1	8.1. Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 8.2. Điểm thi kết thúc học phần: Tự luận, Trọng số 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Thực hành GIS	- Vê kiên thức: + Trình bày được vai trò, công dụng của phần mềm ArcGIS; + Liệt kê được các thành phần ứng dụng và các chức năng cơ bản của ArcGIS; + Kể ra được các bước trong quá trình xây dựng CSDL bằng ArcGIS; + Tổng hợp và phân tích dữ liệu cần cho một dự án GIS; + Trình bày được quy trình kỹ thuật trong xây dựng và phân tích dữ liệu trong GIS; - Về kỹ năng: + Thực hành thành thạo, vận dụng được và hoàn thành bài tập tạo cơ sở dữ liệu cơ bản, nhập dữ liệu sử dụng phần mềm ArcGIS; + Thực hành thành thạo, vận dụng được và hoàn thành bài tập tạo bản đồ chuyên đề bằng ArcGIS; + Thực hành thành thạo, vận dụng ArcGIS trong một số bài toán biến đổi khí hậu. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Chủ động, tích cực trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề; + Phối hợp được khi làm việc theo nhóm; + Yêu thích nội dung của môn học, tích cực tham khảo tài liệu.	03	Học kỳ 1	Đánh giá quá trình, gồm 2 bài: Bài số 1: 50% Bài số 2: 50%
4	Bản đồ trong ngành tài nguyên và môi trường	- Trình bày được cách thiết kê, xây dựng và đặc điêm của phương pháp biểu thị nội dung bản đồ chuyên đề - Vận dụng được các phương pháp và các công đoạn trong quy trình thành lập bản đồ chuyên đề - Phân tích được nội dung, mục đích, nguyên tắc và đặc điểm của một số bản đồ trong ngành tài nguyên và môi trường. - Thiết kế được nội dung bản đồ theo những phương pháp khác nhau. - Sử dụng phần mềm chuyên nghiệp ngành kết hợp với lý thuyết đã học nhằm thành lập các bản đồ chuyên đề ngành TN&MT. - Tự chủ trong công tác nghiên cứu công nghệ thành lập bản đồ	03	Học kỳ 1	- A1. Đánh giá quá trình: 40% - A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hiện đại. - Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong thành lập bản đồ ngành Tài nguyên và Môi trường.			
5	Công nghệ Lidar	- Vê kiên thức: + Phát biểu được nguyên tắc hoạt động của hệ thống LiDAR, các thành phçn cơ bản của hệ thống LiDAR: máy thu GPS, hệ thống đạo hàng INS, hệ thống quét LiDAR và máy chụp ảnh số; + Trình bày được các mô hình xử lý dữ liệu LiDAR: mô hình lọc điểm, mô hình đánh giá độ chính xác. - Về kỹ năng: Xử lý được dữ liệu LiDAR phục vụ các ứng dụng thành lập mô hình số độ cao, thành lập bản đồ địa hình, thành lập các bản đồ chuyên đề, đánh giá được độ chính xác của các sản phẩm ứng dụng. - Về đạo đức nghề nghiệp: rèn luyên tính chính xác, trung thực, tình yêu nghề nghiệp	03	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% *(Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1)* - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% *(Hình thức thi: Tự luận)*
6	Quản lý dự án đo đạc – bản đồ	Sau khi kêt thúc học phân, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - *Về kiến thức:* + Trình bày được các văn bản pháp luật về quản lý nhà nước, quản lý đo đạc bản đồ; quản lý, xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu; quản lý và khai thác dữ liệu viễn thám; các văn bản pháp luật quy định về định mức và đơn giá; các văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức hoạt động về đo đạc bản đồ. + Hệ thống được các bước giai đoạn dự án; kế hoạch và các bước thực hiện dự án; + Tổng quát được các bước quản lý dự án. - *Về kỹ năng:* + Lập được kế hoạch cho một dự án cụ thể trong lĩnh vực đo đạc bản đồ. + Soạn thảo được văn bản hành chính; xây dựng được dự toán; lập	02	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận, bài tập lớn. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được phương án kỹ thuật. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ; + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác Trắc địa - Bản đồ và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; + Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ.			
7	Thực tập tốt nghiệp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Tổng hợp các kiến thức đã được học về công nghệ truyền thống và hiện đại + Trình bày được quy trình thành lập bản đồ địa hình, địa chính, mặt cắt địa hình + Trình bày được phương chuyển bản vẽ thiết kế ra thực địa (và ngược lại), phương pháp bố trí công trình dân dụng công nghiệp – giao thông thủy lợi + Trình bày được phương pháp quan trắc lún công trình dân dụng, quan trắc chuyển dịch và biến dạng đối với các công trình đặc biệt (hầm giao thông tàu điện ngầm, các tòa nhà siêu cao tầng, silo) + Trình bày được quy trình đoán đọc điều vẽ ảnh, đo ảnh, công nghệ viễn thám trong 7 lĩnh vực của Bộ Tài nguyên và Môi trường + Khả năng ứng dụng cơ sở dữ liệu thông tin địa không gian trong thành lập bản đồ + Xây dựng cơ sở dữ liệu - *Về kỹ năng:* + Thực hiện được đầy đủ các bước trong quy trình thành lập bản	06	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm 1 đầu điểm đánh giá của đơn vị thực tập. Hình thức đánh giá: Khác. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% bao gồm 1 đầu điểm là điểm đánh giá của giảng viên. Hình thức thi: Vấn đáp.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đô địa hình, địa chính, mặt cắt địa hình + Bố trí được công trình từ bản vẽ thiết kế ra thực địa, đo vẽ hoàn công, quan trắc biến dạng và xử lý số liệu quan trắc. + Xử lý được ảnh đoán đọc điều vẽ, đo ảnh, viễn thám + Ứng dụng của công nghệ GNSS trong thành lập bản đồ địa hình, bản đồ địa chính, đo vẽ mặt cắt… + Xây dựng được cơ sở dữ liệu địa hình + Xây dựng được cơ sở dữ liệu địa chính - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ; + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác Trắc địa - Bản đồ và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; + Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể;			
8	Khóa luận tốt nghiệp	Nâng cao kỹ năng thu thập tài liệu, xử lý phân tích dữ liệu và đặc biệt là nâng cao khả năng viết cũng như trình bày nội dung khoa học-kỹ thuật trong lĩnh vực Trắc địa-bản đồ. Nâng cao kỹ năng tìm kiếm tài liệu trên mạng và đọc tài liệu tham khảo tiếng nước ngoài. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Viết và bảo vệ được trước hội đồng kết quả nghiên cứu đồ án, bao gồm các nội dung sau: + Cơ sở lý thuyết liên quan đến nội dung nghiên cứu + Vấn đề nghiên cứu và các hướng giải quyết + Kết quả nghiên cứu và các số liệu, tài liệu minh chứng cho các kết quả nghiên cứu	06	Học kỳ 2	Điểm tổng kết học phần là điểm trung bình cộng của các thành viên trong hội đồng.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Các đề xuất, kiến nghị - Về kỹ năng: + Thu thập, phân tích được số liệu, tài liệu để giải quyết nhiệm vụ chuyên môn ở cấp độ đồ án tốt nghiệp + Thu thập, phân tích được số liệu, tài liệu để giải quyết nhiệm vụ chuyên môn ở cấp độ đồ án tốt nghiệp + Tổng hợp được tài liệu và kết quả tính toán, thực nghiệm để viết báo cáo về một vấn đề chuyên môn ở cấp độ đồ án tốt nghiệp + Trình bày được kết quả nghiên cứu trước Hội đồng - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ; + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác Trắc địa - Bản đồ và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; + Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể;			
9	Ứng dụng công nghệ GNSS	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: + Trình bày và phân tích được cơ sở khoa học và các bước thực hiện khi sử dụng công nghệ GNNS trong trắc địa công trình; + Trình bày và phân tích được cơ sở khoa học và các bước thực hiện khi sử dụng công nghệ GNNS trong địa chính; + Trình bày và phân tích được cơ sở khoa học và các bước thực hiện khi sử dụng công nghệ GNNS trong xây dựng cơ sở dữ liệu; + Trình bày và phân tích được cơ sở khoa học và các bước thực hiện khi sử dụng công nghệ GNNS trong nghiên cứu trái đất và tầng khí quyển; + Trình bày và phân tích được cơ sở khoa học khi sử dụng công	03	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%. Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghệ GNNS trong các lĩnh vực: quân sự, giao thông vận tải, tìm kiếm cứu nạn, thể thao, du lịch và giải trí, y tế; - Về kỹ năng: + Chuyển được bản vẽ thiết kế ra thực địa bằng công nghệ GNSS; + Ứng dụng được công nghệ GNSS để đo vẽ chi tiết để thành lập bản đồ địa chính; + Xử lý được số liệu để đánh giá chuyển dịch; + Xử lý được số liệu để xác định được tổng lượng điện tử; - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ; + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác Trắc địa - Bản đồ và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; + Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ.			

2. Khóa ĐH11

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi thành lập đến nay. Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy khoa học về lịch sử và khả năng vận dụng vào thực tiễn; đấu tranh, phê phán luận điệu sai trái về lịch sử của Đảng.	2	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Lập trường tư tưởng vững vàng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng, tích cực học tập để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.			
2	Xử lý ảnh vệ tinh	Về kiến thức: - Tổng hợp được những kiến thức cơ bản về nguyên lý hoạt động, đặc điểm và khả năng ứng dụng của các loại ảnh vệ tinh; - Phân tích được các công đoạn trong quy trình xử lý ảnh vệ tinh quang học, ảnh nhiệt và ảnh Radar; - Phân tích được các bài toán cụ thể trong xử lý ảnh như: lớp phủ bề mặt, nhiệt độ bề mặt,… Về kỹ năng: - Sử dụng được tốt phần mềm ENVI trong công tác xử lý ảnh; - Vận dụng được kiến thức đã học vào kỹ năng xử lý một số công đoạn trong xử lý ảnh như: hiệu chỉnh ảnh, lọc ảnh, tăng cường chất lượng ảnh và phân loại ảnh, tính toán nhiệt độ bề mặt. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: - Tự nghiên cứu và tìm hiểu một số phần mềm xử lý ảnh vệ tinh; - Linh hoạt, sáng tạo trong các trường hợp cụ thể khi xử lý ảnh nhiệm tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; - Chủ động đưa ra sáng kiến nhằm cải tiến quá trình xử lý ảnh; - Có trách nhiệm trong công việc được giao, chủ động lập kế hoạch và điều phối công việc.	04	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận 60%
3	Cơ sở dữ liệu địa lý	- Trình bày được tổng quan về cơ sở dữ liệu, quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý, phân loại được các kỹ thuật đánh chỉ mục dữ liệu không gian. - Xây dựng được một cơ sở dữ liệu địa lý đơn giản trong lĩnh vực tài nguyên môi trường. - Thành thạo ứng dụng một phần mềm GIS xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý.	03	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Khả năng tích cực học tập và tự học, hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn về cơ sở dữ liệu địa lý			
4	Đo ảnh	- Những kiến thức cơ bản trong công tác đo vẽ và điều vẽ ảnh hàng không và kỹ thuật xử lý ảnh UAV. - Những kỹ năng trong giải đoán và điều vẽ ảnh, tăng dày khống chế và xử lý ảnh, tính toán các thông số dựa vào thông tin ảnh. - Cách tiếp cận kiến thức khoa học, công nghệ mới, tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ, chủ động trong công việc.	03	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận 60%
5	Thực tập GIS	- Những kiên thức chung vê thành phân và các chức năng của phần mềm ArcGIS, tìm hiểu tổng quan về các bước trong xây dựng, khai thác CSDL trong ArcGIS. - Kỹ năng thao tác trên phần mềm ArcGIS thực hiện bài toán xây dựng, phân tích CSDL. - Tự nghiên cứu, thực hành trên phần mềm nhằm nâng cao kỹ năng làm việc độc lập, thực hiện các vấn đề chuyên môn khi thực hiện các dự án mẫu.	03	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình, gồm 2 đầu điểm: Điểm số 1: 50% Điểm số 2: 50%
6	Ứng dụng viễn thám trong giám sát tài nguyên và môi trường	- Những kiên thức nhăm tông hợp và phân tích được cơ sở lý thuyết, từ đó, ứng dụng viễn thám trong xác định nhiệt độ bề mặt, xác định màu nước, chỉ số thực vật, theo dõi biến động đất, lớp phủ đất, quan trắc và giám sát ô nhiễm môi trường không khí và khí quyển; - Phát hiện vấn đề cần nghiên cứu và ứng dụng công cụ viễn thám cùng phần mềm xử lý ảnh kết hợp với mô hình ứng dụng đã học để giải quyết các bài toán ứng dụng trong thực tế sản xuất; - Cách tiếp cận kiến thức khoa học, công nghệ mới, tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ nhằm đáp ứng các yêu cầu của học phần, cũng như nâng cao khả năng làm việc đọc lập hay làm việc theo nhóm.	04	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7	Tiếng Anh chuyên ngành	Những kiến thức và nội dung cơ bản của trắc địa như bằng Tiếng Anh, các công nghệ trong lĩnh vực đo đạc bản đồ. Đọc hiểu và dịch được tài liệu tiếng Anh chuyên ngành Trắc địa cũng như các công nghệ trong lĩnh vực Trắc địa, bản đồ. Cách tiếp cận kiến thức khoa học, công nghệ mới, tự nghiên cứu nâng cao trình độ, khả năng làm việc độc lập hay làm việc nhóm.	03	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận 60%
8	Kiến tập nghề nghiệp	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Những kiến thức về cơ cấu tổ, quy trình sản xuất, dây chuyền công nghệ… thực tiễn tại các đơn vị chuyên ngành. - Thực hiện được các công việc cơ bản về Trắc địa, bản đồ như: sử dụng các máy đo, phần mềm chuyên ngành; biên tập bản đồ; xử lý ảnh viễn thám; xây dựng cơ sở dữ liệu… tại các đơn vị chuyên ngành. - Khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, thích nghi với các môi trường làm việc thực tiễn; chủ động, sáng tạo trong công việc.	02	Học kỳ 1	Điểm đánh giá quá trình gồm 2 đầu điểm hệ số 1. Hình thức đánh giá: Điểm số 1 gồm điểm bài viết báo cáo và thái độ học tập; Điểm số 2 là điểm bảo vệ kết quả kiến tập.
9	Trắc địa công trình giao thông - thủy lợi	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Các kiến thức, phương pháp, quy trình về các công tác trắc địa công trình giao thông, thủy lợi, cầu, hầm. - Hình thành các kỹ năng tính toán, xử lý số liệu, giải quyết các khó khăn đề để hoàn thành công tác trắc địa liên quan - Chủ động, sáng tạo, trách nhiệm trong chuyên môn, nghiệp vụ về trắc địa công trình giao thông, thủy lợi, cầu, hầm	02	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1. Hình thức đánh giá: Điểm số 1 gồm điểm bài kiểm tra 1 và thái độ học tập; Điểm số 2 gồm điểm bài kiểm tra 2 và thái độ học tập. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%; Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Trắc địa công trình dân dụng - công nghiệp	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Kiến thức, khái niệm về quy hoạch hạ tầng khu công nghiệp, quy hoạch thành phố, công trình độ chính xác cao và các kiến thức trắc địa liên quan để giải quyết các công việc trong phạm vi ngành. - Hình thành kỹ năng đo đạc bố trí công trình ra thực địa, tính toán, xử lý kết quả đo đạc công trình công nghiệp, nhà cao tầng và các công trình độ chính xác cao. - Hình thành năng lực chuyên môn nghiệp vụ trong trắc địa công công trình đặc biệt là các công trình thành phố công nghiệp và công trình độ chính xác cao	02	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1. Hình thức đánh giá: Điểm số 1 gồm điểm bài kiểm tra 1 và thái độ học tập; Điểm số 2 gồm điểm bài kiểm tra 2 và thái độ học tập. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%; Hình thức thi: Tự luận.
11	Trắc địa biển	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Những nguyên lý về định vị trên biển, các đặc điểm của vùng biển Việt Nam, hiện tượng thủy triều, các phương pháp đo sâu hồi âm và không hồi âm. - Sử dụng các dữ liệu đo sâu và dữ liệu định vị trên biển; Xác định độ trễ định vị trên biển với những nguyên tắc định vị trên biển bằng phương pháp thủy âm. - Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về Trắc địa – Bản đồ; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao	02	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1. Hình thức đánh giá: Điểm số 1 gồm điểm bài kiểm tra 1 và thái độ học tập; Điểm số 2 gồm điểm bài kiểm tra 2 và thái độ học tập. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%; Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
12	Định vị vệ tinh	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Kiến thức cơ sở về trắc địa vệ tinh; tổng quan các hệ thống định vị dẫn đường toàn cầu hiện đại, các ứng dụng GNSS, lý thuyết và phần mềm xử lý số liệu đo vệ tinh. - Tinh toán được tọa độ của vệ tinh, bình sai được mạng lưới GNSS bằng phần mềm chuyên dụng. - Phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến ứng dụng của vệ tinh nhân tạo một cách hiệu quả cho các nhiệm của trắc địa nói riêng và các lĩnh vực khác nói chung.	03	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1. Hình thức đánh giá: Điểm số 1 gồm điểm bài kiểm tra 1, bài tập và thái độ học tập; Điểm số 2 gồm điểm bài kiểm tra 2, bài tập và thái độ học tập. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%; Hình thức thi: Trắc nghiệm.
13	Quản lý dự án đo đạc - bản đồ	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Kiến thức về văn bản, các loại văn bản pháp luật trong lĩnh vực trắc địa bản đồ, khái quát về dự án và quản lý dự án. - Lập tiến độ dự án; xây dựng dự toán; lập phương án kỹ thuật. - Lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ	02	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1. Hình thức đánh giá: Điểm số 1 gồm điểm bài kiểm tra 1 và thái độ học tập; Điểm số 2 gồm điểm bài tập lớn và thái độ học tập. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%; Hình thức thi: Tự luận.

3. Khóa ĐH12

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Sô tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triên tư tưởng Hô Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong thực tiễn. Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; Tư duy lý luận, phản biện. Bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước; Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.	2	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận 60%
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Những tri thức cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam và sự vận dụng Chủ nghĩa xã hội khoa học trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, thuyết trình, tự học và phản biện Niềm tin về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội; giá trị khoa học và cách mạng của chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận 60%
3	Tiếng Anh 3	***Về kiến thức:*** Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. ***Về kĩ năng:*** Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. ***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*** Thái độ học tập tích cực,tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận 60%
4	Cơ sở viễn thám	- Những kiến thức tổng quan về viễn thám, bộ cảm biến, vệ tinh viễn thám và các phương pháp viễn thám. - Lý thuyết về viễn thám hàng không; các công đoạn trong quy trình	04	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giải đoán và xử lý ảnh viên thám; Các kỹ năng xử lý ảnh viên thám. - Khả năng phân tích ứng dụng được các kiến thức về bản đồ, đo ảnh; viễn thám và GIS phục vụ cho lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường.			phân - Hình thức thi: Tự luận 60%
5	Cơ sở bản đồ	- Trình bày được những kiến thức cơ bản về bản đồ, bản đồ học; cơ sở toán học của bản đồ. - Trình bày được những vấn đề liên quan đến bản đồ địa lý chung, bản đồ số, … - Phân tích được nguyên nhân gây ra sai số trong quá trình thực hiện phép chiếu bản đồ; các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tổng quá hóa nội dung trong quá trình biên tập và thành lập bản đồ. - Làm được bài tập chia mảnh và đánh số của bản đồ địa hình theo VN-2000 - Biểu thị được các yếu tố nội dung của bản đồ, sử dụng các phương pháp biểu thị nội dung bản đồ đạt yêu cầu kỹ thuật. - Đọc và sử dụng được các loại bản đồ. - Ứng dụng được bộ phần mềm Mapping Office trong thành lập bản đồ	04	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận 60%
6	Hệ thống thông tin địa lý	- Trình bày các kiên thức cơ bản vê khái niệm, các thành phân và chức năng cơ bản của GIS. Khái niệm về cấu trúc CSDL và mô hình số độ cao. - Thực hiện các phép chồng xếp và phân tích dữ liệu. Vận dụng các bài toán phân tích không gian của hệ thống thông tin địa lý vào nhiệm vụ cụ thể. - Nâng cao năng lực của người học trong việc ứng dụng công nghệ GIS trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.	02	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận 60%
7	Đo ảnh	- Những kiến thức cơ bản trong công tác đo vẽ và điều vẽ ảnh hàng không và kỹ thuật xử lý ảnh UAV. - Những kỹ năng trong giải đoán và điều vẽ ảnh, tăng dày khống chế và xử lý ảnh, tính toán các thông số dựa vào thông tin ảnh. - Cách tiếp cận kiến thức khoa học, công nghệ mới, tự học, tự nghiên	03	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cứu nâng cao trình độ, chủ động trong công việc.			
8	Tiếng Anh chuyên ngành	- Những kiên thức và nội dung cơ bản của trăc địa như băng Tiêng Anh, các công nghệ trong lĩnh vực đo đạc bản đồ. - Đọc hiểu và dịch được tài liệu tiếng Anh chuyên ngành Trắc địa cũng như các công nghệ trong lĩnh vực Trắc địa, bản đồ. - Cách tiếp cận kiến thức khoa học, công nghệ mới, tự nghiên cứu nâng cao trình độ, khả năng làm việc độc lập hay làm việc nhóm.	03	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần: Tự luận, 60%
9	Kỹ năng mềm	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. - Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việccủng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống. - Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. - Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.	02	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1. Hình thức đánh giá: Điểm số 1 gồm điểm bài kiểm tra 1 và thái độ học tập; Điểm số 2 gồm điểm bài kiểm tra 2, bài thuyết trình và thái độ học tập. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%; Hình thức thi: Tự luận.
10	Trắc địa cơ sở	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Những kiến thức cơ bản về trắc địa cơ sở như: Các loại trị đo, các kiến thức về máy móc trang thiết bị đo đạc, các loại lưới khống chế. - Những kỹ năng đo đạc và xử lý số liệu đo như: số liệu đo góc, đo	04	Học kỳ 1	- Điêm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1 và 1 đầu điểm hệ số 2. Hình thức đánh giá: Điểm số 1

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cạnh, đo chênh cao, đo khoảng cách. - Cách tiếp cận kiến thức khoa học, có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.			gôm điêm bài kiêm tra 1 và thái độ học tập; Điểm số 2 gồm điểm bài kiểm tra 2 và thái độ học tập; Điểm số 3 gồm điểm bài kiểm tra 3 và thái độ học tập. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%; Hình thức thi: Tự luận.
11	Lý thuyết sai số	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Các kiến thức cơ bản về: giải hệ phương trình tuyến tính đối xứng, các thuật toán ma trận, lý thuyết xác suất, các tiêu chuẩn đánh giá độ chính xác. - Tính toán, xử lý số liệu đo bằng các thuật toán và các phương pháp bình sai. - Cách tiếp cận kiến thức khoa học, có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ	02	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1. Hình thức đánh giá: Điểm số 1 gồm điểm bài kiểm tra 1 và thái độ học tập; Điểm số 2 gồm điểm bài kiểm tra 2 và thái độ học tập. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%; Hình thức thi: Tự luận.
12	Cơ sở trắc địa công trình	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Cung cấp các kiến thức về xây dựng lưới khống chế trắc địa công trình, các phương pháp đo vẽ bình đồ mặt cắt công trình, bố trí công	03	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1. Hình thức

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình, quan trắc chuyên dịch công trình. - Hình thành kỹ năng trong trắc địa công trình về thành lập lưới khống chế trắc địa, tính toán các yếu tố bố trí công trình, đo đạc và xử lý số liệu đo, sử dụng thành thạo một số máy trắc địa trong xây dựng. - Hình thành năng lực chuyên môn nghiệp vụ trong trắc địa công công trình			đánh giá: Điểm số 1 gồm điểm bài kiểm tra 1 và thái độ học tập; Điểm số 2 gồm điểm bài kiểm tra 2 và thái độ học tập. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%; Hình thức thi: Tự luận.
13	Xử lý số liệu trắc địa	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Nội dung bài toán bình sai (gián tiếp, điều kiện, lưới tự do) - Trang bị kiến thức về khái niệm và vai trò của xấp xỉ hàm, các phương pháp nội suy. - Tính toán bình sai lưới trắc địa; Sử dụng phần mềm bình sai để xử lý số liệu trắc địa; xác định tham số của một hàm theo phương pháp xấp xỉ hàm; nội suy dựa vào các số liệu rời rạc. - Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; - Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về Trắc địa - Bản đồ.	04	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm 2 đầu điểm hệ số 1 và 1 đầu điểm hệ số 2 . Hình thức đánh giá: Điểm số 1 gồm điểm bài kiểm tra 1 và thái độ học tập; Điểm số 2 gồm điểm bài kiểm tra 2 và thái độ học tập; Điểm số 3 gồm điểm bài kiểm tra 3 và thái độ học tập. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%; Hình thức thi: Tự luận.
14	Địa chính đại cương	Học phần nhằm cung cấp cho người học:	02	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Địa chính, các chức năng, nhiệm vụ của địa chính; Các phương pháp thành lập bản đồ địa chính; Xử lý và biên tập bản đồ địa chính; Hồ sơ địa chính. - Tính toán, xử lý số liệu đo vẽ, lập một hồ sơ địa chính. Các thủ tục hành chính quản lý và đăng ký thống kê, kiểm kê đất đai - Tích cực học tập, tự tìm hiểu các vấn đề liên quan đến địa chính, các thủ tục hành chính trong các cơ quan nhà nước hiện nay			bao gôm 2 đâu điêm hệ số 1. Hình thức đánh giá: Điểm số 1 gồm điểm bài kiểm tra 1 và thái độ học tập; Điểm số 2 gồm điểm bài kiểm tra 2, bài tập và thái độ học tập. - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%; Hình thức thi: Tự luận.

4. Khóa ĐH13

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Toán cao cấp 1	Khối kiến thức Toán cơ bản về về đại số tuyến tính, giải tích toán học. Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản giải được các bài tập về đại số tuyến tính, giải tích toán học và và áp dụng kiến thức cơ bản vào các lĩnh vực khoa học khác. Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận 60%
2	Tin học đại cương	**Các kiến thức cơ bản về tin học và công nghệ thông tin.** Cách giao tiếp với hệ điều hành Windows. Cách sử dụng các ứng dụng văn phòng: **MS Word, MS Excel, MS PowerPoint.**	2	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Thực hành 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Triết học Mác - Lênin	- Kiến thức khái quát về triết học và kiến thức cơ bản, hệ thống về Triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử - Một số kiến thức thực tiễn từ sự vận dụng lý luận Triết học Mác-Lênin - Kỹ năng tư duy logic và khoa học theo thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứngtrong nhận định, đánh giá và giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực tiễn - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm Giá trị lý luận và thực tiễn của triết học Mác-Lênin, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác-Lênin	3	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận 60%
4	Tiếng Anh 1	Kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ sơ cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ sơ cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Thái độ học tập tích cực,tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Trắc nghiệm và vấn đáp 60%
5	Tiếng Anh 2	***Về kiến thức:*** Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ tiền trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. ***Về kĩ năng:*** Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. ***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:***	3	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Trắc nghiệm và vấn đáp 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thái độ học tập tích cực,tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			
6	Toán cao cấp 2	Khối kiến thức Toán cơ bản về hàm nhiều biến số và phương trình vi phân. Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản giải được các bài tập về hàm nhiều biến số, phương trình vi phân và áp dụng kiến thức cơ bản vào các lĩnh vực khoa học khác. Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận 60%
7	Xác suất thống kê	Khối kiến thức cơ bản về xác suất: biến cố ngẫu nhiên, xác suất của biến cố, các công thức tính xác suất, công thức xác suất toàn phần, công thức xác suất nhị thức, đại lượng ngẫu nhiên, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, một số quy luật phân phối xác suất thông dụng, đại lượng ngẫu nhiên hai chiều. Khối kiến thức cơ bản về thống kê: lý thuyết mẫu ngẫu nhiên, ước lượng một số tham số lý thuyết bằng khoảng tin cậy, kiểm định giả thuyết thống kê. Khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản về xác suất,thống kê để làm bài bài tập về định tính, định lượng trong xác suất thống kê vào các lĩnh vực khoa học khác. Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực,tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận 60%
8	Vật lý đại cương	Khối kiến thức vật lý cơ bản về:đo lường; cơ học chất điểm; chuyển động của vũ trụ; nhiệt động lực học; điện – từ trường; dao động cơ và sóng điện từ; quang hình và quang lượng tử; bán dẫn và laser.	3	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản đã học để làm bài tập về định tính, định lượng trong vật lý và áp dụng kiến thức cơ bản vật lý vào các lĩnh vực khoa học khác. Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực,tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			
9	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	- Những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - Những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. - Kỹ năng trình bày, phân tích, tổng hợp, những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lê nin trong hoạt động thực tiễn. - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm - Năng lực tích lũy kiến thức và nghiên cứu độc lập, đánh giá và nhận diện bản chất các vấn đề cơ bản của kinh tế chính trị Mác- Lê Nin trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay. - Lập trường tư tưởng vững vàng, niềm tin vào đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.	2	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận 60%
10	Pháp luật đại cương	Những kiến thức về: nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính và hình thức của pháp	2	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% A2. Thi kết thúc học phần - Hình thức thi:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; trách nhiệm pháp lý; nội dung cơ bản của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật phòng chống tham nhũng. Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; Kỹ năng so sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung và nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; Kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế. Năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. Xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.			Trắc nghiệm 60%

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_ĐA

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2023-2024
Ngành: Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm

1. Khóa 10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Quản lý và kiểm soát phòng thí nghiệm phân tích thực phẩm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: + Trình bày được nguyên tắc thiết kế, tổ chức, vận hành và quản lý phòng thí nghiệm nói chung và phòng thí nghiệm chuyên ngành phân tích thực phẩm theo các quy định hiện hành; + Xây dựng được một số quy trình thao tác chuẩn trong phòng thí nghiệm; Trình bày được các quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm và các biện pháp vận hành an toàn phòng thí nghiệm phân tích thực phẩm; + Thiết kế được các thí nghiệm để thẩm định quy trình phân tích chỉ tiêu trong thực phẩm; - Về kĩ năng: + Thiết kế, sắp xếp và bố trí phòng thí nghiệm phân tích môi trường; + Thực hiện tốt các quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm; + Xây dựng được kế hoạch và thực hiện xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến kiểm soát an toàn hoá chất và quản lý phòng thí nghiệm	2	1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận và thảo luận nhóm ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%. Hình thức thi: Vấn đáp

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2.	Công nghệ bao bì, đóng gói thực phẩm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Về kiến thức: + Có khả năng trình bày được kiến thức cơ bản về các nguyên liệu dùng để sản xuất ra bao bì + Nắm được vai trò của việc ghi nhãn mác hàng hóa Về kỹ năng: + Có khả năng lựa chọn bao bì phù hợp với từng loại sản phẩm + Có khả năng bao gói, in nhãn và lựa chọn các phương pháp in cũng như dán nhãn sản phẩm Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có thái độ khách quan, trung thực trong học tập; có ý thức vận dụng những hiểu biết công nghệ bao bì và đóng gói thực phẩm vào đời sống và sản xuất + Tự chủ tự tin và có ý thức học tập suốt đời, chủ động nâng cao trình độ chuyên môn.	2	1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. - Hình thức đánh giá: Tự luận và thực hành ***Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%*** - Hình thức thi: Thực hành
3.	Ứng dụng tin học trong công nghệ thực phẩm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức về phần mềm, chức năng của các công cụ thống kê và phương pháp giải một số bài toán trong công nghệ thực phẩm với sự hỗ trợ của các phần mềm thiết kế và xử lý số liệu. - Về kĩ năng: Vận dụng được kiến thức và phần mềm để tính toán, phân tích, xử lý số liệu thực nghiệm, mô hình hóa và tối ưu hóa các quá trình trong công nghệ chế biến, sản xuất và kiểm soát chất lượng thực phẩm. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ khách quan, trung thực trong học tập; có ý thức vận dụng những hiểu biết về tin học vào đảm bảo và quản lý an toàn thực phẩm trong đời sống và thực tiễn sản xuất. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao	2	1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận và thảo luận nhóm và bài tập lớn ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60% • Hình thức thi: Tự luận
4.	Công nghệ sản xuất và kiểm soát chất	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: + Trình bày quy trình công nghệ sản xuất và kiểm soát chất lượng	2	1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	lượng trứng, thịt, thủy sản	một số sản phẩm từ thịt, trứng, thủy sản. + Nhận biết, đánh giá và kiểm soát được chất lượng nguyên liệu thịt, trứng, thủy sản qua từng thời kỳ biến đổi, ứng dụng chọn được nguyên liệu phù hợp vào trong thực tế sản xuất. + Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng, giải thích được các biến đổi diễn ra trong quy trình sản xuất một số sản phẩm từ thịt, trứng, thủy sản từ đó lựa chọn phương pháp kiểm soát và đánh giá phù hợp. - Về kỹ năng: + Lựa chọn được quy trình sản xuất, phương pháp kiểm soát, đánh giá chất lượng sản phẩm thịt, trứng, thủy sản phù hợp đối với trường hợp cụ thể; Đề ra các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm. + Có tinh thần hợp tác trong việc học tập môn công nghệ chế biến và kiểm soát chất lượng thịt, trứng, thủy sản, cũng như khả năng làm việc nhóm hiệu quả. + Có khả năng tìm kiếm, đọc và tổng hợp các tài liệu liên quan đến môn học công nghệ chế biến và kiểm soát chất lượng thịt, trứng, thủy sản. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, sáng tạo, đưa ra được các quyết định trong xử lý kỹ thuật; + Có năng lực tự định hướng, thích nghi, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm thường xuyên, liên tục để đáp ứng nghiệp vụ chuyên môn.			- Hình thức đánh giá: Tự luận và thảo luận nhóm ***Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%*** - Hình thức thi: Thực hành
5.	Thực tập công nghệ chế biến thực phẩm (nhà máy)	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: + Hiểu và vận dụng được kiến thức về công nghệ chế biến thực phẩm (rau quả, thịt, trứng sữa, thủy sản, trà, cà phê, ca cao ,...); + Tính toán được lượng nguyên liệu, phụ gia và hóa chất chuẩn bị cho quá trình bảo quản và chế biến thực phẩm; + Theo dõi các biến đổi trong quá trình chế biến và bảo quản (độ ẩm, pH, hiệu suất thu hồi, cấu trúc, cảm quan,...); Phân tích, so sánh và giải thích các biến đổi trong quá trình sản xuất và chế biến thực phẩm;	1	1	Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. + Điểm đánh giá quá trình thực tập: 50% + Điểm báo cáo: 50% Hình thức đánh giá: Khác

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Hiểu nguyên lý vận hành các máy móc thiết bị trong quá trình bảo quản và chế biến thực phẩm; Nhận diện và hiểu biện pháp khắc phục các vấn đề trong sản xuất tại nhà máy chế biến thực phẩm. - Về kĩ năng: + Kỹ năng làm việc nhóm thông qua tổ chức nhóm thực tập tại nhà máy. + Kỹ năng mềm về quan hệ công đồng và marketing của doanh nghiệp (nhà máy) + Tìm hiểu về tổ chức sản xuất và cách thức hoạt động của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực thực phẩm. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Chủ động trong hoạt động lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể phục vụ công việc. + Có năng lực tự định hướng, thích nghi, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm thường xuyên, liên tục để đáp ứng nghiệp vụ chuyên môn.			
6.	Đồ án công nghệ chế biến thực phẩm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Hiểu, trình bày và áp dụng được các kiến thức liên quan tới công nghệ chế biến thực phẩm, kiểm soát chất lượng và đảm bảo an toàn thực phẩm. Vận dụng và áp dụng được các quá trình công nghệ trong chế biến thực phẩm ở từng công đoạn khác nhau, biết tính toán, xử lý các vấn đề xảy ra trong quá trình chế biến các sản phẩm thực phẩm ở từng công đoạn khác nhau. - Về kĩ năng: Vận dụng được lý thuyết chuyên môn công nghệ chế biến thực phẩm để hiểu bản chất, mục đích của việc thực hiện đồ án công nghệ chế biến thực phẩm. Từ đó có thể tính toán, xây dựng các qui trình cụ thể trong chế biến thực phẩm, đồng thời xử lý các vấn đề phức tạp xảy ra trong quá trình chế biến, - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực chế biến thực phẩm; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi	1	1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 50%; Bao gồm 01 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Khác ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 50% • Hình thức thi: Vấn đáp

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; + Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong xây dựng qui trình cụ thể của dây chuyền sản xuất thực phẩm.			
7.	Thực tập kiểm nghiệm an toàn thực phẩm (nhà máy)	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: + Mô tả được công việc của cán bộ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm tại tại các nhà máy, công ty, khu chế xuất, đến thực tập (gọi tắt là đơn vị); + Tóm tắt được chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; dây chuyền sản xuất, các quy chuẩn kỹ thuật về đảm bảo an toàn thực phẩm của đơn vị. - Về kĩ năng: + Thực hành được các kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm và trình bày báo cáo. + Kiểm nghiệm được một số thực phẩm tại nhà máy - Năng lực tự chủ và trách nhiệm + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến kỹ thuật phân tích các chỉ tiêu trong thực phẩm	1	1	- Điểm đánh giá quá trình thực tập: 50% - Điểm báo cáo: 50% Hình thức đánh giá: Bài tập lớn
8.	Nghiên cứu người tiêu dùng	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: + Hiểu và trình bày được tầm quan trọng và vai trò của nghiên cứu người tiêudùng; + Áp dụng được các phương pháp nghiên cứu thị trường trong phát triển sản phẩm (đặc biệt là sản phẩm mới), đánh giá cảm quan và hoạt động marketing; + Thiết kế được bảng câu hỏi khảo sát và phỏng vấn theo mục tiêu nghiên cứu như:	2	1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60% • Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		▪ Xác định nhu cầu của người tiêu dùng ▪ Tìm hiểu nhận thức của người tiêu dùng ▪ Khảo sát hành vi, đặc điểm của người tiêu dùng theo nhóm sản phẩm cùng loại; - Về kĩ năng: + Phát triển kỹ năng quan sát, phân tích và đánh giá nhằm nắm bắt những chuyển biến tâm lý của người tiêu dùng cá nhân; + Thành thạo các bước thiết kế bảng câu hỏi khảo sát và phỏng vấn đáp ứng mục đích nghiên cứu người tiêu dùng; + Có khả năng tìm kiếm và tổng hợp tài liệu, báo cáo, thuyết trình. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Chủ động trong hoạt động lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể phục vụ công việc. + Có năng lực tự định hướng, thích nghi, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm thường xuyên, liên tục để đáp ứng nghiệp vụ chuyên môn.			
9.	Thanh tra an toàn thực phẩm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Về kiến thức: Trình bày được các khái niệm cơ bản về thanh tra an toàn thực phẩm, nguyên tắc thanh tra an toàn thực phẩm, áp dụng được các căn cứ pháp lý để xây dựng, thẩm định, kiểm định, bố trí kế hoạch thanh tra trên các đối tượng thực phẩm. Về kỹ năng: Áp dụng được kỹ thuật và nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm dựa trên những kiến thức lý thuyết, kết hợp được nhiều kỹ năng theo thứ tự chính xác khi đi thanh tra thực tế tại các cơ sở sản xuất thực phẩm. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm + Tự phát hiện và giải quyết các vấn đề này sinh trong khi làm việc; có năng lực tự tổ chức và làm việc nhóm	2	1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận
10.	Công nghệ sản xuất	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức:	2	1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	và kiểm soát chất lượng dầu thực vật	+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về chất béo thực phẩm, các quá trình sản xuất dầu thực vật và một số sản phẩm giàu béo; + Hiểu và trình bày được các bước tiến hành, thông số công nghệ và phân tích được các yếu tố ảnh hưởng, giải thích được các biến đổi diễn ra trong quy trình sản xuất một số sản phẩm dầu thực vật; - Về kỹ năng: + Tính toán, cân đối được lượng nguyên vật liệu, thực hiện và kiểm soát chính xác các công đoạn trong quá trình sản xuất; kiểm tra, đánh giá chất lượng nguyên liệu sản xuất dầu thực vật; + Lựa chọn đúng phương pháp và thiết bị trong quy trình sản xuất và kiểm soát chất lượng một số sản phẩm dầu thực vật; Đề xuất được các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, sáng tạo, đưa ra được các quyết định trong xử lý kỹ thuật; + Chủ động trong hoạt động lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể phục vụ công việc.			đầu điểm, hệ số 1. - Hình thức đánh giá: Tự luận và thảo luận nhóm ***Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%*** - Hình thức thi: Thực hành
11.	Thực tập tốt nghiệp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: củng cố các kiến thức chuyên sâu, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có khả năng thực hành cơ bản, có khả năng truyền đạt vấn đề, làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, cụ thể sinh viên có kiến thức chuyên sâu về vi sinh vật, độc tố học và kiểm soát ngộ độc thực phẩm, Phân tích rủi ro trong sản xuất, Luật thực phẩm để xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất. Sinh viên làm quen với các công việc thực tế liên quan đến các kiến thức đã được đào tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực, ngành đào tạo và các hướng chuyên sâu. - Về kĩ năng: Có kỹ năng vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn về Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm để hoàn thành một số công việc phức tạp trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để	4	2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Thảo luận nhóm và bài tập lớn ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60% • Hình thức thi: Báo cáo thực tập

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm; có tính sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp, khả năng tự học và tự nghiên cứu; Sinh viên thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, sử dụng các phần mềm tin học liên quan đến chuyên môn và sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh) để đọc, hiểu các tài liệu chuyên môn - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm; Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật. Có khả năng đưa ra được kết luận về đề tài chuyên môn được cơ sở thực tập giao. có năng lực lập kế hoạch, phối thợp và làm việc nhóm trong công việc được giao. Có năng lực đánh giá về kết quả của đề tài đã thực hiện trong kỳ thực tập và thê hiện trách nhiệm trong công việc.			
12.	Khóa luận tốt nghiệp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Tổng hợp và hiểu sâu hơn các kiến thức chuyên sâu về ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, như kiến thức về vi sinh vật, độc tố học và kiểm soát ngộ độc thực phẩm, phân tích rủi ro trong sản xuất, luật thực phẩm để xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất. Vận dụng được kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế. - Về kỹ năng: Tổng hợp được kiến thức, cách viết, cách trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng các công việc chuyên môn thuộc nhiệm vụ được giao, thích nghi với môi trường làm việc thực tế; tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Có khả năng đưa ra được kết luận về đề tài chuyên môn, có năng lực lập kế hoạch, phối thợp và làm việc nhóm trong công việc được giao. Có năng lực đánh giá về kết quả của đề tài đã thực hiện trong quá	6	2	Theo Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN ngày 10 tháng 1 năm 2018 của trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc ban hành Quy trình bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên trình độ đại học chính quy.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình làm đồ án và thê hiện trách nhiệm trong công việc. Có thái độ khách quan, trung thực trong học tập, có ý thức vận dụng những hiểu biết về đảm bảo chất lượng vào đời sống.			

2. Khóa 11

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Phân tích vi sinh thực phẩm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Trình bày và hiểu được cách thức lấy mẫu vi sinh thực phẩm; Nguyên tắc, cách thức tiến hành và xử lý kết quả của các phương pháp phân tích thành phần hóa học và chỉ tiêu vi sinh có trong thực phẩm. Hiểu và vận dụng phương pháp phân tích các chỉ tiêu vi sinh trong thực phẩm trong kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm. - Về kỹ năng: Thực hiện quy trình thu mẫu, phân tích các chỉ tiêu vi sinh trong mẫu thực phẩm, giúp người học có thể giám sát, kiểm soát được vệ sinh an toàn thực phẩm và nhận biết sự tồn tại của vi sinh vật đặc trưng trong những loại thực phẩm khác nhau. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng vận dụng những hiểu biết ứng dụng quy trình phân tích vi sinh thực phẩm vào đời sống. Có hứng thú học môn phân tích vi sinh thực phẩm, yêu thích và tìm tòi nghiên cứu các vấn đề trong phân tích vi sinh thực phẩm.	3	1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. - Hình thức đánh giá: Tự luận và thực hành ***Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%*** - Hình thức thi: Thực hành
2.	Công nghệ chế biến thực phẩm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Trình bày được kiến thức cơ bản về các quá trình công nghệ cơ bản trong chế biến thực phẩm. - Về kĩ năng: Vận dụng các kiến thức cở sở (vật lý, kỹ thuật nhiệt, hoá học, sinh học,..) để hiểu bản chất, mục đích,… của các quá trình công nghệ cơ bản trong chế biến thực phẩm. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự học tập, tích lũy kiến thức; Có khả năng đưa ra được kết luận	3	1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm và bài tập lơn ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60% • Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường về lĩnh vực công nghệ chế biến thực phẩm và giải quyết được các vấn đề xảy ra trong quá trình sản xuất thực phẩm.			
3.	Ứng dụng thống kê trong kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: + Trình bày và giải thích được các khái niệm liên quan đến kiểm soát, đánh giá chất lượng thực phẩm; + Trình bày, giải thích các công cụ, đại lượng thống kê ứng dụng trong kiểm soát chất lượng thực phẩm + Vận dụng các đại lượng thống kê trong đánh giá và kiểm soát chất lượng thực phẩm; + Sử dụng được một số phần mềm chuyên dụng - Về kĩ năng: + Thành thạo các phương pháp xử lý số liệu thống kê; + Sử dung thành thạo các phần mềm; + Hình thành kỹ năng ứng dụng và sáng tạo trong ứng dụng thống kê và phần mềm - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có khả năng tự tìm tài liệu, tự học để phát triển kiến thức + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm	2	1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận và thảo luận nhóm ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60% • Hình thức thi: Vấn đáp
4.	Quản lý chuỗi cung ứng và truy nguyên nguồn gốc thực phẩm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: + Trình bày được khái niệm, thành phần và vai trò của chuỗi cung ứng thực phẩm. + Trình bày được các nguyên tắc và phương pháp truy xuất nguồn gốc thực phẩm. + Giải thích được cơ sở lí thuyết về tính toán chi phí, phương thức vận chuyển, thông tin dịch vụ của chuỗi cung ứng. - Về kĩ năng: + Vận dụng được các nguyên tắc để thiết kế, đánh giá và nâng cấp hệ thống quản lý và truy xuất nguồn gốc thực phẩm. + Tính toán được chi phí của các dịch vụ của chuỗi cung ứng như lưu 2kho, vận chuyển. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm:	2	1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm và bài tập lớn ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60% • Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Chủ động, tích cực trong học tập, trách nhiệm trong công việc. + Thực hiện được các công việc độc lập hoặc theo nhóm + Tìm kiếm tài liệu, viết và thuyết trình báo cáo.			
5.	Các biện pháp bảo quản thực phẩm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: + Liệt kê được các thành phần hóa học của thực phẩm và các tương tác phổ biến + Trình bày được các nguyên lý bảo quản và chế biến thực phẩm + Giải thích được cơ sở khoa học của các phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm - Về kĩ năng: + Với mỗi loại thực phẩm cụ thể, xác định được nguyên nhân gây hư hỏng thực phẩm + Lựa chọn được phương pháp bảo quản và chế biến phù hợp - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, sáng tạo, đưa ra được các quyết định trong xử lý kỹ thuật liên quan đến bảo quản và chế biến thực phẩm + Có năng lực tự định hướng, thích nghi, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm thường xuyên, liên tục để phục vụ công việc	2	1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60% • Hình thức thi: Tự luận
6.	Đánh giá rủi ro và quản lý an toàn thực phẩm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: + Trình bày được các kiến thức về mối nguy, rủi ro trong quá trình chế biến, sản xuất và bảo quản thực phẩm. + Trình bày được các tiêu chuẩn, quy định của pháp luật liên quan đến đánh giá và quản lý rủi ro về vệ sinh an toàn thực phẩm. - Về kĩ năng: + Vận dụng được các kiến thức để xây dựng hệ thống đánh giá và quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm cho quy trình chế biến, sản xuất và bảo quản thực phẩm. + Thuyết trình được, tìm kiếm và đánh giá các tài liệu, báo cáo liên quan đến quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Trách nhiệm trong việc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	2	1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm và bài tập lớn

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Thái độ siêng năng, tự chủ trong học tập và ứng dụng thực tiễn.			
7.	Hệ thống quản lý và đảm bảo chất lượng thực phẩm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: + Trình bày được những nguyên tắc chung và tóm tắt được các yêu cầu của các hệ thống quản lý chất lượng như : GMP, ISO 9000, ISO 22000, HACCP, TQM, 5S... Trình bày được trình tự xây dựng các hệ thống quản lý chất lượng; + Phân tích được các yêu cầu của các hoạt động quản lý chất lượng tại các nhà máy + Xác định được các điểm CCP để kiểm soát các mối nguy ảnh hưởng đến vệ sinh an toàn thực phẩm trong 1 quy trình sản xuất thực phẩm + Thiết lập được các chiến lược để kiểm soát được các điểm CCP + Xây dựng được kế hoạch HACCP cho một quy trình sản xuất thực phẩm - Về kĩ năng: + Có khả năng làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý chất lượng thực phẩm + Hiểu được các thuật ngữ tiếng Anh dùng trong lĩnh vực quản lý chất lượng thực phẩm + Triển khai được các hệ thống quản lý chất lượng tại các nhà máy thực phẩm - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, tinh thần phục vụ đất nước và cộng đồng tốt, tự chịu trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật; + Chủ động trong hoạt động lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể phục vụ công việc.	2	1	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60% • Hình thức thi: Tự luận
8.	Thực tập phân tích thực phẩm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: + Thiết kế, thực hiện một chương trình đánh giá chất lượng thực phẩm cho một đối tượng cụ thể; + Đọc, hiểu và vận dụng được quy trình để tiến hành thực nghiệm xác định một số chỉ tiêu dinh dưỡng trong thực phẩm;	2	1	Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. Trọng số mỗi đầu điểm: 50% - Hình thức đánh giá: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Đọc, hiêu và vận dụng được quy trình để tiến hành thực nghiệm xác định một số chỉ tiêu độc tố trong thực phẩm; - Về kĩ năng: + Sử dụng thành thạo một số thiết bị lấy mẫu, xử lý mẫu và phân tích mẫu thực phẩm; + Thực hiện thành thạo một số quy trình phân tích thực phẩm; + Tính toán kết quả phân tích, phân tích các dữ liệu thu được và lập được các báo cáo kết quả - Năng lực tự chủ và trách nhiệm + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến kỹ thuật phân tích các chỉ tiêu trong thực phẩm			
9.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập Đảng đến nay qua các thời kỳ: (1930 - 1945), (1945 - 1975) và (1975 đến nay). - Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học trong giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực được đào tạo. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: NL1: Có lập trường tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; NL2: Xác định được trách nhiệm của bản thân đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; NL3: Có năng lực đánh giá và giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường theo chủ trương, đường lối của Đảng.	2	2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. - Hình thức đánh giá: Tự luận và thảo luận nhóm ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60%. • Hình thức thi: Tự luận
10.	Sản xuất sạch hơn trong chế biến thực	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức:	1	2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	phẩm	+ Trình bày được lợi ích và rào cản của sản xuất sạch hơn trong chế biến thực phẩm + Vận dụng thành thạo các kiến thức đã học để phân tích được phương pháp luận của sản xuất sạch hơn trong chế biến thực phẩm - Về kĩ năng: + Đề xuất các giải pháp chuyên môn góp phần tăng hiệu quả sản xuất, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững cho doanh nghiệp - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Thể hiện tính trung thực, chính xác, tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp; + Có khả năng làm việc khoa học, phân tích, báo cáo nhóm; hình thành thói quen học tập suốt đời và phát huy tính sáng tạo.			đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60% • Hình thức thi: Tự luận
11.	Thực tập phân tích vi sinh thực phẩm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Hiểu được các đặc điểm hình thái, cấu tạo, của vi sinh vật trong thực phẩm; Vận dụng được các ứng dụng vi sinh trong thực phẩm và phân tích các ảnh hưởng đến sinh trưởng của vi sinh vật trong thực phẩm; phân tích các chỉ tiêu vi sinh trong thực phẩm. - Về kĩ năng: Có kỹ năng làm việc độc lập và nhóm khi thực hiện trong phòng thí nghiệm; giữ an toàn khi làm việc trong điều kiện phòng thí nghiệm (mang găng tay, mặt nạ,...); Có khả năng sử dụng thành thạo các thiết bị trong phòng thí nghiệm (kính hiển vi, tử ấm, tủ cấy, nồi hấp thanh trùng,...); Xác định được một số vi sinh vật trong thực phẩm điển hình và phân lập chúng; Thiết kế được thí nghiệm và sản xuất các sản phẩm lên men thông thường; lập báo cáo về các hoạt động của mình đã thực hiện - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng làm việc một cách độc lập và giải thích một cách khoa học những gì quan sát trong các thí nghiệm; có hứng thú với việc nghiên cứu vi sinh vật.	2	2	Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. Trọng số mỗi đầu điểm: 50% - Hình thức đánh giá: Thực hành
12.	Công nghệ sản xuất và kiểm soát chất lượng rượu, bia, nước giải khát	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: + Trình bày được các quy trình đối với công nghệ sản xuất bia, rượu và nước giải khát từ nguyên liệu đến sản phẩm cũng như các nguyên nhân gây hư hỏng, biến đổi chất lượng và biện pháp cải	2	2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. - Hình thức đánh giá: Tự luận; thảo luận nhóm và

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiễn, khắc phục. + Tính toán số liệu và đánh giá, kiểm soát được chất lượng của một số sản phẩm rượu, bia và nước giải khát; ở quy mô phòng thí nghiệm. - Về kỹ năng: + Thực hành phân tích được các thông số cơ bản đối với các sản phẩm từ rượu, bia và nước giải khát. + Xử lý được số liệu phân tích và lập được báo cáo đánh giá chất lượng sản phẩm thông qua số liệu phân tích. + Kỹ năng làm việc theo nhóm và trình bày được các báo cáo - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau + Có năng lực làm việc nhóm, làm việc độc lập, đọc và thuyết trình tài liệu + Thái độ khách quan, trung thực trong học tập; có ý thức vận dụng những hiểu biết công nghệ chế biến và kiểm soát chất lượng sản phẩm.			thực hành ***Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%*** - Hình thức thi: Thực hành
13.	Công nghệ chế biến và kiểm soát chất lượng sữa	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: + Nhận biết được các thành phần cấu tạo sữa, quy trình vận chuyển thu mua và bảo quản sữa, giá trị dinh dưỡng của sản phẩm sữa đối với đời sống của con người. + Xây dựng, phân tích được quy trình công nghệ sản xuất một số sản phẩm từ sữa. + Phân tích, đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng các sản phẩm sữa, từ đó đề xuất được các phương pháp kiểm soát chất lượng sữa. - Về kỹ năng: + Thực hành phân tích, đánh giá được một số chỉ tiêu về chất lượng sữa quy mô phòng thí nghiệm + Nhận biết và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn sản xuất; Có năng lực tự tổ chức và làm việc nhóm - Năng lực tự chủ và trách nhiệm:	2	2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. ***Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%*** - Hình thức thi: Thực hành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau + Xây dựng chiến lược phát triển cá nhân và chuyên nghiệp trong lĩnh vực nghiên cứu, cải tiến, đa dạng các sản phẩm sữa. + Có khả năng dụng những kiến thức đã học vào trong sản xuất tạo ra sản phẩm chất lượng và an toàn đáp ứng yêu cầu thực tế.			
14.	Công nghệ sản xuất và kiểm soát chất lượng đường, bánh, kẹo	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: + Trình bày quy trình công nghệ sản xuất và kiểm soát chất lượng đường, bánh kẹo + Nhận biết, đánh giá và kiểm soát được các loại nguyên liệu sử dụng trong chế biến đường, bánh kẹo. + Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng, giải thích được các biến đổi diễn ra trong các công đoạn của quy trình chế biến đường, bánh kẹo từ đó lựa chọn phương pháp kiểm soát và đánh giá phù hợp. - Về kỹ năng: + Chọn được quy trình sản xuất, phương pháp kiểm soát, đánh giá chất lượng sản phẩm đường, bánh kẹo; Đề ra các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm. + Có tinh thần hợp tác trong việc học tập môn công nghệ chế biến và kiểm soát chất lượng thịt, trứng, thủy sản, cũng như khả năng làm việc nhóm hiệu quả. + Có khả năng tìm kiếm, đọc và tổng hợp các tài liệu liên quan đến môn học công nghệ chế biến và kiểm soát chất lượng thịt, trứng, thủy sản. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có thái độ khách quan, trung thực trong học tập; có ý thức vận dụng những hiểu biết công nghệ chế biến và kiểm soát chất lượng đường, bánh kẹo vào đời sống. + Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, sáng tạo, đưa ra được các quyết định trong xử lý kỹ thuật	2	2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. - Hình thức đánh giá: Tự luận ***Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%*** - Hình thức thi: Tự luận và thực hành
15.	Công nghệ sản xuất và kiểm soát chất	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Trình bày được nguyên liệu, công nghệ sản xuất và	2	2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	lượng nước chấm, gia vị	kiểm soát chất lượng các loại nước chấm, gia vị; Phân tích và đánh giá một số chỉ tiêu chất lượng nguyên liệu và các sản phẩm nước chấm, gia vị; phân tích và giải thích các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng các sản phẩm nước chấm, gia vị; Đề xuất các phương pháp kiểm soát chất lượng nguyên liệu và sản phẩm theo quy trình sản xuất thực tế. - Về kĩ năng: Kỹ năng sử dụng một số dụng cụ và hóa chất trong phòng thí nghiệm để sản xuất một số loại nước chấm, gia vị. Khả năng tính toán, đo lường, thực hiện và kiểm soát chính xác các thông số công nghệ trong qui trình sản xuất một số sản phẩm từ nước chấm, gia vị. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm; Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.			đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận và Thực hành ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60% • Hình thức thi: Vấn đáp
16.	Công nghệ sơ chế và bảo quản sau thu hoạch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: + Xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng nông sản sau thu hoạch; + Giải thích được các kỹ thuật áp dụng trong hệ thống sau thu hoạch sản phẩm cây trồng bao gồm công tác thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, lưu kho, quản lý chất lượng và tiếp thị sản phẩm + Đánh giá và kiểm soát được chất lượng của một số sản phẩm sau thu hoạch ở quy mô phòng thí nghiệm. - Về kỹ năng: + Phân tích được một số các thông số cơ bản đối với các sản phẩm nông sản sau thu hoạch + Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau + Có khả năng tự thiết lập hệ thống quản lý sản phẩm, biết cách ứng dụng để duy trì chất lượng một số loại nông sản sau thu hoạch	2	2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. - Hình thức đánh giá: Tự luận; thực hành và Bài tập lớn ***Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%*** - Hình thức thi: Thực hành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
17.	Truyền thông GD an toàn VSTP	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: + Trình bày được các kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm như nguyên nhân gây ô nhiễm thực phẩm, các quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm. + Trình bày được cơ chế gây ngộ độc thực phẩm, cách bệnh lây truyền qua thực phẩm và các biện pháp phòng chống. + Phân tích, dự báo được các tác nhân gây mất an toàn thực phẩm. - Về kĩ năng: + Xây dựng và tổ chức một chương trình truyền thông để tuyên tuyền, phổ biến các nội dung an toàn vệ sinh thực phẩm. + Lập kế hoạch và tổ chức một lễ ra quân, họp cộng đồng, tập huấn nâng cao nhận thức cho cộng đồng về vệ sinh an toàn thực phẩm. - Năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Chủ động trong việc tuyên truyền thay đổi hành vi, phong tục lạc hậu gây mất an toàn vệ sinh trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh thực phẩm. + Có ý thức trách nhiệm bảo vệ sức khỏe, tính mạng người tiêu dùng thực phẩm. + Tự chủ, nghiêm túc, trung thực trong học tập và công việc.	2	2	***Điểm đánh giá quá trình:*** Trọng số 40%; Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. Hình thức đánh giá: Tự luận và thảo luận nhóm ***Điểm thi kết thúc học phần:*** Trọng số 60% • Hình thức thi: Tự luận và vấn đáp
18.	Đồ án hệ thống quản lý và đảm bảo chất lượng thực phẩm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Vận dụng các kiến thức đã học để xây dựng được kế hoạch áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm HACCP/ Tiêu chuẩn ISO 22000:2018 cho một quy trình sản xuất thực phẩm cụ thể. - Về kỹ năng: + Phân tích và suy luận các mối nguy tồn tại trong thực phẩm và biện pháp kiểm soát các mối nguy ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm; + Giải quyết tình huống trong thực tế khi tham gia sản xuất thực phẩm; + Biết lập kế hoạch và hoàn thành kế hoạch đúng hạn. Trao dồi các kỹ năng: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, đàm phán và thuyết trình.	1	2	Bao gồm 02 đầu điểm, hệ số 1. Trọng số mỗi đầu điểm: 50%. Hình thức đánh giá: đồ án và vấn đáp

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Năng lực tự chủ và trách nhiệm + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; + Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau + Hình thành nhận thức về các hoạt động trong công tác quản lý chất lượng tại các nhà máy thực phẩm và sẵn sàng đảm nhận vị trí nhân viên quản lý chất lượng tại các nhà máy.			

3. Khóa 12

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	MT1: Những tri thức cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam và sự vận dụng Chủ nghĩa xã hội khoa học trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. MT2: Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, thuyết trình, tự học và phản biện. MT3: Niềm tin về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội; giá trị khoa học và cách mạng của chủ nghĩa xã hội khoa học.	2	1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra: 60% A1.2. Bài tập cá nhân: 20% A1.3. Bài tập nhóm: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Thảo luận, phát biểu: 50% A1.5. Chuyên cần: 25% A1.6: Thái độ học tập: 25% A2. Thi tự luận: 60%
2.	Tiếng Anh 3	MT1: Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. MT2: Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. MT3: Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra số 1: 100% Điểm số 2: 20% A1.2. Bài tập: 20% A1.3. Thái độ học tập: 20% A1.4. Bài kiểm tra số 2: 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					A2. Thi viết: 60%
3.	Xác suất thống kê	MT1: Khối kiến thức cơ bản về xác suất: biến cố ngẫu nhiên, xác suất của biến cố, các công thức tính xác suất, công thức xác suất toàn phần, công thức xác suất nhị thức, đại lượng ngẫu nhiên, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, một số quy luật phân phối xác suất thông dụng, đại lượng ngẫu nhiên hai chiều. Khối kiến thức cơ bản về thống kê: lý thuyết mẫu ngẫu nhiên, ước lượng một số tham số lý thuyết bằng khoảng tin cậy, kiểm định giả thuyết thống kê. MT2: Khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản về xác suất,thống kê để làm bài bài tập về định tính, định lượng trong xác suất thống kê vào các lĩnh vực khoa học khác. MT3: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	1	A1. Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% A2. Thi kết thúc học phần: trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận
4.	Hóa học phân tích	- Cơ sở lý thuyết của một số phương pháp định lượng thường dùng và phương pháp vận dụng lý thuyết để giải thích hiện tượng xảy ra trong quy trình thực hành - Kiến thức về nguyên tắc, các hóa chất, dụng cụ cần dùng và thiết lập công thức tính kết quả của quy trình định lượng một cấu tử - Phương pháp sử dụng một số dụng cụ và thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm hóa học phân tích, Phương pháp xử lý, tính toán và biểu diễn được các số liệu thu được khi làm thực hành - Phương pháp tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Năng lực nhận định kết quả phân tích	2	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài kiểm tra 30% A1.2 Bài tập 50% A1.3 Chuyên cần 20% Điểm số 2 A1.4 Báo cáo 50% A1.5 Bài thực hành 50% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Thực hành, trọng số 60%
5.	Nhập môn công nghệ thực phẩm	- Các kiến thức về vai trò của ngành học, vị trí của môn học trong chương trình đào tạo; các phương pháp luận để tiếp cận trong quá trình học - Các khái niệm cơ bản về Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm, các quá trình cơ bản trong công nghệ chế biến thực phẩm - Phương pháp tự học thông qua nghiên cứu các tài liệu; các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng nghiên lập kế hoạch và thuyết trình	2	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài kiểm tra 80% A1.2 Chuyên cần 20% Điểm số 2 A1.3 Bài tập nhóm

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					100% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận, trọng số 60%
6.	Hóa sinh học thực phẩm	- Các kiến thức về đặc điểm cấu tạo, tính chất, chức năng của các thành phần hóa sinh trong thực phẩm, vai trò và cơ chế của các quá trình hóa sinh trong sản xuất, chế biến và bảo quản thực phẩm - Các quy trình định tính, định lượng các chất đóng vai trò quan trọng trong các quá trình chế biến và bảo quản thực phẩm - Kỹ năng phân tích định tính và định lượng được một số chất đóng vai trò quan trọng trong các quá trình chế biến và bảo quản thực phẩm; xử lý số liệu, tính toán và đánh giá các kết quả thu được - Ý thức tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trong lớp, tự học, thảo luận nhóm; ứng dụng hóa sinh học để giải quyết nhu cầu và các vấn đề thực tiễn.	3	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Chuyên cần 20% A1.2 Bài kiểm tra chương 1,2: 80% Điểm số 2 A1.3 Thái độ học tập 20% A1.4 Bài thực hành 80% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Thực hành, trọng số 60%
7.	Vi sinh vật học thực phẩm	- Các kiến thức về nhận diện về hình thái, đặc điểm sinh lý – sinh hóa hệ vi sinh vật trong thực phẩm, các nguồn lây nhiễm vi sinh vật vào trong thực phẩm giúp cho việc vận dụng kiến thức trong công nghệ sản xuất và kiểm soát chất lượng thực phẩm thực hiện an toàn và đảm bảo chất lượng trong chế biến, sản xuất thực phẩm. - Các biến đổi do vi sinh vật gây ra trong thực phẩm hỗ trợ cho việc vận dụng kiến thức về công nghệ sản xuất rượu, bia, nước giải khát,… đồng thời có kiến thức chuyên môn về an toàn thực phẩm để kiểm soát chất lượng các sản phẩm thực phẩm. - Kỹ năng phân tích và đánh giá chất lượng nguyên liệu và các sản phẩm thực phẩm trong chế biến các sản phẩm: thịt, trứng, cá, sữa, rau quả,… - Ý thức tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trong lớp, tự học, thảo luận nhóm, ứng dụng sinh học trong việc kiểm soát, đánh giá chất lượng thực phẩm nói chung; trách nhiệm trong việc nhận diện và xử lý, giảm thiểu các chất gây ngộ độc thực phẩm, sản xuất các sản phẩm thực phẩm.	2	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài thảo luận 80% A1.2 Chuyên cần 20% Điểm số 2 A1.3 Bài kiểm tra 40% A1.4 Bài tập 40% A1.5 Thái độ 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận, trọng số 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
8.	Các phương pháp xử lý mẫu phân tích thực phẩm	- Các kiến thức về nguyên tắc, ưu nhược điểm, ứng dụng của một số kỹ thuật xử lý mẫu thực phẩm cơ bản. - Các kiến thức về cơ sở lý thuyết của một số phương pháp phân tích hiện đại ứng dụng trong thực phẩm - Kỹ năng sử dụng các thiết bị xử lý mẫu, thiết bị phân tích hiện đại ứng dụng trong phân tích thực phẩm - Ý thức tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, rèn luyện tính cẩn thận trong công việc	3	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Chuyên cần 20% A1.2 Bài kiểm tra chương 1,2: 80% Điểm số 2 A1.3 Thái độ học tập 20% A1.4 Bài kiểm tra: 80% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Thực hành, trọng số 60%
9.	Khoa học thực phẩm	- Các khái niệm, nguyên tắc cơ bản về các đặc tính vật lý, hóa học, sinh học của thực phẩm; các kiến thức cơ bản về quá trình chế biến thực phẩm - Các nguyên nhân dẫn tới sự suy giảm chất lượng và hư hỏng thực phẩm - Các biện pháp chế biến và bảo quản nhằm nâng cao về chất lượng và hình thức của thực phẩm - Năng lực xác định đúng đắn vị trí vai trò, trách nhiệm vấn đề đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	2	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài kiểm tra chương 1,2: 50% A1.2 Bài tập thảo luận nhóm: Các quá trình truyền nhiệt, truyền khối và tương tác hóa sinh trong công nghệ thực phẩm 20% A1.3 Chuyên cần 30% Điểm số 2 A1.4 Báo cáo hoạt động nhóm: : Cơ sở khoa học sản xuất và bảo quản thực phẩm. 70% A1.5 Thái độ học tập 30% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận, trọng số 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	-Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong thực tiễn. - Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; Tư duy lý luận, phản biện. - Bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước; Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.	2	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài kiểm tra 50% A1.2 Bài tập cá nhân 30% A1.3 Bài tập nhóm 20% Điểm số 2 A1.4 Chuyên cần 30% A1.5 Thảo luận, phát biểu 50% A1.6 Thái độ học tập 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận, trọng số 60%
11.	Kiến tập nghề nghiệp	- Các kiến thức thực tế về công nghệ sản xuất và kiểm soát chất lượng thực phẩm nhằm đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất - Các công việc của một cán bộ đảm bảo chất lượng và an toàn, ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm - Định hướng công việc tương lai - Năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ trong việc đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất kinh doanh chế biến về thực phẩm	1	2	A1. Đánh giá quá trình: chuyên cần 100% A2. Báo cáo thu hoạch: 100%
12.	Đánh giá cảm quan thực phẩm	- Khái niệm, vai trò đánh giá cảm quan, các giác quan và yêu tô ảnh hưởng đến quá trình đánh giá cảm quan thực phẩm - Kiến thức về phương pháp đánh giá cảm quan và các phép thử cảm quan - Kỹ năng lập kế hoạch thực hiện các phép thử đánh giá cảm quan, lập báo cáo và công bố kết quả thử nghiệm - Phương pháp tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ Năng lực nhận định đánh giá chất lượng sản phẩm bằng phương pháp cảm quan	2	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Chuyên cần 50% A1.2 Thảo luận, hoạt động nhóm, tình huống 50% Điểm số 2 A1.3 Bài kiểm tra 100% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận, trọng số 60%
13.	Dinh dưỡng học	- Kiến thức cơ sở về dinh dưỡng, nhu cầu dinh dưỡng, vai trò của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể	2	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Kiến thức về nhu cầu dinh dưỡng của các đối tượng khác nhau; nguyên nhân, triệu chứng, cách phòng chống các rối loạn dinh dưỡng thường gặp - Phương pháp tính toán nhu cầu năng lượng của cơ thể, xây dựng khẩu phần ăn cho từng đối tượng - Ý thức tham gia tích cực vào các hoạt động học tập trong lớp, tự học, thảo luận nhóm; ứng dụng dinh dưỡng học trong việc sử dụng lương thực, thực phẩm cũng như nguồn thức ăn hàng ngày để nâng cao hiệu quả dinh dưỡng và sức khỏe cộng đồng			A1.1 Thái độ học tập 80% A1.2 Bài thảo luận nhóm 20% Điểm số 2 A1.3 Chuyên cần 20% A1.4 Bài kiểm tra 80% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận, trọng số 60%
14.	Phụ gia thực phẩm	- Các kiến thức về các loại chất phụ gia được phép sử dụng trong chế biến và bảo quản thực phẩm, nhằm góp phần tích cực hoàn thiện và nâng cao chất lượng của thực phẩm vừa đảm bảo an toàn về sức khoẻ cho người sử dụng. - Các kiến thức để sử dụng có hiệu quả các chất phụ gia trong quá trình chế biến, bảo quản và lưu thông các sản phẩm ăn uống trên thị trường. Phân loại được các chất trợ giúp thường được sử dụng trong quá trình chế biến thực phẩm - Các cách sử dụng một số chất phụ gia thực phẩm trong sản xuất và bảo quản thực phẩm một cách đúng kỹ thuật và an toàn vệ sinh thực phẩm. Loại bỏ được những yếu tố gây độc hại của chất phụ gia thực phẩm và biết cách lựa chọn các phương pháp sử dụng các chất phụ gia đó - Tính trung thực, chính xác, tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp	2	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài thảo luận Nhóm 80% A1.2 Chuyên cần 20% Điểm số 2 A1.3 Bài kiểm tra 80% A1.4 Chuyên cần 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận, trọng số 60%
15.	Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm	- Các kiến thức về lập luận kinh tế kỹ thuật, quy trình công nghệ, công thức tính toán cân bằng vật chất, thiết bị bố trí nhà xưởng trong nhà máy chế biến thực phẩm. - Các kỹ năng về thiết kế tổng thể, bố cục bản vẽ mặt bằng nhà máy nhà xưởng, dây chuyền công nghệ - thiết bị phụ trợ- an toàn PCCN và chất thải… - Các bài toán về tính toán thiết kế giúp người học tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; rèn luyện tính cẩn thận và ý thức kỷ luật trong xây	2	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài kiểm tra 50% A1.2 Chuyên cần 50% Điểm số 2 A1.3 Bài tập lớn 100% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận, trọng số 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dựng vận hành nhà máy chế biến thực phẩm.			
16.	Độc tố học thực phẩm	- Các kiến thức cơ bản về độc tố học thực phẩm; nguyên nhân và các yếu tố gây ngộ độc thực phẩm; cơ chế hấp thụ, phân phối, đào thải các chất độc trong cơ thể và các yếu tố ảnh hưởng đến sự chuyển hóa sinh học các độc tố và ngộ độc thực phẩm liên quan đến một số chất độc cụ thể, độc tính của một số độc tố thực phẩm cụ thể. - Phương pháp tính toán liều lượng phơi nhiễm một số chất độc thực phẩm - Phương pháp rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thu thập tài liệu liên quan đến độc tộc học trong thực phẩm - Phương pháp tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm; Năng lực cũng như khả năng tự định hướng, giải quyết vấn đề về môi trường	2	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài thảo luận nhóm 50% A1.2 Chuyên cần 50% Điểm số 2 A1.3 Bài kiểm tra 50% A1.4 Chuyên cần 50% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận, trọng số 60%
17.	Quản lý chuỗi cung ứng và truy nguyên nguồn gốc thực phẩm	- Trang bị cho sinh viên kiến thức về khái niệm, thành phần và vai trò của chuỗi cung ứng thực phẩm; các nguyên tắc và phương pháp truy xuất nguồn gốc thực phẩm - Trang bị cho sinh viên kiến thức về cơ sở lí thuyết về tính toán chi phí, phương thức vận chuyển, thông tin dịch vụ của chuỗi cung ứng - Vận dụng được các nguyên tắc để thiết kế, đánh giá và nâng cấp hệ thống quản lý và truy xuất nguồn gốc thực phẩm và tính toán được chi phí của các dịch vụ của chuỗi cung ứng như lưu kho, vận chuyển - Nhận thức được vai trò, ý nghĩa của môn học nhằm nâng cao nhận thức của con người về chất lượng an toàn thực phẩm; nhận thấy sự cần thiết phải quản lý và bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng thông qua quản lý chuỗi cung ứng và truy nguyên nguồn gốc thực phẩm.	2	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài kiểm tra 1 30% A1.2 Bài tập nhóm 40% A1.3 Bài kiểm tra 2 30% Điểm số 2 A1.4 Chuyên cần 20% A1.5 Thảo luận, phát biểu 50% A1.6 Thái độ học tập 30% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận, trọng số 60%
18.	Phân tích thực phẩm	- Các kiến thức về nguyên tắc xây dựng các chỉ tiêu cần kiểm nghiệm đối với một sản phẩm thực phẩm - Các kiến thức về phương pháp lấy mẫu và phân tích một số thông số, nhóm thông số đánh giá chất lượng sản phẩm thực phẩm	4	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Chuyên cần 20% A1.2 Bài kiểm tra 20

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Kỹ năng lấy mẫu, phân tích, xử lý số liệu trong phân tích trong phân tích thực phẩm - Ý thức tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, rèn luyện tính cẩn thận trong công việc			chương 1,2: 80% Điểm số 2 A1.3 Thái độ học tập 20% A1.4 Bài kiểm tra chương 3 80% Điểm số 3 A1.5 Bài thực Hành 20% A1.6 Báo cáo thực hành 80% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Thực hành, trọng số 60%

4. Khóa 13

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Triết học Mác – Lê nin	- Kiến thức khái quát về triết học và kiến thức cơ bản, hệ thống về Triết học Mác - Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử - Một số kiến thức thực tiễn từ sự vận dụng lý luận Triết học Mác - Lênin - Kỹ năng tư duy logic và khoa học theo thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng trong nhận định, đánh giá và giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực tiễn - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm - Giá trị lý luận và thực tiễn của triết học Mác-Lênin, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác-Lênin	3	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài kiểm tra 60% A1.2 Bài tập cá nhân 20% A1.3 Bài tập nhóm 20% Điểm số 2 A1.4 Chuyên cần 30% A1.5 Thảo luận, phát biểu 50% A1.6 Thái độ học tập 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận, trọng số 60%
2.	Tiếng Anh 1	Kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ sơ cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến	3	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài ki nghiệmểm tra số 1- Trắc 100%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thức nền về các vấn đề chung trong xã hội Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ sơ cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			Điểm số 2 A1.2 Bài tập 20% A1.3 Thái độ học tập 20% A1.4 Bài kiểm tra số 2 - Vấn đáp 60% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Trắc nghiệm và vấn đáp A2.1 Bài thi trắc nghiệm 50% A2.2 Thi vấn đáp 50%
3.	Pháp luật đại cương	Những kiến thức về: nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; trách nhiệm pháp lý; nội dung cơ bản của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật phòng chống tham nhũng. Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; Kỹ năng so sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung và nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; Kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế. Năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. Xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.	2	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài kiểm tra 70% A1.2 Bài tập 30% Điểm số 2 A1.3 Thảo luận 40% A1.4 Chuyên cần 40% A1.5 Thái độ học tập 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Trắc nghiệm, trọng số 60%
4.	Toán cao cấp	Khối kiến thức Toán cơ bản về về đại số tuyến tính, giải tích toán học. Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản giải được các bài tập về đại số tuyến tính, giải tích toán học và và áp dụng kiến thức cơ bản vào các lĩnh vực khoa học khác. Nhận thức được tầm quan trọng	3	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài tập 50% A1.2 Thái độ học 20 tập 50% Điểm số 2

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			A1.3 Bài kiểm tra 1: 50% A1.4 Bài kiểm tra 20 2: 50% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận, trọng số 60%
5.	Hóa học đại cương	Phát biểu được các khái niệm cơ bản về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học, đồng thời trình bày được các công thức, các đại lượng quan trọng trong nội dung kiến thức của từng chương. Vận dụng được các kiến thức lý thuyết về Hóa học đại cương vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên sẽ được đào tạo. Áp dụng được những kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các dạng bài tập trong nội dung học phần. Vận dụng được kiến thức đã học để giải thích các hoạt động thực tiễn có liên quan đến hoá học.	2	1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài chuẩn bị 50% A1.2 Chuyên cần 50% Điểm số 2 A1.3 Bài tập 30% A1.4 Bài kiểm tra 70% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận, trọng só 60%
6.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	- Những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - Những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. - Kỹ năng trình bày, phân tích, tổng hợp, những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lê nin trong hoạt động thực tiễn. - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm - Năng lực tích lũy kiến thức và nghiên cứu độc lập, đánh giá và nhận diện bản chất các vấn đề cơ bản của kinh tế chính trị Mác- Lê Nin trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay. - Lập trường tư tưởng vững vàng, niềm tin vào đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.	2	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài kiểm tra 60% A1.2 Bài tập cá nhân 20% A1.3 Bài tập nhóm 20% Điểm số 2 A1.4 Chuyên cần 30% A.1.5 Thảo luận, phát biểu 50% A1.6 Thái độ học tập 20% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận, trọng số 60%
7.	Tiếng Anh 2	Về kiến thức: Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ tiền trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội.	2	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài ki Trắc nghi ểm tra s ệm ố 1- 100% Điểm số 2

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Về kĩ năng: Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			A1.2 Bài tập 20% A1.3 Thái độ học tập 20% A1.4 Bài kiểm tra số 2 - Vấn đáp 60% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Trắc nghiệm + Vấn đáp A2.1 Bài thi trắc nghiệm 50% A2.2 Bài thi vấn đáp 50%
8.	Tin học đại cương	Các kiến thức chung về tin học và công nghệ thông tin Cách giao tiếp với hệ điều hành Windows Cách sử dụng các ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel, MS Powerpoint	2	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài kiểm tra 40% A1.2 Bài tập 40% A1.3 Chuyên cần 20% Điểm số 2 A1.4 Báo cáo 50% A1.5 Bài thực hành 50% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Thực hành trên máy, trọng số 60%
9.	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	Kiến thức về chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của ngành Đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm, các vị trí công tác của cử nhân Đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm. Các loại kỹ năng để phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực Đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm Kỹ năng phát triển bản thân, phát triển nghề nghiệp như kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo,… Nhận thức đúng đắn về giá trị của việc rừng luyện các kỹ năng cần thiết để có thể phát triển được nghề nghiệp để có thể tự tin, chủ động trong học tập, rèn luyện để hoàn thiện kỹ năng và lập nghiệp sau khi ra trường.	3	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài kiểm tra 40% A1.2 Bài tập thảo luận 30% A1.3 Chuyên cần 30% Điểm số 2 A1.4 Bài kiểm tra 40% A1.5 Bài thảo luận 30% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận, trọng số 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10.	Vật lý đại cương	Khối kiến thức vật lý cơ bản về: đo lường; cơ học chất điểm; chuyển động của vũ trụ; nhiệt động lực học; điện – từ trường; dao động cơ và sóng điện từ; quang hình và quang lượng tử. Khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản đã học để làm bài tập về định tính, định lượng trong vật lý và áp dụng kiến thức cơ bản vật lý vào các lĩnh vực khoa học khác. Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1 A1.1 Bài kiểm tra số 1 100% Điểm số 2 A1.2 Bài tập 20% A1.3 Thái độ học tập 20% A1.4 Bài kiểm tra số 2 60% A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận, trọng số 60%

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_QTDL

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2023-2024
Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

1. Khóa 10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	*Về kiến thức:* Giải thích được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam Vận dụng được một số vấn đề lý luận của Chủ nghĩa xã hội khoa học vào thực tiễn Phân tích được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam Đánh giá được một số quan điểm hoặc tình huống cụ thể trong thực tiễn theo lý luận của Chủ nghĩa xã hội khoa học *Về kỹ năng:* Hình thành và phát triển kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, tự học, thuyết trình và phản biện. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm* Hình thành và củng cố niềm tin vào Chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; phát huy tinh thần yêu nước và trách nhiệm đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	2	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.
2	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	- *Về kiến thức:* hiểu được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu phục vụ quản lý và kinh doanh như: xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý và kinh	2	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		doanh. - *Về kỹ năng:* Rèn luyện kỹ năng xác định ý tưởng, thiết kế nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác thực hiện quá trình nghiên cứu, lựa chọn cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu, cũng như trình bày báo cáo khoa học hoàn chỉnh.Rèn luyện tư duy khoa học mang tính suy luận, logic trong thực hiện các đề tài nghiên cứu làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. Cơ sở áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh tế xã hội. - *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học một cách linh hoạt và sáng tạo trong nghiên cứu phục vụ phát triển, mở rộng quy mô doanh nghiệp, có khả năng cải tiến và cập nhật kiến thức mới trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong công việc, có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm , khả năng hoạch định, điều phối và tổ chức thực hiện; có năng lực đánh giá hiệu quả công việc và cải tiến các hoạt động chuyên môn.			
3	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	- *Về kiến thức*: người học hiểu được tổng quan về kinh doanh lữ hành và doanh nghiệp lữ hành; quản trị các hoạt động cung ứng; xây dựng chương trình du lịch, xúc tiến bán, thực hiện chương trình du lịch và quản trị chất lượng sản phẩm du lịch của doanh nghiệp lữ hành. Từ đó áp dụng vào thực tiễn nghề nghiệp sau này. - *Về kỹ năng*: + *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những hoạt động tác nghiệp chủ yếu trong kinh doanh lữ hành và những quá trình quản trị các hoạt động đó trong các doanh nghiệp lữ hành. + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Sinh viên sau khi học xong học phần này thì có thể vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế hoạt động nghề nghiệp trong tương lai. + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thực hành rèn	3	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ các hoạt động tác nghiệp và quản trị tác nghiệp trong doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, tư duy và vận dụng một cách linh hoạt và hiệu quả các kiến thức này trong thực tế. - *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm* Rèn luyện sự cần cù, khả năng phân tích logic, tính chăm chỉ, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, sáng tạo trong vận dụng kiến thức môn học vào điều kiện thực tiễn.			
4	Kỹ năng phát triển nghề du lịch	- *Về kiến thức*: người học biết áp dụng các kỹ năng vào thực tế nghề nghiệp, bao gồm: kỹ năng đàm phán và thương lượng, kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc, kỹ năng xử lý tình huống và kĩ năng của một số vị trí cụ thể trong ngành du lịch. - *Về kỹ năng*: + *Kỹ năng nhận thức:* Sau khi học xong sinh viên nắm bắt được các nội dung cơ bản của kỹ năng phát triển nghề nghiệp. + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Áp dụng các kiến thức đã học vào công tác sau khi ra trường. + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn. + Ý thức được tầm quan trọng của rèn luyện các kỹ năng nghề du lịch để nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn.	2	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
5	Thiết kế và Quản lý điều hành chương trình du lịch	- *Về kiến thức*: người học hiêu về chương trình du lịch và quản lý điều hành chương trình du lịch; biết xây dựng chương trình du lịch, xác định giá thành và giá bán chương trình du lịch; tổ chức thực hiện và điều hành chương trình du lịch; quản lý chất lượng chương trình du lịch. - *Về kỹ năng*: + *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản của việc thiết kế và quản lý điều hành chương trình du lịch cũng như nắm vững các quy trình thiết kế chương trình du lịch, quy trình điều hành một chương trình du lịch. + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Áp dụng các lý thuyết đã được học vào thực tế và có thể tự vận dụng để thiết kế và quản lý điều hành một chương trình du lịch. + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kĩ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác. + *Kỹ năng tư duy:* Từ những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn. + Ý thức được tầm quan trọng của việc thiết kế và quản lý điều hành chương trình du lịch cũng như nắm vững các quy trình thiết kế chương trình du lịch, quy trình điều hành một chương trình du lịch.	3	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.
6	Hướng dẫn du lịch	- *Về kiến thức*: người học hiêu được những kiến thức cơ bản về nghề hướng dẫn viên du lịch, các yếu tố khách quan tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch, quy trình tổ chức hoạt	3	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động hướng dẫn du lịch và một số nghiệp vụ hướng dẫn tham quan du lịch. Từ đó, người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai. - *Về kỹ năng*: + *Kỹ năng nhận thức:* Hiểu được những vấn đề cơ bản của hoạt động hướng dẫn du lịch. + *Kỹ năng nghề nghiệp:* Vận dụng các nghiệp vụ hướng dẫn du lịch sinh thái để phát triển các kỹ năng tổ chức và hướng dẫn một chương trình du lịch, từ đó có cách ứng xử hợp lý làm hài lòng và lôi cuốn khách du lịch trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + *Kỹ năng làm việc với nhóm:* Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kĩ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác. + *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn. + Ý thức được tầm quan trọng của các kỹ năng tổ chức và hướng dẫn một chương trình du lịch và các ứng xử hợp lý làm hài lòng và lôi cuốn khách du lịch trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.			- Hình thức thi: Tự luận.
7	Thực tập lữ hành	- *Về kiến thức:* + Trình bày được mô hình cơ cấu tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ lữ hành.; + Đánh giá được quy trình hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ lữ hành. - *Về kỹ năng:*	4	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 50%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 50%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Kĩ năng nghề nghiệp: Sử dụng thành thạo các kiến thức chuyên ngành đã học về hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh dịch vụ lữ hành; + Kĩ năng tư duy: Các kiến thức đã học trong chuyên ngành, sinh viên có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. *- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về công tác lữ hành; + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về lữ hành; + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ lữ hành trong công tác quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; + Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về lữ hành trong công tác quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành ; + Ý thức được tầm quan trọng của các hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và lữ hành. + Đúng đắn, nghiêm túc, yêu thích học phần.			Hình thức thi: Nộp báo cáo
8	Thực tập tốt nghiệp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: *- Về kiến thức:* + Hiểu và củng cố hóa được kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên môn ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành + Tiếp cận và mô tả được công tác Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành tại các doanh nghiệp, tổ chức thông qua các kênh tìm kiếm thông tin như internet, thông tin thu thập từ doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước,... + Phân tích và đánh giá được tình hình quản lý, quản trị và các	6	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá của Cơ sở hướng dẫn thực tập: Trọng số 50% - Điểm đánh giá của Trường: Trọng số 50%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nội dung khác trong các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ du lịch và lữ hành; + Vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế để đưa ra được các quyết định quản trị trong lĩnh vực dịch vụ, du lịch và lữ hành; - *Về kỹ năng:* + Sinh viên củng cố kiến thức chuyên ngành thông qua việc tiếp cận, tìm hiểu thực tiễn của ngành và chuyên ngành đào tạo tại doanh nghiệp, tổ chức; + Sinh viên vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và xử lý các vấn đề cụ thể thuộc chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành tại doanh nghiệp, tổ chức thực tập; + Phát triển khả năng phát hiện vấn đề từ thực tế kinh doanh của danh nghiệp, tổ chức thực tập cần nghiên cứu để đề xuất nội dung viết khóa luận tốt nghiệp đối với những sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận). + Tìm hiểu yêu cầu và môi trường làm việc trong lĩnh vực thực tập để chủ động thích nghi trong công việc thực tiễn; + Rèn luyện kĩ năng giao tiếp với khách hàng, với đồng nghiệp, xử lý các vấn đề thực tiễn phát sinh trong các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, tổ chức. + Củng cố kĩ năng thực hành cũng như phương pháp học tập, nghiên cứu cho sinh viên nhằm mục đ ch đạt chuẩn chất lượng trong đào tạo và đáp ứng yêu cầu của xã hội. + Rèn luyện tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm trong công việc. - *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ và có khả năng tự định hướng và sáng tạo trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, công việc liên quan đến công tác quản trị trong lĩnh vực dịch vụ, du lịch và lữ hành; + Thích nghi với môi trường làm việc khác nhau: cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức…			

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Tự học tập, tích lũy kiến thức để nâng cao trình độ về quản trị trong lĩnh vực dịch vụ, du lịch và lữ hành; + Biết cách lập kế hoạch thực tập, đánh giá các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong quá trình thực tập.			
9	Khóa luận tốt nghiệp	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt đoợc các mục tiêu sau: - *Về kiến thức:* + Nhận diện và khái quát hóa được kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; + Xây dựng, lập được kế hoạch thu thập và phân tích, xử lý tài liệu, số liệu tại các doanh nghiệp, tổ chức dịch vụ du lịch và lữ hành. - *Về kỹ năng:* + Có khả năng vận dụng các kiến thức nghề nghiệp, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế về quản trị dịch vụ du lịch và khách sạn tại doanh nghiệp, tổ chức và tổng hợp viết báo cáo; + Thu thập được các tài liệu, số liệu phục vụ cho quá trình thực tập và viết báo cáo đồ án tốt nghiệp tại địa bàn thực tập, trên mạng internet, ... + Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm để giải quyết các vấn đề về chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng giao tiếp cộng đồng, ứng xử giao tiếp trong quá trình thực tập tại doanh nghiệp, tổ chức; + Phân tích, hệ thống hóa dữ liệu, so sánh và lập được các bảng, biểu đồ tổng hợp số liệu đánh giá; + Thực hiện được việc đánh giá tổng hợp về tình hình nghiên cứu cụ thể tại doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu, biết liên hệ, cho ý kiến và viết được khóa luận tốt nghiệp. - *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành nói chung và các chuyên môn như nghiệp vụ về hướng dẫn du lịch, quá trình điều hành và quản lý tour du lịch, thiết kế tour, thiết kế và	6	Học kỳ 2	Điểm đánh giá khóa luận theo Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quản trị sự kiện du lịch, PR và truyền thông cho sự kiện…; + Có khả năng tự định hướng và sáng tạo trong quá trình thu thập, tổng hợp, phân tích, xử ý số liệu, tài liệu; thích nghi với môi trường làm việc khác nhau: tạicác doanh nghiệp, tổ chức du lịch và lữ hành, các khách sạn và dịch vụ du lịch… + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn về quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; + Có khả năng đưa ra một số kết luận liên quan đến các hoạt động quản lý của doanh nghiệp, tổ chức về dịch vụ du lịch và lữ hành; + Có năng lực lập kế hoạch để thực hiện các hoạt động chuyên môn trong quá trình thực tập, thu thập tài liệu, số liệu và quá trình tổng hợp viết khóa luận, thuyết trình bảo vệ khóa luận tốt nghiệp			

2. Khóa 11

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Về kiến thức: + Trình bày được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan. + Phân tích được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập đến nay và gắn với thực tiễn một số vấn đề hiện nay. Về kỹ năng: + Hình thành kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy khoa học về lịch sử và khả năng đấu tranh, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng. + Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu, phát triển bền vững... theo chủ trương của Đảng *CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; Hành động có trách nhiệm để bảo vệ Đảng, bảo vệ	2	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thành quả cách mạng. + Nhận thức và hành động đúng trong học tập và rèn luyện, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc			
2	Quản trị chất lượng du lịch	Về kiến thức: + Trình bày được những khái niệm, đặc điểm và các yếu tố cấu thành nên dịch vụ du lịch. + Giải thích được một số vấn đề quản trị chất lượng dịch vụ du lịch. + Phân tích được chức năng, chu trình quản trị chất lượng dịch vụ du lịch + Tổng hợp các phương pháp đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch. + Trình bày được nội dung đảm bảo; cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch; các tiêu chuẩn dịch vụ du lịch; + Phân tích được các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch + Nhận diện các hệ thống quản trị chất lượng ISO 9000:2000; ISO 2000:2005; quản trị chất lượng đồng bộ (TQM). + Phân tích bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam. + Đề xuất cách thức áp dụng các hệ thống quản trị chất lượng ISO 9000:2000; ISO 22000:2005; quản trị chất lượng đồng bộ (TQM) vào thực tiễn. Về kỹ năng + Nắm vững các hệ thống quản trị chất lượng ISO 9000:2000; ISO 22000:2005; quản trị chất lượng đồng bộ (TQM). Thực hành áp dụng các hệ thống quản trị chất lượng ISO 9000:2000; ISO 22000:2005; quản trị chất lượng đồng bộ (TQM) vào thực tiễn. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.	2	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Quản trị lễ tân	Về kiến thức: + Trình bày khái quát về bộ phận lễ tân; quản trị lễ tân; phân loại khách. + Phân tích mối quan hệ của bộ phận lễ tân với các bộ phận khác. + Đề xuất bố trí mặt bằng và quản trị trang thiết bị tại bộ phận lễ tân. + Khái quát hóa trang bị phòng lễ tân. + Hệ thống hóa quản trị nhân sự tại bộ phận lễ tân. + Đề xuất tổ chức đón tiếp khách. + Khái quát hóa quản trị nâng cao hiệu quả hoạt động lễ tân. + Hệ thống hóa quản trị quy trình đặt buồng khách sạn; quy trình đăng ký khách sạn; quy trình phục vụ khách trong thời gian lưu trú; quy trình trả buồng khách sạn. + Đề xuất các chỉ tiêu dùng để đánh giá hiệu quả hoạt động của bộ phận lễ tân. Về kỹ năng + Sử dụng các kiến thức trong học phần để quản trị các hoạt động cơ bản của bộ phận lễ tân cho phù hợp với đặc thù khách sạn. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm* + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.	2	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.
4	Thực tập nghề nghiệp 2	Về kiến thức: + Trình bày được khái niệm, đặc điểm của đơn vị thực tập là cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác. + Mô tả được chức năng và nhiệm vụ của đơn vị thực tập là cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác. + Giải thích được cơ cấu tổ chức bộ máy và quản lý của đơn	5	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 50%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 50% Hình thức thi: Nộp báo cáo

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vị thực tập là cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác. + Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế hoạt động trong các cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác. Về kỹ năng: + Thực hiện được các hoạt động nghiệp vụ được giao tại các cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác. *về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Thể hiện được khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. + Lĩnh hội được kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ + Tuân thủ theo các hướng dẫn, nguyên tắc của giảng viên, các chuyên gia; Có ý thức chấp hành các quy định, nội quy tại các cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác.			
4	Quản trị nguồn nhân lực	Khái quát được khái niệm cơ bản về quản trị nhân lực bao gồm các công việc: Phân tích công việc, hoạch định nguồn nhân lực, lập kế hoạch hóa nguồn nhân lực, quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực, các phương pháp đánh giá nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, các hình thức trả lương và hợp đồng với người lao động. Phân tích được thực trạng nhân lực tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực, các phương pháp đánh giá nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, các hình thức trả lương Tổng hợp các phương pháp tạo động lực lao động, kiểm soát nhân lực tối ưu Về kỹ năng: Thành thạo trong việc thực hành các bài tập tính toán về quản trị nhân lực, tính toán và trả lương cho người lao động.	3	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sử dụng các kiến thức vào hoạt động quản trị nhân lực thực tiễn, nhằm thúc góp phần thúc đẩy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tăng doanh thu, đạt được lợi nhuận cao hơn. Về *năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Tập trung lắng nghe trên lớp, tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. Đề xuất công tác quản trị nhân lực vào công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn			
5	Văn hóa ẩm thực	Về kiến thức: + Khái quát hóa được những vấn đề cơ bản về văn hóa ẩm thực; tập quán và khẩu vị ăn uống; ẩm thực trong xu hướng hội nhập. + Nhận diện ẩm thực nhìn từ các góc độ văn hóa, xã hội, y tế và kinh tế dịch vụ du lịch. + Phân tích biểu hiện của văn hóa ẩm thực qua góc độ vật chất và tinh thần. + Hệ thống hóa các yếu tố ảnh hưởng tới văn hóa ẩm thực; các yếu tố ảnh hưởng đến tập quán và khẩu vị ăn uống. + Tổng hợp tập quán và khẩu vị ăn uống theo tôn giáo + Khái quát hóa vấn đề về tập quán và khẩu vị ăn uống chung của khu vực Châu Âu và Châu Mỹ. + Phân tích văn hóa ẩm thực của một số quốc gia trong khu vực Châu Âu – Mỹ có ảnh hưởng quan trọng với du lịch Việt Nam. + Thiết kế thực đơn và sắp xếp bàn ăn cho khách du lịch khu vực Châu Âu – Mỹ + Khái quát hóa vấn đề về tập quán và khẩu vị ăn uống chung của khu vực Châu Á; khái quát về Việt Nam. + Phân tích văn hóa ẩm thực của một số quốc gia trong khu vực Châu Á có ảnh hưởng quan trọng với du lịch Việt Nam; văn hóa ẩm thực Việt Nam truyền thống. + Thiết kế thực đơn và sắp xếp bàn ăn cho khách du lịch khu	3	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vực Châu Á. Về kỹ năng: + Sử dụng các kiến thức trong học phần để xây dựng thực đơn và sắp xếp bàn ăn cho phù hợp với từng đối tượng khách du lịch. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.			
6	Khởi sự kinh doanh	MT1 Trình bày được các vấn đề căn bản về khởi sự, tái lập và phát triển một doanh nghiệp mới và các vấn đề cơ bản trong khởi sự kinh doanh. MT2 Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn về khởi sự và tái lập kinh doanh, xây dựng mô hình kinh doanh. MT3 - Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. - Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
7	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	MT1 - Những kiến thức cơ bản về kỹ năng phát triển nghề nghiệp, một số kỹ năng phát triển nghề nghiệp cơ bản gồm: kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc, kỹ năng tìm kiếm việc làm. MT2 - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để có thể giao tiếp và làm việc nhóm, quản lý thời gian và tổ chức công việc, tìm kiếm việc làm. Đồng thời phát triển tư duy sáng tạo để xử lý tình huống nhằm phát triển nghề nghiệp trong tương lai.	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3 - Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. - Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.			
8	Marketing du lịch	MT1 - Hiểu được những kiến thức cơ bản về quy trình quản trị marketing cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch cũng như các nội dung cơ bản của các chiến lược marketing hỗn hợp (chiến lược sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến) trong du lịch. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai MT2 - Hiểu được những vấn đề cơ bản về marketing du lịch - Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể nắm được những kiến thức cơ bản về marketing du lịch, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động marketing của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch - Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể ghi nhớ được kiến thức môn học cũng như khả năng thuyết trình, thảo luận, và hợp tác với thành viên với nhau - Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. MT3 - Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản - Ý thức được tầm quan trọng của hoạt động marketing du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn	3	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
9	Quản trị sự kiện	Về kiến thức: + Khái quát hóa được những vấn đề cơ bản về sự kiện, quản trị sự kiện, ngành công nghiệp sự kiện; kế hoạch tổ chức sự	3	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiện. + Phân tích được một số yêu cầu cơ bản và quy trình chung khi lập kế hoạch tổ chức sự kiện. + Hệ thống hóa các hoạt động trong sự kiện. + Tổng hợp quá trình lập kế hoạch tổ chức sự kiện + Trình bày được những vấn đề pháp lý của quản trị sự kiện; khái niệm và vai trò của truyền thông marketing sự kiện. + Phân tích các công cụ truyền thông marketing sự kiện. + Tổng hợp nội dung truyền thông marketing sự kiện. + Khái quát hóa được những vấn đề về quản trị hậu cần cho sự kiện; chuẩn bị hậu cần sự kiện; tổ chức triển khai hoạt động của sự kiện. + Nhận diện các sự cố trong sự kiện, dự tính và xử lý các sự cố trong sự kiện. + Hệ thống hóa quy trình chung trong quản trị hậu cần cho sự kiện. + Đánh giá hoạt động tổ chức sự kiện; hoạt động sau sự kiện và những tình huống. + Thiết kế tổ chức một số loại hình sự kiện. Về kỹ năng + Xây dựng kế hoạch, tổ chức sự kiện Sử dụng các kiến thức trong học phần để tổ chức và quản lý một số loại hình sự kiện cho phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.			- Hình thức thi: Tự luận.
10	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú	MT1 Tổng qua các vấn đề căn bản như: điều kiện, thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và người nước ngoài tại Việt Nam, vấn đề thị thực đối với khách du lịch, hệ thống	3	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cơ sở lưu trú du lịch cơ bản và các nội dung cơ bản trong quá trình kinh doanh sản phẩm lưu trú. MT2 Nắm vững các quy trình thủ tục xuất nhập cảnh và lưu trú từ đó áp dụng giải quyết các tình huống trong thực tế nghề nghiệp. MT3 Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận. Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.			60% Hình thức thi: Tự luận.
11	Quản trị điểm đến du lịch	MT1 Những kiến thức cơ bản về quản trị điểm đến du lịch; hoạch định kế hoạch điểm đến du lịch; marketing điểm đến du lịch; quản trị chất lượng điểm đến du lịch, ứng dụng quản lý điểm đến tại một số điểm đến thực tế. MT2 Có kỹ năng nắm vững các yếu tố cấu thành điểm đến du lịch. Xây dựng kế hoạch hành động phát triển du lịch đối với một điểm đến du lịch cụ thể. MT3 - Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. - Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
12	Đạo đức nghề nghiệp	MT1 Những kiến thức tổng quan về đạo đức; đạo đức nghề nghiệp; đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh du lịch, các quy tắc ứng xử về đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh du lịch toàn cầu và trong nước. MT2 Có kỹ năng giao tiếp và ứng xử hiệu quả với khách du lịch.	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3 - Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. - Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.			
13	Thực tập nghề nghiệp 3	MT1 - Những khái niệm, đặc điểm của đơn vị thực tập là doanh nghiệp kinh doanh lữ hành; khu, điểm du lịch; cơ quan quản lý nhà nước về du lịch; cơ sở kinh doanh lưu trú; cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác. - Quá trình hình thành và phát triển của đơn vị thực tập là doanh nghiệp kinh doanh lữ hành; khu, điểm du lịch; cơ quan quản lý nhà nước về du lịch; cơ sở kinh doanh lưu trú; cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác. MT2 - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. MT3 - Có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. - Lĩnh hội được kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. - Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội, tuân theo quy định của pháp luật.	5	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 50%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 50% Hình thức thi: Nộp báo cáo

3. Khóa 12

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	*Về kiến thức:* + Giải thích được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam	2	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Vận dụng được một số vấn đề lý luận của Chủ nghĩa xã hội khoa học vào thực tiễn + Phân tích được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam + Đánh giá được một số quan điểm hoặc tình huống cụ thể trong thực tiễn theo lý luận của Chủ nghĩa xã hội khoa học *Về kỹ năng:* + Hình thành và phát triển kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, tự học, thuyết trình và phản biện. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm* + Hình thành và củng cố niềm tin vào Chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; phát huy tinh thần yêu nước và trách nhiệm đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.			
2	Tiếng Anh 3	**Về kiến thức:** **Từ vựng** - Liệt kê được các từ vựng liên quan đến cuộc sống giữa quá khứ và hiện tại, sức khỏe, tai nạn, các danh từ chỉ vật thể thiết yếu, hàng ngày, các tính từ chỉ tính cách con người, danh từ chỉ nghề nghiệp, các mệnh giá tiền tệ trên thế giới - Phân biệt thì quá khứ đơn với quá khứ hoàn thành, hiện tại hoàn thành với hiện tại hoàn thành tiếp diễn Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng. **Ngữ pháp** - Gọi tên được các danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ và giới từ. - Giải thích được cách sử dụng của cấu trúc USED TO, thì quá khứ hoàn thành và hiện tại hoàn thành, thể bị động của thì Hiện tại đơn và quá khứ đơn. Áp dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn văn và làm bài tập *Về kỹ năng*	2	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Kỹ năng đọc - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu. - Áp dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc ngữ pháp đã biết để hiểu nội dung của bài đọc. - Nắm vững các kỹ năng đọc để hiểu rõ hơn nội dung bài đọc. Kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết. **Kỹ năng nghe** - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nghe và làm bài tập. - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài. - Nắm vững các kỹ năng nghe để nghe hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn. Kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết. **Kỹ năng viết** - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép. - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập câu. - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu. Kết hợp các câu văn để thành lập đoạn văn, bài văn theo chủ đề. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. - Tham gia tích cực vào các hoạt động GV giao trên lớp. - Chia sẻ kiến thức và ý kiến với GV và các SV khác. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.			
3	Pháp luật đại cương	Về kiến thức: Khái quát hóa được những vấn đề nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính và hình thức của pháp luật; về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý; những	2	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và Pháp luật về phòng chống tham nhũng. Áp dụng kiến thức đã học đã học để: - Xác định nguồn gốc, bản chất, chức năng, kiểu, hình thức, bộ máy Nhà nước và hệ thống pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam. - Phân biệt được các ngành luật khác nhau trong hệ thống pháp luật Việt Nam. - Giải quyết bài tập tình huống pháp luật. Về kỹ năng: Thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong các lĩnh vực đời sống xã hội *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Chủ động trong tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập khi thảo luận, giải quyết tình huống pháp luật Tôn trọng pháp luật, thực hành sống, học tập và làm việc theo pháp luật.			
4	Tin học đại cương	Về kiến thức: + Trình bày được những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin + Áp dụng được các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng + Nhận diện được các thiết bị của máy tính và các thiết bị mạng Về kỹ năng: + Vận dụng được các kỹ năng cơ bản về cách sử dụng các ứng dụng của công nghệ thông như: hệ điều hành, mạng máy tính và Internet + Vận dụng được các kỹ năng cơ bản về cách sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng như MS Word, MS Excel, MS Powerpoint,... *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Có tinh thần học tập chăm chỉ, tích cực tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành	2	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Hoàn thành các bài tập về nhà, nâng cao tính tích cực trong việc học và tự học.			
5	Toán kinh tế	Về kiến thức: - Trình bày được các khái niệm, tính chất cơ bản trong Toán kinh tế. - Nhận diện được các biểu thức, công thức trong Toán kinh tế Về kỹ năng: - Làm theo hướng dẫn của GV để làm bài tập - Sử dụng kiến thức đã học để giải được các bài tập về đại số và giải tích - Nắm vững kiến thức Toán cao cấp để áp dụng trong các chuyên ngành khác Về *năng lực tự chủ và trách nhiệm:* - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học và tích cực tham gia vào các hoạt động GV giao. Chia sẻ ý kiến, quan điểm, kiến thức với GV và các SV khác. - Tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học về Toán kinh tế vào các lĩnh vực chuyên môn.	2	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.
6	Tài chính - Tiền tệ	Về kiến thức: + Hiểu được những vấn đề cơ bản về Tài chính Tiền tệ: Nguồn gốc, chức năng của tiền tệ, khái niệm, chức năng tài chính, cấu trúc hệ thống tài chính, ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, sự hình thành và cấu trúc thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian và hệ thống Ngân hàng Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ, từ đó đánh giá sự tác động của thị trường tài chính đối với nền kinh tế + Vận dụng được những kiến thức đã học để tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho các chủ thể trong nền kinh tế, dự báo ảnh hưởng của sự biến động thị trường tài chính. Về kỹ năng + Thực hiện được tìm kiếm các văn bản, tài liệu, điều luật trong lĩnh vực tài chính tiền tệ vào giải quyết công việc hiệu quả, đúng pháp luật	2	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Kết hợp các kỹ năng lập luận, đánh giá các vấn đề cơ bản chung về tài chính tiền tệ, đề xuất các giải pháp tài chính phù hợp cho các chủ thể trong nền kinh tế. + Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, quản lý công việc. Về *năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Tự chủ, độc lập làm việc trong tổ chức. + Hành động có trách nhiệm với tổ chức và xã hội + Học tập lên trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý			
7	Điểm đến du lịch	Về kiến thức: Trình bày được tổng quan về điểm đến du lịch: lịch sử hình thành điểm đến du lịch, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu điểm đến du lịch Nhận định và đánh giá được ảnh hưởng của các yếu tố đến sự hình thành và thành và phát triển của điểm đến du lịch gồm có yếu tố về tài nguyên du lịch; yếu tố về kinh tế, xã hội, chính trị; yếu tố về cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật Phân tích được những vấn đề cơ bản về tổ chức lãnh thổ du lịch gồm một số khái niệm, hệ thống phân vị trong phân vùng du lịch. So sánh được một số phương pháp phân vùng du lịch Khái quát được các đặc điểm chung của một số tổ chức lãnh thổ du lịch trên thế giới và tại Việt Nam. So sánh được các đặc điểm giữa các tổ chức lãnh thổ du lịch trên thế giới Đánh giá được đặc điểm của các vùng du lịch, tiểu vùng du lịch tại Việt Nam Về kỹ năng: Sử dụng các dữ liệu được cung cấp tại các tổ chức lãnh thổ, các vùng du lịch, tiểu vùng du lịch làm nền tảng kiến thức cho hoạt động hướng dẫn du lịch, thiết kế chương trình du lịch trong tương lai. *về năng lực tự chủ và trách nhiệm*	3	Học kỳ 1 năm học 2023-2024	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận			
8	Quản trị doanh nghiệp du lịch	+ Trình bày và phân tích được lịch sử hình thành và phát triển của kinh doanh du lịch; khái niệm doanh nghiệp du lịch. + Khái quát hóa được một số vấn đề về quản trị doanh nghiệp du lịch + Trình bày được khái niệm và vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong kinh doanh du lịch; + Phân tích được các nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến quản trị nhân lực của doanh nghiệp du lịch; + Đánh giá hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong kinh doanh du lịch; + Khái quát được marketing trong kinh doanh du lịch; + Phân tích môi trường marketing của doanh nghiệp du lịch; + Đánh giá hoạt động quản trị marketing trong kinh doanh du lịch + Trình bày khái quát các vấn đề về quản trị chiến lược, tài chính và chất lượng dịch vụ du lịch trong doanh nghiệp du lịch; + Phân tích được nội dung về quản trị chiến lược, tài chính và chất lượng dịch vụ du lịch trong doanh nghiệp du lịch; + Đánh giá được hoạt động quản trị chiến lược, tài chính và chất lượng dịch vụ du lịch trong doanh nghiệp du lịch. Về kỹ năng + Nắm vững các nội dung về quản trị nhân sự, quản trị marketing, quản trị chiến lược, quản trị tài chính, quản trị chất lượng dịch vụ du lịch. + Thực hiện các hoạt động quản trị tại các doanh nghiệp du lịch Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây	3	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận			
9	Tham quan nhận thức 2	Về kiến thức: + Trình bày được khái niệm, đặc điểm của tuyến điểm du lịch, doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, các khu, điểm du lịch + Tóm tắt được việc tổ chức hoạt động trong các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, các khu, điểm du lịch về kỹ năng: + Sử dụng kỹ năng quan sát bước đầu tìm hiểu thực tế, thu thập thông tin du lịch, tư liệu du lịch trên thực tế *về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Quan sát, lắng nghe, lĩnh hội kiến thức được tiếp cận Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội, tuân theo quy định của pháp luật	1	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 50%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 50% Hình thức thi: Nộp báo cáo
10	Tư tưởng Hồ Chí Minh	MT1 Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong thực tiễn. MT2 Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; Tư duy lý luận, phản biện. MT3 Bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước; Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
11	Nguyên lý kế toán	MT1 - Những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguyên tắc, đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán - Những kiến thức cơ bản về kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu theo chế độ kế toán hiện hành - Những kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán MT 2	3	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có kỹ năng về tính giá các đối tượng kế toán, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi sổ kế toán - Có kỹ năng giao tiếp MT3 - Có năng lực tổ chức làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập - Có khả năng học tập, tích lũy kiến thức, tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành			
12	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	MT1 - Tổng quan về nghiên cứu khoa học và nghiên cứu khoa học trong kinh doanh - Phương pháp chọn mẫu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu nghiên cứu trong kinh doanh - Kiến thức trình bày báo cáo nghiên cứu MT2 - Kỹ thuật xây dựng thang đo, thiết kế bảng hỏi. - Kỹ thuật chọn mẫu, thu thập dữ liệu nghiên cứu. - Công cụ trình bày kết quả nghiên cứu. MT3 - Kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tổ chức hoạt động nhóm nghiên cứu. - Tinh thần trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu.	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
13	Quản lý nhà nước về du lịch	MT1 - Những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch, một số vấn đề quản lý hành chính nhà nước về du lịch; bộ máy quản lý nhà nước về du lịch; quản lý quy hoạch phát triển du lịch; quản lý khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch; quản lý kinh doanh du lịch; quản lý hướng dẫn du lịch; xúc tiến du lịch; hợp tác quốc tế về du lịch; thanh tra, kiểm tra du lịch MT2 - Nắm vững các hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực du	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lịch. MT3 - Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. - Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận			
14	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	MT1 Tổng quan về kinh doanh lữ hành và doanh nghiệp lữ hành; quản trị các hoạt động cung ứng; xây dựng chương trình du lịch, xúc tiến bán, thực hiện chương trình du lịch và quản trị chất lượng sản phẩm du lịch của doanh nghiệp lữ hành. MT2 Có kỹ năng quản trị những hoạt động tác nghiệp chủ yếu trong doanh nghiệp kinh doanh lữ hành. MT3 - Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. - Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.	3	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
15	Thực tập nghề nghiệp 1	MT1 - Những hiểu biết về các tuyến điểm du lịch, doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, khu, điểm du lịch, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch. - Những kiến thức về quy trình hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành; khu, điểm du lịch. - Những kiến thức về công tác quản lý, công tác nghiên cứu tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch. MT2 - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. MT3	4	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 50%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 50% Hình thức thi: Nộp báo cáo

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. - Lĩnh hội được kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. - Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội, tuân theo quy định của pháp luật.			
16	Tiếng anh chuyên nghành	MT1 Những kiến thức tổng quan về ngành, đặt chương trình, công tác hướng dẫn, khách sạn và đặt phòng, dịch vụ nhà hàng; MT2 Có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và xử lý tình huống bằng tiếng Anh chuyên ngành du lịch; MT3 Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận. Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.	3	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

4. Khóa 13

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác - Lênin	*về kiến thức:* + Giải thích được các vấn đề cơ bản của triết học và triết học Mác – Lênin bao gồm: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử + Phân tích được những nội dung cơ bản của của triết học và triết học Mác – Lênin bao gồm: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử + Vận dụng được những vấn đề lý luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử vào thực tiễn + Đánh giá về một số quan điểm hoặc tình huống cụ thể trong thực tiễn trên lập trường triết học Mác-Lênin *về kỹ năng:* + Hình thành kỹ năng tư duy khoa học, logic và biện chứng	3	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Cải thiện kỹ năng thuyết trình, phản biện, làm việc nhóm và tự học *về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Tích cực và chủ động trong lĩnh hội, bảo vệ những giá trị khoa học và cách mạng của Triết học Mác-Lênin; củng cố niềm tin vào đường lối lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; phát huy tinh thần yêu nước			
2	Tiếng Anh 1	*Về kiến thức* ***Từ vựng*** - Nhận diện được từ loại như danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, giới từ, từ để hỏi, các từ chỉ tên các nước và quốc tịch, động từ chỉ hoạt động hàng ngày, ngày tháng năm, thập kỷ và thế kỷ - Giải thích được khái niệm trạng từ tần suất, danh từ đếm được và danh từ không đếm được, Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng. ***Ngữ pháp*** - Nhận diện được các danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ và giới từ. - Phân biệt được cách sử dụng của các thì và cấu trúc câu ở mức độ sơ cấp. Vận dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn và làm bài tập *Về kỹ năng* ***Kỹ năng đọc:*** - Làm theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu. - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để hiểu nội dung của bài đọc - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc trong bài đọc. Phát triển nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết ***Kỹ năng nghe*** - Làm theo hướng dẫn của GV để nghe và làm bài tập.	3	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Vận dụng các động từ, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài. - Nắm vững các kỹ năng nghe để hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn. Phát triển nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết ***Kỹ năng viết*** - Làm theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép. - Sử dụng các từ vựng và cấu trúc để thành lập câu. - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu. Kết hợp các câu văn để thành lập đoạn văn ngắn theo chủ đề. ***Kỹ năng nói*** - Làm theo hướng dẫn của GV để giới thiệu bản thân và giao tiếp hàng ngày. - Sử dụng các từ vựng và cấu trúc để thành lập hội thoại ngắn. - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc khi thành lập câu, đoạn. Kết hợp các câu ngắn để thành lập 1 đoạn văn nói về chủ đề được giao trong bài. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học - Tích cực tham gia vào các hoạt động GV giao trên lớp - Chia sẻ ý kiến, quan điểm và kiến thức với GV và các SV khác. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau			
3	Kinh tế vi mô	*Về kiến thức:* + Tóm tắt và phân tích được các kiến thức tổng quan về kinh tế học, thị trường, cầu cung hàng hóa và giá cả, + Giải thích được hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng; phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hoá và thị trường các yếu tố sản xuất + Phân biệt được các thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo và nguyên tắc tối đa hóa lợi	3	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong các thị trường này + Phân tích được những thất bại vốn có của thị trường và vai trò Chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường *Về kỹ năng:* + Sử dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau. + Sử dụng các kiến thức về thị trường để phân tích, nhận định tình hình giá cả biến động trong từng thị trường trong một số tình huống thực tế đơn giản + Sử dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp + Hình thành, rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Đề xuất, duy trì tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, kết hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận			
4	Quản trị học	*về kiến thức:* + Trình bày được những vấn đề căn bản của quản trị bao gồm khái niệm, vai trò của: bản chất, chức năng, nhà quản trị, học thuyết quản trị, các chức năng quản trị + Vận dụng kiến thức về thông tin quản trị để đánh giá, tổng hợp các phương pháp thu thập thông tin phổ biến trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành + Vận dụng nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống. Liên hệ với thực tế quản trị trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành + Phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng từ môi trường đến hoạt động quản trị. *về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Tập trung lắng nghe trên lớp, tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản + Có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao	3	Học kỳ 1	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiến thức chuyên môn			
5	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MT1 - Những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - Những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. MT2 - Kỹ năng trình bày, phân tích, tổng hợp, những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lê nin trong hoạt động thực tiễn. - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm MT3 - Năng lực tích lũy kiến thức và nghiên cứu độc lập, đánh giá và nhận diện bản chất các vấn đề cơ bản của kinh tế chính trị Mác- Lê Nin trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay. - Lập trường tư tưởng vững vàng, niềm tin vào đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.	2	Học kỳ 2 năm học 2023-2024	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.
6	Tiếng Anh 2	MT1 Về kiến thức: Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ tiền trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. MT2 Về kĩ năng: Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. MT3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ	3	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm + Vấn đáp

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được gia			
7	Kinh tế vĩ mô	MT1 Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hạch toán thu nhập quốc dân, tăng trưởng kinh tế, tổng cầu và tổng cung, tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, lạm phát và thất nghiệp, kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở MT2 Kỹ năng nhận dạng, phân tích, tư duy, phán đoán logic, đánh giá được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế. MT3 Có khả năng làm việc khoa học, thu thập thông tin đầy đủ, phân tích, đánh giá trước khi ra quyết định. Rèn luyện tính cách thận trọng, phán đoán logic, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô phục vụ cho hoạt động kinh tế	3	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.
8	Kinh tế số	MT1 Kiến thức cơ bản về thị trường số và thương mại điện tử. Vận dụng kiến thức về kinh tế số để phân tích mô hình kinh doanh số và mô hình hóa thị trường số. MT2 Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phân tích tình huống, giải quyết những phát sinh trong việc ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực thanh toán MT3 Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập và công tác sau khi tốt nghiệ	2	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.
9	Tổng quan du lịch	MT1 Những kiến thức cơ bản về tổng quan du lịch; động cơ và loại hình du lịch; tính thời vụ trong du lịch; điểm đến du lịch, tác động của du lịch đến sự phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội, môi trường; quy hoạch và phát triển du lịch. MT2 Nắm vững động cơ của khách du lịch, thích ứng với tính thời vụ du lịch tại các điểm đến du lịch. Có kỹ năng vận dụng các kiến thức được cung cấp trong học phần để đưa ra các biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. MT3	3	Học kỳ 2	- Đánh giá quá trình 40% - Thi kết thúc học phần 60% - Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận. Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận			
10	Tham quan nhận thức 1	MT1 - Những kiến thức cơ bản nhất về tuyến điểm du lịch, doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, các khu, điểm du lịch. - Những kiến thức thực tế về việc tổ chức hoạt động trong các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành, các khu, điểm du lịch. MT2 - Có kỹ năng quan sát, tìm hiểu thực tế, thu thập thông tin du lịch, tư liệu du lịch trên thực tế. MT3 - Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức. - Tuân thủ theo các hướng dẫn, nguyên tắc của giảng viên, các chuyên gia; Có ý thức chấp hành các quy định, nội quy tại các doanh nghiệp lữ hành, các khu, các điểm du lịch	1	Học kỳ 2 năm học 2023-2024	- Đánh giá quá trình 50% - Thi kết thúc học phần 50% - Hình thức thi: Nộp báo cáo tham quan

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_QTKS

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2023-2024
Ngành Quản trị khách sạn

1. Khóa ĐH10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Quản trị chiến lược trong khách sạn	- Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề căn bản về các hoạt động quản trị chiến lược trong khách sạn, cụ thể như sau: Các khái niệm về chiến lươc, các mô hình chiến lược, xây dựng được chiến lược như phân tích các yếu tố môi trường, các quy trình đánh giá lựa chọn chiến lược, các loại hình chiến lược giúp sinh viên hiểu và có một tầm nhìn rộng về quản trị chiến lược trong khách sạn. 267 - Về kỹ năng: Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể phân tích, đánh giá linh hoạt trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.	3	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
2	Quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn	- Về kiến thức: trình bày, nhận diện được những kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn, hiểu được các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn và một số nội dung cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.	3	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Khái quát hóa được những vấn đề cơ bản của quản trị chất lượng du lịch. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng hệ thống kiến thức, người học có thể biết được những nội dung cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động quản trị chất lượng dịch vụ khách sạn của các doanh nghiệp kinh doanh khách sạn. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác trong công việc. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị chất lượng du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			Hình thức thi: Tự luận.
3	Quản trị kinh doanh khu nghỉ dưỡng	- Về kiến thức: trình bày được các khái niệm về khu nghỉ dưỡng, quản trị khu nghỉ dưỡng, nhận diện được các nội dung cơ bản của quản trị khu nghỉ dưỡng. Phân biệt được các loại cơ cấu tổ chức quản lý của khu nghỉ dưỡng. Xác định được nhu cầu và lập kế hoạch kinh doanh, quản trị hoạt động chào bán sản phẩm, tổ chức cung ứng và phục vụ khách hàng trong quản trị quá trình kinh doanh khu nghỉ dưỡng. Xây dựng được quá trình quản trị các nguồn lực kinh doanh chủ yếu của khu nghỉ dưỡng, quản lý môi trường tự nhiên, chất lượng và giá cả dịch vụ của khu nghỉ dưỡng. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: nhận định được các hoạt động quản trị	3	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khu nghỉ dưỡng. + Kỹ năng về nghề nghiệp: Áp dụng các lý thuyết đã được học vào trong thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch trong tương lai. + Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kĩ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kĩ năng giải quyết xung đột nhóm, kĩ năng giao tiếp nhóm, kĩ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng xác định vấn đề, từ đó phân tích và tổng hợp các thông tin bên trong và bên ngoài để tham gia tổ chức, bố trí và đưa ra các quyết định và hành động đúng đắn trong công tác quản trị khu nghỉ dưỡng. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, kiến thức về văn hóa ẩm thực của một số khu vực, quốc gia và tôn giáo tiêu biểu trên Thế giới + Có khả năng tự xác định mục tiêu công việc, đặc biệt trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch, có khả năng phối kết hợp với các thành viên trong nhóm và làm việc được trong nhiều môi trường khác nhau + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch.			
4	Quản trị sự kiện	- Về kiến thức: Sau khi nghiên cứu học phần quản trị sự kiện người học trình bày được những kiến thức cơ bản như các nội dung quản trị trong tổ chức sự kiện, chúng có mối quan hệ như thế nào đối với hoạt động du lịch. Ngoài ra, người học trình bày và vận dụng được các kiến thức trong quá trình tổ chức sự kiện như chuẩn bị chương trình, quản trị hậu cần, lập kế hoạch	3	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cho sự kiện, tổ chức điều hành các hoạt động của sự kiện. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Sau khi học xong sinh viên trình bày được các vấn đề cơ bản của hoạt động quản trị sự kiện. + Kỹ năng nghề nghiệp: Áp dụng các kiến thức đã học vào công tác quản lý trong lĩnh vực tổ chức chương trình sự kiện sau khi ra trường. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích được tổng hợp các vấn đề trong hoạt động quản trị sự kiện. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về quản trị sự kiện. + Có khả năng tự xác định mục tiêu công việc, đặc biệt trong công tác tổ chức sự kiện, có khả năng phối kết hợp với các thành viên trong nhóm và làm việc được trong nhiều môi trường khác nhau + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản trị sự kiện.			
5	Quản trị tài chính trong khách sạn	- Về kiến thức: Người học trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính trong khách sạn bao gồm: quản trị về vốn cố định, quản trị về vốn lưu động, các chỉ tiêu phân tích tình hình tài chính và hiệu quả kinh doanh khách sạn. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Giải thích được những vấn đề cơ bản về quản trị tài chính khách sạn; Xây dựng mối liên hệ giữa doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong quản trị khách sạn. + Kỹ năng nghề nghiệp: Phân tích được sự biến động tình hình tài chính khách sạn giúp người học có thể xây dựng và đưa ra	3	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quyết định tài chính để tối đa hóa lợi ích cho các chủ sỡ hữu. + Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng phân tích và tổng hợp các vấn đề về quản trị tài chính khách sạn. Từ đó đề xuất các giải pháp sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, tối đa hóa lợi ích cho các chủ sở hữu. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. + Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động tình hình tài chính trong khách sạn đến nền kinh tế.			
6	Đạo đức nghề trong kinh doanh khách sạn	- Về kiến thức: + Người học trình bày được khái niệm đạo đức kinh doanh, các vấn đề đạo đức trong kinh doanh; các triết lý đạo đức trong kinh doanh và các nghĩa vụ trong trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. + Phân tích được hành vi đạo đức trong kinh doanh khách sạn. Nhận diện các vấn đề đạo đức kinh doanh nói chung và lĩnh vực kinh doanh khách sạn nói riêng, từ đó vận dụng vào thực tế công việc sau này. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích đánh giá thực tiễn về các mối quan hệ đạo đức và các hình thái ý thức xã hội khác. Hình thành và phát triển kỹ năng vận	2	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng kiến thức đạo đức nghề nghiệp vào thực tế. + Kỹ năng nghề nghiệp: Áp dụng được những kiến thức đã học tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp vào thực tiễn nghề nghiệp. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những nội dung cơ bản của đạo đức nghề nghiệp có thể giúp cho nhà quản lý đưa ra những quyết định kinh doanh đúng đắn. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề đạo đức trong công tác ngành kinh doanh khách sạn; + Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch. + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao đạo đức nghề trong kinh doanh khách sạn.			
7	Thực tập tốt nghiệp	MT1 - Hiểu và củng cố hóa được kiến thức cơ bản về kiến thức chuyên môn ngành Quản trị khách sạn - Tiếp cận và mô tả được công tác quản trị khách sạn, tổ chức thông qua các kênh tìm kiếm thông tin như internet, thông tin thu thập từ doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước,... MT2 - Có kỹ năng thực hiện được các bước công việc và nắm vững quy trình tác nghiệp tại đơn vị thực tập. MT2 - Sinh viên củng cố keen thức chuyên ngành thông qua việc tiếp cận, tìm hiểu thực tiễn của ngành và chuyên ngành đào tạo tại doanh nghiệp, tổ chức;	6	Học kỳ II	- Điểm đánh giá của Cơ sở hướng dẫn thực tập: Trọng số 50% - Điểm đánh giá của Trường: Trọng số 50%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Sinh viên vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để nghiên cứu, phân tích và xử lý các vấn đề cụ thể thuộc chuyên ngành Quản trị khách sạn, tổ chức thực tập MT3 - Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ và có khả năng tự định hướng và sáng tạo trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, công việc liên quan đến công tác quản trị trong lĩnh vực khách sạn;			
8	Khóa luận tốt nghiệp	MT1 - Nhận diện và khái quát hóa được kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị khách sạn; - Xây dựng, lập được kế hoạch thu thập và phân tích, xử lý tài liệu, số liệu tại các khách sạn MT2 - Có khả năng vận dụng các kiến thức nghề nghiệp, phương pháp tiếp cận, giải quyết một vấn đề thực tế về quản trị khách sạn tại doanh nghiệp, tổ chức và tổng hợp viết báo cáo; MT3 Có năng lực thực hiện được các bước công việc và nắm vững các hoạt động tác nghiệp tại đơn vị thực tập. - Có năng lực lập kế hoạch để thực hiện các hoạt động chuyên môn trong quá trình thực tập, thu thập tài liệu, số liệu và quá trình tổng hợp viết khóa luận, thuyết trình bảo vệ khóa luận tốt nghiệp	6	Học kỳ II	Điểm đánh giá khóa luận theo Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN

2. Khóa ĐH11

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Marketing khách sạn	- Về kiến thức: người học trình bày được những kiến thức cơ bản về quy trình quản trị marketing cho doanh nghiệp kinh doanh khách sạn cũng như các nội dung cơ bản của các chiến lược marketing hỗn hợp (chiến lược sản phẩm, giá cả, phân	3	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phối và xúc tiến) trong du lịch. Từ đó có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Khái quát hóa được những vấn đề về marketing khách sạn. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng hệ thống kiến thức người học có thể trình bày được những kiến thức cơ bản về marketing du lịch, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động marketing của các doanh nghiệp kinh doanh khách sạn. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể ghi nhớ được kiến thức môn học cũng như khả năng thuyết trình, thảo luận, và hợp tác với thành viên với nhau. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của hoạt động marketing khách sạn trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			60% Hình thức thi: Tự luận.
2	Quản trị an toàn, an ninh trong khách sạn	- Về kiến thức: người học trình bày được các khái niệm về an toàn, an ninh; nhận diện được công tác quản lý an toàn, an ninh trong khách sạn; đồng thời biết áp dụng quy trình quản lý phương tiện an toàn trong khách sạn, đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy, vận dụng các kỹ năng quản lý đồ lost and found. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Nhận diện được các hoạt động quản trị an toàn, an ninh trong khách sạn như: quản lý phương tiện an toàn trong khách sạn, an toàn trong công tác phòng cháy chữa	2	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cháy, quản lý đồ lost and found. + Kỹ năng về nghề nghiệp: Áp dụng các lý thuyết đã được học vào trong thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực quản lý an toàn, an ninh trong khách sạn. + Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kĩ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kĩ năng giải quyết xung đột nhóm, kĩ năng giao tiếp nhóm, kĩ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng xác định vấn đề, từ đó phân tích và tổng hợp các thông tin bên trong và bên ngoài để tham gia tổ chức, thực hiện công tác quản trị an toàn, an ninh trong khách sạn. Từ đó đưa ra những đề xuất giúp cho việc đảm bảo an toàn, an ninh trong khách sạn. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, kiến thức về quản trị an toàn, an ninh trong khách sạn. + Có khả năng tự xác định mục tiêu công việc, đặc biệt trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch, có khả năng phối kết hợp với các thành viên trong nhóm và làm việc được trong nhiều môi trường khác nhau. + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng.			
3	Quản trị chất lượng du lịch	MT1 Những kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch, các phương pháp thiết kế, đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch; đảm bảo và cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch; các hệ thống quản trị chất lượng dịch vụ trong du lịch. MT2	2	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có kỹ năng nắm vững các hệ thống quản trị chất lượng ISO 9000:2000; ISO 22000:2005; quản trị chất lượng đồng bộ (TQM). Thực hành áp dụng các hệ thống quản trị chất lượng ISO 9000:2000; ISO 22000:2005; quản trị chất lượng đồng bộ (TQM) vào thực tiễn. MT3 - Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. - Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.			
4	Quản trị lễ tân khách sạn	- Về kiến thức: Sau khi nghiên cứu học phần quản trị lễ tân khách sạn, người học trình bày được những kiến thức cơ bản về các hoạt động quản trị lễ tân khách sạn bao gồm: quản lý lao động và trang thiết bị dụng cụ tại bộ phận lễ tân trong khách sạn; Quản trị nghiệp vụ đặt phòng, đăng ký, phục vụ lưu trú và trả phòng khách sạn, đồng thời đánh giá hiệu quả của hoạt động lễ tân nhằm giúp người học áp dụng được kiến thức và kỹ năng trong quản lý điều hành tại bộ phận lễ tân tại khách sạn. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trình bày được những vấn đề cơ bản của hoạt động quản trị lễ tân khách sạn. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các kiến thức đã học vào công tác quản lý trong lĩnh vực lễ tân khách sạn sau khi ra trường. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể phân tích những giải pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:	3	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị lễ tân khách sạn trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			
5	Thực tập nghề nghiệp 2	MT1 - Những khái niệm, đặc điểm của đơn vị thực tập là các cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác. - Những kiến thức về quy trình hoạt động của đơn vị thực tập là các cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác. MT2 - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. MT3 - Có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. - Lĩnh hội được kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. - Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội, tuân theo quy định của pháp luật		Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 50%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 50% Hình thức thi: Nộp báo cáo
6	Khởi sự kinh doanh	- Về kiến thức: Trình bày được những vấn đề cơ bản của kinh doanh, phương thức, quy trình, chiến lược khởi sự kinh doanh. - Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức về khởi sự kinh doanh để lập kế hoạch kinh doanh; tạo lập doanh nghiệp; Vận dụng nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống. Liên hệ với thực tế khởi tạo, thành lập doanh nghiệp; Phân tích, đánh giá ý tưởng khởi sự kinh doanh. - Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ	3	Học kỳ II	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học; Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.			
7	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	- Về kiến thức: Trình bày một số vấn đề về kỹ năng và kỹ năng phát triển nghề nghiệp.Trình bày nội dung về giao tiếp và các phương tiện giao tiếp; Nhận diện các phoang cách giao tiếp, các kỹ năng giao tiếp cơ bảnTrình bày các nội dung về làm việc nhóm, xây dựng nhóm làm việc, kỹ năng làm việc nhóm; Tổng hợp được một số kỹ năng giao tiếp và kỹ năng làm việc nhóm; Phân tích được các nội dung về những yếu tố gây lãng phí thời gian, các bước quản lý thời gian hiệu quả; Hệ thống hóa được những kỹ năng đánh giá năng lực bản thân và mục tiêu nghề nghiệp, kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng, kỹ năng thương lượng về chế độ đãi ngộ, kỹ năng chuẩn bị cho công việc mới. - Về kỹ năng: + Thể hiện được kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm + Thực hiện được kỹ năng quản lý thời gian và tổ chức công việc + Thực hiện được kỹ năng tìm kiếm việc làm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.	2	Học kỳ II	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
8	Quản trị nhà hàng và quầy bar	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - *Về kiến thức:* trình bày được các khái niệm và nội dung về quản trị nhà hàng và quầy bar. Nhận diện được các hoạt động trong công tác quản lý lao động và trang thiết bị dụng cụ tại	3	Học kỳ II	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhà hàng và quầy bar. Xây dựng được kế hoạch thực đơn và quản trị phục vụ ăn uống trong các cơ sở lưu trú. - *Về kỹ năng:* + *Kỹ năng nhận thức:* nhận diện được công tác quản trị nhà hàng và + *Kỹ năng về nghề nghiệp*: Áp dụng các lý thuyết đã được học vào trong thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng trong tương lai. + *Kỹ năng làm việc nhóm*: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kĩ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kĩ năng giải quyết xung đột nhóm, kĩ năng giao tiếp nhóm, kĩ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác. + *Kỹ năng tư duy:* Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng xác định vấn đề, từ đó phân tích và tổng hợp các thông tin bên trong và bên ngoài để tham gia tổ chức, thực hiện công tác quản trị nhà hàng và quầy bar. - *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, kiến thức về quản trị nhà hàng và quầy bar. + Có khả năng tự xác định mục tiêu công việc, đặc biệt trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch, có khả năng phối kết hợp với các thành viên trong nhóm và làm việc được trong nhiều môi trường khác nhau + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch.			Hình thức thi: Tự luận.
9	Quản trị sự kiện	- Về kiến thức: Sau khi nghiên cứu học phần quản trị sự kiện người học trình bày được những kiến thức cơ bản như các nội dung quản trị trong tổ chức sự kiện, chúng có mối quan hệ như thế nào đối với hoạt động du lịch. Ngoài ra, người học	3	Học kỳ II	Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình bày và vận dụng được các kiến thức trong quá trình tổ chức sự kiện như chuẩn bị chương trình, quản trị hậu cần, lập kế hoạch cho sự kiện, tổ chức điều hành các hoạt động của sự kiện. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Sau khi học xong sinh viên trình bày được các vấn đề cơ bản của hoạt động quản trị sự kiện. + Kỹ năng nghề nghiệp: Áp dụng các kiến thức đã học vào công tác quản lý trong lĩnh vực tổ chức chương trình sự kiện sau khi ra trường. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích được tổng hợp các vấn đề trong hoạt động quản trị sự kiện. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về quản trị sự kiện. + Có khả năng tự xác định mục tiêu công việc, đặc biệt trong công tác tổ chức sự kiện, có khả năng phối kết hợp với các thành viên trong nhóm và làm việc được trong nhiều môi trường khác nhau + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản trị sự kiện.			chế đào tạo học chế
10	Thực tập nghề nghiệp 3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể: - *Về kiến thức:* Trình bày được khái niệm, đặc điểm của đơn vị thực tập là cơ sở lưu trú, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ăn uống, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác; Mô tả được chức năng và nhiệm vụ của đơn vị thực tập; Phân tích được cơ cấu tổ chức bộ máy và quản lý của đơn vị thực tập; Vận dụng được các	5	Học kỳ II	- Đánh giá quá trình 50%, bao gồm: 01 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 50% Hình thức thi: Báo cáo thực tập.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiến thức đã học vào thực tế hoạt động tại đơn vị thực tập - *Về kỹ năng:* Thực hiện được các hoạt động nghiệp vụ được giao tại đơn vị thực tập - *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Thể hiện được khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Lĩnh hội được kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội, tuân theo quy định của pháp luật			
11	Văn hóa ẩm thực	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - *Về kiến thức*: người học trình bày được các khái niệm về văn hóa và văn hóa ẩm thực, phân tích sự ảnh hưởng của các yếu tố tới văn hóa ẩm thực. So sánh được văn hóa ẩm thực của Việt Nam với một số quốc gia trên thế giới. - *Về kỹ năng*: + Kỹ năng nhận thức: Phân biệt được văn hóa ẩm thực của một số khu vực, quốc gia và tôn giáo tiêu biểu trên Thế giới. + Kỹ năng về nghề nghiệp: Áp dụng các lý thuyết đã được học vào trong thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch trong tương lai. + Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kĩ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kĩ năng giải quyết xung đột nhóm, kĩ năng giao tiếp nhóm, kĩ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng xác định vấn đề, từ đó phân tích và tổng hợp các thông tin bên trong và bên ngoài để tham gia	3	Học kỳ II	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tổ chức, bố trí và chọn lựa hợp lý các món ăn cho các đối tượng đến từ các nền văn hóa, tôn giáo và các quốc gia khác nhau trên toàn thế giới. Từ đó đưa ra những đề xuất giúp cho việc chọn lựa các món ăn, sắp xếp các bữa ăn phù hợp với đặc điểm văn hóa của các đối tượng khác nhau. - *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, kiến thức về văn hóa ẩm thực của một số khu vực, quốc gia và tôn giáo tiêu biểu trên Thế giới + Có khả năng tự xác định mục tiêu công việc, đặc biệt trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch, có khả năng phối kết hợp với các thành viên trong nhóm và làm việc được trong nhiều môi trường khác nhau + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch			

3. Khóa ĐH12

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	MT1 Những tri thức cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam và sự vận dụng Chủ nghĩa xã hội khoa học trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. MT2 Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, thuyết trình, tự học và phản biện. MT3 Niềm tin về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội; giá trị khoa học	2	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và cách mạng của chủ nghĩa xã hội khoa học.			
2	Pháp luật đại cương	MT1 Những kiến thức về: nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; trách nhiệm pháp lý; nội dung cơ bản của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật phòng chống tham nhũng. MT2 Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; Kỹ năng so sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói 281 chung và nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; Kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế. MT3 Năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. Xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.	2	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
3	Quản trị kinh doanh khách sạn	MT1 Tổng quan về kinh doanh kháhc sạn; quản trị nguồn nhân lực; marketing; chất lượng dịch vụ; tổ chức kinh doanh lưu trú; ăn uống; kiểm soát hoạt động và kiểm tra kết quả kinh doanh của khách sạn. MT2 Có kỹ năng đánh giá, phân tích, hoạch định, tổ chức, thực hiện, kiểm tra và đánh giá hoạt động quản trị kinh doanh khách sạn. MT3 Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây	3	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận. Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.			
4	Tham quan nhận thức 2	MT1 - Những kiến thức cơ bản nhất về cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác - Những kiến thức thực tế về việc tổ chức hoạt động trong các cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác. MT2 Có kỹ năng quan sát, tìm hiểu thực tế, thu thập thông tin du lịch, tư liệu du lịch trên thực tế. MT3 - Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức. - Tuân thủ theo các hướng dẫn, nguyên tắc của giảng viên, các chuyên gia; Có ý thức chấp hành các quy định, nội quy tại các cơ sở kinh doanh lưu trú, cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác.	1	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 50%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 50% Hình thức thi: Nộp báo cáo
5	Tiếng anh 3	MT1 Về kiến thức: Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. MT2 Về kĩ năng: Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. MT3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác	2	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Viết.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong nhiệm vụ được giao.			
6	Tài chính – Tiền tệ	MT1 - Những vấn đề cơ bản về Tài chính như: Khái niệm, chức năng tài chính, cấu trúc hệ thống tài chính, ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, sự hình thành và cấu trúc thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian, ngân hàng thương mại, ngân hàng Trung ương. - Những vấn đề cơ bản về Tiền tệ: Nguồn gốc, bản chất và chức năng của tiền tệ, cung và cầu tiền tệ, tác động lạm phát đến phát triển kinh tế xã hội. - Những vấn đề cơ bản về tín dụng và lãi suất tín dụng, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế. MT2 - Có khả năng giải thích được những vấn đề cơ bản về tài chính tiền tệ, có kiến thức thực tế để vận dụng giải quyết các công việc chuyên môn. - Có kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá các hoạt động của thị trường tài chính, các tổ chức trung gian tài chính, hoạt động tín dụng, tài chính quốc tế và hệ thống Ngân hàng - Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng phân tích và tổng hợp các vấn đề về tài chính – tiền tệ. Từ đó đề xuất các giải pháp tài chính phù hợp cho các chủ thể trong nền kinh tế. MT3 - Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập. - Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. - Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự	2	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.			
7	Tâm lý khách hàng du lịch	MT1 Các kiến thức cơ bản như: tâm lý khách hàng du lịch và các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng du lịch, những đặc điểm tâm lý của du khách trong quá trình tiêu dùng dịch vụ du lịch. Ngoài ra người học cũng tổng hợp được những đặc điểm tâm lý thuộc cá nhân phổ biến của khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của khách du lịch ở một số quốc gia và khu vực: Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc, Châu Á trong đó có Việt Nam. MT2 Thực hiện phân tích, hoạch định, tổ chức, thực hiện, đánh giá và kiểm tra kết quả nghiên cứu tâm lý khách hàng và sản phẩm du lịch. MT3 Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận. Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.	3	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
8	Quản trị an toàn, an ninh trong khách sạn	Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể: - *Về kiến thức:* Trình bày được khái niệm, tầm quan trọng của an ninh, an toàn trong khách sạn; Trình bày được các biện pháp phòng ngừa, giữ gìn an ninh, an toàn trong khách sạn; Trình bày được các phương tiện an ninh, an toàn trong khách sạn; Liệt kê các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy. trnh bày được nội dung khái quát về quản lý đồ thất lạc trong khách sạn. Giải thích cách sử dụng các phương tiện cứu hỏa thông thường; các quy định về phòng cháy chữa cháy. Giải thích nội dung bảng hướng dẫn thoát hiểm khi có hỏa hoạn; Giải thích	2	Học kỳ II	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nguyên tắc sử dụng thiết bị chữa cháy; Phân tích được tầm quan trọng của an ninh, an toàn trong khách sạn; Phân tích được các biện pháp phòng ngừa, giữ gìn an ninh, an toàn trong khách sạn; Phân tích được hoạt động quản lý các thiết bị an toàn trong khách sạn; Đánh giá được các biện pháp phòng ngừa, giữ gìn an ninh, an toàn trong khách sạn. - *Về kỹ năng:* Nắm vững các nghiệp vụ nghiệp vụ xử lý tình huống an toàn, an ninh trong khách sạn. Giải quyết các tình huống cụ thể về quản trị an toàn an ninh trong khách sạn. - *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận			
9	Nguyên lý kế toán	- Những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguyên tắc, đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán - Những kiến thức cơ bản về kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu theo chế độ kế toán hiện hành - Những kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán - Có kỹ năng về tính giá các đối tượng kế toán, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi sổ kế toán - Có kỹ năng giao tiếp - Có năng lực tổ chức làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập - Có khả năng học tập, tích lũy kiến thức, tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành	3	Học kỳ II	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
10	Quản trị chất lượng du lịch	*Về kiến thức:* + Trình bày được những khái niệm, đặc điểm và các yếu tố cấu thành nên dịch vụ du lịch. + Giải thích được một số vấn đề quản trị chất lượng dịch vụ du lịch. + Phân tích được chức năng, chu trình quản trị chất lượng	2	Học kỳ II	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dịch vụ du lịch. + Tổng hợp các phương pháp đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch. + Trình bày được nội dung đảm bảo; cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch; các tiêu chuẩn dịch vụ du lịch; + Phân tích được các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch. + Nhận diện các hệ thống quản trị chất lượng ISO 9000:2000; ISO 2000:2005; quản trị chất lượng đồng bộ (TQM). + Phân tích bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam. + Đề xuất cách thức áp dụng các hệ thống quản trị chất lượng ISO 9000:2000; ISO 22000:2005; quản trị chất lượng đồng bộ (TQM) vào thực tiễn. *Về kỹ năng:* + Nắm vững các hệ thống quản trị chất lượng ISO 9000:2000; ISO 22000:2005; quản trị chất lượng đồng bộ (TQM). Thực hành áp dụng các hệ thống quản trị chất lượng ISO 9000:2000; ISO 22000:2005; quản trị chất lượng đồng bộ (TQM) vào thực tiễn. *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.			
11	Quản trị tiền sảnh khách sạn	*Về kiến thức:* + Tóm tắt một số khái niệm về quản trị tiền sảnh khách sạn; sơ đồ tổ chức của khối tiền sảnh. + Khái quát về xây dựng kế hoạch hoạt động + Phân tích mục tiêu, nhiệm vụ của quản trị tiền sảnh trong khách sạn; chức năng và nhiệm vụ của các chức danh trong bộ phận tiền sảnh; mối quan hệ giữa bộ phận tiền sảnh khách sạn	3	Học kỳ II	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		với các bộ phận khác. + Xây dựng kế hoạch hoạt động bộ phận. *Về kỹ năng:* + Thực hiện phân tích, hoạch định, tổ chức, thực hiện, kiểm tra và đánh giá hoạt động quản trị tiền sảnh khách sạn; *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận			
12	Thực tập nghề nghiệp 1	- Những hiểu biết về các cơ sở lưu trú. - Những kiến thức về quy trình hoạt động của các cơ sở lưu trú. - Những kiến thức về công tác quản lý, công tác nghiên cứu tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch. - Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. - Lĩnh hội được kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. - Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội, tuân theo quy định của pháp luật.	4	Học kỳ II	- Đánh giá quá trình 50%, bao gồm: 01 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 50%. Hình thức thi: Báo cáo thực tập.
13	Tin học đại cương	*Về kiến thức:* + Trình bày được những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin + Áp dụng được các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng + Nhận diện được các thiết bị của máy tính và các thiết bị mạng	2	Học kỳ II	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Thực hành.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Về kỹ năng: + Vận dụng được các kỹ năng cơ bản về cách sử dụng các ứng dụng của công nghệ thông như: hệ điều hành, mạng máy tính và Internet + Vận dụng được các kỹ năng cơ bản về cách sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng như MS Word, MS Excel, MS Powerpoint,... *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* + Có tinh thần học tập chăm chỉ, tích cực tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành + Hoàn thành các bài tập về nhà, nâng cao tính tích cực trong việc học và tự học.			
14	Toán kinh tế	- *Về kiến thức:* Trình bày được các khái niệm, tính chất cơ bản trong Toán kinh tế; Nhận diện được các biểu thức, công thức trong Toán kinh tế; Giải được các bài toán cơ bản trong phân tích kinh tế; Vận dụng các kiến thức đã học để làm bài tập; Xây dựng mối liên hệ giữa kiến thức cơ bản của Toán kinh tế với kiến thức chuyên ngành. - *Về kỹ năng*: Làm theo hướng dẫn của GV để làm bài tập; Sử dụng kiến thức đã học để giải được các bài tập về đại số và giải tích; Nắm vững kiến thức Toán cao cấp để áp dụng trong các chuyên ngành khác. - *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Nhận thức được tầm quan trọng của môn học và tích cực tham gia vào các hoạt động GV giao; Chia sẻ ý kiến, quan điểm, kiến thức với GV và các SV khác; Tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học về Toán kinh tế vào các lĩnh vực chuyên môn.	2	Học kỳ II	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Thực hành.
15	Tư tưởng Hồ Chí Minh	*Về kiến thức:* Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong thực tiễn. *Về kỹ năng:* Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; Tư duy lý luận, phản biện.	2	Học kỳ II	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước; Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.			Hình thức thi: Tự luận.
16	Văn hóa ẩm thực	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: người học trình bày được các khái niệm về văn hóa và văn hóa ẩm thực, phân tích sự ảnh hưởng của các yếu tố tới văn hóa ẩm thực. So sánh được văn hóa ẩm thực của Việt Nam với một số quốc gia trên thế giới. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân biệt được văn hóa ẩm thực của một số khu vực, quốc gia và tôn giáo tiêu biểu trên Thế giới. + Kỹ năng về nghề nghiệp: Áp dụng các lý thuyết đã được học vào trong thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch trong tương lai. + Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kĩ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kĩ năng giải quyết xung đột nhóm, kĩ năng giao tiếp nhóm, kĩ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng xác định vấn đề, từ đó phân tích và tổng hợp các thông tin bên trong và bên ngoài để tham gia tổ chức, bố trí và chọn lựa hợp lý các món ăn cho các đối tượng đến từ các nền văn hóa, tôn giáo và các quốc gia khác nhau trên toàn thế giới. Từ đó đưa ra những đề xuất giúp cho việc chọn lựa các món ăn, sắp xếp các	3	Học kỳ II	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bữa ăn phù hợp với đặc điểm văn hóa của các đối tượng khác nhau. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, kiến thức về văn hóa ẩm thực của một số khu vực, quốc gia và tôn giáo tiêu biểu trên Thế giới + Có khả năng tự xác định mục tiêu công việc, đặc biệt trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch, có khả năng phối kết hợp với các thành viên trong nhóm và làm việc được trong nhiều môi trường khác nhau + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch			

4. Khóa ĐH13

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Kinh tế vi mô	MT1 Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. MT2 Kỹ năng nhận dạng, phân tích, tư duy, phán đoán logic, đánh giá được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế. MT3 Có khả năng làm việc khoa học, thu thập thông tin đầy đủ, phân tích, đánh giá trước khi ra quyết định. Rèn luyện tính cách thận trọng, phán đoán logic, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vi mô phục vụ cho hoạt động kinh doanh.	3	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Quản trị học	MT1 Trình bày được các vấn đề căn bản về quản trị như: Các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin trong quản trị, bốn chức năng cơ bản của quản trị: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. MT2 Vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quá trình thực hiện các công việc hoạch định, tổ chức, lãnh đạo kiểm tra hoạt động quản trị tổ chức. MT3 Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh	3	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
3	Tiếng anh 1	MT1 Kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ sơ cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội MT2 Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ sơ cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. MT3 Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Trắc nghiệm và vấn đáp.
4	Triết học Mác-Lênin	MT1 - Kiến thức khái quát về triết học và kiến thức cơ bản, hệ thống về Triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử - Một số kiến thức thực tiễn từ sự vận dụng lý luận Triết học Mác - Lênin MT2	3	Học kỳ I	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Kỹ năng tư duy logic và khoa học theo thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng trong nhận định, đánh giá và giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực tiễn - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm MT3 Giá trị lý luận và thực tiễn của triết học Mác-Lênin, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác-Lênin			
5	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	- Những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - Những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. - Kỹ năng trình bày, phân tích, tổng hợp, những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lê nin trong hoạt động thực tiễn. - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm. - Năng lực tích lũy kiến thức và nghiên cứu độc lập, đánh giá và nhận diện bản chất các vấn đề cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lê Nin trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay. - Lập trường tư tưởng vững vàng, niềm tin vào đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.	2	Học kỳ II	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
6	Kinh tế số	Kiến thức cơ bản về thị trường số và thương mại điện tử. Vận dụng kiến thức về kinh tế số để phân tích mô hình kinh doanh số và mô hình hóa thị trường số. Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phân tích tình huống, giải quyết những phát sinh trong việc ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực thanh toán. Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập và công tác sau khi tốt nghiệp.	2	Học kỳ II	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
7	Kinh tế vĩ mô	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hạch toán thu nhập quốc dân, tăng trưởng kinh tế, tổng cầu và tổng cung, tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ,	3	Học kỳ II	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lạm phát và thất nghiệp, kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở Kỹ năng nhận dạng, phân tích, tư duy, phán đoán logic, đánh giá được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế. Có khả năng làm việc khoa học, thu thập thông tin đầy đủ, phân tích, đánh giá trước khi ra quyết định. Rèn luyện tính cách thận trọng, phán đoán logic, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô phục vụ cho hoạt động kinh tế.			- Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.
8	Tham quan nhận thức 1	- Những kiến thức cơ bản nhất về các cơ sở lưu trú. - Những kiến thức thực tế về việc tổ chức hoạt động trong các cơ sở lưu trú. - Có kỹ năng quan sát, tìm hiểu thực tế, thu thập thông tin, tư liệu trên thực tế. - Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức. - Tuân thủ theo các hướng dẫn, nguyên tắc của giảng viên, các chuyên gia; Có ý thức chấp hành các quy định, nội quy tại các cơ sở lưu trú.	1	Học kỳ II	- Đánh giá quá trình 50%, bao gồm: 01 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 50% Hình thức thi: Báo cáo tham quan.
9	Tiếng Anh 2	***Về kiến thức:*** Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ tiền trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. ***Về kĩ năng:*** Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. ***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*** Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	Học kỳ II	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Trắc nghiệm+Vấn đáp.
10	Tổng quan khách sạn	- Tổng quan một số vấn đề căn bản như: Một số vấn đề cơ bản trong khách sạn; các lĩnh vực kinh doanh và cơ cấu tổ chức	3	Học kỳ II	- Đánh giá quá trình 40%, bao gồm: 02 đầu

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của khách sạn; các hình thức sở hữu và quản lý khách sạn; cơ sở vật chất của khách sạn; hoạt động của các bộ phận trong khách sạn; phát triển khách sạn. - Nắm vững các lĩnh vực kinh doanh và cơ cấu tổ chức của khách sạn; các hình thức sở hữu và quản lý khách sạn; cơ sở vật chất của khách sạn. Có kỹ năng giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Có trách nhiệm, tự giác, chủ động tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, phối hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận. - Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.			điểm, hệ số 1. - Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_QM

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2023-2024
Ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường

1. Khóa 10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Đồ án quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	Về kiến thức: Xác định được vấn đề môi môi trường cần ưu tiên giải quyết cho một đô thị, khu công nghiệp, làng nghề cụ thể, trình bày được hiện trạng vấn đề, luận giải được nguyên nhân của vấn đề và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề đó. Về kỹ năng: Ứng dụng các nhóm công cụ trong quản lý môi trường để giải quyết vấn đề môi trường ưu tiên cho các khu vực đô thị, khu công nghiệp, làng nghề cụ thể. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày Về đạo đức nghề nghiệp: Say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường	2	Học kì 1	- Nội dung đồ án (cấu trúc, phương pháp thực hiện, kết quả đạt được): 50% - Báo cáo đồ án (trình bày đồ án, trả lời câu hỏi): 50%
2.	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về: Tổng quan cơ sở pháp lý quy định về bảo vệ môi trường cho các nhóm đối tượng sản xuất kinh doanh dịch vụ gồm (luật, nghị định, thông tư, quyết định, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường); Quy trình đánh giá sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường cho các nhóm đối tượng; - Về kỹ năng: Xác định được các cơ sở pháp lý liên quan tới các nhóm đối tượng sản xuất dinh doanh, Xây dựng được quy trình đánh giá sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và áp dụng cho một doanh nghiệp cụ thể.	2	Học kì 1	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% (Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1) - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Về đạo đức nghề nghiệp: tích cực tham gia học tập nghiêm túc, đầy đủ và thấy rõ sự cần thiết phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp.			
3.	Đồ án quy hoạch môi trường	- Về kiến thức: Lập báo cáo quy hoạch bảo vệ môi trường cho một khu vực hoặc một thành phần môi trường cụ thể - Về kỹ năng: Lập đề cương báo cáo, xây dựng và thực hiện kế hoạch lập báo cáo quy hoạch bảo vệ môi trường, thực hành kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày - Về đạo đức nghề nghiệp: Tâm huyết với ngành và ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường	2	Học kì 1	- Nội dung đồ án (cấu trúc, phương pháp thực hiện, kết quả đạt được): 50% - Báo cáo đồ án (trình bày đồ án, trả lời câu hỏi): 50%
4.	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về hệ thống quản lý môi trường; Phân tích được các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 14001, Ứng dụng được cách thức thiết lập và thực hiện hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001. - Về kỹ năng: Sinh viên có khả vận dụng kiến thức đã học giúp doanh nghiệp tiến hành thực hiện công tác quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tự làm việc độc lập, làm việc nhóm trong việc xây dựng hệ thống quản lý môi trường cho tổ chức. Có trách nhiệm, nghiêm túc trong công việc, nhiệm vụ được giao	3	Học kì 1	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% (Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1) - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
5.	Kiểm toán môi trường	- Về kiến thức: Sinh viên trình bày được khái niệm về kiểm toán môi trường, kiểm toán chất thải; phân tích, ứng dụng được kiểm toán môi trường; hiểu quy trình kiểm toán chất thải, vận dụng quy trình lý thuyết xây dựng quy trình kiểm toán môi trường cho một đối tượng sản xuất cụ thể. - Về kỹ năng: Hiểu rõ các phương pháp dùng trong thực hiện kiểm toán môi trường nói chung và kiểm toán chất thải nói riêng, có thể thực hiện được một báo cáo kiểm toán môi trường cho một trường hợp điển hình đồng thời đưa ra được những giải pháp giảm thiểu chất thải cũng như quy trình quản	2	Học kì 1	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% (Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1) Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lý môi trường tốt hơn. - Về thái độ: Có hứng thú với môn học và tìm hiểu sâu thêm về các nội dung liên quan đến môn học.			
6.	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	- Về kiến thức:Trình bày đúng những khái niệm về sản xuất sạch hơn, phân tích được các kỹ thuật sản xuất sạch hơn - Về kỹ năng:Nhận diện được các giải pháp sản xuất sạch hơn có khả năng áp dụng cho các ngành công nghiệp khác nhau Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, đọc – hiểu tài liệu tiếng anh chuyên ngành và kỹ năng tính toán kinh tế môi trường - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên hứng thú với những lợi ích của sản xuất sạch hơn, một công cụ hiện đại trong giảm thiểu chất thải tại nguồn Hình thành tác phong công nghiệp, rèn kỹ năng tự đọc tự học.	2	Học kì 1	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% (Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1) - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
7.	Tăng trưởng xanh	- Về kiến thức: Sinh viên trình bày các kiến thức chung về tăng trưởng xanh, phân tích được vai trò tăng trưởng xanh trong phát triển bền vững kinh tế xã hội, áp dụng các chiến lược tăng trưởng xanh ở Việt Nam và khu vực, mục tiêu và giải pháp thực hiện tăng trưởng xanh ở Việt Nam và một số bài học kinh nghiệm tăng trưởng xanh của một số nước trên thế giới - Về kỹ năng: Phân biệt được tăng trưởng xanh với các khái niệm liên quan như kinh tế xanh, tiêu dùng xanh, nhãn xanh môi trường, xác định được vị trí của tăng trưởng xanh trong mục tiêu phát triển vững - Về đạo đức nghề nghiệp: Có ý thức trong việc bảo vệ môi trường và sử dụng tiết kiệm tài nguyên	2	Học kì 1	- Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% (Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1) - Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%
8.	Đánh giá vòng đời sản phẩm	- Về kiến thức: Sinh viên trình bày được kiến thức cơ bản về đánh giá vòng đời sản phẩm, Áp dụng được các kỹ thuật đánh giá vòng đời sản phẩm được vận dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau nhằm đưa ra các định mức phát thải trên sản phẩm hoặc qua từng công đoạn sản xuất. Từ đó giúp doanh nghiệp tìm kiếm cơ hội sản xuất sạch hơn, xúc tiến cấp nhãn sinh thái cho doanh nghiệp.	2	Học kì 1	- Giảng dạy lý thuyết; Làm bài tập ứng dụng; Tự học/ đọc tài liệu tham khảo

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Về kỹ năng:Sinh viên áp dụng được công cụ đánh giá vòng đời sản phẩm và ứng dụng cho các trường hợp điển hình. - Về đạo đức nghề nghiệp:Sinh viên có thể vận dụng hiệu quả và thành thạo các bước trong LCA cho các ngành sản xuất cụ thể			
9.	Lập các báo cáo trong hoạt động khoáng sản	- Về kiến thức: Sinh viên thu nhận được các thông tin văn bản pháp luật cơ bản được cập nhật gần đây nhất liên quan đến công tác lập báo cáo địa chất các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và hoạt động thăm dò khoáng sản. Cập nhật các thông tin mới nhất về hiện trạng công tác lập báo cáo địa chất liên quan đến hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản. Tổng hợp các thể thức trình bày, nội dung chính và quy trình công tác lập báo cáo địa chất. - Về kỹ năng: Sinh viên có thể lập báo cáo trên cở sở kiến thức, kinh nghiệm thực tế của môn học sao cho hình thức và nội dung báo cáo thể hiện được kết quả tài liệu thực tế và luận giải khoa học, đề xuất tham mưu phát triển khoáng sản; kỹ năng tìm kiếm, đọc tài liệu, tự học và nêu các vấn đề cần tìm hiểu thêm trên lớp; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có ý thức học hỏi và thái độ nghiêm túc trong học tập chuyên môn, trách nhiệm với nghề nghiệp trong tương lai.	2	Học kì 1	Các phương pháp được tổ chức dạy dưới các hình thức chủ yếu như: lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, khảo sát thực tế, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu…
10.	Phân tích, đánh giá thực thi chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học	- Về kiến thức: Hiểu và nắm được các khái niệm chung phân tích, đánh giá việc thực thi chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học; Biết được trình tự thủ tục trong các bước phân tích, đánh giá thực thi chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học ở nước ta; Biết phân tích và đánh giá được vai trò của thực thi chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học; Biết được tác động tích cực, tiêu cực của các chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam trên cơ sở đó đề xuất và kiến nghị được các giải pháp phục vụ cho quản lý đa dạng sinh	2	Học kì 1	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học. - Về kỹ năng:Vận dụng kiến thức cơ bản về phân tích, đánh giá việc thực thi chính sách trong bảo tồn đa dạng sinh học để hiểu và vận dụng kiến thức trong công tác quản lý bảo tồn đa dạng sinh học, tiếp thu các học phần liên quan như: Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học, Quản lý đa dạng sinh học,.. - Về đạo đức nghề nghiệp:Nhận thức được vai trò, ý nghĩa của môn học nhằm nâng cao nhận thức của con người về công tác quản lý đa dạng sinh học; sự cần thiết phải gắn quản lý đa dạng sinh học với bảo vệ môi trường.			
11.	Thực tập tốt nghiệp	- Về kiến thức: + Sinh viên củng cố được các kiến thức lý thuyết về các lĩnh vực: Hệ thống văn bản pháp luật và chính sách về quản lý tài nguyên và môi trường trong công tác tổ chức quản lý ở các cấp quản lý từ TW đến địa phương về lĩnh vực tài nguyên và môi trường; ứng dụng các công cụ quản lý môi trường tại các khu vực cụ thể (Khu vực đô thị, khu công nghiệp, làng nghề, các vùng sinh thái đặc thù) hay quản lý các thành phần môi trường cụ thể như: đất, nước, không khí…; điều tra, quy hoạch, bảo tồn đa dạng sinh học; quản lý, xây dựng khu bảo tồn và vườn quốc gia + Sinh viên làm quen với các công việc thực tế liên quan đến các kiến thức đã được đào tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực, ngành đào tạo và các hướng chuyên sâu. - Về kỹ năng: + Sinh viên rèn luyện được các kỹ năng chuyên môn cần thiết: tìm, đọc tài liệu, nghiên cứu khoa học, làm việc thực tế. + Sinh viên rèn luyện được khả năng lập luận, tư duy, phân tích, khái quát hóa vấn đề và xác định được mục tiêu cốt lõi cần giải quyết trong thực tiễn về các lĩnh vực chuyên ngành đã được đào tạo tại cơ sở thực tập + Sinh viên củng cố và rèn luyện các kỹ năng đã học về chuyên môn: Ap dụng hệ thống cơ sở pháp luật và chính sách	4	Học kì 2	Điểm đánh giá của Cơ sở hướng dẫn thực tập: Trọng số 40% Điểm đánh giá của Khoa: Trọng số 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhà nước về tài nguyên và môi trường trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyê môi trường từ Trung ương tới địa phương như: Xây dựng chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường cho một khu vực, cơ quan, doanh nghiệp; sử dụng các công cụ quản lý môi trường nhằm giám sát, kiểm soát và quản lý môi trường hiệu quả; Tư vấn hoặc trực tiếp thực hiện được các thủ tục hành chính liên quan tới bảo vệ môi trường mà doanh nghiệp phải tuân thủ theo các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường như: xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường, các loại giấy phép môi trường,.; lập kế hoạch, thực hiện, kiểm tra đánh giá, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng môi trường theo các tiêu chuẩn ISO 14000, áp dụng sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm; Quản lý, khai thác và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên sinh vật bằng công cụ quản lý tài nguyên và môi trường; có khả năng quy hoạch, quản lý tổng hợp các nguồn tài nguyên thiên nhiên: đất ngập nước, rừng, và đa dạng sinh học;Ứng dụng mô hình hóa môi trường, công nghệ thông tin trong quản lý			
12.	Khóa luận tốt nghiệp	- Về kiến thức: Đây là khóa luận tốt nghiệp cuối khóa được thực hiện giúp sinh viên tìm hiểu sâu hơn về một trong những phần kiến thức chuyên ngành đã được học. Do vậy sinh viên cần thể hiện cần đạt được tất cả các mục tiêu kiến thức liên quan đến vấn đề nghiên cứu thể hiện trong chuẩn đầu ra của ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường. - Về kỹ năng: Sinh viên rèn luyện kỹ năng tổng hợp kiến thức liên quan đên nội dung nghiên cứu của khóa luận (trình bày, hiểu, phân tích, lập kế hoạch tính toán, áp dụng, sáng tạo.); sinh viên rèn thực hiện được kỹ năng viết, cách trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có thái độ làm việc độc lập và nghiêm túc để thực hiện những ý tưởng riêng của mình	6	Học kì 2	Thực hiện theo Quyết định số 88/QĐ-TĐHHN ngày 10/01/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về việc Ban hành quy định bảo vệ Đồ án tốt nghiệp đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dưới sự hướng dẫn của các giảng viên, cán bộ chuyên ngành trong và ngoài trường			

2. Khóa 11

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	MT1: Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong thực tiễn. MT2: Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; Tư duy lý luận, phản biện. MT3: Bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước; Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.	2	Học kì 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1 Bài kiểm tra A1.2 Bài tập cá nhân A1.3 Bài tập nhóm Điểm số 2: 20% A1.4 Chuyên cần: 50% A1.5 Thảo luận, phát biểu: 30% A1.6 Thái độ học : 20% A2. Thi kết thúc học phần: 60% Điểm thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận
2.	Công nghệ môi trường	MT1: Kiến thức cơ bản về ô nhiễm môi trường, nguồn gây ô nhiễm, các phương pháp xử lý các thành phần ô nhiễm môi trường như không khí, nước. MT2: Kỹ năng tính toán, phân tích và đề xuất các phương pháp xử lý nước cấp, nước thải và khí thải.. MT3: Các bài tập rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập và ngành nghề.	3	Học kì 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1 Bài kiểm tra: 50% A1.2 Chuyên cần: 50% Điểm số 2: 20% A1.3 Bài tập nhóm 100% A2. Thi kết thúc học phần: 60% Điểm thi kết thúc học phần Bài thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					- Hình thức thi: tự luận
3.	Quản lý môi trường đô thị, công nghiệp và làng nghề	MT1: Kiến thức cơ bản cơ sở ngành, kiến thức ngành để có thể hiểu được các vấn đề về hiện trạng và vấn đề môi trường liên quan ở các vùng và khu vực đặc trưng đang bị ô nhiễm và suy thoái môi trường nghiêm trọng ở Việt Nam như đô thị, khu công nghiệp, và một số vùng sản xuất làng nghề. Phân tích và đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả và phù hợp cho các vùng sinh thái nói trên. MT2: Khả năng nhận dạng, phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường cho 3 khu vực đô thị, khu công nghiệp, làng nghề MT3: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo MT4: Khả năng học tập ở trình độ cao hơn	2	Học kì 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1 Bài kiểm tra: 50% A1.2 Bài tập thảo luận nhóm:30% A1.3 Chuyên cần 20% Điểm số 2: 20% A1.4 Bài kiểm tra 2: 60% A1.5 Bài tập thảo luận nhóm: 30% A1.6 Chuyên cần 205 A2. Thi kết thúc học phần: 60% Điểm thi kết thúc học phần Bài thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận
4.	Hệ thống quản lý môi trường	MT1: Các kiến thức chung về: EMS, bộ tiêu chuẩn ISO 14000 và tổ chức soạn thảo, tiêu chuẩn ISO 14001, lợi ích, vai trò, khả năng triển khai xây dựng áp dụng EMS; nắm vững các yêu cầu được hướng dẫn trong ISO 14001:2015; cải tiến EMS theo chương trình 5S, Kaizen. MT2: Đào tạo vận dụng các bước của yêu cầu của ISO 14001:2015; các bước thực hiện 5S, Kaizen vào xây dựng các bước cải tiến EMS phù hợp đối với một tổ chức nào đó. MT3: Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, và khả năng làm việc nhóm khi xây dựng EMS hoặc áp dụng cải tiến EMS cho tổ chức. Có trách nhiệm, nghiêm túc trong công việc, nhiệm vụ được giao.	2	Học kì 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1 Bài kiểm tra: 40% A1.2 Bài tập: 40% A1.3 Chuyên cần 20% Điểm số 2: 20% A1.4 Báo cáo nhóm: 80% A1.5 Thái độ học tập: 20% A2. Thi kết thúc học phần:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					60% Điểm thi kết thúc học phần Bài thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận
5.	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	- MT1: Các kiến thức cơ sở về hoạt động quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại, các quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý CTR. Lý thuyết về quá trình thu gom và xử lý, các dạng công trình và hệ thống thu gom sơ cấp, thứ cấp, trunchuyển - MT2: Cách vận dụng công thức tính toán và thiết kế các công trình thu gom và xử lý chất thải rắn theo các trường hợp khác nhau - MT3: Các yêu cầu của một người làm việc trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	3	Học kì 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1 Bài kiểm tra: 80% A1.2 Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.3 Bài kiểm tra: 80% A1.4 Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần: 60% Điểm thi kết thúc học phần Bài thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Trắc nghiệm
6.	Thực tập quan trắc, phân tích môi trường	MT1: Kiến thức thực tế về quy trình thiết kế chương trình quan trắc môi trường (đất hoặc nước hoặc không khí) cho đối tượng cụ thể MT2: Phương pháp thực hiện quan trắc các thành phần môi trường tại hiện trường MT3: Phương pháp rèn luyện kỹ năng phân tích trong phòng thí nghiệm một số thông số cơ bản của từng thành phần môi trường và viết báo cáo tổng hợp kết quả MT4: Thái độ cẩn thận, nghiêm túc khi thực hành; trung thực trong báo cáo các số liệu phân tích; say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường.	2	Học kì 1	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 50% A1.1 Chuẩn bị bài 40% A1.2 Bài thực tập: 60% Điểm số 2: 50% A1.3 Kiểm tra báo cáo thực tập: 50% A1.4 Chuyên cần: 50%
7.	Thực tập điều tra đánh giá đa dạng sinh học	MT1: Kỹ năng thực hiện điều tra, đánh giá đa dạng sinh học; những nội dung cần thiết trong báo cáo đa dạng sinh học. MT2: Rèn luyện khả năng vận dụng các kiến thức của học phần để triển khai điều tra, đánh giá đa dạng sinh học của các nhóm sinh vật, Xây dựng được kế hoạch điều tra đánh giá và	2	Học kì 1	A1. Đánh giá quá trình: 50% Điểm số 1 A1.1 Bài tập nhóm: 50%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		báo cáo kết quả điều tra đánh giá đa dạng sinh học cho 1 khu vực. MT3: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo. MT4: Nâng cao ý thức sinh viên về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.			A1.2 Thảo luận: 25% A1.3 Thái độ học tập: 25% A2. Thi kết thúc học phần: 50% Điểm thi kết thúc học phần Báo cáo thu hoạch - Hình thức thi: Báo cáo
8.	Kiến tập nghề nghiệp 2	- MT1: Kiến thức thực tiễn trong các hoạt động liên quan tới lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường cụ thể . - MT2: Hình thành và phát triển khả năng nhận dạng, phát hiện các ngành nghề, vị trí và cơ hội việc làm cũng như vai trò và tầm quan trọng của ngành quản lý tài nguyên và môi trường - MT3: Biết cách áp dụng các kiến thức đã học vào thực tế, làm chủ kiến thức đã học - MT4: Đúc kết được các kinh nghiệm cần thiết, có động lực cho việc học tập và hướng tới nghề nghiệp phù hợp trong tương lai	2	Học kì 1	A1. Đánh giá quá trình: 50% Điểm số 1 A1.1 Chuyên cần: 30% A1.2 Báo cáo tiến độ: 70% A2. Thi kết thúc học phần: 50% Điểm thi kết thúc học phần Báo cáo kiến tập - Hình thức thi: Báo cáo
9.	Kiểm toán môi trường	MT1: Các khái niệm về Kiểm toán môi trường (KTMT), Kiểm toán chất thải (KTCT), phân tích vai trò của KTMT trong quản lý môi trường; hiểu được quy trình và phương pháp KTMT, KTMT MT2: Đào tạo cho người học vận dụng các phương pháp dùng trong thực hiện KTMT, KTCT để thực hiện được một báo cáo KTMT, KTCT cho một trường hợp điển hình đồng thời đưa ra được những giải pháp giảm thiểu chất thải MT3: Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo MT4: Khả năng tự định hướng, có trách nhiệm, nghiêm túc	2	Học kì 2	- A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1:20% A1.1 Bài kiểm tra: 60% A1.2 Bài tập 20% A1.3 Chuyên cần: 20% - Điểm số 2: 20% A1.4 Thảo luận, hoạt động nhóm: 80% A1.5 Thái độ học tập: 20% - A2. Thi kết thúc học phần: 60% - Điểm thi kết thúc học phần: 100%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong công việc/nhiệm vụ được giao			Hình thức thi: Tự luận
10.	Sản xuất thân thiện với môi trường	- MT1: Khái niệm SXSH và sự ra đời của SXSH, lợi ích của SXSH và các kỹ thuật SXSH, phương pháp luận SXSH - MT2: Các bài tập tình huống để rèn luyện khả năng giải quyết các bài toán về cân bằng vật chất tính toán được lượng chất thải, kỹ năng vận hành hệ thống an toàn lao động và kiểm soát môi trường,qua đó có thể nắm được nguyên nhân và cách khắc phục giảm thiểu chất thải trong sản xuất. tư vấn các giải pháp sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm trong các doanh nghiệp. - MT3: Khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.	2	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1 Bài kiểm tra: 70% A1.3 Chuyên cần: 30% Điểm số 2: 20% A1.2 Bài tập chương 1: 50% A1.4 Bài tập chương 2: 50% A2. Thi kết thúc học phần: 60% Điểm thi kết thúc học phần Bài thi kết thúc học phần - Hình thức thi: tự luận
11.	Truyền thông về tài nguyên và môi trường	MT1: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản nhất về truyền thông tài nguyên và môi trường, các hình thức truyền thông, các phương pháp xây dựng và thực hiện một chương trình truyền thông về tài nguyên và môi trường. MT2: Vận dụng được các kinh nghiệm truyền thông về tài nguyên và môi trường ở một số vùng miền địa lý khác nhau. MT3: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, trình bày báo cáo, kỹ năng xây dựng và tổ chức một chương	2	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1 Bài tập nhóm 1: 40% A1.2 Bài tập nhóm 2: 40% A1.3 Chuyên cần : 20% Điểm số 2: 20% A1.4 Bài tập nhóm 3: 40% A1.5 Bài kiểm tra: 40% A1.6 Chuyên cần : 20%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình truyền thông môi trường cụ thể MT4: Góp phần thay đổi thái độ, hành vi, hướng tới thân thiện với tài nguyên, môi trường			A2. Thi kết thúc học phần: 60% Điểm thi kết thúc học phần Bài thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận
12.	Quy trình và phương pháp đánh giá tác động môi trường	MT1: Kiến thức về quy định về đánh giá tác động môi trường, trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường, nội dung đánh giá tác động môi trường, các công cụ và phương pháp dùng trong đánh giá tác động môi trường MT2: Kỹ năng vận dụng thành thạo các công cụ và phương pháp đánh giá tác động môi trường để thực hiện đánh giá tác động môi trường tương ứng theo từng loại hình và lĩnh vực phát triển kinh tế-xã hội và lập một báo cáo đánh giá tác động môi trường hoàn chỉnh MT3: Kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức và thực hiện thành thạo việc tư vấn hoặc trực tiếp thực hiện đánh giá tác động môi trường cho các loại hình và lĩnh vực phát triển kinh tế-xã hội và lập một báo cáo đánh giá tác động môi trường hoàn chỉnh	3	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình:40% Điểm số 1: 20% A1.1 Bài kiểm tra 1: 60% A1.2 Bài tập thảo luận nhóm: 20% A1.3 Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.4 Báo cáo hoạt động nhóm: 80% A1.5 Thái độ học tập: 20% A2. Thi kết thúc học phần: 60% Điểm thi kết thúc học phần Bài thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận
13.	Đồ án đánh giá tác động môi trường	MT1: Hướng dẫn thực hiện các bước trong quy trình Đánh giá tác động môi trường trong một trường hợp dự án nghiên cứu cụ thể. MT2: Hướng dẫn lập đề cương và báo cáo đánh giá tác động	2	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 50% A1.1 Báo cáo tiến độ thực hiện theo kế hoạch: 30% A1.2 Bản đề cương dự thảo: 40%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môi trường chi tiết, áp dụng các phương pháp đánh giá những tác động của các hoạt động kinh tế-xã hội đến môi trường, MT3: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo MT4: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau			A1.3 Chuyên cần: 30% A1.4 Báo cáo tiến độ thực hiện theo kế hoạch: 30% A1.5 Bản báo cáo phân tích đánh giá tác động dự thảo: 40% A1.6 Chuyên cần: 30% A2. Báo cáo nội dung đồ án: 50% Điểm số 2: 100% Báo cáo nội dung đề cương và báo cáo phân tích đánh giá tác động hoàn chỉnh
14.	Quy hoạch bảo vệ môi trường	MT1: Các kiến thức cơ bản về quy hoạch bảo vệ môi trường, nội dung của quy hoạch bảo vệ môi trường, các công cụ và phương pháp được áp dụng khi tiến hành quy hoạch bảo vệ môi trường MT2: Các bước xây dựng được một báo cáo về nội dung quy hoạch bảo vệ môi trường cho một thành phần và khu vực cụ thể MT3: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo MT4: Có khả năng tự định hướng, đề xuất được các hướng nghiên cứu liên quan đến quy hoạch bảo vệ môi trường	3	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1 Bài kiểm tra 1: 60% A1.2 Bài tập thảo luận nhóm: 20% A1.3 Chuyên cần 20% Điểm số 2: 20% A1.4 Báo cáo hoạt động nhóm: 80% A1.5 Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần: 60% Điểm thi kết thúc học phần Bài thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
15.	Đồ án quy hoạch bảo vệ môi trường	- MT1: Các nội dung trong quy trình quy hoạch bảo vệ môi trường cho một khu vực hoặc một thành phần môi trường cụ thể - MT2: Các kỹ năng, phương pháp lập quy hoạch để xây dựng báo cáo quy hoạch bảo vệ môi trường cho một khu vực hoặc một thành phần môi trường cụ thể - MT3: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo - MT4: Khả năng tự định hướng, đề xuất được các hướng nghiên cứu liên quan đến quy hoạch bảo vệ môi trường	2	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình: 50% Điểm số 1 A1.1 Đề cương chi tiết và kế hoạch thực hiện 40% A1.2 Báo cáo tiến độ thực hiện theo kế hoạch: 40% A1.3 Chuyên cần 20% A2. Báo cáo nội dung đồ án: 50% Điểm số 2 A1.4 Báo cáo quy hoạch bảo vệ môi trường cho một khu vực hoặc một thành phần môi trường 100%
16.	Thanh tra tài nguyên và môi trường	MT1: Trình bày được các kiến thức cơ bản về thanh tra và thanh tra tài nguyên môi trường; phân tích được hành lang pháp lý của hoạt động thanh tra; các quy định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Mô tả được trình tự thực hiện một cuộc thanh tra và trình tự xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. MT2: Áp dụng kiến thức thanh tra vào thiết lập các văn bản sử dụng trong hoạt động thanh tra cho một đối tượng cụ thể;tính toán ảnh hưởng/thiệt hại về tài nguyên và môi trường; giải quyết các tình huống dựa trên các dữ liệu giả định. MT3: Có năng lực, nghiệp vụ về thanh tra và đền bù thiệt hại về môi trường; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm	3	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1 Bài kiểm tra: 60% A1.2 Bài tập: 20% A1.3 Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.4 Báo cáo thanh tra cho một đối tượng cụ thể: 70% A1.3 Chuyên cần: 30% A2. Thi kết thúc học phần: 60% Điểm thi kết thúc học phần Bài thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận

3. Khóa 12

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	**MT1** - Những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - Những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. **MT2** - Kỹ năng trình bày, phân tích, tổng hợp, những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lê nin trong hoạt động thực tiễn. - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm **MT3** - Năng lực tích lũy kiến thức và nghiên cứu độc lập, đánh giá và nhận diện bản chất các vấn đề cơ bản của kinh tế chính trị Mác- Lê Nin trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay. - Lập trường tư tưởng vững vàng, niềm tin vào đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.	2	Học kì 1	A1. Đánh giá quá trình A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra 1: 60 A1.2. Bài tập cá nhân : 20 A1.3. Bài tập nhóm: 20 Điểm số 2: 20% A1.4. Chuyên cần: 20 A1.5. Thảo luận, phát biểu: 50 A1.6. Thái độ học tập: 30 A2. Bài thi kết thúc học phần: 60%
2.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	**MT1**: Những tri thức cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam và sự vận dụng Chủ nghĩa xã hội khoa học trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam **MT2:** Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, thuyết trình, tự học và phản biện **MT3**: Niềm tin về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội; giá trị	2	Học kì 1	A1. Đánh giá quá trình A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra 1: 60 A1.2. Bài tập cá nhân : 20 A1.3. Bài tập nhóm: 20 Điểm số 2: 20% A1.4. Thảo luận, phát biểu: 50 A1.5. Chuyên cần: 25 A1.6. Thái độ học tập: 25 A2. Bài thi kết thúc học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khoa học và cách mạng của chủ nghĩa xã hội khoa học			phần: 60%
3.	Tiếng Anh 3	MT1: Về kiến thức: Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. MT2: Về kĩ năng: Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. MT3: Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	Học kì 1	A1. Đánh giá quá trình A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra 1: 100 Điểm số 2: 20% A1.2. Bài tập: 20 A1.3. Thái độ học tập: 20 A1.4. Bài kiểm tra 2: 60 A2. Bài thi kết thúc học phần: 60% Hình thức thi: Viết
4.	Hóa học đại cương	MT1: Các khái niệm cơ bản về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học, các công thức, các đại lượng quan trọng trong nội dung kiến thức của từng chương. MT2: Vận dụng được các kiến thức lý thuyết về Hóa học đại cương vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên sẽ được đào tạo. Áp dụng được những kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các dạng bài tập trong nội dung học phần. MT3: Vận dụng được kiến thức đã học để giải thích các hoạt động thực tiễn có liên quan đến hoá học. Tự nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học về hóa học đại cương vào các lĩnh vực chuyên môn, đồng thời rèn luyện cho sinh viên thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong công việc.	2	Học kì 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1 Bài chuẩn bị 50% A1.2 Chuyên cần 50% Điểm số 2: 20% A1.3 Bài tập 30% A1.4 Bài kiểm tra 70% A2. Thi kết thúc học phần: 60% Điểm thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận
5.	Hóa học môi trường	MT1. Kiến thức về các tác nhân, các nguồn gây nên các hiện tượng ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất. MT2.Hậu quả, biện pháp khắc phục các hiện tượng ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất MT3.Phương pháp tính toán khả năng tiếp nhận nước thải của	2	Học kì 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài thảo luận nhóm: 50% A1.2. Bài tập:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nguồn nước Phương pháp rèn luyện kỹ năng giải thích về các quá trình chuyển hóa của các nguyên tố cơ bản trong môi trường.			30% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Bài kiêm tra 50% A1.5.Bài tập 30% A1.6. Chuyên cần 20% A2. Điểm thi kết thúc học phần: 60%
6.	Quản lý môi trường	MT1. Hiểu được các kiến thức cơ bản về quản lý môi trường: khái niệm, nguyên tắc, tổ chức quản lý môi trường; các công cụ quản lý môi trường MT2. Vận dụng được các kiến thức cơ bản để quản lý các thành phần môi trường đất, nước, không khí và di sản thiên nhiên hiệu quả. MT3. Rèn luyện kỹ năng lập luận, tư duy, phân tích, đánh giá, hỗ trợ ra quyết định trong quản lý môi trường, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo MT4. Có khả năng tự định hướng, có năng lực giải quyết vấn đề về tài nguyên và môi trường	2	Học kì 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài KT: 50% A1.2. Bài tập: 20% A1.3. Chuyên cần: 30% Điểm số 2: 20% A1.4. Bài báo cáo 60% A1.5. Thảo luận 20% A1.6. Chuyên cần 20% A2. Thi tự luận: 60%
7.	Độc học môi trường	MT1. Một số khái niệm cơ bản về độc học môi trường; nguồn gốc, tính độc của một số chất ô nhiễm môi trường đã được giới thiệu trong học phần. MT2. Các kiến thức để giải thích một số biện pháp phòng ngừa và hạn chế tác động của các chất độc đến sức khỏe con người. MT3. Phương pháp dự đoán các chất gây tác động chủ yếu trong các nguồn thải và ảnh hưởng của chúng đến hệ sinh thái và con người; MT4. Phương pháp tính toán một số thông số độc học cơ bản. MT5. Năng lực dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ trong việc bảo	2	Học kì 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài tập: 40% A1.2. Thảo luận: 40% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Bài kiểm tra 50% A1.5. Thảo luận 30% A1.6. Chuyên cần 20% A2. Thi tự luận: 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vệ môi trường nói chung và nhận thức rõ trách nhiệm trong việc phân tích và xử lý, giảm thiểu các chất gây ô nhiễm môi trường.			
8.	Hệ thống pháp luật về tài nguyên và môi trường	MT1:Các kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành, đặc điểm, vai trò, nguyên tắc, hệ thống pháp luật về tài nguyên và môi trường; Luật và các văn bản dưới luật quy định về tài nguyên và môi trường MT2: Kỹ năng tra cứu văn bản, nghiên cứu thông tin, nội dung trong các văn bản pháp luật hiện hành MT3:Hệ thống hóa các kiến thức, thông tin từ các văn bản pháp quy từ đó ứng dụng giải quyết các tình huống trong thực tế, nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân và xã hội trong công tác quản lý tài nguyên và môi trường Kỹ năng tra cứu văn bản, nghiên cứu thông tin, nội dung trong các văn bản pháp luật hiện hành Hệ thống hóa các kiến thức, thông tin từ các văn bản pháp quy từ đó ứng dụng giải quyết các tình huống trong thực tế, nâng cao ý thức trách nhiệm của bản thân và xã hội trong công tác quản lý tài nguyên và môi trường	3	Học kì 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài KT: 50% A1.2. Bài tập: 25% A1.3. Chuyên cần: 25% Điểm số 2: 20% A1.4. Bài báo cáo 50% A1.5. Thảo luận 20% A1.6. Thái độ học tập 30% A2. Thi tự luận: 60%
9.	Kỹ năng nghiên cứu tài nguyên và môi trường	MT1: Hiểu được kiến thức cơ bản liên quan đến phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong quản lý môi trường và quản lý tài nguyên; MT2: Áp dụng xây dựng được đề cương nghiên cứu khoa học như: xác định vấn đề nghiên cứu, xây dựng giả thuyết, chuẩn bị đề cương nghiên cứu thu thập số liệu, Phân tích được dữ liệu thu thập, trình bày được kết quả nghiên cứu; MT3: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo MT4: Có khả năng tự định hướng, đề xuất được các hướng	2	Học kì 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra: 40% A1.2. Báo cáo nhóm: 40% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Báo cáo nhóm: 40% A1.5. Báo cáo nhóm:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiên cứu liên quan đến tài nguyên và môi trường			40% A1.6. Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức thi: Tự luận
10.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	MT1 Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong thực tiễn. MT2 Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; Tư duy lý luận, phản biện. MT3: Bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước; Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.	2	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1 Bài kiểm tra A1.2 Bài tập cá nhân A1.3 Bài tập nhóm Điểm số 2: 20% A1.4 Chuyên cần: 50% A1.5 Thảo luận, phát biểu: 30% A1.6 Thái độ học : 20% A2. Thi kết thúc học phần: 60% Điểm thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận
11.	Xác suất thống kê	MT1: Khối kiến thức cơ bản về xác suất: biến cố ngẫu nhiên, xác suất của biến cố, các công thức tính xác suất, công thức xác suất toàn phần, công thức xác suất nhị thức, đại lượng ngẫu nhiên, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, một số quy luật phân phối xác suất thông dụng, đại lượng ngẫu nhiên hai chiều. Khối kiến thức cơ bản về thống kê: lý thuyết mẫu ngẫu nhiên, ước lượng một số tham số lý thuyết bằng khoảng tin cậy, kiểm định giả thuyết thống kê. MT2: Khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản về xác suất,thống kê để làm bài bài tập về định tính, định lượng trong xác suất thống kê vào các lĩnh vực khoa học khác.	2	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình Điểm số 1: 20% A1.1 Bài kiểm tra số 1- Tự luận Điểm số 2: 20% A1.2 Bài tập A1.3 Thái độ học tập A1.4 Bài kiểm tra số 2 – Tự luận A2. Thi kết thúc học phần: 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			Bài thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Tự luận
12.	Kinh tế tài nguyên và môi trường	MT1: Kiến thức cơ bản liên quan đến Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần kinh tế tài nguyên môi trường; MT2: Kiến thức về mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; mức ô nhiễm tối ưu; cơ chế hoạt động của một số công cụ kiểm soát ô nhiễm; sự khác biệt cơ bản giữa các loại tài nguyên, xác định được mức khai thác tài nguyên tối ưu. MT3: Rèn luyện tác phong học tập và làm việc chuyên nghiệp, kỹ năng giao tiếp MT4: Nhận thức đúng vai trò và bản chất của công cụ kinh tế trong quản lý tài nguyên và môi trường.	2	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài KT: 40% A1.2. Bài tập: 40% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Bài kiểm tra 80% A1.5. Chuyên cần 20% A2. Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức thi: Tự luận
13.	Tin học ứng dụng	MT1. Các kiến thức cơ bản về vai trò, ý nghĩa của ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài nguyên môi trường MT2. Vận dụng các kiến thức về tin học ứng dụng trong công tác quản lý môi trường MT3. Rèn luyện kỹ năng sử dụng thành thạo các phầm mềm GIS và RS MT4. Có khả năng tự vận dụng các kiến thức trong việc phân tích bản đồ, tự học học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm	3	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài tập: 20% A1.2. Bài KT: 60% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Thực hành 80% A1.5. Chuyên cần 20% A2. Thi thực hành: 60%
14.	Quan trắc và phân tích môi trường	MT1. Các kiến thức cơ bản liên quan đến quan trắc môi trường, chương trình quan trắc môi trường. Các kiến thức về QA/QC trong quan trắc môi trường, các công thức pha chế dung dịch. MT2. Quy trình các bước thiết kế chương trình quan trắc môi trường. Phương pháp tính toán hóa chất pha chế, phân tích kết quả thực nghiệm. MT3. Các kiến thức và kỹ năng thực hiện quan trắc hiện	3	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra: 20% A1.2. Báo cáo nhóm: 60% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Báo cáo thực hành:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trường và phân tích mẫu tại phòng thí nghiệm, tính toán được số liệu và viết báo cáo. MT4. Năng lực chuyên môn nghiệp vụ cũng như khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến kỹ thuật quan trắc và phân tích môi trường nước			40% A1.5. Bài thực hành: 60% A2. Thi thực hành PTN: 60%
15.	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	MT1. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điều tra, đánh giá đa dạng sinh học; ý nghĩa của việc điều tra đánh giá đa dạng sinh học; các bước thực hiện điều tra, đánh gia đa dạng sinh học. MT2. Trang bị cho sinh viên những kỹ năng xây dựng kế hoạch điều tra, đánh giá đa dạng sinh học và vận dụng được các phương pháp để triển khai việc điều tra, đánh giá đa dạng sinh học. MT3. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo MT4. Thấy rõ vai trò, ý nghĩa của việc điều tra, đánh giá đa dạng sinh học nhằm nâng cao nhận thức của con người về đa dạng sinh học. Có thái độ và hành vi đúng đắn đối với việc bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học khi thực hiện một việc gì đó.	3	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra 1: 30 A1.2. Bài tập nhóm : 40 A1.3. Bài kiểm tra 2: 30 Điểm số 2: 20% A1.4. Chuyên cần: 20 A1.5. Thảo luận, phát biểu: 50 A1.6. Thái độ học tập: 30 A2. Bài thi kết thúc học phần: 60%
16.	Tiếng Anh chuyên ngành	MT1: Kiến thức về vốn từ vựng tiếng Anh cơ bản trong lĩnh vực môi trường (được cung cấp thêm khoảng 200 thuật ngữ chuyên ngành). MT2: Rèn luyện khả năng phân tích, diễn đạt các khái niệm, hiện tượng thuộc lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường bằng tiếng Anh. Đồng thời, củng cố và nắm vững kiến thức ngữ pháp tiếng Anh thường sử dụng nhiều trong văn phong khoa học. MT3: Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức cơ bản về tài nguyên và môi trường để đọc hiểu những văn bản chuyên ngành bằng tiếng Anh có độ khó ở mức độ trung bình; đọc lướt các văn bản tương đối dài để xác định thông tin cần tìm, tập hợp thông tin từ các phần của bài đọc hay từ các bài khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ	3	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra: 40% A1.2. Báo cáo nhóm: 40% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Bài thuyết trình: 80% A1.5. Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cụ thể được giao; và sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh để trình bày quan điểm của bản thân về những vấn đề cơ bản thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. MT4: Nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học nhằm nâng cao trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện nghiêm túc thời gian biểu; tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử; phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà; tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp; chia sẻ thông tin với bạn bè và với giáo viên.			
17.	Đồ án tin học ứng dụng	MT1. Xây dựng cơ sở dữ liệu số về tài nguyên và môi trường từ ảnh vệ tinh, số liệu đo đạc, quan trắc, giám sát bằng phần mềm GIS và Viễn Thám MT2. Phân tích và xử lý dữ liệu không gian và thuộc tính về tài nguyên và môi trường MT3. Thành lập bản đồ chuyên đề về tài nguyên và môi trường	2	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình: 50% Điểm số 1: 25% A1.1. Xây dựng kế hoạch tiến độ: 30% A1.2. ứng dụng: 40% A1.3. Chuyên cần: 30% Điểm số 2: 25% A1.4. báo cáo tiến độ 30% A1.5. Bài tập thực hành 40% A1.6. Chuyên cần 30% A2. Báo cáo đồ án cuối kỳ: 50%
18.	Kiến tập nghề nghiệp 1	MT1: Kiến thức thực tiễn trong các hoạt động liên quan tới lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường cụ thể và đúc kết được các kinh nghiệm cần thiết cho bản thân; MT2: Hình thành và phát triển được khả năng nhận dạng, phát hiện các ngành nghề, vị trí và cơ hội việc làm cũng như vai trò và tầm quan trọng của ngành quản lý tài nguyên và môi trường; MT3: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, và có động lực cho việc học tập và hướng tới nghề nghiệp phù hợp trong	1	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình: 50% Điểm số 1 A1.1 Chuyên cần: 100% A2. Báo cáo kết quả kiến tập: 50% Điểm số 2 Báo cáo kiến tập 100%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tương lai; MT4: Nâng cao ý thức, vai trò và trách nhiệm của cá nhân trong hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường.			

4. Khóa 13

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Tiếng Anh 1	MT1: Kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ sơ cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội MT2: Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ sơ cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. MT3: Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	Học kì 1	A1. Đánh giá quá trình A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra 1-trắc nghiệm: 100 Điểm số 2: 20% A1.2. Bài tập: 20 A1.3. Thái độ học tập: 20 A1.4. Bài kiểm tra 2-vấn đáp: 60 A2. Bài thi kết thúc học phần: 60% Hình thức thi: Trắc nghiệm + Vấn đáp
2.	Toán cao cấp	MT1: Khối kiến thức Toán cơ bản về đại số tuyến tính, giải tích toán học. MT2: Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản giải được các bài tập về đại số tuyến tính, giải tích toán học và và áp dụng kiến thức cơ bản vào các lĩnh vực khoa học khác. MT3: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	Học kì 1	A1. Đánh giá quá trình 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài tập: 50% A1.2. Thái độ học tập: 50% Điểm số 2: 20% A1.3. Bài kiểm tra 1: 50% A1.4. Bài kiểm tra 2: 50% A2. Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3.	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	MT1. Trang bị cho sinh viên kiến thức về chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của ngành QLTN&MT, về Mô hình tổ chức quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường ở Việt Nam, cũng như chức năng nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường. MT2. Trang bị cho sinh viên kiến thức về các loại kỹ năng để phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường MT3. Rèn luyện kỹ năng phát triển bản thân, phát triển nghề nghiệp như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo,… Kỹ năng hình thành và phát triển ý tưởng khởi nghiệp. MT4. Nhận thức đúng đắn về giá trị của việc rừng luyện các kỹ năng cần thiết để có thể phát triển được nghề nghiệp để có thể tự tin, chủ động trong học tập, rèn luyện để hoàn thiện kỹ năng và lập nghiệp sau khi ra trường.	3	Học kì 1	1: 20% A1.1. Bài kiểm tra chương 1 (20%) A1.2. Bài kiểm tra chương 2 (40%) A1.3. Thảo luận chương 1,2, 3 (20%) A1.4. Chuyên cần (20%) Điểm số 1: 20% A1.5. Báo cáo hoạt động nhóm 1: Mỗi nhóm lựa chọn 1 kỹ năng để tìm hiểu và trình bày (40%) A1.6. Bài tập thảo luận nhóm 2: Tìm hiểu và trình bày 1 dự án khởi nghiệp (chương 3) (40%) A1.7. Chuyên cần (20%) A2. Thi kết thúc học phần: Tự luận (60%)
4.	Sinh thái học	MT1: Trang bị cho sinh viên kiến thức về sinh thái học như khái niệm, quy luật, các nhân tố sinh thái và sự thích nghi của sinh vật với các nhân tố sinh thái này. MT2: Trang bị cho sinh viên kiến thức về sự chuyển hóa vật chất và năng lượng trong hệ sinh thái, các chu trình tuần hoàn vật chất trong tự nhiên. Chỉ thị sinh học môi trường MT3: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo MT4: Nhận thức đúng đắn về vai trò của con người như là một nhân tố sinh thái, mắt xích trong hệ sinh thái và tầm quan trọng của công tác bảo tồn, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học nhằm mục tiêu phát triển bền vững.	2	Học kì 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài KT: 40% A1.2. Bài tập nhóm: 40% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Bài tập nhóm 40% A1.5. Bài kiểm tra 40% A1.6. Chuyên cần 20% A2. Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức thi: Trắc nghiệm
5.	Triết học Mác - Lênin	MT1: - Kiến thức khái quát về triết học và kiến thức cơ	3	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình: 40%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bản, hệ thống về Triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử - Một số kiến thức thực tiễn từ sự vận dụng lý luận Triết học Mác-Lênin MT2: - Kỹ năng tư duy logic và khoa học theo thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng trong nhận định, đánh giá và giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực tiễn - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm MT3: Giá trị lý luận và thực tiễn của triết học Mác-Lênin, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác-Lênin			- Điểm số 1: 20% A1.1:Bài kiểm tra 60% A1.2 Bài tập cá nhân: 20% A1.3 Bài tập nhóm 20% Điểm số 2: 20% A1.4 Chuyên cần 30% A.1.5 Thảo luận, phát biểu: 50% A1.6 Thái độ học tập: 20% A2. Thi kết thúc học phần Điểm thi kết thúc học phần :Bài thi kết thúc học phần: 60% - Hình thức thi: Tự luận
6.	Tiếng Anh 2	MT1: Về kiến thức Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ tiền trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. MT2: Về kĩ năng Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. MT3: Về năng lực tự chủ và trách nhiệm Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra 1-trắc nghiệm: 100 Điểm số 2: 20% A1.2. Bài tập: 20 A1.3. Thái độ học tập: 20 A1.4. Bài kiểm tra 2-vấn đáp: 60 A2. Bài thi kết thúc học phần: 60% Hình thức thi: Trắc nghiệm + Vấn đáp
7.	Tin học đại cương	MT1: Các kiến thức chung về tin học và công nghệ thông tin MT2: Cách giao tiếp với hệ điều hành Windows MT3: Cách sử dụng các ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel, MS Powerpoint	2	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra: 40% A1.2. Bài tập: 40% A1.3. Chuyên cần: 20%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Điểm số 2: 20% A1.4. Báo cáo: 50% A1.5. Bài thực hành: 50% A2. Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức thi: Thực hành
8.	Vật lý đại cương	MT1: Khối kiến thức vật lý cơ bản về: đo lường; cơ học chất điểm; chuyển động của vũ trụ; nhiệt động lực học; điện – từ trường; dao động cơ và sóng điện từ; quang hình và quang lượng tử. MT2: Khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản đã học để làm bài tập về định tính, định lượng trong vật lý và áp dụng kiến thức cơ bản vật lý vào các lĩnh vực khoa học khác. MT3: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra 1: 100 Điểm số 2: 20% A1.2. Bài tập: 20 A1.3. Thái độ học tập: 20 A1.4. Bài kiểm tra 2: 60 A2. Bài thi kết thúc học phần: 60% Hình thức thi: Viết
9.	Cơ sở khoa học môi trường	MT1: Hiểu được các kiến thức cơ bản về tài nguyên, môi trường, khoa học môi trường; các thành phần cơ bản của môi trường, các dạng tài nguyên thiên nhiên; các vấn đề ô nhiễm môi trường; các vấn đề nền tảng về môi trường và khái niệm liên quan đến phát triển bền vững MT2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học môi trường để sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường MT3: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo MT4: Có khả năng tự định hướng, có năng lực giải quyết vấn đề về tài nguyên và môi trường	2	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài KT: 50% A1.2. Bài tập: 20% A1.3. Chuyên cần: 30% Điểm số 2: 20% A1.4. Bài báo cáo 60% A1.5. Bài tập 20% A1.6. Chuyên cần 20% A2. Thi tự luận: 60%
10.	Đa dạng sinh học	- MT1 Kiến thức về đa dạng sinh học như khái niệm, biết được các mức độ biểu hiện của đa dạng sinh học - MT2 Kiến thức về việc phân tích được vai trò của đa dạng sinh học, sự mất đa dạng sinh học, nguyên nhân và sự tuyệt chủng các loài; biết được thực trạng đa dạng sinh	2	Học kì 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra 1: 30% A1.2. Bài tập: 40% A1.3. Bài kiểm tra 2: 30%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học ở Việt Nam; Biết được các biện pháp quản lý đa dạng sinh học - MT3 Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức cơ bản về đa dạng sinh học để tiếp thu các học phần liên quan tiếp sau như Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học, bảo tồn đa dạng sinh học - MT4 Nhận thức được vai trò, ý nghĩa của môn học nhằm nâng cao nhận thức của con người về đa dạng sinh học; nhận thấy sự cần thiết phải quản lý và bảo vệ môi trường trên phạm vi khu vực, quốc gia và toàn cầu.			Điểm số 2: 20% A1.4. Chuyên cần 20% A1.5. Thảo luận, phát biểu 50% A1.6. Thái độ học tập 30% A2. Thi tự luận: 60%

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_KTTN

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2023-2024
Ngành: Kinh tế tài nguyên thiên nhiên

1. Khóa 11

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Hạch toán quản lý môi trường	MT1: Các kiến thức tổng quan về hạch toán quản lý môi trường, các phương pháp hạch toán quản lý nguyên vật liệu và năng lượng, hạch toán chi phí môi trường và lợi ích môi trường, hướng dẫn phương pháp lập Báo cáo chi phí - lợi ích môi trường và phương pháp thẩm định đầu tư môi trường. Từ đó hiểu được tầm quan trọng của các yếu tố tác động đến lợi nhuận doanh nghiệp. MT2: Khả năng ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí môi trường và dự toán chi phí môi trường cho kỳ kế hoạch, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho chức năng kiểm soát và đánh giá chi phí và sử dụng được các công cụ của hạch toán quản lý môi trường trong việc phân tích và kiểm soát chi phí môi trường, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. MT3: Các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng trình bày, thực hiện báo cáo, kỹ năng phân tích thông tin MT4: Khả năng tự đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong hạch toán quản lý môi trường.	2	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình 40% A.1.1, A1.2, A1.3, A1.4 20% A1.3, A1.5, A1.6 20% A2. Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
2.	Kinh tế sinh thái và phát triển bền vững	MT1: Kiến thức về Kinh tế sinh thái và phát triển bền vững như khái niệm kinh tế sinh thái, giá trị kinh tế của dịch vụ hệ sinh thái, khái niệm, yêu cầu và các nguyên tắc của phát triển	2	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình 40% A1.1, A1.2, A1.3 20%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bền vững. MT2: Kiến thức về dịch vụ hệ sinh thái bao gồm thành phần, cấu trúc, các khía cạnh kinh tế liên quan đến dịch vụ hệ sinh thái. Từ đó, cung cấp cho sinh viên các công cụ định giá giá trị dịch vụ hệ sinh thái. MT3: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo MT4: Phân tích, đánh giá, dự báo nhằm phát triển thị trường tài nguyên thiên nhiên, các dịch vụ hệ sinh thái, định giá tài nguyên thiên nhiên các dịch vụ hệ sinh thái, quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững, bảo tồn các hệ sinh thái trong nền kinh tế thị trường			A1.4, A1.5, A1.6 20% A2. Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Trắc nghiệm
3.	Phân tích và đánh giá tác động môi trường	Về kiến thức: - Các sinh viên sau khi kết thúc học phần được trang bị các kiến thức cơ bản về quá trình đánh giá tác động môi trường, nội dung đánh giá tác động môi trường và các phương pháp thường sử dụng trong đánh giá tác động môi trường tương ứng theo từng loại hình và lĩnh vực phát triển kinh tế-xã hội. Về kỹ năng: - Các sinh viên sau khi kết thúc học phần áp dụng được các phương pháp đánh giá tác động môi trường, đề xuất được các giải pháp công nghệ xử lí chất thải, và các biện pháp bảo vệ môi trường Về đạo đức nghề nghiệp: - Sinh viên có nhận thức đúng đắn về những tác động tích cực và tiêu cực của các hoạt động kinh tế-xã hội đến môi trường, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững.	2	Học kỳ 1	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%, Hình thức thi tự luận
4.	Quản trị môi trường doanh nghiệp	MT1: Các kiến thức tổng quan về mối quan hệ giữa kinh doanh và môi trường, phạm vi quản lý môi trường doanh nghiệp chính sách bảo vệ môi trường doanh nghiệp MT2: Các kiến thức về các công cụ quản lý môi trường doanh	3	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình 40% A1.1, A1.2, A1.3 20% A1.4, A1.5, A1.6 20%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiệp, các mục tiêu trong bảo vệ và quản trị môi trường MT3: Kỹ năng phân tích mối quan hệ giữa mục tiêu kinh tế và bảo vệ môi trường doanh nghiệp; ảnh hưởng của các chất ô nhiễm trong doanh nghiệp và chiến lược kinh tế chất thải doanh nghiệp MT4: Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức xây dựng chiến lược kinh tế chất thải doanh nghiệp MT5: Năng lực xây dựng kế hoạch, tổ chức và thực hiện quản trị môi trường doanh nghiệp			A2. Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: tự luận
5.	Kinh tế biến đổi khí hậu	MT1: Kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu, cơ chế biến đổi khí hậu, các kịch bản biến đổi khí hậu, tác động và cách ứng phó với biến đổi khí hậu; đặc biệt là cách ứng phó trên góc độ kinh tế. - Kiến thức cơ bản về kinh tế học biến đổi khí hậu, kinh tế học giảm nhẹ biến đổi khí hậu và kinh tế học thích ứng với biến đổi khí hậu. MT2: Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp, viết và trình bày kết quả MT3 Khả năng tự học tập, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên mô; năng lực định hướng và giải quyết vấn đền liên quan đến biến đổi khí hậu	2	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình 40% A1.1, A1.2, A1.3 20% A1.4, A1.5, A1.6 20% A2. Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
6.	Mô hình toán kinh tế tài nguyên và môi trường	MT1: Các kiến thức về các khái niệm và phương trình toán kinh tế liên quan tới ngoại ứng, phúc lợi Pigou và định lý Coase, trách nhiệm của người gây ra ô nhiễm môi trường và hệ thống cấp phép môi trường, các loại tài nguyên và bi kịch tài sản chung, những bất định và những vấn đề không thể đảo ngược MT2: Khả năng phân tích được các nguyên tắc và phương pháp xây dựng một mô hình kinh tế tài nguyên và môi trường, một số mô hình kinh tế tài nguyên, môi trường và sinh thái, mô hình quản lý tối ưu phân bố trong kinh tế môi trường, các mô hình tổng hợp kinh tế động lực, mô hình hóa sự thay đổi công nghệ, mô	2	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình 40% A1.1, A1.2, A1.3 20% A1.4, A1.5, A1.6 20% A2. Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hình tuyến tính kinh tế đa ngành và Mô hình cân bằng tổng quát tính toán được (CGEM). MT3: Phân tích và áp dụng được các kiến thức đã học để xây dựng và vận hành được một mô hình kinh tế tài nguyên hoặc môi trường đơn giản MT4: Áp dụng được các kiến thức đã học để vận hành một mô hình kinh tế tài nguyên và môi trường miễn phí			
7.	Quản lý môi trường đô thị và công nghiệp	- Về kiến thức: Sinh viên phân tích đoợc tổng quan về các vùng sinh thái và các cách tiếp cận trong quản lý các vùng sinh thái; phân tích, đánh giá đoợc hiện trạng, xu thế và vai trò của các vùng đất ngập nước, đới bờ, của lưu vực sông, của một số vùng/hệ sinh thái nhạy cảm (rừng ngập mặn, đầm phá, ...) đối với đời sống con người, từ đó lựa chọn được những mô hình, chính sách quản lý phù hợp, hiệu quả.	2	Học kỳ 2	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% Hình thức thi: Tự luận
8.	Quy hoạch bảo vệ môi trường và tài nguyên	MT1: Các kiến thức cơ bản về quy hoạch bảo vệ môi trường và tài nguyên, nội dung của quy hoạch bảo vệ môi trường và tài nguyên, các công cụ và phương pháp được áp dụng khi tiến hành quy hoạch bảo vệ môi trường và tài nguyên MT2: Xây dựng báo cáo về nội dung quy hoạch bảo vệ môi trường thành phần và tài nguyên MT3: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo MT4: Khả năng tự định hướng, đề xuất các hướng nghiên cứu liên quan đến quy hoạch bảo vệ môi trường và tài nguyên	2	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình 40% A1.1, A1.2, A1.3 20% A1.4, A1.5 20% A2. Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
9.	Sản xuất, tiêu dùng bền vững	MT1: Hiểu được các kiến thức cơ bản về sản xuất, tiêu dùng bền vững, bao gồm: khái niệm, mục tiêu, nguyên tắc, công cụ hỗ trợ thúc đẩy, tiêu chí sản xuất, tiêu dùng bền vững MT2: Có kỹ năng vận dụng được các kiến thức cơ bản nhằm áp dụng sản xuất, tiêu dùng bền vững tại Việt Nam MT3: Có kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo MT4: Có khả năng tự định hướng, có năng lực giải quyết vấn	2	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình 40% A1.1, A1.2, A1.3 20% A1.4, A1.5 20% A2. Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đề liên quan đến sản xuất, tiêu dùng bền vững			
10.	Thương mại và môi trường	MT1: Kiến thức cơ bản về thương mại quốc tế, luật thương mại quốc tế và luật quốc tế về môi trường; mối quan hệ phức tạp giữa môi trường và thương mại và các hiệp định môi trường đa phương. MT2: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng giao tiếp, viết và trình bày kết quả MT3: Khả năng tự học tập, tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn; năng lực định hướng và giải quyết vấn đền liên quan đến thương mại và môi trường.	2	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình 40% A1.1, A1.2, A1.3 20% A1.4, A1.5,A1.6 20% A2. Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
11.	Tiếng Anh chuyên ngành	MT1: Kiến thức về vốn từ vựng tiếng Anh cơ bản trong lĩnh vực môi trường (được cung cấp thêm khoảng 200 thuật ngữ chuyên ngành). MT2: Rèn luyện khả năng phân tích, diễn đạt các khái niệm, hiện tượng thuộc lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường bằng tiếng Anh. Đồng thời, củng cố và nắm vững kiến thức ngữ pháp tiếng Anh thường sử dụng nhiều trong văn phong khoa học. MT3: Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức cơ bản về tài nguyên và môi trường để đọc hiểu những văn bản chuyên ngành bằng tiếng Anh có độ khó ở mức độ trung bình; đọc lướt các văn bản tương đối dài để xác định thông tin cần tìm, tập hợp thông tin từ các phần của bài đọc hay từ các bài khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể được giao; và sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh để trình bày quan điểm của bản thân về những vấn đề cơ bản thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường. MT4: Nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học nhằm nâng cao trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện nghiêm túc thời gian biểu; tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử; phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà; tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động	3	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra: 40% A1.2. Báo cáo nhóm: 40% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Bài thuyết trình: 80% A1.5. Chuyên cần: 20% A2. Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trên lớp; chia sẻ thông tin với bạn bè và với giáo viên.			
12.	Kiến tập nghề nghiệp 2	MT1: Kiến thức thực tiễn trong các hoạt động liên quan tới lĩnh vực Kinh tế tài nguyên thiên nhiên cụ thể như kinh tế môi trường, kinh tế tài nguyên… MT2: Hình thành và phát triển khả năng nhận dạng, phát hiện các ngành nghề, vị trí và cơ hội việc làm cũng như vai trò và tầm quan trọng của ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên MT3: Biết cách áp dụng các kiến thức đã học vào thực tế, làm chủ kiến thức đã học MT4: Đúc kết được các kinh nghiệm cần thiết, có động lực cho việc học tập và hướng tới nghề nghiệp phù hợp trong tương lai	4	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình 50% A1.1, A1.2 20% A2. Thi kết thúc học phần 50% Hình thức thi: tự luận
13.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	MT1: Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong thực tiễn. MT2: Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; Tư duy lý luận, phản biện. MT3: Bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước; Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc	2	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình 40% A1.1, A1.2, A1.3 20% A1.4, A1.5,A1.6 20% A2. Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
14.	Phân tích chi phí - lợi ích	MT1: - Những kiến thức cơ bản về phân tích chi phí – lợi ích - Cơ sở lý thuyết của phân tích chi phí – lợi ích - Cách xác định được lợi ích và chi phí - Một số chỉ tiêu thường được sử dụng trong phân tích phân tích chi phí – lợi ích MT2: - Kỹ năng vận dụng kiến thức đã được học trong học phần để giải quyết các vấn đề liên quan đến phân tích chi phí – lợi ích của một dự án MT3: - Trách nhiệm của cá nhân đưa ra các kết luận về chuyên môn nghiệp vụ trong phân tích chi phí – lợi ích của các dự án khi	3	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình 40% A1.1, A1.2 20% A1.4 20% A2. Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được tham gia - Khả năng chủ động học tập, tích lũy kiến thức, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp xây dựng bài học, tìm kiếm thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung môn học.			
15.	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	MT1: Kiến thức tổng quan về dự án, quản lý dự án tài nguyên môi trường; xây dựng dự án tài nguyên và môi trường MT2: Kiến thức về quản lý dự án tài nguyên và môi trường; Giám sát và đánh giá dự án tài nguyên và môi trường MT3: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo MT4: Đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong quản lý dự án đối với các dự án về tài nguyên và môi trường	3	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình 40% A1.1, A1.2, A1.3 20% A1.4, A1.5 20% A2. Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
16.	Kinh tế số	MT1: Kiến thức cơ bản về thị trường số và thương mại điện tử. Vận dụng kiến thức về kinh tế số để phân tích mô hình kinh doanh số và mô hình hóa thị trường số. MT2: Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng phân tích tình huống, giải quyết những phát sinh trong việc ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực thanh toán MT3: Chủ động, sáng tạo, tích cực trong quá trình học tập và công tác sau khi tốt nghiệp	2	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình 40% A1.1, A1.2, A1.3 20% A1.4, A1.5,A1.6 20% A2. Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận

2. Khóa 12

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Quản lý tài nguyên môi trường	MT1: Các kiến thức cơ bản về quản lý tài nguyên và môi trường: khái niệm, nguyên tắc, tổ chức quản lý tài nguyên và môi trường; các công cụ quản lý tài nguyên và môi trường MT2: Phương pháp vận dụng các kiến thức cơ bản để quản lý tài nguyên và môi trường hiệu quả MT3: Phương pháp rèn luyện kỹ năng lập luận, tư duy, phân tích, đánh giá, hỗ trợ ra quyết định trong quản lý tài nguyên	3	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài KT: 50% A1.2. Bài tập: 20% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và môi trường, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo MT4: Năng lực cũng như khả năng tự định hướng, có năng lực giải quyết vấn đề về tài nguyên và môi trường			A1.4. Bài báo cáo 70% A1.5. Thái độ học tập 30% A2. Thi tự luận: 60%
2.	Chính sách tài nguyên và Môi trường	MT1: Trình bày được các kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò và tính tất yếu hình thành hệ thống luật BVMT tại Việt Nam; cách phân loại, mục tiêu, nguyên tắc ban hành; tóm tắt được nội dung chính một số chính sách sau: BVMT, quản lý tìa nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường biển vả hải đảo & biến đổi khí hậu tại Việt Nam và luật BVMT. MT2: Áp dụng các quy định về luật pháp, chính sách TNMT vào giải quyết tình huống thực tế; hình thành kỹ năng tra cứu các văn bản pháp luật về TNMT MT3: Có năng lực tư duy, phân tích giải quyết vấn đề; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm	2	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài KT: 10% A1.2. Bài tập: 5% A1.3. Chuyên cần: 5% Điểm số 2: 20% A1.4. Bài báo cáo nhóm 10% A1.5. Thảo luận, phát biểu 5% A1.6:Thái độ học tập 5% A2. Thi tự luận: 60%
3.	Kinh tế tuần hoàn	MT1: Hiểu được các khái niệm, nguyên tắc của CE, các thuật ngữ liên quan, các cách tiếp cận trong thực hiện CE, rào cản và động lực của việc chuyển đổi sang CE MT2: Vận dụng lý thuyết, phương pháp, công cụ từ nhiều lĩnh vực liên quan để thực hiện kinh tế tuần hoàn trong vòng đời sản phẩm của một số ngành MT3: Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo MT4: Có khả năng tự định hướng, có trách nhiệm, nghiêm túc trong công việc/nhiệm vụ được giao	3	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài KT: 60% A1.2. Bài tập: 20% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Bài báo cáo 80% A1.5. Thái độ học tập 20% A2. Thi tự luận: 60%
4.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	MT1: Những tri thức cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam và sự vận dụng Chủ nghĩa xã hội khoa học trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	2	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra: 60% A1.2. Bài tập cá nhân: 20%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT2: Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, thuyết trình, tự học và phản biện. MT3: Niềm tin về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội; giá trị khoa học và cách mạng của chủ nghĩa xã hội khoa học.			A1.3. Bài tập nhóm: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Thảo luận, phát biểu: 50% A1.5. Chuyên cần: 25% A1.6: Thái độ học tập: 25% A2. Thi tự luận: 60%
5.	Tiếng Anh 3	MT1: Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. MT2: Kỹ năng Nghe, Đọc, Viết ở mức độ trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. MT3: Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra số 1: 100% Điểm số 2: 20% A1.2. Bài tập: 20% A1.3. Thái độ học tập: 20% A1.4. Bài kiểm tra số 2: 60% A2. Thi viết: 60%
6.	Toán kinh tế	MT1: Khối kiến thức Toán cơ bản về đại số tuyến tính, giải tích toán học. MT2: Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản giải được các bài toán ứng dụng trong kinh tế. MT3: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài KT: 20% A1.2. Bài tập: 20% A2. Thi viết: 60%
7.	Địa lý kinh tế	MT1: Tổng quan về địa lý kinh tế, nội dung nghiên cứu và các phương pháp thường được sử dụng trong nghiên cứu địa lý kinh tế; Nguồn lực phát triển kinh tế xã hội và tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế cũng như xu hướng phát triển kinh tế theo vùng của Việt Nam. MT2: Kỹ năng lập luận, tư duy, phân tích để thấy được sự	2	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình 40% A1.1, a1.2, A1.3 20% A.1.4, A.1.5 20% A2. Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuận lợi và khó khăn trong phát triển kinh tế xã hội. MT3: Khả năng làm việc độc lập, tích cực, chủ động sáng tạo; tích lũy kiến thức về địa lý kinh tế Việt Nam			
8.	Kinh tế môi trường	MT1: Kiến thức cơ bản liên quan đến khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học Kinh tế môi trường; một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường, phát triển và phát triển bền vững; mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; trình bày được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như khái niệm ô nhiễm, khái niệm ngoại ứng,…; mức ô nhiễm tối ưu và các công cụ kiểm soát ô nhiễm; phân tích các công cụ và chính sách quản lý môi trường MT2: Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường; cơ sở lý luận để nhìn nhận, phân tích đánh giá môi trường trong bối cảnh của cơ chế thị trường; phân tích kinh tế của những tác động tới môi trường, góp phần thẩm định các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển thông qua phân tích chi phí – lợi ích. MT3: Rèn luyện tác phong học tập và làm việc chuyên nghiệp, kỹ năng giao tiếp MT4: Nhận thức đúng vai trò và bản chất của công cụ kinh tế trong quản lý tài nguyên và môi trường.	2	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài KT: 40% A1.2. Bài tập: 40% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Bài báo cáo 80% A1.5. Thái độ học tập 20% A2. Thi tự luận: 60%
9.	Kinh tế tài nguyên	MT1: Các kiến thức về chung về kinh tế tài nguyên MT2: Các mô hình trong sử dụng, khai thác và quản lý tài nguyên đất, thủy sản và tài nguyên rừng, nước, năng lượng và đa dạng sinh học theo hướng tiếp cận kinh tế MT3: Rèn luyện kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức và thực hiện thành thạo việc tư vấn hoặc trực tiếp thực hiện các giải pháp giúp cho các doanh nghiệp, Nhà nước khai thác và sử dụng các loại tài nguyên một cách bền vững và hiệu quả MT4: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp,	2	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài KT: 60% A1.2. Bài tập: 20% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Bài báo cáo 80% A1.5. Thái độ học tập 20%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kỹ năng trình bày báo cáo MT5: Nhận thức đúng đắn về kinh tế tài nguyên , sử dụng kiến thức đã học vận dụng vào các công việc thực tế liên quan đảm bảo tuân thủ theo các quy định pháp luật, thực hiện theo các chính sách quy định về sử dụng, khai thác và quản lý các loại tài nguyên			A2. Thi tự luận: 60%
10.	Các kỹ thuật phân tích kinh tế	MT1: Trình bày được các vấn đề căn bản như: khái niệm kỹ thuật phân tích kinh tế; phương pháp phân tích kinh tế dựa vào thị trường; phương pháp phân tích tài chính và phân tích kinh tế; phương pháp phân tích định tính và phân tích định lượng. MT2: Vận dụng các kiến thức đã học để làm nền tảng vận dụng phân tích các hoạt động kinh tế, xã hội, môi trường từ đó làm cơ sở cho việc đưa ra các quyết định. MT3: Có năng lực giải quyết vấn đề chuyên môn và nghiệp vụ thuộc lĩnh vực kinh tế tài nguyên và môi trường; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi và phát triển trong các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	3	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra 1: 60% A1.2. Thái độ học tập: 40% Điểm số 2: 20% A1.3. Bài kiểm tra 2: 60% A1.4. Chuyên cần 40% A2. Thi tự luận: 60%
11.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	MT1: Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong thực tiễn. MT2: Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; Tư duy lý luận, phản biện. MT3: Bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước; Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc	2	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình 40% A1.1, A1.2, A1.3 20% A1.4, A1.5,A1.6 20% A2. Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận
12.	Kinh tế vĩ mô	MT1: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hạch toán thu nhập quốc dân, tăng trưởng kinh tế, tổng cầu và tổng cung, tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, lạm phát và thất nghiệp, kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở	3	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình 40% A1.1, A1.2 20% A1.3, A1.4 20% A2. Thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT2: Kỹ năng nhận dạng, phân tích, tư duy, phán đoán logic, đánh giá được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế. MT3: Có khả năng làm việc khoa học, thu thập thông tin đầy đủ, phân tích, đánh giá trước khi ra quyết định. Rèn luyện tính cách thận trọng, phán đoán logic, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô phục vụ cho hoạt động kinh tế			60% Hình thức thi: Tự luận
13.	Tài chính tiền tệ	MT1: - Những vấn đề cơ bản về Tài chính như: Khái niệm, chức năng tài chính, cấu trúc hệ thống tài chính, ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, sự hình thành và cấu trúc thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian, ngân hàng thương mại, ngân hàng Trung ương. - Những vấn đề cơ bản về Tiền tệ: Nguồn gốc, bản chất và chức năng của tiền tệ, cung và cầu tiền tệ, tác động lạm phát đến phát triển kinh tế xã hội. - Những vấn đề cơ bản về tín dụng và lãi suất tín dụng, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế. MT2: - Có khả năng giải thích được những vấn đề cơ bản về tài chính tiền tệ, có kiến thức thực tế để vận dụng giải quyết các công việc chuyên môn. - Có kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá các hoạt động của thị trường tài chính, các tổ chức trung gian tài chính, hoạt động tín dụng, tài chính quốc tế và hệ thống Ngân hàng - Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng phân tích và tổng hợp các vấn đề về tài chính – tiền tệ. Từ đó đề xuất các giải pháp tài chính phù hợp cho các chủ thể trong nền kinh tế.	2	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình 40% A1.1, A1.2 20% A1.3, A1.4 20% A2. Thi kết thúc học phần 60% Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		MT3: - Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập. - Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. - Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.			
14.	Kiến tập nghề nghiệp 1	MT1: Kiến thức thực tiễn về các hoạt động liên quan tới lĩnh vực kinh tế tài nguyên thiên nhiên. MT2: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, và có động lực cho việc học tập và hướng tới nghề nghiệp phù hợp trong tương lai MT3: Nâng cao ý thức, vai trò và trách nhiệm của cá nhân trong hoạt động quản lý và bảo vệ tài nguyên và môi trường	4	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 50% Điểm số 1: 50% A1. Chuyên cần 100% A2. Báo cáo kiến tập: 50%
15.	Định mức kinh tế kỹ thuật	MT1: Khái niệm về mức, định mức, định mức kinh tế kỹ thuật, lý thuyết về các phương pháp định mức tiêu dùng nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, quan hệ giữa định mức kinh tế kỹ thuật và hoạt động quản lý môi trường doanh nghiệp MT2: Các bài tập tình huống để rèn luyện khả năng tính toán xác định định mức kinh tế kỹ thuật cho hoạt động sản xuất, xây dựng các giải pháp quản lý chất lượng và tiết kiệm nguyên vật liệu MT3: Khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, có tinh thần nghiêm túc trong vai trò của cử nhân kinh tế tài nguyên và môi trường	2	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra: 70% A1.2. Chuyên cần: 30% Điểm số 2: 20% A1.3. Bài tập chương 2 50% A1.4. Bài tập chương 3 50% A2. Thi tự luận: 60%
16.	Thuế và phí tài	MT1: Kiến thức về khái niệm thuế và phí tài nguyên, các quy	2	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	nguyên	định về thuế và phí tài nguyên trên thế giới và ở Việt Nam MT2: Kiến thức về căn cứ tính thuế và phí tài nguyên; các quy định về việc kê khai, nộp thuế và phí tài nguyên MT3: Rèn luyện kỹ năng xác định thuế của các loại tài nguyên, cách tính thuế và phí tài nguyên, thông thạo thủ tục kê khai, nộp thuế và phí tài nguyên MT4: Nhận thức đúng đắn về giá trị của thuế và phí tài nguyên, nâng cao ý thức rèn luyện và thực hiện tốt việc tính thuế và phí tài nguyên trong quá trình công tác.			40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài KT: 40% A1.2. Bài tập nhóm: 40% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Bài KT 40% A1.5. Bài tập nhóm 40% A1.6. Chuyên cần 20% A2. Thi kết thúc học phần: 60% Hình thức thi: Tự luận

3. Khóa 13

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Cơ sở khoa học môi trường	MT1: Hiểu được các kiến thức cơ bản về tài nguyên, môi trường, khoa học môi trường; các thành phần cơ bản của môi trường, các dạng tài nguyên thiên nhiên; các vấn đề ô nhiễm môi trường; các vấn đề nền tảng về môi trường và khái niệm liên quan đến phát triển bền vững MT2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học môi trường để sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường MT3: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo MT4: Có khả năng tự định hướng, có năng lực giải quyết vấn đề về tài nguyên và môi trường	2	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài KT: 50% A1.2. Thảo luận: 20% A1.3. Chuyên cần: 30% Điểm số 2: 20% A1.4. Bài báo cáo hoạt động nhóm 60% A1.5. Bài thảo luận 20% A1.6. Thái độ học tập 20% A2. Thi tự luận: 60%
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MT1: - Những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin về sản xuất hàng hóa, về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa	2	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra: 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. MT2: - Kỹ năng trình bày, phân tích, tổng hợp, những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lê nin trong hoạt động thực tiễn. - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm. MT3: - Năng lực tích lũy kiến thức và nghiên cứu độc lập, đánh giá và nhận diện bản chất các vấn đề cơ bản của kinh tế chính trị Mác- Lê Nin trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay. - Lập trường tư tưởng vững vàng, niềm tin vào đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.			A1.2. Bài tập cá nhân: 20% A1.3. Bài tập nhóm: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Chuyên cần: 30% A1.5. Thảo luận, phát biểu: 50% A1.6. Thái độ học tập: 20% A2. Thi tự luận: 60%
3.	Kinh tế vi mô	MT1: Hiểu được các kiến thức cơ bản về tài nguyên, môi trường, khoa học môi trường; các Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. MT2: Kỹ năng nhận dạng, phân tích, tư duy, phán đoán logic, đánh giá được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế. MT3: Có khả năng làm việc khoa học, thu thập thông tin đầy đủ, phân tích, đánh giá trước khi ra quyết định. Rèn luyện tính cách thận trọng, phán đoán logic, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vi mô phục vụ cho hoạt động kinh doanh.	3	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra 1: 40% A1.2. Bài tập: 40% A1.3. Thái độ học tập: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Bài kiểm tra 2: 80% A1.5. Thái độ học tập 20% A2. Thi tự luận: 60%
4.	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	MT1: Những kiến thức về các kỹ năng nghề nghiệp như sắp xếp, quản lý thời gian; lập kế hoạch công việc, tư duy logic, tổ chức, ra quyết định để giải quyết công việc; giao tiếp, thảo luận và làm việc nhóm. MT2: Khả năng vận dụng những kiến thức về các kỹ năng	2	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 40% A1.1. Chuyên cần: 10% A1.2. Bài tập cá nhân: 40%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mềm, kỹ năng cứng để xử lý các tình huống giả định phát sinh trong công việc với các đối tượng bên trong và ngoài cơ quan. MT3: Năng lực đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ trong xử lý các tình huống công việc liên quan đến ngành nghề kinh tế tài nguyên và môi trường.			A1.3. Lý thuyết: 10% A1.4. Báo cáo hoạt động nhóm: 40% A2. Thi thực hành: 60%
5.	Pháp luật đại cương	MT1: Những kiến thức về: nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; trách nhiệm pháp lý; nội dung cơ bản của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật phòng chống tham nhũng. MT2: Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; Kỹ năng so sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung và nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; Kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế. MT3: Năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. Xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.	2	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra: 70% A1.2. Bài tập: 30% Điểm số 2: 20% A1.3. Thảo luận: 40% A1.4. chuyên cần: 40% A1.5. Thái độ học tập 20% A2. Thi tự luận: 60%
6.	Phương pháp nghiên cứu kinh tế tài nguyên và môi trường	MT1: Hiểu được kiến thức cơ bản liên quan đến các phương pháp nghiên cứu kinh tế tài nguyên và môi trường MT2: Thiết kế được đề cương nghiên cứu kinh tế tài nguyên và môi trường: xác định vấn đề nghiên cúu, xây dựng giả thuyết, chuẩn bị đề cương nghiên cứu thu thập và xử lý thông tin, phân tích được dữ liệu thu thập, trình bày báo cáo nghiên cứu MT3: Luyện kỹ năng làm việc nhóm, kĩ năng giao tiếp, kĩ năng trình bày báo cáo MT4: Có khả năng tự định hướng, đề xuất được các hướng nghiên cứu liên quan đến kinh tế tài nguyên và môi trường	2	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài KT: 40% A1.2. Bài tập: 40% A1.3. Chuyên cần: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Trình bày đề cương nghiên cứu: 40% A1.5. Trình bày và viết báo cáo: 40%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					A1.6 Chuyên cần A2. Thi tự luận: 60%
7.	Tiếng Anh 1	MT1: Kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ sơ cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội MT2: Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ sơ cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. MT3: Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra số 1- Trắc nghiệm: 100% Điểm số 2: 20% A1.2. Bài tập: 20% A1.3. Thái độ học tập: 20% A1.4. Bài kiểm tra số 2- Vấn đáp: 60% A2. Thi trắc nghiệm và vấn đáp: 60%
8.	Tiếng Anh 2	MT1: Kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ tiền trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. MT2: Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; kỹ năng tư duy phản biện; khả năng tự học, kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. MT3: Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	Học kỳ 2	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra số 1- Trắc nghiệm: 100% Điểm số 2: 20% A1.2. Bài tập: 20% A1.3. Thái độ học tập: 20% A1.4. Bài kiểm tra số 2- Vấn đáp: 60% A2. Thi trắc nghiệm và vấn đáp: 60%
9.	Tin học đại cương	MT1: Các kiến thức chung về tin học và công nghệ thông tin. MT2: Cách giao tiếp với hệ điều hành Windows. MT3: Cách sử dụng các ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel, MS Powerpoint.	2	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra: 40% A1.2. Bài tập: 40% A1.3. Chuyên cần: 20%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					Điểm số 2: 20% A1.4. Báo cáo: 50% A1.5. Bài thực hành: 50% A2. Thi thực hành: 60%
10.	Triết học Mác - Lênin	MT1: - Kiến thức khái quát về triết học và kiến thức cơ bản, hệ thống về Triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử - Một số kiến thức thực tiễn từ sự vận dụng lý luận Triết học Mác-Lênin. MT2: - Kỹ năng tư duy logic và khoa học theo thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng trong nhận định, đánh giá và giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực tiễn - Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm. MT3: Giá trị lý luận và thực tiễn của triết học Mác-Lênin, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác-Lênin.	3	Học kỳ 1	A1. Đánh giá quá trình: 40% Điểm số 1: 20% A1.1. Bài kiểm tra: 60% A1.2. Bài tập cá nhân: 20% A1.3. Bài tập nhóm: 20% Điểm số 2: 20% A1.4. Chuyên cần: 20% A1.5. Thảo luận, phát biểu 50% A1.6: Thái độ học tập 30% A2. Thi tự luận: 60%

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_QĐ

CÔNG KHAI CÁC MÔN HỌC CỦA TỪNG KHOÁ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM HỌC 2023-2024

NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

1. Khóa ĐH10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Thanh tra đất đai và xây dựng	Học phần Thanh tra đất đai và xây dựng là môn học chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những hiểu biết có bản nhất về công tác thanh tra, giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai, xây dựng và nhà ở. Học phần được bố trí thành 5 chương: Một số vấn đề chung về thanh tra; thanh tra, kiểm tra, quản lý và sử dụng đất đai, xây dựng, nhà ở ; xử lý vi phạm pháp Luật đất đai, xây dựng, nhà ở; giải quyết tranh chấp đất đai, xây dựng, nhà ở ; giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai, xây dựng, nhà ở.	3	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 70% A1.2 Chuyên cần 30% A1.3 Bài kiểm tra 70% A1.4 Chuyên cần 30%
2	Quản lý thị trường bất động sản	Quản lý thị trường bất động sản là một trong những học phần kiến tức ngành tự chọn của ngành đào tạo Quản lý đất đai, trang bị cho sinh viên những kiến thức về bất động sản, thị trường bất động sản, kinh doanh bất động sản; Phân tích được khái niệm, đặc điểm của bất động sản, thị trường bất động sản; Lựa chọn phương pháp định giá bất động sản phù hợp; Vận dụng các nguyên tắc, điều kiện vào kinh doanh bất động sản có sẵn, bất động hình thành trong tương lai và kinh doanh dịch vụ bất động sản; Tổng hợp và đánh giá được thực tế vai trò điều tiết của nhà nước đối với thị trường bất động sản và những phương hướng nhằm phát triển thị trường bất động sản theo hướng bền vững.	2	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 70% A1.2 Thảo luận 10% A1.3 Chuyên cần 20% A1.4 Bài kiểm tra 70% A1.5 Thảo luận 10% A1.6 Chuyên cần 20%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Dịch vụ công về đất đai	Học phần Dịch vụ công về đất đai bao gồm: Những vấn đề chung về dịch vụ công và tổ chức quản lý các hoạt động cung ứng dịch vụ công; những vấn đề cơ bản về dịch vụ công đất đai (khái niệm, đặc trưng, phân loại…); chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của các tổ chức dịch vụ công về đất đai.	2	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 80% A1.2 Chuyên cần 20% A1.3 Bài kiểm tra 70% A1.4 Thảo luận 10% A1.5 Chuyên cần 20%
4	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai	Kỹ năng nghề nghiệp trong Quản lý đất đai là một học phần bắt buộc trong khối kiến thức và chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên một số các kỹ năng như: kỹ năng điều tra. thu thập và xử lý số liệu; kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định; kỹ năng tiếp dân và giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng quản lý thông tin; kỹ năng tư vấn pháp luật; kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian; kỹ năng lãnh đạo. Người học có thể vận dụng các kỹ năng nghề nghiệp trong Quản lý đất đai để quản lý và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ	2	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 80% A1.2 Chuyên cần 20% A1.3 Bài kiểm tra 70% A1.4 Thảo luận 10% A1.5 Chuyên cần 20%
5	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	Giúp sinh viên tổng hợp, vận dụng kiến thức đã học vào thực hành tay nghề chuyên môn về quy hoạch sử dụng đất. Học phần gồm những nội dung chính sau: Tập hợp thông tin, số liệu, tài liệu, nhận xét đánh giá tài liệu, số liệu. Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất. Viết báo cáo tổng hợp, hoàn thiện tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	3	Kỳ 1 năm 2023-2024	Chuyên cần Báo cáo tiến độ Báo cáo thực tập
6	Thực tập Đăng ký thống kê đất đai	Học phần Thực tập đăng ký, thống kê đất đai giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học của các học phần chính sách đất đai, thống kê đất đai và đăng ký đất đai để tổ chức thực hiện các nghiệp vụ về đăng ký, cấp giấy chứng nhận; lập và chỉnh lý các tài liệu trong hồ sơ địa chính; thống kê,	3	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 70% A1.2 Chuyên cần 30% A1.3 Báo cáo 70% A1.4 Chuyên cần 30%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiểm kê đất đai. Học phần có các nội dung cơ bản như sau: thu thập, tổng hợp, đánh giá các tài liệu, số liệu tại địa phương (đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu; đăng ký biến động đất đai; các tài liệu trong hồ sơ địa chính; báo cáo và biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai) để lập hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký biến động đất đai; Lập và chỉnh lý được các loại tài liệu trong hồ sơ địa chính; Lập được các biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai; Viết báo cáo tổng hợp kết quả thực tập.			
7	Thực tập tốt nghiệp	Thực tập tốt nghiệp là học phần thực hành cuối khoá, mang tính chất tổng hợp. Giúp sinh viên trình bày và giải thích được những kiến thức cơ bản về Quy hoạch sử dụng đất, Đăng ký thống kê đất đai, Thanh tra đất đai, Định giá đất từ đó phân tích, đánh giá, tổng hợp và vận dụng kiến thức đã học vào rèn luyện tay nghề chuyên môn về Quy hoạch sử dụng đất, Đăng ký thông kê đất đai, Thanh tra đất đai, Định giá đất. Sinh viên nghiên cứu lựa chọn chuyên đề theo hướng dẫn của khoa.	6	Kỳ 2	A2.1 Thu thập tài liệu, số liệu 20% A2.2 Ý thức, trách nhiệm 20% A2.3 Chất lượng báo cáo 60%
8	Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai	Học phần Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai cung cấp cho sinh viên những kiến thức: giải quyết tranh chấp đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo các vi phạm pháp luật về đất đai.	2	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra số 1: 60% A1.2 Bài tập: 20 % A1.3 Chuyên cần: 20% A1.4 Bài kiểm tra số 2:70% A1.5 Thảo luận: 10% A1.6 Chuyên cần:20%
9	Công nghệ chuyển đổi số trong quản lý đất đai	Công nghệ chuyển đổi số trong quản lý đất đai là một học phần trong các môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp thuộc khối kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp, trang bị cho	2	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra 70% A1.2 Chuyên cần 30% A1.3 Bài kiểm tra 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sinh viên những kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, định hướng nghề nghiệp, cách tiếp cận thế giới và định hướng chuyển đổi số của ngành quản lý đất đai. Đồng thời tìm hiểu chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Nắm vững những quy trình cụ thể đang được áp dụng trong chuyển đổi số đối với công tác quản lý nhà nước.			A1.4 Thảo luận 20% A1.5 Chuyên cần 20%
10	Bảo vệ tài nguyên đất	Học phần Bảo vệ tài nguyên đất nhằm bổ trợ các cơ sở lý thuyết căn bản về các quá trình thoái hóa đất và kỹ thuật bảo vệ tài nguyên đất. Nội dung chính của học phần gồm tổng quan thực trạng tài nguyên đất thế giới và Việt Nam; các quá trình thoái hóa đất; các kỹ thuật bảo vệ tài nguyên đất.	2	Kỳ 2	Chuyên cần Bài kiểm tra Bài thi kết thúc học phần

2. KHOÁ ĐH11

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng và quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ khi ra đời đến nay. Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	2	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 60% A1.2 Bài tập cá nhân 20% A1.3 Bài tập nhóm 20% A1.4 Chuyến cần 30% A1.5 Thảo luận, phát biểu 50% A1.6 Thái độ học tập020% A2. Bài thi kết thúc học phần 100%
2	Giao đất và thu hồi đất	Học phần Giao đất và thu hồi đất là một trong những học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản lý Đất đai. Đây là học phần nhằm nghiên cứu chuyên sâu về các	3	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 60% A1.2 Bài tập 20% A1.3 Chuyên cần 20%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nội dung: (1) Nhà nước giao đất, (2) Nhà nước cho thuê đất, (3) Chuyển mục đích sử dụng đất, (4) Nhà nước thu hồi đất. Học phần Giao đất cung cấp cho sinh viên một số quy định về giao đất, cho thuê đất. của Nhà nước đang áp dụng. Đồng thời học phần còn cung cấp một số quy định về thu hồi, bồi thường khi Nhà nước tiến hành thu hồi đất của các đối tượng sử dụng đất.			A1.4 Bài kiểm tra 60% A1.5 Bài tập 20% A1.6 Chuyên cần 20%
3	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai	Kỹ năng nghề nghiệp trong Quản lý đất đai là một học phần bắt buộc trong khối kiến thức và chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên một số các kỹ năng như: kỹ năng điều tra. thu thập và xử lý số liệu; kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định; kỹ năng tiếp dân và giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng quản lý thông tin; kỹ năng tư vấn pháp luật; kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian; kỹ năng lãnh đạo. Người học có thể vận dụng các kỹ năng nghề nghiệp trong Quản lý đất đai để quản lý và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ	2	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 80% A1.2 Chuyên cần 20% A1.3 Bài kiểm tra 70% A1.4 Thảo luận 10% A1.5 Chuyên cần 20%
4	Cơ sở dữ liệu đất đai	Cơ sở dữ liệu đất đai là một học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành, trang bị cho học viên những kiến thức chung về cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu đất đai đất đai; hệ quản trị cơ sở dữ liệu, ngôn ngữ truy vấn SQL và sử dụng các lệnh cơ bản của hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Đồng thời cũng nắm vững được nội dung, quy trình xây dựng và cách quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai. Đồng thời có thể tự thiết kế các mô hình cơ sở dữ liệu phục vụ cho ngành quản lý, tổ chức và quản lý tốt các dữ liệu nói chung và dữ liệu đất đai nói riêng trên các phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu và phần mềm chuyên ngành.	3	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 80% A1.2 Chuyên cần 20% A1.3 Bài kiểm tra 70% A1.4 Thảo luận 10% A1.5 Chuyên cần 20%
5	Tin học ứng dụng	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ	3	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra số 1:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	trong quản lý đất đai 1(*)	năng cơ bản về bản đồ số, quy trình thành lập bản đồ số bằng hệ thống phần mềm và các modul chạy trên nền của phần mềm MicroStation, TK Tool. Làm quen với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và sử dụng đất đai.			70% A1.2 Bài thực hành 15% A1.3 Chuyên cần 15% A1.4 Bài kiểm tra số 2: 70% A1.5 Bài thực hành 20% A1.6 Bài tập 10%
6	Hướng dẫn khởi nghiệp	Những vấn đề cơ bản về khởi nghiệp; Thành lập doanh nghiệp và các thủ tục liên quan; Một số lĩnh vực kinh doanh trong ngành quản lý đất đai và quản lý đất đai.	2	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 70% A1.2 Chuyên cần 30% A1.3 Bài kiểm tra 70% A1.4 Chuyên cần 30%
7	Thống kê đất đai	Học phần thống kê đất đai là học phần trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về nguyên lý thống kê như khái niệm, điều tra thống kê, tổng hợp, phân tích và dự báo thống kê, chỉ tiêu hiện tượng kinh tế xã hội; Những quy định chung về thống kê, kiểm kê đất đai như mục đích, nguyên tắc, kết quả thống kê, kiểm kê đất đai; Các chỉ tiêu đất đai theo mục đích sử dụng, chỉ tiêu người sử dụng đất, người được Nhà nước giao quản lý đất; Biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai; Trình tự thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	2	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 70% A1.2 Chuyên cần 30% A1.3 Bài kiểm tra 70% A1.4 Chuyên cần 30%
8	Thực tập đo đạc địa chính	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Trình bày được quy trình đo vẽ và biên tập bản đồ địa hình, bản đồ địa chính tỷ lệ 1: 500 bằng công nghệ số - Thiết kế, chọn và đánh dấu được các điểm khống chế. Đo đạc, ghi sổ và tính toán bình sai lưới khống chế mặt bằng và độ cao. Đo vẽ chi tiết và biên tập được 01 mảnh bản đồ		Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 160% A1.2 Thái độ học tập 40%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		địa chính tỷ lệ 1: 500. - Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, có sáng kiến, khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh			
9	Định giá đất	Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về nguyên tắc, cơ sở phương pháp luận của giá đất, phương pháp định giá đất nói chung và định giá đất phi nông nghiệp, định giá đất nông nghiệp nói riêng. Học phần cũng trình bày một số kiến thức cơ bản về quy trình xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất	2	Kỳ 2	Bài kiểm tra Bài tập Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
10	Quản lý thị trường bất động sản	Quản lý thị trường bất động sản là một trong những học phần kiến tức ngành tự chọn của ngành đào tạo Quản lý đất đai, trang bị cho sinh viên những kiến thức về bất động sản, thị trường bất động sản, kinh doanh bất động sản; Phân tích được khái niệm, đặc điểm của bất động sản, thị trường bất động sản; Lựa chọn phương pháp định giá bất động sản phù hợp; Vận dụng các nguyên tắc, điều kiện vào kinh doanh bất động sản có sẵn, bất động hình thành trong tương lai và kinh doanh dịch vụ bất động sản; Tổng hợp và đánh giá được thực tế vai trò điều tiết của nhà nước đối với thị trường bất động sản và những phương hướng nhằm phát triển thị trường bất động sản theo hướng bền vững.	2	Kỳ 2	Bài kiểm tra Thảo luận Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
11	Dịch vụ công về đất đai	Học phần Dịch vụ công về đất đai bao gồm: Những vấn đề chung về dịch vụ công và tổ chức quản lý các hoạt động cung ứng dịch vụ công; những vẫn đề cơ bản về dịch vụ công đất đai (khái niệm, đặc trưng, phân loại…); chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của các tổ chức dịch vụ công về đất đai.	2	Kỳ 2	Bài kiểm tra Thảo luận Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
12	Quản lý và sử dụng	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản	2	Kỳ 2	Bài kiểm tra

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	về biến đổi khí hậu; tác động và hậu quả của biến đổi khí hậu đến đất đai và sử dụng đất; đồng thời đề xuất các giải pháp quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên đất đai ứng phó với biến đổi khí hậu			Chuyên cần Thảo luận Bài thi kết thúc học phần
13	Quản lý tài nguyên môi trường	MT1: Cung cấp những kiến thức cơ bản của lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường và phát triển bền vững; hệ thống quản lý tài nguyên và môi trường từ trung ương tới địa phương tại Việt Nam và một số Quốc gia khác MT2: Những kiến thức về khái niệm, mục đích, vai trò, ưu nhược điểm, quy trình và điều kiện áp dụng hiệu quả của các công cụ quản lý tài nguyên và môi trường; MT3: Hướng dẫn sinh viên vận dụng được các công cụ quản lý tài nguyên và môi trường vào thực tế để quản lý một số đối tượng tài nguyên và thành phần môi trường một cách hiệu quả; MT4: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày báo cáo và khả năng tự định hướng, đề xuất được các giải pháp bảo vệ và quản lý tài nguyên và môi trường phù hợp	2	Học kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 80% A1.2 Chuyến cần 40% A1.3 Thuyết trình 80%
14	Chính sách nhà ở	Học phần Chính sách nhà ở là một trong những môn học chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức: chính sách pháp Luật về xây dựng, chính sách pháp Luật về nhà ở.	2	Kỳ 2	Bài kiểm tra Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
15	Hệ thống thông tin đất đai	Hệ thống thông tin đất đai là một học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành, trang bị cho sinh viên kiến thức về hệ thống thông tin đất, các thuật ngữ, các mô hình (dữ liệu thuộc tính, đồ họa), hệ quản trị cơ sở dữ liệu và công cụ giúp xây dựng hệ thống thông tin đất đai.	2	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra1,2 120% A1.2 Chuyến cần 60% A1.3 Bài tập 20%
16	Đăng ký đất đai	Học phần Đăng ký đất đai là một trong các học phần thuộc khối kiến thức ngành có tính bắt buộc đối với sinh viên	3	Kỳ 2	Bài kiểm tra Bài tập

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngành Quản lý đất đai. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về đăng ký đất đai; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; hồ sơ địa chính. Học phần này có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần Chính sách đất đai, Thống kê đất đai, Giao đất và thu hồi đất, Tài chính đất đai, Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1 và Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 2.			Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
17	Kiến tập nghề nghiệp	Học phần Kiến tập nghề nghiệp giúp sinh viên tham quan, tìm hiểu môi trường làm việc thực tế ở các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp ở các địa phương hay các doanh nghiệp trong lĩnh vực quản lý đất đai. Qua đó, sinh viên sẽ được quan sát, học hỏi các kỹ năng chuyên môn cũng như các kỹ năng nghề nghiệp, làm quen với văn hóa công sở, doanh nghiệp, đồng thời có cái nhìn cụ thể hơn về con đường và trách nhiệm nghề nghiệp. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên tự định hướng được con đường nghề nghiệp cũng như môi trường làm việc của mình sau khi ra trường, thực hành các kỹ năng mềm, tác phong và thái độ hành xử chuyên nghiệp để có thể thích nghi, giao tiếp và làm việc trong môi trường Nhà nước hoặc doanh nghiệp.	1	Kỳ 2	A1.1 Chuyên cần 100% A1.2 Báo cáo 100%

3. Khóa ĐH12

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam và sự vận dụng Chủ nghĩa xã hội khoa học trong quá	2	Học kỳ 1	- Điểm quá trình gồm có 2 đầu điểm đánh giá. Trọng số: 40% - Điểm thi kết thúc học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Củng cố kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, thuyết trình, tự học và phản biện. và niềm tin về sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và trị khoa học, cách mạng của chủ nghĩa xã hội khoa học			phần theo hình thức tự luận. Trọng số 60%
2	Tiếng anh 3	Học phần "*Tiếng Anh 3"* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, thể bị động của quá khứ đơn, hiện tại đơn, hiện tại hoàn thành tiếp diễn với các từ xác định và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều điểm chung: hiện tại và quá khứ, sức khỏe, các bệnh thường gặp, các vật dụng hàng ngày, tiền tệ. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống như: cuộc sống hiện tại và quá khứ, thực hành những đoạn hội thoại liên quan về sức khỏe và tai nạn, tìm hiểu về các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới, tìm hiểu kỹ hơn về các vận dụng hàng ngày cần thiết khi mang đi du lịch.	2	Học kỳ 1	- Điểm quá trình, gồm có 2 đầu điểm đánh giá. Trọng số: 40% - Điểm thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận. Trọng số 60%
3	Kỹ năng mềm	Kỹ năng mềm là một học phần bắt buộc trong khối kiến Giáo dục đại cương. Học phần kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kỹ năng cơ bản như: kỹ năng giao tiếp; kỹ năng lắng nghe; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng đặt câu hỏi; kỹ năng đọc; kỹ năng viết; kỹ năng làm việc nhóm và tìm kiếm việc làm...Kỹ năng mềm được hiểu là tất cả các kỹ năng giúp con người tư duy và tương tác với nhau trong công việc và cuộc sống. Nói cách khác, kỹ năng mềm quyết định đến sự thành công của một người và được đánh giá cao trong xã hội hiện đại.	2	Kỳ 1	Bài kiểm tra Bài tập Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin về sản xuất hàng hóa, về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Củng cố kỹ năng phân tích, tổng hợp, phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm giải quyết tình huống dựa trên những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin và khả năng đánh giá và nhận diện các vấn đề cơ bản của kinh tế chính trị Mác- Lê Nin trong nền kinh tế thị trường, định hướng XHCN ở nước ta hiện nay; có lập trường và niềm tin vào đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.	2	Học kỳ 2	- Điểm quá trình gồm có 2 đầu điểm đánh giá. Trọng số: 40% - Điểm thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận. Trọng số 60%
5	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Học phần Phong thủy trong quy hoạch đất đai là học phần trong khối kiến thức cơ sở ngành của ngành Quản lý đất đai. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học phong thủy, phong thủy đối với lĩnh vực đất đai, bố trí nhà ở và cảnh quan môi trường. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức của môn học để ứng dụng trong quy hoạch đất đai.	2	Kỳ 1	Bài kiểm tra Chuyên cần Thảo luận Bài thi kết thúc học phần
6	Đo đạc địa chính	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Những kiến thức cơ bản về địa chính và công tác địa chính. - Những kỹ năng trong công tác thành lập, quản lý, ứng dụng bản đồ địa chính và công tác địa chính - Cách tiếp cận kiến thức khoa học, công nghệ mới, tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ, chủ động trong công việc.	3	Kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 160% A1.2 Thái độ học tập 40%
7	Bản đồ học	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Tích lũy được những kiến thức liên quan tới bản đồ khái niệm về bản đồ, cơ sở toán học của bản đồ và các phương	2	Học kỳ 1	A1.1 Bài kiểm tra 1 80% A1.2 Thái độ học tập

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp thành lập bản đồ. - Vận dụng được những kiến thức đã học để phân tích được quy trình thành lập được bản đồ và sử dụng bản đồ. - Tự học tập, tích lũy kiến thức kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn về nghiệp vụ bản đồ.			20% A1.3 Bài kiểm tra 2 100% A2 Bài thi kết thúc học phần 100%; Hình thức thi tự luận
8	Khoa học đất	Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống cơ sở lý thuyết về thành phần vô cơ, thành phần hữu cơ trong đất. Bên cạnh đó, cung cấp lý thuyết về keo đất và khả năng hấp phụ của đất, dung dịch đất.	3	Kỳ 1	Bài kiểm tra Bài tập Chuyên cần Thảo luận Bài thi kết thúc học phần
9	Thực tập trắc địa cơ sở	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Trình bày được trình tự các bước thành lập lưới khống chế mặt bằng và độ cao. - Thiết kế, chọn và đánh dấu được các điểm khống chế. Đo đạc, ghi sổ và tính toán bình sai lưới khống chế mặt bằng và độ cao - Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ, có sáng kiến, khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, đánh giá và cải tiến trong thực hiện nhiệm vụ.	2	Kỳ 1	
10	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần nhằm cung cấp cho người học: Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong thực tiễn. Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; Tư duy lý luận, phản biện. Bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước; Xác định trách nhiệm của	2	Học kỳ 1	- Điểm quá trình gồm có 2 đầu điểm đánh giá. Trọng số: 40% - Điểm thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận. Trọng số: 60%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.			
11	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý đất đai	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức liên quan đến các khái niệm chung như khoa học và nghiên cứu khoa học, các loại khoa học, phương pháp và quan điểm khoa học, các bước tiến hành quá trình nghiên cứu, cách thiết kế nghiên cứu khác nhau, cách thu thập và xử lý dữ liệu, thông tin trong quá trình nghiên cứu. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu đến sinh viên những định hướng nghiên cứu trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường nói chung, lĩnh vực quản lý đất đai nói riêng	2	Kỳ 2	Bài kiểm tra Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
12	Tiếng Anh chuyên ngành	Học phần cung kiến thức chuyên ngành ở mức có thể đọc hiểu và viết, dịch được các chủ đề chính trong công việc ngành quản lý đất đai; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống trong quản lý đất đai thường gặp; có kỹ năng lập kế hoạch, lập các văn bản hành chính, trình bày ý kiến liên quan đến công tác quản lý đất đai.	3	Kỳ 2	Bài kiểm tra Bài tập Thái độ học tập Bài thi kết thúc học phần
13	Đánh giá đất	Học phần Đánh giá đất cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về điều tra, đánh giá đất đai; Điều tra, phân hạng đất nông nghiệp; Điều tra, đánh giá chất lượng đất và tiềm năng đất đai; Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất; từ đó, có phương án sử dụng đất hợp lý, hiệu quả, hướng đến sử dụng đất bền vững.	2	Kỳ 2	Bài kiểm tra Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
14	Quản lý Nhà nước về đất đai	Học phần Quản lý Nhà nước về đất đai cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước và Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam, Đại cương Quản lý Nhà nước về đất đai, Nội dung Quản lý Nhà nước về đất đai giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện và có kỹ năng để nghiên cứu Quản lý Nhà nước về đất đai.	2	Kỳ 2	Bài kiểm tra Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
15	Chính sách đất đai	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung về pháp luật đất đai; chính sách quản lý Nhà nước về đất đai; chính sách sử dụng các loại đất; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.	3	Kỳ 2	Bài kiểm tra Chuyên cần Bài tập Bài thi kết thúc học phần
16	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về phát triển kinh tế xã hội, hiểu được mối quan hệ biện chứng về các nhân tố tác động tới sự phát triển kinh tế xã hội của một huyện, tỉnh, vùng, quốc gia. Vận dụng được kiến thức về phát triển kinh tế, xã hội có liên quan và kiến thức cơ bản các học phần đã học để giải quyết được tình huống quy hoạch ngành, lĩnh vực chủ yếu.	2	Kỳ 2	Bài kiểm tra Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
17	Quy hoạch đô thị	Học phần Quy hoạch đô thị cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về đô thị, quá trình phát triển của đô thị, quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch các khu chức năng trong đô thị, thiết kế quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong đô thị	2	Kỳ 2	Bài kiểm tra Chuyên cần Bài tập Bài thi kết thúc học phần
18	Sử dụng đất và kinh tế đất	Học phần đưa ra các vấn đề tổng quan về sử dụng đất, tổng quan về kinh tế đất; các vấn đề về bản chất địa tô, địa tô chênh lệch, địa tô tuyệt đối; Lợi thế so sánh và chi phí cơ hội trong kinh tế tài nguyên đất, Phân tích hiệu quả sử dụng đất khi tiến hành các dự án đầu tư trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là hiệu quả kinh tế.	2	Kỳ 2	Bài kiểm tra Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần

4. Khóa ĐH13

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh 1	Học phần "*Tiếng Anh 1*" là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp	3	Học kỳ 1	- Điểm quá trình gồm có 2 đầu điểm đánh giá. Trọng số: 40%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm chung: công việc hàng ngày, thói quen, sở thích, du lịch, đất nước, con người... Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: giới thiệu bản thân, giải quyết những vấn đề thường gặp khi giao tiếp trên điện thoại và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.			- Điểm thi kết thúc học phần theo hình thức trắc nghiệm + vấn đáp. Trọng số 60%
2	Pháp luật đại cương	MT1: Những kiến thức về: nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; trách nhiệm pháp lý; nội dung cơ bản của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật phòng chống tham nhũng. MT2: Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; Kỹ năng so sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung và nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; Kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế. MT3: Năng lực tìm kiếm, tra cứu văn bản, tra cứu các quy định của pháp luật liên quan đến nghề nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. Xác định được quyền và nghĩa vụ của bản thân trong các quan hệ pháp luật cụ thể.	2	Học kì 1	A1.1 Bài kiểm tra 70% A1.2 Bài tập 30% A1.3 Thảo luận 40% A1.4 Chuyên cần 40% A1.5 Thái độ học tập 20%
3	Toán cao cấp	Học phần Toán cao cấp trang bị cho sinh viên những kiến thức ban đầu, cơ bản nhất về đại số (ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính) và giải tích toán học (ứng	2	Kì 1	A1.1. Bài tập 50% A1.2. Thái độ học tập 50% A1.3. Bài kiểm tra 1 50%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng đạo hàm để tính giới hạn, tích phân suy rộng, …), hàm số nhiều biến số, Cực trị của hàm nhiều biến. Phương trình vi phân: Phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân tuyến tính cấp một và phương trình vi phân cấp 2 . Các kiến thức này góp phần nâng cao khả năng tư duy của sinh viên và làm cơ sở để học các môn chuyên ngành.			A1.4. Bài kiểm tra 2 50%
4	Vật lý đại cương	Học phần "Vật lý đại cương" là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức về: đo lường; cơ học chất điểm; chuyển động của vũ trụ; nhiệt động lực học; điện – từ trường; dao động cơ và sóng điện từ; quang hình và quang lượng tử. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để áp dụng vào các lĩnh vực khoa học khác.	2	Kì 1	A1.1 Bài kiểm tra số 1 100% A1.2 Bài tập 20% A1.3 Thái độ học tập 20% A1.4 Bài kiểm tra số 2 60% A2 Bài thị kết thúc học phần 100%
5	Triết học Mác - Lênin	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về Triết học học triết học Mác-Lênin. Củng cố kỹ năng tư duy logic và khoa học theo thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng trong nhận định, đánh giá và giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực tiễn. Bảo vệ giá trị lý luận và thực tiễn của triết học Mác-Lênin, có niềm tin vào đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.	3	Kì 1	- Điểm quá trình gồm có 2 đầu điểm đánh giá. Trọng số: 40% - Điểm thi kết thúc học phần theo hình thức tự luận. Trọng số 60%
6	Hoá học đại cương	Học phần Hóa học đại cương cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở, cơ bản ban đầu của hóa học ở bậc đại học như: Nhiệt động học của một số quá trình hóa học, Động hóa học của các phản ứng, Hiện tượng cân bằng hóa học và sự chuyển dịch cân bằng hóa học, Các kiến thức về dung dịch, pH và cân bằng trong dung dịch, Một số quá	2	Kì 2	A1.1 Bài chuẩn bị 50% A1.2 Chuyên cần 50% A1.3 Bài tập 30% A1.4 Bài kiểm tra 70%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trình điện hóa học, Hiện tượng bề mặt và dung dịch keo… Các kiến thức cơ bản này sẽ giúp cho sinh viên vận dụng sự hiểu biết của mình trong việc học tập và nghiên cứu đối với các học phần chuyên ngành có liên quan như môi trường, quản lý đất đai, khoa học biển, biến đổi khí hậu, đại chất và nhiều chuyên ngành khác.			
7	Tiếng Anh 2	Học phần "*Tiếng Anh 2"* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, so sánh của tính từ - trạng từ, động từ khuyết thiếu… và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm như: nghề nghiệp, lễ hội, du lịch… ở mức độ tiền trung cấp. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mức độ tiền trung cấp thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: gọi điện thoại, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.	3	Kì 2	- Điểm quá trình gồm có 2 đầu điểm đánh giá. Trọng số: 40% - Điểm thi kết thúc học phần theo hình thức trắc nghiệm + vấn đáp. Trọng số 60%
8	Tin học đại cương	Học phần "*Tin học đại cương"* là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần tin học đại cương trang bị các kiến thức cơ bản, hệ thống về công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu rõ các chức năng và cách làm việc với máy tính trong công việc thông thường, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết sử dụng thành thạo các phần	2	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra 40% A1.2 Bài tập 40% A1.3 Chuyên cần 20% A1.4 Báo cáo 50% A1.5 Bài KT thực hành 50%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint			
9	Kỹ năng mềm	Kỹ năng mềm là một học phần bắt buộc trong khối kiến Giáo dục đại cương. Học phần kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kỹ năng cơ bản như: kỹ năng giao tiếp; kỹ năng lắng nghe; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng đặt câu hỏi; kỹ năng đọc; kỹ năng viết; kỹ năng làm việc nhóm và tìm kiếm việc làm...Kỹ năng mềm được hiểu là tất cả các kỹ năng giúp con người tư duy và tương tác với nhau trong công việc và cuộc sống. Nói cách khác, kỹ năng mềm quyết định đến sự thành công của một người và được đánh giá cao trong xã hội hiện đại.	2	Kỳ 2	Bài kiểm tra Thảo luận Chuyên cần Bài thi kết thúc học phần
10	Xác suất thống kê	Học phần "Xác suất thống kê" là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần trang bị cho sinh những kiến thức ban đầu, cơ bản nhất về xác suất (phép thử, biến cố, các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất, các đại lượng đặc trưng của biến ngẫu nhiên.…) và thống kê (lý thuyết mẫu, ước lượng tham số,…). Người học được cung cấp phương pháp khoa học phân tích và xử lý dữ liệu có được nhờ các thí nghiệm, các cuộc điều tra nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên, các vấn đề kỹ thuật cũng như các vấn đề xã hội.	2	Học kỳ 1	Xác suất thống kê
11	Trắc địa cơ sở	Học phần nhằm cung cấp cho người học: - Những kiến thức cơ bản về trắc địa cơ sở như: Các loại trị đo, các kiến thức về máy móc trang thiết bị đo đạc, các loại lưới khống chế. - Những kỹ năng đo đạc và xử lý số liệu đo như: số liệu đo góc, đo cạnh, đo chênh cao, đo khoảng cách.	3	Kỳ 2	A1.1 Bài kiểm tra 1,2 160% A1.2Thái độ học tập 40%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Cách tiếp cận kiến thức khoa học, có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.			

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_TNN

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2023-2024
Ngành Quản lý Tài nguyên nước

1. Khóa 10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Chính sách quản lý tài nguyên và môi trường nước	- Hiểu được những kiến thức cơ bản về pháp luật và những chính sách trong lĩnh vực tài nguyên nước và môi trường hiện hành của Việt Nam - Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế về xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách tài nguyên nước ở Việt Nam, có thể tham gia góp ý xây dựng chính sách TNN, phản biện chính sách và giám sát việc thực hiện chính sách cụ thể đối với ngành nước Việt Nam - Nâng cao tính tích cực, chủ động nắm bắt các cơ chế chính sách thể chế về tài nguyên và môi trường nước ở Việt Nam. Có thái độ đúng đắn, phù hợp với quy định của pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên nước và môi trường.	2	HK1	- Bài kiểm tra số 1, bài kiểm tra số 2, chuyên cần - Bài thi kết thúc học phần
2	Kỹ năng nghề nghiệp quản lý tài nguyên nước	- Biết phương pháp thu thập, thống kê tổng hợp tài liệu, xử lý tài liệu, thực hành được phần mềm chuyên ngành tài nguyên nước, có đủ kiến thức tổng hợp, lập kế hoạch, thuyết trình và viết báo cáo - Phân tích tổng hợp tài liệu, thu thập tài liệu điều tra, quan trắc, quy hoạch tài nguyên nước, kỹ năng số hoá, xây dựng và thành lập bản đồ tài nguyên nước, chất lượng nước, kỹ năng chuẩn bị dữ liệu, thống kê dữ liệu, lập thông số đầu vào của mô hình số tài nguyên nước mặt, nước dưới đất và chất lượng nước, kỹ năng nghiên cứu, xây dựng thành lập đề cương dự án, đề tài trong lĩnh vực tài nguyên nước, kỹ năng viết báo cáo chuyên đề và báo cáo tổng kết thuộc lĩnh vực quản lý tài nguyên nước, kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và viết báo nghiên cứu khoa học.	2	HK1	- Bài kiểm tra số 1, bài kiểm tra số 2, chuyên cần, thảo luận - Bài thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân và chấp hành pháp luật cao, có ý thức trung thực trong nghiên cứu, lao động, học tập trong lĩnh vực tài nguyên nước.			
3	Kỹ thuật khai thác nước dưới đất	- Cung cấp các kiến thức cơ bản để giải quyết được các vấn đề liên quan đến thiết kế các công trình khai thác nước dưới đất, hiểu được và thiết kế được các công trình khai thác nước ngầm: tính toán công trình khai thác, các loại hình công trình khai thác, kết cấu giếng, chỉnh lý tài liệu,…. - Vận dụng được các kiến thức đã học để thao tác thực hành các kỹ thuật về khai thác nước dưới đất như: biết sử dụng vận hành bơm chìm, biết thao tác bơm, múc nước, đổ nước thí nghiệm - Hình thành thái độ nghiêm túc, kỉ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập, thực hành và làm bài tập	2	HK1	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần, thảo luận - Bài thi kết thúc học phần
4	Kỹ thuật tài nguyên nước	- Cập nhật, trang bị kiến thức cơ bản về hệ thống công trình khai thác sử dụng tài nguyên nước. - Vận dụng được lí thuyết đã học vào thực tế, hiểu biết về hệ thống công trình khai thác tài nguyên nước, nắm vững công tác khai thác các công trình thủy lợi nhằm hướng tới mục tiêu quản lý hiệu quả, vận hành và bảo dưỡng công trình thủy lợi nhằm mục tiêu phát triển bền vững. - Có tinh thần nâng cao kiến thức ngành, có tinh thần trách nhiệm, trung thực.	2	HK1	- Bài kiểm tra số 1, bài kiểm tra số 2, chuyên cần, bài tập - Bài thi kết thúc học phần
5	Quy hoạch tài nguyên nước	- Hiểu được kiến thức cơ bản khái niệm và quy trình các bước lập Quy hoạch Tài nguyên nước; các nội dung quy hoạch Tài nguyên nước (phân bổ nguồn nước, bảo vệ tài nguyên nước và phòng chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra); các bài toán cơ bản trong quy hoạch và quản lý Tài nguyên nước); - Phân tích được các thành phần của một hệ thống Tài nguyên nước, xác định được vấn đề quy hoạch và xây dựng được trình tự quy hoạch Tài nguyên nước, vận dụng được các kiến thức đã học để giải quyết một bài toán quy hoạch trong thực tiễn - Hiểu rõ vai trò quan trọng của công tác quy hoạch tài nguyên nước để từ đó sinh viên không ngừng học hỏi, tu dưỡng rèn luyện học tập tốt	3	HK1	- Bài kiểm tra số 1, bài kiểm tra số 2, chuyên cần, bài tập, thảo luận - Bài thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Truyền thông về tài nguyên nước	- Nắm vững kiến thức cơ bản về truyền thông, truyền thông trong lĩnh vực tài nguyên nước ở Việt Nam và những kỹ năng cần thiết tổ chức hoạt động truyền thông về tài nguyên nước. - Áp dụng được những kiến thức đã học để thiết kế, tổ chức các buổi truyền thông, tuyên truyền và diễn thuyết về TNN, phát triển một số kĩ năng trong học tập và đời sống (kĩ năng phân tích, tổng hợp, kĩ năng hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng giải quyết vấn đề....). - Chuyển biến về thái độ theo chiều hướng tích cực về việc truyền thông trong lĩnh vực tài nguyên nước, có trách nhiệm tuyên truyền và vận động những người xung quanh có ý thức bảo vệ và sử dụng tài nguyên nước.	2	HK1	- Bài kiểm tra số 1, bài kiểm tra số 2, chuyên cần, bài tập, thảo luận - Bài thi kết thúc học phần
7	Đánh giá kinh tế tài nguyên nước	- Trang bị những cơ sở lý luận để phân tích, đánh giá kinh tế dự án tài nguyên nước thông qua phân tích chi phí - lợi ích, tổng hợp được những kiến thức về đánh giá kinh tế trong quá trình khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên nước; trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản như: cung nước, cầu nước, thị trường nước, giá nước... phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ thống kinh tế và tài nguyên nước; phân tích các công cụ và chính sách quản lý tài nguyên nước. - Phân tích, đánh giá hiệu quả của việc sử dụng nước trong các dự án, vận dụng các phương pháp phân tích lợi ích – chi phí để xác định giá trị của nước trong từng dự án nước cụ thể, thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác, đưa ra những giải pháp giúp cho các doanh nghiệp, cá nhân và nhà nước khai thác, sử dụng tài nguyên nước một cách bền vững. - Đảm bảo tuân thủ theo các quy định pháp luật, thực hiện theo các chính sách quy định về sử dụng, khai thác và quản lý tài nguyên nói chung và tài nguyên nước nói riêng.	2	HK1	- Bài kiểm tra số 1, bài kiểm tra số 2, chuyên cần, thảo luận - Bài thi kết thúc học phần
8	Quản lý tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu	- Nắm vững cơ sở khoa học của xây dựng chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực tài nguyên nước, nêu lên được cơ sở xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng trên thế giới; những tác động của biến đổi khí hậu đến lĩnh vực tài nguyên	2	HK1	- Bài kiểm tra số 1, bài kiểm tra số 2, chuyên cần, thảo luận, bài tập

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nước, như: Dòng chảy năm, dòng chảy mùa lũ, lưu lượng đỉnh lũ, dòng chảy mùa cạn, ngập úng lũ lụt, xâm nhập mặn và như cầu dùng nước, kế hoạch hành động quốc gia về BĐKH, quan điểm chủ đạo trong quản lý nhà nước về tài nguyên nước; - Sử dụng công cụ phần mềm chuyên ngành nhằm xác định tác động của biến đổi khí hậu đến một số đặc trưng tài nguyên nước, phát triển một số kĩ năng trong học tập và đời sống (kĩ năng phân tích, tổng hợp, kĩ năng hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng giải quyết vấn đề....). - Chuyển biến về thái độ theo chiều hướng tích cực về việc bảo vệ và sử dụng tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu, có trách nhiệm tuyên truyền và vận động những người xung quanh có ý thức bảo vệ và sử dụng tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu			lớn - Bài thi kết thúc học phần
9	Thực tập tốt nghiệp	- Hiểu thực tiễn về hoạt động Quy hoạch, Quản lý Tài nguyên nước thuộc chuyên ngành đã được đào tạo, có kiến thức về Quy hoạch hệ thống Tài nguyên nước, biết được nguyên lý phân bổ Tài nguyên nước - Xây dựng một báo cáo nghiên cứu khoa học, viết chuyên để để làm khóa luận tốt nghiệp - Hoàn thiện năng lực và phẩm chất đạo đức của một người cán bộ khi ra trường	6	HK2	- Chuyên cần - Báo cáo đề cương thực tập - Báo cáo thực tập tốt nghiệp.
10	Khóa luận tốt nghiệp	- Thực hiện được khóa luận tốt nghiệp; Phân tích, đánh giá và hệ thống hóa được toàn bộ kiến thức đã học về ngành Quản lý tổng hợp Tài nguyên nước và áp dụng kiến thức đó để giải quyết một bài toán trọn vẹn; tổng hợp, tư duy, phân tích tìm kiếm tài liệu, lựa chọn đề tài, đặt bài toán, xây dựng đề cương nghiên cứu, lập kế hoạch thực hiện, thực hiện, biên soạn khóa luận và bảo vệ thành công khóa luận tốt nghiệp - Biết trình bày một nội dung cụ thể về lĩnh vực được đào tạo từ việc đặt vấn đề; giải quyết vấn đề; đánh giá; kết luận và kiến nghị, tìm kiếm tài liệu, tổng quan, phân tích lựa chọn đề tài phù hợp với bản thân và sự phát triển của lĩnh vực mình quan tâm, xây dựng được đề cương chi tiết, lập kế hoạch, xây dựng được báo cáo	6	HK2	- Bảo vệ kết quả thực hiện khóa luận trước hội đồng

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khóa luận tốt nghiệp và bảo vệ khóa luận - Hình thành phong cách học tập, nghiên cứu, thực hành khoa học và yêu ngành, yêu nghề.			

2. Khóa 11

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Chính sách quản lý Tài nguyên nước và Môi trường nước	- Cung cấp những kiến thức về pháp luật và những chính sách trong lĩnh vực tài nguyên nước và môi trường hiện hành của Việt Nam. Kiến thức của học phần này là cơ sở cho việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách tài nguyên nước, tham gia góp ý xây dựng chính sách TNN, phản biện chính sách và giám sát việc thực hiện chính sách cụ thể đối với ngành nước Việt Nam. - Có thể tham gia góp ý xây dựng chính sách TNN, phản biện chính sách và giám sát việc thực hiện chính sách cụ thể đối với ngành nước Việt Nam. - Rèn cho sinh viên đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát	2	HK1	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần - Bài thi kết thúc học phần
2	Phân tích và đánh giá Tài nguyên nước dưới đất	- Cung cấp các kiến thức về hiện tượng thấm, đặc điểm thấm của các tầng chứa nước, các phương trình vi phân phân tích vận động của nước dưới đất; phương pháp phân tích và các bước tính toán các thông số tầng chứa nước thông qua các kết quả thí nghiệm thấm ngoài trời. - Điều tra quan trắc tài nguyên nước dưới đất. Mô phỏng mô hình hóa các quá trình hình thành, chuyển động và lưu trữ nước dưới đất. - Rèn cho sinh viên đức tính chăm chỉ, tự học tập, tích lũy kiến thức	2	HK1	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần - Bài thi kết thúc học phần
3	Phân tích đánh giá chất lượng nước	- Trang bị những khái niệm về chất lượng nước, ô nhiễm nguồn nước, các nguồn gây ô nhiễm nguồn nước, các phương pháp phân tích chất lượng nước, ý nghĩa và vai trò của các thông số chất lượng nước, tìm hiểu quy trình lấy mẫu và bảo quản mẫu cũng	2	HK1	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		như quy trình xử lý số liệu đo đạc, phân tích, các quy chuẩn được sử dụng trong lấy mẫu, bảo quản mẫu… đánh giá chất lượng nguồn nước. - Rèn cho sinh viên đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.			- Bài thi kết thúc học phần
4	Thực hành phân tích đánh giá chất lượng nước	- Trang bị những kiến thức và kỹ năng về quy trình lấy mẫu và bảo quản mẫu cũng như cũng như quy trình xử lý số liệu đo đạc, phân tích, các quy chuẩn được sử dụng trong lấy mẫu, bảo quản mẫu - Thiết kế được chương trình lấy mẫu, chuẩn bị dụng cụ tư trang cá nhân và thiết bị thí nghiệm. Kỹ năng thực hiện các thao tác lấy mẫu, bảo quản mẫu, phân tích mẫu và xử lý số liệu phân tích - Rèn cho sinh viên đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.	1	HK1	- Bài kiểm tra, chuyên cần - Thực hành lấy mẫu và phân tích ngoài hiện trường, thực hành phân tích trong phòng thí nghiệm - Bài báo cáo
5	Tính toán và dự báo như cầu sử dụng nước	- Trang bị những kiến thức phương pháp tính toán các nhu cầu sử dụng nước cho các ngành kinh tế quốc dân: nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt, giao thông thủy, dòng chảy môi trường và phương pháp dự báo nhu cầu sử dụng nước cho một khu vực trong tương lai dựa theo các kịch bản phát triển kinh tế xã hội và của từng ngành - Tính toán, xử lý dữ liệu hợp lý, biết cách sử dụng mô hình để tính toán và dự báo nhu cầu sử dụng nước cho các ngành kinh tế quốc dân - Có tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề, luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.	2	HK1	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần, báo cáo thực tập - Bài thi kết thúc học phần
6	Thực hành tính toán và dự báo như cầu sử dụng nước	- Phương pháp tính toán các nhu cầu sử dụng nước cho các ngành kinh tế quốc dân: nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt, giao thông thủy, dòng chảy môi trường cho một khu vực cụ thể, dự báo nhu cầu sử dụng nước cho một khu vực cụ thể trong tương lai dựa theo các kịch bản phát triển kinh tế xã hội và của từng ngành - Tính toán, xử lý dữ liệu hợp lý, biết cách sử dụng mô hình để	1	HK1	- Báo cáo thực hành tính toán nhu cầu sử dụng nước - Báo cáo thực hành dự báo nhu cầu sử dụng

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tính toán và dự báo nhu cầu sử dụng nước cho các ngành kinh tế quốc dân - Có tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề, luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.			nước
7	Thực tập quan trắc và điều tra Tài nguyên nước dưới đất	- Hiểu nguyên tắc khảo sát, đo đạc, xử lý được các kết quả khảo sát đo đạc, lập báo cáo điều tra đánh giá tài nguyên nước dưới đất - Thành thạo các thao tác kỹ năng ngoài thực địa như sử dụng dụng cụ đo đạc điều tra: GIS, địa bàn, thước dây, búa, máy đo lưu tốc kế cầm tay, ván đo, biết tổ chức liên hệ công tác địa phương, làm giấy giới thiệu, công văn, các thủ tục xin phép khác trước khi tiến hành điều tra, chuẩn bị dụng cụ tư trang: quần áo bảo hộ, gang tay, mũ, ủng, áo mưa, ô, lương khô (nếu phải đi qua trưa), các nhu yếu phẩm khác, thuốc men cơ bản - Trung thực trong điều tra, chăm chỉ cần cù ngoài thực tế.	2	HK1	- Chuyên cần - Báo cáo kết quả quan trắc và bơm hút nước thí nghiệm - Báo cáo thực tập điều tra tổng hợp
8	Thực tập quan trắc và điều tra Tài nguyên nước mặt	- Thực hiện các thao tác quan trắc, tính toán các yếu tố: mực nước, lưu lượng nước, chất lượng nước. - Thực hiện các nội dung điều tra tài nguyên nước ngoài thực địa và tổng hợp, hoàn thiện báo cáo điều tra thực địa. - Rèn cho sinh viên đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.	2	HK1	- Thực hành quan trắc mực nước và lưu lượng nước, tính sổ mực nước, tính sổ lưu lượng nước - Đánh giá kết quả công tác chuẩn bị điều tra tài nguyên nước mặt, kết quả điều tra thực địa, phân tích mẫu - Báo cáo kết quả
9	Tiếng Anh chuyên ngành	- Trang bị những kiến thức, từ vựng cơ bản, văn phong bằng tiếng Anh về thủy văn, lũ lụt, chất lượng nước và quản lý tổng hợp tài nguyên nước. Kiến thức học phần này là cơ sở để để sinh viên có thể tham khảo các tài liệu chuyên môn của các học phần chuyên môn - Kỹ năng đọc hiểu và dịch thuật các nội dung chuyên ngành tài nguyên nước. Cấu trúc ngữ pháp, cách lựa chọn các từ vựng học	3	HK1	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần - Bài thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuật được sử dụng trong chuyên ngành về Tài nguyên nước. - Niềm say mê với ngành học và rèn luyện đức tính chăm chỉ, kiên trì.			
10	Đánh giá kinh tế tài nguyên nước	- Trang bị những kiến thức cơ bản về tài nguyên nước, đánh giá kinh tế tài nguyên nước; Cung, cầu thị trường nước, cân bằng thị trường nước và định giá nước; Cơ sở của phân tích kinh tế dự án tài nguyên nước và Phân tích kinh tế một số dự án tài nguyên nước - Kỹ năng vận dụng kiến thức đã được học trong học phần để giải quyết các vấn đề liên quan đến khai thác, sử dụng và điều chỉnh hành đánh giá hiệu quả kinh tế của các dự án tài nguyên nước. Kỹ năng thuyết trình, thảo luận, và hợp tác giữa các thành viên với nhau - Có khả năng làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong những điều kiện thay đổi; Trách nhiệm của cá nhân trong việc khai thác và sử dụng tài nguyên nước, chủ động học tập, tích lũy kiến thức, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp xây dựng bài học, tìm kiếm thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung học phần.	2	HK2	- Bài kiểm tra số 1, bài kiểm tra số 2, thảo luận, thái độ học tập - Bài thi kết thúc học phần
11	Kỹ thuật khai thác nước dưới đất	- Cung cấp các kiến thức điều tra đánh giá trong tìm kiếm và khai thác nước dưới đất; các dạng công trình khai thác nước dưới đất và đặc điểm của từng dạng công trình khai thác nước dưới đất; các phương pháp thi công, thiết kế và tính toán cho từng dạng công trình khai thác nước dưới đất; quy trình xây dựng và phát triển các công trình khai thác nước dưới đất. - Vận dụng thiết kế được công trình khai thác nước dưới đất trong thực tiễn - Rèn cho sinh viên thái độ nghiêm túc, kỉ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập, thực hành và làm bài tập	2	HK2	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần. - Bài thi kết thúc học phần
12	Quản lý tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu	- Giới thiệu về biến đổi khí hậu, khoa học về biến đổi khí hậu cũng như các biểu hiện của biến đổi khí hậu trên thế giới và ở Việt Nam. Cung cấp cho người học các kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng trên thế giới cũng như ở Việt Nam và những tác động của nó đến lĩnh vực tài nguyên nước như: Dòng chảy năm, dòng chảy mùa lũ, lưu lượng đỉnh lũ, dòng chảy mùa cạn, ngập úng	3	HK2	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần, bài tập nhóm - Bài thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lũ lụt, xâm nhập mặn và như cầu dùng nước, kiên thức về chương trình và chiến lược quốc gia ứng phó với BĐKH trong lĩnh vực tài nguyên nước, kế hoạch hành động quốc gia về BĐKH trong các giai đoạn, cơ sở khoa học về xây dựng chiến lược ứng phó với biến đối khí hậu trong lĩnh vực tài nguyên nước - Xây dựng cơ sở dữ liệu, lập bản đồ, phân tích đánh giá tác động của BĐKH đến một số đặc trưng Tài nguyên nước. - Có tinh thần trách nhiệm, cẩn thận, trung thực;có ý thức học tập và làm việc nghiêm túc; xây dựng và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.			
13	Tham quan nhận thức	- Nhận thức cảnh quan đầu tiên về tài nguyên nước mặt, tài nguyên nước dưới đất, sự tồn tại, hình thành, quá trình vận động, tác động của tài nguyên nước đến đời sống, đưa ra nhận thức về lũ, quá trình con người thích nghi cải tạo tự nhiên để sống chung với lũ lụt và chống chọi với thiên tai hạn hán - Có kỹ năng xử lý các tình huống liên quan đến lũ lụt, mất nước trong giếng khoan, ô nhiễm cơ bản nguồn nước trong cuộc sống. - Có hiểu biết về tài nguyên nước; Tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Yêu ngành nghề quản lý tài nguyên nước và thiên nhiên cuộc sống.	1	HK2	- Chuyên cần, bài thực hành, báo cáo thực tập tham quan nhận thức
14	Quy hoạch và quản lý trạm tài nguyên nước	- Cung cấp các kiến thức điều tra, thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu, bản đồ; Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh và thực trạng phân bổ sử dụng không gian của mạng lưới trạm Tài nguyên nước; Dự báo xu thế phát triển và kịch bản phát triển ảnh hưởng trực tiếp đến mạng lưới Tài nguyên nước quốc gia trong thời kỳ quy hoạch; đánh giá về liên kết ngành, liên kết vùng trong thực trạng phát triển mạng lưới trạm Tài nguyên nước quốc gia - Xây dựng phương án quy hoạch mạng lưới trạm tài nguyên nước quốc gia quốc gia, các phương pháp lập quy hoạch. Kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch, giải pháp quản lý phát triển mạng lưới trạm TNN. - Rèn cho sinh viên tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các	3	HK2	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần. - Bài thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hoạt động học tập.			
15	Quản lý chất lượng nước	- Trang bị những kiến thức về nguồn ô nhiễm, các thông số chất lượng nước, yêu cầu về chất lượng nước của từng nhu cầu sử dụng nước và tác hại khi chất lượng nước không đảm bảo, đề xuất các biện pháp để giảm thiểu ô nhiễm, giới thiệu các mô hình được sử dụng trong quản lý chất lượng nước - Ứng dụng mô hình trong quản lý chất lượng nước - Rèn cho sinh viên đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.	2	HK2	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần, bài tập lớn - Bài thi kết thúc học phần
16	Thủy văn đồng vị	- Cung cấp các kiến thức cơ bản về phương pháp đánh dấu đồng vị môi trường trong thủy văn, bắt đầu từ các khái niệm, cơ sở lý thuyết về quy luật phân bố của các đồng vị nước trong chu trình thủy văn, sự thay đổi thành phần của các đồng vị khi nước tương tác với các khoáng chất; các mô hình thủy văn được chuẩn hóa bằng các số liệu thành phần đồng vị. - Các kỹ năng lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu; kỹ năng đo các thông số tại hiện trường, kỹ năng phân tích tại phòng thí nghiệm, phương pháp đảm bảo và kiểm soát (QA/QC) chất lượng phân tích - Chăm chỉ, chịu khó, cẩn thận, năng động, có tính tập thể (hoạt động theo nhóm), tích cực trong học và tự học.	2	HK2	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần - Bài thi kết thúc học phần
17	Quản lý tổng hợp vùng bờ	- Giới thiệu các khái niệm cơ bản về đới bờ, vùng bờ và thuộc tính của chúng, các hệ sinh thái vùng bờ và các tác động của con người lên môi trường vùng bờ, tầm quan trọng của vùng bờ, các vấn đề kinh tế-xã hội ở vùng bờ và thể chế-chính sách quản lý hiện hành của Việt Nam, nguyên tắc và chu trình QLTHVB, nội dung và sản phẩm đầu ra của QLTHVB. - Cách thức tiến hành xây dựng và triển khai một kế hoạch QLTHVB cụ thể, các công cụ thường áp dụng trong QLTHVB, lập kế hoạch QLTHVB. - Có tinh thần trách nhiệm, cẩn thận, trung thực;có ý thức học tập và làm việc nghiêm túc; xây dựng và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.	3	HK2	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần. - Bài thi kết thúc học phần

3. Khóa 12

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hóa học trong tài nguyên nước	- Trang bị những kiến thức cơ bản về cấu tạo, thành phần và tính chất của nước, thành phần hóa học chính của nước tự nhiên và các hiện tượng hoá học xảy ra trong nước tự nhiên, đặc điểm thành phần hoá học nước mưa, nước sông, nước hồ, nước dưới đất và phương pháp phân tích một số thông số chất lượng nước trong nước mặt, nước dưới đất - Mô tả được các đặc tính vật lý, hóa học của nước tự nhiên. Phân tích, đo đạc được một số thông số hóa học cơ bản của nước tự nhiên như: TDS, EC, Tổng Fe, Tổng N… - Rèn cho sinh viên đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.	2	HK1	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần - Bài thi kết thúc học phần
2	Kỹ năng mềm	- Các kiến thức cơ bản ngành nghề quản lý tài nguyên nước để giải quyết vấn đề trong công việc thực tế, vận dụng được các kiến thức cơ bản về kỹ năng mềm để giải quyết vấn đề trong công việc thực tế. - Ứng dụng được các kĩ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm việc làm trong thực tiễn. - Cởi mở trong việc học tập và làm việc nhóm, phát huy tính tập thể từ đó có khả năng đưa ra các kết luận về vấn đề chuyên môn, tiếp thu chủ động các kiến thức, quan điểm mới và ứng dụng các kỹ năng mềm đề thực hiện trách nhiệm với cá nhân và trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.	2	HK1	- Bài kiểm tra, bài tập, thái độ học tập, thảo luận - Bài thi kết thúc học phần
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Hiểu được các kiến thức cơ bản về khái niệm về khoa học và nghiên cứu khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, các bước xây dựng và thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học. - Tự xây dựng được đề cương và hoàn thiện đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên, khóa luận tốt nghiệp cũng như các công trình nghiên cứu độc lập sau này. - Có khả năng tự đề xuất được đề tài nghiên cứu khoa học và tự thiết kế được cách trình bày trên phần mềm Power Point, các phần mềm trong Office hỗ trợ trình bày kết quả nghiên cứu.	2	HK1	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần - Bài thi kết thúc học phần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Tham quan nhận thức	- Nhận thức cảnh quan đầu tiên về tài nguyên nước mặt, tài nguyên nước dưới đất, sự tồn tại, hình thành, quá trình vận động, tác động của tài nguyên nước đến đời sống, đưa ra nhận thức về lũ, quá trình con người thích nghi cải tạo tự nhiên để sống chung với lũ lụt và chống chọi với thiên tai hạn hán - Kỹ năng xử lý các tình huống liên quan đến lũ lụt, mất nước trong giếng khoan, ô nhiễm cơ bản nguồn nước trong cuộc sống. - Có hiểu biết về tài nguyên nước; Tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Yêu ngành nghề quản lý tài nguyên nước và thiên nhiên cuộc sống.	1	HK1	- Chuyên cần, bài thực hành, báo cáo thực tập tham quan nhận thức
5	Thủy lực học	- Trang bị những kiến thức về qui luật chung về cân bằng và chuyển động của của chất lỏng cũng như các những kiến thức về phương pháp ứng dụng các qui luật cân bằng và chuyển động của chất lỏng, phân tích được hiện tượng tổn thất trong dòng chảy qua đường ống, dòng chảy qua lỗ và vòi, dòng chảy ổn ổn định trong ống có áp - Áp dụng phương trình cơ bản chất lỏng cân bằng để giải các bài toán tĩnh học, xác định áp lực của chất lỏng; vận dụng được phương trình Becnuli cho chất lỏng chuyển động để tính các yếu tố động lực học; tính tổn thất cột nước trong chuyển động của chất lỏng, tính toán thủy lực cho dòng chảy qua lỗ, vòi, dòng chảy ổn định trong ống có áp với những bài toán xảy ra thực tế. - Rèn luyện tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.	3	HK1	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần - Bài thi kết thúc học phần
6	Tiếng Anh 3	- Trang bị những kiến thức, từ vựng cơ bản, văn phong bằng tiếng Anh về thủy văn, lũ lụt, chất lượng nước và quản lý tổng hợp tài nguyên nước. - Kỹ năng đọc hiểu và dịch thuật các nội dung chuyên ngành tài nguyên nước, cấu trúc ngữ pháp, cách lựa chọn các từ vựng học thuật được sử dụng trong chuyên ngành về Tài nguyên nước. - Có niềm say mê với ngành học và rèn luyện đức tính chăm chỉ, kiên trì.	2	HK1	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần - Bài thi kết thúc học phần
7	Tài nguyên nước dưới	- Trang bị những kiến thức cơ bản về môi trường chứa nước dưới	2	HK1	- Bài kiểm tra số 1, bài

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	đất đại cương	đất gồm khoáng vật, các loại đất đá magma, biến chất, trầm tích, các khái niệm cơ bản về nước dưới đất, sự phân bố, đặc điểm nguồn gốc, tính chất hóa học và vật lý của nước dưới đất, các cơ sở, nguyên lý vận động của nước dưới đất trong môi trường lỗ rỗng sẽ được nghiên cứu trong phạm vi nội dung học phần - Kỹ thuật vẽ đường thủy đẳng cao, đẳng áp và đường mặt nước ngầm, kỹ thuật quan trắc nhiệt độ và chiều sâu mực nước ngầm. - Rèn cho sinh viên đức tính tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm			tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần - Bài thi kết thúc học phần
8	Tài nguyên nước mặt đại cương	- Trang bị những kiến thức về các đặc tính cơ bản của dòng chảy và các phương pháp nghiên cứu; phân bố nước và cân bằng nước trên trái đất; sông và lưu vực sông; quá trình hình thành dòng chảy; chế độ thủy văn trong sông; chế độ thủy văn vùng sông ảnh hưởng triều và thủy văn hồ, đầm lầy - Áp dụng các quy luật dòng chảy để nghiên cứu các quá trình hình thành dòng chảy trên bề mặt lưu vực và trong sông, thiết lập được phương trình cân bằng nước, tính toán các đặc trưng của sông và lưu vực sông, tính toán các đặc trưng dòng chảy, tính lượng mưa bình quân lưu vực, tính dòng chảy lũ theo công thức công thức căn nguyên dòng chảy. - Rèn cho sinh viên đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.	3	HK1	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần - Bài thi kết thúc học phần
9	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Trang bị kiến thức về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, ý nghĩa của việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong thực tiễn. - Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, tư duy lý luận, phản biện; Vận dụng lý luận tư tưởng Hồ Chí Minh và kỹ năng phản biện để giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn. - Xác định trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc. Bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, tự giác, tự nguyện đóng góp sức lực và trí tuệ của mình trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	2	HK1	- Bài kiểm tra, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận và phát biểu, chuyên cần. - Bài thi kết thúc học phần.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
10	Cơ sở về mạng lưới cấp, thoát nước	- Trang bị những kiến thức cơ bản về hệ thống cấp thoát nước, phân loại, tiêu chuẩn dùng nước và chế độ làm việc của một hệ thống cấp, thoát nước, nguyên tắc cơ bản trong vạch tuyến mạng lưới cấp nước, mạng lưới thoát nước; tính toán thủy lực trong mạng lưới cấp nước, mạng lưới thoát nước và quản lý hệ thống cấp thoát nước - Thiết kế được một mạng lưới cấp nước, mạng lưới thoát nước đô thị, tính toán thủy lực cho mạng lưới cấp nước, mạng lưới thoát nước - Rèn cho sinh viên đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.	2	HK2	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần. - Bài thi kết thúc học phần
11	Dữ liệu không gian tài nguyên nước	- Giới thiệu các khái niệm cơ bản về dữ liệu không gian, cơ sở khoa học của dữ liệu không gian, nguyên lý thu nhận ảnh, các loại bộ cảm biến và dữ liệu không gian sử dụng trong tài nguyên nước - Các phương pháp phân tích dữ liệu không gian và ứng dụng trong lĩnh vực tài nguyên nước - Có tinh thần trách nhiệm, cẩn thận, trung thực;có ý thức học tập và làm việc nghiêm túc; xây dựng và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.	2	HK2	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần - Bài thi kết thúc học phần
12	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	- Có kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi thành lập đến nay; Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu, phát triển bền vững... theo chủ trương của Đảng. - Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy khoa học về lịch sử và khả năng vận dụng vào thực tiễn; đấu tranh, phê phán luận điệu sai trái về lịch sử của Đảng. - Có lập trường tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng, tích cực học tập để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	2	HK2	- Bài kiểm tra, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận và phát biểu, chuyên cần, thái độ học tập - Bài thi kết thúc học phần.
13	Phân tích thống kê trong tài nguyên nước	- Trang bị những kiến thức về phân tích, xử lý số liệu, chọn mẫu tính trong tính toán thủy văn và tài nguyên nước, các luật phân bố xác suất phổ biến trong thủy văn và tài nguyên nước, các phương	2	HK2	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp tính toán và vẽ các đường tần suất kinh nghiệm, đường tần suất lý luận, các kiến thức về kiểm định thống kê, phân tích tương quan và hàm hồi quy - Chọn mẫu trong phân tích tính toán tài nguyên nước, vẽ được đường tần suất lý luận, kiểm định thống kê chuỗi số liệu tài nguyên nước, xác định được mối tương quan giữa các đặc trưng tài nguyên nước. - Rèn cho sinh viên đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.			- Bài thi kết thúc học phần
14	Phân tích đánh giá tài nguyên nước mặt	- Trang bị những kiến thức về khái niệm, các phương pháp, nhân tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước. Phân tích đánh giá dòng chảy nămbao gồm chuẩn dòng chảy năm, dòng chảy năm thiết kế, phân phối dòng chảy năm; Tính toán, đánh giá các đặc trưng dòng chảy lớn nhất, dòng chảy cạn để từ đó vận dụng đánh giá tài nguyên nước cho một khu vực - Thực hiện xác định các đặc trưng số lượng dòng chảy mặt cũng như các yếu tố có liên quan, xây dựng và giải quyết tốt bài toán đánh giá tài nguyên nước mặt. - Rèn luyện đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.	2	HK2	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần - Bài thi kết thúc học phần
15	Quan trắc và điều tra tài nguyên nước mặt	- Trang bị những kiến thức về phương pháp quan trắc các yêu tô tài nguyên nước mặt, điều tra tài nguyên nước mặt, thành lập các bản đồ điều tra tài nguyên nước theo các tỷ lệ điều tra. - Thực hiện các thao tác quan trắc, tính toán các yếu tố: mực nước, lưu lượng nước, chất lượng nước. Xây dựng các bản đồ điều tra tài nguyên nước theo các tỷ lệ điều tra - Rèn cho sinh viên đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.	2	HK2	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, thái độ học tập - Bài thi kết thúc học phần
16	Quan trắc và điều tra tài nguyên nước dưới đất	- Cung cấp những kiến thức cơ bản về quan trắc, kỹ thuật điều tra đánh giá tài nguyên nước dưới đất và những trình tự khi thực hiện công việc quan trắc điều tra đánh giá tài nguyên nước dưới đất	2	HK2	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngoài thực tế. - Có thể thao tác đo đạc, quan trắc bằng thủ công và thiết bị tự động ngoài hiện trường; biết chỉnh lý, hiệu chỉnh số liệu quan trắc, thành lập bản đồ quan trắc; xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình chuẩn bị và thực hành quan trắc. Biết điều tra và đánh giá tài nguyên nước dưới đất trên một khu vực cụ thể hoặc cho một mục đích cụ thể - Biết tự thiết kế chương trình học tập, có hiểu biết về quan trắc, điều tra tài nguyên nước nước dưới đất; Tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Yêu ngành nghề quản lý tài nguyên nước.			- Bài thi kết thúc học phần
17	Quản lý dữ liệu tài nguyên nước	- Giới thiệu các khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu, lịch sử phát triển của cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu và các công cụ quản lý dữ liệu, cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản về Hệ thống thông tin địa lý GIS, các thành phần của GIS, lịch sử phát triển GIS, các cấu trúc của cơ sở dữ liệu trong GIS cũng như việc ứng dụng công nghệ GIS để xây dựng, quản lý, phân tích dữ liệu Tài nguyên nước. - Xây dựng cơ sở dữ liệu Tài nguyên nước và thành lập bản đồ chuyên ngành phục vụ cho quản lý Tài nguyên nước - Có tinh thần trách nhiệm, cẩn thận, trung thực;có ý thức học tập và làm việc nghiêm túc; xây dựng và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.	2	HK2	Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần - Bài thi kết thúc học phần
18	Thực hành quản lý dữ liệu tài nguyên nước	- Ứng dụng lý thuyết vào thực hành trên phần mềm chuyên ngành để tạo, xây dựng, quản lý, phân tích dữ liệu không gian Tài nguyên nước. Giới thiệu các khái niệm cơ bản về các chương trình, phần mềm ứng dụng trong hệ thống thông tin địa lý, cấu trúc và môi trường làm việc cũng như cung cấp cho người học các phương pháp phân tích dữ liệu không gian, lập bản đồ và ứng dụng thực tế trong lĩnh vực tài nguyên nước - Có tinh thần trách nhiệm, cẩn thận, trung thực;có ý thức học tập và làm việc nghiêm túc; xây dựng và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.	1	HK2	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần - Bài thi kết thúc học phần
19	Thực hành dữ liệu	- Giới thiệu các khái niệm cơ bản về ENVI, cấu trúc và môi	1	HK2	- Bài kiểm tra số 1, bài

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	không gian tài nguyên nước	trường làm việc ENVI, cung cấp các phương pháp phân tích dữ liệu không gian trong ENVI và ứng dụng thực tế trong lĩnh vực tài nguyên nước. - Ứng dụng lý thuyết vào thực hành trên phần mềm chuyên ngành để phân tích, xử lý dữ liệu không gian thu thập được từ điều tra thực địa, ảnh viễn thám - Có tinh thần trách nhiệm, cẩn thận, trung thực;có ý thức học tập và làm việc nghiêm túc; xây dựng và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập			tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần - Bài thi kết thúc học phần
20	Động lực học dòng sông	- Trang bị những kiến thức cơ bản về các quy luật chuyển động và cân bằng động lực của nước và bùn cát trong sông, cửa sông; các quy luật cùng các phương pháp tính vận chuyển bùn cát và diễn biến dòng sông ở trạng thái tự nhiên cũng như sau khi có sự khống chế của các công trình xây dựng trên sông - Xử lý, tính toán được các bài toán liên quan đến quá trình chuyển động và cân bằng động lực; bài toán liên quan đến quá trình hình thành và diễn biến dòng sông; Biết phân tích, sử dụng các phương trình động lực đối với các chuyển động của nước, lòng sông và bùn cát vào mô hình toán thuỷ văn. - Rèn luyện tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.	2	HK2	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, chuyên cần - Bài thi kết thúc học phần

4. Khóa 13

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mac - Lênin	- Xây dựng và phát triển kỹ năng tư duy khoa học, logic và biện chứng. Trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin trong nhận định, đánh giá và giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực tiễn. Củng cố và rèn luyện kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm. - Tích cực và chủ động trong lĩnh hội, bảo vệ những giá trị khoa học và cách mạng của Triết học Mác-Lênin; củng cố niềm tin vào đường lối lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; phát huy tinh	3	HK1	- Bài kiểm tra, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận và phát biểu, chuyên cần. - Bài thi kết thúc học phần.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thần yêu nước			
2	Toán cao cấp	- Trang bị những kiến thức ban đầu, cơ bản nhất về đại số (ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính) và giải tích toán học (ứng dụng đạo hàm để tính giới hạn,tích phân suy rộng, …). - Vận dụng kiến thức cơ bản giải được các bài tập về đại số tuyến tính, giải tích toán học và và áp dụng kiến thức cơ bản vào các lĩnh vực khoa học khác. - Có thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	HK1	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, thái độ học tập - Bài thi kết thúc học phần
3	Hóa học đại cương	- Cung cấp các kiến thức cơ sở, cơ bản ban đầu của hóa học ở bậc đại học như: Nhiệt động học của một số quá trình hóa học, động hóa học của các phản ứng, hiện tượng cân bằng hóa học và sự chuyển dịch cân bằng hóa học, các kiến thức về dung dịch, pH và cân bằng trong dung dịch, một số quá trình điện hóa học, hiện tượng bề mặt và dung dịch keo,… - Vận dụng được các kiến thức lý thuyết về Hóa học đại cương vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên sẽ được đào tạo. - Tự nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học về hóa học đại cương vào các lĩnh vực chuyên môn, đồng thời rèn luyện cho sinh viên thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong công việc	2	HK1	- Bài chuẩn bị, bài tập, bài kiểm tra, chuyên cần - Bài thi kết thúc học phần
4	Tiếng Anh 1	- Kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ sơ cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. - Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ sơ cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. - Có thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	HK1	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, thái độ học tập, bài kiểm tra số 2. - Bài thi kết thúc học phần.
5	Tin học đại cương	- Trang bị các kiến thức cơ bản, hệ thống về công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy	2	HK1	- Bài kiểm tra, bài tập, chuyên cần, báo cáo, bài thực hành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiêu rõ các chức năng và cách làm việc với máy tính trong công việc thông thường, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin) - Cách giao tiếp với hệ điều hành Windows, cách sử dụng các ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel, MS Powerpoint - Có tinh thần học tập chăm chỉ, tích cực tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành			- Bài thi kết thúc học phần
6	Pháp luật đại cương	- Trang bị những kiến thức về: nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính và hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; trách nhiệm pháp lý; nội dung cơ bản của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam và pháp luật phòng chống tham nhũng. - Kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; Kỹ năng so sánh được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung và nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; Kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học về các ngành luật để giải quyết những bài tập, tình huống trên lớp và trong thực tế. - Chủ động trong tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập khi thảo luận, giải quyết tình huống pháp luật. Tôn trọng pháp luật, thực hành sống, học tập và làm việc theo pháp luật	2	HK2	- Bài kiểm tra, bài tập, thảo luận, chuyên cần và thái độ học tập - Bài thi kết thúc học phần
7	Chủ nghĩa xã hội khoa học	- Cung cấp những tri thức cơ bản và hệ thống của chủ nghĩa xã hội khoa học; quan điểm và sự vận dụng chủ nghĩa xã hội khoa học của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay. - Hình thành và phát triển kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, tự học, thuyết trình và phản biện. - Hình thành và củng cố niềm tin vào Chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; phát huy tinh thần yêu nước và trách nhiệm đối với công cuộc xây dựng chủ	2	HK2	- Bài kiểm tra, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận và phát biểu, chuyên cần. - Bài thi kết thúc học phần.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghĩa xã hội ở Việt Nam.			
8	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	- Cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống của kinh tế chính trị Mác - Lênin và những vấn đề kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. - Xây dựng kỹ năng kỹ năng trình bày, phân tích, tổng hợp, những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lê nin trong hoạt động thực tiễn. Củng cố và rèn luyện kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm. - Tích cực và chủ động trong học tập và rèn luyện, đề xuất được ý kiến cá nhân trong giải quyết một số vấn đề kinh tế chính trị hiện nay. Lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước, xác định trách nhiệm của bản thân trong việc học tập và hoạt động thực tiễn.	2	HK2	- Bài kiểm tra, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận và phát biểu, chuyên cần. - Bài thi kết thúc học phần.
9	Tiếng Anh 2	- Kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở mức độ tiền trung cấp để vận dụng trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; kiến thức nền về các vấn đề chung trong xã hội. - Kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở mức độ tiền trung cấp trong các tình huống giao tiếp cụ thể; khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân; làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. - Có thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	3	HK2	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, thái độ học tập, bài kiểm tra số 2. - Bài thi kết thúc học phần
10	Vật lý đại cương	- Giới thiệu các kiến thức về: đo lường; cơ học chất điểm; chuyển động của vũ trụ; nhiệt động lực học; điện – từ trường; dao động cơ và sóng điện từ; quang hình và quang lượng tử. - Khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản đã học để làm bài tập về định tính, định lượng trong vật lý và áp dụng kiến thức cơ bản vật lý vào các lĩnh vực khoa học khác. - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.	2	HK2	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2, thái độ học tập - Bài thi kết thúc học phần
11	Xác suất thống kê	- Trang bị những kiến thức ban đầu, cơ bản nhất về xác suất (phép thử, biến cố, các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên,	2	HK2	- Bài kiểm tra số 1, bài tập, bài kiểm tra số 2,

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quy luật phân phối xác suất, các đại lượng đặc trưng của biến ngẫu nhiên,…) và thống kê (lý thuyết mẫu, ước lượng tham số,…). Cung cấp phương pháp khoa học phân tích và xử lý dữ liệu có được nhờ các thí nghiệm, các cuộc điều tra nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên, các vấn đề kỹ thuật cũng như các vấn đề xã hội. - Vận dụng các kiến thức cơ bản về xác suất,thống kê để làm bài bài tập về định tính, định lượng trong xác suất thống kê vào các lĩnh vực khoa học khác. - Nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.			thái độ học tập - Bài thi kết thúc học phần

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_QB

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2023-2024
Ngành Quản lý biển

1. Khóa ĐH10

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Chủ quyền biển, đảo của Việt Nam	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về bản chất và hiện trạng các tranh chấp về chủ quyền và các vùng biển chồng lấn trên Biển Đông; quan điểm, lập trường các bên tranh chấp; quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về giải quyết hoà bình các tranh chấp trên Biển Đông; từ đó, sinh viên vận dụng kiến thức được học cho công tác quản lý biển sau này.	2	Học kỳ I	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
2	Dự báo ô nhiễm môi trường không khí và nước biển	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các quy luật phân bố, truyền tải vật chất ô nhiễm trong các điều kiện khí quyển và môi trường nước biển khác nhau để vận hành các mô hình dự báo ô nhiễm.	2	Học kỳ I	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
3	Hợp tác trong quản lý và khai thác Biển Đông	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hợp tác quốc tế về biển: khái niệm, quy định và các tổ chức về hợp tác quốc tế trên biển. Cung cấp vai trò của biển Đông và mục tiêu hợp tác quốc tế trong quản lý và khai thác biển Đông. Học phần trang bị các kiến thức về hợp tác quốc tế trên biển về các lĩnh vực bảo vệ chủ quyền biển đảo, quản lý nhà nước về biển, kinh tế, xuất nhập khẩu, hàng hải, khoa học- công nghệ	3	Học kỳ I	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		biển, bảo vệ tài nguyên môi trường…Cung cấp cách thức triển khai các dự án hợp tác quốc tế về biển: Các dự án hợp tác quản lý biển của Việt Nam, tăng cường kỹ năng viết đề xuất dự án và thiết lập chu trình dự án quản lý dự án về quản lý biển.			
4	Khảo sát khí tượng thủy văn biển	Nhận biết được cấu tạo, nguyên lý hoạt động và cách sử dụng thiết bị đo các yếu tố khí tượng hải văn và môi trường biển; nắm rõ các quy phạm về quan trắc khí tượng hải văn	3	Học kỳ I	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
5	Quản lý tài nguyên và môi trường biển	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên biển và kinh tế môi trường biển, hiểu được các công cụ kinh tế trong quản lý tài nguyên và bảo	3	Học kỳ I	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
6	An toàn và an ninh trên biển	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về an ninh, an toàn trên biển, luật pháp và thực tiễn quốc tế về đảm bảo an ninh, an toàn trên biển, hiện trạng các lĩnh vực và các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trên Biển Đông.	2	Học kỳ I	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
7	Thực tập tốt nghiệp	Hiểu thực tiễn về hoạt động Quy hoạch, Quản lý Tài nguyên môi trường biển thuộc chuyên ngành đã được đào tạo; Ứng dụng được tin học trong việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá các yếu tố về hải dương học, tài nguyên và môi trường biển phục vụ cho việc quản lý và quy hoạch không gian biển; Nhận thức được phương pháp nghiên cứu khoa học trong việc	6	Học kỳ II	+ Đánh giá quá trình: Cơ sở thực tập đánh giá + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Báo cáo thực tập tốt

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thực hiện viết báo cáo kết quả nghiên cứu.			nghiệp
8	Khóa luận tốt nghiệp	Tiếp cận được với thực tế, bước đầu làm quen với các công tác quản lý biển tại địa phương. Nắm bắt được một phần tình hình quản lý biển tại địa phương, tình hình thực hiện QLNN về biển tại đại phương và việc thực hiện các nội dung khác về quản lý nhà nước về biển; Vận dụng các kiến thức đã học và thu thập tại địa phương để giải quyết các công tác nghiệp vụ trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về biển; Xử lý các nguồn tài liệu, số liệu thu thập được. Tổng hợp được số liệu một cách đầy đủ, chính xác vào hệ thống biểu mẫu theo quy định và viết báo cáo tổng hợp.	6	Học kỳ II	Báo cáo khóa luận tốt nghiệp

2. Khóa ĐH11

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Tiếng Anh chuyên ngành	Trang bị cho người học những vốn từ vựng khái quát chung của chuyên ngành Quản lý tổng hợp đới bờ biển như định nghĩa đới bờ biển, vai trò của đới bờ biển và chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ biển	3	Học kỳ I	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
2	Quản lý nguồn lợi hải sản	Học phần bao gồm các kiến thức, khái niệm cơ bản về đa dạng thành phần loài hải sản, tình hình khai thác và sử dụng nguồn lợi hải sản, nguyên nhân gây suy giảm nguồn lợi hải sản và một số định hướng chiến lược nhằm bảo vệ và phát triển nguồn lợi hải sản trên thế giới và ở Việt Nam.	3	Học kỳ I	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
3	Thực tập Dự báo và Quan trắc khí tượng thủy văn, môi trường	Nắm vững những nguyên tắc, quy định của việc thực hiện kỳ quan trắc, việc trực ca quan trắc và nhiệm vụ của một quan trắc viên. Nắm rõ kĩ năng quan trắc, quy toán giản đồ, chỉnh	3	Học kỳ I	Đánh giá quá trình: chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	biển tại ven bờ, đảo	lý số liệu, dịch các loại mã điện và lập các loại báo cáo báo biểu tại một trạm khí tượng hải văn có quan trắc đầy đủ các yếu tố khí tượng. Nhận thức được phương pháp nghiên cứu khoa học trong việc thực hiện viết báo cáo kết quả nghiên cứu.			+ Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Báo cáo
4	Quan trắc tổng hợp môi trường biển	Cung cấp những kiến thức cơ bản về quan trắc môi trường nói chung và quan trắc môi trường biển nói riêng; các bước cơ bản và những nội dung trong xây dựng kế hoạch, chương trình quan trắc môi trường biển; những nguyên tắc cơ bản trong kiểm soát, đảm bảo chất lượng trong quan trắc môi trường và cách xử lý, đánh giá kết quả và viết báo cáo quan trắc môi trường.	3	Học kỳ I	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
5	Quản lý tổng hợp vùng bờ biển	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đới bờ, vùng bờ và thuộc tính của chúng, vùng bờ quản lý; tầm quan trọng của vùng bờ, các vấn đề kinh tế-xã hội ở vùng bờ và thể chế-chính sách quản lý hiện hành. Trên cơ sở đó xác định nhu cầu quản lý tổng hợp vùng bờ biển (QLTHVB). Các nguyên tắc và chu trình QLTHVB, nội dung và sản phẩm đầu ra của QLTHVB. Cách thức tiến hành xây dựng và triển khai một kế hoạch QLTHVB cụ thể, các công cụ thường áp dụng trong QLTHVB. Giới thiệu các bài học kinh nghiệm QLTHVB trên thế giới và thực trạng hoạt động QLTHVB ở Việt Nam.	3	Học kỳ I	Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
6	Đánh giá tác động môi trường	Đánh giá tác động môi trường là một trong số những học phần tự chọn, nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường và đánh giá tác động môi trường như: các thành phần môi trường, phân biệt được các hình thức, đối tượng cần thực hiện đánh giá tác giá động môi trường. Bên cạnh đó sinh viên sẽ hiểu được tiến trình và một số phương pháp cơ bản trong quá trình đánh giá tác động môi trường.	2	Học kỳ I	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
7	Quản lý dự án trong lĩnh vực biển và hải	Cung cấp kiến thức chuyên sâu về đặc điểm về dự án quản lý biển đảo, mối quan hệ giữa chương trình, dự án và kế hoạch;	2	Học kỳ II	Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	đảo	đầu tư và dự án; đánh giá nhu cầu của địa phương để lựa chọn và xây dựng dự án. Kiến thức về giám sát và đánh giá dự án để dự án được thực hiện tốt hơn.			thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
8	Hợp tác trong quản lý và khai thác Biển Đông	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hợp tác quốc tế về biển: khái niệm, quy định và các tổ chức về hợp tác quốc tế trên biển. Cung cấp vai trò của biển Đông và mục tiêu hợp tác quốc tế trong quản lý và khai thác biển Đông. Học phần trang bị các kiến thức về hợp tác quốc tế trên biển về các lĩnh vực bảo vệ chủ quyền biển đảo, quản lý nhà nước về biển, kinh tế, xuất nhập khẩu, hàng hải, khoa học- công nghệ biển, bảo vệ tài nguyên môi trường…Cung cấp cách thức triển khai các dự án hợp tác quốc tế về biển: Các dự án hợp tác quản lý biển của Việt Nam, tăng cường kỹ năng viết đề xuất dự án và thiết lập chu trình dự án quản lý dự án về quản lý biển.	3	Học kỳ II	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
9	Quản lý và Kiểm soát ô nhiễm biển	Cung cấp kiến thức cơ bản về ô nhiễm môi trường biển, các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển, phương pháp quản lý nguồn thải, xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường biển; các sự cố môi trường biển và phương pháp quản lý sự cố môi trường biển; các vấn đề trong tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của chính quyền và nhân dân về xử lý rác thải, bảo vệ môi trường sông và biển và cách giải quyết.	3	Học kỳ II	Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
10	Quản lý tài nguyên và môi trường biển	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên biển và kinh tế môi trường biển, hiểu được các công cụ kinh tế trong quản lý tài nguyên và bảo	3	Học kỳ II	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
11	Quản lý hệ thống đảo của Việt Nam	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đảo, quần đảo và hệ thống đảo ở Việt Nam; phân loại hệ thống đảo theo các	3	Học kỳ II	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiêu chí. Khái quát về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường của đảo, quần đảo và hệ thống đảo; tình hình kinh tế-xã hội các huyện đảo; Phân tích tài nguyên vị thế các đảo và quần đảo Việt Nam – lợi ích về kinh tế, chính trị, quân sự; Phân tích tiềm năng phát triển kinh tế- xã hội và bảo vệ chủ quyền quốc gia của các đảo và quần đảo Việt Nam			cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
12	An toàn và an ninh trên biển	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về an ninh, an toàn trên biển, luật pháp và thực tiễn quốc tế về đảm bảo an ninh, an toàn trên biển, hiện trạng các lĩnh vực và các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trên Biển Đông.	2	Học kỳ II	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận

3. Khóa ĐH12

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	2	Học kỳ I	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
2	Cơ sở địa lý biển và đại dương	Học phần cơ sở địa lý biển và đại dương cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sự hình thành và phát triển của biển và đại dương, các quy luật địa lý xảy ra trong lớp vỏ địa lý	2	Học kỳ I	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đại dương và các đặc điểm hoạt động của chúng, cũng như những nét cơ bản về tài nguyên của biển và đại dương.			học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
3	Hải dương học đại cương	Học phần Hóa học đại cương cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở, cơ bản ban đầu của hóa học ở bậc đại học như: Nhiệt động học của một số quá trình hóa học, Động hóa học của các phản ứng, Hiện tượng cân bằng hóa học và sự chuyển dịch cân bằng hóa học, Các kiến thức về dung dịch, pH và cân bằng trong dung dịch, Một số quá trình điện hóa học, Hiện tượng bề mặt và dung dịch keo… Các kiến thức cơ bản này sẽ giúp cho sinh viên vận dụng sự hiểu biết của mình trong việc học tập và nghiên cứu đối với các học phần chuyên ngành có liên quan như môi trường, quản lý đất đai, khoa học biển, biến đổi khí hậu, đại chất và nhiều chuyên ngành khác.	3	Học kỳ I	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
4	Khí tượng thủy văn biển đại cương	Sinh viên phân tích được ý nghĩa của các phương trình trạng thái của không khí, phương trình tĩnh học cũng như các công thức khí áp,…; Giải thích được sự biến thiên của nhiệt độ mặt đất, mặt nước và không khí; Sự hình thành và tính toán dòng chảy trong sông; Sự diễn biến lòng sông; Chế độ thuỷ văn vùng sông ảnh hưởng thuỷ triều	3	Học kỳ I	Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập +Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
5	Hóa học biển	Cung cấp kiến thức cơ bản về đặc điểm chung thành phần hóa học nước biển và nguồn gốc các hợp phần; các khái niệm cơ bản và đặc điểm tồn tại, phân bố, biến động của các yếu tố thuộc các nhóm hợp phần hoá học nước biển (các ion chính, các khí hoà tan, các yếu tố dinh dưỡng, các nguyên tố vi lượng, các chất hữu cơ) cùng các quá trình thành tạo, tương tác và biến đổi chúng dưới tác động của các quá trình vật lý, hoá học, sinh học	2	Học kỳ I	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
6	Tiếng anh 3	Học phần trang bị cho người học những vốn từ vựng khái quát chung của chuyên ngành Quản lý tổng hợp đới bờ biển như định nghĩa đới bờ biển, vai trò của đới bờ biển và chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ biển	2	Học kỳ I	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					+ Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
7	Tham quan nhận thức và hướng nghiệp sinh viên	Học phần thăm quan nhận thức và hướng nghiệp sinh viên nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế thông qua chương trình thăm quan các khu vực ven biển về các lĩnh vực thủy động lực học, quản lý tài nguyên và môi trường biển, sinh thái biển, quy hoạch phát triển kinh tế biển	3	Học kỳ I	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
8	Pháp luật đại cương	Nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật; những nội dung về các ngành luật cơ bản và Pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Sau khi kết thúc học phần, người học iết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống trong thực tế.	2	Học kỳ I	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về các khái niệm cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học; qui trình nghiên cứu khoa học; các phương pháp dùng trong nghiên cứu khoa học; phân tích số liệu, viết và trình bày báo cáo.	2	Học kỳ II	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
10	Tiếng Anh chuyên ngành	Trang bị cho người học những vốn từ vựng khái quát chung của chuyên ngành Quản lý tổng hợp đới bờ biển như định nghĩa đới bờ biển, vai trò của đới bờ biển và chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ biển	3	Học kỳ II	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
11	Cơ sở kỹ thuật bờ biển	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vùng bờ biển Việt Nam, như: quá trình thành tạo, phát triển của đường bờ biển, các yếu tố khí tượng, thủy và hải văn. Các vấn đề về hình thái, địa mạo, ô nhiễm vùng bờ, dòng chảy và tác động của các nhân tố này đến môi trường và các giải pháp nhằm	3	Học kỳ II	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần.

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quản lý bền vững vùng bờ biển. Học phần cũng đưa ra các đánh giá về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến vùng bờ biển. Ngoài ra học phần còn cung cấp hệ thống các giải pháp bảo vệ vùng bờ biển như các giải pháp công trình và các giải pháp phi công trình.			Hình thức thi: Tự luận
12	Quản lý nhà nước về biển	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vai trò và chức năng của biển và đại dương đối với đời sống Trái đất và nhân loại. Học phần khái quát về vị thế và tiềm năng của biển Đông đối với sự phát triển của các nước quanh khu vực biển Đông và các vấn đề toàn cầu của biển Đông (vị trí địa chính trị, địa kinh tế, địa văn hóa-xã hội). Trình bày kỹ hơn về lợi thế so sánh, tình hình khai thác, sử dụng và những cơ hội, thách thức đối với biển Việt Nam. về quản lý và quản trị biển và đại dương trên thế giới, nhấn mạnh đến Công ước Liên hiệp quốc về Luật biển 1982 (UNCLOS 1982) và các điều ước quốc tế khác về biển và quản lý biển trên thế giới; các thể chế quản lý biển trên thế giới và các bài học thực tiễn tốt ở một số nước. Học phần phân tích về một số vấn đề quản lý nhà nước về biển: Vai trò của quản lý nhà nước về biển; cơ cấu tổ chức, bộ máy QLNN về biển; chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về biển; xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật về biển; quản lý nhà nước đối với công tác điều tra, nghiên cứu và hoạt động KHCN biển; vấn đề quản lý môi trường biển; quản lý khai thác, sử dụng biển, bao gồm giám sát biển; công tác tuyên truyền về biển, hải đảo.	3	Học kỳ II	+ kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
13	Tin học ứng dụng trong Quản lý biển	Cung cấp kiến thức cơ bản về viễn thám và GIS, ứng dụng các phần mềm chuyên dụng trong xử lý ảnh viễn thám và thành lập các bản đồ chuyên đề phục vụ quản lý biển và hải đảo; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý cơ sở dữ liệu biển, hải đảo.	3	Học kỳ II	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, bài tập lớn, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Thực hành
14	Cơ sở địa chất biển	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về nhân tố và các quá trình địa chất địa mạo biển, đặc điểm hình thái đáy đại dương, hình	2	Học kỳ II	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thái động lực đới bờ; Sinh viên biết cách phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản của môn học Địa chất biển vận dụng vào tính toán mô phỏng các quá trình vật lý động biển cũng như giải thích được các nguyên nhân xói lở, bồi tụ, biến động bờ có tính nội sinh của mỗi khu vực.			thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
15	Cơ sở tài nguyên và môi trường biển	Học phần Cơ sở tài nguyên và môi trường biển là học phần kiến thức cơ sở ngành quan trọng, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài nguyên môi trường nói chung và tài nguyên môi trường biển nói riêng. Cụ thể là các vấn đề liên quan đến môi trường biển và tài nguyên biển như tài nguyên sinh vật biển, tài nguyên khoáng sản biển và năng lượng biển. Ngoài ra, môn học sẽ cung cấp những quan điểm mới về tài nguyên và môi trường đó là tài nguyên du lịch biển, tiềm năng phát triển hàng hải và tài nguyên vị thế.	3	Học kỳ II	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận

4. Khóa ĐH13

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác - Lênin	Kiến thức khái quát về triết học và kiến thức cơ bản, hệ thống về Triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Một số kiến thức thực tiễn từ sự vận dụng lý luận Triết học Mác-Lênin. Kỹ năng tư duy logic và khoa học theo thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng trong nhận định, đánh giá và giải quyết các vấn đề cụ thể trong thực tiễn. Kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm Giá trị lý luận và thực tiễn của triết học Mác-Lênin, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác-Lênin	2	Học kỳ I	+ Đánh giá quá trình: Bài tập nhóm, chuyên cần, thảo luận, thái độ học tập +Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
2	Toán cao cấp	Học phần Toán cao cấp trang bị cho sinh viên những kiến thức ban đầu, cơ bản nhất về đại số (ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính) và giải tích toán học (ứng dụng đạo hàm để tính giới hạn,tích phân suy rộng, …). Các kiến thức này góp phần nâng cao khả năng tư duy của sinh viên và làm cơ sở để học các môn chuyên ngành.	2	Học kỳ I	+ Đánh giá quá trình: Bài tập, chuyên cần, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận
3	Tiếng Anh 1	Học phần "Tiếng Anh 1" là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm chung: công việc hàng ngày, thói quen, sở thích, du lịch, đất nước, con người... Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: giới thiệu bản thân, giải quyết những vấn đề thường gặp khi giao tiếp trên điện thoại và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.	3	Học kỳ I	+ Đánh giá quá trình: Bài tập, chuyên cần, thảo luận, thái độ học tập, bài kiểm tra + Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Vấn đáp và trắc nghiệm.
4	Hóa học đại cương	Học phần Hóa học đại cương cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở, cơ bản ban đầu của hóa học ở bậc đại học như: Nhiệt động học của một số quá trình hóa học, Động hóa học của các phản ứng, Hiện tượng cân bằng hóa học và sự chuyển dịch cân bằng hóa học, Các kiến thức về dung dịch, pH và cân bằng trong dung dịch, Một số quá trình điện hóa học, Hiện tượng bề mặt và dung dịch keo… Các kiến thức cơ bản này sẽ giúp cho sinh viên vận dụng sự hiểu biết của mình trong việc học tập và nghiên cứu đối với các học phần chuyên ngành có liên quan như môi trường, quản lý	2	Học kỳ I	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đất đai, khoa học biển, biến đổi khí hậu, đại chất và nhiều chuyên ngành khác.			
5	Kỹ năng mềm	Về kiến thức: Những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Về kỹ năng: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, giải quyết xung đột tại nơi làm việc, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng tìm kiếm việc làm khi đi xin việc và hòa nhập với công việc mới. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tự chủ trong công việc được giao; Tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn; Phát huy trí tuệ tập thể.	2	Học kỳ II	+ Đánh giá quá trình: bài kiểm tra, chuyên cần, thảo luận nhóm, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận
6	Chủ nghĩa xã hội học	Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.		Học kỳ II	+ Đánh giá quá trình: Bài tập nhóm, chuyên cần, thảo luận, thái độ học tập +Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận
7	Xác xuất thống kê	Học phần "Xác suất thống kê" là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần trang bị cho sinh những kiến thức ban đầu, cơ bản nhất về xác suất (phép thử, biến cố, các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất, các đại lượng đặc trưng của biến ngẫu nhiên,…) và thống kê (lý thuyết mẫu, ước lượng tham số,…). Người học được cung cấp phương pháp khoa học phân tích và xử lý dữ liệu có được nhờ các thí nghiệm, các		Học kỳ II	+ Đánh giá quá trình: Bài tập, chuyên cần, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cuộc điều tra nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên, các vấn đề kỹ thuật cũng như các vấn đề xã hội.			
8	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Kinh tế chính trị Mác – Lênin là học phần bắt buộc thuộc các môn Lý luận chính trị trong giáo dục đại học, cung cấp những tri thức cơ bản về nền kinh tế hàng hóa, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế trị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, giúp người học củng cố phương pháp học tập, nghiên cứu, nhận diện đúng mối quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi, hiểu được ý nghĩa của việc học tập kinh tế chính trị trong hoạt động thực tiễn hiện nay.		Học kỳ II	+ Đánh giá quá trình: Bài tập nhóm, chuyên cần, thảo luận, thái độ học tập + Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận
9	Tin học Đại cương	Học phần "Tin học đại cương" là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần tin học đại cương gồm các kiến thức cơ bản về tin học và công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu khái niệm hệ điều hành, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.		Học kỳ II	+ Đánh giá quá trình: Bài tập, chuyên cần, báo cáo thực hành + Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận
10	Tiếng Anh 2	Học phần "Tiếng Anh 2" là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, so sánh của tính từ - trạng từ,		Học kỳ II	+ Đánh giá quá trình: Bài tập, chuyên cần, thảo luận, thái độ học tập, bài kiểm tra + Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Vấn đáp và

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động từ khuyết thiếu… và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm như: nghề nghiệp, lễ hội, du lịch… ở mức độ tiền trung cấp. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mức độ tiền trung cấp thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: gọi điện thoại, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.			trắc nghiệm

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_NNA

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2023-2024
Ngành Ngôn Ngữ Anh

1. Khóa ĐH10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Thực hành biên dịch chuyên ngành	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức về dịch thuật, các phương pháp dịch thuật, quy trình dịch thuật như phân tích, chuyển đổi – tái tạo cấu trúc, , phân biệt và được những điểm tương đồng và khác biệt giữa Tiếng Anh và Tiếng Việt liên quan đến các chuyên ngành như môi trường, biến đổi khí hậu, quản lí đất đai, địa chất, khí tượng thuỷ văn và trắc địa bản đồ.	3	Học kỳ I	Tự luận
2	Thực hành phiên dịch chuyên ngành	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu rõ vai trò và công việc của người phiên dịch trong thực tế, sử dụng những kỹ năng cơ bản của loại hình dịch đuổi: ghi chép, ghi nhớ, tóm tắt, diễn giải, hiểu rõ bản chất của môn học và cảm thấy tự tin hơn trong khi thực hành dịch tại lớp cũng như trong thực tế.	3	Học kỳ I	Tự luận
3	Tiếng Anh Chuyên ngành Du lịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản trong ngành du lịch lữ hành và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm thuộc ngành du lịch: điểm đến du lịch, điều hành tour, kích cầu du lịch, đại lí du lịch, phương tiện du lịch, loại hình du lịch, và đặt chỗ trong du lịch,…	3	Học kỳ I	Tự luận
4	Tiếng Anh chuyên ngành Môi trường	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các thuật ngữ, từ vựng chuyên ngành và kiến thức nền liên quan đến các chủ đề như: khoa học môi trường, ô nhiễm môi trường, tài nguyên năng lượng, đô thị hóa, luật và chính sách môi trường, phát triển bền vững, và có kỹ năng đọc hiểu các văn bản, tài liệu chuyên ngành môi trường bằng tiếng Anh và ứng dụng các kiến thức được học vào thực tiễn.	3	Học kỳ I	Tự luận
5	Từ vựng học	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được khái niệm về từ vựng, nguồn gốc của nó, hệ thống ngữ nghĩa của từ vựng, sự phát		Học kỳ I	

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		triển của từ vựng và sự tiếp biến từ vựng trong từ điển, bản chất của từ và các phương thức cấu tạo từ, thấy được tính đặc biệt của từ, nhất là ranh giới từ trong tiếng Anh, phân tích được nghĩa của từ; phân loại được vốn từ tiếng Anh thành các nhóm theo nguồn gốc, theo phạm vi sử dụng.	3		Tự luận
6	Biên dịch nâng cao	Sinh viên được giới thiệu và rèn luyện cách xử lí những vấn đề thường gặp trong khi làm biên dịch trên thị trường, ví dụ như cách phân tích văn bản, xác định cấu trúc tương đương phù hợp nhất, đa dạng hoá cấu trúc dịch, đánh giá chất lượng bản dịch, v.v. Những kĩ năng và kiến thức này sẽ giúp sinh viên ứng phó được với nhiều tình huống, vấn đề thường gặp trong quá trình biên dịch trên thị trường. Các kĩ năng được sắp xếp theo mức độ tăng dần về độ khó và độ dài, từ tương đương cấp độ từ đến tương đương cấp độ câu và cấp độ văn bản. Học phần này tập trung vào phát triển các kĩ năng tư duy bậc cao (thang tư duy của Bloom) như phân tích, đánh giá, tổng hợp, v.v. trau dồi được kỹ năng nghe nói, diễn đạt, trình bày bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, trau dồi vốn kiến thức tổng quát và từ vựng nâng cao liên quan đến chuyên ngành như môi trường, công nghệ thông tin, giáo dục, du lịch, kinh tế.	3	Học kỳ II	Tự luận
7	Phiên dịch nâng cao	Sinh viên được giới thiệu và rèn luyện cách xử lí những vấn đề thường gặp khi làm phiên dịch nối tiếp/dịch đuổi (consecutive interpreting) trong một số tình huống tương đối phức tạp và bước đầu có thể làm phiên dịch song song/đồng thời (simultaneous interpreting) theo chiều dịch Việt – Anh trong những tình huống đơn giản và trong điều kiện diễn giả nói không quá nhanh. Người học được thực hành và phát triển các kỹ năng cơ bản trong phiên dịch nối tiếp ở mức độ nâng cao; các kỹ năng cơ bản trong phiên dịch song song ở mức độ nhập môn. Những kỹ năng và kiến thức này sẽ giúp sinh viên phiên dịch được các cuộc đàm thoại, hội thoại, các bài phát biểu về những nội dung chuyên môn nhưng không quá chuyên biệt trong nhiều lĩnh vực với khối lượng thuật ngữ vừa phải, không quá chuyên sâu và phức tạp. Đồng thời, học phần còn tập trung giúp người học cải thiện các kỹ năng nghe nói, mở rộng vốn kiến thức tổng quát và từ vựng nâng cao về một số	3	Học kỳ II	Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chủ đề dịch thường gặp như: môi trường, giáo dục, công nghệ thông tin, du lịch, kinh tế.			

2. Khóa ĐH11

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Đọc-Viết 5	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các từ vựng, cấu trúc ngữ pháp liên quan đến các chủ đề như: đời sống, sức khỏe, nghệ thuật và kiến trúc, tài chính và doanh nghiệp, lịch sử; có thể nắm vững cấu trúc, định dạng đề thi theo định hướng IELTS; vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn.	3	Học kỳ I	Tự luận
2	Biên dịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các bước và các kỹ thuật biên dịch; xác định được các kỹ thuật biên dịch trong dịch thuật văn bản như dịch chuyển đổi cú pháp, dịch diễn giải và dịch cắt tỉa cũng như xác định được cấu trúc ngữ pháp và giải thích được nghĩa từ vựng khi dịch thuật văn bản, và vận dụng kiến thức đã học để dịch thuật văn bản về các chủ đề thông dụng.	3	Học kỳ I	Tự luận
3	Giao thoa văn hóa Anh Mỹ	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về đất nước, văn hóa, con người, địa lý, lịch sử; bản sắc dân tộc, hệ thống chính trị, tôn giáo, kinh tế, xã hội của hai quốc gia Anh – Mỹ và có thể phân tích, nghiên cứu cơ bản các vấn đề văn hóa, xã hội Anh – Mỹ và so sánh, liên hệ với văn hóa Việt Nam.	3	Học kỳ I	Tự luận
4	Lý thuyết dịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được khái niệm biên dịch và các nghiên cứu về ngành biên dịch, phân tích văn bản gốc, các phương pháp biên dịch, quy trình biên dịch, các biện pháp phổ	2	Học kỳ I	Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		biến áp dụng trong ngành biên dịch, ngoài ra, sinh viên còn có kiến thức về khái niệm về phiên dịch, nhiệm vụ của phiên dịch viên, các loại hình phiên dịch, chuẩn mực đạo đức nghề dịch.			
5	Nghe-Nói 5	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể tự tin giao tiếp với người bản xứ, diễn đạt các nội dung giao tiếp sử dụng văn phong trang trọng trong các tình huống giao tiếp thường nhật và các hoạt động giao tiếp nghề nghiệp; nghe hiểu và báo cáo lại các nội dung chính từ các bài phát biểu trên phương tiện đại chúng, hoặc các hoạt động giao tiếp nghề nghiệp có nội dung về các vấn đề kinh tế, khoa học, xã hội,...	3	Học kỳ I	Tự luận và vấn đáp
6	Ngữ pháp tiếng Anh 2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên biết thêm một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh như câu hỏi láy đuôi, câu đảo ngữ và nắm thêm kiến thức ngữ pháp chuyên sâu hơn như động từ và cụm động từ, danh từ và cụm danh từ, cụm tính từ và trạng từ, giới từ và cụm giới từ, câu đơn, câu ghép, sung ngữ, bình ngữ và liên ngữ để có thể cải thiện kỹ năng viết khi học thực hành tiếng.	3	Học kỳ I	Tự luận
7	Kỹ năng mềm	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có các kỹ năng cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tìm kiếm việc làm và có thể vận dụng những kỹ năng đã học để giải quyết các công việc trong thực tiễn, phát huy hiệu quả năng lực học tập, nghiên cứu khoa học và lập nghiệp.	2	Học kỳ II	Tự luận
8	Kỹ năng trả lời phỏng vấn tiếng Anh	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức, thủ thuật và kĩ năng giao tiếp trong phỏng vấn xin việc bằng tiếng Anh và sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động.	2	Học kỳ II	Tự luận
9	Ngữ âm – Âm vị học	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các kiến thức cơ	2	Học kỳ II	Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bản về cơ quan phát âm, các quy tắc và hệ thống phân loại các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh; các đặc điểm phát âm của các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh dựa trên hệ thống phân loại, các quy tắc ngữ âm học (phonological rules); âm tiết (syllables); trọng âm, thanh điệu và cao độ (stress/tone), một số quy luật phát âm và phiên âm, các vấn đề trong âm vị, các khía cạnh của lời nói, ngữ điệu và chức năng của ngữ điệu.			
10	Phiên dịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sinh viên năm được cấu trúc câu đặc trưng và vốn từ vựng phong phú của cả hai ngôn ngữ để phiên dịch chính xác nội dung và có khả năng ghi chú nhanh thông tin khi nghe cũng như khả năng phản xạ tốt phục vụ cho công việc.	3	Học kỳ II	Tự luận
11	Thực hành biên dịch chuyên ngành	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên năm được kiến thức về dịch thuật, các phương pháp dịch thuật, quy trình dịch thuật như phân tích, chuyển đổi – tái tạo cấu trúc, , phân biệt và được những điểm tương đồng và khác biệt giữa Tiếng Anh và Tiếng Việt liên quan đến các chuyên ngành như môi trường, biến đổi khí hậu, quản lí đất đai, địa chất, khí tượng thuỷ văn và trắc địa bản đồ.	3	Học kỳ II	Tự luận
12	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên năm được các kiến thức cơ bản trong ngành du lịch lữ hành và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm thuộc ngành du lịch: điểm đến du lịch, điều hành tour, kích cầu du lịch, đại lí du lịch, phương tiện du lịch, loại hình du lịch, và đặt chỗ trong du lịch,…	3	Học kỳ II	Tự luận
13	Đất nước học Anh Mỹ	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên năm được kiến thức về đất nước, lịch sử phát triển, các giá trị truyền thống, thể chế chính trị, kinh tế, giáo dục, đời sống hàng ngày của người dân như bằng	3	Học kỳ II	Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cách giới thiệu các môn thể thao và lễ hội tại Vương quốc Anh và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.			

3. Khóa ĐH12

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nghe-Nói 3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có học những kiến thức về ngữ âm, từ vựng về các chủ đề gần gũi với cuộc sống, và các kỹ năng cơ bản của NgheNói như: nghe để lấy ý chính, nghe nắm bắt thông tin chi tiết, và kỹ năng Note-taking trong nghe hay như thuyết trình hoặc trình bày thông tin cơ bản, tóm tắt ý chính, v.v.…và có thể vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn.	4	Học kỳ I	Tự luận và vấn đáp
2	Pháp luật đại cương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, về về phòng, chống tham nhũng, và vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống trong thực tế.	2	Học kỳ I	Trắc nghiệm
3	Tiếng Việt thực hành	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản và nâng cao về ngôn ngữ tiếng Việt, quá trình hình thành và phát triển tiếng Việt, đặc điểm loại hình, các quy tắc viết đúng chính tả tiếng Việt, đặc điểm cấu tạo từ và câu tiếng Việt, đặc trưng của văn bản, các kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản tiếng Việt.	3	Học kỳ I	Tự luận
4	Tiếng Trung 3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có được những kiến thức từ vựng, ngữ pháp về các chủ đề gần gũi với cuộc sống và các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết ở trình độ tiền trung cấp và có thể sử dụng được trong những tình huống nhất định và làm quen với các dạng bài	2	Học kỳ I	Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thi quốc tế theo định hướng HSK.			
5	Đọc-Viết 3	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các ngữ liệu ngôn ngữ (từ vựng, cấu trúc ngữ pháp) và các kỹ năng ngôn ngữ (Đọc, Viết) từ bài 1 đến bài 8 trong giáo trình Mindset 1 và có thể vận dụng cho việc học chuyên sâu ở các học phần sau.	4	Học kỳ I	Tự luận
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	2	Học kỳ I	Tự luận
7	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản, cốt lõi và hệ thống về cơ sở văn hóa Việt Nam, bao gồm: Văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và văn hóa ứng xử với môi trường xã hội, đồng thời có thể vận dụng những kiến thức của văn hóa Việt trong các hoạt động chuyên môn và cuộc sống.	2	Học kỳ I	Tự luận
8	Kỹ năng thuyết trình	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về kỹ năng thuyết trình, biết vận dụng mẫu câu, cụm từ, biểu bảng, phân tích...trong các hoạt động làm bài tập nhóm hay phát triển kỹ năng làm việc độc lập.	2	Học kỳ II	Tự luận
9	Ngữ pháp tiếng Anh 1	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh như các thì hiện tại, quá khứ và tương lai, các loại câu điều kiện, câu bị động, sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ vị ngữ, thức giả định, mệnh đề quan hệ, câu gián tiếp, danh động từ và động từ, và có thể vận dụng vào quá trình làm bài tập cũng	3	Học kỳ II	Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		như vận dụng trong các hoạt động nghe, nói, đọc, viết.			
10	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể nhớ các khái niệm và bản chất logic của nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ sở lý luận của đề tài, thu thập và định hướng xử lý thông tin, trình tự thực hiện đề tài và viết được bài báo khoa học, luận văn tốt nghiệp và có khả năng thuyết trình một báo cáo khoa học.	3	Học kỳ II	Tự luận
11	Tin học đại cương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về tin học và công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu khái niệm hệ điều hành, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hànhWindows; biết sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.	2	Học kỳ II	Thực hành
12	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp sinh viên nhận thức sâu sắc giá trị khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Qua đó, sinh viên có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	2	Học kỳ II	Tự luận
13	Nghe-Nói 4	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức về ngữ âm, từ vựng và cấu trúc chuyên sâu để trình bày các chủ đề và tình huống khác nhau: văn hóa, môi trường, giáo dục, giao thông, thông tin đại chúng, du lịch,….và có những kỹ năng thực hành tiếng để sử dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công	4	Học kỳ II	Tự luận và vấn đáp

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		việc chuyên môn.			
14	Đọc-Viết 4	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên năm được những kiến thức, kỹ năng thực hành tiếng để vận dụng vào các mục đích khác nhau như học thuật, chuyên môn và có cơ hội rèn luyện kỹ năng Đọc và Viết mức độ trên trung cấp (trình độ B2 theo khung tham chiếu châu Âu) với các chủ đề đa dạng thông qua các nhiệm vụ học tập và chiến lược làm bài thi IELTS.	4	Học kỳ II	Tự luận

4. Khóa ĐH13

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Nghe-Nói 1	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức về ngữ âm, từ vựng về các chủ đề gần gũi với cuộc sống, và các kỹ năng cơ bản của Nghe-Nói như: nghe để lấy ý chính, nghe nắm bắt thông tin chi tiết, và kỹ năng Notetaking trong nghe hay như thuyết trình hoặc trình bày thông tin cơ bản, tóm tắt ý chính…và có thể vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn.	3	Học kì I	Tự luận & Vấn đáp
2.	Đọc-Viết 1	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức từ vựng, ngữ pháp về các chủ đề gần gũi với cuộc sống, và các kỹ năng Đọc - Viết cơ bản ở trình độ tiền trung cấp theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu).	3	Học kì I	Tự luận
3.	Triết học Mác-Lênin	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và ý nghĩa phương pháp luận của những kiến thức triết học đối với thực tiễn.	3	Học kì I	Tự luận
4.	Tiếng Trung 1	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp và những câu giao tiếp đơn giản theo trình tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp.	3	Học kì I	Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
5.	Nghe - Nói 2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức về ngữ âm, từ vựng về các chủ đề gần gũi với cuộc sống, và các kỹ năng cơ bản của Nghe-Nói như: nghe để lấy ý chính, nghe nắm bắt thông tin chi tiết, và kỹ năng Notetaking trong nghe hay như thuyết trình hoặc trình bày thông tin cơ bản, tóm tắt ý chính, v.v…và có thể vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn.	4	Học kỳ II	Tự luận & Vấn đáp
6.	Đọc - Viết 2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những kiến thức từ vựng, ngữ pháp về các chủ đề gần gũi với cuộc sống, và các kỹ năng Đọc-Viết cơ bản ở trình độ tiền trung cấp theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương đương trình độ A2-B1 theo khung tham chiếu Châu Âu) và có thể vận dụng và phát triển kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc chuyên môn.	4	Học kỳ II	Tự luận
7.	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những tri thức cơ bản về nền kinh tế hàng hóa, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế trị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, giúp người học củng cố phương pháp học tập, nghiên cứu, nhận diện đúng mối quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi, hiểu được ý nghĩa của việc học tập kinh tế chính trị trong hoạt động thực tiễn hiện nay.	2	Học kỳ II	Tự luận
8.	Kỹ năng tư duy phản biện	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được những khái niệm, những quy tắc nên tảng, những nguyên lý, những quy luật và cách thức vận hành của tư duy nói chung, trên cơ sở đó, môn học nhằm tập trung ứng dụng các nguyên lý này vào việc suy nghĩ, quyết định, giải quyết vấn đề một cách chính xác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả.	2	Học kỳ II	Tự luận
9.	Ngữ pháp tiếng Anh 1	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh như các thì hiện tại, quá khứ và tương lai, các loại câu điều kiện, câu bị động, sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ vị ngữ, thức giả định, mệnh đề quan hệ, câu gián tiếp, danh	3	Học kỳ II	Tự luận

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động từ và động từ, và có thể vận dụng vào quá trình làm bài tập cũng như vận dụng trong các hoạt động nghe, nói, đọc, viết.			
10.	Tiếng Trung 2	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức sâu hơn về ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng và có khả năng vận dụng để biểu đạt thành đoạn văn của người học.	3	Học kỳ II	Tự luận
11.	Tin học đại cương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về tin học và công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu khái niệm hệ điều hành, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.	2	Học kỳ II	Thực hành

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu 18C.ĐH_TCQP

THÔNG BÁO
Công khai các môn học của từng khóa đào tạo trình độ đại học chính quy năm học 2023-2024
Tất cả các ngành

1. Khóa 12

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Môn học đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự, kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.	3	Cả năm	- Điểm đánh giá quá trình : trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% -Hình thức thi: Lý thuyết
2	Công tác quốc phòng và an ninh	Mục tiêu sau khi sinh viên học kết thúc học phần được trang bị kiến thức về chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và hình thành kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Ngoài việc thực hiện những quy định trong Quy chế đào tạo	2	Cả năm	- Điểm đánh giá quá trình : trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Lý thuyết

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đại học và cao đăng hệ chính quy hiện hành, khi học GDQP-AN sinh viên phải thực hiện những yêu cầu sau: Mang mặc gọn gàng, thống nhất theo hướng dẫn của giáo viên, giảng viên. Tuyệt đối chấp hành các quy định trong học tập, quy tắc đảm bảo an toàn về người, vũ khí, trang thiết bị.			
3	Quân sự chung	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc. Nắm được chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần của Quân đội từ đó chấp hành và thực hiện tại cơ sở; thực hiện được các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại để thực hiện và chấp hành; Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; Nắm được những kiến thức cơ bản về bản đồ quân sự và được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh tương lai; Hiểu biết về quy tắc, điều lệ thi đấu ba môn quân sự phối hợp làm cơ sở thuận lợi khi tham gia vào đại hội thể thao quốc phòng. Có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự phục vụ cho học tập, công tác và chiến đấu; thực hành thành thạo đội ngũ có súng, phục vụ cho học tập và chiến đấu sau này khi cần thiết; Biết đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, biết cấp trung đội phục vụ học tập, công tác; Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; Rèn luyện tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, tăng cường sức khỏe để vận dụng một cách linh hoạt	2	Cả năm	- Điểm đánh giá quá trình : trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Lý thuyết

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vào trong quá trình học tập, công tác.			
4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trang bị cho sinh viên thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng cần thiết có thể ứng dụng các kỹ thuật này khi tham gia dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật.	2	Cả năm	- Điểm đánh giá quá trình : trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
5	Giáo dục thể chất 3	Cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, trau rồi kĩ năng vận động, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện	01	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình : trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
6	Giáo dục thể chất 4	Cung cấp các kiến thức, trang bị những kĩ thuật cơ bản của các môn thể thao (Bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng rổ, Aerobic) nhằm phát triển thể lực, kĩ chiến thuật trong thi đấu và tập luyện thể thao. Qua đó phát triển thể lực, tầm vóc, hoàn thiện nhân cách, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.	01	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình : trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành

2. Khóa 13

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	Môn học đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự, kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.	3	Cả năm	- Điểm đánh giá quá trình trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Lý thuyết
2	Công tác quốc phòng và an ninh	Mục tiêu sau khi sinh viên học kết thúc học phần được trang bị kiến thức về chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và hình thành kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Ngoài việc thực hiện những quy định trong Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy hiện hành, khi học GDQP-AN sinh viên phải thực hiện những yêu cầu sau: Mang mặc gọn gàng, thống nhất theo hướng dẫn của giáo viên, giảng viên. Tuyệt đối chấp hành các quy định trong học tập, quy tắc đảm bảo an toàn về người, vũ khí, trang thiết bị.	2	Cả năm	- Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Lý thuyết
3	Quân sự chung	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc. Nắm được chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần của Quân đội từ đó chấp hành và thực hiện tại cơ sở; thực hiện được các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại để thực hiện và chấp hành; Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; Nắm được những kiến thức cơ bản về bản đồ	2	Cả năm	- Điểm đánh giá quá trình trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Lý thuyết

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quân sự và được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh tương lai; Hiểu biết về quy tắc, điều lệ thi đấu ba môn quân sự phối hợp làm cơ sở thuận lợi khi tham gia vào đại hội thể thao quốc phòng. Có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự phục vụ cho học tập, công tác và chiến đấu; thực hành thành thạo đội ngũ có súng, phục vụ cho học tập và chiến đấu sau này khi cần thiết; Biết đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, biết cấp trung đội phục vụ học tập, công tác; Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; Rèn luyện tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, tăng cường sức khỏe để vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập, công tác.			
4	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trang bị cho sinh viên thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng cần thiết có thể ứng dụng các kỹ thuật này khi tham gia dân quân tự vệ theo quy định của pháp luật.	2	Cả năm	- Điểm đánh giá quá trình trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
5	Giáo dục thể chất 1	Cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, các bài thể dục cơ bản hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực.	1	Học kỳ 1	- Điểm đánh giá quá trình trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
6	Giáo dục thể chất 2	Cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, trau rồi kĩ	1	Học kỳ 2	- Điểm đánh giá quá trình

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng vận động, nâng cao khả năng học tập, kỹ năng hoạt động xã hội với tinh thần, thái độ tích cực, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện			trọng số 40%, gồm 02 đầu điểm đánh giá - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu mẫu 18D

Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn năm học 2023-2024

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Tác giả/ Chủ biên	Năm xuất bản
1	Kế toán máy	Nguyễn Hoản	2009
2	Lập trình Visual Bassic	Nguyễn Ngọc Khải	2009
3	Mạng máy tính	Vũ Văn Phương	2009
4	Nguyên lý kế toán	Phạm Tiến Bình	2009
5	Tin học đại cương	Lê Lan Anh	2009
6	Tin học ứng dụng	Hoàng Đình Hương	2009
7	Chỉnh biên thủy văn 1	Phạm Văn Vân	2010
8	Công nghệ đo ảnh	Quách Thị Chúc	2010
9	Công nghệ môi trường	Nguyễn Thị Minh Sáng, Nguyễn Thị Minh Sáng, Vũ Thị Mai	2010
10	Đánh giá tác động môi trường	Nguyễn Khắc Thành	2010
11	English for Students of Environmental Sciences	Lê Thanh Huyền, Lê Thanh Huyền, Nguyễn Thị Thanh Xuân	2010
12	Hóa học phân tích định lượng	Bùi Thị Thư, Bùi Thị Thư, Đàm Thị Minh Tâm	2010
13	Hướng dẫn thực tập Trắc địa công trình	Nguyễn Văn Huy, Đinh Hữu Thịnh, Cao Minh Thủy, Nguyễn Văn Huy	2010
14	Kinh tế phát triển	Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Phạm Thị Thúy Vân	2010
15	Kinh tế Tài nguyên và Môi trường	Phạm Thị Bích Thủy	2010
16	Lôgic học đại cương	Nguyễn Đăng Châu	2010
17	Ô nhiễm môi trường	Nguyễn Thị Minh Sáng, Lê Thanh Huyền	2010
18	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	Nguyễn Thị Hồng Hương	2010
19	Quản lý tài nguyên nước	Hoàng Ngọc Quang	2010
20	Quản lý và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại	Lê Thị Trinh, Vũ Thị Mai	2010
21	Quan trắc và phân tích môi trường đất và chất rắn	Trịnh Thị Thắm, Đàm Thị Thanh Tâm	2010
22	Quan trắc và phân tích môi trường nước	Lê Thu Thủy, Trịnh Thị Thủy	2010
23	Quản trị nguồn nhân lực	Hoàng Đình Hương, Bùi Thị Thu	2010
24	Tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Vũ Văn Doanh	2010
25	Thống kê doanh nghiệp	Đỗ Thị Dinh	2010
26	Thực tập trắc địa cơ sở	Bùi Thị Hồng Thắm	2010
27	Thuế	Nguyễn Hoản	2010
28	Thương mại điện tử căn bản	Trần Minh Nguyệt, Nguyễn Hoản	2010
29	Tin học ứng dụng	Lê Đắc Trường	2010
30	Trắc địa cao cấp đại cương	Phạm Thị Hoa	2010
31	Truyền thông môi trường	Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Vũ Thị	2010

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Tác giả/ Chủ biên	Năm xuất bản
		Mai	
32	Vi sinh kỹ thuật môi trường	Lê Thanh Huyền, Nguyễn Khắc Thành	2010
33	Bản đồ học	Bùi Thu Phương	2011
34	Các phương pháp nghiên cứu địa kỹ thuật	Đỗ Minh Đức, Nguyễn Văn Bình	2011
35	Cơ sở bản đồ	Ngô Quang Phòng, Phạm Thị Thanh Thủy	2011
36	Cơ sở dữ liệu	Đặng Thị Khánh Linh, Đỗ Thị Thu Nga	2011
37	Cơ sở khoa học môi trường	Lê Đắc Trường, Vũ Văn Doanh	2011
38	Cơ sở lý thuyết hóa học phân tích	Bùi Thị Thư, Trịnh Thị Thắm	2011
39	Cơ sở viễn thám	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	2011
40	Công nghệ phần mềm	Nguyễn Ngọc Khải	2011
41	Đại cương về quản lý nhà nước	Nguyễn Thị Kim Uyên	2011
42	Đại cương về quan trắc và phân tích môi trường	Trịnh Thị Thủy, Trịnh Thị Thắm	2011
43	Đất và bảo vệ đất	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2011
44	Địa chất biển đại cương	Hoàng Văn Long, Đinh Đức Anh	2011
45	Địa chất công trình đại cương	Nguyễn Văn Bình	2011
46	Địa chất đại cương	Lê Cảnh Tuân, Nguyễn Thị Hồng Minh	2011
47	Địa chất môi trường	Hoàng Văn Long	2011
48	Địa chính đại cương	Vương Thị Hòe, Phạm Trần Kiên	2011
49	Địa chính đại cương	Nguyễn Bá Dũng, Vương Thị Hòe	2011
50	Địa kỹ thuật ứng dụng	Nguyễn Văn Bình	2011
51	Địa lý kinh tế Việt Nam	Hoàng Thị Phương Thảo	2011
52	Định giá đất	Nguyễn Thị Khuy	2011
53	Định giá tài sản	Trần Minh Nguyệt	2011
54	Đo đạc địa chính 1	Nguyễn Thị Lệ Hằng, Phạm Thị Thu Hương	2011
55	Đo đạc địa chính 2	Trần Thị Tân, Đoàn Xuân Hùng	2011
56	Giao đất và thu hồi đất	Trương Duy Khoa	2011
57	Hành vi khách hàng	Hoàng Đình Hương	2011
58	Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000	Hoàng Thị Huê	2011
59	Hệ thống thông tin quản lý	Lê Thị Bích Lan	2011
60	Hóa học phân tích	Lê Thị Trinh	2011
61	Hoạch định nguồn nhân lực và phân tích công việc	Hà Thị Thanh Thủy	2011
62	Kế toán hành chính sự nghiệp	Nguyễn Thị Thanh Hải	2011
63	Kế toán quản trị doanh nghiệp	Nguyễn Hoản	2011
64	Kế toán tài chính	Nguyễn Hoản	2011
65	Kinh doanh du lịch và khách sạn	Hoàng Đình Hương	2011
66	Kinh tế đất và xây dựng	Nguyễn Thị Khuy	2011
67	Kinh tế lao động	Trần Minh Nguyệt	2011

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Tác giả/ Chủ biên	Năm xuất bản
68	Kinh tế và quản lý đô thị	Đỗ Thị Dinh	2011
69	Kỹ thuật điện tử	Lê Trung Thành, Nguyễn Trung Thành	2011
70	Kỹ thuật đồ họa	Nguyễn Đăng Châu	2011
71	Kỹ thuật xử lý nước cấp và nước thải	Nguyễn Thu Huyền	2011
72	Lập trình hướng đối tượng	Nguyễn Thị Hồng Hương	2011
73	Lập trình trên môi trường Web	Nguyễn Ngọc Khải	2011
74	Lập và quản lý dự án đầu tư xây dựng	Trương Duy Khoa, Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2011
75	Luật kinh doanh bất động sản	Nguyễn Thị Huyền	2011
76	Luật kinh tế	Trần Lệ Thu	2011
77	Mạng lưới cấp và thoát nước	Nguyễn Thu Huyền	2011
78	Phân tích báo cáo tài chính	Nguyễn Hoản	2011
79	Phân tích chi phí - Lợi ích	Phạm Thị Bích Thủy	2011
80	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	Nguyễn Thị Hồng Hương	2011
81	Quá trình cơ bản trong công nghệ môi trường 1	Nguyễn Thu Huyền	2011
82	Quản lý môi trường vùng	Vũ Văn Doanh, Lê Đắc Trường	2011
83	Quản trị ngân hàng	Nguyễn Thị Thanh Hải	2011
84	Quy hoạch xây dựng đô thị và điểm dân cư nông thôn	Nguyễn Thị Hải Yến	2011
85	Sai số	Trịnh Thị Hoài Thu	2011
86	Suy thoái đất và bảo vệ đất	Lê Đắc Trường	2011
87	Tai biến địa môi trường	Chu Văn Ngợi	2011
88	Tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Thị Thanh Hải	2011
89	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch	Hà Thị Thanh Thủy	2011
90	Tăng dày khống chế ảnh	Nguyễn Văn Nam, Phạm Thị Thương Huyền	2011
91	Thạch học	Nguyễn Xuân Khiển	2011
92	Thị trường bất động sản	Ngô Đức Phúc	2011
93	Thiết kế Web	Nguyễn Ngọc Khải	2011
94	Thực tập địa chất cấu tạo và địa chất công trình	Lê Cảnh Tuân, Nguyễn Văn Bình	2011
95	Thực tập địa chất đại cương ngoài trời	Lê Cảnh Tuân, Đinh Đức Anh	2011
96	Thủy lực học	Hoàng Thị Nguyệt Minh	2011
97	Thủy văn nước dưới đất	Hoàng Thị Nguyệt Minh	2011
98	Tin học ứng dụng	Phạm Thị Thanh Thủy, Nguyễn Văn Quang	2011
99	Toán rời rạc	Lê Xuân Hùng	2011
100	Trắc địa 1	Lê Anh Cường	2011
101	Trắc địa 2	Phạm Thị Hoa	2011
102	Độc học môi trường và sức khoẻ con người	TS. Lưu Văn Huyền	2012
103	Một số vấn đề về tài nguyên và môi trường biển	TS. Lưu Văn Huyền	2012

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Tác giả/ Chủ biên	Năm xuất bản
104	Xử lý nước thải đô thị	TS. Lê Ngọc Thuấn	2012
105	Quản lý chất thải rắn và Chất thải nguy hại	TS. Nguyễn Thu Huyền	2012
106	Thủy văn đại cương	TS. Huỳnh Phú	2012
107	Thủy Lực đại cương	TS. Huỳnh Phú	2012
108	Thủy văn nước mặt	TS. Huỳnh Phú	2012
109	Thủy văn ứng dụng	PGS.TS Hoàng Ngọc Quang	2012
110	Đo đạc thủy văn	PGS.TS Hoàng Ngọc Quang	2012
111	Máy khí tượng	PGS.TS Bùi Xuân Thông	2012
112	Trắc địa (trong Thủy văn)	TS. Trần Duy Kiều	2012
113	Địa chất đại cương	TS. Lê Cảnh Tuân	2012
114	Thực tập địa chất đại cương	TS. Lê Cảnh Tuân	2012
115	Xử lý số liệu trắc địa	TS. Đặng Nam Chinh	2012
116	Trắc địa cơ sở 1	TS. Nguyễn Bá Dũng	2012
117	Cơ sở trắc địa công trình	TS. Nguyễn Duy Đô	2012
118	Trắc địa cao cấp đại cương	TS. Phạm Thị Hoa	2012
119	Hệ thống thông tin địa lý	TS. Dương Đăng Khôi	2012
120	Đăng ký đất đai	ThS. Nguyễn Thị Hải Yến	2012
121	Xử lý tín hiệu số	TS. Lê Trung Thành	2012
122	Kế toán Quản trị	TS. Nguyễn Hoản	2012
123	Lập và phân tích dự án	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2013
124	Đánh giá tác động môi trường	TS. Hoàng Ngọc Khắc	2013
125	Công nghệ sinh học môi trường	TS. Lê Ngọc Thuấn	2013
126	Kỹ thuật xử lý khí thải	TS. Nguyễn Thu Huyền	2013
127	Quá trình công nghệ môi trường 1	TS. Nguyễn Thu Huyền	2013
128	Biến đổi khí hậu	TS. Đinh Thái Hưng	2013
129	Thị trường bất động sản	TS. Trịnh Hữu Liên	2013
130	Đăng ký và thống kê đất đai	TS. Thái Thị Quỳnh Như	2013
131	Hệ thống thông tin đất	TS. Trần Quốc Vinh	2013
132	Định giá đất	TS. Trịnh Hữu Liên	2013
133	Địa mạo và trầm tích đệ tứ	TS. Lê Cảnh Tuân	2013
134	Địa chất cấu tạo & Vẽ bản đồ địa chất	TS. Nguyễn Thị Thục Anh	2013
135	Thực tập Địa chất cấu tạo & Vẽ bản đồ địa chất	TS. Lê Cảnh Tuân	2013
136	Cơ sở viễn thám	TS. Vũ Danh Tuyên	2013
137	Cơ sở đo ảnh	TS. Vũ Danh Tuyên	2013
138	Địa chính đại cương	TS. Nguyễn Bá Dũng	2013
139	Tin học ứng dụng	TS. Nguyễn Bá Dũng	2013
140	Trắc địa công trình dân dụng công nghiệp	TS. Đinh Xuân Vinh	2013
141	Định vị vệ tinh	TS. Phạm Thị Hoa	2013
142	Lý thuyết sai số	PGS.TS. Đặng Nam Chinh	2013
143	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa hình	TS. Nguyễn Văn Trung	2013
144	Trắc địa công trình ngầm	PGS.TS Phan Văn Hiến	2013
145	Trắc địa công trình giao thông thuỷ lợi	TS. Nguyễn Duy Đô	2013
146	Kỹ thuật điện tử	TS. Lê Trung Thành	2013
147	Nguyên lý Hệ điều hành	TS. Nguyễn Long Giang	2013

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Tác giả/ Chủ biên	Năm xuất bản
148	Nhập môn Mạng máy tính	TS. Hà Mạnh Đào	2013
149	Dự báo thủy văn	TS. Nguyễn Viết Thi	2013
150	Chỉnh biên thủy văn	TS. Trần Duy Kiều	2013
151	Khí tượng đại cương	TS. Vũ Thị Thanh Hằng	2013
152	Khí hậu thống kê	TS. Mai Văn Khiêm	2013
153	Quan trắc Khí tượng	PGS. TS Nguyễn Viết Lành	2013
154	Khí tượng Synôp	PGS. TS Nguyễn Viết Lành	2013
155	Khí tượng động lực	TS. Hoàng Đức Cường	2013
156	Hệ thống thông tin kế toán	TS. Nguyễn Hoản	2013
157	Marketing căn bản	TS. Nguyễn Hoản	2013
158	Quá trình công nghệ môi trường 2	TS. Lê Ngọc Thuấn	2014
159	Kỹ thuật xử lý nước cấp	TS. Lê Ngọc Thuấn	2014
160	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	TS. Nguyễn Thu Huyền	2014
161	Hóa học biển	TS. Nguyễn Đăng Đạt	2014
162	Hóa học đại cương	TS. Lưu Văn Huyền	2014
163	Quản lý Môi trường	TS. Hoàng Anh Huy	2014
164	Đại cương về quản lý nhà nước	PGS. TS. Nguyễn Hữu Hải	2014
165	Thanh tra đất đai	TS. Trịnh Hữu Liên	2014
166	Quy hoạch Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	2014
167	Địa chất Việt Nam	TS. Lê Cảnh Tuân	2014
168	Hướng dẫn viết báo cáo địa chất	TS. Nguyễn Thị Thục Anh	2014
169	Lập trình trên môi trường windows	TS. Nguyễn Như Sơn	2014
170	Toán rời rạc	TS. Nguyễn Long Giang	2014
171	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	TS. Nguyễn Huy Đức	2014
172	Hệ thông tin địa lý	TS. Bùi Ngọc Quý	2014
173	An toàn và bảo mật thông tin	PGS. TS. Lê Trung Thành	2014
174	Hệ thống thông tin Tài nguyên và Môi trường	TS. Nguyễn Quốc Khánh	2014
175	Khí tượng nhiệt đới	PGS. TS. Nguyễn Viết Lành	2014
176	Phân tích và dự báo thời tiết	PGS. TS. Phạm Vũ Anh	2014
177	Khí hậu đại cương	PGS. TS. Nguyễn Văn Thắng	2014
178	Động lực học dòng sông	PGS. TS. Hoàng Ngọc Quang	2014
179	Kỹ thuật lập trình trong Trắc địa	TS. Nguyễn Xuân Bắc	2014
180	Thực tập Trắc địa cơ sở	TS. Nguyễn Xuân Bắc; TS. Vy Quốc Hải	2014
181	Trắc địa lý thuyết	TS. Phạm Thị Hoa; TS. Trần Duy Kiều	2014
182	Trắc địa biển	TS. Đinh Xuân Vinh; TS. Trần Duy Kiều	2014
183	Xây dựng lưới không chế Trắc địa	TS. Đinh Xuân Vinh	2014
184	Hệ thống thông tin địa lý	PGS. TS. Doãn Hà Phong; TS. Phạm Thị Hoa	2014
185	Thực tập đo vẽ bản đồ địa hình, địa chính	TS. Nguyễn Bá Dũng	2014
186	Ứng dụng công nghệ viễn thám trong nghiên	TS. Trịnh Lê Hùng	2014

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Tác giả/ Chủ biên	Năm xuất bản
	cứu giám sát Tài nguyên Môi trường		
187	LIFE (A2, B1)	John Hughes; Helen Stephenson; Paul Dummett	2015
188	Giáo trình Triết học	Bộ giáo dục và đào tạo	2015
189	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	2014
190	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Phạm Viết Vượng	2004
191	Sinh thái ứng dụng, đa dạng sinh học và bảo tồn	TS. Hoàng Ngọc Khắc	2015
192	Năng lượng và Môi trường	TS. Phạm Thị Mai Thảo	2015
193	Xử lý chất thải công nghiệp	TS. Nguyễn Thu Huyền	2015
194	Hóa kỹ thuật môi trường ứng dụng	TS. Lê Thị Trinh	2015
195	Các nguyên lý xác định và sử dụng thế trọng trường Trái đất	GS.TS. Phạm Hoàng Lân; TS. Phạm Thị Hoa	2015
196	Lý thuyết và phương pháp phân tích biến dạng	PGS.TS. Phan Văn Hiến; TS. Đinh Xuân Vinh	2015
197	Kỹ thuật địa tin học nghiên cứu tài nguyên và môi trường	GS.TS. Võ Chí Mỹ	2015
198	Trắc địa công trình nâng cao	PGS.TS. Ngô Văn Hợi; TS. Nguyễn Xuân Bắc	2015
199	Xử lý số liệu trắc địa nâng cao	PGS.TS. Đặng Nam Chinh; TS. Bùi Thị Hồng Thắm	2015
200	Phân tích hệ thống nguồn nước	PGS.TS. Hoàng Ngọc Quang	2015
201	Dự báo thủy văn nâng cao	TS. Nguyễn Viết Thi	2015
202	Quy hoạch phòng lũ	TS. Trần Duy Kiều	2015
203	Mô hình số nước dưới đất - Phần I	PGS.TS. Phạm Quý Nhân	2015
204	Bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất	TS. Dương Đăng Khôi	2016
205	Viễn thám và GIS ứng dụng trong quản lý đất đai	PGS.TS. Nguyễn An Thịnh; TS. Phạm Anh Tuấn	2016
206	Chính sách đất đai	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	2016
207	Quy hoạch sử dụng đất bền vững	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh TS. Phạm Anh Tuấn	2016
208	Quản lý tài nguyên đất tổng hợp	PGS.TS. Nguyễn An Thịnh	2016
209	Định vị dẫn đường hiện đại	TS. Phạm Thị Hoa	2016
210	Ứng dụng công nghệ GNSS trong thành lập hiệu chỉnh và sử dụng bản đồ	TS. Bùi Thị Hồng Thắm; TS. Trần Hồng Quang	2016
211	Phân tích không gian	PGS.TS. Phạm Văn Cự; TS. Nguyễn Tiến Thành	2016
212	Viễn thám nâng cao	TS. Vũ Danh Tuyên	2016
213	Các phương pháp Trắc địa không gian	TS. Phạm Thị Hoa	2016
214	Các phương pháp Trắc địa trong nghiên cứu địa động	PGS.TS. Vy Quốc Hải	2016
215	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong xây dựng cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu	TS. Trịnh Thị Hoài Thu	2016
216	Đối lưu khí quyển	TS. Nguyễn Văn Hiệp	2016
217	Khí hậu và Biến đổi khí hậu	TS. Thái Thị Thanh Minh	2016

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Tác giả/ Chủ biên	Năm xuất bản
218	Mô hình hóa khí hậu	PGS.TS. Nguyễn Văn Thắng; TS. Thái Thị Thanh Minh	2016
219	Xử lý số liệu khí tượng vệ tinh	TS. Phạm Thị Thanh Ngà	2016
220	Khí tượng Synop nâng cao	PGS.TS. Nguyễn Viết Lành	2016
221	Công nghệ viễn thám và ứng dụng trong khí tượng thủy văn	PGS.TS. Doãn Hà Phong	2016
222	Khí tượng radar nâng cao	TS. Chu Thị Thu Hường	2016
223	Khí tượng gió mùa	PGS.TS. Phạm Vũ Anh	2016
224	Mô hình số nước dưới đất - Phần 2	PGS.TS. Phạm Quý Nhân	2016
225	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	PGS.TS. Phạm Quý Nhân	2016
226	Tính mưa lũ cực hạn	PGS.TS. Nguyễn Kiên Dũng	2016
227	Tính toán điều tiết hệ thống hồ chứa	PGS.TS. Nguyễn Hữu Khải	2016
228	Thiên tai Khí tượng Thủy văn	PGS.TS. Hoàng Ngọc Quang; PGS.TS. Nguyễn Viết Lành	2016
229	Ứng phó Biến đổi khí hậu trong lĩnh vực tài nguyên nước	PGS.TS. Phạm Quý Nhân	2016
230	Biến đổi khí hậu và khả năng thích ứng	TS. Hoàng Anh Huy	2016
231	Chiến lược và chính sách môi trường	TS. Phạm Thị Mai Thảo	2016
232	Độc học môi trường chuyên đề	TS. Lê Thị Trinh	2016
233	Quản lý đa dạng sinh học	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; TS. Lê Thanh Huyền	2016
234	Xử lý nước thải bậc cao	TS. Lê Ngọc Thuấn	2016
235	Kiểm soát và đánh giá chất lượng môi trường	TS. Mai Văn Tiến	2016
236	Lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh; TS. Lê Xuân Tuấn	2016
237	Đánh giá rủi ro môi trường	PGS.TS. Nguyễn Thị Hà; TS. Lê Thị Trinh	2016
238	Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững	TS. Hoàng Anh Huy	2016
239	Kỹ thuật xử lý bùn thải và đất ô nhiễm	TS. Nguyễn Thu Huyền	2016
240	Mô hình hóa trong quản lý tài nguyên thiên nhiên	TS. Hoàng Ngọc Khắc	2016
241	Đánh giá môi trường chiến lược	TS. Lê Văn Hưng	2016
242	Kế toán tài chính	TS. Nguyễn Hoản	2016
243	Thích ứng và giảm nhẹ với BĐKH	Trần Hồng Thái	2017
244	Kỹ năng mềm	Nguyễn Anh Tuấn	2017
245	Năng lượng và Môi trường	Phạm Thị Mai Thảo	2017
246	Đo đạc thủy văn	Hoàng Thị Nguyệt Minh	2017
247	Hóa học phân tích	Lê Thị Trinh	2017
248	Định lượng Cacbon trong rừng ngập mặn trồng vùng ven biển miền Bắc Việt Nam	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2017
249	Cấu trúc kiến tạo và địa mạo khu vực quần đảo Trường Sa và tư chính Vũng Mây	Phí Trường Thành	2017

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Tác giả/ Chủ biên	Năm xuất bản
250	Sổ tay hướng dẫn tác động của BĐKH và giải pháp thích ứng nuôi trồng thủy sản	Bùi Đắc Thuyết	2017
251	Độc học môi trường	Bùi Thị Thư, Lưu Văn Huyền	2018
252	Lipit và axit béo cưa rạn san hô VN và đa dạng sinh hóa học	Phạm Quốc Long, Lưu Văn Huyền	2018
253	Kỹ năng mềm	Bùi Thị Thu	2018
254	Kỹ thuật xử lý bùn tại các đô thị Vn	Nguyễn Thu Huyền	2018
255	Thâm định phương pháp phân tích một số hợp chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trong mẫu trầm tích	Lê Thị Trinh, Trịnh Thị Thắm	2018
256	Ảnh hưởng cuả chất da cam Dioxin đối với môi trường VN	Lê Thị Hải Lê	2019
257	Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan kinh tế chính trị Mác - Lênin	Phạm Thị Linh, Vũ Việt Phương	2019
258	Quản lý các vùng sinh thái đặc thù	Phạm Hồng Tính, Bùi Thị Thu Trang	2019
259	Quản trị học	Nguyễn Hoản	2019
260	Địa lý Kinh tế xã hội VN	Đặng Trần Chiến	2019
261	Vi sinh vật môi trường	Lê Thanh Huyền	2019
262	Hóa học đại cương	Lưu Văn Huyền	2019
263	Kinh tế tài nguyên biển	Hà Thị Thanh Thủy	2019
264	Động lực học dòng sông	Hoàng Thị Nguyệt Minh	2019
265	Thủy văn đại cương	Hoàng Thị Nguyệt Minh	2019
266	Kế toán quản trị chi phí môi trường công cụ quản lý cho phát triển bền vững	Lê Thị Tâm, Nguyễn Hoản	2019
267	Hệ thống thông tin kế toán	Nguyễn Hoản	2019
268	Phương trình toán lý dành cho SV chuyên ngành Khí tượng & KHH	Đặng Trần Chiến	2019
269	English for land Administration	Phạm Anh Tuấn	2019
270	Assesment of the methods for the detection of virus related grapeun	Đoàn Quang Trí	2019
271	Hóa học môi trường	Le Ngọc Anh	2019
272	Application Rnviron sensitivity index maps for coastal oil spill	Đoàn Quang Trí	2019
273	An toàn sức khỏe môi trường	Lê Thanh Huyền	2020
274	Phương pháp tính	Phùng Thị Kim Yến	2020
275	Hệ QTCSDL Oracle 12c	Nguyễn Thị Hồng Loan	2020
276	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	Hoàng Thị Huê	2020
277	Công nghệ SX và ứng dụng vi tảo	Đặng Đình Kim	2020
278	Trắc địa cơ sở 1	Đặng Tuyết Minh, Nguyễn Bá Dũng	2020
279	Lý thuyết và phương pháp phân tích biến dạng	Đinh Xuân Vinh	2020
280	Tài chính đất đai	Hoàng Thị Phương Thảo	2020
281	Hướng dẫn thực hành kinh tế vi mô	Đỗ Thị Dinh	2020

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Tác giả/ Chủ biên	Năm xuất bản
282	Một số vấn đề về chính sách tiêu dùng xanh ở Việt Nam	Nguyễn Gia Thọ	2020
283	Kiểm soát ô nhiễm môi trường nông thôn	Vũ Thị Mai	2020
284	Công nghệ xử lý khí thải tại VN	Nguyễn Thu Huyền	2020
285	Giao đất và thu hồi đất	Phạm Anh Tuấn	2020
286	Hóa học phân tích	Nguyễn Thị Huệ	2020
287	Truyền thông về tài nguyên và môi trường	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2020
288	Hướng dẫn thực hành kinh tế vĩ mô	Đỗ Thị Dinh	2021
289	Kinh tế vĩ mô	Đỗ Thị Dinh	2021
290	Bài tập thực hành tài chính tiền tệ	Ngô Thị Kiều Trang	2021
291	Phân tích chính sách đất đai	Nguyễn Thị Hải Yến	2021
292	Chỉnh biên thủy văn	Trần Văn Tình	2021
293	Định hướng quy hoạch không gian biển Phú Quốc Côn Đảo	Nguyễn Hồng Lân	2021
294	Xử lý số liệu trắc địa nâng cao	Bùi Thị Hồng Thắm	2021
295	Ghi nhận thêm các loài thân mềm phổ biến	Hoàng Ngọc Khắc	2021
296	Quaản lý rủi ro trong nuôi ngao ven biển nhằm thích ứng với BĐKH	Bùi Đắc Thuyết	2021
297	Bài tập thực hành kế toán tài chính	Ngô Thị Kiều Trang	2021
298	Lý thuyết kiểm toán	Nguyễn Hoản	2021
299	Tổng quan du lịch	Trần Minh Nguyệt	2021
300	Bài tập kế toán tài chính 1	Nguyễn Hoản	2021
301	Bài tập kế toán tài chính 2	Nguyễn Hoản	2021
302	Lập trình Linux	Nguyễn Đức Toàn	2021
303	Kiến trúc máy tính	Nguyễn Đức Toàn	2021
304	Phương pháp giảng dạy bóng đá	Lê Đức Thiện	2021
305	Kiểm toán nội bộ công cụ cần thiết cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp	Vũ Thúy Hà, Nguyễn Hoản	2022
306	Kế toán hành chính sự nghiệp	Nguyễn Hoản	2022
307	Hướng dẫn học tập học phần kinh tế chính trị Mác – Lênin	Đinh Thị Như Trang	2022
308	Hướng dẫn học tập phần chủ nghĩa xã hội khoa học	Lê Thị Thùy Dung	2022
309	Hướng dẫn học tập học phần tư tưởng Hồ Chí Minh	Hoàng Thị Ngọc Minh	2022
310	Hướng dẫn học tập học phần lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Vũ Thị Mạc Dung	2022
311	Ứng dụng GNSS trong thành lập, hiện chỉnh và sử dụng bản đồ	Bùi Thị Hồng Thắm	2022
312	Lý thuyết sai số	Nguyễn Xuân Bắc	2022
313	Xử lý số liệu trắc địa	Bùi Thị Hồng Thắm, Đặng Nam Chinh	2022
314	Hướng dẫn học tập học phần triết học Mác – Lênin	Nguyễn Thị Luyến	2022
315	Quản trị Marketing	Nguyễn Minh Tuấn	2022

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Tác giả/ Chủ biên	Năm xuất bản
316	Tài nguyên đất đai trong điều kiện biến đổi khí hậu	Phạm Anh Tuấn	2022
317	Đánh giá đất	Đào Văn Khánh, Nguyễn Thị Nga	2022
318	Giao đất và thu hồi đất	Phạm Anh Tuấn	2022
319	Phương pháp giảng dạy bóng đá	Lê Văn Thiện	2022
320	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	Trần Xuân Biên	2022
321	Bảo vệ môi trường tự nhiên ở VN hiện nay theo quan điểm của HCM	Hoàng Thị Ngọc Minh	2022
322	Xâm nhập mặn các …VN	Phạm Quý Nhân	2022
323	Hóa học môi trường	Trịnh Thị Thủy	2022
324	Xử lý số liệu trắc địa nâng cao	Bùi Thị Hồng Thắm	2022
325	Khí tượng nhiệt đới	Nguyễn Viết Lành	2022
326	Quản lý nhà nước về đất đai	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	2023
327	Sử dụng đất và kinh tế đất	Trần Xuân Biên	2023
328	Khai thác dữ liệu vệ tinh GNSS - RO	Trịnh Thị Hoài Thu	2023
329	Thực hành quản lý TNN	Hoàng Thị Nguyệt Minh	2023
330	Chỉnh biên thủy văn	Nguyễn Văn Tình	2023

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Anh Huy

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp năm học 2023-2024 (học kỳ 1)

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
A	**Thạc sĩ**				
I	**Chuyên ngành Kế toán**				
. 1	Thạc sĩ	Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Đức Linh Hải Dương	Học viên Vũ Minh Phương	PGS.TS.Trần Văn Thuận	Trong luận văn, nội dung chính nêu lên lý luận, thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty TNHH Đức Linh Hải Dương. Cụ thể qua 4 chương như sau: 1. Tổng quan về đề tài nghiên cứu. 2. Lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp. 3. Thực trạng kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH Đức Linh Hải Dương. 4. Hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty TNHH Đức Linh Hải Dương. Nhằm tìm ra các điểm chưa phù hợp để đưa ra các giải pháp hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng. Bởi việc bán hàng trong doanh nghiệp thương mại là cầu nối giữa nhà cung cấp đến người sử dụng, từ đó đưa ra những hoạch định, quyết sách trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp để có hiệu quả cao nhất, thu được lợi nhuận lớn nhất.
II	**Chuyên ngành Quản lý tài nguyên và môi trường**				
1	Thạc sĩ	Nghiên cứu đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại thị xã Phú Thọ và đề xuất biện pháp quản lý hướng tới mô hình kinh tế tuần hoàn	Đinh Quốc Phong	TS. Lê Ngọc Thuấn	Luận văn đã tiến hành khảo sát, lấy mẫu, phân tích chất thải rắn sinh hoạt ở xã Văn Lung và phường Âu Cơ. Từ đó đánh giá được công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thị xã Phú Thọ. Trên cơ sở đó, đề xuất được giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt hướng mô hình kinh tế tuần hoàn.
III	**Chuyên ngành Khoa học môi trường**				
1	Thạc sĩ	Nghiên cứu đánh	Lê Nam Anh	1. TS. Đoàn Thị	Luận văn đã đánh giá được mật độ,

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		giá mật độ sợi tổng hợp trong động vật hai mảnh vỏ thu tại một số tỉnh ven biển miền Bắc Việt Nam		Oanh 2. PGS.TS. Dương Thị Thuỷ	đặc trưng màu sắc, kích thước sợi tổng hợp trong động vật hai mảnh vỏ (ngao, hàu) thu tại một số tỉnh ven biển miền Bắc Việt Nam (Hải Phòng, Quảng Ninh, Nam Định) và mật độ, đặc trưng màu sắc, kích thước sợi tổng hợp môi trường nước, trầm tích nơi thu mẫu hai mảnh vỏ. Trên cơ sở đó, bước đầu đánh giá được nguy cơ tích lũy sợi tổng hợp đối với sức khỏe con người.
2	Thạc sĩ	Nghiên cứu hiện trạng môi trường nước biển và xây dựng các tiêu chí làm cơ sở đề xuất mạng lưới quan trắc môi trường biển ven bờ khu vực Hải Phòng	Nguyễn Thị Bích Phương	1. TS. Lê Ngọc Thuấn 2. TS. Nguyễn Lê Tuấn	Luận văn đã đánh giá hiện trạng chất lượng nước biển ven bờ khu vực Hải Phòng tại thời điểm lấy mẫu phân tích. Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, học viên đã xác lập các phương pháp nghiên cứu trong điều kiện nghiên cứu của mình luận văn đã đề xuất được bộ tiêu chí chí làm cơ sở đề xuất mạng lưới quan trắc. Trên cơ sở các tiêu chí đề xuất, luận văn đã đề xuất được mạng lưới quan trắc và giám sát môi trường nước biển ven bờ khu vực Hải Phòng.
3	Thạc sĩ	Nghiên cứu đánh giá hiện trạng môi trường nước làm cơ sở để xác định ngưỡng chịu tải của khu vực quy hoạch nhận chìm chất nạo vét thuộc vùng biển Hải Phòng	Đinh Thị Xoan	1. PGS.TS Lê Thị Trinh 2. TS. Phạm Văn Hiếu	Luận văn đã tiến hành điều tra, khảo sát khu vực quy hoạch nhận chìm chất nạo vét vùng biển Hải Phòng, từ đó đánh giá được hiện trạng môi trường nước khu vực quy hoạch nhận chìm. Trên cơ sở đó, tính toán được ngưỡng chịu tải môi trường nước của khu vực quy hoạch nhận chìm chất nạo vét tại vùng biển Hải Phòng. Tiến hành đề xuất một số biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện hoạt động nhận chìm chất nạo vét tại khu vực nghiên cứu.
B	**Đại học chính quy**				
I	**LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ QUẢN LÝ**				
I.1	**Ngành Kế toán**				
1	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Duy Quang Sơn La	Nguyễn Thị Thu Thảo	ThS. Ngọ Tuyết Trinh	Khóa luận trình bày được cơ sở lý luận về doanh thu chi chí và xác định kết quả kinh doanh, thực trạng kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Duy Quang Sơn La đồng thời đưa ra một số giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Duy Quang Sơn La.
2	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ tại tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại và xây dựng đô thị 4.0	Nguyễn Linh Nhi	ThS. Cao Thị Bích Ngọc	Khóa luận trình bày được cơ sở lý luận về doanh thu chi chí và xác định kết quả kinh doanh, thực trạng kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại và xây dựng đô thị 4.0 đồng thời đưa ra một số giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại và xây dựng đô thị 4.0.
3	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn	Nguyễn Đan Phượng	TS. Hoàng Đình Hương	Khóa luận trình bày được cơ sở lý luận về doanh thu chi chí và xác định kết quả kinh doanh, thực trạng kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn đồng thời đưa ra một số giải pháp hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn.
4	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng và thanh toán tại Công ty Cổ Phần Hasky	Trần Thị Mỹ Hạnh	ThS. Hà Huyền Trang	Khoá luận trình bày được cơ sở lý luận về kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng và thanh toán của doanh nghiệp, phân tích được thực trạng kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng và thanh toán tại Công ty Cổ Phần Hasky từ đó đề xuất các giải pháp để kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng và thanh toán tại công ty Cổ Phần Hasky.
5	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng và thanh toán tại công ty cổ phần thương mại tổng hợp Thái Hòa	Vũ Hồng Trang	ThS. Hà Huyền Trang	Khoá luận trình bày được cơ sở lý luận về kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng và thanh toán của doanh nghiệp, phân tích được thực trạng kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng và thanh toán tại Công ty cổ phần thương mại tổng hợp Thái Hòa từ đó đề xuất các giải pháp để kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng và thanh toán tại công ty cổ phần thương mại tổng hợp Thái Hòa.
I.2	**Ngành Quản trị kinh doanh**				
1	Đại học	Thực trạng quản	Nguyễn Thu	TS. Trần Minh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
	chính quy	trị nguồn nhân lực tại công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ và phát triển Hưng Phát	Phương	Nguyệt	trị nguồn nhân lực. Đánh giá thực trạng quản trị nguồn nhân lực tại công ty TNHH thương mại dịch vụ phát triển Hưng Phát. Đưa ra giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động quản trị nguồn nhân lực tại công ty TNHH thương mại dịch vụ phát triển Hưng Phát.
2	Đại học chính quy	Hoàn thiện quy trình tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực tại Công ty Cổ Phần Công Nghiệp và Dịch Vụ Đông Dương	Nguyễn Văn Năm	TS. Bùi Thị Thu	- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về tuyển dụng và đào tạo trong doanh nghiệp. - Phân tích, đánh giá thực trạng tác tuyển dụng và đào tạo nhân lực tại công ty Cổ phần công nghiệp và dịch vụ Đông Dương; Xác định những thành công đã đạt được và những hạn chế trong công tác tuyển dụng và đào tạo nhân lực tại công ty Cổ phần công nghiệp và dịch vụ Đông Dương. - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tuyển dụng và đào tạo nhân lực tại công ty Cổ phần công nghiệp và dịch vụ Đông Dương.
3	Đại học chính quy	Hoàn thiện công tác quản lý nhân lực tại công ty TNHH TMPT và Dịch vụ du lịch Thiên Thanh	Vũ Xuân Thịnh	ThS. Đào Lan Anh	- Mục đích chung: + Trải nghiệm thực tế về hoạt động quản lý nhân lực tại một doanh nghiệp. + Tìm hiểu chung về thực trạng quản lý nhân lực tại các doanh nghiệp hiện nay - Mục đích cụ thể: + Hệ thống hóa cơ sở lý luận quản lý nhân lực. + Đánh giá, phân tích các hiện trạng của công tác quản lý nhân lực của Công ty TNHH TM PT & Dịch Vụ Du Lịch Thiên Thanh. + Đề xuất một số biện pháp hoàn thiện các công tác quản lý nhân lực nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhân lực tại Công ty TNHH TM PT & Dịch Vụ Du Lịch Thiên Thanh.
4	Đại học chính quy	Hoàn thiện công tác tiêu thụ sản phẩm tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ	Nguyễn Thị Lương	ThS. Lê Ngọc Dũng	Đề tài nghiên cứu hoàn thiện công tác tiêu thụ sản phẩm tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Hà Phương với mục tiêu dựa trên cơ cở lý luận để giải quyết các vấn đề thực

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Hà Phương			tiễn. - Đánh giá một cách toàn diện về hệ thống tiêu thụ sản phẩm tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Hà Phương. - Đóng góp một số biện pháp để có thể tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm tại Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Hà Phương trong thời gian tới. - Trên cơ sở phân tích thực trạng về tiêu thụ sản phẩm để đưa ra nguyên nhân, kiến nghị một số giải pháp giúp Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Hà Phương nói riêng và các doanh nghiệp tại Việt Nam nói chung về nâng cao được sản lượng tiêu thụ sản phẩm trong thời gian tới.
5	Đại học chính quy	Giải pháp nâng cao động lực làm việc cho người lao động tại Công ty xây dựng Tiên Du (TNHH) – Chi nhánh cửa hàng Xăng dầu Tiên Sơn	Lương Hồng Hạnh	ThS. Vũ Thị Nhung	- Khái quát cơ sở lý thuyết về nâng cao động lực làm việc cho người lao động, hệ thống hóa cơ sở lý thuyết về nâng cao động lực làm việc đối với người lao động như: Thuyết nhu cầu của Maslow; Thuyết hai nhân tố của Frederick Herzberg; Thuyết ERG của Alderfer; Thuyết nhu cầu của David C.Mc Clelland; Thuyết kỳ vọng của Victor Vroom… - Tìm hiểu thực trạng công tác nâng cao động lực làm việc cho người lao động trong Công ty xây dựng Tiên Du (TNHH) - Chi nhánh cửa hàng Xăng dầu Tiên Sơn, từ đó chỉ ra những hạn chế, ưu điểm của công tác nâng cao động lực làm việc tại Tổng công ty. - Đề xuất các giải pháp để hoàn thiện công tác nâng cao động lực làm việc cho người lao động trong Tổng công ty.
6	Đại học chính quy	Nâng cao hiệu quả công tác Quản trị nguồn nhân lực tại công ty cổ phần thiết bị công nghệ y tế Đông Đô	Lương Thu Huyền	ThS. Vũ Thị Nhung	+ Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về nhân lực và quản trị nguồn nhân lực tại Công ty. + Phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản trị nguồn nhân lực tại Công ty trong các năm qua. + Đề xuất định hướng và một số giải

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					pháp cụ thể nhằm hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực, giúp cho Công ty có được đội ngũ lao động chất lượng cao trong thời gian tới.
7	Đại học chính quy	Thực trạng quản trị nguồn nhân lực tại công ty trách nhiệm hữu hạn Sơn Tuấn Vân	Nguyễn Thị Hoàng Ngân	TS. Trần Minh Nguyệt	Nghiên cứu thực trang quản trị nguồn nhân lực tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Sơn Tuấn Vân. Khái quá hóa cơ sờ lý luận về quản trị nguồn nhân lực, phân tích thực trạng quản trị nguồn nhân lực từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực tại công ty.
II	**LĨNH VỰC DU LỊCH, KHÁCH SẠN, THỂ THAO VÀ DỊCH VỤ CÁ NHÂN**				
II.1	**Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**				
1	Đại học chính quy	Nâng cao hiệu quả kinh doanh tại công ty cổ phần dịch vụ nghỉ dưỡng ELITE	Đỗ Thị Thu Uyên	ThS. Nguyễn Thuỷ Trang	Khái quát hóa cơ sở lý luận về hiệu quả kinh doanh. Phân tích thực trạng về hiệu quả kinh doanh của công ty Cổ phần dịch vụ nghỉ dưỡng ELITE. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty Cổ phần dịch vụ nghỉ dưỡng ELITE.
2	Đại học chính quy	Chất lượng dịch vụ ăn uống tại Khách sạn Mường Thanh Luxury Bắc Ninh	Phạm Ngọc Quế Anh	ThS. Nguyễn Vũ Phi Công	Đánh giá thực trạng chất lượng dịch vụ ăn uống mà Khách sạn Mường Thanh Luxury Bắc Ninh đã và đang thực hiện triển khai. Qua đó đánh giá chỉ tiêu chất lượng trong Khách sạn. Đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm thúc đẩy chiến lược phát triển chất lượng dịch vụ ăn uống của Khách sạn Mường Thanh Luxury Bắc Ninh.
3	Đại học chính quy	Chiến lược phát triển sản phẩm ăn uống tại khách sạn Capella Hà Nội	Nguyễn Văn Trường	ThS. Nguyễn Vũ Phi Công	Hệ thống hóa lý luận cơ bản về chiến lược sản phẩm trong kinh doanh khách sạn dựa trên việc chọn lọc xem xét các tài liệu có liên quan đến chiến lược phát triển sản phẩm trong kinh doanh khách sạn. Đưa ra phương pháp nghiên cứu khoa học, thu thập và phân tích các tài liệu sơ cấp và thứ cấp về khách sạn. Tổng hợp, đánh giá và đưa ra nhận xét tổng quát tình hình hoạt động kinh doanh của khách sạn nói chung và chiến lược sản phẩm ăn uống nói riêng. Phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động marketing nhằm thu hút khách

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					nội địa của nhà hàng. Từ đó, đánh giá các mặt mạnh, mặt yếu, cơ hội, thách thức mà nhà hàng gặp phải để ra những nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong thu hút khách. Đề xuất một số giải pháp khả thi nhằm giải quyết vấn đề của khách sạn cũng như đưa ra các đề xuất kiến nghị tạo điều kiện cho chiến lược phát triển sản phẩm ăn uống tại Khách sạn Capella Hà Nội.
4	Đại học chính quy	Chất lượng hướng dẫn viên tại Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Du lịch Kinh Bắc	Phạm Đình Tường	ThS. Nguyễn Vũ Phi Công	Đề tài sẽ tập chung vào các cụ thể sau đây: - Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh nghiệp lữ hành và chất lượng hướng dẫn viên. - Đánh giá được chất lượng của hướng dẫn viên du lịch tại Công ty cổ phần đầu tư Thương mại và Du lịch Kinh Bắc. - Đưa ra giải pháp nâng cao chất lượng hướng dẫn viên du lịch tại Công ty cổ phần đầu tư Thương mại và Du lịch Kinh Bắc.
III	**LĨNH VỰC MÁY TÍNH VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**				
III.1	**Ngành Công nghệ thông tin**				
1	Đại học chính quy	Xây dựng website kinh doanh giày cho cửa hàng EMMY sử dụng PHP	Nguyễn Anh Tuấn	ThS.Phan Huy Anh	KLTN nghiên cứu cơ sở lý thuyết về PHP, hệ quản trị CSDL MySQL. Khảo sát và phân tích thiết kế hệ thống, thiết kế CSDL cho bài toán kinh doanh giày. Kết quả đề tài đạt được bao gồm: báo cáo khóa luận và website kinh doanh giày cho cửa hàng với các chức năng cơ bản như quản lý nhân viên, quản lý khách hàng, quản lý danh mục hàng, quản lý sản phẩm, quản lý hóa đơn bán hàng, thống kê và báo cáo.
2	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm bán cafe cho cửa hàng CoffeeLuck trên nền web	Nguyễn Viết Giỏi	TS.Lê Phú Hưng	Trên cơ sở khảo sát yêu cầu, phân tích thiết kế hệ thống thông tin, nghiên cứu ngôn ngữ lập trình java, cơ sở dữ liệu MySQL, sinh viên đã xây dựng được một hệ thống bán hàng trực tuyến có giao diện thân thiện với nhiều chức năng như: quản lý sản phẩm, quản lý đơn hàng, chức năng giỏ hàng, mua hàng và thanh toán, tìm kiếm, quản trị…

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
3	Đại học chính quy	Xây dựng website đặt lịch khám bệnh sử dụng nền tảng NodeJS	Nguyễn Hữu Sơn	ThS.Vũ Ngọc Phan; ThS.Lê Thị Thu Hà	KLTN khảo sát nghiệp vụ đặt lịch khám và quản lý lịch khám bệnh tại phòng khám vừa và nhỏ, tiến hành phân tích thiết kế hệ thống, xây dựng cơ sở dữ liệu và lập trình ứng dụng với nền tảng NodeJS. Kết quả đề tài đạt được bao gồm: báo cáo khóa luận với các nội dung đã nghiên cứu và phần mềm với một số chức năng cơ bản
4	Đại học chính quy	Nghiên cứu, xây dựng website bán hàng phụ kiện máy tính HTĐ	Phạm Thị Việt Anh	ThS.Đào Thị Phương Anh, ThS.Dương Thị Thúy	Khảo sát, nắm được các quy trình và yêu cầu của hệ thống website bán hàng phụ kiện máy tính. Hiểu được các nghiệp vụ của hệ thống quản lý nhà hàng. Xây dựng được website bán hàng phụ kiện máy tính HTĐ.
5	Đại học chính quy	Nghiên cứu công nghệ Unity và ứng dụng xây dựng Game Tetris	Nguyễn Thanh Kim Ngân	ThS.Lê Thị Vui	KLTN nghiên cứu về công nghệ Unity và ứng dụng xây dựng game Tetris với các hình khối được xây dựng, giúp trò chơi sinh động và lôi cuốn. trò chơi xếp hình ghi điểm khi các hình khối được xếp đầy đủ theo hàng ngang, và kết thúc khi 1 cột bị xếp đầy theo phương dọc. Ứng dụng sử dụng công nghệ Unity và đáp ứng được các chức năng của một Game Unity.
6	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm quản lý bãi đỗ xe cho khu đô thị Tân Tây Đô	Bùi Viết Long	ThS.Phan Huy Anh	KLTN khảo sát nghiệp vụ quản lý bãi đỗ xe tại chung cư, tiến hành phân tích thiết kế hệ thống, xây dựng cơ sở dữ liệu và lập trình ứng dụng sử dụng C#. Kết quả đề tài đạt được bao gồm: báo cáo khóa luận với các nội dung đã nghiên cứu và phần mềm với một số chức năng cơ bản của quản lý bãi đỗ xe.
IV	**LĨNH VỰC KHOA HỌC TỰ NHIÊN**				
IV.1	**Ngành Khí tượng và Khí hậu học**				
1	Đại học chính quy	Nghiên cứu ảnh hưởng của Enso tới hoạt động của xoáy thuận nhiệt đới ở khu vực Biển Đông trong những năm gần đây	Nguyễn Thu Hương	ThS. Nguyễn Bình Phong	**Tóm tắt:** Nghiên cứu ảnh hưởng của ENSO đến hoạt động của xoáy thuận nhiệt đới ở khu vực biển đông trong giai đoạn từ năm 1990 – 2020. Khóa luận dựa trên chuỗi số liệu số lượng bão các năm hoạt động trên biển đông trong năm 1990 – 2020, từ đó phân tích xem trong 30 năm đó, biển Đông đã phải chịu bao nhiêu đợt ENSO, so sánh những năm có hiện

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					tượng ENSO và năm không có hiện tượng ENSO thì sẽ có sự thay đổi như nào về số lượng các cơn bão. Trên biển Đông, số lượng bão xuất hiện nhiều phần lớn từ tháng 8 – 11, một số năm nổi bật có hiện tượng enso với số lượng cơn bão nhiều như năm 2016 & 2020 (14 cơn) và năm 2017 (16 cơn). Trong khóa luận này, dựa theo phương pháp thống kê và thống kê mô tả, nghiên cứu tiến hành thu nhập dữ liệu về ENSO thông qua chỉ số ONI và SST gia đoạn 1990 – 2020 của Cục quản lý Đại dương và Khí quyển Quốc gia Hoa Kỳ (NOAA) trên khu vực Tây Bắc Thái Bình Dương, em đã chỉ ra được trong 30 năm từ 1990 – 2020, biển Đông đã phải chịu 9 đợt El Nino và 10 đợt La Nina; từ đó cũng chỉ ra được số lượng các cơn bão có xu hướng tăng trong các đợt ENSO, cùng với đó số lượng bão trong các tháng La Nina có xu hướng cao hơn so với những tháng El Nino. Như vậy, có thể thấy được sự thay đổi bất thường của số lượng các cơn bão trong những năm ENSO, phản ánh được sự tàn bạo về thời tiết khi chịu ảnh hưởng bởi các đợt ENSO trên biển Đông, các vùng lân cận và đặc biệt là Việt Nam.
V	**LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**				
V.1	**Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường**				
1	Đại học chính quy	Đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới sinh kế người dân tại xã Bạch Long, Giao Xuân, Giao Hải huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Nguyễn Mạnh Chiến	ThS. Nguyễn Hà Linh	- Nghiên cứu diễn biến các hiện tượng thời tiết ảnh hưởng tới Giao Thủy trong giai đoạn 2012-2022 - Đánh giá được ảnh hưởng do biến đổi khí hậu (BĐKH) gây ra đối với sinh kế của người dân tại 3 xã Giao Xuân, Giao Hải, Bạch Long - Đề xuất các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu cho từng ngành nghề - Bão,mưa lớn là 2 hiện tượng thời tiết cực đoan ảnh hưởng nhiều nhất tới sinh kế của người dân, "sản xuất nông nghiệp" là hoạt động chịu tác động nặng nề nhất bởi BĐKH.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					"Nuôi trồng thủy hải sản" là ngành nghề đem lại mức thu nhập cao nhất. Đề xuất 2 nhóm giải pháp chính. *Một* là các hoạt động đào tạo hỗ trợ đầu tư từ các cấp chính quyền địa phương. *Hai là* các phương thức thực hiện để phòng ngừa và thích ứng với BĐKH cho từng ngành nghề.
II.2	**Ngành Quản lý tài nguyên nước**				
1	Đại học chính quy	Nghiên cứu nguyên nhân, cơ chế gây sụt lún do hoạt động khai thác nước ngầm đối với các vùng có karst ngầm và đề xuất các giải pháp bảo vệ , lấy ví dụ tại vùng Ứng Hoà, Hà Nội.	Hoàng Đình Minh Đức	TS. Trần Thành Lê	Kết quả nghiên cứu có thể khẳng định rằng, nguyên nhân của hiện tượng sụt lún đất là do phía dưới lớp phủ Đệ tứ (có lớp bùn sét loãng dày 7m HK1) là trầm tích đá vôi carbonat tồn tại các hang karst ngầm. Khi khoan giếng lấy nước, do tác động cơ học tạo điều kiện tụt lở lớp bùn sét phía trên xuống gây nên hiện tượng sụt lún cục bộ. Đã xác định được quy mô của hố sụt, phạm vi phân bố hố sụt lún, đã phân chia được 3 vùng sụt lún: Vùng 1 là vùng quy mô hố sụt có diện tích 157m2, Vùng 2 là vùng phạm vi ảnh hưởng sụt lún, nứt đất có diện tích là 1438m2, Vùng 3 bao gồm các vùng dự báo có khả năng phát triển hang karst theo tài liệu địa vật lý và các khu vực còn lại. Đã đề xuất được các biện pháp xử lý đối với từng vùng cụ thể và các biện pháp xử lý là tổng thể và cần phải được tiến hành đồng thời.

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Bùi Thu Phương

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu mẫu 18H

Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức năm 2023

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội thảo tổng kết dự án OKP-ICP-VNM-103137 "Khí hậu Việt Nam - Hợp tác giáo dục nhằm đạt được sự thay đổi bền vững tại các vùng đồng bằng Việt Nam" do Hà Lan tài trợ 2019 - 2023.	16/3/2023	Hội trường B706	120
2	Hội thảo khoa học Quốc tế năm 2023 "Công nghệ tích hợp địa không gian với các tai biến thiên nhiên và những vấn đề về môi trường"	07 - 09/11/2023	Hội trường B706	195
3	Tọa đàm "Bảo vệ đất, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên" của Bộ Tài nguyên và Môi trường Cộng hòa Liên bang Đức.	17/10/2023	Hội trường B706	120
4	Hội thảo khoa học Quốc gia năm 2023 "Phát triển và quản lý bền vững tài nguyên và môi trường: Từ miền núi tới ven biển"	03/10/2023	Hội trường B706	210
5	Tọa đàm "Xin ý kiến góp ý hoàn thiện các giáo trình lĩnh vực môi trường"	18/8/2023	Hội trường B706	150
6	Hội thảo khoa học "Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ đảm bảo an ninh nguồn nước và an toàn đập hồ chứa nước"	18/10/2023	Hội trường B706	30
7	Tọa đàm với chủ đề "Tương lai phát triển và cơ hội nghề nghiệp trong ngành marketing: Góc nhìn từ doanh nghiệp"	01/4/2023	Hội trường lớn	150
8	Tọa đàm với chủ đề "Tư duy khởi nghiệp và kinh doanh"	06/4/2023	Hội trường lớn	200
9	Tọa đàm với chủ đề "Đánh giá tác động môi trường - những tồn tại và giải pháp"	20/5/2023	Hội trường lớn	180
10	Tọa đàm với chủ đề "Các kiến thức về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp cần nắm vững đối với kế toán khởi nghiệp"	30/9/2023	Hội trường lớn	150
11	Hội thảo trực tuyến: "Ứng dụng công nghệ Mô hình hóa trong việc thiết kế và vận hành quy trình xử lý nước thải" (Phối hợp tổ chức)	20/12/2023	Hội trường B704	40

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
12	Hội thảo: "Chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, đào tạo và triển khai dự án tại Khối thi đua số V" (Phối hợp tổ chức)	19/11/2023	Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ	250
13	Tọa đàm với chủ đề "Chia sẻ về kiểm toán và thực tiễn nghề nghiệp"	04/11/2023	Hội trường lớn	150
14	Hội nghị tổng kết "Nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2022 - 2023"	14/11/2023	Hội trường lớn	250
15	Tọa đàm với chủ đề "Du lịch trong một thế giới năng động"	27/11/2023	Hội trường lớn	196
16	Tọa đàm "Vận tải và giao nhận hàng hóa trong ngoại thương"	16/12/2023	Hội trường lớn	220

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KHCN&HTQT

(Đã ký)

Nguyễn Bá Dũng

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu mẫu 18I

Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn năm học 2023-2024

STT	Tên đề tài, dự án	Chủ nhiệm đề tài	Đối tác	Thời gian thực hiện		Kinh phí (triệu đồng)	Cấp quản lý
				Bắt đầu	Kết thúc		
1	Nghiên cứu luận cứ khoa học xác định một số mô hình mặt biển phục vụ điều tra cơ bản, khai thác sử dụng và quản lý tổng hợp tài nguyên môi trường biển. Mã số: TNMT.2022.562.04.	TS. Lương Thanh Thạch	- Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam; - Trung tâm Hải văn/ Tổng cục Khí tượng Thủy văn; - Đoàn Đo đạc biên vẽ hải đồ và nghiên cứu biển/ Bộ Tham mưu Hải quân; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2022	2024	2.229	Cấp Bộ
2	Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí về đa dạng sinh học địa y để quan trắc chất lượng môi trường không khí tại một số tỉnh, thành phố ở miền Bắc Việt Nam. Mã số: TNMT.2022.562.05	PGS.TS. Hoàng Ngọc Khắc	- Trung tâm quan trắc môi trường miền Bắc thuộc Tổng cục Môi trường; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2022	2024	2.113	Cấp Bộ
3	Nghiên cứu đánh giá nhận thức, thái độ, hành vi của người dân về quản lý chất thải rắn sinh hoạt quy định trong pháp luật bảo vệ môi trường 2020 và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý. Áp dụng thí điểm tại một số tỉnh miền Bắc Việt Nam.	TS. Hoàng Thị Huê	- Trung tâm Giám sát Tài nguyên môi trường và Biến đổi khí hậu; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2022	2024	2.015	Cấp Bộ

STT	Tên đề tài, dự án	Chủ nhiệm đề tài	Đối tác	Thời gian thực hiện		Kinh phí (triệu đồng)	Cấp quản lý
				Bắt đầu	Kết thúc		
	Mã số: TNMT.2022.01.47.						
4	Nghiên cứu xây dựng công nghệ dự báo tác động và lượng giá tổn thất, thiệt hại của các loại thiên tai khí tượng thủy văn đến các hoạt động kinh tế xã hội ở Việt Nam. Mã số: TNMT.2022.06.11.	TS. Lê Thị Thường	- Các Đài Khí tượng thủy văn khu vực; - Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2022	2025	4.489	Cấp Bộ
5	Nghiên cứu xây dựng mô hình truyền thông chính sách và pháp luật về tài nguyên và môi trường cho người dân các huyện, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo. Áp dụng thử nghiệm cho một số huyện, xã tại khu vực ven biển Miền Trung. Mã số: TNMT.2023.01.08	TS. Đào Xuân Hưng	- Trung tâm Truyền thông Tài nguyên và Môi trường; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2023	2025	1.744	Cấp Bộ
6	Nghiên cứu xây dựng công nghệ dự báo thủy văn và cảnh báo ngập lụt cho các lưu vực sông nhỏ. Áp dụng thử nghiệm cho một số lưu vực sông nhỏ thuộc khu vực Tây Bắc. Mã số: TNMT.2023.06.14.	TS. Hoàng Thị Nguyệt Minh	- Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Tây Bắc; - Đài KTTV tỉnh Hòa Bình; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2023	2025	1.795	Cấp Bộ
7	Nghiên cứu đặc điểm phân bố, tích	ThS. Đỗ	- Viện Nghiên cứu Biển và Hải đảo;	2023	2026	2.499	Cấp Bộ

STT	Tên đề tài, dự án	Chủ nhiệm đề tài	Đối tác	Thời gian thực hiện		Kinh phí (triệu đồng)	Cấp quản lý
				Bắt đầu	Kết thúc		
	lũy các dạng của kim loại nặng, vi nhựa trong trầm tích tầng mặt và một số sinh vật tại khu vực biển ven bờ từ Quảng Ninh đến Nam Định. Mã số: TNMT.2023.562.04.	Thị Hiền	- Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.				
8	Nghiên cứu ứng dụng vi tảo, vi khuân lam trong xử lý nước thải sinh hoạt và tổng hợp Polyme sinh học. Mã số: TNMT.2023. 562.05.	TS. Đoàn Thị Oanh	- Trung tâm Tư vấn và Công nghệ môi trường; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2023	2025	1.796	Cấp Bộ
9	Nghiên cứu mức độ ô nhiễm, đặc trưng hóa học và nguồn gốc của các hợp chất hữu cơ (PAHs, BTEX) trong không khí khu vực đô thị tại một số tỉnh vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Mã số: TNMT.2023.562.06.	TS. Phạm Thị Hồng Phương	- Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc; - Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2023	2025	1.796	Cấp Bộ
10	Nghiên cứu lựa chọn mô hình đánh giá, dự báo biên động chất lượng môi trường đất, nước và không khí phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Mã số: TNMT.2023.562.07.	PGS.TS. Nguyễn Tiến Thành	- Trung tâm Giám sát tài nguyên môi trường và Biến đổi khí hậu; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2023	2025	1.648	Cấp Bộ
11	Nghiên cứu lượng giá tác động của hoạt động du lịch đến môi trường di sản thiên nhiên - Áp	ThS. Nguyễn Thị Hoài Thương	- Cục Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; - Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh	2024	2025	1.768	Cấp Bộ

STT	Tên đề tài, dự án	Chủ nhiệm đề tài	Đối tác	Thời gian thực hiện		Kinh phí (triệu đồng)	Cấp quản lý
				Bắt đầu	Kết thúc		
	dụng thí điểm tại khu di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long. Mã số: TNMT.ĐL.2023.03.		Quảng Ninh; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.				
12	Nghiên cứu mức độ suy thoái hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển Bắc Bộ và đề xuất giải pháp phục hồi. Mã số: TNMT.ĐL.2023.04.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	- Trung tâm Điều tra, Thông tin và Dữ liệu môi trường, đa dạng sinh học; - Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2024	2025	1.873	Cấp Bộ
13	Nghiên cứu lựa chọn công nghệ tiền xử lý phù hợp để nâng cao hiệu quả xử lý, tận dụng bùn thải từ các nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt đô thị tập trung kết hợp thu hồi năng lượng. Mã số: TNMT.ĐL.2023.01.	TS. Lê Ngọc Thuấn	- Cục kiểm soát ô nhiễm môi trường; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2024	2025	1.948	Cấp Bộ
14	Nghiên cứu công nghệ sản xuất ethanol sinh học từ phế phụ phẩm nông lâm nghiệp. Mã số: TNMT.ĐL.2023.02	TS. Nguyễn Thị Phương Mai	- Cục kiểm soát ô nhiễm môi trường; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2024	2025	1.997	Cấp Bộ
15	Nghiên cứu, xây dựng bộ tiêu chí và quy trình kiểm tra, đánh giá việc xây dựng giá đất tại địa phương. Mã số: TNMT.2024.01.03.	ThS. Bùi Thị Then	- Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2024	2025	1.500	Cấp Bộ
16	Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS nghiên cứu động lực biến đổi cảnh quan	TS. Trịnh Thị Hoài	- Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi	2024	2025	1.800	Cấp Bộ

STT	Tên đề tài, dự án	Chủ nhiệm đề tài	Đối tác	Thời gian thực hiện		Kinh phí (triệu đồng)	Cấp quản lý
				Bắt đầu	Kết thúc		
	phục vụ định hướng sử dụng đất bền vững. Mã số: TNMT.2024.04.04.	Thu	trường Hà Nội.				
17	Nghiên cứu xây dựng công cụ giám sát các đặc trưng thủy văn, nguồn nước mặt, lớp phủ bề mặt dựa bằng kỹ thuật viễn thám và trí tuệ nhân tạo phục vụ dự báo, cảnh báo thiên tai thủy văn lưu vực sông Hồng. Mã số: TNMT.2024.06.07.	ThS. Nguyễn Tiến Quang	- Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia; - Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Miền núi phía Bắc; - Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đồng bằng và Trung du Bắc bộ; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2024	2025	1.520	Cấp Bộ
18	Nghiên cứu lựa chọn mô hình học máy và xây dựng bộ dữ liệu huấn luyện tự động nhận dạng đối tượng địa lý từ ảnh UAV phục vụ xây dựng CSDL địa lý quốc gia tỷ lệ lớn. Mã số: TNMT.2024.04.07	TS. Đỗ Văn Dương	- Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	2024	2025	2.160	Cấp Bộ

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KHCN&HTQT

(Đã ký)

Nguyễn Bá Dũng

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu mẫu 18K

Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục năm học 2023-2024

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/ Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/ Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
I	**Cơ sở giáo dục**						
1	Trường ĐH TN&MT HN (Chu kỳ 1)	23÷27/12/ 2017	Tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 82%	Số 13/NQ-HĐKĐCL 19/02/2020	Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	30/3/2018	30/3/2023
2	Trường ĐH TN&MT HN (Chu kỳ 2)	17÷21/02/ 2023	Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	Số 48/NQ-HĐKĐCL 18/05/2023	Đạt	02/6/2023	02/6/2028
II	**Chương trình đào tạo**						
II.1	**Trình độ Thạc sĩ**						
1	Khoa học Môi trường	08÷12/12/ 2023	Tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 90%	Số 19/NQ-HĐKĐCL 04/3/2024	Đạt	08/4/2024	08/4/2029
II.2	**Trình độ Đại học chính quy**						
1	Ngành Quản lý đất đai	18÷22/10/ 2019	Tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 82%	Số 13/NQ-HĐKĐCL 19/02/2020	Đạt	27/3/2020	27/3/2025
2	Ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường	18÷22/10/ 2019	Tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 84%	Số 14/NQ-HĐKĐCL 19/02/2020	Đạt	27/3/2020	27/3/2025
3	Ngành Kế toán	18÷22/10/ 2019	Tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 80%	Số 15/NQ-HĐKĐCL 19/02/2020	Đạt	27/3/2020	27/3/2025
4	Ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	22÷26/01/ 2021	Tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 86%	Số 01/NQ-HĐKĐCL 01/03/2021	Đạt	05/4/2021	05/4/2026
5	Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường	22÷26/01/ 2021	Tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 90%	Số 02/NQ-HĐKĐCL 01/03/2021	Đạt	05/4/2021	05/4/2026
6	Ngành Kỹ thuật trắc địa – Bản đồ	22÷26/01/ 2021	Tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 86%	Số 03/NQ-HĐKĐCL 01/03/2021	Đạt	05/4/2021	05/4/2026

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/ Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/ Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
7	Ngành Thủy văn học	24÷27/12/2021	Tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 88%	Số 42/NQ-HĐKĐCL 28/02/2022	Đạt	30/3/2022	30/3/2027
8	Ngành Công nghệ thông tin	24÷27/12/2021	Tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 84%	Số 43/NQ-HĐKĐCL 28/02/2022	Đạt	30/3/2022	30/3/2027
9	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	24÷27/12/2021	Tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 82%	Số 44/NQ-HĐKĐCL 28/02/2022	Đạt	30/3/2022	30/3/2027
10	Biến đổi và phát triển bền vững	08÷12/12/2023	Tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 84%	Số 13/NQ-HĐKĐCL 04/3/2024	Đạt	08/4/2024	08/4/2029
11	Quản lý Biển	08÷12/12/2023	Tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 86%	Số 14/NQ-HĐKĐCL 04/3/2024	Đạt	08/4/2024	08/4/2029
12	Quản lý Tài nguyên nước	08÷12/12/2023	Tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 88%	Số 15/NQ-HĐKĐCL 04/3/2024	Đạt	08/4/2024	08/4/2029
13	Khí tượng và Khí hậu học	08÷12/12/2023	Tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 90%	Số 16/NQ-HĐKĐCL 04/3/2024	Đạt	08/4/2024	08/4/2029
14	Kỹ thuật Địa chất	08÷12/12/2023	Tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 86%	Số 17/NQ-HĐKĐCL 04/3/2024	Đạt	08/4/2024	08/4/2029
15	Quản trị Kinh doanh	08÷12/12/2023	Tỉ lệ các tiêu chí đạt yêu cầu là 84%	Số 18/NQ-HĐKĐCL 04/3/2024	Đạt	08/4/2024	08/4/2029

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG KT&ĐBCLGD
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Nguyễn Tiến Thành

Biểu mẫu 19A

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Diện tích (m^2)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	**Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng** **Trong đó:**	**68.858**	**68.858**		
1.1	Trụ sở chính	20.110	20.110		
1.2	Phân hiệu tại Bỉm Sơn – Thanh Hóa	44.739	44.739		
1.3	Cơ sở 2 tại phường Đức Thắng – Bắc Từ Liêm – Hà Nội	2.855	2.855		
1.4	Trạm thực hành thủy văn phường Phú Diễn – Bắc Từ Liêm – Hà Nội	1.154	1.154		
2	**Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học** **Trong đó:**	**36.906**	**36.906**		
2.1	Trụ sở chính	21.506	21.506		
2.2	Phân hiệu tại Bỉm Sơn – Thanh Hóa	11.908	11.908		
2.3	Cơ sở 2 tại phường Đức Thắng – Bắc Từ Liêm – Hà Nội	3.108	3.108		
2.4	Trạm thực hành thủy văn	384	384		

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QTTB

(Đã ký)

Nguyễn Duy Tạo

Biểu mẫu 19B

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu
Năm học 2023 - 2024

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm	14	Giảng dạy, NCKH, thực hành cho HSSV	Giảng viên, sinh viên	986	986		
2	Phòng thực hành, phòng học đa phương tiện	31	Giảng dạy, NCKH, thực hành cho HSSV	Giảng viên, sinh viên	2.893	2.893		
3	Nhà tập đa năng, khu tập luyện thể thao	3	Giảng dạy, tập luyện thể thao	Cán bộ, giảng viên, sinh viên	10.230	10.230		
4	Hội trường	3	Hội họp, học tập	Giảng viên, sinh viên	1.047	1.047		
5	Phòng học	174	Giảng dạy, học tập	Giảng viên, sinh viên	13.845	13.845		
6	Thư viện	2	Giảng viên, sinh viên nghiên cứu tài liệu giảng dạy, học tập	Giảng viên, sinh viên	832	832		
7	Các phòng chức năng khác	149	Cán bộ, Giảng viên, Sinh viên làm việc, học tập	Cán bộ, Giảng viên, Sinh viên	7.073	7.073		

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QTTB

(Đã ký)

Nguyễn Duy Tạo

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu mẫu 19C

Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu năm học 2023-2024

STT	Tên	Số lượng	
		Tại cơ sở chính	**Tại Phân hiệu**
1	Số phòng đọc	02	01
2	Số chỗ ngồi đọc	200	50
3	Số máy tính của thư viện	80	29
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	Đầu sách: ~ 6.500 Đầu tạp chí: ~ 30	Đầu sách: 1.089 Đầu tạp chí: 0
		Ebook (dùng chung tại 2 cơ sở): ~ 9.200	
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	04	

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hoàng Anh Huy

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu mẫu 19D

Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên năm học 2023-2024

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	4,22 m^2/1sv
2	Diện tích sàn/sinh viên	2,26 m^2/1sv

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024
TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QTTB

(Đã ký)

Nguyễn Duy Tạo

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu mẫu 20

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học năm học 2024-2025

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu (31/12/2023)

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
	Tổng số	579	1	13	133	425	21(*)	0	0	440	123	16
I	**Khối ngành III**	209	0	3	39	159	11(*)	0	0	167	38	4
1	Ngành Bất động sản	75	0	1	19	56	0	0	0	60	14	1
2	Ngành Kế toán	35	0	1	3	31	1(*)	0	0	31	3	1
3	Ngành Luật	21	0	0	10	9	2(*)	0	0	13	7	1
4	Marketing	43	0	0	3	36	4(*)	0	0	32	11	0
5	Ngành Quản trị kinh doanh	35	0	1	4	27	4(*)	0	0	31	3	1
II	**Khối ngành IV**	20	0	0	7	13	0	0	0	13	7	0
1	Ngành Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	5	0	0	2	3	0	0	0	4	1	0
2	Ngành Khí tượng và khí hậu học	5	0	0	2	3	0	0	0	3	2	0
3	Ngành Sinh học ứng dụng	5	0	0	2	3	0	0	0	2	3	0
4	Ngành Thủy văn học	5	0	0	1	4	0	0	0	4	1	0
III	**Khối ngành V**	164	0	1	39	123	2(*)	0	0	111	51	2
1	Ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường	32	0	0	7	25	0	0	0	23	9	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
2	Ngành Công nghệ thông tin	86	0	1	23	61	2(*)	0	0	58	26	2
3	Ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	13	0	0	3	10	0	0	0	4	9	0
4	Ngành Kỹ thuật địa chất	6	0	0	2	4	0	0	0	4	2	0
5	Ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	5	0	0	3	2	0	0	0	2	3	0
6	Ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	22	0	0	1	21	0	0	0	20	2	0
IV	**Khối ngành VII**	186	1	9	48	130	8(*)	0	0	149	27	10
1	Ngành Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên	7	0	0	3	4	0	0	0	4	3	0
2	Ngành Ngôn ngữ Anh	14	0	0	2	11	1(*)	0	0	10	4	0
3	Ngành Quản lý biển	9	0	0	2	7	0	0	0	8	1	0
4	Ngành Quản lý đất đai	32	0	2	13	19	0	0	0	29	1	2
5	Ngành Quản lý tài nguyên nước	6	0	1	2	3	1(*)	0	0	4	1	1
6	Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường	35	1	6	20	15	0	0	0	18	10	7
7	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	46	0	0	4	37	5(*)	0	0	41	5	0
8	Ngành Quản trị khách sạn	37	0	0	2	34	1(*)	0	0	35	2	0

Ghi chú: (*): Giảng viên quốc phòng và trợ giảng.

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
I	**Khối ngành III**					
1	Phạm Thị Mai Thảo	20/05/1981	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Bất động sản
2	Phạm Anh Tuấn	11/01/1974	Nam		Tiến sĩ	Bất động sản
3	Nguyễn Thị Hải Yến	29/03/1977	Nữ		Tiến sĩ	Bất động sản
4	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	05/11/1977	Nữ		Tiến sĩ	Bất động sản
5	Bùi Thị Cẩm Ngọc	14/08/1983	Nữ		Tiến sĩ	Bất động sản
6	Vũ Lệ Hà	20/08/1978	Nữ		Tiến sĩ	Bất động sản
7	Nguyễn Thị Khuy	27/01/1976	Nữ		Tiến sĩ	Bất động sản
8	Dương Đăng Khôi	10/06/1973	Nam		Tiến sĩ	Bất động sản
9	Bùi Thu Phương	01/09/1983	Nữ		Tiến sĩ	Bất động sản
10	Trần Xuân Biên	20/06/1982	Nam		Tiến sĩ	Bất động sản
11	Lê Thị Kim Dung	01/01/1982	Nữ		Tiến sĩ	Bất động sản
12	Nguyễn Thị Huệ	18/02/1987	Nữ		Tiến sĩ	Bất động sản
13	Nguyễn Ngọc Hồng	03/03/1983	Nam		Tiến sĩ	Bất động sản
14	Trần Mạnh Hùng	02/09/1982	Nam		Tiến sĩ	Bất động sản
15	Đào Văn Khánh	01/09/1980	Nam		Tiến sĩ	Bất động sản
16	Hoàng Phương Anh	03/05/1991	Nữ		Tiến sĩ	Bất động sản
17	Bùi Thị Thúy Đào	13/03/1983	Nữ		Tiến sĩ	Bất động sản
18	Lê Anh Cường	12/11/1982	Nam		Tiến sĩ	Bất động sản
19	Đặng Thanh Tùng	19/09/1974	Nam		Tiến sĩ	Bất động sản
20	Lê Thị Lan Hương	05/09/1976	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
21	Bùi Thị Then	19/03/1978	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
22	Hoàng Thị Phương Thảo	07/09/1983	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
23	Nguyễn Thị Hằng	04/06/1979	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
24	Trần Thị Thanh Huyền	28/11/1979	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
25	Vũ Thị Thúy Hảo	19/02/1983	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
26	Vũ Hải Hà	20/09/1991	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
27	Võ Ngọc Hải	15/11/1986	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
28	Trương Đình Lộc	18/09/1998	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
29	Võ Diệu Linh	21/11/1988	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
30	Trần Thị Thu Hoài	03/05/1990	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
31	Nguyễn Thị Thu Hương	12/05/1987	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
32	Phạm Thị Mai	11/11/1985	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
33	Tăng Thị Thanh Nhàn	02/11/1983	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
34	Tạ Minh Ngọc	14/01/1996	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
35	Thái Thị Lan Anh	24/01/1989	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
36	Nguyễn Thị Phương Thanh	21/03/1986	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
37	Lê Trí Nhượng	03/07/1964	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
38	Lưu Thùy Dương	15/03/1985	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
39	Trần Ánh Dương	19/06/1990	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
40	Phạm Minh Ngọc	02/11/1995	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
41	Nguyễn Phan Thanh	14/08/1991	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
42	Nguyễn Thành Tôn	02/07/1990	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
43	Trần Thị Oanh	10/09/1985	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
44	Phạm Thị Quỳnh Anh	04/05/1992	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
45	Quách Thị Chúc	09/11/1979	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
46	Nguyễn Việt Anh	12/06/1997	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
47	Trần Thị Hòa	22/03/1989	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
48	Trần Minh Tiến	18/09/1985	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
49	Đào Đình Đức	15/06/1993	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
50	Đặng Thu Hằng	10/10/1991	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
51	Đỗ Như Hiệp	09/06/1981	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
52	Đỗ Hải Hà	01/09/1986	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
53	Bùi Thị Phương Thùy	05/11/1984	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
54	Đinh Thị Thanh Huyền	16/06/1989	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
55	Đào Mạnh Hồng	22/09/1979	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
56	Lê Minh Quân	17/08/1997	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
57	Đinh Hữu Thịnh	20/08/1974	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
58	Nguyễn Lê Diệu Linh	12/10/1993	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
59	Mai Văn Thông	17/11/1986	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
60	Lê Tiến Duy	10/11/1979	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
61	Hoàng Văn Tuấn	15/07/1982	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
62	Bùi Thị Thanh Nga	21/10/1980	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
63	Lê Anh Tài	15/02/1968	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
64	Phạm Thế Anh	20/06/1979	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
65	Đào Hồng Yến	05/01/1993	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
66	Tăng Anh Dưỡng	28/10/1981	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
67	Phạm Chí Linh	12/01/1987	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
68	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	10/11/1982	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
69	Nguyễn Văn Khỏe	01/10/1979	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
70	Hoàng Đình Việt	20/11/1977	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
71	Đào Duy Khánh	15/10/1996	Nam		Thạc sĩ	Bất động sản
72	Trương Thị Thảo	26/07/1981	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
73	Vũ Thị Thu Hiền	11/04/1981	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
74	Nguyễn Thị Hằng	10/07/1989	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
75	Lê Thị Lan	09/12/1986	Nữ		Thạc sĩ	Bất động sản
76	Nguyễn Hoản	24/10/1978	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kế toán
77	Ngô Thị Kiều Trang	24/02/1986	Nữ		Tiến sĩ	Kế toán
78	Đỗ Thị Dinh	10/09/1980	Nữ		Tiến sĩ	Kế toán
79	Trần Huyền Thu	13/01/1984	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
80	Phạm Thị Hương	28/05/1990	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
81	Lê Thị Như Hằng	13/06/1983	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
82	Lê Thị Thu Huyền	07/01/1980	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
83	Ngọ Tuyết Trinh	04/10/1993	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
84	Phạm Thị Hợp	08/09/1986	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
85	Nguyễn Vũ Phi Công	15/05/1993	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
86	Lương Minh Hằng	30/07/1995	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
87	Nguyễn Thị Minh Trang	02/08/1991	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
88	Nguyễn Thị Bắc	16/08/1988	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
89	Nguyễn Thị Cảnh Hoa	01/05/1981	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
90	Nguyễn Thị Diệu Linh	04/01/1989	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
91	Phạm Thùy Vân	18/12/1991	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
92	Nguyễn Hoàng Sơn	30/12/1989	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
93	Trần Đình Trình	10/04/1988	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
94	Đoàn Thị Thanh Hải	12/04/1978	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
95	Đặng Phương Anh	03/07/1995	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
96	Hoàng Thị Quyên	13/08/1998	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
97	Lê Khánh Thiện	07/04/1995	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
98	Hoàng Xuân Hiếu	24/07/1975	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
99	Lê Quốc Chính	19/08/1983	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
100	Bùi Phương Nhung	14/02/1991	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
101	Hà Huyền Trang	07/03/1994	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
102	Hoàng Thị Mai	27/06/1988	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
103	Lê Thị Hạnh	15/06/1985	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
104	Nguyễn Thị Thu Trang	06/01/1988	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
105	Nguyễn Thị Hoa	02/01/1980	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
106	Lê Thị Hạnh	10/10/1986	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
107	Trần Thị Thanh Huyền	02/07/1989	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
108	Nguyễn Thị Hoa	21/08/1989	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
109	Hồ Thị Thúy Lê	02/10/1990	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
110	Trương Thị Hoa Phượng	25/11/1981	Nữ		Đại học	Kế toán
111	Nguyễn Thị Luyến	06/12/1970	Nữ		Tiến sĩ	Luật
112	Trần Lệ Thu	26/11/1980	Nữ		Tiến sĩ	Luật
113	Lê Thị Thùy Dung	13/04/1979	Nữ		Tiến sĩ	Luật

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
114	Vũ Thị Mạc Dung	30/12/1975	Nữ		Tiến sĩ	Luật
115	Vũ Thị Hòa	10/09/1988	Nữ		Tiến sĩ	Luật
116	Phùng Thị Bích Hằng	10/12/1975	Nữ		Tiến sĩ	Luật
117	Hoàng Thị Ngọc Minh	10/10/1984	Nữ		Tiến sĩ	Luật
118	Nguyễn Thị Liên	07/09/1979	Nữ		Tiến sĩ	Luật
119	Vũ Thị Thùy Dung	10/09/1988	Nữ		Tiến sĩ	Luật
120	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan	16/08/1991	Nữ		Tiến sĩ	Luật
121	Nguyễn Thanh Hiền	22/07/1983	Nữ		Thạc sĩ	Luật
122	Tống Thị Huyền Trang	10/10/1993	Nữ		Thạc sĩ	Luật
123	Nguyễn Thị Phương Hồng	04/11/1978	Nữ		Thạc sĩ	Luật
124	Phạm Ngọc Thúy	05/04/1993	Nữ		Thạc sĩ	Luật
125	Nguyễn Quý Phương Anh	24/07/1996	Nữ		Thạc sĩ	Luật
126	Nguyễn Thùy Dung	25/07/1988	Nữ		Thạc sĩ	Luật
127	Phạm Thị Thanh Thủy	08/01/1982	Nữ		Thạc sĩ	Luật
128	Vũ Quỳnh Phương	04/12/1999	Nữ		Thạc sĩ	Luật
129	Hoàng Thị Khánh Hoàn	08/06/1995	Nữ		Thạc sĩ	Luật
130	Đỗ Thị Châu Anh	17/10/1999	Nữ		Đại học	Luật
131	Lâm Văn Thái Lộc	26/09/2001	Nam		Đại học	Luật
132	Hoàng Đình Hương	02/08/1979	Nam		Tiến sĩ	Marketing
133	Phạm Huy Hùng	26/02/1981	Nam		Tiến sĩ	Marketing
134	Vũ Thị Thanh Thủy	27/03/1975	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
135	Phạm Quang Phương	21/12/1972	Nam		Thạc sĩ	Marketing
136	Lê Thanh Thủy	22/11/1981	Nữ		Thạc sĩ	Marketing

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
137	Mai Ngọc Uyên	04/02/1978	Nam		Thạc sĩ	Marketing
138	Nguyễn Đình Tuấn Lê	08/02/1985	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
139	Lê Thị Bích Lan	30/12/1977	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
140	Giáp Thanh Thủy	25/11/1968	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
141	Đỗ Thị Ngân	10/11/1982	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
142	Ngô Thị Hà	03/08/1981	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
143	Hoàng Thị Hương	08/05/1990	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
144	Nguyễn Minh Tuấn	24/10/1985	Nam		Tiến sĩ	Marketing
145	Vũ Thị Kim Oanh	01/01/1989	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
146	Vũ Văn Dũng	18/10/1980	Nam		Thạc sĩ	Marketing
147	Lê Thị Vân	18/12/1987	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
148	Nguyễn Việt Bảo Duy	01/09/1992	Nam		Thạc sĩ	Marketing
149	Nguyễn Đức Mạnh	29/06/1977	Nam		Thạc sĩ	Marketing
150	Nguyễn Thị Nguyệt	16/07/1987	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
151	Nguyễn Thị Vui	03/03/1997	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
152	Lê Xuân Tú	07/01/1987	Nam		Thạc sĩ	Marketing
153	Nguyễn Sỹ Tĩnh	09/03/1980	Nam		Thạc sĩ	Marketing
154	Nguyễn Thị Na	22/02/1982	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
155	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	10/12/1996	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
156	Ngô Thị Duyên	02/01/1984	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
157	Nguyễn Thị Quý	20/09/1987	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
158	Nguyễn Minh Tùng	21/09/1995	Nam		Thạc sĩ	Marketing
159	Ngô Thế Anh	29/04/1978	Nam		Thạc sĩ	Marketing

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
160	Nguyễn Cảnh Thảo	09/01/1991	Nam		Thạc sĩ	Marketing
161	Phạm Kiên Cường	07/12/1983	Nam		Thạc sĩ	Marketing
162	Nguyễn Hồng Thắm	28/04/1975	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
163	Ngô Quang Duy	06/01/1986	Nam		Thạc sĩ	Marketing
164	Nguyễn Thị Phương Thu	27/07/1987	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
165	Đinh Hữu Hùng	04/12/1992	Nam		Thạc sĩ	Marketing
166	Đỗ Minh Anh	28/09/1988	Nam		Thạc sĩ	Marketing
167	Hoàng Thu Nga	01/09/1994	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
168	Đồng Sỹ Nguyên	08/09/1991	Nam		Thạc sĩ	Marketing
169	Bùi Thị Thu Hường	16/10/1986	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
170	Hoàng Trường Giang	20/08/1964	Nam		Đại học	Marketing
171	Trần Vũ Anh	12/04/1998	Nam		Thạc sĩ	Marketing
172	Đỗ Huyền Mai	08/09/2000	Nữ		Đại học	Marketing
173	Nguyễn Thị Thanh An	28/03/2000	Nữ		Đại học	Marketing
174	Nguyễn Lê Việt Phong	06/11/2001	Nam		Đại học	Marketing
175	Phan Thị Minh Lý	15/12/1967	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
176	Bùi Thị Thu	04/02/1987	Nữ		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
177	Phạm Thị Hồng Quế	13/02/1977	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
178	Nguyễn Vân Dung	10/04/1987	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
179	Mai Tiến Tú	03/05/1989	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
180	Giang Thị Thu Huyền	24/06/1981	Nữ		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
181	Lưu Thị Bích Phượng	25/06/1980	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
182	Trần Thị Thanh Minh	30/12/1986	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
183	Nguyễn Như Hải	15/10/1973	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
184	Tống Thị Thu Hòa	24/09/1990	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
185	Nguyễn Sỹ Nghị	25/06/1983	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
186	Nguyễn Trung Kiên	23/08/1993	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
187	Nguyễn Việt Hà	19/12/1983	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
188	Nguyễn Thế Hoàn	02/08/1980	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
189	Nguyễn Đức Dân	08/04/1990	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
190	Nguyễn Duy Tạo	06/03/1969	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
191	Lê Vinh	09/04/1980	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
192	Ngọ Minh Trang	27/08/1991	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
193	Mai Thị Tâm	19/07/1985	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
194	Lê Đức Thiện	26/07/1988	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
195	Đào Thị Hiền	10/05/1980	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
196	Đinh Thị Huệ	06/10/1981	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
197	Đinh Việt Hưng	01/09/1991	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
198	Lê Ngọc Dũng	01/01/1992	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
199	Đỗ Diệu Linh	09/10/1991	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
200	Bùi Thị Thúy Hằng	13/04/1996	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
201	Lê Thị Lan	10/10/1986	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
202	Nguyễn Thị Liên	01/10/1977	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
203	Đặng Thanh Tùng	11/04/1991	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
204	Nguyễn Đình Tú	25/09/1998	Nam		Đại học	Quản trị kinh doanh
205	Trịnh Ngọc Thành	06/09/1997	Nam		Đại học	Quản trị kinh doanh

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
206	Nguyễn Quang Hào	20/10/1999	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
207	Hoàng Thị Thắm	14/07/1995	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
208	Lâm Thị Thu Phương	31/03/1998	Nữ		Đại học	Quản trị kinh doanh
209	Trương Phương Huyền	24/02/1999	Nữ		Đại học	Quản trị kinh doanh
II	**Khối Ngành IV**					
1	Thái Thị Thanh Minh	17/12/1980	Nữ		Tiến sĩ	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững
2	Trần Thị Mai Phương	03/08/1980	Nữ		Tiến sĩ	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững
3	Nguyễn Như Yến	01/05/1990	Nữ		Thạc sĩ	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững
4	Đinh Thị Hà Giang	15/09/1986	Nữ		Thạc sĩ	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững
5	Đinh Thị Hương	01/03/1986	Nữ		Thạc sĩ	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững
6	Nguyễn Bình Phong	29/06/1979	Nam		Tiến sĩ	Khí tượng và khí hậu học
7	Trần Văn Tình	07/03/1983	Nam		Tiến sĩ	Khí tượng và khí hậu học
8	Phạm Minh Tiến	20/07/1978	Nam		Thạc sĩ	Khí tượng và khí hậu học
9	Phạm Văn Tuấn	20/08/1977	Nam		Thạc sĩ	Khí tượng và khí hậu học
10	Trần Chấn Nam	23/04/1989	Nam		Thạc sĩ	Khí tượng và khí hậu học
11	Lê Thanh Huyền	10/07/1979	Nữ		Tiến sĩ	Sinh học ứng dụng
12	Nguyễn Thị Phương Mai	08/11/1977	Nữ		Tiến sĩ	Sinh học ứng dụng
13	Nguyễn Khắc Thành	23/05/1972	Nam		Thạc sĩ	Sinh học ứng dụng
14	Trương Mạnh Đạt	22/12/1980	Nam		Thạc sĩ	Sinh học ứng dụng
15	Nguyễn Hà Linh	11/11/1989	Nữ		Thạc sĩ	Sinh học ứng dụng
16	Lê Thị Thường	10/09/1987	Nữ		Tiến sĩ	Thuỷ văn học
17	Trần Quốc Việt	03/11/1972	Nam		Thạc sĩ	Thuỷ văn học
18	Đỗ Thị Bính	22/07/1976	Nữ		Thạc sĩ	Thuỷ văn học

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
19	Nguyễn Đình Hoàng	26/05/1994	Nam		Thạc sĩ	Thuỷ văn học
20	Trần Thị Tú	22/07/1998	Nữ		Thạc sĩ	Thuỷ văn học
III	**Khối Ngành V**					
1	Vũ Thị Mai	26/08/1981	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
2	Lê Thu Thủy	08/03/1979	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
3	Tạ Thị Yến	07/02/1988	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
4	Vũ Thị Thu Hà	28/10/1979	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
5	Lê Ngọc Anh	28/08/1968	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
6	Phạm Phương Thảo	20/12/1986	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
7	Mai Quang Tuấn	15/08/1980	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
8	Dương Thị Hoài Thu	05/09/1983	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
9	Lê Đắc Trường	01/08/1980	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
10	Bùi Thị Nương	09/05/1983	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
11	Nguyễn Hồng Đăng	10/09/1984	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
12	Nguyễn Thị Bình Minh	25/03/1986	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
13	Nguyễn Khánh Linh	16/07/1989	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
14	Nguyễn Thị Vĩnh Hằng	02/01/1986	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
15	Lê Thanh Tùng	13/01/1986	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
16	Lại Thế Dũng	17/12/1982	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
17	Tăng Thị Lệ Thu	07/11/1983	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
18	Nguyễn Thị Mai Ngân	07/04/1984	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
19	Phan Thị Thơ	23/04/1994	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
20	Lương Thanh Tâm	08/02/1984	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
21	Nguyễn Xuân Lan	01/02/1981	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
22	Nguyễn Khắc Lĩnh	26/06/1986	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
23	Mai Văn Dương	19/06/1983	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
24	Phạm Thị Mai Dung	01/07/1982	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
25	Lê Văn Sơn	20/10/1987	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
26	Nguyễn Văn Trường	06/09/1997	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
27	Kiều Thị Hòa	10/09/1992	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
28	Đoàn Thị Liên	16/08/1993	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
29	Đỗ Thị Hiền	17/12/1990	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
30	Hồ Thanh Sang	20/10/1997	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
31	Bùi Thị Phương	23/12/1994	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
32	Nguyễn Thị Thu Trang	19/10/1993	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật môi trường
33	Nguyễn Tiến Thành	07/12/1984	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
34	Nguyễn Bá Dũng	05/03/1966	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
35	Trịnh Thị Hoài Thu	07/01/1981	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
36	Trương Vân Anh	15/04/1981	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
37	Vũ Danh Tuyên	05/09/1980	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
38	Nguyễn Ngọc Khải	27/10/1980	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
39	Phùng Thị Hồng Vân	05/08/1982	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
40	Nguyễn Thị Lệ Hằng	08/04/1984	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
41	Lương Thanh Thạch	10/09/1984	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
42	Phạm Đình Tâm	19/05/1978	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
43	Nguyễn Xuân Bắc	02/12/1984	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
44	Phùng Thị Kim Yến	09/02/1973	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
45	Đặng Trần Chiến	17/10/1970	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
46	Trần Cảnh Dương	15/01/1959	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
47	Trương Thị Hường	29/11/1987	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
48	Vũ Văn Huân	19/02/1983	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
49	Nguyễn Tài Hoa	05/04/1980	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
50	Nguyễn Anh	02/09/1966	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
51	Nguyễn Thị Hồng Loan	08/05/1977	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
52	Nguyễn Thị Duyên	12/02/1982	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
53	Nguyễn Sỹ Hải	20/11/1965	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
54	Nguyễn Ngọc Linh	15/03/1982	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
55	Mai Ngọc Diệu	06/03/1979	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
56	Nguyễn Thị Hồng Hương	26/08/1974	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
57	Lê Thị Hương	22/04/1978	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
58	Đàm Thanh Tuấn	29/08/1985	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
59	Lê Lan Anh	16/04/1974	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
60	Đỗ Thị Nụ	20/11/1984	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
61	Trương Xuân Quang	17/11/1978	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
62	Trịnh Xuân Mạnh	09/12/1987	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
63	Lê Xuân Hùng	19/12/1968	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
64	Nguyễn Hải Đăng	22/12/1980	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
65	Nguyễn Văn Nam	28/07/1980	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
66	Nguyễn Hữu Việt	02/05/1983	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
67	Lê Phú Hưng	14/04/1975	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
68	Bùi Tiến Trịnh	08/08/1980	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
69	Phạm Thị Thanh Thủy	12/12/1981	Nữ		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
70	Trần Thị Thu Trang	10/07/1982	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
71	Vương Thị Hòe	31/03/1979	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
72	Vũ Ngọc Phan	31/10/1986	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
73	Trịnh Xuân Quang	20/01/1972	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
74	Phạm Thị Trang	06/12/1976	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
75	Phạm Thị Thu Hương	08/05/1987	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
76	Ngô Thị Mến Thương	15/04/1988	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
77	Nguyễn Thành Long	12/04/1985	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
78	Nguyễn Thị Trang	08/10/1989	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
79	Nguyễn Thị Hiền	03/10/1985	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
80	Phí Thị Hải Yến	23/03/1987	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
81	Ninh Thị Kim Anh	06/07/1980	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
82	Nguyễn Đăng Thiên	05/06/1976	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
83	Lê Thị Hoa Huệ	20/10/1981	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
84	Tạ Thị Thủy	22/11/1987	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
85	Mai Viết Hưng	26/12/1980	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
86	Phạm Thị Kim Dung	18/07/1976	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
87	Nguyễn Thị Huyền	15/07/1986	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
88	Lê Thị Liên	23/03/1982	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
89	Trần Đức Nam	06/10/1977	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
90	Nguyễn Thị Phượng	16/07/1979	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
91	Nguyễn Văn Quang	17/02/1983	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
92	Trịnh Thị Lý	14/09/1979	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
93	Trần Thị Hương	13/06/1976	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
94	Nguyễn Dũng Dương	09/03/1984	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
95	Phan Huy Anh	21/05/1988	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
96	Trần Thị Ngoan	30/10/1981	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
97	Nguyễn Văn Minh	24/10/1986	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
98	Lê Thị Thu Hà	15/05/1981	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
99	Lê Thị Minh Nga	19/04/1980	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
100	Nguyễn Văn Hách	26/06/1978	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
101	Mai Tiến Dũng	28/11/1982	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
102	Trần Minh Thắng	23/03/1977	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
103	Nguyễn Thị Huyền Thư	22/12/1989	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
104	Dương Thị Thúy	05/06/1992	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
105	Lã Thị Vân	08/10/1981	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
106	Cao Thị Thoa	06/09/1992	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
107	Đặng Thị Ngoan	06/07/1985	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
108	Cao Minh Thủy	26/06/1977	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
109	Đoàn Thị Hồng Nguyên	28/02/1986	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
110	Dương Thị Mai Chinh	22/08/1978	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
111	Đào Thị Phương Anh	12/01/1984	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
112	Đoàn Thị Thanh Huyền	19/02/1988	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
113	Nguyễn Đức An	10/12/1990	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
114	Lê Thị Vui	25/09/1986	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
115	Phạm Hồng Hải	15/10/1997	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
116	Phạm Thị Hồng Thu	26/02/1987	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
117	Nguyễn Thị Thùy Trang	28/02/1999	Nữ		Đại học	Công nghệ thông tin
118	Bùi Tá Hậu	14/11/1997	Nam		Đại học	Công nghệ thông tin
119	Trịnh Thị Thủy	22/03/1981	Nữ		Tiến sĩ	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
120	Mai Văn Tiến	10/08/1979	Nam		Tiến sĩ	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
121	Bùi Thị Thư	16/07/1984	Nữ		Tiến sĩ	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
122	Trần Thị Hường	05/01/1982	Nữ		Thạc sĩ	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
123	Nguyễn Thị Hoài Thương	07/11/1986	Nữ		Thạc sĩ	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
124	Nguyễn Thị Thảo	21/09/1982	Nữ		Thạc sĩ	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
125	Phạm Đức Tiến	17/09/1983	Nam		Thạc sĩ	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
126	Bùi Sỹ Bách	03/08/1982	Nam		Thạc sĩ	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
127	Bùi Thị Nha Trang	31/05/1983	Nữ		Thạc sĩ	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
128	Trịnh Kim Yến	12/04/1989	Nữ		Thạc sĩ	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
129	Trương Đức Cảnh	12/10/1989	Nam		Thạc sĩ	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
130	Nguyễn Phương Tú	26/09/1985	Nữ		Thạc sĩ	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
131	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	01/11/1986	Nữ		Thạc sĩ	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm
132	Lê Cảnh Tuân	01/09/1964	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật địa chất
133	Trần Thị Hồng Minh	30/01/1977	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật địa chất
134	Nguyễn Chí Công	29/11/1981	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật địa chất
135	Vũ Thị Hồng Cẩm	15/12/1985	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật địa chất

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
136	Nguyễn Khắc Hoàng Giang	01/04/1987	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật địa chất
137	Đỗ Mạnh Tuân	09/10/1990	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật địa chất
138	Bùi Thị Hồng Thắm	17/12/1977	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
139	Đỗ Văn Dương	28/07/1979	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
140	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	12/04/1982	Nữ		Tiến sĩ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
141	Nguyễn Xuân Thủy	24/06/1976	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
142	Nguyễn Duy Hiến	26/4/1989	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
143	Nguyễn Thị Thu Hà	14/11/1985	Nữ		Tiến sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
144	Phạm Thị Ngoan	05/10/1985	Nữ		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
145	Đặng Thị Khánh Linh	26/12/1983	Nữ		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
146	Vũ Quang Hải	12/07/1994	Nam		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
147	Trần Thị Thu Huyền	19/09/1986	Nữ		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
148	Nguyễn Thị Thanh	18/01/1987	Nữ		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
149	Nguyễn Thị Thủy	30/08/1984	Nữ		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
150	Nguyễn Vũ Minh Hương	29/10/1994	Nữ		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
151	Nguyễn Xuân Tùng	03/10/1992	Nam		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
152	Nguyễn Thị Kim Thu	15/09/1986	Nữ		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
153	Nguyễn Thị Hồng Sâm	25/09/1987	Nữ		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
154	Tiến Thị Mai	21/07/1989	Nữ		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
155	Ngô Thị Quý	30/10/1989	Nữ		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
156	Nguyễn Việt Nga	29/11/1982	Nữ		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
157	Lê Trung Kiên	19/09/1986	Nam		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
158	Nguyễn Văn Tiến	01/01/1977	Nam		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
159	Nguyễn Thanh Vân	21/02/1996	Nữ		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
160	Nguyễn Thị Thu Hường	08/10/1988	Nữ		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
161	Phạm Thị Huyền	08/10/1981	Nữ		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
162	Mai Thị Phương Lan	12/10/1986	Nữ		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
163	Nguyễn Thanh Tùng	03/09/1969	Nam		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
164	Nguyễn Thanh Tùng	05/02/1980	Nam		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
IV	**Khối Ngành VII**					
1	Hoàng Thị Huê	15/11/1984	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
2	Lê Anh Trung	30/05/1981	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
3	Nguyễn Thị Linh Giang	29/12/1985	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
4	Mai Hương Lam	10/11/1991	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
5	Nguyễn Thành Trung	15/10/1980	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
6	Bùi Thị Thanh Thủy	22/07/1983	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
7	Nguyễn Văn Quân	08/02/1982	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
8	Mai Thị Hiền	05/10/1979	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
9	Bùi Thị Oanh	10/08/1979	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
10	Vũ Thị Thủy Ngân	11/11/1977	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
11	Đặng Đức Chính	08/03/1970	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
12	Đỗ Mai Quyên	04/08/1975	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
13	Trần Xuân Hào	20/03/1980	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
14	Vương Thúy Vân	10/07/1979	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
15	Trần Thị Thùy Linh	05/12/1985	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
16	Trần Thị Ngọc Lam	30/03/1982	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
17	Triệu Thùy Hương	21/05/1979	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
18	Nguyễn Thị Huyên	09/02/1983	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
19	Lê Minh Hằng	12/12/1988	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
20	Nguyễn Phú Cường	13/04/1963	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
21	Nghiêm Thị Thủy	11/11/1992	Nữ		Đại học	Ngôn ngữ Anh
22	Nguyễn Hồng Lân	10/12/1968	Nam		Tiến sĩ	Quản lý biển
23	Đào Hoàng Tùng	05/10/1988	Nam		Tiến sĩ	Quản lý biển
24	Nguyễn Thu Hiền	09/08/1981	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý biển
25	Lê Thu Trang	28/07/1981	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý biển
26	Nguyễn Thị Bích Ngọc	12/11/1989	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý biển
27	Vũ Văn Lân	08/06/1988	Nam		Thạc sĩ	Quản lý biển
28	Lê Văn Thiện	03/02/1980	Nam		Thạc sĩ	Quản lý biển
29	Nguyễn Thị Lan	21/12/1990	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý biển
30	Phạm Thị Lương	16/05/1990	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý biển
31	Phí Trường Thành	07/09/1972	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý đất đai
32	Phạm Quý Nhân	20/12/1960	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý đất đai
33	Trần Thành Lê	22/10/1981	Nam		Tiến sĩ	Quản lý đất đai
34	Trần Thanh Sơn	20/11/1985	Nam		Tiến sĩ	Quản lý đất đai
35	Nguyễn Thị Mai Hương	28/10/1981	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý đất đai
36	Tạ Thị Thoảng	19/12/1982	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý đất đai
37	Phạm Bá Việt Anh	24/05/1990	Nam		Tiến sĩ	Quản lý đất đai
38	Phạm Văn Chung	10/02/1987	Nam		Tiến sĩ	Quản lý đất đai
39	Lê Việt Hùng	22/08/1979	Nam		Tiến sĩ	Quản lý đất đai

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
40	Lâm Thị Hằng	05/09/1986	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý đất đai
41	Đỗ Thu Hà	01/05/1986	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý đất đai
42	Đào Minh Huấn	19/08/1984	Nam		Tiến sĩ	Quản lý đất đai
43	Lê Thị Thúy Hằng	14/11/1976	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý đất đai
44	Trần Xuân Trường	20/09/1978	Nam		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
45	Trần Quốc Cường	15/01/1989	Nam		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
46	Phùng Thị Linh	28/08/1989	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
47	Nguyễn Thị Nga	15/11/1986	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
48	Nguyễn Thị Lý	06/10/1980	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
49	Đỗ Thị Thanh Huyền	03/10/1981	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
50	Nguyễn Trọng Trường Sơn	22/08/1976	Nam		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
51	Kiều Thị Thu Trang	17/11/1987	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
52	Bùi Nguyễn Thu Hà	16/05/1987	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
53	Lê Hữu Lương	16/02/1968	Nam		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
54	Đinh Công Hướng	08/10/1968	Nam		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
55	Lê Duy Hiếu	27/07/1986	Nam		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
56	Vũ Thị Thu Hiền	17/08/1982	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
57	Trịnh Thị Nhung	11/10/1985	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
58	Đỗ Ngọc Tú	15/09/1988	Nam		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
59	Vũ Hà Thanh	22/12/1985	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
60	Trần Hồng Vân	24/5/1985	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
61	Nguyễn Văn Thành	20/12/1985	Nam		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
62	Phạm Văn Doãn	01/01/1988	Nam		Thạc sĩ	Quản lý đất đai

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
63	Trần Duy Kiều	02/02/1960	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên nước
64	Hoàng Thị Nguyệt Minh	11/11/1979	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên nước
65	Nguyễn Thị Thanh Loan	14/12/1991	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên nước
66	Nguyễn Thị Thùy Linh	17/08/1990	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên nước
67	Nguyễn Tiến Quang	10/03/1988	Nam		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên nước
68	Vũ Đức Mạnh	06/12/1997	Nam		Đại học	Quản lý tài nguyên nước
69	Huỳnh Thị Lan Hương	10/03/1971	Nữ	Giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
70	Hoàng Anh Huy	19/05/1974	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
71	Lê Thị Trinh	12/01/1972	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
72	Trịnh Thị Thắm	22/04/1982	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
73	Nguyễn Thế Hưng	10/09/1959	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
74	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	29/09/1973	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
75	Hoàng Ngọc Khắc	06/02/1973	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
76	Bùi Đắc Thuyết	02/09/1975	Nam		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
77	Phạm Hồng Tính	17/07/1982	Nam		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
78	Bùi Thị Thu Trang	26/04/1985	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
79	Vũ Văn Doanh	09/03/1981	Nam		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
80	Nguyễn Thu Huyền	22/07/1975	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
81	Nguyễn Mai Lan	01/11/1981	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
82	Lưu Văn Huyền	16/12/1976	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
83	Chu Thị Thu Hường	31/10/1978	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
84	Lê Ngọc Thuấn	08/01/1981	Nam		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
85	Nguyễn Thị Lâm	10/03/1983	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
86	Phạm Thị Hồng Phương	11/08/1982	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
87	Nguyễn Thị Mỹ Vân	10/08/1969	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
88	Nguyễn Thị Thu Nhạn	11/04/1986	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
89	Đoàn Thị Oanh	15/08/1987	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
90	Nguyễn Ngọc Ánh	30/09/1990	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
91	Trịnh Thu Phương	19/10/1982	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
92	Vũ Lê Dũng	23/06/1986	Nam		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
93	Vũ Ngân Phương	25/04/1994	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
94	Trần Đình Linh	08/04/1987	Nam		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
95	Nguyễn Bích Ngọc	01/09/1988	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
96	Nguyễn Viết Hưng	23/07/1983	Nam		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
97	Bùi Đức Tấn	27/02/1981	Nam		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
98	Hoàng Thị Thu Hòa	01/02/1985	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
99	Đinh Ngọc Hiếu	07/11/1992	Nam		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
100	Trần Thu Hiền	08/08/1998	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
101	Hoàng Thị Hà	03/10/1984	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
102	Ngô Thị Ánh	06/11/1980	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
103	Trương Quốc Anh	02/06/1991	Nam		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
104	Trần Minh Nguyệt	02/10/1982	Nữ		Tiến sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
105	Đinh Thị Như Trang	15/02/1978	Nữ		Tiến sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
106	Vũ Thị Ánh Tuyết	16/11/1983	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
107	Hoàng Thị Tuyết Nhung	31/08/1977	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
108	Đặng Thị Hiền	17/10/1987	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
109	Quản Minh Phương	11/02/1987	Nữ		Tiến sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
110	Đỗ Thị Ngọc Thúy	02/07/1991	Nữ		Tiến sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
111	Vũ Thị Thùy	05/07/1983	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
112	Vũ Thị Nhung	16/10/1982	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
113	Vũ Thị Nhàn	08/11/1986	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
114	Phạm Thị Yến	20/08/1987	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
115	Nguyễn Quỳnh Châm	05/02/1977	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
116	Nguyễn Thị Nhàn	17/05/1992	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
117	Phạm Thế Mạnh	02/06/1981	Nam		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
118	Nguyễn Thủy Trang	27/12/1991	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
119	Nguyễn Văn Suyên	03/07/1981	Nam		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
120	Nguyễn Kiều Anh	03/04/1993	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
121	Phạm Thị Thúy	10/02/1995	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
122	Nguyễn Thị Hà Phương	28/06/1995	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
123	Nguyễn Thu Hằng	13/09/1992	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
124	Mai Thị Thúy	13/12/1983	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
125	Nguyễn Mai Phương	12/11/1992	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
126	Phạm Thị Phượng	19/03/1986	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
127	Trần Thị Thanh Hương	25/06/1969	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
128	Nguyễn Thị Thanh Mai	05/05/1986	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
129	Phạm Thị Nhâm	15/03/1982	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
130	Mai Thị Thủy	10/06/1983	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
131	Phạm Văn Thành	26/02/1990	Nam		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
132	Lê Hải Yến	08/03/1981	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
133	Đào Thị Thương	07/06/1987	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
134	Đào Thị Thùy Linh	07/11/1990	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
135	Cao Thị Bích Ngọc	16/11/1989	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
136	Đinh Mai Thanh	07/05/1981	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
137	Chu Lâm Sơn	08/09/1986	Nam		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
138	Đỗ Thị Phương	06/07/1990	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
139	Bùi Phương Thúy	26/11/1982	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
140	Bùi Bá Hiếu	23/06/1992	Nam		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
141	Đặng Hữu Mạnh	21/03/1979	Nam		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
142	Nguyễn Thị Nhung	02/09/1981	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
143	Nguyễn Thị Nhung	27/02/1984	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
144	Trịnh Hồng Phong	15/08/1974	Nam		Đại học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
145	Phạm Thị Liên	15/06/1978	Nữ		Đại học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
146	Bùi Thu Hà	02/01/1994	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
147	Lê Thị Phúc Yên	04/09/1973	Nữ		Đại học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
148	Võ Trí Quang	30/05/1998	Nam		Đại học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
149	Phạm Quang Thiên	16/03/1998	Nam		Đại học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
150	Hà Thị Thanh Thủy	18/01/1979	Nữ		Tiến sĩ	Quản trị khách sạn
151	Trần Văn Hải	20/07/1986	Nam		Tiến sĩ	Quản trị khách sạn
152	Trần Thị Duyên	14/04/1979	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
153	Vũ Thị Thảo	07/06/1990	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
154	Trịnh Thị Việt Hương	22/04/1982	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
155	Trần Trung Dũng	26/05/1992	Nam		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
156	Vũ Mỹ Linh	15/09/1993	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
157	Vũ Thị Hường	14/04/1989	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
158	Trần Thị Thu Hà	09/10/1985	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
159	Nguyễn Thị Đoan Hiền	20/06/1980	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
160	Nguyễn Văn Hưởng	14/09/1973	Nam		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
161	Nguyễn Thị Cảnh Lan	06/08/1985	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
162	Lê Văn Viễn	05/03/1985	Nam		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
163	Nguyễn Quốc Đạt	25/03/1993	Nam		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
164	Nguyễn Thùy Linh	01/12/1990	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
165	Trần Thị Huyền Trang	17/07/1987	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
166	Mai Thị Ngân	20/06/1982	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
167	Nguyễn Thị Thu	22/10/1993	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
168	Nguyễn Kiều Hoa	24/11/1989	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
169	Phạm Văn Hoàng	13/03/1985	Nam		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
170	Lê Thanh Hải	23/11/1988	Nam		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
171	Mai Thị Thanh	04/08/1986	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
172	Nguyễn Thị Tuyết	20/10/1983	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
173	Nguyễn Thị Xuân	15/08/1988	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
174	Nguyễn Thị Chiên	01/11/1973	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
175	Nguyễn Khánh Ly	14/02/1990	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
176	Nguyễn Thị Khánh Ly	22/07/1992	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
177	Trần Đức Anh	07/01/1996	Nam		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	CHỨC DANH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY
178	Trần Ngọc Minh	20/12/1992	Nam		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
179	Ông Thị Nhung	13/06/1983	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
180	Nguyễn Thị Thu Hằng	23/11/1974	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
181	Đoàn Vân Kiều	02/11/1980	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
182	Lê Đình Nam	10/08/1988	Nam		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
183	Đào Lan Anh	31/08/1989	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
184	Đinh Thị Hoài Ly	18/03/1990	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
185	Lê Thị Thúy Hằng	03/07/1991	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
186	Nguyễn Thống Nhất	26/03/2001	Nam		Đại học	Quản trị khách sạn

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành III	24.99
2	Khối ngành IV	13.38
3	Khối ngành V	19.83
4	Khối ngành VII	24.79

Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG TC-HC

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hưởng

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Biểu mẫu 21

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NĂM HỌC 2024-2025

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm	Dự kiến học phí/1SV của cả khóa học
I	**Học phí chính quy chương trình đại trà**			
1	Thạc sỹ	Triệu đồng	**23.293**	**34.940**
1.1	Khối ngành IV		22.800	34.200
1.2	Khối ngành V		24.600	36.900
1.3	Khối ngành VII		22.480	33.720
2	Đại học	Triệu đồng	**15.170**	**60.681**
2.1	Khối ngành III		14.098	56.392
2.2	Khối ngành IV		15.195	60.780
2.3	Khối ngành V		16.362	65.448
2.4	Khối ngành VII		14.996	59.984
II	**Học phí chính quy chương trình khác**			
III	**Học phí hình thức VHVL**			
3.1	*Liên thông từ Trung cấp lên ĐHVHVL*	Triệu đồng	**24.113**	**72.340**
3.1.1	Khối ngành I		23.173	69.520
3.1.2	Khối ngành IV		24.293	72.880
3.1.3	Khối ngành V		25.173	75.520
3.1.4	Khối ngành VII		23.813	71.440
3.2	Liên thông từ Cao đẳng lên ĐHVHVL	Triệu đồng	**18.895**	**47.238**
3.2.1	Khối ngành III		16.920	42.300
3.2.2	Khối ngành IV		18.140	45.350
3.2.3	Khối ngành V		20.480	51.200
3.2.4	Khối ngành VII		20.040	50.100
3.3	ĐHVHVL	Triệu đồng	**22.763**	**113.815**
3.3.1	Khối ngành III		21.147	105.735
3.3.2	Khối ngành IV		22.796	113.981
3.3.3	Khối ngành V		24.605	123.025
3.3.4	Khối ngành VII		22.504	112.518
	Tổng thu năm 2024 (Dự kiến)			
1	Từ ngân sách nhà nước cấp	Tỷ đồng	18.229	
1.1	Sự nghiệp giáo dục đào tạo	Tỷ đồng	6.012	
1.2	Sự nghiệp KHCN (đề tài cấp Bộ, cấp Cơ sở)	Tỷ đồng	9.574	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm	Dự kiến học phí/1SV của cả khóa học
1.3	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	Tỷ đồng	2.643	
2	Từ học phí, lệ phí tuyển sinh, thu sự nghiệp khác	Tỷ đồng	163.5	
3	Từ hoạt động dịch vụ KHCN (đề tài cấp NN, Tỉnh, Quỹ)	Tỷ đồng	3.491	
4	Từ nguồn thu hợp pháp khác (thu từ hoạt động dịch vụ khác)	Tỷ đồng	751.9	

Hà Nội, Ngày 20 tháng 5 năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG KHTC
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

Trần Huyền Thu